

GS. TRẦN QUANG PHÚ
(Tuyển chọn và biên soạn)

Đường
BÁC HỒ
ĐI CỨU NƯỚC



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Đường
BÁCH HỒ
ĐI CỨU NƯỚC

**Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia
Việt Nam**

Trình Quang Phú

Đường Bác Hồ đi cứu nước / Trình Quang Phú tuyển
chọn, b.s. - H. : Chính trị Quốc gia, 2015. - 676tr. ; 21cm

1. Hồ Chí Minh, Lãnh tụ Cách mạng, chính trị gia,
1890-1969, Việt Nam 2. Lịch sử 3. Hoạt động cách mạng
959.704092 - dc23

CTH0317p-CIP

GS. TRẦN QUANG PHÚ
(Tuyển chọn và biên soạn)

Đường
BÁC HỒ
ĐI CỨU NƯỚC

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA – SỰ THẬT
Hà Nội – 2015

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và phong trào cách mạng thế giới. Cả cuộc đời và sự nghiệp của Người là tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng, vì độc lập và tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Sinh ra và lớn lên ở vùng đất giàu truyền thống cách mạng, sớm được tiếp thu những tư tưởng yêu nước tiến bộ, Người đã bốn ba khắp năm châu tìm con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. Người đã sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết cách mạng vô sản vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước ta, sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, lãnh đạo cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Tư tưởng, tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của toàn Đảng, toàn dân ta, là tấm gương sáng để nhân dân ta phấn đấu học tập và noi theo. Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 7-11-2006 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14-5-2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, trong những năm qua, việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác đã trở thành một phong trào sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, đạt hiệu quả tích cực và đóng góp thiết thực đối với công tác xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.



Cuốn sách *Đường Bác Hồ đi cứu nước* được GS.TS. Trình Quang Phú tuyển chọn và biên soạn từ nhiều tác phẩm và bài báo viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh được kết cấu thành hai phần:

Phần I: *Đường Bác Hồ đi cứu nước* khái quát những sự kiện về gia đình, tuổi thơ của Bác, con đường Bác bốn ba khắp năm châu để đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc khỏi ách nô lệ, sáng lập Đảng ta và lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi trong cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Phần II: *Theo Bác đi kháng chiến* trình bày những sự kiện chính trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhất là trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" vô cùng khó khăn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ vừa mới được thành lập trước vòng vây của các nước đế quốc, thực dân và sự chống phá của các thế lực thù địch.

Nội dung cuốn sách gồm nhiều câu chuyện có khi được tác giả kể lại, có khi được kể lại bởi chính người trong cuộc với những tình cảm rất chân thành, sâu sắc, những kỷ niệm không thể nào quên, nhờ đó Bác Hồ của chúng ta thật gần gũi, giản dị và thân thiết như vị Cha già của dân tộc nhưng cũng là vị lãnh tụ thật lớn lao, vĩ đại khiến cả kẻ thù phải kính phục. Ngôn từ của cuốn sách giản dị, câu chuyện hấp dẫn, gần gũi, nội dung sâu sắc, cuốn sách là tài liệu tham khảo có giá trị thiết thực để bạn đọc tiếp tục tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Trong quá trình biên soạn, với nguồn tư liệu hết sức phong phú viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuốn sách khó tránh khỏi hạn chế, thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến góp ý của bạn đọc để cuốn sách hoàn thiện hơn.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 8 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP

*Tác phẩm "**Đường Bác Hồ đi cứu nước**" là một công trình sưu tập, biên soạn công phu. Tôi hoan nghênh Tiến sĩ Trình Quang Phú đã có nhiều cố gắng tuyển chọn và biên soạn thành công tác phẩm này.*

*Mong quyển sách "**Đường Bác Hồ đi cứu nước**" sẽ góp thêm với bạn đọc, nhất là các bạn trẻ những tư liệu quý về Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

Hà Nội, Mùa Thu 2002.



Đại tướng **VÕ NGUYỄN GIÁP**

HÀNH TRANG RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA BÁC HỒ*

PHẠM VĂN ĐỒNG

Hồ Chí Minh là người suốt đời phấn đấu vì một lý tưởng cao đẹp, từ ngày ra đi tìm đường cứu nước (5-6-1911) trở thành nhà hoạt động cách mạng kiên cường và bền bỉ cho đến hơi thở cuối cùng (2-9-1969), đưa đất nước và dân tộc đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tư tưởng Hồ Chí Minh gắn liền với con người Hồ Chí Minh, là biểu tượng, tấm gương sáng, niềm tự hào của các thế hệ Việt Nam không ngừng đoàn kết phấn đấu thực hiện nguyện vọng thiết tha của cộng đồng dân tộc thời vua Hùng đến thời đại Hồ Chí Minh.

Tôi bắt đầu cuốn sách về tư tưởng Hồ Chí Minh bằng cách đặt câu hỏi Hồ Chí Minh là ai lúc ra đi tìm đường cứu nước?

* Trích Phạm Văn Đồng: *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1998.



Nhiều người đã viết về đề tài này, ở đây tôi chỉ chú ý mấy nét để trả lời câu hỏi vừa được nêu lên.

Nói về hành trang của Hồ Chí Minh lúc ra đi thì phải thấy rõ hoàn cảnh gia đình của Hồ Chí Minh, đồng thời phải thấy quê hương của Hồ Chí Minh là tỉnh Nghệ An, từ đó mà thấy một cách đậm nét dấu ấn của gia đình, quê hương, Tổ quốc và dân tộc đối với Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh sau này. Hồ Chí Minh đặc biệt thích thú và quý trọng truyền thống xa xưa của dân tộc, thể hiện một cách giàu đẹp trong lời ăn tiếng nói, trong phong tục tập quán, trong tình làng nghĩa xóm, việc nước gắn với việc nhà: "Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao", một câu ca dao đậm tính trữ tình cũng như khí phách hùng tráng của dân tộc, đúng là "muôn thuở giang sơn này".

Tôi nhấn mạnh những điểm trên bởi lẽ những giá trị văn hóa ngày càng ăn sâu vào con người, tư duy và phong cách của Hồ Chí Minh trong suốt đời hoạt động của mình trải qua biết bao biến đổi và sóng gió.

Như mọi người đều biết, Hồ Chí Minh sinh trưởng trong một gia đình trí thức nho giáo, ông bố tuy đậu Phó bảng nhưng không đi theo con đường làm quan như thói thường mà luôn luôn ôm ấp tư tưởng về vận mệnh của đất nước, của dân, chuyên tâm nuôi dạy các con theo chí hướng lớn.

Quê hương của Hồ Chí Minh là tỉnh Nghệ An giàu truyền thống phấn đấu kiên cường vì sự nghiệp của nước, của dân. Quê hương bên nội ở làng Sen, bên ngoại ở làng Hoàng Trù, huyện Nam Đàn, đã ghi những dấu ấn sâu sắc trong tâm trí Hồ Chí Minh ngay từ tuổi thơ ấu.

Huế, kinh đô triều Nguyễn lúc bấy giờ, cũng là một môi trường đã có những ảnh hưởng tốt đẹp đối với tuổi thiếu niên của Nguyễn Tất Thành.



Phải nói thêm rằng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đã tận dụng mọi cơ hội để đưa các con đi làm quen với nhiều nơi trên đất nước ta, đó cũng là cơ hội tiếp xúc với nhiều nhân vật yêu nước thời bấy giờ.

Tất cả những điều kể trên dần dần đã làm chín muồi trong tư tưởng và tình cảm của người thanh niên Nguyễn Tất Thành mong muốn mãnh liệt đi tìm con đường cứu nước, cứu dân, nhất định không thể sống cuộc đời mất nước, mất độc lập, tự do. Đó cũng là ý nguyện chung của toàn thể dân tộc và của mỗi người Việt Nam lúc bấy giờ. Nhưng đi đâu? Đi hướng nào? Đi tìm cái gì? Đây cũng là những day dứt, trăn trở trong tâm hồn của người thanh niên yêu nước tuổi đôi mươi. Lúc nhỏ ở quê nhà cũng như lúc học ở Huế, Nguyễn Tất Thành biết khá rõ phong trào Cần Vương, Đông Du, cuộc vận động Đông Kinh Nghĩa Thục, phong trào khởi nghĩa ở nhiều nơi... Người thanh niên Nguyễn Tất Thành với sự nhạy cảm và sự sáng suốt lạ lùng dần dần thấy rõ tất cả những xu hướng cứu nước thời ấy đều không đem lại và không thể đem lại kết quả mong muốn. Sự thật ngày nay chứng minh điều đó. Vậy phải đi tìm con đường khác để tới những chân trời mới. Một điều rất có ý nghĩa là lúc Nguyễn Tất Thành thấy cụm từ tự do, bình đẳng, bác ái, thì cậu muốn biết đằng sau nó có cái gì! Đương nhiên lúc bấy giờ Nguyễn Tất Thành không thể đọc hoặc được nghe nói về những tư tưởng lớn của phương Tây. Vậy thì con đường là đi đến phương Tây đây bí ẩn với tất cả những triển vọng chưa lường hết được. Sự nghiệp của Hồ Chí Minh bắt đầu từ đây. Vận mệnh lớn của nước, của dân gắn bó mật thiết với một quyết định mà lịch sử đã chứng minh là sáng suốt phi thường.



Từ cảng Nhà Rồng, Nguyễn Tất Thành lên đường theo hướng đã định. Chúng ta thử xem hành trang lúc bấy giờ của Nguyễn Tất Thành có gì? Đó là truyền thống lịch sử 4.000 năm với sức sống mãnh liệt của một dân tộc, kiên trì phấn đấu vượt khó khăn gian khổ, bảo toàn và phát triển bản lĩnh quý báu của mình; truyền thống đoàn kết đấu tranh dựng nước và giữ nước, không ngừng vun đắp sức mạnh của cộng đồng, một lòng tương thân tương ái, cũng như bồi dưỡng nền văn hiến, từ đó mà không ngừng phát triển bản lĩnh dân tộc, sức sống dân tộc, tình cảm dân tộc. Cùng với truyền thống tư tưởng và bản sắc văn hóa Việt Nam, trong hành trang của Nguyễn Tất Thành lúc rời Việt Nam ra đi còn có những thành quả tư tưởng của phương Đông, nhất là của hai nền văn hóa lớn Trung Quốc và Ấn Độ, qua nhiều thế kỷ giao lưu phần nào đã hội nhập vào văn hóa Việt Nam, và được Nguyễn Tất Thành tiếp thu qua giáo dục của gia đình, của nhà trường và cuộc sống xã hội. Đồng thời trong hành trang này còn phải đặc biệt nhấn mạnh những khát vọng lớn, những hoài bão lớn của Nguyễn Tất Thành về tương lai Tổ quốc và dân tộc, là đánh đổ chế độ áp bức, bóc lột thực dân và phong kiến vươn lên xây dựng đất nước, xây dựng xã hội, xây dựng con người tự do, hạnh phúc và văn minh. Toàn bộ hành trang quý báu đó là lẽ sống, là nội tâm, là niềm tự hào và tự tin, là sức mạnh tinh thần kỳ diệu của người thanh niên yêu nước trên con đường chưa thấy bờ bến của mình. Nguyễn Tất Thành rất khôn ngoan khi chọn cái nghề làm bếp trên tàu để có việc làm và cuộc sống hàng ngày, đồng thời để có cơ hội chu du thiên hạ, đi Pháp, đi các nước châu Á, châu Phi, Mỹ latin, dùng



chân ít lâu tại nước Mỹ và nước Anh để rồi về lại nước Pháp. Tại đây một cái tên mới xuất hiện.

Nguyễn Ái Quốc gửi bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" đến Tổng thống Mỹ và trưởng đoàn các nước dự Hội nghị Vécxây. Tôi không thể không trích một đoạn có ý nghĩa quan trọng bậc nhất trong bản yêu sách nói trên: "Từ ngày đồng minh thắng trận, tất cả các dân tộc bị lệ thuộc đều chứa chan hy vọng rằng theo những lời cam kết chính thức và trịnh trọng mà các cường quốc đồng minh tuyên bố với toàn thế giới, trong cuộc đấu tranh của văn minh chống dã man, thì tiền đồ một thời đại công lý và chính nghĩa nhất định là phải đến với họ". Tiếp theo câu nói trên, Nguyễn Ái Quốc đòi các đại biểu dự hội nghị thừa nhận quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc, trong đó có dân tộc Việt Nam. Cuộc vận động này của Nguyễn Ái Quốc có tiếng vang ở châu Âu và gây dư luận rộng rãi ở Đông Dương, nhất là ở Việt Nam, lúc bấy giờ.

Bức thư gửi Hội nghị quốc tế Vécxây chỉ là một hoạt động bên lề của Nguyễn Ái Quốc, bởi mục tiêu của Nguyễn Ái Quốc là tiếp tục đi tìm con đường cứu nước, cứu dân. Theo hướng này, Nguyễn Ái Quốc có những hoạt động đa dạng và phong phú ở Pari, tiếp xúc rộng rãi với các đảng phái chính trị của nước Pháp và các nhóm chính trị khác nhau của người Việt Nam. Sau cuộc hành trình mấy năm trời qua nhiều châu lục, Nguyễn Ái Quốc có cơ hội vũ trang cho mình những hiểu biết mới về các dân tộc bị áp bức ở rất nhiều nơi trên thế giới, những hiểu biết về các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây: Cái gì ở dưới chân tượng Nữ thần tự do tại Nữu Ước! Cái gì đằng sau cụm từ Tự do, Bình đẳng, Bác ái! Đồng thời Nguyễn Ái Quốc đã có thời gian tìm hiểu và suy nghĩ về



những tư tưởng lớn của các bậc hiền triết cổ kim Đông Tây, làm giàu thêm tư duy của mình.

Giờ đây, trở lại hành trang của Hồ Chí Minh lúc ra đi, tôi thấy cần làm nổi bật biết bao những hiểu biết mới lạ làm giàu thêm hành trang ấy từ phương Đông sang phương Tây, từ các dân tộc bị áp bức đến các nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất, từ các nền văn minh cổ xưa đến các nền văn minh hiện đại lúc bấy giờ. Một điều nữa tôi phải đặc biệt nhấn mạnh là những hoài bão, những mong muốn lúc ra đi đã trải qua một quá trình biến đổi sâu sắc và đó là những hoài bão mới, những đòi hỏi mới cần được thỏa mãn.

Từ đó chúng ta có thể hình dung được cái quý mà Hồ Chí Minh đang tìm phải có tầm vóc cao sâu đến mức nào. Lại lòng thay, Hồ Chí Minh đã tìm được cái mình mong muốn, và đây là sự gặp gỡ hầu như có duyên nợ lịch sử. Chính lúc bấy giờ là lúc Hồ Chí Minh có cơ hội đọc *Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa* trình bày ở Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản năm 1920. Sau khi đọc luận cương này, Nguyễn Ái Quốc đã thốt lên câu nói nổi tiếng: "Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta", thể hiện niềm sung sướng không sao diễn tả hết. Thấy những điều ấp ủ của Nguyễn Tất Thành thì dễ hiểu được tâm trạng của Nguyễn Ái Quốc khi đọc Luận cương của Lênin. Luận cương ấy đưa đến việc Nguyễn Ái Quốc dày công nghiên cứu học thuyết Mác - Lênin, cố gắng tìm ở đây cái gì mình thiết tha nhất.

Phần I

ĐƯỜNG BÁC HỒ ĐI CỨU NƯỚC

I

Theo gia phả họ Nguyễn Sinh ở làng Sen cách đây 400 năm, ông Nguyễn Bá Phổ - vị khởi thủy dòng họ Nguyễn Sinh đã đến lập nghiệp ở vùng quê Kim Liên. Việc đổi chữ lót Nguyễn Sinh thay cho Nguyễn Bá diễn ra từ thế hệ thứ năm. Cũng là thời kỳ xuất hiện nhiều nhân tài đỗ đạt trong dòng họ. Đến ông Nguyễn Sinh Nhậm thì gia cảnh vào loại khá giả trong vùng. Ông lấy người vợ đầu, sinh được người con trai thì bà mất. Ông ở vậy nuôi con đến tuổi thành niên, lo vợ cho con xong ông mới lấy vợ kế, đó là bà Hà Thị Hy và sinh con trai, đặt tên là Nguyễn Sinh Sắc. Được ba tuổi thì bà Hy mất, một năm sau ông Nhậm cũng qua đời. Mồ côi cả cha lẫn mẹ, Nguyễn Sinh Sắc tới sống với người anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Sinh Trọ, đang lúc cảnh nhà sa sút. Nguyễn Sinh Sắc phải đi giữ trâu kiếm sống. Nhiều lần Sinh Sắc ầm ức không được cùng bạn bè trong làng tới trường học. Không nhịn được lòng ham muốn, nhiều lần Sinh Sắc đã buộc trâu để học lén. Sẵn tư chất thông minh, chỉ nghe lén, học lỏm mà cũng "ra trò". Càng biết ra, Nguyễn Sinh Sắc càng ham học. Lưng trâu đã thành bàn học. Cậu mê mải sách quên cả việc đưa trâu đi ăn. Cả làng ai cũng quý cậu bé ham học. Ông đồ Hoàng Đường từ làng bên, tức Hoàng Trù thường ghé Nam Liên thăm bạn,



vốn học cùng khóa với cụ Nguyễn Sinh Nhậm ngày trước, bao lần bắt gặp Sinh Sắc học trên lưng trâu, ông cũng nghe nhiều lời khen cậu bé thông minh và ham học nên càng quý cậu bé hơn.

Tết Nhâm Dần (1878), làng Nam Liên mở hội xuân nô nức tung bừng. Tiếng trống thúc, tiếng loa kêu râm ran náo động lòng người. Trai gái, trẻ già khắp mấy làng đều háo hức tụ hội vui Xuân. Trên đường đi dự hội, ông Hoàng Đường lại gặp *cậu bé* bình thản ngồi lưng trâu đọc sách nên ông đã đến gặp Nguyễn Sinh Trọ xin đưa Nguyễn Sinh Sắc về nuôi cho ăn học hẳn hoi.

Chỉ hai năm sau, ông Hoàng Đường cảm thấy học vấn của cậu học sinh đặc biệt này chẳng thua kém gì mình mấy. Ông liền gửi Sinh Sắc đi xa 30 cây số tới học ông đồ giỏi nhất vùng. Đó là thầy đồ Nguyễn Thúc Tụ vừa nổi tiếng hay chữ lại là nhà yêu nước nhiệt thành nên được dân trong vùng rất quý trọng. Như được chấp cánh, ba năm sau, Sinh Sắc được gọi là một trong hai thần đồng về văn tài trong xứ.

Sinh Sắc đến tuổi thành niên. Ông Hoàng Đường tính chuyện kết duyên giữa Sinh Sắc với con gái đầu lòng của mình là Hoàng Thị Loan. Cô gái cũng như ông bố quý mến người con trai có tài, có chí lại có đức. Song sự việc không suôn sẻ ngay vì cụ bà Hoàng Thị Kép cũng như phía họ hàng bên ngoại không gạt bỏ được ấn tượng cậu là đứa trẻ mồ côi đi ở đợ. Nay cho sánh duyên với con gái thầy đồ họ Hoàng thì không môn đăng hộ đối.



Phải qua thời gian để mình định và thuyết phục, năm 1883, ông bà họ Hoàng đã đứng ra tổ chức lễ cưới và dựng cho đôi vợ chồng trẻ chỗ ở riêng ngay trong vườn nhà. Đó là căn nhà tranh ba gian ở làng Hoàng Trù quê ngoại.

Năm 1884 ông bà sinh con gái đầu lòng đặt tên là Nguyễn Thị Thanh. Sau này trong hoạt động chống Pháp, đồng đội gọi bà là cô Bạch Liên. Bà là một chiến sĩ kiên trung, bất khuất mà kẻ thù rất nể sợ.

Năm 1888, người con thứ hai ra đời, mang tên là Nguyễn Sinh Khiêm, sau đổi là Nguyễn Tất Đạt, cũng là một chiến sĩ yêu nước bị thực dân và Nam Triều nhiều lần bỏ tù, phát vãng đến quản thúc.

Năm 1890 Nguyễn Sinh Cung chào đời. Đó là Nguyễn Tất Thành, là Nguyễn Ái Quốc, là Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta.

*

* *

Sống trong cảnh túng thiếu, nhìn vợ vất vả với hoàn cảnh khó khăn, nhiều lúc Nguyễn Sinh Sắc muốn lui về cày ruộng, chung sức cùng vợ nuôi con nhưng mọi người đều không chịu. Họ hàng nội ngoại nhà bà Hoàng Thị Loan đều úy thác ông phải đeo đuổi học tập. Đến năm 1894 ông đậu Cử nhân trong khoa thi Hương Giáp Ngọ. Ông chỉ ân hận là đã không đỗ đạt sớm hơn để kịp báo hiếu công ơn cụ Hoàng Đường đã nuôi dạy mình từ tuổi lên năm. Cụ đã mất ngày 7 tháng 4 năm



Quý Tỵ (1893), do vậy, niềm vui của ông không trọn vẹn. Sau buổi ra mắt quan tổng đốc An Tĩnh, ông đã tránh không dự buổi tiệc thịnh soạn đàn ca thâu đêm do quan tổng đốc khao các vị tân khoa mà lui về nghỉ tại nhà người bà con cụ Hoàng Đường sống tại tỉnh lý. Sáng hôm sau tân khoa Nguyễn Sinh Sắc cấp mũ áo cử nhân, đội dù, cuốc bộ về quê, không khoa trương danh vị, cũng không tổ chức hội mừng mà chỉ làm lễ bái yết ở nhà thờ, làm bà mẹ vợ bán tín bán nghi về chuyện ông thi đỗ. Hàng xã thì tấm tắc khen ông cử tài cao mà khiêm tốn, giản dị.

Năm 1895, ông vào Huế dự kỳ thi Hội nhưng không đậu. Để tiếp tục học ở Quốc Tử Giám, ông bàn với bà Hoàng Thị Loan thu xếp cùng vào. Bà đã gửi con gái đầu lòng ở lại với bà ngoại Hoàng Thị Kép, đưa hai con trai theo chồng vào Huế. Tại đây gia đình ông cử nhân nghèo xứ Nghệ sống quá túng thiếu. Cứ hết buổi đi học ông lại cấp dù đi dạy kèm con cái nhà khá giả. Bà miệt mài với cái khung cửi, lấy công làm lãi nuôi chồng con. Như bao nhiều ông đồ Nghệ khác, họ phải chịu đựng với cảnh nghèo, nai lưng ra lao động ngày đêm để giữ lấy nếp thanh khiết, nho nhã.

Cuộc sống lo toan, vất vả nhanh chóng làm bà Hoàng Thị Loan kiệt sức. Sau khi sinh con thứ tư, bà đau ốm liên miên, lại là đúng vào thời kỳ ông Sinh Sắc đi chấm thi ở trường thi Thanh Hóa rồi ghé về quê lo phần mộ cho bố mẹ. Thấy gia đình quá khó khăn, ông mang Sinh Khiêm



theo. Ở nhà bà Loan đã từ giã cõi đời vừa lúc bước sang tuổi ba mươi ba. Bà con láng giềng ở thành Nội đã mai táng bà ở chân núi Ba Tầng thuộc dãy Ngự Bình. Còn lại Sinh Cung lo bế ẵm em trai và sống qua ngày trong sự thương yêu đùm bọc của hàng xóm.

Giữa Tết Tân Sửu (1901) đang ở Hoàng Trù, nhận được tin dữ, ông Sắc vô cùng đau đớn vội vàng một mình vào Huế. Sau những ngày đau buồn vĩnh biệt người vợ thân yêu, ông đưa hai anh em Sinh Cung về quê để nhờ bên ngoại trông nom giúp rồi trở lại Huế cho kịp kỳ thi Hội khoa Tân Sửu (1901). Khoa này ông đậu Phó bảng.

Kể từ khoa Tân Sửu, người đậu Phó bảng bắt đầu được hưởng hai đặc ân của chính bảng: được vua ban cờ biển và cho vinh quy bái tổ. Trong lễ xướng danh, ông Nguyễn Sinh Sắc được vua Thành Thái tặng biển "*Ân Tứ Ninh Gia*" (Ơn ban cho gia đình tốt) và cấp phương tiện đưa về đến tỉnh lỵ An Tịnh (Vinh). Tổng đốc An Tịnh lúc đó là Đào Tấn đã ra lệnh cho lý trưởng các làng thuộc xã Chung Cự đưa võng lọng cờ trống lên rước ông Phó bảng. Đây là vinh dự cực kỳ lớn với nho sinh thành đạt, trong thiên hạ ai không ham.

Nhưng ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - như ngày nào đậu cử nhân, sau buổi lễ ra mắt Tổng đốc địa hạt, ông lại tự đi bộ về làng. Về cách Hoàng Trù bốn cây số, gặp dân xã đang náo nức kéo nhau đi rước ông. Mọi người vội trống giong cờ mở, giăng võng mời ông nằm lên cho làng rước. Ông từ tốn thưa: "Thưa bà con, tôi chưa làm được gì



cho làng cả, sao dám phiền bà con đón rước!". Dù bà con năn nỉ, ông một mực từ chối. Cuối cùng cả đoàn cùng đi bộ theo ông Phó bảng trở về làng. Ông ghé về quê ngoại làm lễ tạ ơn rồi mới sang chào làng bên nội.

Đây cũng là lần đầu tiên Kim Liên có người đỗ đại khoa. Tục lệ ngày đó đã đỗ đại khoa mà đi ở rể là không được. Dân làng mới cất một miếng đất năm sào Trung Bộ, dựng hàng rào và trích tiền công của làng mua một ngôi nhà tranh bên Xuân La. Dân làng cùng nhau khiêng về dựng làm chỗ ở cho ông Phó bảng. Bố con ông quay về quê nội, sống trong căn nhà lá ba gian đó.

Ngôi nhà này không còn giữ được đến ngày nước nhà độc lập, sau này đã được chuộc lại và đem về dựng trên nền nhà cũ, theo khuôn mẫu ngôi nhà xưa. Hôm về thăm làng Sen lần đầu (1957), Bác đã phát hiện ra lối vào nhà đã mở sai hướng, Bác đã chỉ cho những người cùng đi:

- Lối đi ngày trước ở bên này! Xưa cha tôi trông một bên là hàng cây mạn hảo, một bên là hàng cây râm bụt.

Sau đó, địa phương đã mở lại cổng, làm lại hàng rào và lối đi hiện nay đã đúng như sự hướng dẫn của Bác.

Gian đầu có bàn thờ với biển phong tặng "Ân Tứ Ninh Gia" của nhà vua khi ông Nguyễn Sinh Sắc đậu Phó bảng và lá cờ của dân làng tặng, đề bốn chữ "Phó bảng Phát Khoa". Sau khi cụ Sinh Sắc qua đời, dòng họ Nguyễn Sinh đưa lá cờ này vào nhà thờ họ. Năm 1957 Bác về thăm quê có ghé vào nhà thờ, Bác vui mừng nói:



- Lá cờ làng tặng cha tôi vẫn còn! Các ông giữ tài thật.

Bác vào gian cuối gần bếp - ở đây đặt một bộ ván bốn tấm ghép lại. Chiếc bàn con kê sát cửa sổ và chiếc vông đay đã cũ treo chéo hai cột. Cái sập đựng lúa và tủ chè kê sát vách. Cây cột gần đó có treo cây đèn đĩa. Sát đấy là cái án thư bằng tre. Nhìn bộ ván, Bác bảo:

- So với trước, bộ ván này bị cửa ngăn đi rồi.

Hai lần về thăm quê, lần nào Bác cũng lẳng lặng đi lên đi xuống ba gian nhà lá. Quá khứ, những kỷ niệm thân thương đang làm Bác bồn chồn. Những người có mặt lúc đó cũng chìm lắng trong tâm trạng của Bác. Kỷ vật như thiêng liêng hơn. Tất cả không còn là tre, là gỗ, là vật dụng mà là bóng dáng của cả một gia đình, mọi cái thấm đượm tâm hồn, tình cảm gắn bó ruột thịt với Bác, làm xúc động lòng người.

Bác đó, ông già giản dị như mọi người già, gần gũi như mọi bậc ông, bậc cha, thân mật chuyện trò việc làng việc nước, những nỗi quan tâm của mọi gia đình. Vị Chủ tịch nước đã hóa thân thành một người làng thân thiết của cả già, trẻ, gái, trai.

Bác đó, đang nhắc lại từng kỷ niệm thời thơ ấu với bạn bè.

Bác đó, niềm tin, lòng hy vọng của mỗi người, của mọi người, của bạn bè gần xa. Bằng giọng làng Sen thân thuộc, Bác nói:

- Tôi xa quê hương, xa các cụ, các mẹ, các chú như vậy là đã năm mươi ba năm. Thường tình đi xa như vậy khi trở về,



người ta hay mừng mừng tủi tủi. Riêng tôi thì không tủi mà chỉ mừng. Vì khi tôi ra đi, nước ta đang bị thực dân cai trị, đông bào ta đều là những người nô lệ. Nay tôi trở về thì đông bào đã là những công dân tự do làm chủ nước nhà.

Quê hương nghĩa nặng tình cao

Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình.

*

* *

Bác ra đời ở làng Hoàng Trù, lên năm tuổi đã phải theo bố mẹ cùng anh trai vào Huế. Đến ngày mẹ qua đời, Bác mười một tuổi theo cha trở về quê và sống tuổi thiếu niên tại làng Sen được 5 năm.

Ông Sác sau khi đỗ Phó bảng đã lấy cố cần chữa bệnh để chậm nhậm chức, nấn ná lại quê được 5 năm (1901 - 1906). Ông rất quan tâm đến việc học của con cái. Ông cho con trai tới học với cử nhân Vương Thúc Quý - con ông tú tài Vương Thúc Mậu, lãnh tụ Cần Vương chống Pháp ở vùng núi Chung.

Ông đã từng viết lên xà nhà mấy chữ: "*Vật dĩ quan gia, vi ngô phong dạng*" (Đừng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà mình), để răn dạy con.

Là một đại khoa, nhưng làm quan với ông là đem thân làm nô lệ.

Còn được lưu lại quê, ông Sinh Sác không để lỡ dịp. Ông đi Võ Liệt theo lời mời của nhân dân trên đó lên mở trường, dạy học và ông luôn nhắc: Việc học là cần để hiểu đạo lý làm người. Không nên chỉ học để làm quan.



Sau đó ông chuyển sang dạy ở Đức Thọ (Hà Tĩnh), đến làng Đông Thái, quê hương của cụ Phan Đình Phùng, tiếp xúc với các nhân sĩ yêu nước của vùng Hà Tĩnh... Ông ra Diễn Châu thăm Tán tương quân vụ trong cuộc khởi nghĩa của cụ nghệ Nguyễn Xuân Ôn, đi Yên Thành, Quỳnh Lưu và ra tận Thái Bình tiếp xúc với sĩ phu Bắc Hà. Ông Sắc là bạn thân của Phan Bội Châu, cùng là sĩ phu yêu nước chống Pháp nhưng ông Sắc không hưởng ứng phong trào Đông Du của Phan Bội Châu.

Trong gia đình, Nguyễn Sinh Cung là người được bố đặt nhiều hy vọng. Khi đi đây đi đó, bố thường cho cậu đi cùng. Nhờ vậy cậu có mặt trong các cuộc đàm đạo của bố, mọi lời nói, việc làm, cử chỉ của các bậc sĩ phu yêu nước đều tác động mạnh tới cậu.

Bà Anna Luidơ Stenson có kể lại trong một lần gặp Bác, Bác có kể chuyện với bà:

"Hồi ấy các cụ nhà nho yêu nước, trong đó có thân sinh tôi thường hỏi nhau:

- Ai cứu nước ta bây giờ?

Có người nói Nhật. Có người nói Anh, có người nói Mỹ, khi đó Nhật là nước mạnh ở châu Á, còn Anh, Mỹ đều là cách mạng dân quyền. Còn tôi..."

Những chuyến đi đây đó và những cuộc gặp gỡ mà ông Phó bảng thường mang Nguyễn Sinh Cung đi theo đã đưa Bác vào thời cuộc. Tuổi mười bốn, mười lăm Nguyễn Sinh Cung chứng kiến rất nhiều cảnh sống đầy đọa của nhân dân. Mạng sống con người bị bọn thống trị coi như



sâu bọ. Phu phen tạp dịch tàn phá từng gia đình, từng làng xóm, gieo tang tóc, ly tán khắp nơi. Ảnh hưởng tư tưởng của cha, kết hợp sự nhạy cảm chính trị của bản thân, Nguyễn Sinh Cung đã từ chối con đường Đông Du ngay khi cụ Phan Bội Châu muốn đưa cậu sang Nhật Bản hồi tháng 7-1905.

Khi nghe ở nước Pháp đang rộ lên ba mục tiêu của cuộc cách mạng tư sản Pháp (Tự do - Bình đẳng - Bác ái), Bác suy nghĩ nhiều và muốn biết rõ bản chất vấn đề. Những điều Bác thấy bọn thực dân đang làm hàng ngày thì hoàn toàn ngược lại. Sự mâu thuẫn đó thôi thúc Bác muốn tiếp xúc với nền văn minh Pháp để khám phá ra sự thật. Trên tạp chí *Ngọn lửa nhỏ* (Liên Xô) số 39 ngày 23-12-1923, nhà thơ O.E.Mandelstam trong bài báo "Đến thăm chiến sĩ quốc tế cộng sản Nguyễn Ái Quốc" đã ghi lại lời Bác nói với ông như sau: *"Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên, tôi được nghe những từ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Thế là tôi muốn làm quen với nền văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy... Tôi quyết định ra đi từ năm 19 tuổi..."*.

*

* *

Một làng quê như mọi làng quê của đất Lam Hồng, không khang trang, không trù phú, di tích Kim Liên gắn chặt với đời thường như dân làng Kim Liên.



Con đường vào nhà quê nội ở làng Sen bốn mùa điểm hoa râm bụt như chào mừng khách thập phương. Cây ổi đỏ ruột cao hơn hai thước rưỡi ba, sà xuống sân nhà chan hòa cùng buổi, thanh trà như trang trí cảnh đón khách. Mấy khóm huệ, vài khóm cúc, lay ơn đứng đưa trước gió tỏa hương sắc.

Phía sau là hàng cau thon thả tỏa tán lá tròn xoe trải dài trên con đường như tươi xanh. Từ khóm tre, khóm si quanh vườn rộn ràng tiếng hót của chào mào, vành khuyên, chích chòe. Lại tiếng gà mẹ tục tục gọi con, tiếng thập thành chày giã gạo. Và những mái rơm ẩn hiện những sợi khói lam mảnh mai, quyến luyến trên ngôi nhà bảo tàng thiêng liêng. Thật là đặc biệt! Một nhà sử học người Anh đã thú vị ghi lại: "Đến Kim Liên tôi càng thấy lạ hơn. Tôi chưa từng thấy một nhà bảo tàng nào lại được nghe tiếng gà gáy, tiếng chim ca, được thấy trẻ em đi học chật đường...". Ông mệnh danh đây là loại bảo tàng mới: Bảo tàng mở với đời sống, khác với khái niệm bảo tàng xưa nay là di tích, dư âm của đời sống đã trôi qua được giữ lại. Bảo tàng Kim Liên chan hòa với hiện tại, không cách biệt với cuộc sống đang diễn ra hàng giờ, cũng như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời: "*Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho đất nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành*"*. Hoài

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.627.



bão của Bác đích thực là hoài bão của mỗi người dân, của mỗi con người Việt Nam bình thường.

Cụm di tích Kim Liên hiện nay mở rộng đến ngọn Động Tranh Thấp trên núi Đại Huệ ở độ cao 100m. Năm 1983, Khu mộ bà Hoàng Thị Loan đã được xây khang trang ở đó.

Bà Hoàng Thị Loan mất năm 1901 tại Huế. Thi hài được táng ở chân núi Ba Tầng bên dòng sông Hương. Năm 1922, cô Nguyễn Thị Thanh con gái của bà, một chiến sĩ yêu nước chống thực dân Pháp bị cầm tù ở Quảng Ngãi được đưa ra an trí ở Huế. Đến ngày được thả, cô đã tìm cách đưa hài cốt của mẹ về quê yên nghỉ ngay trong khu vườn nhà. Đến năm 1942, người con trai lớn Nguyễn Sinh Khiêm, sau khi thoát khỏi nhà tù thực dân, trở về quê đã đi tìm nơi cát táng cho mẹ. Đó là vị trí Động Tranh (trong dãy Đại Huệ) hiện nay.

Từ Động Tranh nhìn về phía nam là cả dãy Thiên Nhẫn ngàn đỉnh trùng trùng. Ở đó còn dấu tích thành Lục Niên Lê Lợi dựng năm 1424 trong cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược; có miếu thờ La sơn Phu tử Nguyễn Thiếp đệ nhất danh sĩ thời Tây Sơn ở núi Bùi Phong.

Phía bên này sông Lam là núi Dũng Quyết, một tiền đồn của quân nhà Trịnh, có thành Phụng Hoàng Trung Đô thời vua Quang Trung.

Nhìn về phía tây là núi Đụn (Hùng Sơn) như bức bình phong án ngữ, còn dấu tích thành Vạn ao do Mai Thúc Loan xây cất từ năm 722 chống quân xâm lược nhà Đường.



Nhìn về phía tây bắc là bạt ngàn dãy núi Đại Vạc, Đại Huệ nơi có thành quách Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương chống quân xâm lược phương Bắc.

Xa xa, phía đông nam là núi Lam Thành, nơi Nguyễn Biểu, một danh thần Hậu Trần đã chứng minh khí phách dân Nam trước trướng xâm lược phương Bắc. Gần hơn là dãy Độc Lôi, Đại Hải, ở đó có mộ tổ Quang Trung - Nguyễn Huệ.

II

Năm 1896, cụ thân sinh của Nguyễn Sinh Cung đậu cử nhân và được vào học ở trường Quốc Tử Giám. Cụ gửi người con gái lớn lại cho ông bà ngoại rồi đưa cả nhà vào Huế. Đó cũng chính là chuyến đi đầu tiên của Nguyễn Sinh Cung vào Nam. Chỗ ở của gia đình Bác hồi ấy là nhà Viện Đô sát ở đường Đoàn Thị Điểm, nay là trường cấp I Thuận Thành trong Thành Nội. Một tháng sau, ông xin được một chân thư ký ở trường Canh Nông với đồng lương rất thấp: mười lăm đồng một tháng. Cả nhà sống nhờ vào đồng lương này. Ông vừa làm ở trường Canh Nông, vừa học ở trường Giám. Lúc này gia đình Bác dọn vào ở gần cửa Đông Ba trên đường Mai Thúc Loan. Sống giữa kinh đô mà chỉ dựa vào đồng lương ít ỏi của cụ ông quả là rất chật vật do vậy bà Hoàng Thị Loan đã dành dụm tiền mua một chiếc khung cửi, hàng ngày vừa dệt vải vừa lo việc nội trợ.



Nguyễn Sinh Cung lúc ấy vừa sáu tuổi, mới được thầy Vương Thúc Quý "vỡ lòng" cho những chữ quốc ngữ đầu tiên ở quê nhà; vào đây tiếp tục học tiểu học. Có tài liệu nói, ngày ấy Nguyễn Sinh Cung học ở trường tiểu học Đông Ba. Sinh Cung học rất sáng, nhớ bài mau. Ngoài giờ học, Sinh Cung thường sang chơi nhà chú Lân, người cùng quê vào làm nghề thợ cưa ở hãng cưa Bo Gaert (Bồ Ghè), nhà kê sát gia đình Bác. Chú rất hay kể chuyện xưa nay cho Cung nghe. Thịnh thoảng Bác cũng xin mẹ theo anh Nguyễn Sinh Khiêm đi chơi ở Gia Hội, Tràng Tiền hoặc đi xem quân lính tập voi, tập ngựa ở cửa Thái Bình, có khi theo anh đến cửa Hiến Nhân để nhìn vào cung điện nhà vua. Cung nằn nì anh vào trong đó để xem cho rõ. Anh Khiêm cười giải thích: "Đó là cung nhà vua, không vào được". Dù mẹ và anh giải thích thế nào, Sinh Cung cũng không hết thắc mắc. Rằm tháng hai năm sau được tin vua sẽ ngự chơi xuân ở núi Truồi, Cung đi xem vua cho bằng được. Lần đầu Sinh Cung thấy cảnh vua đi, một sắc lính mang cờ xí đủ màu đi trước với đội trống kèn rền vang cả phố phường. Một đàn voi phủ gấm, một đàn ngựa có yếm thêu, rồi đến lính khố vàng... cuối cùng vua ngồi trên kiệu xanh, khám ngà có tới chục người khiêng, phía sau một tốp lính đàn sáo ngân nga rộn ràng.

Thấy được vua, Sinh Cung chạy về khoe với mẹ:

- Mẹ ơi, con thấy được vua rồi. Vua không to như mẹ nói đâu. Nhỏ, còn nhỏ hơn chú Lân, có lẽ vua đau chân mẹ ạ.



- Tại sao con nói vậy? Mẹ hỏi.

- Vì con thấy ai cũng đi, mà vua thì phải có người khiêng. Chắc đau chân nên mới phải nhờ người khiêng chứ mẹ!

Từ đó trong lòng Nguyễn Sinh Cung luôn luôn suy nghĩ về vua. Tại sao vua lại quần khăn vàng, mặc áo màu đẹp thế? Sao bố mình, sao chú Lân không được vậy?

Một hôm cùng các bạn nhỏ ra chơi ở bến Phú Văn Lâu, trước cửa Ngọ Môn. Đứng ở đấy nhìn núi Ngự Bình rất rõ. Nguyễn Sinh Cung hỏi:

- Tại sao gọi là núi Ngự Bình nhỉ?

Một bạn lớn tuổi trả lời:

- Tại vì núi đó Ngài (vua) thường ra chơi ngắm cảnh.

- À ra thế! Suy nghĩ một chút Sinh Cung nói tiếp: Vậy núi này chúng ta hay ra chơi gọi là núi Ngự Đồng được chứ. Ngự đồng là bến nhi đồng chơi, được không?

Các bạn nhỏ nghe cũng đều ngo ngoe sừng sốt. Về sau các cụ nghe chuyện ai cũng khen là sáng dạ.

Cách nhà Bác ở độ một vài trăm mét có một ngã tư (nay là ngã tư đường Mai Thúc Loan và đường Lê Thánh Tông trong thành Nội), gọi là ngã tư Âm hồn, ở đó có những người bị giặc Pháp giết chết trong ngày kinh đô thất thủ, ngày 5-7-1885, tức ngày 23 tháng 5 âm lịch. Bác thường hay lên chơi ở đây. Cụ Lân sau này có kể lại rằng: Ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu, đúng ngày cúng âm hồn thì ở cuối Nam Giao xảy ra việc ba lính Pháp đi xem lễ cầu siêu bị giết chết nhận chìm dưới ao, mọi người nói do



"oan hồn" về giết chúng. Câu chuyện đó đã khắc sâu vào lòng Bác chí căm thù thực dân Pháp và ý thức thương người cùng khổ.

Năm 1898 (Mậu Tuất), thân sinh của Bác thi Hội lần thứ hai, nhưng có lẽ vì hoàn cảnh gia đình quá túng quẫn, bận việc ở trường Canh Nông nên việc học hành bị ảnh hưởng, cụ thi không đỗ. Thấy Nguyễn Sinh Sắc lận đận, vất vả, một nhà nho uy tín ở Dương Nỗ, là thầy cử Nguyễn Hữu Độ đã mời ông về nhà mình để dạy học. Cụ Độ nhận đài thọ cho cả hai anh em Bác. Tại đây, Bác kết thân với người con trai của cụ Độ là Nguyễn Hữu Khuyến. Hai người học cùng lớp và thường rủ nhau đi câu cá ở cầu Hói.

Dương Nỗ cách Huế 6 km (nay là thôn Dương Nỗ Đông, xã Phú Dương, huyện Hương Phú). Đây là nơi Bác bắt đầu học chữ Hán trên những trang sách viết hàng tư. Tuy là mới học chữ Hán nhưng Bác đã có tiếng thông minh. Sách luận ngữ mỗi tập tám tờ, mỗi tờ mười sáu hàng Bác chỉ học vài ba lần là thuộc từ đầu đến cuối.

Năm 1900, cụ Nguyễn Sinh Sắc được cử đi Thanh Hóa cùng quan bộ Học tổ chức và chấm kỳ thi Hương, có dẫn theo người con trai lớn. Bác trở về với mẹ tại khu nhà trại gần cửa Đông Ba, sống trong cảnh túng quẫn. Mấy tháng sau, bà Loan sinh thêm một con trai đặt tên là Nguyễn Sinh Xin. Sở dĩ bà cụ đặt tên như vậy vì những ngày sinh con cụ quá kiệt sức, không có sữa cho con bú, phải đi xin sữa, xin cháo hàng xóm nuôi con. Cũng chính vì cảnh nghèo bần, bần hàn và phải lao động quá sức sớm nên bà



mắc bệnh nặng, rồi mất vào ngày 7-2, giữa những ngày xuân Tân Sửu năm 1901, lúc mới bước vào tuổi 33.

Hôm đó vào buổi trưa, như thường lệ Bác xách liễn ra phố mua com - có bữa chỉ đủ tiền mua cháo. Về đến cửa, Bác nghe tiếng bé Xin khóc thét lên. Bác chạy đến bế em và thấy mẹ lạnh ngắt. Hốt hoảng, Bác vừa lay vừa gọi mẹ. Biết mẹ mất, Bác òa khóc. Hàng xóm nghe thấy, mọi người kéo đến trong đó có chú Lân và bà Tâm. Bà Tâm khuyên Bác đừng khóc, vì luật nhà vua, ở trong thành Nội không ai được khóc than. Hàng xóm thương tình lo liệu chôn cất. Theo lệ nhà vua, đám tang của dân thường không được khiêng quan tài qua cửa thành mà phải cho xuống thuyền chui qua cổng đi ra bằng đường thủy.

Đám tang bà Hoàng Thị Loan có không quá chục người đưa tiễn và chỉ có Bác là người thân duy nhất đi sau quan tài của mẹ. Thi hài đưa xuống thuyền ở sông Ngự Hà, lườn qua cổng Thanh Long ra Hộ Thành Hà (nay gọi là sông Đông Ba) chui qua cầu Hàm Tế ra sông Gia Hội về sông Hương rồi mới khiêng bộ để chôn cất trên chân núi Tam Tầng thuộc dãy Ngự Bình.

Những năm tuổi thơ ở Huế của cậu bé Sinh Cung thật vô cùng cơ cực. Cha, anh đi vắng, ông bà ở xa, mẹ mất, một mình ở tuổi lên mười, thiếu com, rách áo lại phải nuôi em trai mới sinh. Hàng ngày Bác phải đi xin sữa, xin cháo nuôi em và xin com cho chính mình. Cả tháng dường như bếp nhà không đổ lửa. Thấy cảnh đó ai cũng



thương, hàng xóm, người chén cơm, tô cháo đùm bọc nuôi hai anh em Bác. Mãi đến mấy tháng sau ông Sinh Sắc mới trở về đưa Sinh Cung cùng bé Xin về quê gửi ông bà rồi lại vội vã vào Huế để kịp thi Hội khoa Tân Sửu. Năm ấy (1901), cụ đậu Phó bảng và trở về quê dạy học.

Năm năm sau (1906), sau nhiều lần khát, ông Phó bảng phải vào kinh nhậm chức. Bác lại theo cha vào Huế lần thứ hai.

Trong 5 năm ở quê, ngoài việc học chữ quốc ngữ, Bác được học chữ Pháp với ông Nghè Nguyễn Viết Song. Do vậy, khi vào Huế, Bác học tiếng Pháp rất giỏi. Ông Phạm Gia Cật, quê ở Đức Thọ, Hà Tĩnh lúc ấy cùng học một lớp với Bác ở Huế kể lại rằng: Có lần thầy giáo ra một bài văn chữ Pháp để học trò dịch ra quốc ngữ, trong đó có câu:

Oh chat! Oh chat! Vous voulez manger le rat, montez sur la poutre!

Bác đã dịch thành văn lục bát:

Con mèo, Con mèo, Con mèo

Muốn bắt con chuột thì leo lên xà.

Ông hiệu trưởng rất khen ngợi và đem bài văn của Bác đọc cho cả lớp nghe.

Vào Huế, Bác học năm cuối trường tiểu học và trúng tuyển vào Trường Quốc học Huế. Ngày ấy cổng trường có đắp nổi tên trường "Pháp tự Quốc học trường môn". Bác nổi tiếng là một học sinh thông minh, học giỏi. Chính



trong thời gian ở Huế, Bác đã nhìn thấy cảnh khổ cực, bị bóc lột trăm bề của nhân dân, nhất là nạn sưu cao thuế nặng, chứng kiến những cuộc đấu tranh của nhân dân lao động ở hai bên bờ sông Hương và trên cầu Tràng Tiền. Năm 1908 Bác đã tham gia phong trào chống thuế với nông dân Huế. Bác thường đội chiếc mũ đập bẹp chóp để tỏ thái độ phản đối và đi đầu đoàn biểu tình để làm phiên dịch tiếng Pháp, là một trong những hạt nhân của các cuộc đấu tranh. Là phiên dịch nên khi đại biểu "nhân dân nói những gì chưa đúng, khi dịch lại Bác thêm cho rõ nghĩa. Khi Pháp nói những gì xúc phạm đến đồng bào, Bác dịch lại thật to để nhen thêm ngọn lửa căm thù trong nhân dân, sự tác động đó trở thành sức mạnh của đoàn biểu tình". Cuộc biểu tình tháng 4-1908 là cuộc tập hợp lực lượng từ các huyện Hương Thủy, Hương Trà, Phú Lộc, Phú Vang và cả vùng ven Huế (An Cựu, Đập Đá...). Cuộc đấu tranh kéo dài mấy ngày liền. Pháp đưa lính từ đồn Mang Cá lên xả súng bắn vào đoàn biểu tình tay không. Nhiều người bị đẩy xuống sông, máu loang trên cầu Tràng Tiền... Cuộc biểu tình chống thuế cao sưu nặng từ Huế lan ra các tỉnh Trung Bộ. Nhà cầm quyền Pháp đã đàn áp thẳng tay. Các chí sĩ yêu nước Trần Quý Cáp, Nguyễn Hăng Chi bị xử chém, các ông Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế bị đày đi Côn

* Theo lời kể của đồng chí Vũ Kỳ với lãnh đạo tỉnh Bình Trị Thiên ngày 18-5-1979.



Đảo. Cụ Phan Chu Trinh bị kết án tử hình, sau giảm xuống chung thân, cũng bị đưa đi đày ở đảo Côn Lôn trong dịp này. Gia đình Bác là địa chỉ đen trong hồ sơ mật thám Pháp. Chị Bác - cô Nguyễn Thị Thanh, bị Tổng đốc gọi lên tra hỏi về việc nuôi giấu thủ lĩnh nghĩa quân Duy Tân hội. Bác và ông Cả Khiêm (anh Bác) trong hồ sơ mật thám Trung Kỳ ghi rõ "hai con trai của ông (Nguyễn Sinh Huy) học ở trường Quốc học có những lời bài Pháp trước mặt thầy giáo, trong lúc dân chúng biểu tình chống thuế".

Trong thời gian học ở Trường Quốc học, Bác tham gia phong trào cắt tóc.

Ngày trước đàn ông cũng để tóc dài và búi tóc củ hành. Khi có phong trào cải lương vận động mọi người cắt tóc, nhưng chưa ai biết vận động thế nào thì một số thanh niên cứ nhằm phiên chợ mang một cái giỏ, một cái kéo ra các ngã đường và giữa chợ, thấy các thanh niên tóc dài đi qua thì kéo họ vào và đọc mấy câu: "Húi hề! Húi hề! Bỏ cái ngu này, bỏ cái dại này! Húi hề! Húi hề!". Chính vì vậy, khi vào dạy học ở Phan Thiết, Bác đã đọc bài ca hát tóc cho học trò trường Dục Thanh chép và khuấy lên phong trào hót tóc ở Phan Thiết.

*

* *

Ở Huế, Bác nhìn thấy sự thối nát của các triều đại phong kiến và bản chất của bọn thực dân Pháp. Hằng



ngày trong lớp học, thầy giáo Pháp vẫn giảng rằng họ đem văn minh đến cho nhân dân Việt Nam, Pháp bảo hộ và khai hóa đất nước Việt Nam, đem lại tự do, bình đẳng, bác ái cho mọi người. Nhưng những điều Bác nhìn thấy thì hoàn toàn trái ngược lại, người nông dân làm ra lúa gạo không có cơm ăn, thức ăn là nước muối pha loãng. Người công nhân làm việc cật lực thì lương rất thấp, lại còn bị đánh đập, chửi mắng thậm tệ. Chính bọn lính Pháp đã xả súng bắn vào những nông dân biểu tình gây đổ máu ở cầu Tràng Tiền, chúng sai rải cát quét đi phải hàng tuần lễ sau mới hết... Những thực tế đó đã đặt cho Bác nhiều câu hỏi. Bác nhớ như in lời kêu gọi của cụ Nguyễn Hằng Chi, bạn của cha Bác, người Hà Tĩnh đang dạy học ở Quảng Nam, có đoạn: *Giặc Pháp mượn tiếng bảo hộ để ngược đãi nhân dân ta đã quá lắm. Hàng năm nạp thuế xong rồi người không chiếc áo lành, bụng không được no, khổ hết chỗ nói, nếu không một phen đứng dậy tỏ trình kêu nài thì sưu thuế hầy còn tăng mãi. Dân ta mười nhà đã chín nhà trống không, khó lòng gánh chịu được. Không lẽ cứ ngồi mà chịu chết. Chi bằng vùng đứng dậy để tìm lối sống. Ở đâu có bình đẳng, bác ái? Tại sao quần chúng nhân dân đấu tranh hăng hái như vậy mà không thành công? Cách mạng Pháp đã làm như thế nào? Bác tin ở dân, tin vào ý chí và sức mạnh của dân và chính niềm tin đó đã thôi thúc Bác bỏ Trường Quốc học ra đi tìm đường cứu nước. Ý định sang phương Tây, sang Pháp này mằm*



từ khi còn ở nhà, đến Huế càng được tô đậm và hình thành rõ nét.

*

* *

Chúng ta về thăm Huế, trước nhất hãy đến cửa Đông Ba, số nhà 45 đến 49 đường Mai Thúc Loan chính là nơi Bác đã chịu cảnh đói cơm rách áo và là nơi Bác vĩnh biệt người mẹ thân yêu của mình. Trong Thành nội, từ cửa Hiến Nhân, Thượng Tứ, Ngọ Môn, đến lầu Nam Giao, ngã tư Âm hồn... rất nhiều nơi đã in dấu chân và nhiều kỷ niệm thời thơ ấu của Bác. Qua cầu Tràng Tiền, theo đường Lê Lợi đến thăm trường Quốc học làm sao ta không nghĩ tới những bước chân rầm rập của những đoàn nông dân đấu tranh chống thuế năm 1908, trong đó có Bác.

Về Huế ta chớ quên thăm Di Luân Đường, nơi Bác vẫn theo cụ thân sinh đi dự các buổi bình văn thơ. Tại đây, cụ Nguyễn Sinh Huy đã nói một câu nổi tiếng: "Quan trường thị nô lệ, trung chi nô lệ, hựu nô lệ" nghĩa là: "Quan trường thực ra chỉ là đám nô lệ hơn cả tầng lớp nô lệ".

Về Huế, ta hãy qua Đập Đá Vĩ Dạ, về thăm Dương Nổ Đông, thăm nhà cụ Nguyễn Hữu Độ, nơi ngày xưa Bác ở và học những chữ Hán đầu tiên. Dương Nổ nằm bên dòng sông Phổ Lại. Phổ Lại theo người dân xứ Huế có nghĩa là dòng sông đào làm thủy lợi. Sông Phổ Lại uốn lượn giữa làng quê xanh rờn tre trúc. Căn nhà nhỏ với những hàng



cau, hàng rào bằng mận hảo đơn sơ vẫn còn đó. Ngôi nhà đã được địa phương xây dựng phục chế lại y như cũ. Nhiều kỷ vật ngày ấy vẫn còn như cái sập gỗ to có bốn bánh xe, cái giường Bác và cụ thân sinh vẫn nằm, cái yên thư để sách. Ngày còn ở đây, những buổi trưa Bác thường qua cầu Hói xuống thăm miếu Bà. Miếu Bà và miếu Ông nằm trên doi đất bên bờ sông Phổ Lại có nhiều cây to bóng mát. Miếu Bà trên nóc có phượng, miếu Ông trên nóc có rồng. Trong miếu Bà có một nền nhẵn và mát, Bác hay đến nằm đọc sách. Các cụ già Dương Nổ kể rằng, có lần các cụ hỏi về con cái, cụ Nguyễn Sinh Huy cười nói vui: "Tôi có hai con trai, anh tên là Nguyễn Sinh Khiêm, tức *Khom*, em là Nguyễn Sinh Cung tức *Công* (*Khom* và *Công* là gọi theo âm xứ Nghệ). *Khom Công* tức là *Không com*, nên đi đâu tôi cũng đem hai con theo".

*

* *

Sau Tết năm 1909, cụ Nguyễn Sinh Huy được cử làm giám khảo thi Hương khoa Kỷ Dậu ở Bình Định. Ông và hai con trai lên đường giữa lúc Huế còn mịt mù trong những lớp sương mù dày đặc của mùa xuân lạnh giá. Kể từ ngày rời Huế cho đến khi Bác trở về Hà Nội là gần 36 năm, khi gặp lại các đại biểu thành phố Huế là hơn nửa thế kỷ. Vậy nhưng Huế vẫn cùng với miền Nam luôn in đậm trong ký ức Bác. Ngày Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, với cương vị Chủ tịch nước, Bác đã cho



tìm lại những người bạn thời thơ ấu ở Huế và cho cán bộ đến thăm hỏi, chuyển quà tặng của Bác. Sau này, trong chống Mỹ, Bác đã tiếp nhiều cán bộ Bình Trị Thiên ra miền Bắc và Bác đã nhắc nhiều đến kỷ niệm ở Huế 50 - 60 năm về trước.

Bác nhớ đoạn đường ngoằn ngoèo vòng qua vòng lại ở dốc Miếu, chợ Cầu. Lần gặp anh hùng Nguyễn Thị Kim Huế, sau là Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Bác nhắc: "Bác nhớ khi đi qua vùng Bình Trị Thiên đồng bào khổ lắm. Đến bữa ăn, họ hòa muối vào trong một bát nước, cả nhà ngồi xung quanh nhúng đũa vào trong bát nước muối rồi ăn với cơm".

Gặp đồng chí Hoàng Lanh ở trong Thành Huế ra (sau này là thường vụ Tỉnh ủy Bình Trị Thiên), Bác hỏi:

- Trường Quốc học có thay đổi nhiều không?
 - Cửa Đông Ba, cầu Gia Hội có còn như ngày xưa không?
- Bác nhắc Huế có bánh khoái nổi tiếng lắm.

Năm 1969, trước lúc Bác đi xa, khi gặp đại biểu Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình thành phố Huế vừa ra vùng giải phóng hồi Mậu Thân năm 1968, Bác hỏi:

- Ở Huế có còn các cô bán chè mặc áo dài trắng giọng rao thánh thót với đôi gánh đầy những chén chè nho nhỏ nữa không? Bác còn nhớ các cô bán đủ loại chè và những chén chè nhỏ xíu để trên những cái trệt xây ba bốn tầng.
- Con đường chạy qua trường Quốc học bây giờ gọi là đường gì?



- Con đường từ cửa Đông Ba vô chợ Xếp tên gì?
- Chợ Xếp có còn đông nữa không?

...

Bác luôn nhớ, nhớ rất chi tiết về Huế. Đúng là từ ngày ấy, từ đầu thế kỷ này, Huế và miền Nam đã ở trong máu, trong tim Bác.

III

Năm 1909, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc được bổ làm Tri huyện Bình Khê thuộc tỉnh Bình Định. Huyện lỵ nằm trên đường 19 ven theo sông Côn, cách đèo An Khê chưa đầy 20 km. Đây chính là nơi sinh ra, lớn lên và dấy binh khởi nghĩa của Nguyễn Huệ, là quê của Bùi Thị Xuân, Mai Xuân Thưởng. Nguyễn Sinh Cung lúc đó cũng theo cha vào Bình Định. Trong thời gian làm quan, cụ Phó bảng thường xử hòa các vụ kiện hoặc đứng ra bên vực người nghèo, thả những người tù yêu nước. Cụ ít nghĩ tới "việc quan" mà chỉ thường hay đi đây đi đó thăm hỏi nhân dân, đồng bào. Một lần để bảo vệ công lý cụ đã thẳng tay trừng trị một tên quan lại và bị giáng chức. Thời gian ông Phó bảng ở Bình Khê từ ngày 1-7-1909 đến ngày 17 tháng 1 năm 1910. Cụ Phó bảng không về quê mà đi thẳng vào Nam Bộ. Vào Sài Gòn, cụ tiếp tục liên lạc với các sĩ phu yêu nước. Nguyễn Sinh Cung năm đó vừa học xong thành chung



Trường Quốc học Huế, theo cha để có điều kiện học tiếp. Nhưng thời cuộc và xã hội đã thôi thúc Người. Trong thời gian ở quê và ở Huế, Nguyễn Sinh Cung đã chứng kiến biết bao chuyện bất công và đau lòng của người dân mất nước. Những ngày đó, cậu được cha giao nhiệm vụ canh gác và làm liên lạc cho các sĩ phu yêu nước họp bàn, trong đó có các cụ Phan Bội Châu, Trần Quý Cáp, Phan Chu Trinh. Do đó, Người sớm được tiếp xúc với những tư tưởng tiến bộ. Hiện thực đất nước lúc đó phải chăng đã đặt cho Bác câu hỏi: Phải làm gì đây? Làm gì để xóa bỏ bất công, đói nghèo, giải phóng đất nước khỏi đêm đen nô lệ? Từ Bình Định, nơi trước đó hơn một thế kỷ, anh em Nguyễn Huệ đã phất cờ khởi nghĩa, giải phóng non sông, thống nhất đất nước, Bác đã kiên tâm ra đi. Đồng chí Hà Huy Giáp kể lại rằng khi tiếp bà Xtorom, Bác đã nói: *đất nước tôi có bờ biển rất dài, tôi lang thang dọc bờ biển, tìm đến những bến tàu để xem có cách nào ra nước ngoài được không?* Người đã dừng chân lại Sông Cầu (Phú Yên) một thời gian ngắn để nhờ cụ Phạm Ngọc Thọ* chỉ dạy, hướng dẫn. Từ Sông Cầu, vào Tuy Hòa, Nha Trang, Cam Ranh, Phan Rang rồi Phan Thiết. Lúc bấy giờ tàu hỏa mới chạy đoạn đường từ Huế - Đà Nẵng và Huế - Quảng Trị. Đường ô tô chỉ có đôi

* Cụ Phạm Ngọc Thọ là thân sinh của Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, nguyên Bộ trưởng Bộ Y tế, lúc này cụ đang là Tổng đốc Phú Yên, bạn của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc.



đoạn. Phương tiện chủ yếu ngày đó là đi bộ hoặc ghe buôn chạy buồm.

Gần hết năm 1909, Nguyễn Tất Thành chỉ đi được hơn 500 cây số. Sau những ngày dừng chân ở Duồng, một làng biển sầm uất ở xã Chí Công (Tuy Phong - Bình Thuận), Bác theo ông nghề Trương Gia Mô (bạn của cụ Phó bảng) vào Phan Thiết và gặp cụ Nguyễn Hiệt Chi, con của cụ Nguyễn Hằng Chi, một sĩ phu trong phong trào yêu nước, đang làm việc ở Phan Thiết, gặp cụ Hồ Tá Bang, Trưởng ban quản trị công ty Liên Thành và được cụ Bang hết lòng giúp đỡ. Công ty Liên Thành thu xếp để Nguyễn Tất Thành dạy học ở Trường Dục Thanh. Phan Thiết là nơi dừng chân lâu nhất trên chặng đường của Người trong thời gian này.

Bình Thuận những năm đó là đầu mối giữa Nam Bộ và Trung Bộ, là chặng đường gần như cuối trong cuộc Nam du của các nhà lãnh đạo phong trào Duy Tân, cũng là nơi lánh nạn của các nhà nho yêu nước. Phan Bội Châu, Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn... đều đã có dịp đến Phan Thiết. Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc trên đường vào Nam Bộ cũng đã nhiều lần tới Phan Thiết. Cuối năm 1904, Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng đi chu du để tuyên truyền cho phong trào Duy Tân ở các tỉnh cực Nam. Ghe bầu đưa các cụ vào Bình Thuận, sau khi khảo sát, Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng trở về Xứ Quảng. Phan Chu Trinh bị bệnh ở lại Phan Thiết, vì thế mới có bài thơ *Phan Thiết ngoại*



bệnh. Trong thời gian lưu lại đây, cụ Phan kết thân với cụ Hồ Tá Bang và lập một thư xã (đây là nơi hoạt động chính trị đầu tiên của Hội Liên Thành). Trụ sở của Thư xã đặt tại đình làng Phú Tài nhằm truyền bá chữ quốc ngữ, giảng sách tiến bộ và tuyên truyền tư tưởng yêu nước. Trong thời gian ở Phan Thiết, Phan Chu Trinh có bàn bạc với hai người con trai của nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông, là Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh và cụ Hồ Tá Bang để tìm cách mở mang dân trí. Muốn vậy, trước nhất phải hoạt động gây quỹ, vì có tiền mới làm được việc mở trường học hoặc quán sách...

Đến tháng 9-1905, Phan Chu Trinh trở về xứ Quảng. Ít lâu sau, Công ty nước mắm Liên Thành chính thức được thành lập.

Trước đó, nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông (1826-1894) từ Tân An ra Phan Thiết lập Đồng Châu xã nhằm gây dựng cơ sở chống Pháp. Ông cho cất một ngôi nhà nhỏ bên bờ sông Cà Ty và đặt tên là Ngọa Du Sào (có nghĩa là "Tổ nằm chơi"). Tập thơ *Ngọa Du Sào* đầy lòng yêu nước đã ra đời ở đây:

Tham quan ô lại một phường

Nuôi thân bằng máu, bằng xương dân lành.

(Thơ Nguyễn Thông)

Ngọa Du Sào là một căn nhà có gác xép dài 6m50, rộng hơn 4m, cao hơn 2m, là nơi hò hẹn gặp gỡ bình thơ và bàn chuyện quốc sự của các sĩ phu yêu nước, cũng là



noi bày tỏ tâm sự của những người yêu nước ở ẩn vì bế tắc chưa tìm được lối thoát cho cuộc đời và cho đất nước.

*

* *

Năm 1908, Nguyễn Trọng Lợi và Nguyễn Quý Anh mở Trường Dục Thanh. Trường được thành lập dưới sự bảo trợ toàn diện của Hội Liên Thành (sau này là Công ty nước mắm Liên Thành). "Thời bấy giờ không có Công ty nào của người mình mà lớn bằng, các tỉnh ở cực Nam Trung Việt noi gương thành lập những Công ty Hưng Tân, Phong Thạnh, Đồng Thạnh và Đồng Nghiệp Bình Thuận Hàm Ngư Thủy. Dân chúng Bình Thuận hưởng ứng, nên mới có câu phương ngôn: "Văn chương không bằng xương cá mè". Vì rằng khi đó có vốn muối cá mè làm mắm giàu có hơn là đeo đuổi nghiệp thi cử, văn chương. Nhờ cụ Phan Chu Trinh chủ xướng, khuyến khích, giáo dục công thương hội mà phong trào truyền bá canh tân, mở mang thương nghiệp, chấn hưng công nghiệp đã được khởi phát và thực hiện tại Bình Thuận sớm hơn ở Bắc phần và Nam phần"

Trường Dục Thanh với diện tích trên 120 m², mái lợp bằng ngói âm dương, không có tường xây, chỉ có vách bằng song gỗ xếp chéo hình thoi. Trường có 4 lớp, khoảng 100 học sinh (có cả học sinh của các tỉnh Nam Bộ) và chỉ

* Theo *Đông kinh nghĩa thực* của Nguyễn Hiến Lê.



vòn vẹn có bốn nữ. Học sinh hơn một nửa ở nội trú, trường có cất một căn nhà, gọi là nhà Ngư cho học sinh và các thầy giáo ăn ở tập thể. Việc ăn ở của học sinh do trường đài thọ. Trường dạy chữ quốc ngữ là chính, nhưng cũng có giờ dạy chữ Hán và chữ Pháp. Trước sân trường có một cây cổ thụ to và ngoài cổng là sông Cà Ty êm đềm. Gần cây cổ thụ có một hồ sen nhỏ, nhiều rãnh hoa huệ, hoa trúc đào. Trường được nhân dân ủng hộ, nhiều người hiến ruộng góp quỹ cho trường. Ngoài hai người con của cụ Nguyễn Thông, ông Hồ Tá Bang cũng là người có nhiều đóng góp cho trường. Với tư tưởng và mục đích, phương pháp tiến bộ, Trường Dục Thanh được khắp nơi biết tiếng, được nhiều nhà yêu nước quan tâm. Chính vậy mà Nguyễn Tất Thành trên đường vào Nam đã nghe, đã biết và đã tìm đến trường. Năm ấy, Người vừa tròn 20 tuổi. Là con của một Phó bảng yêu nước, được cụ nghè Mô giới thiệu, nên Người được ban phụ trách và các thầy giáo ở trường rất quý trọng. Cụ Nguyễn Quý Phẫu, cháu ruột nhà thơ Nguyễn Thông, là học trò lớp ba của thầy giáo Nguyễn Tất Thành kể lại: "Dù là mới vào dạy chưa được bao lâu nhưng thầy Thành đã được nhiều học trò quý mến. Tết đến, học trò nội trú đều về nhà ăn Tết, các thầy giáo cũng vậy, chỉ có thầy Thành ở lại trường".

Tết năm 1910, Bác đã ăn Tết với gia đình con cháu cụ Nguyễn Thông. Theo tục lệ địa phương, Tết đến, mọi người thường mua hoa trường sanh màu vàng như bông



mai về cắm trong bình. Năm đó lập xuân vào sát Tết. Từ 25 Tết, nhiều học trò quê Phan Thiết đã đem hoa trường sanh đến tặng thầy Thành.

Tết năm đó, con cháu cụ Nguyễn Thông mở những cánh cửa chính nhà thờ tổ và dọn bàn ở hàng hiên giữa nhà thờ và nhà thảo bực để ăn Tết. Theo cụ Phẫu, Tết đó, có đủ bánh tét, dưa món, củ kiệu và đặc biệt có hạt dưa và mứt gừng rim nguyên củ, mứt bí đao. Thầy Thành rất thích các món này. Thầy nói: món này giống món ăn ngày Tết ngoài Bắc. Mãi mấy chục năm sau Bác vẫn còn nhắc: "Ngày Tết ở Bình Thuận có nhiều hạt dưa lắm".

*

* *

Nguyễn Tất Thành dạy học ở Phan Thiết chỉ trong thời gian tuy ngắn nhưng đã để lại trong lòng các học trò, các thầy giáo Trường Dục Thanh và bà con ở Phan Thiết những tình cảm và ấn tượng sâu sắc về Người.

Mười năm trước ngày miền Nam được giải phóng, chúng tôi có dịp gặp bác sĩ Nguyễn Kinh Chi, con của cụ Nguyễn Hiệt Chi, một trong những học trò ở Trường Dục Thanh của thầy giáo Nguyễn Tất Thành, sau là Thứ trưởng Bộ Y tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bác sĩ Nguyễn Kinh Chi kể lại rằng:

"Năm đó Bác Hồ 20 tuổi, dáng người thanh thanh, tóc hót ngắn, trán cao, nét mặt tươi, đôi mắt sáng kiên nghị và tươi tỉnh. Bác thường mặc bộ bà ba màu trắng,



thắt lưng màu hoa lý thả thòng bên hông như thanh niên đương thời hoặc mặc áo dài trắng. Bác mang guốc đẽo bằng gỗ vông hoặc giày vải kiểu hàm ếch, đội mũ cát không có băng tròn trên mũ". Bác sĩ Chi kể lại: khi đó vì Bác là con cụ Phó bảng nên được các thầy dành cho chỗ ở trên Ngọa Du Sào, nhưng Bác ít ở đó mà thường sang nhà Ngư ở chung và ăn chung với các em học sinh. Bác chỉ lên Ngọa Du Sào để đọc sách, chấm bài và bàn chuyện với các thầy. Bác thường nghỉ trưa trên bộ ván ở Ngọa Du Sào. Sáng dậy, Bác tham gia quét dọn nhà cửa và gánh nước tưới hoa, tưới cây với học trò. Những buổi lên lớp Bác giảng bài tỉ mỉ, giọng Bác nghe ấm và rất cảm mến. Có những chỗ khó Bác giảng đi giảng lại cho cả lớp hiểu được mới thôi. Bác là giáo viên đầu tiên dạy quốc ngữ ở trường Dục Thanh. Bác phụ trách lớp nhì và dạy thêm các lớp khác. Bác không bao giờ đánh mắng học trò. Giờ nghỉ, Bác thường đưa học sinh đi ngoại khóa ở dọc bờ sông hay ra bờ biển. Khi đi mang theo cơm nước để ăn trưa. Những lần đi chơi như vậy, Bác thường giảng về địa lý và lịch sử đất nước cho học sinh nghe. Có khi Bác kể chuyện bà Triệu, bà Trưng, khi thì kể chuyện Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo chống xâm lăng... Bác đặc biệt kể nhiều lần và ngợi ca vua Quang Trung Nguyễn Huệ. Bác kể về Thái Xá, quê nội của Nguyễn Huệ và về vùng đất Bình Khê có dòng sông Côn là nơi Nguyễn Huệ lớn lên, lập căn cứ khởi nghĩa của phong trào Tây Sơn, đó cũng là nơi cha Bác làm tri huyện và bị huyện chức.



Bác thường giới thiệu những cảnh đẹp và giàu có của đất nước, đồng thời vạch rõ chế độ thực dân đã làm cho dân ta nghèo khổ.

*

* *

Mùa xuân năm 1978 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải* có tổ chức một cuộc gặp gỡ tọa đàm với các học trò của thầy giáo Nguyễn Tất Thành năm 1910 học ở Trường Dục Thanh - Phan Thiết, với sự tham gia của đồng chí Hà Huy Giáp, Viện trưởng Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng Đoàn Bộ Văn hóa, một người đã được gần gũi và làm việc nhiều với Bác.

Tại đây chúng tôi được gặp lại các cụ Nguyễn Quý Phẫu, Từ Trường Phùng, Nguyễn Đăng Lâu, nguyên là học trò của thầy giáo Nguyễn Tất Thành ở Trường Dục Thanh, đều gần 80 tuổi. Chúng tôi cũng được gặp chị Hồ Thị Vân hiện là quản trị viên thuộc thể hệ thứ hai của Công ty nước mắm Liên Thành, con gái của cụ Hồ Tá Bang.

Hôm đó, trong tiết trời xuân man mát của vùng đất biển, bên bờ sông Cà Ty trong xanh lượn vòn giữa thị xã Phan Thiết, chúng tôi nghe các cụ kể lại những kỷ niệm về Bác Hồ - thầy giáo Nguyễn Tất Thành năm 1910.

* Nay là hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận.



Thầy Thành dạy học trò bằng cả tình thương yêu như với em ruột mình, không bao giờ thầy đánh hoặc chửi mắng học trò - Thầy Thành hay nói với thầy Hải:

- Các em còn nhỏ làm sao không bị lỗi, ta phải thương yêu, dạy bảo các em, đừng làm các em sợ.

Khi lên lớp thầy thường hỏi học trò đã hiểu chưa, khi nào tất cả đều hiểu thầy mới yên tâm. Nhiều học trò khi trả bài do sợ quá hoặc do nhút nhát mất bình tĩnh, thầy bảo:

- Đừng sợ, các em phải bình tĩnh, sợ quá sẽ dễ quên.

Với những học trò chưa thuộc bài, ấp úng, thầy nói:

- Em học như thế là chưa tốt. Thôi, xuống học lại cho thuộc rồi trả bài sau.

Mỗi ngày, trước khi vào lớp, học trò các lớp đứng xếp hàng ở sân nghiêm chỉnh rồi tuần tự vào lớp. Ai ngồi đâu vào đúng chỗ đó, thầy giáo sẽ rung chuông, học trò đứng yên hát bài ca yêu nước, hát xong, thầy giáo rung một hồi chuông nữa, học trò ngồi xuống bắt đầu nghe thầy giảng bài. Các bài ca yêu nước này thường do thầy Thành đọc cho học trò chép và dạy cho học trò hát. "Bài ca yêu nước" ghi được một đoạn như sau:

*"Nước Nam ta từ đời Hồng Lạc,
Mấy ngàn năm khai phá đến nay
Á Châu riêng một cõi này
Giống vàng ta cũng xưa nay một loài
Vuông dậm đất ba mươi mấy dậm
Nào bạc vàng nhan nhản thiếu chi".*



Phong trào hót tóc theo tinh thần Duy Tân ở Phan Thiết cũng khởi xướng từ Trường Dục Thanh. Chính Bác đã dạy học trò bài ca "Hót tóc". Bài ca có đoạn:

...

" Gọi cúp tóc là thất trung, thất hiếu
Chớ tóc dài trung hiếu với ai đâu
Kìa xem trong ngũ đại châu
Nào ai dài tóc có đâu như mình
Nói ra ngật mà làm tỉnh cũng ngật
Hể có tay, có chân, có mày, có mặt
Chữ đồng tâm cho chắc mới nên người
Hể mà có mắt không người
Có tai không lỗ như người sống dư
Duy Tân lúc bấy giờ là phải
Tóc cúp đi chỉ đại mới chữa cho
Biết ăn mà chẳng biết lo
Lửa đã táp đến giò mà chẳng biết
Người chẳng tiếc sao tóc dài còn tiếc
Nghĩ cái đời đại thiệt chớ khôn đâu
Muốn ăn còn đợi kẻ và
Còn mang thói cũ ắt là hư thân".

Bài ca này, trước nhất là học trò trong trường thuộc lòng, sau đó hầu như thanh niên ở thị xã đều thuộc. Ngày đó thanh niên thường để tóc dài "búi tó củ hành". Sau đợt vận động này, thanh niên Phan Thiết từ ba mươi lăm tuổi trở xuống đều hót tóc ngắn.



Thầy Thành cũng là người khởi xướng phong trào tập thể dục thể thao trong trường. Lúc ấy Dục Thanh là trường duy nhất có phong trào thể dục thể thao. Thầy trò tổ chức đào một cái hố dài và sâu rồi nhảy từ dưới lên, mỗi ngày đào sâu thêm một chút để nhảy. Thể dục lúc ấy là những bài hít thở với vài động tác tay rất nhẹ nhàng. Sáng sáng tiếng hô của thầy Thành vang trên sân trường. Thầy hô theo âm Hán như "Một-hai-ba-bốn" thì hô là "Nhất-nhị-tam-tứ", hoặc là "đứng yên" thì hô "lập định", đưa cả hai tay lên trời thì hô là "lưỡng thủ tả hữu tề cử". Cũng như chấm bài, các thầy chưa gọi là điểm mà gọi là "công". Bài làm đúng, tốt thì được mười công, bài dở thì một, hai công. Thầy Thành chấm bài kỹ và thưởng công rất phân minh, thường có kèm theo lời dặn dò chu đáo. Những học trò làm bài kém quá, ngoài giờ, thầy gọi đến giảng thêm, rồi cho làm lại bài để chấm lại. Tất nhiên những bài đó thầy có trừ đi một, hai công. Vì vậy thầy được học trò quý trọng, thương yêu như người anh trai trong nhà.

Một điều nữa mà tất cả những người học trò cũ của thầy giáo Nguyễn Tất Thành đều nhớ và nhớ như những chuyện đó vừa xảy ra chủ nhật vừa rồi. Đó là việc thầy Thành chủ trương đưa học sinh đi ngoại cảnh vào ngày chủ nhật. Khi thì thầy đưa đi chơi ở động cát Thiềng Đức, đình làng Đức Nghĩa, và thường nhất là ở bãi biển Thương Chánh. Ngày trước dân cư tập trung nhiều ở bến cá Cồn Chà và dọc theo đường số một cũ, nay là đường



Lê Hồng Phong nối đường Nguyễn Huệ với chiếc cầu sắt bắc qua sông Cà Ty. Khu vực Tỉnh ủy bây giờ, ngày xưa cũng là chỗ có cây to bóng cả mà Bác hay đưa học trò đến chơi. Ngày trước đây là khu nhà Pônggalu của Pháp, một dạng khách sạn dành cho quan chức Pháp nằm trên đồi cao, phải leo mấy chục bậc tam cấp mới lên tới nơi. Gần đó là khu nhà dây thép (Bưu điện). Hai đường dây điện thoại bắt qua sông, chiều chiều gió thổi kêu ro ro, mỗi lần qua cầu học trò bảo nhau: chắc người ta đang gọi nhau nó mới kêu như vậy. Thầy Thành cười giải thích:

- Không phải đâu, tiếng kêu các em nghe được là do gió thổi làm dây thép rung trong không trung mà có, chứ gọi nhau trong điện thoại không bao giờ phát ra âm trên đường dây.

Nhiều lần Người dẫn học sinh ra bờ biển Thương Chánh, nơi có nhiều ghềnh đá nổi giữa hai bờ biển cát trắng nằm ở tả ngạn sông Cà Ty. Ở đó có đồn thuế quan của Pháp nên gọi là bờ biển Thương Chánh. Ngày trước, dọc theo bờ biển có nhiều dương liễu, nhà cửa thưa thớt. Tết Trung thu năm 1910, lúc mặt trăng đỏ tròn lồng lộng xuất hiện ở chân trời đằng đông, thầy Thành và học trò của thầy đã có mặt để vui đón Trung thu bên ghềnh đá sóng vỗ trắng sáng này. Đêm đó, sau khi "phá cỗ" ăn bánh trung thu, uống nước, thầy Thành đã kể chuyện chị Hằng Nga với truyền thuyết "Chú Cuội ngồi gốc cây đa" rồi giải thích theo khoa học về mặt trăng cho học trò nghe. Những lần đi chơi thầy hay tổ chức nhiều trò chơi, trò chơi thầy thích



nhất là "bắt thăm kể chuyện". Dưới một cây to hay một nơi mát mẻ, học trò ngồi thành vòng tròn, thầy Thành làm mấy cái thăm để học sinh lần lượt bốc. Ai bốc trúng thăm đã ghi chỉ định thì kể một câu chuyện theo yêu cầu của lá thăm như là chuyện cổ tích, chuyện về quê hương mình hoặc tả một thắng cảnh mà em học sinh đó cho là đẹp. Sau đó thầy Thành phân tích, bày cho các em cách kể. Lần nào cũng vậy, kết thúc thầy Thành kể một câu chuyện. Chuyện của thầy đơn giản, dễ hiểu, vui, dí dỏm và nhẹ nhàng. Giọng thầy thủ thỉ làm ai cũng muốn nghe.

Cụ Nguyễn Quý Phẫu kể lại rằng: Có lần thầy Thành đến bên một học trò đang đọc sách, thấy em này đọc truyện thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, thầy liền hỏi:

- Trong sách này có câu "Trai thì trung hiếu làm đầu" em có hiểu không?

- Thừa thầy - người học trò đáp: "Trung, có nghĩa trung với vua, hiếu là hiếu với cha mẹ...".

Thầy Thành cười. Chủ nhật đó, thầy dẫn học trò qua bên kia sông, đến chỗ cây đa to ở khu đồi, thầy đưa quyển *Lục Vân Tiên* ra hỏi các em đã đọc hết chưa. Dù biết các em đã đọc rồi thầy vẫn tóm lược chuyện và giới thiệu tóm tắt về nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu với khí tiết cương trực "đâm mấy thằng gian bút chẳng tà" của ông. Thầy lại nêu ra câu hỏi:

- Trong sách có câu: "Trai thì trung hiếu làm đầu" các em có hiểu không?



Thầy để nhiều em trả lời, rồi giảng giải:

Đất nước ta tính từ ngày có vua Hùng dựng nước đã được gần 4.000 năm. Bốn nghìn năm đó là bốn mươi thế kỷ, thế kỷ nào ông bà cũng đứng lên chống ngoại xâm nhằm giành độc lập tự do cho đồng bào, cho đất nước. Vậy thì phận làm trai trước tiên phải kể đến chữ trung, là trung với dân, với nước. Có em nói là trung với vua, nếu là ông vua yêu nước như vua Duy Tân, vua Quang Trung, vua Trần Nhân Tông... thì được, chớ trung với những ông vua không thương dân mà ôm chân ngoại bang thì các em bảo có nên trung hay không?

Rồi thầy giảng chữ hiếu. Đại ý thầy nói: Hiếu là hiếu thảo. Ai cũng có cha mẹ, có anh em, người có công dưỡng dục sinh thành. Ca dao ta có câu: "Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra". Bác nói: Cha mẹ là ruột thịt, là người thân nhất của mình, nếu không hiếu thảo thương yêu cha mẹ liệu có thể yêu nước thương dân được không? Bác dặn: Chữ trung với chữ hiếu phải đi liền với nhau. Trung hiếu với cha mẹ thì phải trung hiếu với dân với nước. Coi việc dân việc nước như việc nhà mình. Sau cùng thầy nói: thời ấy Cụ Đồ Chiểu nói "Trai thì trung hiếu làm đầu" là phải đạo. Nhưng hôm nay thầy nghĩ: Trai gái đều nên lấy chữ TRUNG HIẾU làm đầu. Bác giảng rất kỹ và so sánh bằng những hình ảnh sự việc cụ thể làm cho tất cả học sinh đều nhớ sâu sắc.

Có khi thầy dẫn mấy em học sinh đi thăm xóm nghèo ở bến cá Cồn Chà. Các học trò của Bác kể lại: Không biết thầy



Thành ra chơi mấy lần rồi mà thấy thầy đến bà con ai cũng mời thầy vô nhà chơi, toàn là bà con nghèo. Vô thăm nhà nào, thầy cũng hỏi thăm rất cận kẽ về cách đánh bắt cá, về cuộc sống, bữa ăn trong nhà. Bác hỏi cách định phương hướng khi ở ngoài biển như cách nhìn sao, nhìn trời nhìn núi để định hướng thuyền đi, hoặc cách tập luyện thế nào để khỏi say sóng, lúc gặp trời bão tố làm sao để biết trước? Khi dạy học ở Phan Thiết, Người đã theo các ngư dân ra biển. Sau này có lần khi về thăm Quảng Ninh, trong bữa cơm Bác đã kể với đồng chí Bí thư Tỉnh ủy:

- Khi ở Bình Thuận, bà con ngư dân có cho Bác ăn món cá nục còn dầy đành đạch nấu chua với me, nêm thêm hành, ớt thiệt là ngon.

Món cá chua đó chỉ có thể thực hiện được ngoài biển khơi khi mảnh chà vừa mới kéo lên và bà con làm nghề mảnh rất hay ăn kiểu này. Trong khi dạy học ở Phan Thiết, Bác đã thưởng thức món cá này, và biển Phan Thiết chính là nơi đầu tiên Bác tập làm quen với sóng gió.

Các cụ cũng kể lại: Có lần vào xóm nghèo ở bến Cồn Chà về thấy một cụ già rụng hết răng đang ngồi lấy sống rựa giần miếng trầu, thầy Thành liền đỡ lấy và nhai hộ bà cụ. Bà cụ vô cùng xúc động. Trên đường về thầy nói: "Hồi nhỏ thỉnh thoảng thầy cũng nhai trầu cho bà ngoại". Với giọng buồn buồn, thầy nói với những người học trò của mình:

- *Người dân xứ mình sống trên bạc vàng (ý nói tài nguyên của biển - BT) mà suốt đời vẫn cực khổ, đến lúc đâu bạc răng long cũng không sắm nổi cái cối ngoáy trầu.*



Nhà cụ Hồ Tá Bang ở 21 đường Trung Nhi, gần Trường Dục Thanh là nơi Bác Hồ thường đến chơi và đôi lần ở lại ăn cơm. Cụ Hồ Tá Bang thường dạy các con:

- "Ráng mà học cái đức, cái nết của thầy Thành. Thầy tuy ít tuổi nhưng chí cao".

Những người học trò năm xưa của thầy giáo Thành còn kể lại: "Không biết học từ bao giờ, nhưng khi vào đến Phan Thiết, thầy đã biết đánh moócxo. Đêm đêm thầy Thành và thầy Của thường dùng thước kẻ đánh moócxo để liên lạc với nhau". Cụ Từ Trường Phùng còn nhắc lại năm thầy Thành dạy học ở Phan Thiết có sao chổi xuất hiện cả tháng ở phía biển Đông. Có đêm thầy Thành gọi học trò dậy xem và giải thích cho các em biết vì sao có sao chổi theo tinh thần khoa học. Giờ lại tài liệu khí tượng năm 1910 ở Thư viện Quốc gia thì đúng tháng tư năm đó có sao chổi xuất hiện gần cả tháng ở nước ta.

Cuối năm Canh Tuất (1910), Nguyễn Tất Thành rời trường Dục Thanh ra đi... Trước khi vào Sài Gòn, Người được cụ Hồ Tá Bang viết thư giới thiệu với Công ty nước mắm Liên Thành (lúc bấy giờ ở Chợ Lớn). Và đêm cuối cùng ở trường Dục Thanh, theo cụ Phùng kể lại, thầy Thành và thầy Nguyễn Quý Anh ngủ chung một giường, hai thầy nói chuyện suốt đêm không ngủ. Sáng ra trong sổ điểm thầy còn ghi lại mấy dòng: "Tiền sách của tôi giao cho trò Kinh" (tức Bác sĩ Nguyễn Kinh Chi). Chi có điều thầy ra đi không từ già, không có lễ tiễn biệt của các học trò. Có lẽ



điều đó cũng là một ấn tượng để những học trò thân yêu của thầy luôn luôn nghĩ rằng ngày mai thầy sẽ trở lại...

Mãi đến cuối tháng 7 năm 1911 nhà trường mới được thư của thầy viết từ Côlômbô cho biết thầy đang làm phụ bếp dưới tàu thủy để đi ra nước ngoài. Thư viết: Thầy nhớ các bạn bè và học trò của thầy ở Phan Thiết. Dưới lá thư thầy vẫn ký tên Nguyễn Tất Thành¹.

*

* *

Về thăm Bình Thuận, đến thăm khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Phan Thiết, từ cầu Trần Hưng Đạo theo đường Trung Nhị ngược sông Cà Ty về thăm khu Trường Dục Thanh. Con đường nhỏ lượn theo dòng sông xanh êm ả ngược xuôi thuyền bè này cũng là một con đường xưa Người thường đi. Trên mảnh đất Phan Thiết mặn mà hương vị của biển, rất nhiều nơi in dấu chân Người, và cũng rất nhiều người còn giữ trọn vẹn những kỷ niệm về thời thanh niên của Bác.

*

* *

Cuối năm 1910, Nguyễn Tất Thành rời Trường Dục Thanh ở Phan Thiết vào Sài Gòn tiếp tục cuộc hành trình

1. Xem Trình Quang Phú: *Từ Làng Sen đến Bến Nhà Rồng*, Nxb. Thanh niên, 2010.



tìm đường cứu nước. Ngày đó phương tiện đi lại còn rất thô sơ, xe lửa mới chỉ chạy loanh quanh Sài Gòn từ Chợ cũ đi Tân Định và Chợ cũ đi Chợ Lớn... Cả Sài Gòn lúc bấy giờ chỉ có chừng năm, bảy chiếc ô tô, vì vậy, hai trăm cây số từ Phan Thiết vào Sài Gòn Người phải đi bằng thuyền buồm.

Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định lúc này còn tách riêng bởi nhiều ruộng, kinh rạch, ao hồ và đầm lầy, dân cư thưa thớt, chợ Bến Thành chưa xây xong, chợ Sài Gòn còn rất nhỏ, nhóm họp trên nền Tổng Ngân khố (đường Nguyễn Huệ bây giờ), nhưng Sài Gòn đã có nước máy, có đèn điện. Nhà ga xe lửa nằm giữa đường Hàm Nghi. Trên các phố chủ yếu là xe ngựa đóng thùng kính gọi là "xe kiếng", xe thổ mộ, xe song mã và xe kéo tay... Cảng Sài Gòn cho hạm thuyền ba buồm hạng lớn và tàu thủy chạy bằng hơi nước mới xây dựng.

Những năm đó, Sài Gòn là Thành phố Viễn Đông tráng lệ của thực dân Pháp. Với Bác, đây vẫn là thành phố của bất công và nghèo đói. Về sau, trong những bài báo, diễn văn viết, nói ở nước ngoài, Người đã đôn cử rất nhiều trường hợp về cái gọi là khai hóa, là văn minh, là công lý của bọn thực dân ở thành phố này... Đến Sài Gòn, đầu tiên Bác tìm đến nhà người anh em của cụ Nghè Mô là ông Lê Văn Đạt tại xóm cầu Rạch Bần (nay là số nhà 185/1 đường Cô Bắc). Một thời gian sau cụ Nghè Mô và ông Hồ Tá Bang đưa Bác đến ở nhà 1-2-3 đường Tecxa, Chợ Lớn, lúc ấy là trụ sở của Thương quán



Liên Thành phân cuộc. Lúc đó ba gian nhà này chỉ là nhà một tầng, lợp ngói âm dương. Bác ở đây cho đến ngày xuống tàu. Trong thời gian ở đây, Người thường đi thăm cha đang làm nghề bốc thuốc ở cầu Ông Lãnh. Tết năm đó, thầy Thành nói: "Tôi về ăn Tết với cha". Thành phố Sài Gòn đã có một mùa xuân in đậm trong Bác. Trong đêm đen nô lệ, chắc chắn Bác và cụ Phó bảng đón Tết với lòng xót xa thương dân, thương nước. Đầu tháng 3, Bác xin vào học ở trường đào tạo công nhân hàng hải và công nhân chuyên nghiệp cho xưởng Ba Son. Theo đồng chí Hà Huy Giáp kể lại, có lần Bác nói: "Bác đâu có ý định học thợ, nhưng trong lúc lang thang để tìm cách sang phương Tây, mà có nơi cho mình học, có cái ăn là mình vô thôi".

Bác học tại trường được ba tháng, ngót trong một trăm ngày đó Bác đã dành nhiều thì giờ để quan sát Sài Gòn. Cái gì đối với Bác cũng mới lạ, từ nhà cửa đến đèn điện, máy nước, xe cộ, chiếu bóng,... nhưng điều lạ hơn cả là trong bối cảnh như vậy sao dân mình vẫn khổ sở và bị khinh rẻ. Phải làm gì để cứu dân, cứu nước? Trong một lần đến thăm cha, cụ Phó bảng nói với Bác: "Tìm thăm cha là tốt, nhưng cái cần hơn vẫn là tìm đường cứu dân tộc"... Suy nghĩ đúc kết những bước đi của các vị tiền bối, Bác khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Trần Quý Cáp và nhiều nhà yêu nước khác. Nhưng Bác "không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào".



Khi quyết tâm ra đi, Bác rủ một người bạn:

- Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình, thật ra cũng có điều mạo hiểm, ví như khi đau ốm... Anh muốn đi với tôi không?

Người bạn ngạc nhiên sững sốt hỏi lại Bác:

- Nhưng bạn ơi, chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi?

Bác đã giơ hai bàn tay với lòng tự tin cả quyết:

- Đây, tiền đây. Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi. Thế thì anh cùng đi với tôi chứ?

Trước lòng quyết tâm của Bác, anh bạn đã đồng ý, nhưng sau đó anh không đủ can đảm để thực hiện lời hứa¹.

Tháng tư năm 1862, Công ty vận tải đường biển Hoàng gia Pháp Messageries Impériales (viết tắt M.I) bắt đầu hoạt động tuyến đường từ Pháp đi Sài Gòn - Hồng Kông..., trụ sở của công ty ở Sài Gòn bắt đầu xây dựng, đó là ngôi nhà ba tầng nằm ở hữu ngạn Vàm rạch Bến Nghé*, trên nóc có hai con rồng quay đầu vào châu mặt trăng theo kiểu "Lưỡng long châu nguyệt". Khoảng năm 1920 hãng MI đổi thành hãng Messageries Maritimes thì phù hiệu của hãng có hình đầu ngựa, mỏ neo, vương miện, hai

1. Xem Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.16.

* Vàm rạch: cửa sông Bến Nghé.



bên có hai con rồng châu, nhưng lại đặt đầu quay ra hai bên, bốn góc có bốn con cá hóa rồng châu ra bốn hướng theo cung cách đình chùa Việt Nam. Một nhà báo Pháp có viết rằng đó là cách điệu của người Pháp để nói các con tàu ra đi từ xứ Á châu này. Coi mặt đặt tên, nhân dân ta gọi đó là Nhà Rồng. Tên gọi bến Nhà Rồng cũng xuất phát từ đó.

Bên này Vàm rạch Bến Nghé có cột cờ Thủ Ngự để làm mốc cho tàu buôn ra vào. Cột cờ dựng ở trước sở thuế của cảng Sài Gòn (khi đó còn gọi là Sở Thủ Ngự như tên gọi dưới thời vua Tự Đức). Ngày 15-8-1862, tại Vũng Tàu, khánh thành ngọn hải đăng dẫn đường cho tàu vào cửa Cần Giờ.

Sau khi Công ty M.I vào Sài Gòn thì có thêm một hãng nữa chạy trên đường này. Đó là hãng tàu Chargeurs Réunis mới thành lập chạy đường Pháp và Đông Dương từ năm 1901. Hãng có một đội tàu gồm 7 chiếc. Sáu chiếc tàu lớn chia nhau chạy các tuyến giữa hải cảng Pháp và Đông Dương. Chiếc Chợ Lớn nhỏ hơn, chạy bổ túc quanh năm. Từ Đông Dương đi Pháp có hai nơi khởi hành: từ Hải Phòng ngày 27 mỗi tháng, từ Sài Gòn ngày 5 mỗi tháng. Hãng này có huy hiệu năm ngôi sao nên người Việt Nam thường gọi là hãng Năm Sao*.

* Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.1, tr.39.



Tàu Amiral Latouche Tresville là một trong bảy chiếc tàu của hãng Năm Sao do xưởng đóng tàu La Loire sản xuất ở vùng Saint Nazaire, hạ thủy ngày 21-3-1903, đăng ký tại cảng Le Havre năm 1904. Đây là một trong những tàu cỡ lớn đầu thế kỷ XX, vừa chở người vừa chở hàng. Hãng tàu Nam Sao có bến trong thương cảng Sài Gòn.

Thương cảng Sài Gòn ngày đó dài chừng 600m, nối tiếp với quân cảng kể từ công trường Mê Linh tới cầu Khánh Hội bên này rạch Bến Nghé, khi ấy gọi là Quai Fracis Garnier, nay cũng là một phần đường Tôn Đức Thắng.

Thương cảng năm 1911 khá tấp nập, trang bị đầy đủ và ở vào đầu mối giao thông rất thuận lợi, chỉ dài 600m mà có tới 6 đại lộ châu đầu vào bến. Đó là các đường Paul Blanchy (nay là đường Hai Bà Trưng), Catinat (nay là đường Đồng Khởi), Charner (nay là đường Nguyễn Huệ), Krantz và Duperré (nay là đường Hàm Nghi). Nhà ga đường sắt đi Mỹ Tho và đi Phan Thiết đặt ở đầu đường Hàm Nghi tiếp cận với thương cảng. Nhà ga tàu hơi (Tram way) cũng ở ngay đầu đường Nguyễn Huệ. Tàu hơi chạy dọc suốt thương cảng và quân cảng, một phía đi Gia Định rồi Hóc Môn, phía kia đi Chợ Lớn. Chợ Bến Thành (cũ) nằm gần đầu đường Nguyễn Huệ. Qua thương cảng, khối lượng chuyên chở hành khách và hàng hóa của cảng ngày càng gia tăng (riêng lúa gạo, năm 1861 xuất khẩu 8 vạn tấn, năm 1891 xuất khẩu 44 vạn tấn, năm 1911 xuất khẩu trên 1 triệu 10 vạn tấn).



Thương cảng Sài Gòn khi ấy có 5 cầu tàu: 3 cầu tàu nhỏ ở đầu đường Đồng Khởi dành cho các hãng chuyên chở đường sông, một cầu tàu lớn và một cầu tàu nhỏ ở đầu đường Hàm Nghi dành cho hãng tàu người Hoa. Brébion đã mô tả thương cảng Sài Gòn hồi 1911: Trên bến Francis Garnier (nay là Bến Bạch Đằng), phía bờ sông có nhiều loại cầu tàu chiếm chỗ. Một trong số cầu tàu lớn nhất là nơi cập bến các tàu lớn thuộc hãng Chargeurs Réunis (hãng Nam Sao).

Chúng ta có thể khẳng định bến đậu tàu Amiral Latouche Tresville là cầu tàu lớn của thương cảng Sài Gòn nơi đầu đường Nguyễn Huệ. Đây là một vị trí kang trang và khoảng khoáng nhất thành phố: nhìn vào đất liền qua đường Nguyễn Huệ rộng rãi thấy trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố, nhìn sang phía sông thấy ngôi Nhà Rong đồ sộ với dáng vẻ Âu - Á pha trộn dễ gây ấn tượng*.

Sau này khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, sau đó là cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam, hãng tàu Năm Sao không hoạt động ở Việt Nam và bến cảng bỏ phế. Các tàu bè ra vào chỉ cập cảng Nhà Rong là chủ yếu.

Những tháng đầu năm 1911, Bác vẫn tìm đến cảng Nhà Rong, cảng Sài Gòn để tìm hiểu, làm quen và kiếm việc làm.

Công nhân bến cảng và các nhà máy thời đó thường đi guốc mộc, mặc áo bà ba hoặc áo bành tô bằng vải kaki màu vàng nhạt.

* Theo tài liệu của nhà sử học Nguyễn Đình Đầu.



Trong những hăng tàu ra vào đó, Bác làm quen được với một số người Việt Nam làm ở hăng Năm Sao, hăng này chạy Sài Gòn - Đà Nẵng, Hải Phòng và đi Xingapo, Côlômbô, Doongkét, Boócđô, Mácxây, Lơ Havơ, Po Xaít, Gibuti. Hai người "bồi" Việt Nam mà Bác Hồ quen là Nguyễn Văn Hùm và Bùi Văn Viên. Hai ông này cho Bác biết là hăng đang tuyển "bồi", Bác và mấy người Việt Nam nữa xuống xin việc.

Trưa ngày 2 tháng 6 năm 1911, chiếc tàu "Đô đốc Latusơ Torêvin" của hăng Năm Sao từ Hải Phòng vào cập bến Nhà Rồng. Bác xuống tàu và gặp viên thuyền trưởng. Nhìn thân hình mảnh khảnh của Bác, thuyền trưởng hỏi:

- Anh có thể làm được việc gì?

- Tôi có thể làm bất cứ công việc gì. Bác đáp với lòng tự tin.

Nhìn thấy nét cương nghị và thông minh của Bác, viên thuyền trưởng mỉm cười:

- Được, tôi đồng ý nhận anh làm phụ bếp, sáng mai anh xuống đây nhận việc. Anh tên là gì?

Lúng túng một chút, Bác đáp:

- Văn Ba!

Trên tàu khi đó đã có một thủy thủ làm việc từ trước có tên là Nguyễn Văn Ba.

*

* *

Ngày 3 tháng 6 năm 1911, Bác chính thức xuống tàu làm phụ bếp. Đây là một trong những tàu lớn vừa chở hàng, vừa



chở khách. Tàu dài 124,1 m, rộng 15,2 m, chạy máy hơi nước, 2.800 mã lực, tốc độ 13 hải lý/giờ, trọng tải 5.572 tấn và có đủ nhiên liệu để chạy một mạch 12.000 hải lý. Trong hồ sơ lưu còn có sổ lương và sổ thủy thủ. Lương tháng 6 năm 1911 của Bác là 50 phorăng Pháp, trong khi những người bồi Pháp làm việc rất nhàn nhã thì lương gấp ba lần lương của Bác.

Trưa ngày 5-6-1911, con tàu Amiral Latouche Tréville đã rời bến sông Sài Gòn với 72 thủy thủ có mặt trên tàu. Trong chuyến hành trình đầu tiên đó Bác đến Xingapo, Côlômbô, Po Xait, rồi Đarăng, Mácxây và ngày 15 tháng 7 Bác đến Lo Havro, cảng chính ở miền Bắc nước Pháp.

Bác ra đi giữa mùa bão tố tháng sáu với một trái tim vĩ đại mang trọn tình yêu quê hương đất nước. Từ buổi trưa đó Bác bước vào cuộc đời của một người lao động cực khổ. "Mỗi ngày anh Ba phải làm từ bốn giờ sáng, quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn trên tàu, rồi đốt lửa trong các lò. Sau đó thì đi khuân than, rồi xuống hầm lấy rau, thịt, cá, nước đá... Công việc khá nặng nhọc vì dưới bếp rất nóng, còn trong hầm thì rất rét. Đôi khi vừa phải vác một bao nặng vừa leo lên những bậc thang, trong khi tàu tròn trành lắc lư rất nguy hiểm"¹.

1. Xem Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr.18.



Xong công việc ấy, phải dọn cho chủ bếp Pháp ăn. Sau đấy, lật rau, rửa nồi, chảo và đun lò lại. Công việc kéo dài suốt ngày.

Nhà bếp lo ăn cho cả bảy, tám trăm người, cả nhân viên và hành khách. Có nhiều cái chảo bằng đồng lớn và nặng quá, đến nỗi anh Ba phải kéo lê trên sàn. Và những cái nồi cao quá, anh phải leo lên ghế để chùi nồi. Luôn luôn nghe tiếng:

- Ba, đem nước đây!

- Ba, dọn chảo đi!

- Ba, thêm than vào!

Suốt ngày anh Ba người đầm hơi nước và mồ hôi, mình đầy bụi than. Người ta thấy anh Ba phải dùng hết tinh thần và sức lực để làm cho xong mọi việc. Và hơn nữa, anh còn phải gọt cho xong đồng củ cải và khoai tây... Mỗi ngày, đến chín giờ tối, công việc mới xong. Anh Ba mệt lử. Nhưng trong khi chúng tôi nghỉ hoặc đánh bài, anh Ba học hay viết đến khuya...

Một lần dọc đường, anh Ba suýt chết đuối. Bể nổi sóng. Làn sóng to như những quả núi chồm lên, đổ xuống. Hầu hết mọi người say sóng. Như mọi ngày, anh Ba lên bếp lại xuống hầm. Không thể vác những rổ rau lên vai vì tàu trông trơn trượt quá, anh phải buộc rổ rau vào dây sắt để kéo đi. Chuyển thứ hai một ngọn sóng lớn thành linh phủ lên sàn tàu và cuốn xuống bể mọi vật trên sàn tàu, cả những rổ rau và anh Ba nữa.



May là anh bị đẩy vào giữa cột buồm và dây xích, nhờ vậy mà thoát chết!...¹.

Theo những bức thư của Nguyễn Tất Thành gửi cho cha thông qua nhà chức trách Anh còn lưu trong tài liệu mật thám Pháp thì ngày 30-10-1911, Người đã đến Côlômbô và ngày 15-12-1912, Người đến New York. Nhà sử học Mỹ nổi tiếng, dành gần như cả cuộc đời để nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cung cấp cho chúng ta tư liệu rất quý khi Bác Hồ đến Mỹ và đi thăm tượng Nữ thần tự do. Bà đã lật xem những trang ghi cảm tưởng của mọi chính khách khi đến thăm và chiêm ngưỡng tượng Nữ thần tự do. Bà viết: "Tất cả họ đều ghi cảm tưởng bằng những lời ca ngợi ngôi sao tỏa sáng trên vòng nguyệt quế là ánh sáng tự do... Duy chỉ có Nguyễn Tất Thành nhìn xuống chân tượng và ghi: *Ánh sáng trên đầu Thân tự do tỏa rộng khắp trời xanh, còn dưới chân tượng thì người da đen đang bị chà đạp. Bao giờ người da đen được bình đẳng như người da trắng? Bao giờ có sự bình đẳng giữa các dân tộc? Và bao giờ người phụ nữ được bình đẳng với nam giới?*".

Từ ngày 5-6-1911 ấy, Bác đã trải qua bao gian nan, cực khổ của các nghề "bồi" ở dưới tàu, "bồi" ở khách sạn, làm nghề rửa ảnh, vẽ sơn mài... và làm nghề cào tuyết cho một trường học để sống, để đi, để hiểu và hoạt động

1. Xem Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr.18-19.



cách mạng. Tám năm sau, tháng 6 năm 1919 Cảng Sài Gòn lại chuyển đến nhân dân Việt Nam 8 điều yêu sách của nhân dân Việt Nam mà Nguyễn Ái Quốc đã đại diện gửi đến Hội nghị Vécxây. Văn kiện đó như một quả bom nổ giữa thủ đô của nước chính quốc. Cái tên Nguyễn Ái Quốc từ đó được nhiều người Việt Nam yêu nước biết đến. Nhiều nhà nho yêu nước ở Việt Nam đã nói: "Bầu trời Việt Nam đã xuất hiện một vì sao mới, đó là Nguyễn Ái Quốc".

Từ ngày 5-6-1911 ấy, Người rời Sài Gòn và đã đi qua gần đủ năm châu, bốn biển trên thế giới và tìm ra con đường giải phóng dân tộc, để mùa xuân của 30 năm sau (tháng 2 năm 1941) trở về Pắc Pó lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Ý chí quyết tâm và lòng tin của Bác trước sau như một. Ngày Người ra đi chỉ với hai bàn tay. Khi Bác về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam cũng chỉ có hai bàn tay. Trong bài thơ *Pác Bó hùng vĩ* Bác viết:

*"Non xa xa, nước xa xa
Nào phải nghìn thang mới gọi là
Đây suối Lênin, kia núi Mác,
Hai tay xây dựng một sơn hà".*

Tất nhiên hai bàn tay mà Bác nói đây là hai bàn tay của ngót 25 triệu đồng bào Việt Nam*. Người tin tuyệt đối ở

* Năm 1945 dân số Việt Nam là 25 triệu người.



nhân dân, tin ở sự "đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh" của tất cả mọi người Việt Nam.

*

* *

Sài Gòn, thành phố phía nam của Tổ quốc, nơi Bác sống trước lúc ra đi - nơi đã in sâu vào tâm trí Bác nhiều ấn tượng sâu sắc về chế độ thực dân và về những người dân nghèo bị áp bức. Những bài viết của Bác trong những năm 1920 trên báo *Người cùng khổ* (Le Paria), *Đời sống công nhân* (La vie d'ouvrier), *Nhân đạo* (L'Humanité) xuất bản ở Pháp, tác phẩm *Bản án chủ nghĩa thực dân Pháp*, Bác luôn luôn nhắc đến Sài Gòn, luôn theo dõi từng bước đi, từng nhịp thở của nhân dân Sài Gòn ngay từ lúc mới xa Tổ quốc. Bác lên án bọn người Âu mắng phụ nữ Việt Nam là "con đĩ, con bú dũ" và "ngay giữa chợ Bến Thành Sài Gòn - mà người ta bảo là một thành phố Pháp, bọn gác chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bán xú để bắt họ tránh khỏi làm nghề lổi". Trong bài "Khai hóa giết người" đăng trên báo Le Paria ngày 1 tháng 8 năm 1922, Bác đã tố cáo trường hợp bọn Pháp giết chết anh công nhân ở sở xe hỏa Nam Kỳ một cách cực kỳ dã man.

Ở xa Tổ quốc, Bác biết những vụ bạo động, những cuộc biểu tình đổ máu của người Việt Nam phản đối việc bị bắt đi lính cho Pháp ở Biên Hòa, ở Sài Gòn. Bác biết rõ tháng 11-1922, sáu trăm thợ nhuộm ở Chợ Lớn vì bị bắt



lượng nên đã quyết định bãi công đấu tranh. Bác biết và Bác hiểu rõ tâm tư của mọi người dân lao động Sài Gòn vì suốt thời gian Bác lưu lại ở Sài Gòn, Bác cũng là người lao động sống cực khổ. Sau này, khi làm Chủ tịch nước, mỗi lần tiếp các đại biểu Sài Gòn về thăm, Bác thường nhắc về những kỷ niệm lúc Bác ở Sài Gòn. Bác nhớ rõ cảnh những người nghèo không nhà không cửa sống nhờ trên hè phố và các móng cầu. Một lần khi nữ anh hùng Tạ Thị Kiều về thăm Bác, Bác có nhắc lại một kỷ niệm nhỏ khi Bác ở Sài Gòn:

- Sài Gòn hồi đó có "nhà che cơm tấm", Bác hay ăn lắm, họ nấu cơm tấm rất giỏi, không nhão mà ăn với tép rang hoặc tôm kho tàu rất ngon, lại rẻ tiền.

Hôm đó Bác nói: "Bác nhớ miền Nam, nhớ Sài Gòn lắm. Bác mong miền Nam mau giải phóng để Bác vô thăm".

*

* *

Sài Gòn, miền Nam đã luôn luôn ở trong trái tim Bác và hơn thế đã để lại những rung động đầu đời của một tình yêu tuổi đôi mươi. Nhà nữ sử học người Mỹ trong bài viết của mình về những ngày Bác ở Sài Gòn đã viết:

Vừa rồi tôi có đọc một bài hồi ký đăng trên Tạp chí Lịch sử quân sự của Viện Quân sự Hoa Kỳ do một số sĩ quan Anh - Mỹ trong đội quân của Đồng minh viết về giai đoạn họ sang giúp Việt Nam huấn luyện quân sự trong kháng chiến chống Pháp. Tác giả hồi ký viết: "Tôi sống cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh từ



những ngày đầu khởi nghĩa. Chúng tôi có hỏi - không phải tò mò mà trên danh nghĩa là đàn ông với nhau - tại sao Chủ tịch không lấy vợ, không lập gia đình? Hồ Chí Minh trả lời một cách chân tình và thân mật: "Khi còn trẻ phải đi hoạt động cách mạng, khi giành được độc lập thì đã già, nên không dám tính chuyện đó. Trước khi tôi ra đi, tôi có yêu một người con gái, người con gái đó cũng rất yêu tôi. Nhưng phải dừng lại về chuyện yêu đương, sau nhiều năm mất liên lạc, tôi không biết người con gái đó đang ở đâu, còn hay mất"”¹.

IV

Theo địa chỉ ông Mai mách, anh Trần, người cộng tác trẻ của tôi, đến gặp ông Dân ở Nha Trang. Đây là những điều anh Trần ghi chép: Ông Dân sáu mươi hai tuổi, chủ một cửa hàng nhỏ sạch sẽ và đông khách, nhà đông con. Ông ta tiếp tôi niềm nở và kể chuyện:

"Tôi có hai con trai đi Vệ quốc quân và một con gái đi cứu thương. Nhà tôi còn ba con nữa: hai mươi hai, hai mươi và mười sáu tuổi, đều là đoàn viên của Đoàn Thanh niên Cứu quốc. Cả ba đứa đều muốn đi Vệ quốc quân. Khi nào Tổ quốc cần đến chúng nó, tôi sẵn sàng hiến con cho Tổ quốc. Có lẽ điều đó sẽ làm cho mẹ cháu buồn, nhưng đàn bà bao giờ chẳng thế. Tôi cũng nên nói để ông

1. Xem báo *Đại đoàn kết chủ nhật*, số ngày 19-5-1997.



rõ là bà nhà tôi cũng là đoàn viên Phụ nữ Cứu quốc. Còn tôi, thủ quỹ của Việt Minh địa phương. Cả gia đình tôi đều làm việc nước. Cả làng này đều thế. Ai cũng là Việt Minh. Việt Minh, Việt Nam, Việt Nam, Việt Minh - Không thể có Việt Nam mà không có Việt Minh".

Ông Dân có tài nói. Ông bắt chuyện này sang chuyện khác rất thần tình. Kéo ông về câu chuyện mà tôi đặc biệt chú ý không phải là dễ. Nhưng sau đó tôi đã thành công.

- Có chứ, tôi còn nhớ anh Ba ấy. Chắc chắn tôi còn nhớ anh ta mặc đầu cách đây đã ba mươi năm.

Tôi ở với ông chủ tôi ở Xanh Ađorét (Saint - Adresse), một ngoại ô của Havorơ. Một hôm, ông chủ già dẫn về một người trẻ tuổi, gầy yếu, quần áo lôi thôi nhưng có vẻ lạnh lợi. Tên anh ta là Ba. Ở nước ngoài mà gặp được đồng hương thì lập tức người ta dễ trở thành bạn thân. Chúng tôi cũng vậy.

Chúng tôi ở một biệt thự có vườn hoa. Ông chủ già khi rảnh việc thì ở câu lạc bộ thành phố. Bà chủ thường đến nhà người con gái, vợ một nhân viên của công ty. Một bà nấu bếp, một người tốt, nếu anh khéo nịnh thì bà ta cho anh ăn ngon, nhưng khi bà ta cáu thì như một mụ yêu tinh. Một cô sen xinh xinh hay làm dáng, có một "bà mẹ hay ốm" - "Bà mẹ ốm" chính là một chàng thủy thủ. Để đi gặp tình nhân, chị ta lừa chúng tôi luôn và nói là đi thăm mẹ ốm. Trong nhà tất cả là sáu người.

Đồ đồng đánh bóng, đồ đạc lau xong, bàn ghế sạch bụi, thế là ông chủ bà chủ bằng lòng và rất tốt, luôn mồm một



điều "con" hai điều "con". Nhưng phần lớn công việc do cô sen làm. Chị ta muốn chóng xong để đi gặp "bà mẹ ốm".

Vì vậy chúng tôi có rất nhiều thì giờ rảnh. Anh Ba dùng thì giờ chăm bón hoa với người làm vườn hoặc giờ những tờ báo ảnh trong tủ sách ra xem. Sau khi đến được ba ngày, anh hỏi tôi: "Anh Dân, anh có biết viết chữ quốc ngữ không?". Tôi hơi thẹn nhưng trả lời thành thật: "Không, tôi không biết". Anh Ba liền giảng giải và khuyến khích tôi học. Tôi làm theo lời anh. Anh Ba cũng thế. Anh học tiếng Pháp với cô sen. Ngày nay tôi đọc được và viết được chính là nhờ anh Ba. Để trả ơn, thỉnh thoảng tôi dẫn anh Ba đi xem chiếu bóng hoặc xem xiếc.

Chúng tôi ở với nhau được độ một tháng. Một buổi chiều người chủ già đi làm về, nói với anh Ba: "Có một chuyến tàu đi vòng quanh châu Phi. Không có hành khách. Chỉ có hàng hóa. Anh có muốn nhận làm bồi cho các sĩ quan trên tàu ấy không? Họ không đông lắm đâu, và đều là người tốt, anh sẽ thấy anh không đến nỗi vất vả ở trên tàu. Đồng ý chứ?".

Anh Ba vui vẻ nhận lời. Sau tôi nói với anh: "Ba ơi, khí hậu ở châu Phi rất nóng, nóng hơn ở bên ta. Và một chiếc tàu chở hàng rất tròng trành, rất dễ làm anh say sóng. Đi như thế anh dại dột lắm: nhất là một thân một mình, bầu bạn không có...". Anh Ba nói với tôi: "Anh không nên nói như thế. Tôi là thanh niên, tôi khỏe, tôi chịu được khổ. Và tôi muốn đi xem các nước". Ngay hôm sau anh Ba đáp tàu đi, anh có viết thư cho tôi hai ba lần,



kể cho tôi nghe vô số chuyện, nói đến người da đen, người Ả Rập, nói đến xứ Tê-nê-ri-pho, xứ Lixbon, đến những con vệt... Anh cũng cho biết là người nấu bếp trên tàu cũng là một đồng hương tên là Bốn....

Không để cho anh Dân nói hết câu, tôi hỏi: "Ông có biết ông Bốn ấy không?".

- Có, tôi biết. Tôi biết chắc chắn anh ta là một người ngớ ngẩn, có khi như là một người điên. Về già, anh ta trở nên khôn ngoan hơn. Anh ta làm việc như một con bò. Anh ta lĩnh được rất nhiều tiền. Nhưng mỗi lần tàu cập bến, anh ta tiêu xài trong hai, ba ngày thì hết sạch số tiền kiếm được trong hai ba tháng. Chả bài bạc gì. Anh ta chỉ thích đi theo gái. Anh ta xấu như con quỷ. Nhưng anh ta bắt nhân tình với cô gái nhảy... Và khi nào hết xu, chị chàng đuổi anh ra cửa.

- Bây giờ anh ấy ở đâu?

- Ông đến Quỳnh Lâm và hỏi Bốn Sẹo thì ở đấy ai cũng biết. Bây giờ anh ta đã khôn ngoan hơn và được mọi người mến.

Để kết luận một cuộc phỏng vấn của tôi, tôi hỏi ông Dân:

- Ông có biết anh Ba hiện nay thế nào không?

- Không, tôi rất tiếc là không biết.

- Ông có muốn tôi nói cho ông biết không?

- Còn gì bằng nữa!

- Ông quay lại xem, anh Ba ấy đây kìa. Tôi vừa nói vừa chỉ chân dung Hồ Chủ tịch treo trên bàn thờ giữa những bình hoa, bình hương, đèn nến. Ông Dân quay



đầu, mở to đôi mắt, há miệng gãi tai. Và ông bật lên như một cái lò xo và kêu:

"Hồ Chủ tịch! Hồ Chủ tịch của chúng ta! Adidà Phật! Nhưng làm sao anh biết? Anh nói thật đấy chứ? Ờ, ơ, lạ quá nhỉ Hồ Chủ tịch là anh Ba ấy ngày xưa. Hay quá nhỉ! Tôi sẽ kể điều đó cho bà nhà tôi nghe, cho các cháu nghe. Chúng nó sẽ mừng biết mấy! Cha của chúng nó được quen biết cụ Hồ ngày xưa...".

Tôi lại tìm đến ông Bốn. Tính tình ông Bốn hoàn toàn khác với ông Dân, và cũng không giống như anh Bốn trai trẻ mà ông Dân đã nói. Đây là một ông già hơn sáu mươi tuổi, hiền lành. Với một giọng nhẹ nhàng, ông kể lại đời mình cho tôi nghe và nói những mối quan hệ giữa ông với anh Ba hồi ấy. Ông nói:

"Lúc còn trẻ, tôi đi vòng quanh thế giới làm nghề nấu bếp trên tàu. Tôi kiếm được rất nhiều tiền. Nhưng tôi không gửi một xu nhỏ về cho gia đình. Tôi chạy theo một cô gái nhảy, có bao nhiêu nướng hết.

Tôi đi nhiều, nhưng tôi không thấy gì, không học gì. Tôi hoàn toàn dốt đặc, không biết đọc, chẳng biết viết. Một lần đi trên một chiếc tàu nhỏ chở hàng, tôi có người bạn là một đồng hương trẻ tuổi, tên là Ba. Sau những giờ làm việc, anh Ba viết và đọc sách. Chính anh đã khuyên tôi học chữ quốc ngữ. Anh Ba có một lối thuyết phục người rất giỏi. Nhờ những lời khuyên bảo và sự giúp đỡ của anh Ba, tôi trở nên một người khác.



Chiếc tàu nhỏ rời Lor Havoro, đỗ lại ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi và những cửa bể Đông châu Phi cho đến Cônggô. Đến đâu anh Ba cũng để ý xem xét. Mỗi lần tàu cập bến, thế nào anh Ba cũng kiểm cách đi thăm thành phố. Khi trở về, anh có những ảnh và những hộp diêm đầy túi. Anh Ba thích thu thập những thứ ấy.

Đến Đaca, biển nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả canô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng biển cuốn đi.

Cảnh tượng ấy mọi người coi là thường. Nhưng điều đó làm anh Ba hết sức cảm động, anh khóc. Ngạc nhiên tôi hỏi tại sao? Anh Ba buồn rầu trả lời tôi:

"Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo. Ở đâu chúng nó cũng thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang. Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó. Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu".

Chiếc tàu của chúng tôi chở rượu ngon của Boócđô và Angiêri cho những thuộc địa khác. Tất cả mọi người trên tàu dùng rượu đó. Vì rượu rất nhiều. Tôi đã trông thấy nhiều thủy thủ say rượu suốt chuyến tàu. Chỉ cần dúi một lỗ nhỏ vào thùng rượu, ấn một ống cao su nhỏ vào đấy,



hút thật mạnh và để đầu kia vào một cái chai. Và như thế tha hồ mà uống. Nhưng anh Ba không bao giờ uống rượu và khuyên tôi không nên làm như thế.

Anh Ba rất tốt với mọi người và không bao giờ cãi cọ với ai. Nhưng anh Ba hơi khác thường. Mỗi ngày anh dậy sớm để xem mặt trời mọc. Và trong những đêm trăng, anh hầu như không ngủ, anh đi đi lại lại trên tàu, ngắm trời ngắm bể. Chúng tôi đậu lại ở Tê-nê-rít-pho vào hoàng hôn. Bể lặng sóng, hòn đảo giống như một cái chụp đèn khổng lồ trên mặt bể, phía trên lóng lánh, phía dưới xanh xanh. Chỉ có thể thôi mà anh Ba ngây người. Anh nhắc đi nhắc lại: "Bốn, anh nhìn kia! Đẹp quá! Hùng vĩ quá!".

Đến lúc về Lơ Havoro, nhớ lời khuyên của anh Ba, tôi không đến thăm cô gái nhảy nữa. Tôi còn đi một vài chuyến, dành được ít tiền thì tôi trở về nước, mở một cửa hàng nhỏ, và lấy vợ. Nghĩ đến tình bạn giữa chúng tôi, tôi đã đặt tên cho đứa con đầu lòng của tôi là Ba, điều đó làm cho những người chung quanh lấy làm lạ. Việc đó đã cách đây ba mươi năm. Ngày giờ đi chóng quá".

Ông Bốn ngừng lại. Tôi hỏi tiếp:

- Thế còn ông Ba bạn của ông, sau đấy đi đâu?
- Ba cũng rời chiếc tàu, nói là đi Anh.
- Tại sao đi Anh?
- Ba nói để học tiếng Anh.
- Thế ông có được tin tức của anh Ba không?
- Có, hai ba lần gì đấy, anh Ba kể cho tôi nghe đã gặp ở Luân Đôn một người đồng hương tên là Nam.



- Ông có biết ông Nam không?

- Có, hầu hết chúng tôi biết nhau, vì chúng tôi đều ở cả trong tổ chức.

- Tổ chức gì?

- Trước kia là một hội kín, nhưng từ khi nước ta độc lập thì công khai. Chính là Công đoàn hải ngoại.

- Và từ đây đến nay, anh Ba ấy không viết thư cho ông sao?

- Rất tiếc là không. Vài năm sau, nghĩa là sau Đại chiến thứ nhất, thỉnh thoảng một ông bạn lại đến nhà tôi đem theo một gói to tướng sách báo và nói với tôi: "Ông Ba nhờ ông giữ hộ những thứ này, trong vài ngày một người bạn tên là X. sẽ đến lấy". Cứ thế kéo dài trong mấy năm. Nhưng từ khi cửa hàng của tôi bị người Pháp khám xét thì không thấy anh Ba gửi nữa. Được gặp anh Ba, thì nếu mất nửa gia tài, tôi cũng vui lòng.

Ông Thanh, thư ký Công đoàn thủy thủ Vinh giới thiệu tôi với ông Nam. Sau khi chào hỏi, tôi đi ngay vào câu chuyện về anh Ba.

Ông Nam là một người làm bánh rán có tiếng trong thành phố. Ông ta ở trong Ban Chấp hành Công đoàn cứu quốc hải ngoại. Ông có năm người con trai, hai người đi bộ đội và hai người đi tự vệ; người con thứ năm học ở trường Đại học Hà Nội; cô Nam, người con gái trẻ đẹp 18 xuân xanh là con út của ông bà Nam làm cứu thương.

Ông Nam kể:

"Trước tôi làm việc ở tiệm ăn Cáclotông, một tiệm sang có tiếng ở Luân Đôn. Người làm bếp độ trăm người



đu các hạng, có cả người Pháp, người Anh, người Đức, người Nga, người châu Á và tôi là người Việt Nam. Chính ông Étcôtphie, ông vua đầu bếp được huân chương danh dự, điều khiển nhà bếp. Về ông Étcôtphie có một chuyện đáng kể lại: Tài nấu bếp của ông ta, thế giới đều biết. Những chủ quán lớn nhất trên thế giới trả tiền rất nhiều để mời ông ta làm chủ bếp. Khi có những yến tiệc lớn, người ta mời ông đến làm thức ăn và điều khiển nhà bếp. Lần vua Đức sang thăm Luân Đôn, vua Anh mời ông Étcôtphie phụ trách làm bữa tiệc, và tất nhiên với một số lương rất hậu. Ông già Étcôtphie kiêu hãnh trả lời: "Tôi người Pháp. Tôi không nấu cho kẻ thù của dân tộc tôi".

Vâng, bây giờ chúng ta nói chuyện anh Ba. Vào khoảng một năm trước đại chiến, một hôm, tôi gặp ở phòng lau chùi thìa, nĩa, một người Á Đông trẻ tuổi. Tôi không để ý đến anh ấy vì tôi tưởng anh ấy là người Trung Quốc. Đến ngày thứ ba, chính anh ấy đến nói chuyện với tôi bằng tiếng Việt Nam. Cố nhiên tôi rất sung sướng được gặp một người đồng hương. Từ ngày ấy, chúng tôi trở nên đôi bạn thân.

- Ai đưa anh đến đây, đến nước Anh? Tôi hỏi anh Ba.

- Tôi đến đây một mình để học tiếng Anh.

- Hay đấy, nhưng tiếng Anh rất khó học. Đã hai năm tôi ở thành phố mà không biết hơn ngoài hai chữ Yes và No (vâng và không).

- Phải học chứ. Chúng ta sẽ cùng nhau học.

- Trước khi đến đây, anh làm ở đâu?



- Hôm thứ nhất, tôi nhận việc cào tuyết trong một trường học. Một công việc rất mệt nhọc. Mình mảy tôi đầm mồ hôi mà tay chân thì rét cóng. Và cuốc được tuyết cũng rất khó khăn, vì tuyết trơn. Sau tám giờ làm công việc này, tôi mệt lử và đói bụng. Tôi đành bỏ việc. Ông hiệu trưởng là một người tốt. Ông ấy trả cho tôi cả ngày làm việc sáu đồng và vừa nói vừa cười: "Chính thế, công việc này quá sức anh".

Hai ngày sau tôi tìm được một việc khác. Lần này thì phải đốt lò. Từ năm giờ sáng, một người nữa với tôi, chui xuống hầm để nhóm lửa. Suốt ngày chúng tôi đổ than, thay than trong lò. Ở đây thật đáng sợ. Luôn luôn ở trong cảnh tranh tối tranh sáng. Tôi không biết người ta làm gì ở tầng trên, vì không bao giờ tôi lên đấy. Người bạn tôi là một người âm thầm. Có lẽ anh ta câm. Suốt hai ngày làm việc, anh ta không hề nói một tiếng. Anh vừa làm vừa hút thuốc. Khi nào anh ta cần tôi làm việc thì anh ta ra hiệu. Nhưng không nói một tiếng. Trong hầm hết sức nóng, ngoài trời hết sức rét, và không có đủ áo quần tôi bị cảm lạnh. Vì vậy, tôi nghỉ việc luôn hai tuần lễ. Với số tiền để dành, tôi trả tiền phòng, tiền bơ và bánh mì, và sáu bài học chữ Anh. Khi chỉ còn sáu hào nữa, tôi đến tìm việc Sôhô, và người ta đưa tôi đến đây".

Công việc từ 8 giờ đến 12 giờ và chiều từ 5 giờ đến 10 giờ. Hằng ngày, buổi sáng sớm và buổi chiều, anh Ba ngồi trong vườn hoa Haidô (Hyde), tay cầm một quyển sách và một cái bút chì. Hằng tuần vào ngày nghỉ, anh đi học tiếng Anh với một giáo sư người Ý. Ba thường



khuyên tôi nên học như Ba, nhưng tôi hết sức lười, bây giờ tôi mới tiếc.

Mỗi ngày có một người dọn đồ đạc. Những người phục vụ, sau khi dọn chỗ khách ăn, phải dọn bát đĩa bỏ tất cả chén bát và thức ăn lẫn lộn vào một cái thang điện đưa xuống bếp. Lúc bấy giờ người dọn dẹp phải để đồ đạc riêng một bên, bát đĩa riêng một bên để người ta đem đi rửa. Khi đến lượt anh Ba, anh làm rất cẩn thận. Đáng lẽ vớt thức ăn thừa vào một cái thùng, đôi khi còn cả phần tư con gà, những miếng bít tết to tướng, v.v. thì anh giữ gìn sạch sẽ và đưa lại cho nhà bếp. Chú ý đến việc này, ông già Étcôthpie hỏi anh:

- Tại sao anh không quăng thức ăn thừa vào thùng như những người kia?.

- Không nên vứt đi. Ông có thể cho người nghèo những thứ ấy.

- Ông bạn trẻ tuổi, anh nghe tôi. Ông Étcôthpie vừa nói vừa cười và có vẻ bằng lòng. Tạm thời anh hãy gác ý nghĩ cách mạng của anh lại một bên, và tôi sẽ dạy cho anh cách làm bếp, làm ngon và anh sẽ được nhiều tiền. Anh bằng lòng chứ?

Và ông Étcôthpie không để anh Ba phải rửa bát nữa mà đưa anh vào chỗ làm bánh, với một số lương cao hơn.

Thật là một việc lớn xảy ra trong nhà bếp, vì chính là lần đầu tiên mà ông "vua bếp" làm như thế.

Anh Ba rất giàu tình cảm. Một hôm tôi gặp anh cầm một tờ báo và chảy nước mắt. Tôi hỏi anh vì sao buồn thế. Anh đưa cho tôi tờ báo và giải thích: Anh xem đây. Đây



là tin tức ông thị trưởng Coóc (Cook), một nhà đại ái quốc Ái Nhĩ Lan*. Ông ta bị bắt và bị người Anh bỏ tù. Ông ta tuyệt thực. Không những ông không ăn uống, mà còn không nói năng, không cử động nữa. Ông nằm nghiêng một phía im lìm như thế hơn bốn mươi ngày. Da thịt và áo quần phía ấy thối hết. Và ông chết, chết vì Tổ quốc. Can đảm biết bao! Dũng cảm biết bao! Một dân tộc có những người như ông Coóc sẽ không bao giờ đầu hàng.

Chúng ta cũng thế, chúng ta có những người cam đảm như ông thị trưởng Coóc. Anh có biết chuyện cụ Tống Duy Tân không? Tôi kể cho anh nghe: Cụ Tống Duy Tân là một nhà đại trí thức, đấu tranh dũng cảm chống bọn xâm lược Pháp. Cụ bị bắt và bị nhốt vào trong một cũi để gửi đến Bộ Tổng Tư lệnh Pháp. Ngồi trong cũi, Cụ vẫn làm thơ yêu nước. Khi hết giấy, Cụ bẻ gãy quản bút, lấy cật tre làm dao, và mổ bụng, cắt ruột tự tử. Trong những giấy tờ tìm thấy trong cũi, cuối những bài thơ, người ta còn đọc được những chữ: "Thà chết còn hơn đầu hàng".

Tôi tôn kính tất cả những Tống Duy Tân. Tôi sùng kính tất cả thị trưởng Coóc. Cái chết của họ làm cho Tổ quốc họ sống lại, lòng cam đảm của họ là bất diệt.

Thế giới đại chiến bùng nổ. Người Pháp ở Luân Đôn nhận được lệnh động viên. Nhiều người khóc, nhất là những người đàn bà Pháp.

Người Đức bị bắt nhốt vào trại tập trung. Họ cũng khóc. Lính Anh bị đưa ra mặt trận, cha mẹ, vợ con họ đều khóc.

* Cộng hòa Ailen - BT.



Anh Ba đến nói với tôi: "Xin từ biệt anh Nam"!

- Anh đi đâu?

- Tôi đi Pháp.

- Không nói chơi chứ? Nước Pháp đang có chiến tranh. Anh đến Pháp làm gì?

- Tôi đi xem. Tôi sẽ viết thư cho anh.

Anh Ba bắt tay tôi, chúng tôi hôn nhau. Và cứ thế anh Ba đi, không hành lý.

Chiến tranh tiếp tục. Lính Anh bị thương trở về. Cả những người lính nạn Bỉ cũng đến. Các công việc đều đình trệ. Lôi Gioócgiơ (Lloyd George) lật đổ Atquish (Asquish) và lên làm thủ tướng. Số người nhà bếp của chúng tôi chỉ còn lại một nữa. Đồng vàng và đồng bạc không lưu hành ở Pháp nữa. Quân Đức đã tiến đến sông Mácno (Marne). Nước Pháp bị ngạt thở vì khói lửa chiến tranh. Ở Anh, các thức ăn, thứ dùng được đều bị Chính phủ hạn chế.

Sau khi rời Luân Đôn, anh Ba viết thư cho tôi đại ý thế này:

Tôi đã gặp nhà ái quốc Phan Chu Trinh. Anh biết không? Ông bị án tử hình. Nhờ hội Nhân quyền và ông Giôrét (Jaurès) can thiệp, ông Phan được thả và sang Balê*. Tôi cũng gặp luật sư Phan Văn Trường và những người khác. Tôi nói với họ: Trong khi vua Duy Tân nổi dậy ở

* Pari - BT.



Huế, nhân dân Thái Nguyên và nhiều nơi khác khởi nghĩa, thì chúng ta cũng phải làm gì chứ?¹.

*

* *

Đức bị đánh bại, chiến tranh chấm dứt. Vua Đức trốn sang Na Uy và ở đây vua làm nghề xẻ gỗ. Đảng Cộng sản bônscévich và Lênin đã lãnh đạo công nông Nga nổi dậy. Cách mạng Tháng Mười thành công. Những đoàn đại biểu các nước thắng trận và các nước bại trận đến Vécxây họp Hội nghị hòa bình. Bên cạnh những đoàn đại biểu chính thức, có nhiều đoàn đại biểu thay mặt cho các dân tộc bị áp bức. Họ tới là vì nghe có 14 điểm của Tổng thống Mỹ Uynxon (Wilson). Có cả người Ái Nhĩ Lan, người Ấn Độ, người Triều Tiên, người Ả-rập, v.v.. Họ đến để yêu cầu độc lập và tự do. Trong số đó, người ta thấy có ông Nguyễn Ái Quốc (tức là anh Ba).

Ông Nguyễn liên lạc với các đoàn đại biểu Triều Tiên, Ái Nhĩ Lan và các đoàn đại biểu khác. Ông Nguyễn tổ chức nhóm người Việt Nam yêu nước ở Pari và ở các tỉnh Pháp. Với danh nghĩa của tổ chức này, ông đã đưa những yêu cầu ra trước Hội nghị Vécxây.

Yêu cầu gồm có 8 khoản. Những khoản chính là:

- Việt Nam tự trị.

1. Xem Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr.23-40.



- Tự do hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do báo chí, tự do đi lại, đại xá tù chính trị.

- Quyền lợi bình đẳng giữa người Pháp và người Việt Nam.

- Bãi bỏ việc bắt dân mua rượu và thuốc phiện. Bãi bỏ thuế đinh (người), thuế muối và sưu dịch.

Những yêu cầu ấy gửi đến các đoàn đại biểu Đồng minh và tất cả các nghị viên của Quốc hội Pháp.

Cũng nên nhắc lại là ý kiến đưa yêu cầu do ông Nguyễn đề ra nhưng là do luật sư Phan Văn Trường viết, vì lúc bấy giờ, ông Nguyễn chưa viết được tiếng Pháp. Cũng nên nhắc lại là ông Phan Chu Trinh và ông Phan Văn Trường không tán thành hoạt động của nhóm Việt Nam yêu nước, vì các ông ấy cho nhóm thanh niên là trẻ con.

Dần dần công việc của Hội nghị Vécxây tiến lên thì mười bốn điểm của Tổng thống Uynson cũng lu mờ không còn hình bóng gì nữa. Và nhân dân Trung Quốc cũng thất vọng chua chát. Để "giả ơn" Trung Quốc đã hợp tác trong cuộc chiến tranh, những cường quốc Âu Tây đã chia xẻ Trung Quốc và dăng Thanh Đảo cho Nhật Bản. Trước sự bất công cay đắng ấy, thanh niên Trung Quốc nổi dậy chống lại. Đoàn đại biểu Trung Quốc ở Hội nghị hòa bình bị gọi về. Một phong trào chống chủ nghĩa đế quốc lan rộng khắp Trung Quốc, một phong trào vừa giải phóng dân tộc vừa cách mạng văn hoá. Đó là phong trào ngày 4 tháng 5 (1919).



Được những sự thật ấy rèn luyện, ông Nguyễn hiểu rằng những lời tuyên bố tự do của các nhà chính trị tư bản trong lúc chiến tranh thực ra chỉ là những lời đường mật để lừa bịp các dân tộc. Và muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình.

Những lời yêu cầu của ông Nguyễn cũng như của các đại biểu các dân tộc bị áp bức khác không có kết quả gì hết.

Nhưng không thể nói những lời yêu cầu ấy là không có tác dụng, bởi vì nó đã đánh dấu một giai đoạn mới trong phong trào giải phóng dân tộc.

Với số ít tiền kiếm được, ông Nguyễn sống rất nghèo khổ để có thể thuê in những bản yêu cầu ấy thành truyền đơn đem phát trong các cuộc mítting. Do đó, một số đông người Pháp đã hiểu thêm về Việt Nam.

Ông Nguyễn phát những truyền đơn ấy cho tất cả những Việt kiều và những người Việt đi lính ở Pháp. Vì vậy mà có những vụ khám xét trong các trại lính, làm cho những người lao động và lính Việt Nam trước thờ ơ với chính trị nay cũng giác ngộ.

Ông Nguyễn gửi cả những truyền đơn về Đông Dương, nhưng gửi đề tên Việt thì không đến nơi, đề tên người Pháp thì đến nơi. Bọn thực dân Pháp in truyền đơn ấy trên báo để chế giễu và yêu cầu đàn áp. Chính nhờ những tờ báo ấy mà người Việt Nam biết được toàn bản



yêu cầu và từ ngày ấy phong trào cách mạng Việt Nam càng lên cao¹.

*

* *

... Dạo ấy vào năm 1919, năm đầu tiên sau chiến tranh và là năm của Hội nghị hòa bình. Lúc đó tôi mới 20 tuổi. Bố mẹ tôi trước đó bắt tôi đi học Trường bảo tàng Luvrô là một trường học lớn chuyên đào tạo những người khảo cổ và những người sau vào làm việc cho Bảo tàng Luvrô. Tôi ở với mẹ tôi ở nhà số 6 phố Đôbinhi, trung tâm Pari. Nhà tôi ở gác hai ăn thông sang nhà người cậu tôi cùng gác. Cậu tôi là Giuyn Cămbông, đại sứ của Chính phủ Pháp. Cậu tôi ở hai buồng, một buồng ở gác hai và một buồng làm bàn giấy ở tầng một dưới nhà. Chiến tranh thế giới thứ nhất làm chết nhiều người. Những người thư ký giúp việc cậu tôi xong chiến tranh vẫn chưa thấy trở lại làm việc. Cậu Giuyn Cămbông nói với mẹ tôi:

- Chắc họ không đến làm nữa đâu. Chị cho cháu Gionevievo ở nhà giúp việc hộ tôi.

Thế là tôi phải xin phép nghỉ học nhiều tháng để giúp việc thư ký cho cậu tôi. Một buổi sáng, cả nhà chưa dậy, có tiếng chuông reo ngoài cửa. Tôi chạy ra mở cửa. Tôi thấy hiện ra trên ngưỡng cửa một người châu Á, đứng

1. Xem Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr.41-44.



hơn: một người dân Đông Dương, gầy gò, đáng mến. Người đó chào tôi và nói:

- Tôi có một "bản trần tình" cần đưa cho đại sứ Cambôg.

Tôi liền mời anh ta vào nhà và vào bàn giấy của đại sứ Cambôg. Đây là một bàn giấy rất đẹp, trang trí theo kiểu Ampia mà gia đình chúng tôi hiện còn giữ nguyên như hồi năm 1919. Tôi hỏi khách:

- Xin lỗi, ông cho tôi hỏi: Ông là ai?

- Thưa cô, tôi là Nguyễn Ái Quốc. Tôi là thợ ảnh. Tôi muốn được gặp đại sứ Cambôg.

Anh thanh niên Nguyễn Ái Quốc liền cởi một cuộn giấy buộc dây đỏ và giở ra nói:

- Tôi đến đây vì tôi muốn đưa cho ngài đại sứ một "bản trần tình" của toàn thể nhân dân Đông Dương.

Tôi đọc trong tập giấy thấy có một bức thư đề gửi đại sứ Cambôg: "Thưa ngài đại sứ Cambôg, đại diện toàn quyền của nước Pháp tại Hội nghị Vécxây. Tôi là người đại diện cho nhân dân Đông Dương. Chúng tôi là một dân tộc đang tiến hóa. Chúng tôi đã được hiểu biết nền văn minh của nước ngài...". Kèm theo là một bản yêu sách quan trọng nhờ đại sứ Cambôg chuyển đến Hội nghị hòa bình Vécxây. Bản yêu sách đó đòi trả lại tự do cho các tù chính trị Đông Dương, bãi bỏ các tòa án đặc biệt, tự do báo chí hội họp, đi ra nước ngoài, học tập, v.v.. Cả hai bản đó đều viết bằng tay rất đẹp và thảo bằng một lời văn rất hay.



Tôi nói với ông Nguyễn Ái Quốc:

- Ông viết hay lắm, nhưng ông cậu tôi chưa dậy vì lúc này còn quá sớm.

Ông Nguyễn Ái Quốc ăn mặc chỉnh tề nhưng quần áo hơi cũ. Ông đứng chờ cho tôi đọc xong tập giấy ông đưa rồi nói:

- Vậy thì tôi để những bản này lại và nhờ cô chuyển tận tay cho đại sứ Cambôg.

- Vâng, ông cứ để đây. Ông để lại cho tôi cả địa chỉ ông nữa, nếu có kết quả tôi sẽ trả lời ông rõ.

Ông Nguyễn Ái Quốc chào tôi rất lịch sự và ra về.

Khi cậu tôi dậy làm việc, tôi nói lại chuyện ông khách người Việt Nam tới. Cậu tôi bảo tôi đọc cho cậu tôi nghe "Bản trần tình" của ông Nguyễn Ái Quốc. Tôi đọc xong rồi đặt lên bàn giấy của cậu tôi. Cậu tôi đọc lại một lần nữa rồi nói:

- Để rồi chuyển tài liệu này cho Thủ tướng Clê măngxô.

Và cậu Cambôg tôi đã đưa tài liệu của ông Nguyễn Ái Quốc cho Clê măngxô là người cùng cậu tôi và một số người khác đại diện nước Pháp dự Hội nghị hòa bình Vécxây. Vì sao ông Nguyễn Ái Quốc lúc đó lại tìm đến nhà cậu tôi để đưa bản yêu sách cho Hội nghị Vécxây? Vì đọc danh sách những đại diện toàn quyền của nước Pháp đi dự Hội nghị Vécxây hồi đó, người ta thấy: Thủ tướng Clê măngxô, nhà tài chính lớn Clôđơ, người chuyên trách chính sách nội trị là Tácxdior, Chủ tịch thượng viện Lêông



Buốcgiơ và chỉ có một nhà ngoại giao duy nhất là cậu Giuyn Cămbông của tôi. Giuyn Cămbông đã từng làm đại sứ của Pháp ở Đức từ năm 1907 đến năm 1914. Có lẽ lúc đó ông Nguyễn Ái Quốc tin rằng đưa cho nhà ngoại giao thì công việc trôi chảy hơn là đưa cho những người không phải là giới ngoại giao. Ít lâu sau cậu Cămbông nói với tôi:

- Thật không may cho ông Nguyễn Ái Quốc. Ở Hội nghị người ta bàn đến nhiều nước quá rồi. Hơn nữa ở Hội nghị người ta xâu xé các nước thuộc địa và tranh giành ảnh hưởng của nhau trên thế giới, ai nghĩ đến số phận những nước xa xôi ở Viễn đông. Mà Clê măngxô là người không tốt cho nên không có kết quả gì¹.

*

* *

"... Một người quen ông Nguyễn ở Pari đã cho chúng tôi nhiều tài liệu quý báu. Ông này đã nói với chúng tôi như sau:

Lúc ấy, ông Nguyễn là một người yêu nước quyết tâm hy sinh tất cả vì Tổ quốc; nhưng ông Nguyễn lúc đó rất ít hiểu về chính trị, không biết thế nào là công hội, thế nào là bãi công và thế nào là chính đảng.

Trong tất cả những tờ báo Pháp, chỉ có tờ *Dân chúng*, cơ quan của Đảng Xã hội Pháp là đã in những lời yêu cầu

1. Xem Gionovievo Tabui: "Người khách buổi sớm", trích trong tập *Bác Hồ ở Pháp* của Hồng Hà, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970.



của Việt Nam. Ông Nguyễn đến tòa báo. Chủ nhiệm báo, ông Giăng Lôngghê (Jean Longuer) cháu ngoại của Các Mác và nghị viên của Quốc hội Pháp, đã tiếp ông. Ông Nguyễn lấy làm lạ, vì chưa bao giờ ông ta được ai tiếp đón thân mật như thế. Ông Lôngghê gọi ông Nguyễn là đồng chí thân ái. Ông nói cho ông Nguyễn rõ tất cả tình cảm của ông đối với nhân dân Việt Nam. Ông khuyến khích ông Nguyễn viết bài và ông sẽ đăng lên báo *Dân chúng* để làm cho nhân dân Pháp hiểu rõ những sự bất công xảy ra ở Việt Nam. Có thể nói rằng cuộc gặp gỡ ấy đã mở đường cho sự mở rộng hiểu biết chính trị của ông Nguyễn. Nó đã làm cho ông Nguyễn hiểu rõ nhân dân Pháp.

Ông Nguyễn không đủ tiếng Pháp để viết và phải khẩn khoản yêu cầu ông Phan Văn Trường viết thay. Ông Trường viết giỏi nhưng không muốn ký tên. Mà chính ông Nguyễn phải ký tên những bài báo.

Nhược điểm về tri thức làm cho ông Nguyễn rất khó chịu. Nhất là ông Trường không viết tất cả những điều ông Nguyễn muốn nói. Vì vậy, ông Nguyễn bắt tay vào việc học làm báo. Thường lui tới tòa báo *Dân chúng*, ông làm quen với những người Pháp khác trong đó có chủ bút tờ *Đời sống thợ thuyền*.

Cũng như ông Lôngghê, người chủ bút này cũng đáng mến. Ông bảo ông Nguyễn viết tin tức cho tờ báo của ông. Biết rằng không thể nhờ ông Trường viết mãi, ông Nguyễn nói thật là mình còn kém tiếng Pháp. Người



chủ bút nói: "Điều đó không ngại, có thể nào anh viết thế ấy. Tôi sẽ chữa bài của anh trước khi đưa in. Anh không cần viết dài, năm, sáu dòng cũng được". Ông Nguyễn bắt đầu viết rất khó khăn. Tin tức về Việt Nam, ông Nguyễn không thiếu, ông thiếu nhất là văn Pháp. Ông Nguyễn viết làm hai bản, gửi cho tòa báo một bản, giữ lại một bản. Ông hết sức vui sướng khi thấy bài viết đầu tiên của mình được đăng lên báo. Ông đọc lại bài báo đã in, so sánh và sửa những chỗ viết sai. Ông kiên nhẫn làm theo cách ấy. Khi thấy viết đã bớt sai lầm, ông chủ bút bảo ông Nguyễn: "Bây giờ anh viết dài hơn một ít, viết độ bảy, tám dòng". Thế là ông Nguyễn viết bảy, tám dòng.

Dần dần ông Nguyễn có thể viết cả một cột báo và có khi dài hơn nữa. Lúc bấy giờ, người chủ bút bạn thân của ông Nguyễn khế bảo: "Bây giờ anh viết ngắn lại. Viết từng này hoặc từng này dòng. Không viết dài hơn".

Ông Nguyễn thấy rằng phải rút ngắn cũng khổ như trước kia phải kéo dài. Nhưng cũng hết sức cố gắng. Và ông thành công. Ông bắt đầu làm báo từ đó.

Về văn học, ông Nguyễn thích đọc Sếchxpia (Shakespeare) và Đíchken (Dickens) bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa và Huygô (Hugo), Dôla (Zôla) bằng tiếng Pháp. Anatôn Phơrăngxo (Anatole France) và Lêông Tôixtôi (Léon Tolstoi), có thể nói là những người đồ đầu văn học cho ông Nguyễn.

Đọc những truyện ngắn của Anatôn Phơrăngxo và của Lêông Tôixtôi, ông Nguyễn thấy hứng thú về văn chương



giản đơn và tự nhủ: "Người ta chỉ cần viết điều gì người ta thấy và cảm, bằng cách nắm lấy màu sắc và hoạt động của sự vật, như thế thì viết cũng không khó lắm".

Truyện ngắn đầu tiên của ông Nguyễn được đăng trên báo *Nhân đạo* làm hai kỳ. Ông Nguyễn tả đời sống thợ thuyền ở Pari mà cũng là đời sống của ông lúc đó. Tòa báo đã trả bài này một trăm quan. Thật là một số tiền lớn lúc bấy giờ. Đó là một thành công lớn về hai mặt: văn chương và tài chính. Thành công đầu tiên này đã khuyến khích ông Nguyễn viết những truyện ngắn khác. Ngoài việc tả lại đời sống thợ thuyền Pari, ông thường viết về các thuộc địa và đặc biệt là ở Việt Nam, không có một phút nào ông quên Tổ quốc mình đang bị giày xéo và đồng bào mình đang bị áp bức. Ông Nguyễn chỉ viết một quyển sách duy nhất là quyển *Bản án chế độ thực dân Pháp*; quyển này gồm những tài liệu chống thực dân Pháp, trích trong những sách của người Pháp viết để ở thư viện quốc gia.

Đầy hăng hái, ông Nguyễn viết cả một vở kịch *Con Rồng tre*. Đại ý vở kịch như thế này: Có những cây tre thân hình quằn quẹo. Những người chơi đồ cổ lấy về đểo gọt thành con rồng. Nó là một đồ chơi. Là con rồng nhưng thật ra chỉ là một khúc tre. Là một khúc tre, nhưng lại hãnh diện có tên là hình dáng con rồng. Tuy vậy nó chỉ là một quái vật vô dụng.

Ông Nguyễn viết vở kịch này vào dịp vua Khải Định sang Pháp để dự triển lãm thuộc địa. Vở kịch bị Chính phủ



Pháp cấm, nhưng Câu lạc bộ ngoại ô Pari đã đem diễn, được các nhà phê bình văn nghệ khen hay.

Trong thời gian ở Pari, ông Nguyễn sống rất cực khổ. Để kiếm tiền, ông Nguyễn làm nghề rửa ảnh và phóng đại ảnh. Chính cụ Phan Chu Trinh đã dạy cho ông Nguyễn nghề này. Ông làm cả nghề sơn vẽ đồ cổ.

Ở Pari có nhiều nhà làm giả đồ cổ Trung Quốc; họ làm đồ gỗ, bình phong và những vật khác bắt chước theo kiểu Trung Quốc. Họ sơn bằng sơn Nhật và vẽ hoặc viết những chữ ngoằn ngoèo giả chữ Trung Quốc. Những bà quý tộc già, những người trọc phú rất ham chuộng những vật ấy, không biết là đồ giả và mua rất đắt. Công việc sơn vẽ giả đồ cổ Trung Quốc rất dễ cho ông Nguyễn. Không may đây chỉ là một công việc hàng mùa, mỗi năm chỉ làm vài tháng.

Sự hoạt động chính trị của ông Nguyễn được cảm tình sâu sắc của những người Việt Nam yêu nước, đó là sự dĩ nhiên. Vì lần đầu tiên trong lịch sử, có một người Việt Nam tuyên bố trước toàn thế giới chủ trương giành độc lập cho dân tộc mình; lần đầu tiên trong lịch sử, có một người Việt Nam dám bóc trần những tội ác của bọn thực dân Pháp ngay ở Pari. Và cũng chính vì vậy mà ông Nguyễn bị bọn thực dân thù ghét.

Người ta rình mò ông Nguyễn. Người ta nói xấu ông. Người ta tẩy chay ông. Người ta bảo bọn chủ không nên dùng ông. Người ta cố tình mua chuộc ông. Người ta kiếm cách dọa dẫm ông. Anbe Xarô (Albert Sarraut),



Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và Pie Paxkiê (Pierre Pasquier), Toàn quyền Đông Dương mời ông Nguyễn đến nói chuyện và Tổng Giám đốc cảnh sát đã thu giấy căn cước của ông Nguyễn.

Suốt trong thời gian ông Khải Định ở lại Pháp, ông Nguyễn ngày đêm bị hai tên mật thám theo dõi không rời một bước. Ông không để ý đến những việc ấy. Mặc dầu đời sống nghèo nàn, lại bị rầy rà về chính trị, ông Nguyễn vẫn không nao núng.

Mỗi buổi mai, ông Nguyễn nấu cơm trong một cái xanh nhỏ bằng sắt tây đặt trên ngọn đèn dầu. Với một con cá mắm hoặc một tí thịt. Ông ăn một nửa và để dành một nửa đến chiều. Có khi một miếng bánh mì với một miếng phomat là đủ ăn cả ngày. Ông trọ ở một phòng nhỏ trong khách sạn rẻ tiền ở xóm lao động. Phòng chỉ vừa kê được một cái giường sắt chặt, một cái bàn nhỏ và một cái ghế. Chỉ thế thôi, không có gì khác.

Về mùa đông lạnh, mỗi buổi sáng trước khi đi làm, ông để một viên gạch vào lò bếp của khách sạn. Chiều đến, ông lấy viên gạch ra, bọc nó vào trong những tờ báo cũ, để xuống dưới nệm cho đỡ rét.

Thường thường, ông chỉ làm việc nửa ngày, làm buổi sáng để kiếm tiền, còn buổi chiều thì đi đến thư viện hoặc đến dự những buổi nói chuyện chính trị. Tối đến, ông đi dự mítting ở Pari. Có rất nhiều cuộc mítting. Chính ở đây ông đã làm quen với những người



như Lêông Blum (Leon Blum), Brắcco (Bracke), nhà văn Pôn Vayăng Cutuyariê (Paul Vaillant Couturier), giáo sư Mácxen Casanh (Marcel Cachin), nghị viên Mác Sônhiê (Mac Saugnier), nữ văn hào Côlet (Colette), v.v..

Hầu hết trong những buổi mítting này, ông đều phát biểu ý kiến. Vì ông là người ngoại quốc độc nhất trong những nơi này và vì ông có vẻ dễ mến cho nên thính giả thích nghe ông. Ông Nguyễn khéo lái những vấn đề đang thảo luận sang vấn đề thuộc địa, đặc biệt là vấn đề Việt Nam. Ví dụ: có một lần bác sĩ Cuê (Coué) nói về thuật thôi miên. Nhiều người phát biểu ý kiến, người này đồng ý, người kia phản đối phương pháp chữa bệnh bằng thôi miên. Đến lượt ông Nguyễn, ông kịch liệt phản đối thuật thôi miên. Lý do của ông: Thực dân Pháp đã thôi miên chúng tôi để đàn áp và bóc lột chúng tôi.

Một lần khác, hội nghị thảo luận vấn đề Ái Nhĩ Lan và Triều Tiên. Tất nhiên những nhà diễn giả Pháp đều nghiêm khắc công kích chính sách của Anh, của Nhật và bênh vực nhân dân Ái Nhĩ Lan, nhân dân Triều Tiên. Ông Nguyễn phát biểu ý kiến:

"Cùng là một dân tộc bị áp bức, tôi hoàn toàn đồng tình với những người bạn Ái Nhĩ Lan và Triều Tiên, và đồng tình với hội nghị kết án bọn thực dân Anh, Nhật. Nhưng tôi hỏi các ngài có nên kết án cả những bọn thực dân khác không? Có nên bênh vực nhân dân bị áp bức khác không? Có hay không?".



Tất nhiên mọi người đều trả lời có. Thế là được dịp ông Nguyễn trình bày vấn đề Việt Nam.

Trong những buổi họp nói chuyện ở Pari, người ta thảo luận đến tất cả các vấn đề. Từ thiên văn, địa lý, chính trị, văn học, cho đến cách trồng cải soong và nuôi ốc sên. Trong những buổi hội họp này có tất cả các hạng người: bác học, cựu bộ trưởng, nghị viên, nhà văn, thợ thuyền, người đi buôn, người già và người trẻ. Ở đây có một không khí thân mật và dân chủ giống như ở những câu lạc bộ Giacôbanh (Jacobins) thời Đại cách mệnh Pháp. Ở đây người ta có thể học nhiều chuyện và nhận xét mọi người. Thật là bổ ích.

Mặc dầu nghèo túng, ông Nguyễn luôn luôn vui vẻ. Trong những buổi thảo luận cả đến những khi cực lực công kích bọn thực dân, ông luôn luôn bình tĩnh, luôn luôn đúng mực. Không bao giờ có một thái độ cáu kỉnh hoặc một lời quá đáng. Ông cố gắng học hỏi để hiểu biết các vấn đề. Ông tham gia Hội "Nghệ thuật và khoa học" và "Hội Những người bạn của nghệ thuật". Những hội này mỗi tuần tổ chức những cuộc đi thăm viện bảo tàng, nhà máy, phòng thí nghiệm, xưởng nghệ thuật, nhà hát, v.v.. Có những nhà chuyên môn giải thích các vấn đề ấy.

Ông Nguyễn vào cả "Hội Du lịch", một hội đưa người ta đi thăm nước Pháp và những nước lân cận với giá tiền rất rẻ. Nhờ vậy mà ông Nguyễn đi thăm nhiều nơi ở Pháp, ở Ý, ở Thụy Sĩ, ở Đức và cả Tòa thánh Vaticăng.



Sau mỗi chuyến đi, ông Nguyễn kể cho chúng tôi nghe cảm tưởng của ông. Thường thường ông nói nửa đùa nửa thật:

"Trong những ngày nghỉ, không nên tiêu phí tiền bạc, mất thì giờ ở bãi biển để nhìn những người đàn bà đi tắm, mà nên đi du lịch, học hỏi được nhiều".

...

Ngoài những cuộc đi xem để học, ông không thích chơi bởi gì khác.

Không phải chỉ vì thích đi du lịch mà ông nhịn ăn nhịn tiêu. Điều đó cũng có, nhưng nhất là ông muốn biết những nước ấy tổ chức và cai trị như thế nào.

Ông Nguyễn bắt đầu tổ chức, hoặc đúng hơn là bắt đầu học tổ chức"¹.

*

* *

... Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, tôi làm thợ sửa ảnh ở Pari. Hàng ngày tôi đi đến xưởng, chiều tôi tham gia các buổi họp của Đảng hoặc dự mítting của công nhân. Cuối ngày làm việc, tôi đọc vài trang tiểu thuyết để trau dồi tiếng Pháp và giải trí một chút. Một hôm, một bạn cùng nghề đưa cho tôi một cuốn truyện nhỏ của Tônxtôi. Tôi quên tên cuốn sách là gì. Từ đó đến nay, đã

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr.45-56.



bốn mươi năm rồi còn gì. Song tôi rất nhớ nội dung cuốn tiểu thuyết. Đại ý như sau:

Một sĩ quan quý tộc Nga trẻ tuổi có một người vợ chưa cưới rất đẹp. Tất nhiên là họ rất yêu nhau. Một hôm, trong cuộc nhảy, người vợ chưa cưới trẻ tuổi được giới thiệu với vua Nga. Vua Nga mê tít chị và bắt chị làm nhân tình của hắn. Anh sĩ quan trẻ đau đớn. Một bên là tình yêu đối với vợ chưa cưới, một bên là lòng trung quân đối với vua Nga. Rút cuộc anh rời bỏ Xanh Pêtecbuga và đi một nơi xa để khỏi phải nhìn vua Nga và người yêu.

Từ đó rút ra kết luận: sự chỉ trích đạo đức phong kiến.

Cách viết của Tônxôi rất giản dị, rõ ràng và dễ hiểu làm tôi rất thích. Tuổi trẻ thường bông bột, tôi nhảy vùng dậy khỏi giường mặc dù mùa đông rất lạnh, nhất là trong căn phòng bé nhỏ của tôi lại không có lò sưởi, tôi nói to: "Viết một cuốn truyện ngắn chẳng có gì là khó. Mình cũng có thể viết được". Ở Việt Nam chúng tôi, có câu tục ngữ "Điếc không sợ súng". Đúng là trường hợp của tôi. Sáng dậy tôi bắt đầu viết. Mỗi ngày tôi phải viết từ năm giờ đến sáu giờ rưỡi sáng, là vì bảy giờ tôi phải đi đến xưởng. Thường thường ngón tay tôi tê cứng lại. Sau một tuần lễ vất vả, tôi viết xong tác phẩm của mình, tôi mang đến tòa soạn báo *Nhân đạo* và nói với các đồng chí trong ban văn học: "Tôi rất sung sướng nếu bài viết của tôi được đăng, tùy các đồng chí đăng hay không đăng, nhưng dù thế nào cũng xin các đồng chí sửa lỗi tiếng Pháp cho tôi...".



Các đồng chí nghĩ xem tôi vui mừng xiết bao, khi mấy ngày sau, mở xem báo buổi sáng, tôi thấy có đăng tác phẩm của tôi, tác phẩm yêu quý của tôi. Niềm vui sướng của tôi càng lớn hơn nữa, khi tòa soạn báo *Nhân đạo* trả cho tôi số tiền nhuận bút 50 phorăng. Với số tiền đó tôi có thể sống mười ngày không cần làm việc, tôi có thể dùng thời gian ấy để đọc sách. Hạnh phúc biết ngần nào.

Nội dung bài phóng sự của tôi, tôi kể những điều mắt thấy tai nghe nơi khu phố ở là khu phố nghèo khổ của những người thợ thuyền và những người thất nghiệp trong thành phố Pari lộng lẫy, giàu có. Thành công đầu tiên khuyến khích tôi viết những bài về tội ác của chính phủ Pháp ở Việt Nam và ở những thuộc địa khác¹.

*

* *

Nhà số 9, ngõ Công Poanh này là nhà riêng của mẹ chồng tôi. Bà cụ xây cất ngôi nhà này từ thế kỷ thứ XIX. Nhà có ba cửa ra vào: một cửa chính, một cửa ngách và một cửa bước thẳng vào sân trong. Nhà nằm trong một ngõ cụt, thuộc một khu phố nghèo của Pari. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, mẹ chồng tôi mở nhà trọ. Cửa vào nhà tôi đó trông xấu xí, phía dưới bằng gỗ, trên lắp kính. Trong sân, một đàn gà đang kiếm ăn.

1. "Người học trò của đại văn hào L.Tônstôi", Tạp chí *Văn học Liên Xô*, ngày 19-11-1960.



Trong số những người ở trọ nhà tôi lúc bấy giờ có một người thanh niên châu Á. Mẹ chồng tôi là chủ nhà, biết rõ tên của anh thanh niên ấy. Còn tôi, tôi thấy tên anh ta rất khó đọc và khó nhớ. Chúng tôi trong nhà quen gọi anh là "anh Trung Quốc" vì tưởng anh là người Trung Quốc. "Anh Trung Quốc" ở tầng gác hai*. Buồng anh mỗi bề 3m, nhìn xuống ngõ. Thời đó ngõ nhà chúng tôi không có điện. Mãi đến năm 1930 mới có điện. Tối đến người ta thắp đèn dầu. Đời sống nhân dân trong ngõ nghèo khổ nhưng mọi người ăn ở với nhau rất tốt.

Nhà nọ biết nhà kia, thăm hỏi nhau, giúp đỡ nhau, chơi với nhau thân ái, chứ không ích kỷ như xã hội bây giờ, ai biết người nấy, ai sống chết kệ ai.

"Anh Trung Quốc" ở trọ sống rất giản dị và hết sức đứng đắn. Khi nào người làm trong nhà đi vắng, mẹ chồng tôi thường sai tôi vào dọn buồng cho "anh Trung Quốc". Những lần như thế tôi mới có dịp thấy buồng ở của anh. Buồng nhỏ, kê vên vên một cái giường, một cái bàn và một cái tủ. Trong buồng có chậu rửa mặt, nhưng vòi nước thì ở ngoài đầu cầu thang. Lò sưởi không có, mà mùa đông ở Pari thì rất lạnh. Tôi nhớ rõ một lần tôi gõ cửa buồng anh để vào dọn dẹp, anh chào tôi và bảo: "Bà Giammô, bà cứ để đấy cho tôi. Tôi không muốn phiền bà.

* Người Pháp gọi số thứ tự tầng gác bắt đầu từ tầng gác thứ hai. Tầng hai, theo người Pháp, tức tầng ba theo cách gọi của Việt Nam.



Bà để tôi làm lấy được". Tôi thấy anh mặc quần áo ngủ và anh đang ngồi làm việc gần cửa sổ. Cửa mở, sợ gió lùa, tôi định đóng lại thì anh ngăn: "Bà Giammô, bà cứ để như thế cho. Không sao cả. Xin cảm ơn bà". Có lần tôi vào buồng anh để thay đồ trải giường cho anh thì gặp anh đang ngồi ăn cơm. Tôi thấy anh đang cầm bát cơm, tay cầm đũa. Anh nấu cơm lấy bằng cái bếp cồn để ở góc buồng. Anh chào tôi và nói: "Cảm ơn bà Giammô. Tốt lắm. Cảm ơn bà". Một lần khác bước vào buồng, tôi thấy anh đang ngồi viết và anh lại bảo: "Bà Giammô bà cứ để tôi làm lấy, tôi không dám phiền bà. Cảm ơn bà".

Vải trải giường trong buồng anh do nhà trọ cung cấp và thay đổi, nhưng quần áo của anh thì anh tự giặt lấy. Anh ăn ở ngăn nắp, trật tự, không làm ầm ĩ bao giờ và mẹ chồng tôi suốt mấy năm trời anh ở trọ không hề than phiền một câu nào về anh. Gia đình tôi đều nhận xét anh là người lịch sự, biết điều, đứng đắn và là một thanh niên nước ngoài rất nghèo. Hàng ngày, anh đi làm ở đâu chúng tôi không biết rõ. Bao giờ cũng thế, anh xuống thang, tìm trong hộp thư ở chân cầu thang xem có thư từ, báo chí gì người ta gửi cho anh không, rồi anh đi cửa gác bên để ra phố. Đi đâu về anh lại tìm thư từ, báo chí trong hộp rồi mới lên buồng.

Gia đình chúng tôi hồi đó ở tầng một, cho nên hàng ngày anh đi về chúng tôi đều thấy. Có ngày cả hai buổi không trông thấy anh ra phố, chúng tôi lên buồng anh để



hỏi thăm. Tôi cho rằng thời trước người ta sống có tình thương yêu đùm bọc nhau hơn thời nay ở cái đất Pari này. Điều đặc biệt là tôi không thấy anh tiếp khách hay tiếp bạn bè trong buồng anh bao giờ.

Bỗng một hôm "anh Trung Quốc" từ già nhà số 9 ngõ Công Poanh của chúng tôi đi đâu chúng tôi không rõ¹.

Ngay sau chiến tranh thế giới thứ nhất, tôi làm thuê ở Pari, khi thì làm cho một cửa hàng phóng đại ảnh, khi thì vẽ "đồ cổ mỹ nghệ Trung Hoa" (do một xưởng của người Pháp làm ra!). Hồi đó tôi thường rải truyền đơn tố cáo bọn thực dân Pháp ở Việt Nam.

Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách mạng Tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên. Tôi chưa hiểu hết tầm quan trọng lịch sử của nó. Tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình; trước đó, tôi chưa hề đọc một quyển sách nào của Lênin viết.

Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì các "ông bà" ấy (hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế) đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì, thì tôi chưa hiểu.

Hồi ấy, trong các chi bộ của Đảng Xã hội, người ta bàn cãi sôi nổi về vấn đề nên ở lại trong Quốc tế thứ hai, hay là nên tổ chức một Quốc tế thứ hai rưỡi, hoặc tham gia Quốc tế thứ ba của Lênin? Tôi dự rất đều các cuộc họp

1. Xem Hồng Hà: *Bác Hồ ở Pháp, Sđd.*



một tuần hai hoặc ba lần. Tôi chăm chú nghe những người phát biểu ý kiến. Lúc đầu, tôi không hiểu được hết. Tại sao người ta bàn cãi hăng như vậy? Với Quốc tế thứ hai, hoặc thứ hai rưỡi, hay là thứ ba, thì người ta cũng đều làm được cách mạng cả, sao lại phải cãi nhau? Và còn Quốc tế thứ nhất nữa, người ta đã làm gì với nó rồi?

Điều mà tôi muốn biết hơn cả - và cũng chính là điều mà người ta không thảo luận trong cuộc họp - là: Vậy thì cái quốc tế nào bênh vực nhân dân các nước thuộc địa?

Trong một cuộc họp, tôi đã nêu câu hỏi ấy lên, câu hỏi quan trọng nhất đối với tôi. Có mấy đồng chí đã trả lời: Đó là Quốc tế thứ ba, chứ không phải Quốc tế thứ hai. Và một đồng chí đã đưa cho tôi đọc *Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* đăng trên báo *Nhân đạo*.

Trong luận cương ấy, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao. Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!".

Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba.

Trước kia, trong các cuộc họp chi bộ, tôi chỉ ngồi nghe người ta nói; tôi cảm thấy người nào cũng có lý cả, tôi



không phân biệt được ai đúng và ai sai. Nhưng từ đó tôi cũng xông vào những cuộc tranh luận. Tôi tham gia thảo luận sôi nổi. Mặc dù chưa biết đủ tiếng Pháp để nói hết ý nghĩ của mình, tôi vẫn đập mạnh những lời lẽ chống lại Lênin, chống lại Quốc tế thứ ba. Lý lẽ duy nhất của tôi là: Nếu đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, nếu đồng chí không bênh vực các dân tộc thuộc địa thì đồng chí làm cái cách mạng gì?

Không chỉ tham gia các cuộc họp của chi bộ tôi mà thôi, tôi còn đến những chi bộ khác để bênh vực lập trường "của tôi". Ở đây, tôi cần nhắc thêm rằng các đồng chí Mácxen Casanh, Vayăng Cutuyariê, Môngmút-xô và nhiều đồng chí khác đã giúp đỡ tôi hiểu biết thêm. Cuối cùng ở đại hội thành phố Tua*, tôi cùng các đồng chí ấy biểu quyết tán thành tham gia Quốc tế thứ ba.

Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc

* Đại hội Tua: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp họp tại thành phố Tua (Tour) từ ngày 25 đến 30 tháng 12 năm 1920. Ở đại hội này, Đảng Xã hội Pháp đã tách ra làm hai: Đảng Cộng sản Pháp gồm số đông đảng viên theo Quốc tế thứ ba và Đảng Xã hội Pháp gồm số ít đảng viên theo Quốc tế thứ hai.



bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ¹.

Ở Đại hội Tua, đồng chí Nguyễn Ái Quốc tuyên bố tán thành chủ trương thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trước hết là vì Đảng Cộng sản là đảng duy nhất kiên quyết đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa. Do đó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời cũng là người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Trong một cuộc họp ở phòng họp của "Hội phổ biến kiến thức" ở khu Latinh, gần đường Xanh Giécmanh tôi lần đầu tiên gặp anh Nguyễn Ái Quốc. Tôi nhớ rõ hồi đó thân hình anh Nguyễn mảnh khảnh, tóc đen, dáng người trẻ hơn tuổi. Anh Nguyễn hơn tôi bảy tuổi nhưng trông chỉ bằng tuổi tôi, người Việt Nam trẻ rất lâu. Con người giản dị, lịch sự, dễ mến của anh Nguyễn đã thu hút tôi ngay buổi đầu. Tôi hỏi anh về tình hình nước anh. Tôi bỗng nhớ đến những lần tôi về quê ở vùng Tácbo, gần dãy núi Pirê-nê tôi đã thấy nhiều người Việt Nam làm việc ở binh công xưởng của địa phương. Họ bị giam trong trại và bị đối xử xấu. Tôi muốn biết chuyện những người Việt Nam đó và tôi hỏi anh Nguyễn Ái Quốc vì sao họ phải

1. Bài của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết cho tạp chí *Các vấn đề Phương Đông* (Liên Xô) năm 1960 nhân dịp kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh Lênin với tiêu đề "Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin", Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.561-563.



sang Pháp. Anh Nguyễn bắt đầu kể cho tôi nghe tình hình nước anh và những hành động xấu xa của chủ nghĩa thực dân Pháp đang thống trị nhân dân anh.

Đối với tôi, đây là điều mới lạ. Vì lúc đó ở Pháp, người ta giới thiệu chính sách thuộc địa như là một công việc xuất cảng văn minh sang các nước lạc hậu. Nhờ quen biết anh Nguyễn mà tôi hiểu sự thật về chủ nghĩa thực dân Pháp. Thấy anh là một người tốt, tôi kết bạn với anh. Chúng tôi gặp nhau luôn trong các buổi họp. Nhất là ở phòng họp "Hội phổ biến kiến thức" là nơi anh Nguyễn hay lui tới. Anh Nguyễn và tôi lúc đó đều là thanh niên. Hai người chúng tôi gặp nhau là nói chuyện, bàn luận rất nhiều và sôi nổi về tình hình thời sự.

Chúng tôi cùng nhau nói chuyện về nước Nga Xôviết. Hồi đó chúng tôi đi quây tiền trong các phố Pari để giúp cách mạng Nga vượt qua nạn đói, hậu quả của việc Chính phủ Pháp và chính phủ các nước đồng minh bao vây nước Nga Xôviết. Một hôm, tan buổi họp, đi trên đường phố, anh Nguyễn nói với tôi: "Này, Giắc oi, cách mạng Nga đang bị tiến công. Nhưng nó sẽ chiến thắng mọi kẻ thù. Tất cả chúng ta còn gặp nhiều khó khăn trước khi đi tới thắng lợi cuối cùng. Nhưng dù thế nào, chúng ta vẫn cứ đi tới. Trước khi đánh gục chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới, chúng ta còn trải qua nhiều gian truân, nhưng thắng lợi nhất định về chúng ta". Anh Nguyễn không hề có ảo tưởng thắng lợi dễ dàng chủ nghĩa tư bản và anh có con mắt nhìn rộng.



Tất nhiên hai chúng tôi còn bàn chuyện quanh vấn đề gia nhập Quốc tế cộng sản. Lúc đó chúng tôi hơi bi quan về kết quả đại hội Đảng Xã hội họp ở Xtrátxobua tháng 2-1920. Đạo ấy ở Pháp đang có phong trào bãi công rất mạnh, xe lửa không chạy, quần chúng sôi sục đấu tranh. Chúng tôi băn khoăn không hiểu đại hội có tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản không? Anh Nguyễn bảo tôi: "Không! Họ không tuyên bố gia nhập Quốc tế Cộng sản đâu, nhưng có lẽ họ sẽ tuyên bố rút khỏi Đế nhị quốc tế". Sự việc đã diễn ra đúng như thế. Với đa số phiếu, đại hội Đảng Xã hội Pháp họp ở Xtrátxobua đã quyết định rút khỏi Đế nhị quốc tế nhưng không gia nhập Quốc tế Cộng sản. Đại hội đã quyết định cử Mácxen Casanh và L.O Phrốtxa đi Mátxcova để hỏi về những điều kiện gia nhập Quốc tế cộng sản. Vì lúc đó báo chí phản động đang làm ầm ĩ quanh những điều kiện gia nhập Quốc tế Cộng sản, cho rằng Quốc tế Cộng sản đã đặt cho các đảng muốn gia nhập những điều kiện oái ăm và nghiệt ngã, bắt các đảng phải nhận.

Chúng tôi thảo luận với nhau nhiều về việc này. Chúng tôi hài lòng thấy Casanh và Phrốtxa được cử đi Mátxcova. Anh Nguyễn thì quen biết nhiều Mácxen Casanh. Anh đã gặp Mácxen Casanh nhiều lần để giới thiệu tình hình Đông Dương. Và phải nói rằng, ngay lúc còn đang theo đường lối chiến tranh cuối cùng, Mácxen

* Quốc tế thứ hai.



Casanh vẫn quan tâm đến các vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Cá tính của Mácxen Casanh là như thế. Tôi nhớ rõ, hồi đó anh Nguyễn đánh giá vai trò của Mácxen Casanh ở Mátxcova có phần tích cực hơn nhận xét của tôi. Và anh Nguyễn đã đánh giá đúng. Chúng tôi đều nhất trí với nhau rằng Phrốtxa là một người hoạt động chính trị chưa được tin cậy lắm (Phrốtxa về sau ra khỏi Đảng Cộng sản). Nhưng Mácxen Casanh thì khác. Phải nói rằng Mácxen Casanh đã giữ một vai trò hết sức quan trọng trong việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Ngay khi Lênin tiếp Casanh và Phrốtxa ở Mátxcova, Lênin cũng có nhận xét về sự khác nhau giữa hai người, tuy cả hai lúc đó theo đường lối chiến tranh đến cùng của Đảng Xã hội. Casanh đã từng cùng Mutê sang Nga dưới thời Chính phủ Kêrenxki. Lênin nhận thấy Casanh là người mà Cách mạng Tháng Mười đã gây ấn tượng rất mạnh. Lênin trong thâm tâm tin cậy Casanh và Lênin nhận xét đúng. Lênin đã nói: Nếu Mácxen Casanh hoàn toàn tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản thì sẽ kéo theo đại đa số đảng viên Đảng Xã hội. Điều đó rất quan trọng. Đảng mới đó sẽ nắm được tờ báo *Nhân đạo*, do đó ngay từ đầu sẽ nắm được lực lượng khá quan trọng". Lênin không nghe lời gièm pha của một số người tự nhận là cộng sản nói rằng Mácxen Casanh là một người "phái giữa" và không làm được việc gì. Tôi phải nói rằng khi tôi nói chuyện với anh Nguyễn Ái Quốc, tôi thấy ý kiến anh cũng giống như ý kiến của Lênin. Anh Nguyễn rất tin ở



Mácxen Casanh vì anh quen biết Mácxen Casanh nhiều hơn tôi, anh có dịp gặp gỡ Mácxen Casanh luôn. Còn tôi, tôi chưa được gặp Mácxen Casanh. Thế rồi Mácxen Casanh sau chuyển đi công tác ở Mátxcova trở về Pari, Đảng Xã hội tổ chức mítting ở rạp xiếc Pari để nghe đoàn đại biểu đi Nga về báo cáo. Người đến nghe nói chuyện rất đông, có tới gần một vạn, chúng tôi cùng đi dự mítting. Không sao chen được vào bên trong mà đứng ở ngoài xa thì không nghe rõ vì hồi đó chưa có hệ thống phóng thanh như ngày nay. Tôi chắc anh Nguyễn đã len được vào tới bên trong hội trường. Khi Mácxen Casanh tới, cả biển người hát vang "Quốc tế ca" và hô "Lênin muôn năm! Casanh muôn năm! Ủy ban Xôviết muôn năm!". Mácxen Casanh đã lên diễn đàn nói: "Đối với một đảng viên Xã hội lâu đời như tôi từ 30 năm nay, mơ ước nhìn thấy một xã hội không có bóc lột là sung sướng biết chừng nào. Được tới thăm nước Nga, ở đó nhân dân lao động nắm chính quyền. Cách mạng Nga tạo xã hội đó đã phải trải qua nhiều đau khổ. Chúng ta là người gây ra những đau khổ đó vì rằng chính đạn đại bác Pháp, do công dân Pháp sản xuất, do công nhân xe lửa và thủy thủ Pháp chuyên chở đang giết bộ đội của nước Cộng hòa Xôviết Nga".

Tối hôm ấy, bài nói chuyện của Casanh làm tôi hết sức phấn khởi và tôi tin tưởng ở Casanh là người sẽ mở cuộc họp vận động gia nhập Quốc tế Cộng sản. Trong các cuộc họp chính trị người ta tranh luận rất nhiều về vấn đề Quốc tế Cộng sản. Tôi luôn luôn gặp anh Nguyễn ở



những cuộc tranh luận đó, bây giờ chúng tôi hay đi họp với nhau ở mấy nơi này: phòng họp của Hội phổ biến kiến thức, phòng họp Mui-liê ở gần lâu đài Luy-chxambua, rạp chiếu bóng phố Satô-dô ở quận 10, họp tác xã Benlinloadur ở quận 20, họp tác xã Lêgalite ở phố Sămboroê Modô. Tôi thấy anh Nguyễn mấy lần đứng dậy hỏi các diễn giả về chế độ thực dân và đề nghị mọi người không nên quên việc lên án chủ nghĩa thực dân. Các cuộc họp lúc đó rất sôi nổi, ai nói sai người khác đứng dậy, tranh cãi lại ngay. Anh Nguyễn có tinh thần chiến đấu hăng hái, có tinh thần cách mạng tiến công. Anh có một lối nói sư phạm, có lý có lẽ để thuyết phục mọi người. Lúc đó anh nói tiếng Pháp giỏi.

Anh có đến nhà tôi chơi. Lúc bấy giờ tôi chỉ có một căn buồng con, nghèo khổ giữa Pari. Tôi nhớ rõ hồi đó anh bàn luận với tôi về vấn đề đảng. Anh nói một đảng cách mạng phải là một đảng có kỷ luật. Một khi đảng đã quyết nghị, không thể có tình trạng mỗi người làm một cách. Mỗi người đi một nẻo. Phải kết hợp chặt chẽ hành động của đảng viên với nghị quyết của đảng. Hồi đó trong Đảng Xã hội có hiện tượng trong buổi họp đảng, bí thư đảng báo cáo, mọi người thảo luận rồi ra nghị quyết, nhưng đến khi thi hành thì không ai làm. Anh Nguyễn đến nói chuyện đó và bảo tôi rằng đã đến lúc cần phải có một đảng mới, một đảng trong đó không có lề lối làm việc như ở nghị viện. Chúng tôi nhận thấy tác phong, kiểu cách đấu tranh như ở nghị viện đang là cái tệ trong sinh



hoạt của Đảng Xã hội và chúng tôi bảo nhau phải kiên quyết chống cái tệ đó.

Khi gặp nhau, hai chúng tôi còn bàn luận nhiều chuyện khác, về tình hình thời sự, về các nhà hoạt động chính trị thời bấy giờ. Tôi thấy anh Nguyễn nói chuyện về Pôn Vayăng Cutuyariê và Raymông Lophevơ mà anh đều quen biết. Anh hỏi tôi về hai người đó. Vì tôi cùng ở trong hội cựu chiến binh với Cutuyariê và Lophevơ. Anh Nguyễn nhận xét rằng Cutuyariê và Lophevơ có nhiều tình cảm với cách mạng Nga, là những người tốt. Hồi tổ chức bầu cử năm 1919, những người ra ứng cử trong quận tôi hoạt động là Casanh, Cutuyariê, Lophevơ. Còn anh Nguyễn hoạt động ở một quận khác bên phía tả ngạn sông Xen, nhưng người ra ứng cử ở quận của anh không phải là người tốt. Anh Nguyễn hô hào vận động ủng hộ Casanh, Cutuyariê, Lophevơ. Kết quả cuộc bầu cử làm chúng tôi thất vọng vì các ứng cử viên tiến bộ không trúng cử. Bởi vì lúc bấy giờ Pháp là nước thắng trận, nhân dân tự nhủ: "Rồi thì nước Đức phải nộp tiền cho chúng ta". Trên cái tâm trạng thắng trận ấy, người ta lợi dụng tình cảm của dân chúng và kích động chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi.

Hai chúng tôi ca ngợi cuộc binh biến của thủy thủ tàu Pháp ở biển Hắc Hải. Anh Nguyễn tỏ ý khâm phục những thủy thủ bị đẩy đi đánh cách mạng Nga đã nổi dậy chống lệnh trên và anh Nguyễn cho đấy là một việc rất có ý nghĩa. Trong thời gian hoạt động với nhau, chúng tôi còn



bàn luận với nhau vấn đề văn học, nghệ thuật. Chúng tôi nói chuyện về các nhà văn Hăngri Bắcbuyt, Rômanh Rôlăng. Rôlăng lúc đầu theo thuyết bất bạo động như kiểu Găngđi, nhưng sau thay đổi quan điểm và làm một nhà văn hào xuất sắc. Tôi biết anh Nguyễn Ái Quốc đã đọc tiểu thuyết *Lửa* của Bắcbuyt và anh quen biết riêng Bắcbuyt. Anh nói với tôi về Bắcbuyt, về Duyhamen vừa viết xong cuốn "văn minh", về tất cả nhà văn đề ra trong chiến tranh. Anh Nguyễn thấy ở đó một không khí sôi sục trong giới trí thức Pháp, gây giống cho những tư tưởng cách mạng. Tôi còn biết anh Nguyễn rất thích đọc các tác phẩm của Víchto Huygô và anh nói với tôi về tập thơ *Hình phạt* của Huygô mà anh cho là rất hay. Anh còn tranh luận với tôi về Bandắc nữa và anh cũng đọc nhiều tác phẩm của ông ta.

Tháng Chạp năm 1929, anh Nguyễn được cử làm đại biểu đi dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội. Tôi không được đi Đại hội. Nguyễn là đại biểu Việt Nam duy nhất ở Đại hội và anh đã lên án chủ nghĩa thực dân, nhắc mọi người quan tâm đến tình hình của nhân dân anh, của nhân dân Đông Dương đang bị thực dân Pháp thống trị. Ngay những kẻ cơ hội chủ nghĩa cũng không thể ngăn anh nói đến việc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Tại Đại hội, anh đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Ở Đại hội, anh Nguyễn đã gặp đồng chí lão thành Đức, nghị sĩ Đức, ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc tế Cộng sản, được



cử làm đại diện Quốc tế Cộng sản đến dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp.

Đại hội Tua là đại hội thành lập Đảng Cộng sản Pháp, đánh dấu một sự kiện hết sức quan trọng trong đời sống chính trị và phong trào cách mạng Pháp. Bấy giờ nhắc đến việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp, tôi nhớ ngay đến Casanh, đến Cutuyariê, đến Lophevơ và phải nhớ ngay đến người đồng chí Việt Nam ấy mà mọi người hoạt động cách mạng ở Pháp yêu mến, đó là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, về sau là Chủ tịch Hồ Chí Minh¹.

*

* *

Tháng 8 năm 1920, "Ủy ban công đoàn đỏ" tỉnh tôi và tổ chức "Đoàn thanh niên công đoàn xã hội" cử tôi và hai đồng chí nữa làm đại biểu của tỉnh đi dự Đại hội Đảng Xã hội Pháp họp ở thành phố Tua.

Cuối năm 1920, chúng tôi đi Đại hội Tua bằng xe lửa. Tới ga có anh em đồng chí ở địa phương ra đón. Ba chúng tôi ở trọ lại nhà đồng chí Bovécđi, thợ xe lửa ở Tua. Đại hội Đảng Xã hội Pháp khai mạc đúng vào dịp lễ Nôen, ngày 25 tháng 12 năm 1920, tại phòng họp lớn của nhà Mane ở Tua. Sau lưng Đoàn chủ tịch Đại hội có hai khẩu hiệu lớn: "Giải phóng người lao động là nhiệm vụ của chính người lao

1. Trích từ "Những ngày ở Pari" của Giắc Duyclô, trong *Bác Hồ ở Pháp*, Nxb. Văn học, 1970.



động", "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại". Ngoài hành lang cạnh phòng họp có nơi làm việc của nhân viên Sở Bưu điện để phục vụ nhà báo và các đại biểu. Ban nhạc "Trương lai nhân dân" cử bài Quốc tế ca, sau đó một ban đồng ca hát bài ca cách mạng khai mạc phiên đầu tiên của Đại hội. Đoàn chủ tịch Đại hội gồm đồng chí Mácxen Casanh cùng sáu, bảy đồng chí khác và Chủ tịch danh dự của Đại hội là các thủy thủ Pháp làm binh biến trên biển Hắc Hải.

Đại hội đã sống những giờ phút vô cùng sôi nổi. Tôi nhớ lúc Phrốtxa, Tổng thư ký Đảng, đang đọc diễn văn thì nữ đồng chí Clara Détkin, chiến sĩ cách mạng nổi tiếng của Đức, đại diện Quốc tế Cộng sản, bước vào Đại hội bất chấp sự bao vây, ngăn cấm của cảnh sát Pháp. Một sự kiện nổi bật khác trong Đại hội là lúc Đoàn chủ tịch giới thiệu đồng chí Nguyễn Ái Quốc với Đại hội đại biểu nhân dân Đông Dương, cả đại hội đứng dậy vỗ tay như sấm vang, hoan hô nhiệt liệt đồng chí Việt Nam có thân hình cao gầy, khuôn mặt xương xương. Tôi nhớ rõ khung cảnh hùng tráng của Đại hội khi đồng chí thay mặt Đoàn chủ tịch ôm hôn đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong tiếng vỗ tay vang dậy.

Hồi ấy phòng họp Đại hội chưa có những micrô và hệ thống phóng thanh tốt như ngày nay. Đại hội đã lắng nghe đồng chí Nguyễn Ái Quốc tố cáo những sự tàn bạo do thực dân Pháp gây ra ở Đông Dương, tả lại nỗi thống khổ của 20 triệu người Việt Nam (thời đó



người ta gọi là "Người An Nam") bị đàn áp, khủng bố, bóc lột thậm tệ dưới ách đô hộ Pháp, bị bọn thực dân dùng rượu và thuốc phiện đầu độc. Đồng chí nêu lên vấn đề phải đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp. Sau đó, Gôngđơ trên Đoàn chủ tịch Đại hội tuyên bố trước Đại hội: "Toàn thể Đảng Xã hội Pháp nhất trí phản đối những tội ác và sự lộng quyền của bọn tư bản ở Đông Dương". Phải nói thêm là đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc ấy nói tiếng Pháp giỏi.

Một vấn đề hết sức quan trọng được thảo luận trong Đại hội là vấn đề Đảng Xã hội Pháp có gia nhập Quốc tế thứ ba hay không? Lúc đó trong Đảng có nhiều khuynh hướng mâu thuẫn nhau và các đại biểu trong Đại hội ngồi theo khuynh hướng, những người cùng quan điểm ngồi cạnh nhau. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc đó ngồi ở phía trái của phòng họp, nhìn từ trên Đoàn chủ tịch nhìn xuống. Bằng các đại biểu xếp theo chiều dọc phòng họp chứ không xếp theo chiều ngang. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc ngồi ở dãy bàn thứ hai kể từ trái, và ngồi cạnh đồng chí Pôn Vayăng Cutuyariê.

Người ta đưa ra trước Đại hội nhiều kiến nghị khác nhau về vấn đề Đảng Xã hội có gia nhập Quốc tế thứ ba hay không? Có kiến nghị của Casanh - Phrốtxa do "Ủy ban đệ tam Quốc tế" đưa ra, kiến nghị Giăng Lôngghê Pôn Pho do "Ủy ban tái thiết quốc tế" đưa ra, kiến nghị của "Ủy ban kháng chiến xã hội" do Lêông Blum và Paoli đưa ra và kiến nghị của Bretxoman. Kiến nghị của Casanh - Phrốtxa chủ



trương hoàn toàn gia nhập Quốc tế thứ ba, còn các kiến nghị khác thì chống lại.

Đại hội tranh luận khá náo nhiệt xung quanh các kiến nghị nói trên. Cuối cùng, Đại hội bỏ phiếu để quyết định. Kiến nghị của Casanh - Phrốtxa chủ trương gia nhập Quốc tế thứ ba đã thắng với đa số phiếu. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba. Những đại biểu bỏ phiếu chống việc gia nhập Quốc tế thứ ba bèn bỏ phòng họp Đại hội, rủ nhau đi họp ở những nơi khác. Những người chủ trương gia nhập "Quốc tế Cộng sản" ở lại, quyết định thành lập Đảng Cộng sản Pháp và Đại hội của Đảng Cộng sản Pháp mới ra đời, tiếp tục họp tại phòng họp nhà Mane ở Tua. Và như thế đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một trong những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp¹.

Lời phát biểu tại Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp

Chủ tịch*: Đông Dương có ý kiến. (Vỗ tay).

Đại biểu Đông Dương**: Thưa các đồng chí, lễ ra hôm nay tôi đến đây để cùng các đồng chí góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới, nhưng với một nỗi đau

1. Xem Raun Lác-rê: "Ở Đại hội Tua", trong *Bác Hồ ở Pháp, Sđd*.

* Chủ tịch phiên họp buổi chiều ngày 26-12-1920 là Êmilo Guđơ - BT.

** Đại biểu Đông Dương là đồng chí Nguyễn Ái Quốc - BT.



buồn sâu sắc, tôi đến đây với tư cách là đảng viên xã hội để phản đối bọn đế quốc đã gây ra những tội ác tày trời trên quê hương tôi (*Tốt lắm*). Các đồng chí đều biết rằng chủ nghĩa đế quốc Pháp đã vào Đông Dương từ nửa thế kỷ nay: Vì lợi ích của nó, nó đã dùng lưỡi lê để chinh phục đất nước chúng tôi. Từ đó, chúng tôi không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thâm hiểm. Nói cho rõ hơn, chúng tôi đã bị đầu độc bằng thuốc phiện, bằng rượu, v.v.. Trong vài phút tôi không thể vạch được hết những sự tàn bạo mà bọn tư bản ăn cướp đã gây ra ở Đông Dương. Nhà tù nhiều hơn trường học và lúc nào cũng chật ních. Bất kỳ người bản xứ nào có tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đều bị bắt và có khi bị giết và không cần xét xử. Cái gọi là công lý Đông Dương là thế đấy! Ở xứ đó, người Việt Nam bị phân biệt đối xử. Họ không có sự đảm bảo như người châu Âu hoặc có quốc tịch châu Âu. Chúng tôi không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có. Chúng tôi không có quyền sống hoặc đi du lịch ở nước ngoài; chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi không có quyền tự do độc lập. Ở Đông Dương, bọn thực dân tìm mọi cách bắt chúng tôi hút thuốc phiện và uống rượu để đầu độc chúng tôi và làm cho chúng tôi đần độn. Người ta đã làm chết và tàn sát hàng nghìn người Việt Nam để bảo vệ những lợi ích không phải của chính họ.



Thưa các đồng chí, hơn hai mươi triệu dân Việt Nam, bằng hơn nửa số dân nước Pháp, đã bị đối xử như vậy. Ấy thế mà họ là những người được nước Pháp bảo hộ! (*Vỗ tay*) Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức (*Hoan hô*).

Giăng Lôngghê: Tôi đã phát biểu ý kiến để bảo vệ những người bản xứ.

Đại biểu Đông Dương: Ngay khi tôi bắt đầu nói, tôi đã yêu cầu mọi người tuyệt đối im lặng... (*Nhiều tiếng cười*) Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa. Chúng tôi thấy rằng việc Đảng Xã hội gia nhập Quốc tế thứ ba có nghĩa là Đảng hứa một cách cụ thể rằng từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa. Chúng tôi rất sung sướng khi nghe tin thành lập một đoàn đại biểu thường trực nghiên cứu vấn đề Bắc Phi, và mai đây chúng tôi sẽ vui mừng nếu Đảng phái một đồng chí của Đảng sang Đông Dương để nghiên cứu tại chỗ những vấn đề ở xứ đó, và nghiên cứu những hoạt động cần phải tiến hành.

Một đại biểu: Vói đồng chí Ăngve Pasa?...

Đại biểu Đông Dương: Im đi! Phái nghị viện (*Vỗ tay*)

Chủ tịch: Bây giờ, tất cả các đại biểu phải im! Kể cả những đại biểu không thuộc phái nghị viện!

Đại biểu Đông Dương: Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái tả



lẫn phái hữu, chúng tôi kêu gọi các đồng chí, hãy cứu chúng tôi! (*Vỗ tay*).

Chủ tịch: Qua những loạt vỗ tay tán thành, đại biểu Đông Dương có thể thấy rằng toàn thể Đảng Xã hội đều đứng về phía đồng chí để phản đối những tội ác của giai cấp tư sản¹.

*

* *

"Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Chính phủ Pháp ra sức bóc lột, đàn áp nhân dân thuộc địa và đẩy họ đi làm bia đỡ đạn trên chiến trường châu Âu. Những người dân thuộc địa đi lính cho Pháp hồi đó bị đưa đi đánh quân Đức và phải chịu nhiều nỗi khổ cực. Chiến tranh kết thúc, nhân dân các thuộc địa khác được giác ngộ hơn và nhiều phong trào chống thực dân Pháp đã diễn ra khắp nơi. Trong hoàn cảnh đó, những người dân thuộc địa cư trú ở Pháp đã tập hợp lại và tổ chức ra "Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa", hội này thu hút những người Mađagaxca, Đahômây, Xênegan, Ghinê, Ăngti Goadolup, Mactinich Haiti, Angiêri, Đông Dương...

Và tôi đã gặp anh Nguyễn Ái Quốc trong buổi thành lập Hội đó. Đây là vào năm 1922 ở Pari. Tôi nhớ rõ lần đầu tiên quen biết anh trong buổi họp của Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa, tôi thấy anh người gầy gò mảnh

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.34-36.



khánh với giọng nói nhỏ nhẹ. Anh tự giới thiệu là người Việt Nam, làm nghề thợ ảnh, đã đến Pari trước tôi ba năm, hiện ngụ ở ngõ Công Poanh. Anh nói tiếng Pháp thạo và tiếp xúc với anh, tôi thấy ngay là một người đáng mến.

Trụ sở hội của chúng tôi hồi đó ở số nhà 3 phố Mácsê đê Patriacso. Đây là một cửa hàng nhỏ bé cũ kỹ có hai gian, một gian nhìn ra phố và một gian ở phía sau. Hội nghị của Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa hội họp ở trong nhà đó, tất cả có khoảng gần 100 hội viên. Đứng đầu hội là ông Monnecvin người đảo Ăngti, giữ chức Tổng thư ký hội. Về sau tôi gánh trách nhiệm đó một thời gian. Tôi là người Goadolup. Hội không tổ chức thành nhóm, tổ, hay chi bộ mà chỉ có hội họp chung. Đi vào trụ sở hội người ta qua cửa ngách bên cạnh cửa hàng. Nhưng mỗi lần có cuộc họp bao giờ chúng tôi cũng thấy cảnh sát đứng canh gác ở phía ngoài cửa trụ sở của chúng tôi và bọn mật thám Pháp đứng điểm mặt. Chúng tôi hoạt động như thế cũng không phải dễ dàng và luôn luôn có sự uy hiếp.

Tôi gặp anh Nguyễn luôn trong các buổi họp của hội. Có khi họp ở trụ sở hội, có khi chúng tôi tổ chức mítting ở phòng họp của Hội phổ biến kiến thức và phòng họp của nhà công đoàn ở phố Ôgut Blăngki. Anh Nguyễn đi họp và đi dự các buổi mítting của hội rất đều. Anh nghèo nhưng anh mặc chỉnh tề. Hoạt động với anh tôi thấy anh là người hăng hái đấu tranh cho việc giải phóng các dân tộc thuộc địa, không



riêng dân tộc Việt Nam của anh mà tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Anh có lòng tin mãnh liệt ở thắng lợi cuối cùng và anh cho rằng muốn giải phóng dân tộc phải làm cách mạng, không có con đường nào khác. Tôi có cảm tưởng: ở anh, ý nghĩa đấu tranh giải phóng dân tộc luôn luôn khắc sâu trong tâm trí anh và quán triệt suốt cuộc đời của anh. Một lần nghe tin thực dân Pháp khủng bố tàn sát nhân dân ở Đahômây, tôi thấy anh cảm phần, xúc động, đau đớn như chính việc đó xảy ra đối với nhân dân Việt Nam của anh. Anh là một con người đầy tính nhân đạo và tinh thần quốc tế. Không bao giờ thấy ở anh một nét nhỏ nào của sự ích kỷ. Và càng hoạt động, chúng tôi càng yêu thương nhau, càng thấy các dân tộc thuộc địa phải đoàn kết với nhau chống kẻ thù chung. Anh đã trở thành bạn thân và tin cậy của tôi.

Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa sống bằng đồng tiền đóng góp của hội viên. Mỗi hội viên đóng góp cho hội mỗi tháng ba phrăng Pháp, ngoài ra có những người hảo tâm ủng hộ tiền cho hội. Một hôm, chúng tôi, trong đó có anh Nguyễn Ái Quốc, nảy ra ý kiến nên ra một tờ báo của hội. Một sáng kiến táo bạo nhưng cũng đề ra nhiều vấn đề khó khăn cần giải quyết. Sau chúng tôi quyết định cứ ra báo. Chúng tôi thảo luận, đặt cho báo một cái tên: *Người cùng khổ*. Đây là bước phát triển mới của Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

Chúng tôi phải thu xếp rất nhiều việc để ra được tờ báo. Tôi lúc đó làm nghề trạng sư ở Pari, tôi hiểu pháp luật nhà nước Pháp, cho nên anh em cử tôi làm giấy tờ xin



phép ra báo. Tôi phải đến tòa án và các bàn giấy của Pháp để làm mọi thủ tục cần thiết và cuối cùng thì xin được phép ra báo *Người cùng khổ*. Hội không có nhiều tiền để ra báo. Chúng tôi tìm được chỗ in báo. Đây là một nhà in tư nhỏ bé ở phố Croátxăng và sung sướng biết bao, tờ báo của chúng tôi đã ra đời. Đây là một tờ báo khổ to, tên báo bằng chữ Ả Rập đặt bên trái và bên phải là tên báo bằng chữ Hán do anh Nguyễn viết. Giá báo là 25 xu một số. Địa chỉ lúc đầu của báo là nhà số 16 đường Giắc Canlôm, sau đổi về nhà số 3 phố Mácsê Đê Phatriacsơ, nơi đóng trụ sở của Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

Cách làm việc của tòa soạn báo *Người cùng khổ* rất tập thể. Chúng tôi không có ban biên tập làm việc thường xuyên vì mọi người chúng tôi đều phải sinh sống hàng ngày hoặc bận hoạt động nhiều việc khác. Mỗi kỳ ra báo mỗi người đem bài viết của mình đến. Chúng tôi họp nhau lại, đọc chung, sửa chung, rồi bàn nội dung cho số sau. Sau khi đã chọn bài một cách tập thể, chúng tôi phân công người chịu trách nhiệm sắp xếp lại và lo lắng việc xuất bản, đem bài đi nhà in chẳng hạn. Nhiều lần anh Nguyễn Ái Quốc được cử phụ trách chữa bài vở và xuất bản nhiều số báo. Anh tốt và có tinh thần tương trợ, cho nên có những lần đến lượt chúng tôi phải đi trông nom việc ra báo, nhưng chúng tôi bận việc hoặc mắc chuyện gia đình, anh Nguyễn đã xung phong đi làm thay cho chúng tôi. Đây là một người bạn tốt, dịu dàng, đáng mến, lo xa, yêu thương đồng đội, chịu khó giúp đỡ người khác.



Báo *Người cùng khổ* xuất bản từ năm 1922. Anh Nguyễn Ái Quốc đã đóng góp rất nhiều cho tờ báo. Anh viết khoẻ, có số viết tới hai, ba bài. Toàn bộ những bài báo của anh là bản án chủ nghĩa thực dân Pháp và là nguyện vọng giành độc lập tự do cho nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa. Lời văn của anh sắc bén, tư tưởng của anh rõ ràng và mạnh mẽ: Đấu tranh đến cùng chống chủ nghĩa thực dân Pháp. Ở nhiều số, không những anh viết bài mà anh còn vẽ tranh châm biếm nữa để đả kích chế độ thực dân. Tất cả những bài và tranh ký tên Nguyễn Ái Quốc trên báo *Người cùng khổ* mang một màu sắc đặc biệt: đó là tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để và quyết tâm chống chủ nghĩa thực dân. Xem và đọc những bài và tranh đó người ta thấy rõ tác giả có một tinh thần tiến công rất chủ động và rất thông minh.

Dạo ấy, anh Nguyễn là người không có gia đình. Còn tôi thì đã lập gia đình. Tôi lúc đó có bàn giấy trạng sư ở số nhà 10b, phố Po Roayan, Pari. Cả gia đình tôi coi anh như người thân trong nhà và nhiều lần giữ anh lại ăn cơm. Anh giản dị, tự nhiên, vui tính. Anh gọi vợ tôi: "Bà chị của tôi". Anh gọi con gái tôi, Êlian là "cháu". Anh ăn uống ít và tôi có cảm tưởng anh là một người không đòi hỏi gì nhiều trong sinh hoạt. Một hôm anh đưa đến tặng gia đình tôi một cái chiêng bằng đồng đường kính chừng 50cm và một lư hương cũng bằng đồng. Những vật kỷ niệm quý giá đó tôi để ở nhà. Nhưng đến năm 1927 tôi về Goadolúp, 13 năm sau mới trở sang Pari thì những vật đó đã mất. Tôi



rất tiếc. Cả nhà tôi hết sức quý mến anh Nguyễn. Duy có điều chúng tôi không bao giờ thấy anh nói chuyện về gia đình, làng mạc quê hương anh. Chúng tôi cũng tránh hỏi vì biết anh hoạt động cách mạng, đời sống luôn luôn bị uy hiếp, có thể bị bắt bớ bất cứ lúc nào.

Bỗng một hôm, vào năm 1923 anh Nguyễn đến nhà chúng tôi và nói bằng một giọng lưu luyến:

- Hôm nay, tôi đến chào anh chị. Tôi sẽ đi xa một thời gian và không có dịp được gặp anh chị nữa. Xin chào anh chị và cháu ở lại mạnh khoẻ và anh cho tôi gửi lời chào các đồng chí trong hội liên hiệp..."¹.

*

* *

"... Tháng 7 năm 1922, tôi vừa đi Nam Mỹ về thì gặp một đồng chí người Pháp phụ trách công đoàn cho xem mấy tờ báo *Người cùng khổ* do ông Nguyễn Ái Quốc làm. Tôi đọc mê man, ngốn ngấu, người rần rật như có lửa đốt bên trong. Đọc xong liền vùng chạy đi tìm anh em mình đọc nghe chung. Cả lũ chúng tôi ai cũng ứa hai hàng nước mắt. Những bài báo ngắn gọn sao lại có thể khuấy động tâm hồn, tâm hồn của người mất nước, của người lao khổ bị áp bức, bóc lột đến như thế. Những bài báo đọc lên cứ thúc người ta hành động. Nhưng chúng tôi

1. Xem Luật sư Mác Clanvin Blôngcau: "Người bạn tốt của các dân tộc thuộc địa", trong *Bác Hồ ở Pháp, Sđd*.



không hiểu phải hành động như thế nào. Chợ này ra ý định đi tìm ông Nguyễn Ái Quốc. Anh em bàn nhau rồi cử tôi đi. Trước đây, tôi đã định đi tìm ông Nguyễn nhưng không hiểu địa chỉ, cứ sợ về Pari như chim chích vào rừng. Lần này anh em cử đi, lại nắm chắc lấy tờ báo *Người cùng khổ*, tôi hăng lắm, không sợ gì cả hăm hở lên đường ngay. Hình như ở Pari, ông Nguyễn Ái Quốc đã biết chúng tôi sẽ đến tìm và có ông thì chẳng ngại cái gì nữa.

Ngồi trên xe lửa, 11 giờ trưa tới Pari. Ở ga xuống, gặp bất kỳ ai là người da vàng cũng chìa địa chỉ báo *Người cùng khổ* ra hỏi đường. Tôi nghĩ người da vàng là người thuộc địa, người thuộc địa ở Pari không ít thì nhiều cũng biết báo *Người cùng khổ*. Quả nhiên, nhiều người chỉ đường cho chúng tôi. Tôi đến đường Mácsê đê Patoriacô (Máché des Patriarcher) ở Quận 6. Phố này cổ. Tòa báo "Người cùng khổ" ở phố này, trước cái chợ bán các thứ nhí nhảnh. Ngoài cửa tờ báo có một hòm thư dán cái đầu đề nho nhỏ của báo. Tòa báo ở tầng dưới cùng, chỉ có hai gian vừa phải. Hai người Bắc Phi đang hí húi làm việc, xé phong bì, viết lách, dập xóa.

Hai người niềm nở mời tôi ngồi chờ rồi tiếp tục làm việc. Tôi nghe thỉnh thoảng họ lại nói với nhau bằng tiếng Pháp: "Cái này đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã xem chưa?", "Cái này đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã duyệt chưa?"...

Xem ý mọi người rất kính trọng đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Ngồi đợi, tôi đưa mắt nhìn tờ báo. Một cái bàn gỗ



dài, mộc mạc, trên mặt bày la liệt từng chồng báo các thứ tiếng: Anh, Pháp, Đức..., mấy cái ghế. Và một bản đồ thế giới khổ lớn treo trên tường. Tôi nhẹ nhàng đi lại gần xem. Ở chỗ Việt Nam, vết tay người và nét bút chì đã làm cho màu in và giấy, bóng lại. Có người thường xuyên suy nghĩ về dải đất này đây? Bất giác tôi cũng đứng lặng một hồi. Việt Nam xa Pari quá. Đồng bào mình bây giờ ra sao?

Chờ mãi, chờ mãi. Đến 5 giờ chiều, hai người Bắc Phi báo cho tôi biết hôm nay đồng chí Nguyễn Ái Quốc không đến tòa soạn báo và cho tôi địa chỉ của đồng chí ở phố Gôbolanh (Rue de Gobelins) Quận 13, cách tòa soạn hơn một cây số. Gôbolanh có nghĩa là tấm thảm. Phố này thời xưa có lẽ dệt thảm. Bây giờ thì những người bình thường ở. Tôi đến phố Gôbolanh, tìm tới nhà số 6, leo lên tầng hai. Tôi hồi hộp lắm. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người như thế nào và đồng chí sẽ đối xử với tôi ra sao? Tôi gõ tay gõ cửa. Có tiếng giầy lại gần và mở cửa. Một người trạc ba mươi, ba mươi hai gì đó, cao gầy trắng trẻo, đứng trước mặt tôi tươi cười:

- Anh tìm ai? (Lúc ấy tôi còn trẻ lắm, chưa hai mươi).
- Tôi tìm... ông Nguyễn Ái Quốc!
- Tôi đây, mời anh vào!

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đang đứng trước mặt tôi, đang tươi cười thân mật mở rộng cửa mời tôi vào. Tôi nhớ lúc ấy tôi có đứng sững lại giây lát, để nhìn kỹ thêm đồng chí Nguyễn Ái Quốc xem người ra mở cửa lúc chưa tự giới thiệu với người bây giờ vẫn là một hay hai. Vẫn là



một, vẫn dáng người cao, dong dong gầy trong bộ quần áo dạ đen đã cũ và đặc biệt đôi mắt, đôi mắt to, sáng lạ lùng ấy. Tôi theo đồng chí Nguyễn Ái Quốc vào nhà, thoải mái tự nhiên ngay, không rụt rè nữa. Ở góc buồng kê một cái bàn. Rất nhiều sách, báo, tạp chí. Bên cạnh có một cái giường sắt và một cái tủ đứng nho nhỏ. Vén vén có thể. Nhưng căn buồng sạch sẽ, sáng sủa thân mật khác thường.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc hỏi quê tôi ở đâu, đến có việc gì..., tàu biển bao lâu đi một chuyến, có vất vả không, sinh hoạt thế nào. Lúc ấy, tôi mới biết đồng chí trước cũng là công nhân làm tàu. Thảo nào nói đúng tiếng trong nghề mình. Đồng chí đi đã lắm, phần lớn những nơi tôi tới đồng chí đều thông tỏ cả. Đồng chí không giới thiệu ra đâu nhưng nghe cách nói hỏi thăm cái phố, cái xá, là đủ rõ. Đặc biệt, đồng chí rất để ý đến đời sống nhân dân các nước ấy. Rồi chúng tôi nói sang chuyện đất nước. Biết tôi ra đi từ Sài Gòn, đồng chí hỏi tôi rất lâu về Sài Gòn, Chợ Bến Thành, bến tàu, anh em khuân vác, xe thổ mộ... đôi mắt trầm ngâm, đồng chí hỏi tôi tí mĩ từng cái nhỏ và chăm chú. Chuyện trò thân mật, thời gian đi nhanh quá, một loáng đã chín giờ tối. Tôi phải cáo từ ra về. Đồng chí hẹn tôi sáng hôm sau, chủ nhật, đến nữa.

Tôi về nhà trọ nằm nghỉ mãi. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tiếng tăm như thế mà giản dị, khiêm tốn, thân mật vô cùng. Gặp đồng chí, tôi càng thêm kính phục và cảm động. Những người đi biển chúng tôi rất quý người chỉ



huy giỏi và hiểu giá trị người chỉ huy giỏi. Gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc, tôi thấy tin đồng chí một cách đặc biệt, như chưa bao giờ tôi tin ai như thế. Với đồng chí Nguyễn Ái Quốc thì vào đông ra bão cũng không ngại. Đồng chí có sức hấp dẫn lạ thường. Ai đã gặp đồng chí là cứ muốn gặp mãi, muốn được ở bên đồng chí mãi.

Tám giờ sáng hôm sau tôi lại đến. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chờ tôi, vẫn bộ quần áo dạ đen xuềnh xoàng hôm qua để dắt tôi đi chơi Pari. Chúng tôi ra phố, đi vòng vèo rất nhiều đường, qua cái phố Mônggiơ (Monges) dài lắm, chúng tôi cứ kéo bộ miết. Tôi để ý đôi giày của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã cũ, là loại đế rất cao, có cổ để đi bộ lâu mòn, lâu hỏng. Vừa đi vừa nói chuyện, độ gần một giờ sau, đồng chí dắt tôi vào một phòng triển lãm hội họa. Thú thật lúc đó còn trẻ tôi không hiểu hội họa nên cũng không thích lắm. Nhưng đi với đồng chí Nguyễn Ái Quốc là thú rồi. Phòng triển lãm bày đến mấy trăm bức ký họa và rất đông người xem. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc quen nhiều lắm. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc xem tranh rất lâu, rất kỹ, ngắm từng bức và bình phẩm với các bạn Pháp lúc đó cùng xem với đồng chí. Những lời bình phẩm tỏ ra đồng chí rất hiểu văn hoá Pháp, rất sành nghệ thuật. Các bạn Pháp gật gù rồi trao đổi ý kiến với đồng chí. Tôi đứng nghe, thấy hay, cũng đâm ra chú ý ngắm tranh hơn. Tôi nhớ các bức tranh của đồng chí Vayăng Cutuyariê, đồng chí Nguyễn Ái Quốc xem đi xem lại mãi. Mấy năm sau này, tôi về Pari làm thợ in ở xưởng của lão tư bản



Đanggiông, xưởng này in cho báo *Nhân đạo* và báo *Việt Nam hồn*, tôi vẫn thường gặp đồng chí Cutuyarie. Thật là một người trí thức hiểu rộng, khiêm tốn, vui vẻ, hết sức quan tâm đến các nước thuộc địa. Lúc ấy tôi mới biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc và đồng chí Cutuyarie là bạn thân của nhau. Điện Păngtêông ở ngay trước phòng triển lãm. Chúng tôi tạt vào một lát rồi ra. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đưa tôi đến phố Đê Cắcmơ (Des Carmes) và một hiệu ăn người Hoa kiều gọi cơm. Bữa ấy có nước mắm và thịt bò xào với giá. Lâu ngày mới ăn món quê hương ngon quá. Ăn xong lại kéo nhau đi bộ về.

Đến nhà, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trải chiếu xuống sàn, lấy sách báo sắp làm hai cái gối rồi cùng tôi nằm nghỉ trưa. Tôi được hiểu rõ về công việc làm ăn của đồng chí. Sáng thì đồng chí đi vẽ khoán cho một xưởng truyền thần, có vẽ mới có tiền, do đó đời sống của đồng chí tạm tạm thôi, có phần còn gieo neo hơn cả chúng tôi là những người công nhân có lương tháng đảng hoàng. Nhưng đồng chí vẫn để dành tiền để in sách và đưa vào báo *Người cùng khổ*. Chiều thì đồng chí làm việc ở tòa báo, viết bài, sửa bài. Đồng chí còn viết cho nhiều báo và tạp chí khác như: *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân*... Nhân viên tòa báo đều là những người thuộc địa hoạt động cách mạng đến làm thêm sau giờ làm việc của mình. Hèn nào, tôi chẳng thấy tòa báo có người gác cổng và người đánh máy. Tối thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc đi dự các cuộc nói chuyện có tranh luận về các vấn đề triết học, kinh tế,



chính trị, xã hội, văn nghệ... ở các câu lạc bộ hoặc đến Thư viện quốc gia đọc sách. Ngoài ra, còn đi họp ở chi bộ đường phố của Đảng Cộng sản Pháp. Bạn như thế nhưng chủ nhật nào đồng chí cũng đi dạo chơi và xem triển lãm hội họa và bảo tàng Luvoro. Đồng chí rất thuộc Pari, nhất là rất thông thạo khu ngoại ô, nơi nhà máy và công nhân ở. Vùng ngoại ô này liên kết lại thành một vòng, người Pháp gọi là "Vòng đai đỏ" vì ở đó chịu ảnh hưởng của Đảng Cộng sản Pháp. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc thường hoạt động, đi lại tiếp xúc với công nhân ở đây.

Khoảng gần chiều, tôi ra tàu về Lor Havoro. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc căn dặn tôi rất nhiều, tôi nhớ nhất và thấm thiết nhất là câu: "Cần luôn luôn nhớ làm nhiệm vụ của người dân mất nước. Anh em nên yêu thương nhau, vui vẻ, đoàn kết với nhau. Đoàn kết với công nhân Pháp, nhân dân Pháp và các nước thuộc địa. Chúng ta đều là những người nghèo khổ, bị áp bức, bị bóc lột như nhau...". Về Lor Havoro anh em xúm lại hỏi. Tôi nhất nhất kể lại hết, không sót cái gì. Anh em phấn khởi lắm. Từ đó theo lời đồng chí Nguyễn Ái Quốc, anh em bí mật truyền báo về nước, và đến những nơi có Việt kiều ở, như Tân Đảo, đảo Rêuyniông, v.v.. Anh em quyên tiền ủng hộ báo *Người cùng khổ* và mua báo *Người cùng khổ*, *Nhân đạo*, tạp chí *Bônsovích*, đưa hàng trăm tờ về nước. Có lần đi Máctinich, tôi đưa cả ba anh người Máctinich trốn mật thám lậu vé về nước. Cái gì chứ cái món bí mật chuyển báo, đưa người, anh em thủy thủ chúng tôi làm rất dễ.



Năm 1923, tháng 4, tàu của chúng tôi cập bến Lor Havoro. Tôi lại nhảy về Pari tìm đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Sau lần gặp đầu, đi biển cứ nhớ hoài. Lúc bấy giờ, phong trào công nhân Pháp vẫn sôi nổi và tiếp tục làn sóng đấu tranh. Vùng Lor Havoro có hàng vạn công nhân bãi công hàng tháng và có xung đột đổ máu với cảnh sát. Ở nước ta, đế quốc Pháp đang đẩy mạnh bóc lột, bần cùng hoá nhân dân. Nạn võ đê và đói xảy ra liên tiếp, đồng bào đói rét, phá sản, phải bán mình cho chúng nó, đi phu cao su ở Nam Kỳ và Tân Thế Giới. Trong khi đó tàu của nó cứ kìn kìn hết chuyến này lại chuyến khác chở gạo của ta sang Pháp. Chúng tôi thấy xót ruột, xót gan. Người mình chết đói, gạo mình nó nằng đi. Chúng tôi định ninh phải nói những việc đó với đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Tôi đến phố Gôbolanh nhưng đồng chí Nguyễn Ái Quốc không có nhà. Tôi chạy vào tòa báo gặp đồng chí đang nói chuyện với một người da đen lạ mặt. Thấy tôi đồng chí tươi cười bắt tay và giới thiệu với tôi đồng chí Xaigo (Seigho) người Tây Phi đang nói chuyện với đồng chí. Câu đầu tiên tôi nói là báo cho đồng chí biết là báo *Người cùng khổ* vẫn được anh em chuyển nhiều và đều đặn về. Đồng chí nghe thấy thế vui mừng lộ rõ trên mặt. Đồng chí dặn "Cố gắng làm cho anh em quyết tâm hơn nữa". Rồi đồng chí dẫn tôi về nhà, hỏi thăm sức khỏe của tôi và anh em làm tàu ở Lor Havoro và lại hỏi thăm tình hình nơi chúng tôi mới đi qua và tình hình trong nước. Thái độ ân cần tha thiết của đồng chí như một người anh



cả. Lúc nghe tôi kể chuyện, tàu Pháp chở gạo sang mà dân ta chết đói, đồng chí ngồi lặng một lúc không nói.

Lần này tôi mới biết bên cạnh buồng Nguyễn Ái Quốc là buồng ông luật sư Phan Văn Trường. Đầu ông Trường nhượng đồng chí Nguyễn Ái Quốc thuê lại căn hộ này. Ông Trường là một nhà trí thức yêu nước, cũng muốn tìm hiểu chủ nghĩa cộng sản nhưng ông thiên về sách vở, khác với đồng chí Nguyễn Ái Quốc là một nhà lý luận đồng thời là một người thực tiễn đi sâu vào anh em lao động. Tôi có dịp gặp ông Trường. Ông ta rất khâm phục đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Ông nói với tôi: Anbe Xarô, nguyên Toàn quyền Đông Dương, nay là Bộ trưởng Bộ thuộc địa, trùu thực dân, một hôm gọi anh Nguyễn Ái Quốc đến. Nó gio bàn tay rồi nghiêng chặt rằng, xoay một vòng ra ý bóp nát và bảo anh "Nước Pháp có đủ sức mạnh trừng trị những kẻ chống đối". Mặc nó dọa, anh Nguyễn Ái Quốc vẫn hoạt động, vẫn chống lại. Nó bèn quay sang mua chuộc vuốt ve anh thì anh đập vào mặt nó: "Tôi không cần "on huệ", tôi tự đi làm cũng đủ sống, tôi không cần gì hết, tôi chỉ đòi độc lập cho dân tộc Việt Nam". Anbe Xarô, tên thực dân hét ra lửa ấy bị bẽ mặt, ức lắm, nhưng phải chịu. Bên cạnh đồng chí Nguyễn Ái Quốc là nhân dân các nước thuộc địa, nhất là nhân dân Pháp và Đảng Cộng sản Pháp, nó dám đụng vào đồng chí Nguyễn Ái Quốc à?

Tàu đi biển luôn. Xa Pari, thỉnh thoảng tôi lại viết thư gửi đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Một lần tôi viết thư hỏi



đồng chí: "Tôi đọc sách hay nói đến ông Mác, tôi chưa hiểu, xin giải thích cho tôi biết". Tôi nhận được ngay thư trả lời, không những nói rõ Mác là ai mà còn giải thích tỉ mỉ chủ nghĩa Mác và khuyên tôi chịu khó xem. Từ đó tôi đọc sách Mác. Chữ gì không hiểu thì mò từ điển. Vẫn chưa hiểu thì viết thư hỏi đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Đảng Cộng sản Pháp giới thiệu đồng chí Nguyễn Ái Quốc ra ứng cử tại Hạ nghị viện Pháp cùng các lãnh tụ của đảng là Casanh, Cutuyariê. Báo chí đăng danh sách ứng cử ấy, các đầu phố có dán danh sách ấy. Chúng tôi đọc thấy sợng lắm, cứ đến ngã ba có dán danh sách ứng cử của Đảng Cộng sản là y rằng đứng lại xem. Đọc thấy tên Nguyễn Ái Quốc mà tưởng như đọc thấy tên vô sản ta, nhân dân ta; thấy tên Việt Nam trên bảng danh sách. Đưa đồng chí Nguyễn Ái Quốc ra ứng cử, Đảng Cộng sản cốt nói rằng giai cấp công nhân Pháp đoàn kết với giai cấp công nhân ở thuộc địa đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa tư bản.

Vào quốc hội tư bản là lợi dụng chỗ để vạch mặt chúng. Lần ấy, Đảng Cộng sản ra tranh cử độc lập lần đầu và được những một triệu hai mươi vạn phiếu trong năm triệu phiếu. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc không phải là người Pháp, tất nhiên không thể vào Quốc hội Pháp"¹.

1. Trích Bùi Lâm: "Gặp Bác ở Pari", trong *Bác Hồ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960.



V

"Hồi đó Bác trọ ở nhà luật sư Phan Văn Trường ở Pari. Buổi sáng thì đi làm nghề tô phồng ảnh để lấy tiền ăn. Buổi chiều thì hoạt động cách mạng. Chính phủ Pháp cho hai tên mật thám ngày đêm theo dõi Bác.

Chính phủ Pháp lúc đó do Poangcarê cầm đầu. Y là một người cực kỳ phản động. Chính y đã chủ trương đánh Cách mạng Nga. Khi quân sự đã thất bại, y chủ trương tẩy chay kinh tế Nga. Trong một cuộc tổng tuyển cử Hạ nghị viện Pháp, y đã cho dán khắp cả nước bức tranh cổ động chống cộng dưới nhan đề là "Bônsoovich hai hàm răng ngậm dao". Trong bức vẽ thì phía sau là những ngôi nhà đang cháy ngùn ngụt, phía trước là một người "Bôn-sê-ích", mặt mũi rất dữ tợn, miệng ngậm một cái dao đâm máu, tay xách cái đầu của một người đàn bà... Vài năm sau, chính Poangcarê đã chủ trương chiếm đóng khu hầm mỏ Rúa của nước Đức.

Đảng Cộng sản Pháp đập lại Poangcarê một vố cũng khá nặng. Số là Poangcarê trong khi đến thăm một nghĩa địa có hàng nghìn mộ lính Pháp, thì Poangcarê nhăn răng cười. Đảng Pháp lấy được bức ảnh đó, cho in ra hàng triệu tấm, dưới nhan đề "Poincarré qui rit" (nghĩa là Poangcarê nó cười) và bán khắp nước Pháp. Bức ảnh đó đã gây nên một phong trào sôi nổi chống Poangcarê.

Một buổi trưa đi làm về, bà già giữ nhà đưa cho Bác một bức thư. Quái! Xưa nay Bác chưa hề nhận thư gửi đến



địa điểm này. Vì đề phòng mật thám, thư từ anh em cho tin tức hoặc bàn công việc đều gửi đến các nhà bạn quen của Bác. Mở thư ra xem, thì ra của quan thượng thư thuộc địa mời Bác đến gặp. Cách vài hôm sau, Bác đi gặp y.

Trong phòng khách của Bộ thuộc địa, một bầy người Pháp "tai to mặt lớn" đang nhô nhô chờ đến phiên mình được quan thượng thư gọi vào. Nhưng Bác không phải chờ, vừa đến thì liền có ông già mang xiềng bằng bạc (người truyền đạt ở các cơ quan cấp cao) mời vào ngay.

Một gian phòng rộng rãi và lộng lẫy, trưng bày đầy những đồ xưa vật quý từ các thuộc địa về. Quan thượng thư, đầu hói như quả bưởi, một mắt mang kính trắng, "uy phong lẫm liệt" ngồi chễm chệ bên một cái bàn rất rộng và chất đầy giấy tờ. Thấy Bác vào, ông ta đứng dậy bắt tay mời ngồi một cách lễ độ giả tạo.

Hai con người ngồi đối mặt nhau.

Một người là đại biểu của chế độ đế quốc thực dân Pháp đang áp bức bóc lột Việt Nam.

Một người là tượng trưng của nhân dân Việt Nam đang bị Pháp đô hộ một cách tàn nhẫn.

Y thì nắm trong tay cả quyền bính kinh tế, chính trị, quân sự, tòa án, trại giam... ở các thuộc địa Pháp.

Bác là một trong 50 triệu người thuộc địa đang bị bọn thực dân Pháp bắt làm nô lệ.

Y có quyền bắt giải Bác về Việt Nam, gán cho tội tuyên truyền cộng sản, rồi đưa lên máy chém (Triều đình Việt Nam đã vâng lệnh Pháp xử án Bác vắng mặt).



Bác thì dựa vào lực lượng của chính nghĩa và cảm tình của giai cấp công nhân Pháp, nhất là công nhân Pari.

Hai giai cấp, hai chế độ ngồi đối mặt với nhau. Thế nhưng Bác cảm thấy ông ta sợ Bác, vì sợ cách mạng; và đoán biết rằng ông ta cũng cảm thấy Bác không sợ ông ta, vì cách mạng không sợ cái chế độ do ông ta đại diện.

Thượng thư thuộc địa mắt thì nhìn Bác chằm chằm, tay thì vẽ trên bàn, miệng thì nói như phun ra lửa. Y nói đại ý như sau:

"Hiện nay có những kẻ ngông cuồng hoạt động ở Pháp. Họ liên lạc với bọn Bônsovích ở Nga. Từ Nga họ liên lạc với Quảng Đông. Và từ Quảng Đông họ liên lạc với Việt Nam. Chính phủ Pháp biết rõ hết những dây liên lạc đó! Họ âm mưu phá rối trật tự trị an Đông Dương và chống đối lại nhà nước bảo hộ. Nước mẹ đại Pháp rất khoan hồng, nhưng sẽ không tha thứ những kẻ gây rối loạn... Nước mẹ đại Pháp đủ sức để bẻ gãy họ, như thế này...".

Nói đến đó, y vẽ mặt hầm hầm, hai tay nắm lại và làm như đang bẻ những vật gì cứng rắn, ám chỉ những người cách mạng Việt Nam.

Bác cứ giữ thái độ ung dung, cứ mỉm cười, để mặc y nói. Cái mỉm cười trước những lời đe dọa làm cho thượng thư thuộc địa càng bức, càng sợ. Khi ông ta tạm dứt lời, Bác hỏi: "Ngài nói xong rồi chứ?".

Là một nhà chính trị cáo già, ông ta đổi giọng và nói một cách ôn tồn:



"Tôi rất thích những thanh niên có chí khí như ông. Có chí khí là tốt, nhưng còn phải "thức thời" mới ngoan.Ồ này! khi nào ông cần gì tôi luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ông. Từ nay, chúng ta đã quen biết nhau, ông không nên khách sáo...".

Bác nói: "Cảm ơn ngài! Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập... Kính ngài ở lại, tôi xin phép về".

Trên đường về, ngồi trong xe điện dưới hầm (mêtorô), Bác cười trong bụng: "Con cáo già thuộc địa đã đoán trúng ý định của mình!"¹.

*

* *

"Cách mạng Tháng Mười vĩ đại có sức lôi cuốn kỳ diệu vô cùng. Từ khi nghe tin cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công, Bác liền có ý định đi Nga, mặc dù lúc đó chưa hiểu ý nghĩa cực kỳ to lớn của cuộc cách mạng ấy.

Hồi đó, đi Nga là việc rất khó khăn và nguy hiểm. Sau khi Hồng quân đã đánh lui bộ đội của 14 nước đế quốc và dẹp xong bọn phản động trong nước, thì Nga lại bị các nước đế quốc bao vây chặt chẽ. Có những người như nhà thơ Pháp là đồng chí Raymông Lophevorơ cùng mấy anh em công nhân đã mạo hiểm bí mật đi Nga, lúc về đã bị đắm thuyền chết ở biển Ban Tích. Nhiều người khác đi gần đến Nga, thì bọn phản động quốc tế bắt và thủ tiêu...

1. T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014, tr.20-26.



Nguy hiểm thì không sợ, nhưng làm thế nào để giải quyết các khó khăn. Trước hết, làm thế nào để vượt được đoạn đường từ Pari đến biên giới cho khỏi bị mật thám bắt lại? Làm thế nào đi xuyên qua nước Đức và nước Ba Lan?

Ngày thường gần gũi anh em công nhân, Bác biết họ rất khảng khái. Vài ví dụ:

- Trong một cuộc mítting ở Pari, nhằm quyên góp giúp Nga đang bị đói kém và bệnh hoạn, người diễn thuyết là bà Sovorin, đồng chí Casanh và đồng chí V. Cutuyariê, khi nghe nói đến lạc quyên, thì trăm người như một, trong túi có bao nhiêu trút ra quyên hết, không ai đếm xem mình quyên ít hay là nhiều. Đó là một biểu hiện đồng tình vô sản quốc tế rất cao quý!

Một đồng chí thợ già tên là N. làm ở nhà máy điện thường cùng Bác đi dự cuộc mítting. Một hôm khi cùng nhau từ cuộc họp về, đồng chí N. thủ thủ nói với Bác: "Chú này! Mình suốt đời lao động, có dành dụm được chút ít tiền. Mình không vợ không con, bao giờ mình "nhắm mắt", mình để số tiền đó giúp chú làm cách mạng..."

Nay muốn đi Nga, thì chỉ có một cách là nhờ anh em công nhân giúp. Ý định như vậy, Bác tìm làm quen với anh em công nhân lái xe lửa. Sau nhiều ngày tìm kiếm, thăm dò, Bác đến gặp đồng chí X. làm ở đầu máy xe lửa đi Pari - Bá Linh. Nghe nói Bác muốn đi Nga, đồng chí X. vui vẻ nhận giúp ngay. Đồng chí X. nói: "Được, chúng tôi



sẽ giấu đồng chí ở một chỗ trên xe, bố mật thám cũng chẳng tìm ra được! Nhưng xe chúng tôi chỉ đi đến Bá Linh thôi...". Nheo mắt lại nghĩ ngợi một lát, rồi đồng chí X. nói tiếp: "Không sao! tôi sẽ bàn với anh em công nhân xe lửa Đức giúp cho đồng chí...".

Thế là bước đầu đã thành công. Nhưng khó khăn vẫn còn không ít. Làm thế nào để bỏ rơi bọn mật thám ngày đêm theo mình như bóng theo hình? Anh em công nhân Đức có thể giúp, nhưng công nhân Ba Lan sẽ sẵn sàng giúp mình chẳng? Và ai sẽ phụ trách tờ báo *Paria*? Các đồng chí Á - Phi, người thì giúp bài, kẻ thì giúp tiền làm báo, nhưng cần có người không có gia đình bận bịu như mình để phụ trách mọi việc như đi góp tiền, đi giục bài, bí mật gửi báo đến các thuộc địa, bán báo để tuyên truyền ngay ở Pari... Thật là "ngôn ngang trăm mối bên lòng!".

Quanh quần mấy tháng, kế hoạch chưa xong, thì một hôm được Trung ương Đảng Cộng sản Pháp gọi đến và bảo: "Đồng chí sẽ được đi dự Đại hội lần thứ năm của Quốc tế Cộng sản, với danh nghĩa là đại biểu dân tộc thuộc địa".

Tin mừng đó làm cho Bác sung sướng ngất trời!

Bọn mật thám nắm vững "quy luật" hoạt động của Bác. Sáng đi làm công. Chiều đến thư viện. Tối dự mítting. Khuya về nhà ngủ...

Bác cũng nắm vững "quy luật" hoạt động của chúng: Chúng chỉ theo Bác từ nhà trọ đến chỗ làm việc, đến chỗ xem sách, đến nơi hội họp. Sau đó, tin chắc rằng Bác chẳng đi đâu mất, chúng về nhà chúng để vui thú gia đình.



Hôm đó, hai tay đút túi. Bác ung dung lên xe "buýt" đi tham gia một cuộc mít-tinh ở ngoại ô Pari. Độ nửa giờ sau, Bác lặng lẽ đi quanh về ga xe lửa. Một đồng chí tin cẩn đã chờ sẵn ở đó, trao cho Bác một vé xe lửa hạng nhất (vì hạng nhất chỉ có những khách sang trọng, ít bị tình nghi), và một cái vali con... Bác cố trấn tĩnh, chờ đến khi xe lửa qua khỏi biên giới Pháp - Đức, trong ngực mới hết phập phồng.

Chắc chắn là bọn mật thám phụ trách gác Bác sẽ được quan thượng thư thuộc địa "thường" cho một mẻ nên thân! Mà chính quan thượng thư cũng tức mình đến "ung thư phát bồi".

Khi đi qua địa phận Đức bị quân Pháp chiếm đóng, thì thấy lại những cảnh tượng thực dân. Đối với người Đức, bọn quân phiệt Pháp ở đây cũng vênh váo lên mặt, làm mưa làm gió, y như bọn Pháp ở nước ta... Có mấy người thương binh Pháp lên nhăm toa xe hạng nhất, liền bị một tên quan sáu Pháp khua batoong đuổi xuống.

Tuy sau chiến tranh đã sáu năm, ở Bá Linh vẫn đói kém dữ (có lẽ ở các nơi khác cũng vậy). Người nào cũng có vẻ xanh xao vàng vọt! Nạn lạm phát giấy bạc thật là kinh khủng, sớm một giá khác, chiều một giá khác. Đưa giấy bạc mua một tờ báo thì số giấy bạc đập nhau lại, rộng hơn tờ báo! Cả gia tài Bác chỉ vòn vẹn non 1.000 phorăng, vậy mà tính ra tiền Đức, Bác trở thành người giàu bạc triệu!

Bác đến Nga vào mùa đông. Mọi vật đều bị tuyết phủ trắng xóa như một thế giới bạc, có ngày rét đến 42 độ dưới 0.

Đại hội Quốc tế Cộng sản tạm hoãn chưa khai, vì Lênin còn ốm nặng.



Hôm 21 tháng Giêng năm 1924, một cơn gió thảm mưa sầm làm chấn động toàn thể nhân dân Nga, cũng như nhân dân lao động và dân tộc bị áp bức cả thế giới: Lênin - người thầy, người bạn, người đồng chí yêu kính của chúng ta mất rồi!

Cuối tháng Tám năm 1918, trong lúc đến nói chuyện ở một cuộc mítting của công nhân nhà máy tại thành phố Pêtéc-bua (nay là Leningrát). Lênin bị một tên phản động bắn bị thương nặng. Từ đó về sau, Lênin thường bị yếu, nhưng vẫn cố gắng làm việc đến hơi thở cuối cùng.

Nghe tin buồn đó, nhiều người òa khóc, Bác cũng khóc. Kể sao cho xiết tình thương tiếc không bờ bến của những người lao động đối với người thầy cách mạng vĩ đại ấy! Biến đau thương thành hành động, Lênin mất nhưng ngọn cờ chủ nghĩa Lênin có Đảng Bônsovích anh hùng nắm vững và có hàng triệu người cộng sản khắp thế giới gương cao. Để tỏ tình đoàn kết chặt chẽ và nhiệt liệt ủng hộ Đảng của Lênin, hơn 24 vạn công nhân Nga lúc đó đã xin vào Đảng¹.

*

* *

"... Mátxcova, tháng Giêng năm 1924. Giữa mùa đông nước Nga, khí trời lạnh dưới 40 độ. Lênin vừa mất được mấy hôm.

1. T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sđd, tr.27-35.



Sáng hôm ấy tại phòng chúng tôi, phòng số 8 khách sạn LUX có tiếng gõ cửa nhẹ. Một thanh niên rất gầy gò, đầu đội mũ cát két, mình mặc chiếc áo mỏng mùa thu, tay xách một vali bé tí, bước vào và nói:

- Tôi là Nguyễn Ái Quốc, người Việt Nam, vừa ở Pari đến. Tôi đến thì Lenin vừa mất (nói đến đây người thanh niên ngừng lại, lau nước mắt). Bây giờ tôi muốn đến viếng thăm linh cữu Lenin...

- Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đồng chí mặc mỏng manh như thế không chịu được rét Nga đâu. Đồng chí hãy chờ đến ngày mai, khi có quần áo ấm hãy đi...

Ái Quốc thở dài, không trả lời, ngồi uống nước chè với chúng tôi, rồi trở về phòng mình. Chúng tôi cho rằng: "Thế là đồng chí ấy chịu nghe chúng mình rồi".

Ngoài trời tuyết tạt ngừng rơi, lạnh như cắt ruột. Trước nhà Công đoàn nơi để linh cữu Lenin, dòng người im lặng và dài vô tận đứng chờ, hầu như không nhúc nhích. Rét quá! ngoài đường có từng đống lửa để nhân dân sưởi đỡ rét. Tiếng máy truyền thanh buồn bã nói về Lenin, vị lãnh tụ vừa quá cố... Tiết trời hôm nay hình như cũng chia buồn với lòng người.

Khoảng 10 giờ đêm, có tiếng gõ cửa nhẹ. Tôi bước ra mở cửa, trước mặt tôi là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, vẫn trong bộ quần áo mỏng manh, đầu đội cát két, mặt đồng chí xanh xám, ngón tay, mũi và tai thâm tím vì giá rét.

- Tôi vừa đi viếng Lenin về - Ái Quốc vừa nói vừa run cầm cập - Tôi không thể chờ đến ngày mai để viếng



Người bạn vĩ đại nhất của nhân dân các nước thuộc địa...
Đồng chí có còn nước chè uống không?...

*

* *

Tôi luôn luôn nhớ mãi hình ảnh ấy, biểu hiện cho ý chí của con người luôn luôn kiên quyết đấu tranh chống thực dân, vì tự do và hạnh phúc của dân tộc. Sau đó chúng tôi trở thành bạn thân, cùng làm việc với nhau nhiều. Cái gì tiêu biểu ở con người Hồ Chí Minh? Là tính khiêm tốn lạ thường, là ý chí phấn đấu học và học hỏi vô cùng mạnh mẽ... Trong câu chuyện đồng chí Hồ thường nói:

"Chỗ của tôi là ở Việt Nam, nơi mà các đồng chí và đồng bào tôi đang chiến đấu...".

Chúng tôi thường cùng nhau nhắc lại những chuyện về nước Pháp, về Pari... Chúng tôi thường nhắc đến cái "chợ trời" ở Pari, tiếng Pháp gọi là "cái chợ rận", đó là nơi mà những người cùng khổ ở Pari mang bán từ tấm áo rách, đến chiếc xe đạp cũ, cái bàn, cái ghế gãy chân. Ở đây cũng là nơi mà hàng nghìn người vì đấu tranh cho tự do, cơm áo của nhân dân mình mà phải trốn tránh những người mà pháp luật ở "chính quốc" cũng như bọn quan lại, địa chủ trong nước họ đang tìm bắt, họ đang sống cảnh cực kỳ nghèo nàn, không thể tả được, nhưng họ vẫn quyết tâm phấn đấu không ngừng. Đồng chí Hồ Chí Minh ngay từ đầu đã hiểu Cách mạng Tháng Mười, hiểu Lênin và ảnh hưởng to lớn của cách mạng ấy, của chủ nghĩa Mác - Lênin



đối với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức ở Pháp, tôi được quen khá nhiều người Đông Dương hoạt động chính trị, nhưng hình ảnh đồng chí Nguyễn Ái Quốc luôn luôn nổi bật sự khiêm tốn, ham học và phấn đấu.

Theo tôi, đồng chí Hồ Chí Minh là người đã giúp cho phong trào vô sản thế giới và phong trào giải phóng dân tộc nhiều tài liệu đầy đủ nhất về tội ác của thực dân Pháp ở Đông Dương và phong trào đấu tranh của nhân dân Đông Dương¹.

*

* *

Mátxcova tháng Ba...

Con tàu băng qua vùng nông thôn phủ tuyết. Tuyết trắng muốt trên cây, lấp lánh dưới ánh mặt trời. Thỉnh thoảng nhìn một ngôi nhà, tuyết lấp gần kín một chiếc xe ngựa kéo.

Tôi chỉ có một bạn cùng ngồi tàu. Anh đọc sách say sưa. Anh chẳng có vẻ gì là người Nga. Anh bất ngờ hỏi tôi:

- Xpitki lét? (tiếng Nga nghĩa là *Anh có điem không?*)

Anh dùng tiếng Nga nói chuyện với tôi, một thứ tiếng Nga còn... thô sơ.

Tôi trả lời "Có" bằng tiếng Pháp. Người bạn cùng đi nữa của tôi liền thôi nói tiếng Nga và nói tiếng Pháp rất thạo. Tôi hỏi anh ở đâu đến.

1. Gécma Néttô: Một buổi sáng mùa xuân 1924, trong *Bác Hồ, Sđd*.



- Tôi là người Việt Nam - bị Pháp cai trị, học sinh Trường Đại học Phương Đông ở Mátxcova. Tôi tên là Nguyễn Ái Quốc.

Tôi tự giới thiệu và tôi nảy ra ý định phỏng vấn anh, một cuộc phỏng vấn không định trước. Tôi ngó ý với anh. Anh nhìn tôi, cười và gật đầu. Anh mảnh khảnh, da rám nắng, mắt đen lánh, tóc mượt.

- Anh kể cho tôi nghe về đời học sinh được không?

- Được.

Anh bắt đầu kể và cho tôi biết anh là cộng sản. Trước khi ghi tên học Trường Đại học Phương Đông, hai năm trước đây anh làm đủ mọi nghề tại Pari, bán diêm, bán báo, đánh giày, làm các nghề linh tinh.

- Trong nước, tôi lao động ở nông thôn, tôi rời Tổ quốc tôi cách đây ba năm*.

- Tại sao anh lại sang châu Âu?

- Trước đây tôi có đọc một tờ báo phát hành sang nước tôi, một vài tờ có tính chống đối. Ở Việt Nam, có những người lính Lê Dương do Poangcarê (Poincaré)** gửi sang để cải huấn. Những người lính Lê Dương này đọc đủ thứ. Họ là những kẻ chống đối về bản chất. Họ cho tôi đọc sách báo Pháp. Vì thế tôi nảy ra ý muốn sang xem "mẫu quốc" ra sao và tôi đã tới Pari. Khi Trường Đại học Phương Đông ở Mátxcova mở, tôi bèn xin học.

* Sự thật thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc rời Tổ quốc đã 13 năm, tức là từ năm 1911.

** Poangcarê là Thủ tướng Pháp thời đó.



- Trường có đông học sinh không?

- Tất cả có 1.025 người học thuộc 62 xứ thuộc địa trong đó có 150 cô gái, 895 vào đảng cộng sản. Trong số 1.025 người học có 547 là nông dân, khoảng 300 là công nhân, còn là trí thức tư sản.

- Anh nghĩ thế nào về sáng kiến Bônsovích này?

- Tôi rất phấn khởi đối với sáng kiến này. Tôi đã đọc nhiều tuyên bố ủng hộ và đoàn kết của những người chống đối nhưng không người nào đem lại cho chúng tôi một sự giúp đỡ thiết thực để thoát khỏi chế độ nô lệ mà những "người đi gieo rắc văn minh" đang giam hãm chúng tôi. Tôi cho rằng sáng kiến này sẽ đem lại những kết quả tốt. Nhiều người đã hiểu tình trạng kém cỏi của chúng tôi nhưng chưa có ai, trừ những người làm cách mạng Nga, chỉ cho chúng tôi con đường đi đến giải phóng. Ở Bacu, năm 1921, lần đầu tiên trong lịch sử của giai cấp vô sản, đã họp một đại hội của các dân tộc Phương Đông và chính Lênin, đồng chí Ilítso thân mến của chúng tôi đã nêu lên những đề án và hướng dẫn tôi có khả năng cùng tiến bước với giai cấp vô sản thế giới.

Đồng chí Việt Nam nói rất hào hứng, nhanh và thạo tiếng Pháp. Một tay đồng chí phải bằng.

- Tay anh làm sao thế?

- Không sao - Anh trả lời - Tôi mang vòng hoa của học sinh viếng Lênin, vì thế hai ngón tay tôi bị tê cứng.

- Các anh có bao nhiêu giáo sư? Chương trình học có những môn gì?



- Chúng tôi có 150 giáo sư dạy các môn: khoa học xã hội, toán, duy vật lịch sử, lịch sử phong trào công nhân, khoa học tự nhiên, lịch sử cách mạng, kinh tế chính trị học, v.v.. Trường đại học có một phòng chiếu bóng, một thư viện 47.000 cuốn sách. Mỗi dân tộc có một thư viện riêng gồm sách, báo, tạp chí. Nên biết là chúng tôi thuộc 62 dân tộc mà đoàn kết với nhau như anh em ruột thịt. Người học tự viết lấy báo hàng tuần. Chúng tôi có một nhà an dưỡng ở Corimê và hai nhà nghỉ hè, một trong hai nhà đó trước cách mạng là lâu đài của một quận công.

Anh thanh niên vừa cười vừa nói với tôi: anh hãy hình dung là ở trên đỉnh ngọn tháp của lâu đài, gần con quạ, biểu tượng của đế chế, phát phối lá cờ đỏ. Trong phòng khách thay vào ngai quận công, là những người nông dân Triều Tiên, Ácmêni nô đùa với nhau.

- Ai nấu cho các anh ăn?

Tôi hỏi người đồng chí và người bạn cùng chuyến tàu. Anh vẫn còn cười vì vẫn nghĩ đến những người Triều Tiên nô đùa trong phòng khách của quận công.

- Chúng tôi thay phiên nhau làm bếp. Chúng tôi cũng thay phiên nhau làm ở thư viện, ở câu lạc bộ giặt giũ. Chúng tôi tổ chức thành "Công xã"^{*}. Công xã họp một tuần một lần để thảo luận chính trị và tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật, giải trí. Những sự sai phạm sẽ có một "Tòa án" do công xã bầu ra nếu thấy cần thiết thì xét xử.

^{*} Tiếng Ý viết là *communita* và *commune*.



- Khi học xong, anh dự định làm gì?

- Dĩ nhiên là tôi sẽ trở về Tổ quốc tôi để đấu tranh cho sự nghiệp của chúng tôi. Ở bên chúng tôi có nhiều việc phải làm lắm. Chúng tôi chẳng có quyền gì cả, trừ quyền đóng thuế cho "mẫu quốc" Pháp, cho bọn chủ bản xứ. Sự việc nổi bật nhất là như thế này: chúng tôi là những người bị đô hộ, như đồng chí biết, chúng tôi là những dân tộc "hạ đẳng", và vì thế chúng tôi không có quyền ứng cử, bầu cử. Ở nước Nga, nước của những người đã man (giai cấp tư sản dân chủ gọi các đồng chí Nga như thế), chúng tôi có đầy đủ những quyền như công nhân Nga. Thật vậy, những đại biểu của chúng tôi do Xôviết của chúng tôi bầu ra theo đúng hạn kỳ, đã cùng hội họp với các đại biểu công, nông, binh. Đó, anh đã thấy sự đối xử khác nhau của chế độ dân chủ tư sản và chế độ dân chủ công nhân đối với chúng tôi!

Người bạn nói chuyện với tôi ngừng nói. Anh nhìn thẳng trước mặt anh, như để đo khoảng cách giữa hai loại dân chủ, rồi anh tiếp tục:

- Chúng tôi đã đau khổ nhiều và chúng tôi còn phải đau khổ nữa. Những người "khai hóa" các nước chúng tôi không để chúng tôi tự do. Nhưng chúng tôi tiếp tục đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười đã vạch ra, chúng tôi sẽ vận dụng vào thực tiễn những bài học đã học được. Các đồng chí của tôi làm việc phấn khởi, tin tưởng, nghiêm túc. Nhiều người còn rất trẻ đã có một trình độ mácxít có thể khó tưởng tượng là có thể có được vào tuổi



đó. Chúng tôi hiểu rõ là chúng tôi có trách nhiệm rất nặng nề, và tương lai của các dân tộc thuộc địa tùy thuộc vào sự tuyên truyền và tinh thần hy sinh của chúng tôi.

Người đồng chí Việt Nam của tôi, dân thuộc địa của Poăngcarê, nói tiếp:

- Ở Phương Đông, từ Xyri đến Triều Tiên, tôi chỉ nói các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, có một diện tích rộng mênh mông với hơn 1.200 triệu dân. Cả vùng rộng lớn này nằm dưới ách thống trị của đế quốc tư bản chủ nghĩa. Các dân tộc ở đó không bao giờ có thể ngẩng đầu lên được nếu không gắn bó với giai cấp vô sản thế giới. Những nghị quyết của phái xã hội dân chủ tỏ cảm tình dù nồng nhiệt đến đâu cũng không có sức nặng. Việc thành lập trường đại học Bônsovích đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử các dân tộc thuộc địa ở Phương Đông, và nhà trường đã dạy chúng tôi nguyên lý đấu tranh giai cấp, đã đặt mối liên hệ giữa chúng tôi với các dân tộc Phương Tây, trang bị cho chúng tôi - những người nô lệ, khả năng hoạt động chặt chẽ.

- Khí hậu nước Nga thế nào, có cực lắm không?

- Có... Tôi chưa quen tuy đã có hai năm, nhưng không sao, tôi sẽ khắc phục được.

Chúng tôi nói chuyện với nhau thêm một lúc thì người bạn Việt Nam xuống một ga nhỏ. Anh bắt tay tôi và nói:

- Tôi đi thăm một công xã nông nghiệp. Thôi chào anh.

Tôi thấy anh choàng chiếc áo khoác ngoài quần chặt vào người, bước lên một xe ba ngựa kéo rồi biến sau quạ



đôi, như bị biển tuyết bạc óng ánh lấp đi. Con tàu chuyển bánh, băng qua cánh đồng¹.

*

* *

... Nguyễn Ái Quốc cũng là người thường đến xem triển lãm. Người đã có quan hệ với chúng tôi từ trước khi mở triển lãm này. Quê hương của người là Việt Nam ngày nay. Người biết thông thạo ngôn ngữ của những nước lớn ở châu Âu, và khi thảo luận Người có cách nói rất sinh động. Người am hiểu những trào lưu nghệ thuật Tây Âu và mỉm cười để lộ rằng ở Pari, người cũng có vẽ chút ít. Người nói một cách rất tinh tế về những nghệ sĩ đã mạnh dạn phơi trần sự thật xã hội và kêu gọi đấu tranh. Người coi nghệ thuật của châu Âu một cách có suy xét đầy đủ, chính xác và thận trọng, và nhấn mạnh rằng mỗi dân tộc cần phải chăm lo đến các đặc tính của dân tộc mình trong nghệ thuật. Ngày nay, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh².

*

* *

"Cuối Chiến tranh thế giới thứ nhất, tôi thấy ở công xưởng Rôanno vùng quê tôi có nhiều người châu Á mà

1. Xem: "Đồng chí Nguyễn Ái Quốc trả lời phỏng vấn báo *Đoàn kết* (Ý) năm 1924" của Mari và Mátximô Lokê, do Nguyễn Thành Lê dịch theo bản dịch tiếng Pháp.

2. Xem: "Nhớ lại kỷ niệm cuộc gặp gỡ Hồ Chủ tịch tại triển lãm tổng hợp nghệ thuật Đức ở Mátxcova năm 1924" của Eric Johansson, đăng trên tạp chí *Nghệ thuật tạo hình*, số 12-1965.



thời đó người ta quen gọi là "Người An Nam". Hàng nghìn người Việt Nam đã phải rời quê hương Tổ quốc, bị đẩy đi lính hoặc đi làm thợ như thế cho thực dân Pháp. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi có dịp gặp người Việt Nam.

Năm tôi 19 tuổi, tôi làm Bí thư Thanh niên cộng sản vùng La Loa. Mùa xuân năm đó, từ năm 1922, có hội nghị trung ương mở rộng của Liên đoàn Thanh niên cộng sản Pháp. Tôi được cử đi dự hội nghị đó cùng với các bí thư tỉnh đoàn thanh niên khác. Hội nghị họp trong hai ngày. Ngày đầu họp ở phòng họp Légalité phố Sambre ở Modor, nội thành Pari. Sang ngày thứ hai chuyển ra họp ở phòng thể thao thị xã Anie thuộc ngoại ô Pari. Trong ngày thứ hai, đồng chí điều khiển hội nghị báo tin: "Hôm nay sẽ có một đồng chí thanh niên "An Nam" đến nói chuyện với các đồng chí về những đau khổ và những niềm hy vọng của đất nước đồng chí ấy".

Một người thanh niên châu Á bước vào phòng họp giữa tiếng vỗ tay, anh làm tôi nhớ lại những người lính Việt Nam mà tôi đã gặp ở binh công xưởng Rôano. Anh mặc quần áo kiểu châu Âu, thắt cà vạt, giản dị, nhanh nhẹn, người hơi gầy, nét mặt tươi cười, thái độ bình tĩnh. Tôi thấy anh giống hệt ảnh người đại biểu các dân tộc Đông Dương đứng nói ở Đại hội Tua năm 1920 và sau tôi được biết đây là đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Đứng trước các đại biểu thanh niên Pháp, đồng chí Nguyễn Ái Quốc nói trong vòng 15 phút. Đồng chí trình bày tình hình Việt Nam dưới ách đô hộ của chủ nghĩa



thực dân Pháp, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam và lòng tin một ngày kia nhân dân Việt Nam nhất định giành được độc lập, tự do. Rồi đồng chí phân tích mối quan hệ khăng khít giữa cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam và các cuộc chiến đấu của nhân dân Pháp chống kẻ thù chung. Cuối cùng đồng chí kêu gọi thanh niên và nhân dân Pháp ủng hộ nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp.

Nói chuyện xong, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đến bắt tay thăm hỏi một số đại biểu chúng tôi, đứng nói chuyện lâu với Lôđoray trong Ban lãnh đạo Thanh niên cộng sản rồi ra đi.

Hai năm sau, vào mùa hè năm 1924, tôi lại được gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Lần này không phải gặp đồng chí trong vài phút mà nhiều tuần liền, không phải ở Pari mà ở Mátxcova. Năm đó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở trong đoàn đại biểu cộng sản Pháp, do Pie Xêman dẫn đầu, đi dự Đại hội Quốc tế Cộng sản họp trong điện Kremli. Còn tôi đến Mátxcova để đi dự Đại hội Thanh niên Quốc tế cộng sản. Tại Đại hội Quốc tế Cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đọc bản tham luận nổi tiếng trong đó đồng chí phê phán một số điểm trong chính sách của Đảng Cộng sản Pháp lúc bấy giờ chưa thoát khỏi ý thức hệ thực dân chủ nghĩa. Đồng chí nói thành khẩn và nghiêm khắc với động cơ duy nhất là phát triển hơn nữa tình đoàn kết chiến đấu giữa hai dân tộc Pháp - Việt chống kẻ thù chung: đế quốc Pháp. Trong



những lúc nói chuyện riêng với chúng tôi, đồng chí luôn luôn đề cập đến vấn đề đó, vì đối với đồng chí, đây là một vấn đề hết sức quan trọng.

Tôi lúc đó ở cùng với đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại khách sạn "Đại Pari" đường Tvécxkaia ở Mátxcova. Sau Đại hội Quốc tế Cộng sản ít hôm, đồng chí Nguyễn Ái Quốc được mời đến dự Đại hội Thanh niên Quốc tế Cộng sản của chúng tôi, đầu tiên họp trong điện Kremli, sau họp trong phòng họp của Nhà công đoàn. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc có lên nói chuyện với đại hội và có tham gia công việc của các tiểu ban¹.

VI

"Con tàu cắm cờ đỏ của đất nước Xôviết đi ngược dòng sông Châu Giang rộng mênh mông. Thế là chuyến đi dài, mệt mỏi từ Vladivôxtốc đến Quảng Châu kết thúc.

Cũng như ở nước Nga Xôviết, anh lại phải ngạc nhiên trước sức mạnh gột rửa của cách mạng. Khác hẳn đồng bào khốn khổ của anh, ánh mắt người dân Quảng Châu ngời lên sung sướng, phương Đông sợ hãi, khiếp đảm vì

1. Xem Phrăngxoa Biu: "Bác Hồ của chúng tôi", trong *Bác Hồ ở Pháp, Sđd*.



bọn đế quốc coi thường mà anh đã nhiều lần kêu gọi thức tỉnh trong các bài báo của anh, giờ đây đang kiên quyết vứt bỏ xiềng xích của ách nô lệ thực dân.

Ngày ngày đầu mới đến, Nguyễn Ái Quốc đã được chứng kiến cuộc diễu hành thường lệ của quần chúng Quảng Châu. Những cuộc mít tinh tự phát ủng hộ cương lĩnh cách mạng của Tôn Trung Sơn lần lượt nổ ra tại nhiều nơi ở Quảng Châu. Những đội công nhân đi tuần trên đường phố, gắn huy hiệu Quốc dân đảng, ăn mặc bán vũ trang đeo băng ở cánh tay, vai khoác súng trường, đầu đội mũ có ngôi sao 12 cánh. Những đội thiếu niên mặc quần áo màu cỏ úa, đội mũ trắng, cổ quấn khăn đỏ, diễu hành trên đường. Biểu ngữ, truyền đơn dán đầy các tường nhà, các trụ tường, cột quảng cáo, cờ đỏ treo hai bên hè phố, biểu ngữ chằng qua đường.

Quảng Châu ở miền cực Nam Trung Quốc và từ lâu đã được hưởng khá nhiều quyền tự trị. Điều này khiến cho người dân địa phương có một phong thái đặc biệt. Họ rất yêu tự do và khao khát độc lập, họ đã tiếp thu những tư tưởng mới. "Mọi cái mới đều đến từ Quảng Châu". Đó là lời cửa miệng của nhân dân Trung Quốc lúc ấy. Hoạt động của Tôn Trung Sơn và chính phủ do ông lãnh đạo đã xác nhận chân lý này.

Những ngày Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu là những ngày cách mạng dân tộc, dân chủ Trung Quốc đang ở thời kỳ cao trào. Tôn Trung Sơn, lãnh tụ của cuộc cách mạng ấy đã trở thành thần tượng của tất cả những



người Trung Quốc có tư tưởng tiến bộ, kể cả tầng lớp tư sản dân tộc lúc bấy giờ còn ủng hộ cách mạng. Người ta thấy Quốc dân đảng do Tôn Trung Sơn lãnh đạo, trước hết là một đảng cách mạng thực sự, một đảng đấu tranh cho công cuộc giải phóng dân tộc chống lại sự khống chế của bọn đế quốc và một số tập đoàn quân phiệt xấu xí Trung Quốc. Chịu ảnh hưởng của những tư tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, do tiếp xúc với những đại biểu nước Nga Xôviết, của Quốc tế Cộng sản, vào cuối năm 1923, Tôn Trung Sơn đề ra đường lối chính trị mới: Liên minh với đảng cộng sản, với nước Nga Xôviết, ủng hộ phong trào của công nhân và nông dân (gọi tắt là "Liên Nga, liên cộng, ủng hộ công nông"). Không thể bỏ qua một lực lượng cách mạng như vậy trong cuộc đấu tranh vì quyền lợi của giai cấp công nhân Trung Quốc, vì dân chủ và chủ nghĩa xã hội, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản liền khuyên những người cộng sản Trung Quốc liên minh chặt chẽ với Quốc dân đảng. Bôrôđin vừa đến Trung Quốc đã trực tiếp tham gia vào việc chuẩn bị cho đại hội lần thứ nhất của Quốc dân đảng. Mặc dù cánh hữu của Quốc dân đảng chống lại, tại đại hội này, Đảng Cộng sản Trung Quốc được công nhận là thành phần của Quốc dân đảng với tư cách là hội viên và vẫn giữ độc lập về chính trị và tổ chức. Những người cộng sản Trung Quốc, trong đó có những nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Cộng sản Trung Quốc như Lý Đại Chiêu, Cù Thu Bạch, chiếm một phần năm



Ban Chấp hành Trung ương Quốc dân đảng do đại hội bầu ra.

Những người tham gia đại hội đã cử Bôrôđin làm cố vấn chính trị chủ chốt của Ban Chấp hành Trung ương Quốc dân đảng và của Chính phủ Hoa Nam. Đại hội còn thông qua nghị quyết mời chuyên gia quân sự Liên Xô sang giúp đỡ xây dựng lực lượng vũ trang của cách mạng Trung Quốc theo kiểu hồng quân Liên Xô. Đại hội cũng cử một ủy ban do Liêu Trọng Khải, thủ lĩnh cánh tả của Quốc dân đảng đứng đầu, để tổ chức ra học viện quân sự tại đảo Hoàng Phố ở cửa sông Châu Giang.

Có nhiều người Việt Nam sang cư trú chính trị ở miền Nam Trung Quốc. Một bộ phận, cũng như anh, từ Pháp về để được gần đất nước hơn, một bộ phận từ Đông Dương sang để tránh sự truy nã của cảnh sát Pháp. Nhiều người Việt Nam làm việc trong các cơ quan khác nhau của nước Cộng hòa Quảng Châu, phục vụ trong quân đội nhân dân cách mạng hoặc học tại Trường quân chính Hoàng Phố.

Ngay khi còn ở Mátxcova, Nguyễn Ái Quốc được biết qua báo chí Trung Quốc về vụ mưu sát bất ngờ tên toàn quyền Đông Dương Méclanh khi ghé qua Sa Diện. Về sau, người ta xác định được rằng việc mưu sát do một thanh niên yêu nước Việt Nam tên là Phạm Hồng Thái thực hiện. Đóng vai một nhà báo, anh giấu bom trong bao máy ảnh rồi lọt vào buổi tiếp tân do chính quyền Sa Diện tổ chức để chiêu đãi vị khách quý người Pháp. Quả bom do



Phạm Hồng Thái ném nổ tung làm chết một vài viên sĩ quan tùy tùng, còn chính Méclanh thì chỉ bị thương nhẹ. Phạm Hồng Thái chạy trốn, anh nhảy từ trên cầu xuống sông định bơi sang bờ bên kia, nhưng anh kiệt sức và sóng nước của dòng sông Châu Giang đã nhấn chìm người thanh niên anh hùng.

Ngay lập tức, chính quyền Sa Diện buộc tội Chính phủ Quảng Châu là "vô chính phủ kiểu Bôn-sê-vích", là dung túng cho bọn khủng bố. Liêu Trọng Khải, lúc đó được cử làm tỉnh trưởng Quảng Châu, đã phản đối một cách đích đáng chính quyền Sa Diện, đứng ra bảo vệ nhà yêu nước Việt Nam đã hy sinh và các đồng chí của anh. Ông cho phép bạn bè Phạm Hồng Thái mai táng anh tại nghĩa trang trung ương Quảng Châu, gần mộ chí của các liệt sĩ Trung Quốc.

Sau khi xem xét kỹ lưỡng tình hình trong vùng, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu tìm gặp các đồng chí chiến đấu cùng với người anh hùng trẻ tuổi Phạm Hồng Thái. Công việc này làm khá nhanh vì dư âm của "vụ mưu sát ở Sa Diện" vẫn còn mới mẻ trong các giới chính trị của thành phố. Hơn nữa anh được sự giúp đỡ của các cố vấn Liên Xô là những người vẫn được duy trì liên lạc với một số người Việt Nam yêu nước.

Cuộc gặp gỡ những người cùng chí hướng với Phạm Hồng Thái đã diễn ra tại một căn nhà nhỏ, tồi tàn, những căn nhà nhỏ như vậy chiếm không phải là ít trong khu vực người Trung Quốc ở thành phố. Cửa sổ căn nhà



trông ra một hẻm phố hẹp đến nỗi hai chiếc xe tay không thể đi song song với nhau được. Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Lê Hồng Phong, giới thiệu tên mình với Nguyễn Ái Quốc bằng giọng xứ Nghệ không thể lẫn vào đâu được. Cả ba người cùng là đồng hương của Nguyễn Ái Quốc. Anh đặc biệt chú ý đến Lê Hồng Phong hoặc còn gọi là "Gió đỏ", một thanh niên có đôi vai rộng, thân hình chắc nịch, nét mặt cương nghị, đầu ngẩng cao.

Những con người trẻ trung rụt rè này hình như chỉ vừa mới tạm biệt gia đình, rời ghế nhà trường hôm qua thôi. Nhưng họ có đôi tay chai sạn của người công nhân, còn trong tầm mắt chứa đựng những cái nhìn mạnh bạo cương quyết của họ thì ánh lên niềm khao khát chiến đấu. Dân gian Việt Nam có câu "tre non dễ uốn". Nhưng những thanh niên này thì không phải như vậy, họ khác hẳn những người Việt Nam yêu nước mà Nguyễn Ái Quốc đã gặp thời còn trẻ ở trong nước cũng như khi anh sống trên đất Pháp. Trước mắt anh là những đại biểu của một thế hệ mới, đối thủ mới của chế độ thực dân. Cuộc đời họ phản ánh chính xác những đổi thay sâu sắc diễn ra ở Việt Nam trong những năm Nguyễn Ái Quốc bôn ba ở nước ngoài, đặc biệt là sau thời kỳ Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Chiến tranh đã làm cho giai cấp tư sản Pháp yếu đi, vì thế chúng tăng cường khai thác, bóc lột của cải ở các thuộc địa. Tư bản Pháp tổn thất do chiến tranh và đặc biệt là sau khi nước Nga tách khỏi hệ thống tư bản chủ nghĩa



thế giới, thì nhiều lãnh vực đầu tư truyền thông ồ ạt dồn vào Đông Dương. Ở Việt Nam, nền công nghiệp phát triển mạnh mẽ, đường sắt và đường bộ mọc lên khắp mọi nơi, nhà máy, công xưởng, hải cảng được xây dựng ở các thành phố, những công ty thương mại, nhà băng xuất hiện như nấm. Ở nông thôn, những đồn điền lớn trồng cao su và những cây công nghiệp khác cũng được mở mang. Cùng với việc tăng lợi nhuận của bọn thực dân, đội ngũ giai cấp vô sản Việt Nam cũng ngày càng phát triển. Đầu những năm 20, giai cấp vô sản Việt Nam đã xuất hiện trên vũ đài chính trị và ngày càng tỏ ra kiên quyết hơn. Cuộc đấu tranh của họ vượt qua khỏi phạm vi phản kháng chống lại tình trạng bất công về kinh tế và ngày càng mang hình thức chiến đấu của các cuộc bãi công chính trị.

Với tham vọng mở rộng cơ sở chính trị - xã hội của ách thống trị thực dân, chính quyền Pháp đã tiến hành hàng loạt cải cách ở Việt Nam, trước hết là trong lĩnh vực giáo dục. Những cải cách này bao giờ cũng kèm theo chiến dịch tuyên truyền ầm ĩ về "sứ mệnh khai hoá của mẫu quốc Pháp". Những tên bồi bút bước lên sân khấu, chúng ta gọi nền văn minh phương Tây, tán dương hết lời những lợi ích của sự "hợp tác Pháp - Việt".

Những cải cách giáo dục đồng thời kéo theo những quá trình khác. Chữ quốc ngữ được truyền bá mạnh mẽ trong nước. Sách báo quốc ngữ xuất hiện ngày một nhiều và nạn đói sách cũng đã xảy ra. Những người Việt Nam có học vấn, nhất là học sinh, sinh viên hằng say đọc mọi



sách báo bằng tiếng Việt, tiếng Trung Quốc và tiếng Pháp vào Việt Nam sau khi đã lọt qua màn lưới kiểm duyệt của cảnh sát. Người ta say mê đọc, đọc đến rách bươm những cuốn sách đề cập tới những vấn đề chính trị - xã hội rộng lớn mà trước đây ở Việt Nam không hề hay biết vì bị chế độ thực dân, phong kiến bóp nghẹt.

Nếu như trong những năm bôn ba ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đã vươn tới đỉnh cao của tư tưởng chính trị - xã hội quốc tế, đã nắm vững và tích cực bảo vệ học thuyết cách mạng tiên tiến nhất là chủ nghĩa Lênin, thì ở Tổ quốc anh, những người cùng lứa tuổi và thế hệ tiếp theo vẫn còn đang lặn mò tìm tòi trong cảnh tranh tối tranh sáng, khao khát tiếp thu những khái niệm tự do, bình đẳng, bác ái mới mẻ đối với họ, những tư tưởng của các nhà khai sáng Pháp. Họ đọc nghiền ngấu những câu thơ buồn bã của Lương Khải Siêu, những câu thơ thức tỉnh niềm tự hào dân tộc và làm nảy sinh lòng khao khát đổi mới. Họ so sánh những ưu điểm và nhược điểm của các học thuyết chính trị khác nhau như học thuyết "Tam dân" của Tôn Trung Sơn, những học thuyết "Xã hội thịnh vượng chung" và "Bất bạo động" của Gandhi, các loại học thuyết xã hội chủ nghĩa của Prud'homme, Blangki và của các nhà không tưởng. Chỉ sau khi Đảng Cộng sản Pháp thành lập thì ở Việt Nam mới dần dần xuất hiện các tác phẩm của C.Mác và V.I. Lênin bằng tiếng Pháp. Các tác phẩm này được bí mật đưa vào Việt Nam bằng đường biển. Vì thế lúc đầu số người được đọc rất ít, nhưng những tư



tưởng của các tác phẩm ấy lại được phổ biến nhanh chóng vì những hạt giống ấy được gieo vào mảnh đất màu mỡ đã chuẩn bị sẵn. Vào những năm ấy chậm hơn ở châu Âu vài chục năm, trong vốn từ chính trị của những người Việt Nam có học thức và trong tiếng Việt những khái niệm và những từ như "giai cấp tư sản", "giai cấp vô sản", "quyền dân tộc tự quyết", "chủ nghĩa đế quốc", "chủ nghĩa thực dân", "cách mạng dân chủ tư sản", v.v. mới xuất hiện và dần dần trở nên quen thuộc.

Những người mới quen biết kể cho Nguyễn Ái Quốc nghe là, trước đây họ tham gia "Việt Nam Quang phục hội" do cụ Phan Bội Châu khởi xướng, phần lớn hội viên của hội là các nhà nho yêu nước, nhiều người đã cao tuổi. Hoạt động cơ bản của hội là đã kích bọn thực dân Pháp bằng những văn thơ hay trong các cuộc hội họp và các buổi gặp gỡ đông người, còn những công việc cụ thể thì hội không có khả năng làm. Dần dần, nhóm thanh niên trong hội không tán thành hoạt động thụ động của Phan Bội Châu và các chiến sĩ của ông. Cuối cùng Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, khởi xướng việc thành lập tổ chức chiến đấu bí mật "Tâm tâm xã". Những thanh niên yêu nước tham gia tổ chức này chú trọng đến việc khủng bố cá nhân.

Việc mưu sát toàn quyền Méclanh không thành và cái chết bi thảm của Phạm Hồng Thái, một trong những chiến sĩ ưu tú nhất của tổ chức, làm cho một số thành viên "Tâm tâm xã" do dự. Họ như người đứng giữa ngã ba đường;



họ đã được nghe nhiều về nước Nga Xôviết, đã được biết một số cổ vấn Liên Xô làm việc trong chính phủ Tôn Trung Sơn, nhưng Nguyễn Ái Quốc là người Việt Nam đầu tiên "từ đó" về, vì thế họ lắng nghe từng lời của anh.

- Anh em ạ, không một người Việt Nam yêu nước nào lại không khâm phục chiến công bất tử của Phạm Hồng Thái - Nguyễn Ái Quốc mở đầu cuộc gặp gỡ bằng những lời như thế - máu của các liệt sĩ đổ xuống sẽ nhanh chóng làm nảy sinh sự sống. Sự hy sinh của Phạm Hồng Thái sẽ trở thành chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân sắp đến. Tên tuổi của anh sẽ sống mãi vì anh đã không do dự hiến dâng đời mình cho thắng lợi tương lai. Nhưng anh em ạ, liệu con đường mà tổ chức của các anh lựa chọn có đúng hay không? Ở nước Nga nơi cách đây không lâu tôi đã đến, họ cũng bắt đầu từ những việc như thế, ngay cả anh của Lênin cũng tham gia mưu sát Nga Hoàng và bị xử tử. Nhưng những người cách mạng Nga đã khá nhanh chóng tìm thấy con đường đúng đắn. Đó là con đường xây dựng một đảng thống nhất được vũ trang bằng lý luận cách mạng đúng đắn. Muốn giải phóng Tổ quốc mình, chúng ta cũng phải đi theo con đường ấy. Và muốn thế phải có kiến thức, trước hết là kiến thức chính trị. Vì vậy, tôi đề nghị công việc đầu tiên của chúng ta là mở ngay ở Quảng Châu này một lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên cách mạng.

Ngày 18 tháng Chạp, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, trong



thư có những đoạn: "Tôi đến Quảng Châu vào giữa tháng 12. Trong lúc này tôi là một người Trung Quốc chứ không phải là một người Việt Nam, và tên tôi là Lý Thụy chứ không phải là Nguyễn Ái Quốc... Tôi đã gặp tại đây vài ba nhà cách mạng quốc gia Việt Nam. Tôi đã chọn năm người quê ở các tỉnh khác nhau... Tôi sẽ huấn luyện cho họ phương pháp tổ chức".

Ít lâu sau, ở cửa nhà số 131 (một biệt thự ba tầng, kiến trúc theo kiểu nhiệt đới) trên đường phố Văn Minh có một biển nhỏ với dòng chữ: "Trường huấn luyện chính trị". Trên tường gian phòng học lớn tại tầng ba có treo ảnh C. Mác, Lênin, Xtalin, Tôn Trung Sơn và Phạm Hồng Thái. Theo học lớp huấn luyện này là những thanh niên yêu nước từ Việt Nam sang và may mắn không bị bắt. Họ ngắm nhìn từng tấm ảnh với vẻ sùng kính.

Họ ghi nhớ suốt đời những lời nói của một người tự giới thiệu là "Đồng chí Vương" trong buổi lễ khai mạc lớp học.

- Trước hết, người cách mạng phải nắm được cái gì? - Đồng chí hỏi các học viên rồi tự trả lời - Phải nắm vững lý luận cách mạng đúng đắn. Người cách mạng nắm được lý luận cách mạng đúng đắn như người đi trong đêm tối có đuốc soi đường. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin.

Chương trình huấn luyện rất rộng. Các học viên nghiên cứu tình hình thế giới, lịch sử Cách mạng Tháng Mười, lịch



sử ba Quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc cương lĩnh chính trị của Tôn Trung Sơn... Họ chú ý nhiều đến các khoa học kinh tế công tác báo chí, những nguyên lý về công tác tổ chức quần chúng và học tiếng nước ngoài. Một phần chương trình huấn luyện do các giáo viên Học viện Quân sự Hoàng Phố giảng "Trường huấn luyện chính trị" được chính quyền Trung Quốc coi như một bộ phận đặc biệt của Học viện Quân sự Hoàng Phố, và hoạt động dưới sự bảo trợ của viện. Nhưng giáo viên chính của lớp huấn luyện là Nguyễn Ái Quốc. Anh dành toàn bộ thì giờ rảnh rỗi cho lớp học.

Những người theo học lớp huấn luyện ấy kể lại rằng "Đồng chí Vương" còn rất trẻ, chưa đến 35 tuổi, dáng người mảnh khảnh, khuôn mặt xương xương, đôi mắt to và sáng lạ thường. Đồng chí thường mặc quần áo kiểu Tôn Trung Sơn màu xám. Đồng chí Vương là người nhanh nhẹn, hoạt bát, cử chỉ mềm mòng nhưng kiên quyết, dứt khoát, dễ gây được cảm tình với người khác. Đồng chí ấy không ưa nói suông, lúc nào cũng gắn ý nghĩ của mình với đời sống thực tiễn. Đồng chí thường nhắc đi nhắc lại: "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng chứ không phải của một nhóm người nào. Nhiệm vụ chính của chúng ta là tiến hành công tác thực tiễn một cách thường xuyên, kiên trì để động viên quần chúng nhân dân". Lúc nào đồng chí cũng có những số liệu để chứng minh cho một lập luận nào đấy. Đồng chí thường khuyên



chúng tôi: "Cần phải đặc biệt chú ý đến ý nghĩa của số liệu. Đó là tài liệu chứng minh tốt nhất. Từ tư liệu sẽ toát lên thực trạng của sự vật. Như Lenin đã nói: Người nông dân tin vào con số hơn là tin vào lý luận. Con số thì rất khó nhớ nhưng lại cần thiết cho việc chứng minh". Đồng chí cố gắng truyền đạt cho người học quan điểm của Lenin về việc nhận thức thế giới xung quanh: "người cách mạng phải luôn luôn nắm được tình hình chính trị nóng hổi. Hãy đọc báo nhiều hơn nữa, vì rằng báo chí chứa đựng bản thân cuộc sống. Và như vậy, các đồng chí sẽ hiểu được tình hình một cách tốt hơn".

Trong những môn học được nghiên cứu ở lớp huấn luyện thì những vấn đề cách mạng Việt Nam được nghiên cứu kỹ hơn cả. Cụ thể là: Cách mạng Việt Nam mang tính chất gì, lực lượng chính trị xã hội nào, giai cấp nào có thể tham gia tích cực vào cuộc cách mạng ấy.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, quan hệ giữa bọn thực dân Pháp và triều đại phong kiến Việt Nam đã có những nét khác trước. Sợ hãi trước sức mạnh của Pháp, Khải Định và triều thần của y không còn giữ được thái độ giận dữ bề ngoài với thực dân Pháp như các triều đình trước đó mà công khai hợp tác chặt chẽ với chính quyền thực dân Pháp. Chuyển đi làm ỹ của Khải Định sang Pháp năm 1922, những bài diễn văn nịnh bợ, những cử chỉ xun xoe của y trong chuyến đi đã làm cho nhân dân Việt Nam càng thêm căm ghét.



Bọn thực dân Pháp cố sức tô son trát phấn cho Khải Định, vì giờ đây đó là điều có lợi cho chúng. Với mục đích đó, chúng chọn một số người Việt Nam đã học ở Pháp tổ chức thành một đảng bảo hòa, có một tờ báo riêng, hoàng tử Vĩnh Thụy, một kẻ tiếp thu nền giáo dục phương Tây đã dựa vào sự giúp đỡ của một tên hợp tác hăng hái nhất với Pháp là Phạm Quỳnh cùng đồng bọn để tập hợp những lực lượng chuyên truyền bá lý tưởng bảo hòa và những giáo điều của đạo Nho. Nhưng dựng lên và tô vẽ cho một ngai vàng đã rách tã là chuyện không thể làm được. Đầu những năm 20, cương lĩnh chính trị - tư tưởng của tất cả các đảng phái và các nhóm yêu nước tồn tại ở Việt Nam đều gắn nhiệm vụ thủ tiêu ách thống trị của thực dân với việc lật đổ triều đại phong kiến.

Tính chất của giai cấp phong kiến mà triều đại ấy dựa vào đã thay đổi về cơ bản cùng với sự thay đổi của triều đình phong kiến. Trong mấy chục năm thực dân Pháp thống trị, nhất là trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất, giai cấp phong kiến Việt Nam được bổ sung thêm khá đông tầng lớp địa chủ kiểu mới. Nếu ở thủ đô, nhà vua và triều đình bán nước của y là chỗ dựa cho thực dân Pháp, thì ở nông thôn chỗ dựa đó là bọn địa chủ phản động. Ở thôn quê, nhất là ở Nam Kỳ, cuộc đấu tranh toàn dân chống bọn xâm lược nước ngoài ngày càng có màu sắc xã hội rõ rệt và bắt đầu biến thành cuộc đấu tranh của bần cố nông chống lại sự hà lạm, bóc lột thậm tệ của bọn địa chủ tiêu biểu cho chế độ thực dân. Đầu những năm 20, các nhà



cách mạng Việt Nam nhận thức rõ rằng đại bộ phận giai cấp phong kiến Việt Nam đã trở thành tay sai đắc lực, kẻ hợp tác trung thành với bọn thực dân.

Như vậy luận điểm của Lênin về xu hướng phản phong của cách mạng giải phóng dân tộc là hoàn toàn đúng đắn và rất phù hợp với hoàn cảnh đất nước Việt Nam lúc ấy. Nông dân đã trở thành lực lượng hùng hậu của cách mạng. Về vấn đề này, Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí của anh hiểu rất rõ. Khẩu hiệu: "Tất cả ruộng đất về tay nông dân" do thực tế khách quan đòi hỏi, phải trở thành yêu cầu cơ bản trong cương lĩnh chính trị của họ. Những lực lượng xã hội nào có thể động viên hàng triệu nông dân ở nông thôn tiến công vào chủ nghĩa thực dân và chế độ phong kiến? Nguyễn Ái Quốc trả lời những câu hỏi này một cách rõ rệt trong các bài giảng của mình: Trong tất cả các giai cấp, chỉ có giai cấp vô sản mới thực hiện được việc đó, chính giai cấp vô sản, về bản chất mới là người chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân triệt để nhất, mới là đại diện chân chính cho quyền lợi của toàn dân tộc. Giai cấp tư sản thì gắn chặt với bọn địa chủ về quyền lợi nên không thể thực hiện khẩu hiệu cách mạng ấy được. Ở Nam Kỳ, bọn địa chủ đang trở thành những tên tư bản. Ngược lại, ở Bắc Kỳ bọn tư sản lại chiếm đoạt ruộng đất và trở thành địa chủ.

Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí mới của anh trong "Tâm tâm xã" đều nhất trí cho rằng giai cấp vô sản Việt Nam cần có đảng - đội tiên phong chính trị của mình -



càng sớm càng tốt. Nhưng khác với các đồng chí của anh, Nguyễn Ái Quốc biết rõ lời cảnh cáo của Lênin về sự vội vàng, nôn nóng đẩy nhanh quá trình thành lập đảng cộng sản, nhất là ở những nước phương Đông lạc hậu hàng thế kỷ. Nhu cầu khách quan phải có một đảng của giai cấp công nhân ở Đông Dương đã có, nhưng điều kiện chủ quan để thành lập một đảng như vậy thì lại chưa chín muồi. Cần có một tổ chức có thể đóng vai trò trung gian chuyển tiếp để tiến tới thành lập một đảng cộng sản trong tương lai.

Đến Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc biết được là tháng 6 năm 1924, do ảnh hưởng của những tư tưởng của Tôn Trung Sơn, Phan Bội Châu đã thành lập "Việt Nam quốc dân đảng" - một đảng dân tộc của Việt Nam. Đảng này gồm những người Việt Nam cư trú chính trị ở Trung Quốc. Cương lĩnh của đảng đã phê phán quyết liệt chủ nghĩa thực dân Pháp và đưa ra những yêu cầu về quyền tự quyết dân tộc, quyền bình đẳng, xây dựng chế độ cộng hòa lập hiến, thả toàn bộ tù chính trị, cho sinh viên Việt Nam có quyền ra học nước ngoài, cho các đảng phái hoạt động tự do, tự do sáng tạo. Sau khi tìm hiểu hoạt động của đảng, trong báo cáo với Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã đánh giá cao tinh thần yêu nước của tổ chức này, nhưng đồng thời anh cũng nhận xét những thiếu sót của những người lãnh đạo đảng, theo lời Nguyễn Ái Quốc, họ "không hiểu chính trị và lại càng không hiểu về tổ chức quần chúng".



Rất may là Nguyễn Ái Quốc đã một số lần gặp được Phan Bội Châu, khi thì ở Quảng Châu, khi thì ở Thượng Hải. Với tư cách là người thay mặt Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc thuyết phục Phan Bội Châu xem xét lại cương lĩnh và sách lược hoạt động của Việt Nam quốc dân đảng với mục đích là cách mạng hóa hơn nữa đảng này. Mặc dù các cuộc nói chuyện này không có kết quả ngay tức khắc, song dần dần đã đem lại kết quả mong muốn. Họ đã đi đến quyết định sẽ tổ chức hội nghị hạt nhân lãnh đạo của đảng. Hội nghị này cần phải định đoạt số phận sau này của quốc dân đảng. Thế nhưng, quyết định đó đã không thực hiện được. Ngày 18 tháng 5 năm 1925, Phan Bội Châu đã bị bọn mật thám Pháp nằm vùng ở Thượng Hải bắt, giải về Việt Nam và tống giam tại nhà tù Hà Nội.

Cuối tháng 6 năm 1925, sau khi kết thúc khóa huấn luyện, mọi người họp nhau lại trên tầng thượng ngôi nhà ở đường phố Văn Minh, Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí của anh quyết định thành lập một tổ chức yêu nước theo kiểu mới lấy tên là "Hội Việt Nam cách mạng thanh niên". Trong cuộc họp này, Nguyễn Ái Quốc nêu lên nhiệm vụ của tổ chức như sau:

- Đối với chúng ta, hiện nay, điều chủ yếu là tuyên truyền sâu rộng trong những người cách mạng Việt Nam những nguyên lý của học thuyết Lênin, những nghị quyết và chỉ thị của Quốc tế Cộng sản. Chúng ta phải nhớ rằng chủ nghĩa Lênin là vũ khí không gì thay thế được. Đoàn



kết mọi người yêu nước chân chính trên cơ sở lập trường cách mạng. Hội của chúng ta phải trở thành cầu nối để tiến tới thành lập một đảng cộng sản trong tương lai khi điều kiện cho phép. Để làm việc ấy, tôi đề nghị tổ chức nhóm cộng sản trong hội. Nhóm này hoạt động bí mật trong khuôn khổ của hội. Tất nhiên, chính quyền địa phương, nhất là bọn mật thám Pháp sẽ chú ý đến tính chất của hội. Vì thế, để giữ bí mật, tôi đề nghị trong báo chí công khai ta chỉ nên đặt cho tổ chức bí mật ấy một tên ít cấp tiếng hơn: Đảng thanh niên Việt Nam.

Cuộc họp này cũng thông qua nghị quyết tổ chức in báo *Thanh niên*, cơ quan ngôn luận của hội. Cũng như ở Pari trước đây, Nguyễn Ái Quốc chịu trách nhiệm chính về việc xuất bản tờ báo. Báo in tay ra vài trăm số, phát hành trong Việt kiều ở miền Nam Trung Quốc và qua các thủy thủ của các tàu Pháp thường đến Quảng Châu và Thượng Hải, báo được bí mật đưa về Việt Nam, đưa sang Xiêm và Pháp là những nơi có nhiều Việt kiều sinh sống. Những kẻ cầm đầu chính quyền thuộc địa phải thừa nhận rằng những lời kêu gọi nồng nhiệt đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, của tờ báo cũng như việc vạch trần tội ác của bọn thực dân và bọn tay sai của chúng đã làm cho tờ báo phổ cập trong các giới tiến bộ ở Việt Nam. Trong một báo cáo gửi lên toàn quyền Pháp ở Đông Dương có đoạn: "Tờ báo do Nguyễn Ái Quốc lập ra không những được đọc ở Việt Nam mà còn được đọc ở nước ngoài, báo cũng thường được chép lại".



Số báo 61 có một dòng tít lớn chạy suốt cả trang: "Chỉ có đảng cộng sản mới có thể đem lại cho nhân dân Việt Nam tự do, hạnh phúc". Số báo này làm cho bọn mật thám thuộc địa vô cùng hoảng sợ. Bằng những chữ ấy, các hội viên của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và nhà lãnh đạo tư tưởng của hội đã thể hiện không phải quan điểm chính trị và niềm tin cộng sản của mình. Trước hết, họ muốn nói rằng phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam đang đứng ở ngưỡng cửa một thời kỳ mới về chất, rằng việc nhanh chóng thành lập đội tiên phong cách mạng chân chính - đảng cộng sản - là một yêu cầu tất yếu khách quan của thời cơ chính trị, rằng chỉ có một đảng như thế mới có khả năng đưa phong trào giải phóng thoát khỏi những con đường hẻm thất bại và bước lên con đường rộng thênh thang của thắng lợi.

Hội Việt Nam cách mạng thanh niên không chính thức gia nhập Quốc tế Cộng sản, nhưng trong mọi hoạt động của mình, hội tuân theo những nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và liên hệ mật thiết với đảng cộng sản các nước khác, trước hết với các đảng cộng sản nước Nga Xôviết, Pháp, Trung Quốc và trên thực tế, đúng như Nguyễn Ái Quốc đã tiên đoán, nó là mầm mống của đảng cộng sản sau này.

Trong Hội cũng như trong một đảng thực sự, Nguyễn Ái Quốc đã xây dựng một đội ngũ cán bộ rất chặt chẽ, những người được kết nạp vào hội chủ yếu là những



người đã học xong khóa huấn luyện chính trị. Những người được kết nạp vào hội phải tuyên thệ trung thành với lý tưởng cách mạng trước mộ Phạm Hồng Thái. Phần lớn những người học xong khóa huấn luyện chính trị được đưa về nước hoạt động bí mật tại các địa phương. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nhiều học viên của các khóa huấn luyện chính trị ấy vẫn nhớ rõ việc "Đồng chí Vương" đã căn dặn họ một cách cặn kẽ và tận tình trước khi họ về nước:

- Các đồng chí hãy tìm đến bạn bè cũ còn tin cậy được, những người có cảm tình với sự nghiệp cứu nước của chúng ta. Nói bất cứ chuyện gì cũng cố gắng lái vào việc lên án sự hà khắc của bọn Tây ở nước ta. Nếu như họ hưởng ứng những điều mình nói, thì phải đặt ngay câu hỏi: những người Việt Nam chúng ta còn chịu ách thống trị và sự sỉ nhục của ngoại bang đến bao giờ nữa? Nếu họ hỏi lấy lực lượng ở đâu để đánh đuổi bọn Tây thì các đồng chí hãy giải thích cho họ rằng sức mạnh của chúng ta là ở sự đoàn kết nhất trí. Nếu mọi người chúng ta đều đồng lòng đứng dậy thì vũ khí của kẻ thù sẽ trở thành vũ khí của chúng ta.

Tháng 7 năm 1926, trong báo cáo gửi Đoàn chủ tịch Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc viết: "Đây là những việc tôi đã làm được, kể từ khi đến đây:

- 1) Tổ chức được một nhóm bí mật;
- 2) Tổ chức được Hội nông dân (gồm những Việt kiều ở Xiêm);



3) Tập hợp được một nhóm thiếu niên con cái nông dân và công nhân. Hiện các em đang ở Quảng Châu và chúng tôi tìm cách dạy các em học (tại lớp huấn luyện chính trị, đồng chí Nguyễn đã dạy riêng một nhóm gồm 8 em nam nữ người Việt Nam. Ngay từ ngày đầu tiên, để giữ bí mật, anh đã đặt cho các em những cái tên mới và có một họ chung là Lý. Và từ đó các em được coi là "cháu" của Lý Thụy - E. C.);

4) Tổ chức được một nhóm phụ nữ cách mạng (10 người);

5) Lập được một Trường huấn luyện chính trị. Người học bí mật đến Quảng Châu. Sau một tháng rưỡi học tập, họ trở về nước. Khóa đầu tiên đào tạo được 10 người. Khóa tới sẽ mở vào tháng 7 khoảng 30 người".

Những ai đã qua lớp huấn luyện chính trị Quảng Châu, đã hoạt động trong hàng ngũ của Hội và trong Ban biên tập báo *Thanh niên* đều trải qua một trường học đấu tranh cách mạng tuyệt diệu, có thể nói là trường học Hồ Chí Minh. Tại đây, những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Lênin được vận dụng một cách sáng tạo và nhuần nhuyễn vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Chủ nghĩa Lênin chẳng những không mâu thuẫn với thực tế ấy mà ngược lại được hỗ trợ thêm bằng những đặc điểm dân tộc, những đặc điểm chính trị xã hội phức tạp vốn có của Việt Nam vào thời kỳ ấy, đó chính là tính đa dạng của chủ nghĩa Lênin. Hội nhà báo *Thanh niên* đã đào tạo được một đội ngũ hùng hậu các nhà cách mạng chuyên nghiệp cống hiến suốt cuộc đời cho cuộc đấu tranh giải



phóng dân tộc, giải phóng xã hội. Trong số đó có các nhà lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, những nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng đã hiến dâng cuộc đời mình cho thắng lợi của sự nghiệp của Đảng như Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Ngô Gia Tự, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Tạo, có người thanh niên cộng sản đầu tiên Lý Tự Trọng và nhiều đồng chí khác là lớp người trong đội ngũ ấy.

Vốn là người chiến sĩ quốc tế chủ nghĩa triệt để, khi ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc cố gắng thiết lập những mối liên hệ vững chắc với các nhà cách mạng ở các nước khác. Được sự ủng hộ của Liêu Trọng Khải là người có quan hệ thân hữu với anh, Nguyễn Ái Quốc tổ chức "Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông". Thành viên của Hội là những người yêu nước Đông Dương và các nhà cách mạng Triều Tiên, Malaixia, Indônêxia, Ấn Độ sang lánh nạn ở Quảng Châu và những nhà dân chủ nổi tiếng người Trung Quốc, trong đó Liêu Trọng Khải được bầu làm Chủ tịch Hội.

Nhưng Liêu Trọng Khải không còn sống được bao lâu nữa.

Ngày 20 tháng 8 năm 1925, Liêu Trọng Khải bị một tên côn đồ tay sai bắn bị thương nặng ngay trước tòa nhà của



Ban Chấp hành Quốc dân đảng, sau đó ông qua đời. Ông là người đấu tranh tích cực để cải thiện đời sống công nhân và nông dân, ông kiên quyết ủng hộ việc liên minh giữa Quốc dân đảng và nước Nga Xôviết, vì vậy, ông là nạn nhân đầu tiên của cuộc khủng bố do bọn phản động Trung Quốc vừa phát động.

Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu không thoát khỏi sự chú ý của mật thám Pháp. Trong hồ sơ lưu trữ của Bộ thuộc địa Pháp còn lưu lại một tờ công văn khẩn như sau:

"Hà Nội ngày 27 tháng 2 năm 1925.

Tuyệt mật.

Sở cảnh sát Hà Nội nhận được nhiều tin nói rằng có một người An Nam vừa từ châu Âu đến Quảng Châu. Người này bắt liên lạc ngay với bọn cách mạng. Ông ta sống với bọn cộng sản Nga và lấy tên là Lý Thụy. Y rất am hiểu về hoạt động của những tên cách mạng An Nam ở châu Âu cũng như phương pháp cách mạng Nga... Là một tên rất có nghị lực, Lý Thụy đã thành lập một hội yêu nước mới và đào tạo bọn cộng sản trong khuôn khổ hội này cùng với một số tên An Nam di cư sang Hoa Nam. Chúng vừa in những truyền đơn đã lọt vào Đông Dương.

Méclanh".

Có một chi tiết bọn mật thám Pháp nhận xét rất đúng. Mặc dù Nguyễn Ái Quốc ở xa đất nước Xôviết, nhưng thực tế là anh luôn luôn giữ được mối liên hệ với đất nước



ấy. Nhờ lời khuyên của Manuinxki, nên vừa mới đến Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp xúc với Bôrôđin. Việc này không khó lắm. Lúc ấy các báo Quảng Châu thường đăng cáo thị về việc phái đoàn Xôviết bên cạnh chính phủ Tôn Trung Sơn cần người phiên dịch. Nguyễn Ái Quốc là người thông thạo các thứ tiếng, Pháp, Anh, Trung Quốc và cũng biết khá tiếng Nga. Để giữ bí mật, Nguyễn Ái Quốc cầm tờ *Quảng Châu nhật báo* đến trụ sở của phái đoàn Bôrôđin và được nhận vào làm việc.

Ở Quảng Châu, Bôrôđin có uy tín lớn. Ông là một người Bôn-sê-vích giàu kinh nghiệm. Một thời gian dài Bôrôđin sống ở nước ngoài. Sau khi Cách mạng Tháng Mười thắng lợi, ông trở về nước Nga và được Đảng giao cho một công tác quan trọng, phụ trách liên lạc quốc tế của Đảng, chuyên lo về các vấn đề của phong trào cộng sản quốc tế và quốc tế cộng sản. Bôrôđin quen biết V.I. Lênin và được Người rất tín nhiệm.

Ngay từ ngày đầu, giữa Nguyễn Ái Quốc và Bôrôđin đã có mối quan hệ hợp tác đồng chí. Nguyễn Ái Quốc thường xuyên được Bôrôđin góp ý những điều cần thiết và giúp đỡ thật sự. Sự giúp đỡ này rất cần thiết cho Nguyễn Ái Quốc trong quá trình tiến hành công tác tư tưởng - chính trị và tổ chức Việt kiều yêu nước ở miền Nam Trung Quốc. Bôrôđin giúp Nguyễn Ái Quốc lựa chọn những thanh niên yêu nước xuất sắc nhất trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên để gửi sang học tại Trường Đại học cộng sản Phương Đông.



Nhóm đầu tiên gồm năm người, trong đó có Lê Hồng Phong, một thanh niên đồng hương với Nguyễn Ái Quốc. Vào đầu năm 1926, nhóm này đến Mátxcova. Bôrôđin cũng giới thiệu nhiều giảng viên Liên Xô công tác tại Viện quân chính Hoàng Phố đến giảng dạy cho các khoá huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc tổ chức. Trong số những giảng viên ấy có các tướng lĩnh nổi tiếng, các anh hùng nội chiến như V. C. Bliukhe (lúc ấy mang tên Galin và sau đó trở thành nguyên soái), P.A.Páplốp, M.V.Cuibusép (em của V.V.Cuibusép), V.M. Primacốp và các đồng chí khác.

Văn phòng của Bôrôđin đặt tại một tòa nhà màu xám, đối diện với trụ sở Ban Chấp hành Quốc dân đảng, một lâu đài trang nhã, có tường bao xung quanh và cổng vòm. Bôrôđin sống cùng với gia đình trên tầng hai. Tầng một là nơi làm việc của các phiên dịch. Trương Thái Lôi đứng đầu phòng phiên dịch, đồng thời là cố vấn, là người giúp việc của Bôrôđin. Sau này, Trương Thái Lôi là anh hùng của cuộc khởi nghĩa Quảng Châu. Nguyễn Ái Quốc đã làm việc gần như suốt ngày trong tòa nhà này. Tại đây, anh vui đùa vào đồng sách báo Anh và Trung Quốc để khai thác tài liệu gửi cho hãng thông tấn nước Nga, vì trước khi lên đường sang Trung Quốc, anh Nguyễn được hãng thông tấn này đề nghị cộng tác với tư cách là phóng viên ngoài biên chế, chuyên trách về miền Nam Trung Quốc và Đông Dương.



V.V.Visnhiacôva Akimôva, một nữ nhân viên của văn phòng Bôrôđin đã viết một đoạn như sau trong cuốn *Hai năm ở nước Trung Hoa nổi dậy*:

"Ở nhà M. M. Bôrôđin, tôi may mắn được làm quen với một trong những con người tuyệt diệu ở Quảng Châu lúc ấy. Đó là Lý Thụy, một người Việt Nam. Chúng tôi thường gọi đùa anh là Lý An Nam.

Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ dáng người mảnh khảnh, tầm thước của anh. Anh thường mặc bộ quần áo rộng bằng vải gai màu trắng. Anh nói thạo tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Quảng Châu và biết tiếng Nga. Anh dạy tôi tiếng Việt. Điều đó làm cho anh phấn khởi và anh rất thích dạy tôi. Anh đối xử với chúng tôi như bạn bè, nhưng dè dặt, không bao giờ nói về công việc đang làm và đã làm. Chúng tôi không biết gì về anh ngoài việc bọn thực dân Pháp đã treo giải thưởng cho ai bắt được anh và Chính phủ Quốc dân đảng đã cho phép anh cư trú chính trị. Ở nhà Bôrôđin, anh là chỗ thân thiết...

Mãi sau này, nhờ vợ đồng chí Bôrôđin, tôi mới biết rằng anh Lý An Nam của chúng tôi không phải ai khác mà chính là đồng chí Hồ Chí Minh".

Đầu năm 1927, một cuốn sách mỏng với nhan đề là *Đường cách mệnh* được "Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông" xuất bản. Cuốn sách không đề tên tác giả và được lưu hành trong Việt kiều ở Quảng Châu. Những ai đã theo học lớp huấn luyện chính trị đều đoán ngay được tác giả của cuốn sách chính là đồng chí Vương, bởi vì



cuốn sách tóm tắt những bài giảng của đồng chí ấy về chủ nghĩa Lênin và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Cuốn *Đường cách mệnh* là sự tiếp theo một cách lôgích cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Nếu trong cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* Nguyễn Ái Quốc thẳng tay vạch trần những tội ác của đế quốc Pháp trong những lãnh thổ thuộc địa bao la của chúng thì trong cuốn *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc vạch ra con đường cụ thể để giải phóng dân tộc.

Tác giả cuốn sách chỉ ra rằng để chiến thắng kẻ thù hùng mạnh, những nhà cách mạng Việt Nam phải giải quyết ngay hai nhiệm vụ cơ bản: nắm vững học thuyết cách mạng tiên tiến là chủ nghĩa Mác - Lênin và thành lập đội tiên phong tức đảng cách mạng. "Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công... Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam".*

Nguyễn Ái Quốc đã trình bày một cách sáng tạo những nguyên lý cơ bản của học thuyết cách mạng của Lênin áp dụng vào những điều kiện cụ thể lịch sử của nước Việt Nam thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc chỉ ra rằng, Việt Nam đang đứng ở ngưỡng cửa của cách mạng giải

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.2, tr. 289.



phóng dân tộc. Cuộc cách mạng này phải là một giai đoạn chuyển tiếp để đưa đất nước tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Nhiệm vụ chủ yếu của Đảng mácxít - léninnít ở Việt Nam sau này là đấu tranh chống bọn thực dân. Lưu ý đến điều này, Nguyễn Ái Quốc đã mở rộng luận điểm của Lênin về việc đảng cộng sản kết hợp phong trào công nhân với chủ nghĩa xã hội bằng cách đưa vào luận điểm đó những yếu tố dân tộc của chủ nghĩa yêu nước. Theo Nguyễn Ái Quốc, động lực cơ bản của cách mạng Việt Nam sau này là giai cấp nông dân và giai cấp công nhân đang hình thành, nghĩa là đại bộ phận dân tộc đang khao khát giải phóng tổ quốc mình, vì thế, chủ nghĩa yêu nước trong những điều kiện của cách mạng Việt Nam mang tính nhân dân và tính giai cấp.

Luận điểm quan trọng này đã được Nguyễn Ái Quốc trình bày ngay từ buổi bình minh của cách mạng giải phóng dân tộc và về sau trở thành luận điểm chủ đạo, luận điểm quyết định trong hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí của Người. Nó đã cho phép Đảng Cộng sản Việt Nam tuy số lượng không đông, nhưng trong bước ngoặt quyết định, vẫn dẫn dắt được nhân dân đi theo Đảng giành thắng lợi trong cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang và sau đó là hai cuộc kháng chiến lâu dài.

Để đánh giá đúng ý nghĩa những kết luận mà Nguyễn Ái Quốc rút ra được, chỉ cần nhớ lại rằng nhiều



đại biểu nổi tiếng của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới cùng thời với Nguyễn Ái Quốc đã không hiểu nổi quan hệ qua lại giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh giải phóng dân tộc. Họ cho rằng có thể giành được độc lập dân tộc mà không gắn liền với chủ nghĩa xã hội, vì thế, họ không kêu gọi đi theo con đường của giai cấp vô sản Nga mà chỉ giới hạn cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc mình trong khuôn khổ đấu tranh chống bọn xâm lược nước ngoài. Còn với Nguyễn Ái Quốc, từ khi Người theo chủ nghĩa Lênin và chủ nghĩa quốc tế thì hai nhiệm vụ: giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội luôn luôn gắn bó chặt chẽ với nhau. "Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới có thể làm cho các dân tộc được giải phóng hoàn toàn". Lời nói ấy trở thành phương châm của cách mạng Việt Nam.

Tác giả *Đường cách mệnh* cũng phát triển hơn nữa tư tưởng của mình và cho rằng chủ nghĩa yêu nước chân chính không thể tách rời chủ nghĩa quốc tế vô sản. Vì vậy, nhiệm vụ quốc tế quan trọng nhất của các nhà cách mạng Việt Nam là chú ý nghiên cứu kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại ở Nga. Những bài học cơ bản của cuộc cách mạng đó là: cần phải có một Đảng Mác - Lênin kiên cường; giai cấp công nhân và nông dân phải trở thành động lực chủ yếu của cách mạng; phải có sự hy sinh quên mình và sự đoàn kết rộng rãi của nhân dân. Con đường cách mạng Việt Nam là con đường của Cách mạng Tháng Mười. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô



sản Nga là tấm gương đối với nhân dân Việt Nam. Phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa phải liên minh với giai cấp vô sản cách mạng của chính quốc. Cần phải kiên quyết gạt bỏ tinh thần "máu đỏ da vàng" mà trước đây nhiều nhà yêu nước Việt Nam sùng kính, không vượt qua được. Thống nhất và gắn cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới là vấn đề có tầm quan trọng chiến lược. "Cách mạng Việt Nam là bộ phận hợp thành của cách mạng thế giới. Tất cả các nhà cách mạng đều là bạn của nhân dân Việt Nam".

Nguyễn Ái Quốc dành hẳn một mục cho vấn đề đạo đức cách mạng mà Người luôn luôn quan tâm. Nguyễn Ái Quốc cho rằng Đảng chỉ kiên cường và có khả năng chiến đấu nếu được thấm nhuần lý luận cách mạng tiên tiến và gồm những người về bản chất là những người cách mạng thật sự. Theo Nguyễn Ái Quốc, những cá tính cần có của một người cách mạng là tinh thần cách mạng triệt để, là lòng tận tụy với cách mạng, sẵn sàng hy sinh, đoàn kết và yêu lao động, cẩn thận nhưng không nhút nhát, không hiếu danh, không kiêu ngạo, ít ham muốn về vật chất, chịu đựng gian khổ thiếu thốn, v.v..

Đường cách mệnh là cuốn sách đầu tiên của một tác giả Việt Nam đã trình bày rõ ràng bản chất của học thuyết Lênin, đã nói về ý nghĩa của chủ nghĩa quốc tế vô sản, về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Đồng thời trong cuốn sách này, cũng như trong cuốn sách *Gửi nông dân nghèo*



của Lênin, những vấn đề lý luận, phức tạp được trình bày bằng hình thức rất đại chúng, dễ hiểu cho nhân dân Việt Nam lúc bấy giờ. Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, có thể nói rằng, cuốn *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc cũng đóng một vai trò như cuốn *Làm gì?* của Lênin trong phong trào cách mạng Nga.

Theo đánh giá của các nhà sử học Việt Nam, cuốn *Đường cách mệnh* đã đặt nền móng cho việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương sau này và là cơ sở đầu tiên cho cương lĩnh chính trị của Đảng. Đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng và Nhà nước Việt Nam kể lại rằng, các đồng chí ấy bắt đầu việc tìm hiểu sách báo mácxít bằng cuốn *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc, và chính cuốn sách này đã vĩnh viễn gắn cuộc đời các đồng chí ấy với cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân lao động.

Suốt hai năm rưỡi trời, Nguyễn Ái Quốc đã làm việc hết sức có kết quả trong những điều kiện gần như là lý tưởng và đạt được thành công to lớn: Người đào tạo được gần 200 cán bộ tích cực, những cán bộ này trong tương lai sẽ trở thành nòng cốt cho chính Đảng của giai cấp công nhân - đối với một nhà cách mạng chuyên nghiệp thì còn có thể mơ ước điều gì hơn thế nữa! Và thật cay đắng nhận ra rằng, tất cả những việc ấy sắp kết thúc, bầu trời chính trị Quảng Châu ngày càng hay bị mây đen bao phủ. Từ



khủng bố cá nhân rút cuộc bọn phản động đã chuyển sang tấn công trên toàn mặt trận.

Ngày 12 tháng 4 năm 1927, Tưởng Giới Thạch đã làm đảo chính phản cách mạng ở Thượng Hải. Ngày hôm sau, một tên tay sai của Tưởng Giới Thạch là tướng Lý Thừa Mãn đã làm đảo chính ngay tại Quảng Châu. Quân đội cánh hữu phá huỷ Trường quân sự Hoàng Phố, 300 học viên bị bắt và bị nhốt trong nhà tù nổi trên sông Châu Giang. Những vụ bắt bó lưng sục diễn ra trong thành phố mấy ngày liền. Bọn phản cách mạng bắt gần 2.000 người, đem xử bắn mấy trăm đảng viên cộng sản. Chúng bắt giam ngay cả một vài thành viên của Chính phủ và Tỉnh đảng bộ Quốc dân đảng mà chúng nghi là người của Đảng Cộng sản. Ở Đông Sơn, vùng ngoại ô Quảng Châu, quân đội cánh hữu đã bao vây các tòa nhà của các cố vấn Liên Xô.

Sau cuộc đảo chính vài hôm, Bôrôđin và văn phòng của ông chuyển về Vũ Hán, ở đó vẫn còn duy trì được quyền lực của Chính phủ dân tộc Quốc dân đảng cánh tả. Nguyễn Ái Quốc ở lại Quảng Châu, song buộc phải tìm chỗ ở và nơi làm việc mới. Lại một lần nữa, giống như ở Pari xa xôi, anh lại phải sống một cuộc sống đói khát, công việc thì thất thường. Có lúc anh phải đi bán báo, bán thuốc lá ngoài đường phố để sinh sống. Và một lần nữa, anh lại phải rút vào hoạt động bí mật, vì bọn Tưởng Giới Thạch biết rõ quan hệ của Nguyễn Ái Quốc với Bôrôđin và các đảng viên cánh tả Quốc dân đảng.



Vào một đêm tháng 5 ẩm áp, một người Việt Nam tên là Linh làm việc trong cơ quan an ninh của Quốc dân đảng đến gõ cửa căn buồng tối tăm, chật hẹp của Nguyễn Ái Quốc ở ngoại ô thành phố. Cửa buồng mở, Linh thì thầm báo tin: *Đồng chí Vương! Đã có lệnh bắt đồng chí. Phải rời thành phố ngay tức khắc.*

Mấy giờ sau, Nguyễn Ái Quốc đã ngồi trong một đoàn tàu từ Quảng Châu đi Hồng Kông. Tàu chạy hơn một tiếng đồng hồ và vượt qua cầu Lô sang tổ giới Anh. Nhưng ở ga Cao Lũng, cảnh sát địa phương kiểm tra chặt chẽ những người từ Quảng Châu đổ đến. Chúng giữ Nguyễn Ái Quốc lại. Giấy tờ của anh mang tên Lý Thụy, một viên chức Trung Quốc. Anh trình giấy tờ cho tên sĩ quan cảnh sát kiểm tra. Tên này nghi ngờ và lập tức ra lệnh cho anh trong vòng 24 tiếng đồng hồ phải rời khỏi Hồng Kông theo luật pháp của địa phương.

Nguyễn Ái Quốc chuyển sang tàu đi Thượng Hải. Tại đây, anh nhập vào đoàn nhân viên Liên Xô công tác tại Trung Quốc. Đoàn này đi xuyên suốt Trung Quốc và sau khi trải qua cuộc hành trình lâu dài, gian khổ qua sa mạc Gôbi đã trở về nước Nga Xôviết. Đó cũng chính là con đường trước đây Bôrôđin đã đi.

Bọn phản động Quốc dân đảng mở rộng khủng bố trắng ra toàn Quảng Châu. Lúc đầu chúng vẫn chưa đụng đến Việt kiều. Tuy lớp huấn luyện chính trị phải đóng cửa, nhưng Hội Việt Nam cách mạng thanh niên vẫn tiếp



tục hoạt động. Cũng như trước kia, nhiều hội viên vẫn theo học Trường quân sự Hoàng Phố, làm việc trong các cơ quan của Quốc dân đảng và trong quân đội.

Ngày 11 tháng 12 năm 1927, tại Quảng Châu nổ ra cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong lịch sử cách mạng Trung Quốc, cuộc khởi nghĩa này được gọi là công xã Quảng Châu. Những người khởi nghĩa đã thành lập Hội đồng Dân ủy, tuyên bố chuyển toàn bộ chính quyền ở Quảng Châu vào tay Xôviết công - nông - binh. Công xã chỉ tồn tại được 3 ngày. Những lực lượng hợp nhất của Tưởng Giới Thạch và bọn quân phiệt Anh, Nhật đã chìm công xã trong biển máu. Chúng đã giết và tra tấn đến chết trên sáu nghìn công nhân. Trong những ngày các thế lực phản động hoành hành, các nhân viên lãnh sự quán Liên Xô cũng bị khủng bố.

Một số học viên Việt Nam ở Trường quân sự Hoàng Phố đã tham gia cuộc khởi nghĩa và chiến đấu trên các chiến lũy. Từ lâu, bọn mật vụ Tưởng Giới Thạch đã theo dõi trụ sở của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và có lần thấy một người Việt Nam đeo băng đỏ trên ngực - dấu hiệu của những người tham gia công xã Quảng Châu - vào trụ sở của Hội và bắt đi tất cả những người Việt Nam có mặt tại đây, trong đó có người "cháu" yêu quý của Lý Thụy là Lý Tự Trọng. Cậu thiếu niên 13 tuổi Lý Tự Trọng vào những ngày ấy đã lập chiến công đầu: mặc dù bị



đánh đập, đe dọa, cậu vẫn không hề khai báo điều gì và không khai báo một ai với cảnh sát¹.

Chạy về Tổ quốc cách mạng - chạy về Liên Xô. Bác làm việc một thời gian ở Mátxcova và ở Bá Linh rồi ở Pari. Cố nhiên, lần này không đến gặp quan thượng thư thuộc địa, và phải hết sức khéo léo tránh mặt những người "bạn" mật thám Pháp đã quen thuộc Bác năm xưa... Bác được phái đi dự cuộc Hội nghị quốc tế "chống chiến tranh đế quốc" ở Brúcxen, thủ đô nước Bỉ. Đến ga xe lửa, thì Bác gặp đồng chí Xan Catadama - người sáng lập Đảng Cộng sản Nhật. Vì tuổi già, đồng chí được đoàn thể cấp cho vé hạng nhất. Khi thấy Bác đi hạng ba, đồng chí cũng quyết đi hạng ba, mặc dù Bác khẩn khoản mời đồng chí cứ đi hạng nhất cho khỏe khoắn. Đồng chí Xan Catadama là một người thợ nhiều nghề, đấu tranh đã nhiều, lênh đênh không ít. Tính rất kiên quyết, đồng thời rất hiền lành.

Đến dự Hội nghị, có nhiều đại biểu các nước thuộc địa, và đại biểu mấy đảng cộng sản các nước đế quốc. Ở Hội nghị, Bác có gặp người chiến sĩ lão thành yêu nước là cụ Nêru - thân sinh của Thủ tướng Nêru.

Sau hội nghị ít lâu, Bác đi Thụy Sĩ, sang Ý để dần dần đi về Tổ quốc².

1. Xem Ecôbêlép: *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Tiến bộ và Nxb. Thanh niên, 1985.

2. T.Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, *Sđd*, tr.62-63.



VII

"**B**ác đáp tàu Nhật Bản đi sang Xiêm. Ở Xiêm, Bác giúp kiều bào chỉnh đốn thêm những đoàn thể yêu nước, và tổ chức thêm trường học dạy các trẻ em. Kiều bào Xiêm có thể chia làm ba hạng. (A) là những đồng bào nghèo - số đông từ hai tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị - sang Xiêm buôn bán kiếm ăn. (B) là cháu chắt những đồng bào theo đạo Thiên Chúa bị triều đình Minh Mạng và Tự Đức khủng bố, chạy trốn sang Xiêm. Những kiều bào này ở tập trung thành từng xóm từng làng. Họ vẫn nói tiếng Việt dù họ đã lấy quốc tịch Xiêm. (C) là những người đã tham gia phong trào Văn thân ngày trước và phong trào cách mạng ngày nay, bị thực dân Pháp khủng bố mà chạy sang đây. Khi đông người thì ở tập trung từng xóm, ít người thì ở xen lẫn với kiều bào cũ.

Nói chung, kiều bào đều đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, nhớ thương Tổ quốc và căm thù thực dân. Có những cán bộ rất tận tụy và được kiều bào rất tin cậy.

Bà con Xiêm đối với kiều bào ta cũng tử tế. Chuyện sau đây chứng tỏ cảm tình tốt của người Xiêm đối với kiều bào: Cụ Tú Hứa (em cụ Đặng Nguyên Cẩn) là một người cách mạng già rất gương mẫu. Một hôm thực dân Pháp phái chủ mật thám sang yêu cầu Chính phủ Xiêm bắt giùm cụ Tú cho chúng. Viên quan địa phương cho mời cụ Tú đến trụ sở và hơn mười cụ già Xiêm đều da đen, người



thấp, râu bạc giống hệt cụ Tú, rồi bảo tên mật thám Pháp: "Đấy ông xem ai là Tú Hứa thì ông bắt đi. Nhưng nếu ông bắt nhầm người công dân Xiêm, thì ông sẽ phải chịu phạm luật quốc tế!". Tên mật thám nhìn kỹ, thấy ông già nào cũng giống nhau, nó không nhận ra ai là cụ Tú. Kết quả là nó phải cụp đuôi chuồn không dám bắt ai.

Ở Xiêm khoảng một năm, Bác được tin Hội Việt Nam "Thanh niên Cách mạng đồng chí" chia rẽ thành ba phái và tổ chức ba đảng cộng sản khác nhau. Nóng ruột, Bác lại bí mật trở lại Trung Quốc và mời đại biểu ba phái tới Hương Cảng họp hội nghị. Đến dự có Bác và các đồng chí Hồ Tùng Mậu, Lê Tân Anh, Nguyễn Đức Cảnh...

Để giữ bí mật, hôm thì mấy anh em giả đánh "mạt chược" ở khách sạn, hôm thì đến sân vận động xem đá bóng. Sau mấy buổi bàn cãi sôi nổi, đến ngày 3 tháng 2 năm 1930 (vào dịp Tết âm lịch), ba phái đều đồng ý thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Mọi người đều vô cùng vui mừng, phấn khởi. Để chúc mừng Đảng ra đời, Bác đãi một bữa Tết Nguyên đán vừa tiết kiệm, vừa linh đình.

Bác nói: Từ năm 1918, Bác gửi cho Hội nghị Vécxây (Hội nghị hòa bình giữa các nước dự cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, họp ở Pháp) tám khoản yêu cầu của nhân dân Việt Nam, năm 1920 - vào Đảng Cộng sản Pháp, đến năm 1924 - dự Đại hội lần thứ năm của Quốc tế Cộng sản và năm 1930 - dự cuộc thành lập Đảng Cộng



sản Việt Nam, đó là những ngày sung sướng nhất trong đời Bác.

Từ đó, giai cấp công nhân Việt Nam có đảng tiên phong của mình, và ngay từ đầu Đảng đã nắm quyền lãnh đạo cách mạng. Tin mừng về việc thành lập một Đảng Cộng sản thống nhất làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta vô cùng phấn khởi, và từ đó vận động cách mạng ào ạt tiến lên từ Bắc đến Nam"¹.

Đồng bào ta ở Xiêm lúc bấy giờ có gần hai vạn người kể cả mới và cũ, trong đó có những người sang từ đời Gia Long, hoặc từ đời Minh Mạng, Tự Đức. Đa số là người lương nhưng cũng có một số theo đạo Gia tô. Nhưng lương hay giáo thì kiều bào ta ở Xiêm đều sẵn lòng yêu nước. Phần lớn tán thành hoặc ủng hộ phong trào Cần Vương hay phong trào Duy Tân, Đông Du. Sau khi các phong trào nói trên thất bại, một số người hoạt động của phong trào cũng thường sang tạm lánh ở Xiêm như ông Ngô Quảng, Thần Sơn, cả cụ Phan Bội Châu, Đặng Tử Kính và một số người khác nữa. Những nhà hoạt động chính trị này đều đeo đuổi một chủ trương là "chiêu binh mãi mã" để về đánh Pháp. Họ không có một đường lối chính trị, một quan điểm trường kỳ trong công cuộc cách mạng giải phóng Tổ quốc. Họ coi đất Xiêm chỉ là nơi tạm bợ, coi nhà kiều bào là nơi trú chân, nên không ai tuyên truyền tổ chức kiều bào cả. Chỉ từ khi có Hội Việt Nam

1. T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sđd, tr.69-73.



cách mạng thanh niên do đồng chí Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo thì mới có chủ trương tuyên truyền, tổ chức kiều bào để làm cơ sở nối liền phong trào cách mạng trong và ngoài nước.

Ngay từ năm 1925, một số đồng chí của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã được phái về Xiêm tổ chức Hội thân ái với mục đích là tập hợp kiều bào, làm cho họ đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, dựa trên cơ sở đó mà giáo dục lòng yêu nước. Một số thanh niên từ bên nước mới sang thì tổ chức lại thành Hội hợp tác làm ăn chung, trừ chi tiêu sinh hoạt mức tối thiểu hàng ngày của hội viên, còn bao nhiêu thì dùng vào công tác cách mạng. Hội này là nòng cốt của phong trào và là cơ sở phát triển hội viên của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Từ năm 1926 trở đi, Hội thân ái lần lượt được tổ chức ở những nơi có đông kiều bào như Udon, Sacôn, Nakhon, Phanom. Ở những nơi đó, Hội hợp tác cũng được thành lập. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên cũng đã tổ chức được ba chi bộ, do tổng Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Hồng Kông lãnh đạo.

Lúc bấy giờ ở Trung Quốc, tuy Tưởng Giới Thạch đã phản động nhưng Tổng hội ở Hồng Kông vẫn liên lạc được thường xuyên với các chi bộ ở Xiêm.

Nhưng đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở đâu thì người ta không được biết.

Mùa thu năm 1928, ở Bản Đông, thuộc Phichít (Trung bộ nước Xiêm) có ông Chín xuất hiện.



Những người chưa từng quen biết ông đoán với nhau, thì thảo, có người nói: *Có lẽ ông ở bên nước mới sang chăng?* Nhưng rồi họ tự hỏi: *Nhưng sao ông lại nói tình hình thế giới được rành mạch như thế?* Có người nói: *Hay là ông ở Tàu về?* Nhưng rồi họ cũng tự nhủ: *Không lẽ! Vì ông biết tình hình trong nước rất tường tận kia mà!*

Ở đây luôn luôn có người trong ra, ngoài vào. Ai đến cũng đều có báo cáo tình hình với Hội hợp tác, nhưng không ai biết được nhiều chuyện mà nói rất rõ ràng dễ hiểu như ông Chín cả. Mà lạ nhất là tại sao ông cũng hiểu rõ cả tình hình kiều bào ở Xiêm.

Ở Phichít, kiều bào có ít, tổ chức tương đối tốt nhưng lại gần tai mắt của bọn mật thám, nên ông Chín chỉ ở lại có mười ngày rồi đi Udon. Từ Phichít đến Udon phải đi bộ theo đường rừng mất khoảng mười ngày. Mỗi người đi đường phải gánh theo hai thùng có nắp để đựng những quần áo, đồ dùng lặt vặt và mang một con dao, một ống cheo (thịt gà hoặc sườn lợn băm nhỏ rang muối mặn) và 10kg gạo. Lúc ấy là mùa thu, cây rừng trụi lá, trên thì trời nắng, dưới chân thì đất cát lầy lội hun nóng.

Thấy ông Chín xưa nay chưa quen gánh mà cũng chưa quen đi bộ, anh em không để ông gánh. Nhưng ông không chịu. Đôi thùng đưa đi đưa lại, chân nam đá chân chiêu. Thế mà ông Chín vẫn cố gắng. Mấy ngày sau, trong lúc ngồi nghỉ anh em thấy hai bàn chân của ông Chín đã rướm máu. Hỏi ông, mới biết ra là ngay từ đầu, chân ông đã phồng và đỏ như vậy, nhưng không ai biết, vì ông cứ thản



nhiên làm như không có việc gì xảy ra. Ông cười và nói *"Thiên hạ vô nan sự, nhân tâm tự bất kiên! Cứ để thế, đi một vài hôm nó sẽ thành "dạn" đừng ngại..."*. Quả nhiên, từ ngày thứ tư trở đi, ông Chín đã theo kịp mọi người. Mấy tháng sau gặp lại ông, tôi hỏi: *"Bây giờ thì ông đi bộ giỏi lắm?"*. Ông Chín nói: *"Hừ! Bây giờ thì mình "long hành hổ bộ" rồi"*. Thật vậy, người ta kể lại rằng từ Udon đến Xavang dài 71 km, thế mà ông chỉ đi trong một ngày!

Udon thuộc đông bắc nước Xiêm, có thể nói là trung tâm của cuộc vận động Việt kiều ở Xiêm. Ngoài Udon thì ở Noongkhai, Sacôn, Nakhon, Thạt Phanôm, Mục Dahan, đều có đông kiều bào. Ông Chín quyết định đi Udon trước. Hồi ấy, chi bộ ở Udon là chi bộ thứ hai của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Ở đó, cũng có tổ chức Hội thân ái và Hội hợp tác.

Với chủ trương của Tổng hội là đoàn kết kiều bào trường kỳ cách mạng, anh em thanh niên ở trong nước mới ra đã thực hành việc đó có kết quả khá. Nhưng dù sao tư tưởng ấy vẫn chưa được thấm nhuần nên việc tổ chức kiều bào còn mắc bệnh hẹp hòi: Ở đất nước người ta lâu mà tiếng Xiêm, chữ Xiêm không học, vì anh em cho rằng không bao lâu nữa, không đi nước ngoài thì cũng về nước để tuyên truyền vận động, chứ chẳng ăn đời ở kiếp gì đây. Mặc khác, trước tình hình có nhiều khó khăn, phong trào trong nước bị khủng bố dữ dội, anh em thấy tiền đồ cách mạng còn đen tối. Trong cuộc hội nghị đầu tiên khi tới Udon, ông Chín báo cáo trước chi bộ, nói rõ



tình hình và triển vọng cách mạng thế giới, tính trường kỳ gian khổ của cách mạng Việt Nam và đề ra chủ trương: Mở rộng tổ chức, củng cố cơ sở cần thiết, tuyên truyền giáo dục kiều bào tôn trọng phong tục tập quán và giữ pháp luật của người Xiêm làm cho quần chúng Xiêm có cảm tình với cách mạng Việt Nam.

Ông Chín chủ trương đổi báo *Đồng thanh* (một tờ báo của Hội thân ái xuất bản từ năm 1927) ra báo *Thân ái*. Nội dung tờ báo phải rõ ràng, văn chương phải ngắn gọn và dễ hiểu. Báo phát hành càng rộng càng tốt. Hội hợp tác trước kia chỉ nhận anh em thanh niên trong nước mới ra, nay chủ trương nhận cả kiều bào nào vì lòng yêu nước tình nguyện gia nhập. Ông lại chủ trương xin phép Chính phủ Xiêm lập trường học cho trẻ em Việt kiều, khuyến khích mọi người học tiếng Xiêm, mở rộng việc vận động học chữ quốc ngữ. Ông Chín quyết định ở lại đây một thời gian. Lúc này, không ai bảo ai, người ta quen gọi ông là "Thầu Chín" (thầu tiếng Lào để gọi người nhiều tuổi và biểu thị sự tôn kính).

Việc đầu tiên là Thầu Chín đặt chương trình hàng ngày của mình: buổi sáng lao động mấy giờ, học tiếng Xiêm mấy chục chữ, dịch mấy trang sách; buổi tối huấn luyện chính trị hoặc nói chuyện với mọi người... Thầu Chín đã làm đúng chương trình ấy. Khi mới đến, Thầu Chín cùng mọi người đào giếng và đào gốc cây (lúc này Hội hợp tác đang vỡ đất hoang làm vườn). Gần một tháng, sau khi được phép của Chính phủ Xiêm, kiều bào xây dựng nhà trường, Thầu Chín cũng tham gia gánh



gạch. Vì chưa quen gánh nặng nên buổi đầu, ông đặt chương trình gánh mỗi bên mười viên, sau tăng dần lên mười lăm viên và mỗi sáng gánh hai mươi gánh. Cứ mỗi lần gánh đến chỗ xếp gạch, ông lại lấy phấn đánh dấu, theo thứ tự nét chữ "chín". Đủ năm gánh thành một chữ, ông lại bắt đầu viết chữ thứ hai, cốt để khỏi nhớ nhầm. Khi đủ bốn chữ "chín" là ông nghỉ. Ông không bao giờ gánh hơn mà cũng không gánh kém. Xong ông đi tắm, rồi làm việc khác theo chương trình.

Nhà trường của Việt kiều ở Udon là nhà trường được Chính phủ Xiêm cho phép xây dựng đầu tiên, do Chính phủ bổ nhiệm thầy dạy. Sau đó, các nhà trường của Việt kiều ở Sacôn, Nokhon được lần lượt xây dựng tương đối hơn. Buổi sáng, trẻ em Việt kiều học chữ Xiêm theo chương trình của nhà nước Xiêm, buổi chiều học chữ quốc ngữ. Thầy dạy chữ quốc ngữ là Việt kiều và do Hội hợp tác nuôi. Ban đêm kiều bào đến đọc báo, vui chơi ở câu lạc bộ, thỉnh thoảng nghe nói chuyện tình hình trong nước và thế giới. Các trường này dạy được từ năm, bảy năm và đã có ảnh hưởng lớn trong kiều bào. Con cái người Xiêm ở gần cũng đến học ngày càng đông.

Thầu Chín cổ động mọi người trong cơ quan hợp tác cùng học chữ Xiêm. Số người cùng học được mười người. Khi đặt chương trình, Thầu Chín đề ra trong thời gian đầu mỗi ngày học mười chữ, về sau tăng dần lên, nhưng mọi người chê ít, đòi học nhiều hơn. Thầu Chín chủ trương học mười chữ thôi. Mọi người cho rằng nhất định mình học



được. Chưa đầy ba tháng, Thầu Chín đã xem được báo chữ Xiêm, còn những người khác thì chỉ hăng hái vò vập lúc đầu, về sau dần dần "bữa đực, bữa cái". Kết quả chữ lại theo thầy!

Thầu Chín đã xem sách và dịch sách như thế nào? Trước khi đọc hay dịch một cuốn sách (hồi ấy Thầu Chín dịch quyển *Nhân loại tiến hóa sử* và cuốn *Cộng sản A, B, C*), ông đếm số chương và số trang rồi đặt chương trình mỗi ngày dịch hay đọc mấy tờ. Ông không bao giờ chịu sai chương trình. Nếu gặp việc đột xuất, như có khiếu nại đến nói chuyện chẳng hạn, thì trong ngày ấy Thầu Chín cũng kiếm giờ khác để bù vào chứ không chịu để vỡ kế hoạch.

Từ khi có Thầu Chín đến, nhà của anh em hợp tác, trừ những ngày có sinh hoạt nội bộ không kể, còn thì đêm nào cũng chật ních người. Họ rất thích Thầu Chín nói chuyện, vì Thầu Chín nói chuyện rất hấp dẫn, rất thiết thực, từ câu chuyện làm ăn đến câu chuyện cứu nước, từ những câu nói bình thường đưa đến chuyện chính trị. Người ta thấy ở ông có cái gì đáng tôn kính nhưng đồng thời dễ thân mật. Người ta thường đem chuyện gia đình, chuyện làm ăn ra bàn bạc, hỏi ý kiến Thầu Chín. Ông khuyên khiếu nại phải siêng năng, chăm chỉ, thật thà, yêu Tổ quốc, giữ pháp luật và tôn trọng phong tục tập quán của người Xiêm. Thầu Chín đã thường nhắc đến mối cảm tình giữa hai dân tộc Xiêm - Việt. Ông thường nói "Việt Nam là thuộc địa, Xiêm là nửa thuộc địa. Việt Nam bị Pháp áp bức, Xiêm cũng bị Pháp bắt ký nhiều điều ước bất bình đẳng. Mình ghét Pháp, người Xiêm cũng chẳng ưa gì Pháp. Xiêm và Việt Nam



lại là lán giềng. Nhất định người Xiêm có cảm tình với phong trào chống Pháp của Việt Nam".

Sinh hoạt của anh em hợp tác lúc ấy rất gian khổ. Không phải vì họ kiếm không ra tiền. Tuy số đông anh em khi ở trong nước là tiểu tư sản, trí thức nhưng chưa quen lao động. Trong những thời gian ở Xiêm, anh em đã lao động làm được rất nhiều nghề. Thợ cưa, thợ mộc, thợ nề, v.v. thứ gì cũng làm được cả. Hơn nữa ở Xiêm, nghề thủ công chưa phát đạt nên anh em cũng dễ kiếm việc và làm cũng ra tiền. Nhưng anh em đều thấy phải cần kiệm vì còn phải nuôi con em kiêu bào và thiếu niên trong nước mới ra, cho học tập (trong số thiếu niên này có nhiều người sau là những cán bộ cốt cán), nào phải gây dựng cơ sở như làm trường chẳng hạn, và còn phải dự trữ để phòng khi có đồng chí trong ra, ngoài vào, v.v.. Cho nên có khi hàng tháng anh em chỉ ăn rau sam hay rau lang chấm muối, hoặc chỉ ăn muối không. Mua một vài kilôgam Pađéc (cà muối) cũng phải đợi khai hội biểu quyết. Thầu Chín cũng sống với anh em như vậy. Nhiều kiêu bào gần đó thấy Thầu Chín hay hút thuốc lá nên mỗi khi đi chợ về họ không quên mua một vài gói thuốc "Con chim xanh" hay "Con voi vàng" gửi cho Thầu Chín. Sau đó một thời gian không lâu, một số kiêu bào cũng xin vào Hội hợp tác, và mấy người Xiêm là vợ của kiêu bào ở gần cũng biết đọc báo *Thân ái*, đã tham gia các cuộc khai hội của hội thân ái, vì họ thấy hội này săn sóc cả công việc gia đình, làm ăn của họ nữa. Thầu Chín cũng



thường cùng với số thanh niên gánh khoai đi các bang đổi lấy lúa.

Ở Udon ít lâu, Thầu Chín ra Sacôn. Ở đây kiều bào đông hơn và cũng có trường học cho trẻ con, có hội hợp tác của thanh niên. Nhưng ở đây kiều bào còn chậm tiến và mê tín. Phần lớn kiều bào theo đạo Thiên Chúa ở làng Thàbẹ. Những người ở các làng xung quanh thị xã Sacôn theo đạo Phật. Những người ở thị trấn phần lớn thờ "Đức thánh Trần"...

Thầu Chín đến Sacôn cũng sinh hoạt và công tác như ở Udon. Ngoài việc dịch sách, huấn luyện cho anh em thanh niên, Thầu Chín thường bày cho kiều bào tổ chức diễn kịch, thường là kịch lịch sử Việt Nam mất nước. Ông cũng đóng một vài vai và được người xem rất thích, nhiều khi Thầu Chín ứng khẩu đặt câu hát ngay tại chỗ.

Ở đây, Thầu Chín chú ý việc giáo dục cho cán bộ về công tác quần chúng ở Phichít và Udon. Ông còn chủ trương cho hợp tác lập tủ thuốc, chọn người biết thuốc trong anh em hợp tác làm thầy lang để xem bệnh cho kiều bào. Thấy kiều bào hay lễ Đức thánh Trần, Thầu Chín viết ra "Bài ca Trần Hưng Đạo":

*"... Diên Hồng thề trước thánh minh
Lòng dân đã quyết hy sinh rành rành
Nếu ai muốn đến giành đất Việt
Đưa dân ta ra giết sạch tron
Một người Việt hãy đương còn
Thì non sông Việt vẫn non sông nhà"...*



Bài ca Trần Hưng Đạo được truyền bá một cách mau chóng và thần diệu. Chỉ sau một thời gian không lâu, Đức thánh Trần đã trở lại là người anh hùng cứu quốc. Những "đệ tử" của ngài cũng dần dần giác ngộ, làm hội viên của Hội thân ái. Có ông Nho San vốn làm nghề lên đồng cũng bỏ nghề, đi làm thợ gạch và sau cũng xin vào hợp tác.

Trong thời gian Thầu Chín ở Sacôn, cán bộ được giáo dục rất nhiều về công tác quần chúng. Xin lấy những lời của đồng chí Tài Ngôn thuật lại sau đây làm ví dụ. Đồng chí Tài kể:

"Mùa nắng năm 1928, Bác Chín vào Sacôn, chỗ tôi hoạt động. Cùng đi với Bác có đồng chí Tý, tức Đặng Canh Tần.

Được ít ngày, Bác Chín bảo tôi và một thanh niên có tên là Tô (tức Long) đi xuống Mục Đahan, một huyện thuộc tỉnh Nakhon, đối diện với tỉnh Savannakhet của nước Lào. Bác giao cho tôi cùng anh Tôn xuống đó điều tra rồi tuyên truyền tổ chức quần chúng vào hội thân ái. Tôi đi một tháng rồi về.

Tối hôm ấy, Bác gọi tôi lên báo cáo tình hình ra sao. Tôi nói:

- Tình hình có gì đâu mà báo cáo. Tôi đến nhà kiều bào ở bến đò Mục Đahan. Chỗ ấy có độ ba mươi gia đình, có một cái đền thờ ông Trần Hưng Đạo nữa. Kiều bào sinh sống bằng đủ mọi nghề: đưa đò ngang, làm hàng xáo, làm thịt lợn bán. Một số làm thợ mộc, một số làm thợ nề. Cũng có một số thanh niên chừng vài mươi người,



một số thiếu nữ độ năm bảy người. Phần đông nghèo khổ chỉ có hai nhà sống hơi đầy đủ một chút.

Tôi ngừng một lúc rồi lắc đầu chán nản nói tiếp:

- Nói đến cách mạng ở đó thì khó khăn lắm. Ngoài chợ, phụ nữ nổi tiếng là chửi nhau giỏi, ngày nào cũng tranh giành mua bán, đánh nhau. Đàn ông đi làm về, chiều chiều người nào cũng uống rượu say túy lúy. Bỏ bát đĩa xuống là mò đi tập hợp đánh bài, đánh ít xì, sát phạt nhau canh đỏ, canh đen. Rượu chán, bạc chán còn lên đồng ở đền Trần Hưng Đạo nữa. Thanh niên cũng thế, cũng cầu cúng, đánh bạc, rồi trai gái. Họ như thế, làm sao mà tuyên truyền, vận động cách mạng được!

Tôi vừa dứt lời, Bác Chín nói ngay:

- À thế được rồi. Thôi về nghỉ đi, mai hãy hay.
- Tình hình như thế thì được cái gì? Tôi hỏi lại Bác.

Bác Chín cười:

- Được lắm chứ, được cái anh nói đó.

Trước khi ra về, tôi xin Bác Chín:

- Mai, tôi muốn được một công tác gì khác.
- Ừ, mai sẽ bàn.

Tôi ra về và hy vọng một sự thay đổi công tác. Nhưng ngày hôm sau và hôm sau nữa tôi cũng chẳng thấy Bác Chín nói gì.

Hai ngày sau tôi hỏi:

- Thế bây giờ tôi làm công tác gì?
- Ừ, được rồi - Bác Chín nói - có phải anh bảo cái chỗ ấy nó tồi lắm phải không? Nó đánh bạc, nó uống rượu, nó



tranh giành nhau mua bán, nó chửi nhau phải không? Cũng chưa xấu lắm! Nó có thể xấu hơn nữa, có thể có mặt thám nữa kia.

Bác Chín nhìn tôi, rồi chậm rãi tiếp luôn:

- Mà anh còn quên....

- Quên chỗ nào? - Tôi hỏi.

- Quên chỗ này này. Sách cách mạng bảo đi vận động quần chúng, tuyên truyền giáo dục quần chúng chứ gì! Nhưng nếu quần chúng tốt cả rồi, biết thương yêu đoàn kết với nhau rồi, biết học tập tiến bộ rồi, biết yêu nước rồi, thì ta còn tuyên truyền vận động giáo dục cái gì nữa? Có đến thì đến một lúc thôi chứ! Nếu quần chúng đều khá như tôi với anh cả thì cần gì phải đến.

Im lặng một chút, rồi Bác lại nói tiếp:

- Còn một cái quên nữa: quên người ta là đồng bào Việt Nam, đồng bào Việt Nam nghèo khổ mà lại mất nước nữa, phải không anh?

Tôi không có chỗ cãi, ngồi im, gật đầu:

- Vâng!

- Thế thì anh lại đến chỗ cũ mà làm việc. Bận trước chưa có kế hoạch cụ thể. Bây giờ phải làm cho được. Anh chọn một cái nhà xấu nhất, hư nhất mà đến ở. Hãy làm cái nhà đó đã. Nếu nhà ấy thích anh, thế là được rồi.

Vài phút trước khi tôi ra đi, Bác Chín đưa cho tôi một cái gói con, quần giấy tử tế, lại buộc dây cẩn thận nữa. Bác bảo: "Tôi trao cho anh một cái cầm nang". Rồi Bác lại dặn thêm: "Mà đừng có xem dọc đường đấy".



Phải là một tài liệu bí mật, quý giá gì đây, tôi nghĩ trong bụng như thế. Tôi ra đi, cất giấy má cẩn thận. Đến nơi, tôi giở ra xem. Chán quá! Té ra là một quyển ca *Trần Hưng Đạo*.

Tôi đến Mục Đahan. Theo lời Bác Chín bảo, tôi lân la kiếm một gia đình hư nhất. Tôi đến chơi, rồi xin thêm một căn nhà ở chung, mỗi tháng trả một đồng.

Nhà này, người chồng cứ sáng sáng làm chung thịt heo đi bán ở chợ. Chiều về, rượu xong, lại mò đi đánh kiệu, trăm ngày như một, chẳng chiều nào có mặt ở nhà. Thua hết tiền, nhà túng bán, phải chị vợ cũng chua ngoa quá, hề thấy mặt chồng là chửi bới. Càng chửi anh chàng càng khó chịu càng trốn tránh đi già, ai chửi người ấy nghe. Không có ngày nào vợ chồng nhà ấy không hục hặc với nhau.

Nhà có ông bố chồng nghiện rượu. Nói là ông cụ ở nhà trông nhà và mấy cháu nhỏ, nhưng nhà cửa thì bán thui, mấy đứa nhỏ bị muỗi rệp đốt, ngứa ngáy, khóc mếu luôn mồm. Con khóc, mẹ chửi, và... chửi luôn cả bố chồng. Nhiều lần, tôi tìm lời khuyên giải, nhưng không hiệu quả.

Một bữa, tôi mua hai xu rượu về biếu ông cụ. Uống say, cụ ngủ. Tôi đưa mấy đứa nhỏ ra tắm. Tắm mát, đỡ ngứa ngáy, chúng nó cũng ngủ. Tôi dọn dẹp nhà cửa lại cho gọn, lấy tất cả quần áo ra giặt.

Người vợ về, thấy nhà cửa sạch sẽ, bố ngủ, con ngủ ngon lành, lấy làm vui lòng.



- Chà! Hôm nay nhà cửa sạch sẽ thế này?

- Ấy, cụ dọn dẹp tắm rửa cho các cháu xong, rồi ông cháu đưa nhau đi ngủ đấy.

- Nhờ anh Khóa nói sao mà hôm nay bố tôi tốt thế này?

Chị bắt đầu quý bố chồng. Hôm sau, chị mua hai xu rượu về mời bố. Ông bố gặp tôi thắc mắc tại sao con dâu bỗng dưng lại có thái độ thay đổi như vậy. Tôi bảo: "Ấy hôm qua, tôi dọn dẹp nhà cửa, tắm rửa cho các cháu. Thấy chị ấy vui lòng, tôi bảo là cụ làm đấy. Bận này tôi làm, về sau cụ giúp tôi cùng làm nhé".

Rồi cứ thế, lúc đầu cụ giúp tôi làm. Về sau cụ làm, tôi giúp. Cụ trở nên chăm chỉ. Cửa nhà gọn ghẽ, trẻ con ăn chơi vui vẻ. Bố chồng, con dâu không điều tiếng gì nữa.

Còn anh chồng hay cờ bạc. Tôi khuyên anh học quốc ngữ. Anh đồng ý. Tôi mang sách dạy anh học vào những giờ thường ngày hay đi đánh kiệu. Anh học tối dạ lắm nhưng miễn là không đi đánh kiệu, ngồi nhà học là quý rồi.

Chị vợ thấy anh chồng không đi chơi bời nữa mà ở nhà học hành, bắt đầu thương chồng lại quý chồng. Vợ chồng hòa thuận, êm ấm như xưa.

Rồi cả đến người vợ, thấy chồng học, cũng đòi tôi dạy cho chị ta học.

Cả xóm ngạc nhiên về sự thay đổi lớn lao trong cái gia đình trước kia nổi tiếng lục đục nhất trong xóm. Từ đó họ quý tôi, tìm đến đi lại chơi bời với tôi, nhất là anh em



thanh niên. Tôi thường ra đền Trần Hưng Đạo xem anh em đọc kinh, cầu cúng. Một hôm tôi bảo: "Ở đây, anh em còn đọc kinh cũ, ở Sacôn họ có một quyển kinh mới, hay lắm. Tôi có mang về một quyển đấy".

Tôi mang "kinh" ra đền cùng anh em đọc. Dần dần tôi thân với tất cả mọi người trong xóm, lấy báo *Thân ái* về đọc cho mọi người nghe.

Gần hai tháng sau, Bác Chín và anh Thuyên về Mục Đahan. Bác tìm tôi, hỏi:

- Bây giờ nó thế nào, liệu chừng rồi ra sao?
- Khá hơn trước rồi - Tôi trả lời Bác.
- Thế à! Có lúc nào ra đền đọc kinh không?

Tôi cười:

- Ngày nào cũng đọc.
- Thế bây giờ có gửi báo đến được không? Thanh niên có ai dám nhận báo không?
- Được ạ. Họ yêu cầu.

Nói xong, tôi đưa hai địa điểm. Bác Chín cười, vui vẻ:

- Được rồi, thế thì hơn mình đấy, mình mới có một thôi.

Ở Sacôn ít lâu, Tàu Chín lại cùng một vài anh em, với ít số báo *Thân ái* trong mình đi khắp các nơi có Việt kiều ở rải rác trên dọc hữu ngạn sông Cửu Long, từ Mục Đahan đến Noọng khai. Khoảng tháng 6 năm 1929, Tàu Chín rời xứ Đông Bắc Xiêm vào Băng Cốc, ông đi thăm một số nhà cách mạng cũ ở rải rác nhiều nơi.



Thầu Chín đi chuyến này đến khoảng tháng 3 năm 1930 mới trở lại đất Xiêm. Nhưng lần này, ông không gặp kiều bào. Ông chỉ ra Đông Bắc ở ít ngày, báo tin cho một số anh em biết các nhóm cộng sản ở Việt Nam đã thống nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 3 tháng 2 ở Hương Cảng và cho biết Chính cương vắn tắt của Đảng. Có người hỏi: "Chủ trương của Đảng ta đối với Việt Nam Quốc dân đảng thế nào?". Ông nói: "Sau khi thành lập Đảng, thì đảng phái người liên lạc với họ để lập mặt trận phản đế, khuyến họ đứng mạnh động, nhưng chưa liên lạc kịp, thì tháng 2 họ đã bạo động thất bại".

Thế rồi Thầu Chín lại đi...¹.

*

* *

"Người Xiêm mộ đạo Phật rất hiền lành. Đến tuổi nào đó, con trai phải đi tu ở chùa mấy tháng. Vì vậy trong nước có hàng ngàn nhà sư. Sư rất được nhân dân kính trọng. Và được nhân dân nuôi. Mỗi ngày họ chỉ ăn một bữa, vào mười một giờ sáng. Chị em mang cơm đến chùa. Sư cứ việc ăn không cảm ơn ai. Họ chỉ cảm ơn Phật tổ. Khi sư ăn xong, cơm rau còn lại khách qua đường có thể ăn,

1. Xem Lê Mạnh Trinh: "Những ngày ở Quảng Châu và ở Xiêm", trong *Bác Hồ*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1960.



cũng không phải cảm ơn ai. Những người đưa com đến rất sung sướng được dịp bố thí. Họ tin rằng bố thí càng nhiều thì càng được nhiều phúc đức.

Nhờ thế mà ông Nguyễn (tức là người cán bộ thường giảng dạy sách báo) và những người bạn của ông có thể đi đường không tốn tiền com.

Nếu không gặp những người khách đói, người đưa com đem một phần com thừa cho chim ăn. Vì họ sợ mang hết về thì xúi quẩy.

Ngoài việc cuốc đất, đi buôn, ông Nguyễn còn làm công việc tuyên truyền và tổ chức. "Hội ái hữu Việt Nam" thành lập, một tờ tuần báo *Thân ái* được xuất bản. Trước kia ở Trung Quốc, ông Nguyễn từ phương Bắc tuyên truyền về nước. Bây giờ ở Xiêm, ông tuyên truyền về nước từ phương Tây.

Những hoạt động của ông, dù hết sức cẩn thận, vẫn không thể hoàn toàn giữ bí mật. Ở đâu có Việt kiều là tổ chức trường học cho trẻ em. Ở đâu có trường học, là nơi đó cha mẹ tụ họp để nghe đọc báo và bàn công việc. Nạn cò bạc, cãi nhau bắt hẵn. Người lớn giúp đỡ nhau công việc. Trẻ em không ngỗ nghịch nữa. Nạn mù chữ dần dần thanh toán hết. Nói tóm lại có một sự thay đổi trong Việt kiều ở Xiêm.

Trước tiên, người Pháp nghi ngờ, và về sau chúng đoán là ông Nguyễn ở đâu trong vùng này nhưng không biết đích xác ở đâu. Chúng cho mật thám đi tìm. Nhưng



trong bọn mật thám, có một người khá. Người này tin cho ông Nguyễn biết, ông bày cho anh ta cách khai báo để làm cho bọn Pháp tin.

Gặp khi nguy hiểm quá, bị theo dõi riết, ông Nguyễn đã lánh vào ngôi chùa, tạm cắt tóc đi tu để tiếp tục hoạt động.

Ở đây có một chuyện đáng kể lại: Trên bờ sông Cửu Long về phía Xiêm có một số khá đông Việt kiều. Người Pháp rất chú ý đến họ. Chúng đặt rất nhiều mật thám để kiểm soát họ. Khi dò được những người Việt Nam yêu nước, chúng báo cảnh sát Xiêm đi với chúng để bắt những người cách mạng.

Người Xiêm rất tốt với người Việt Nam nhưng không muốn có sự phiền phức ngoại giao cho nên họ miễn cưỡng đối với Pháp. Song những vụ bắt bớ này ít có kết quả, nhờ sự giúp đỡ của nhân dân Xiêm. Một hôm một người cán bộ bị mật thám đuổi, chạy vào một nhà Việt kiều. Nhà đi vắng, chỉ còn một em bé chín tuổi. Đồng chí ấy vừa vào, thì bọn mật thám ập tới. Em bé lấy một cái nón cũ đội lên đầu và đưa một dây thừng buộc trâu cho người cán bộ. Và rất thản nhiên, em bé trách: "Đã trưa rồi mà chú không đi tìm trâu, mẹ mắng chết".

Người cách mạng đội nón, cầm dây thừng, khoác áo toi, yên lặng ra khỏi nhà qua trước mặt bọn mật thám đang sục sạo.

Sau việc này, người ta hỏi em bé:

- Em có biết người cán bộ ấy không?

- Không, em không biết, nhưng người ấy giống một chú thính thoảng đến nhà em và dạy em hát.



- Tại sao em lại bảo chú ấy đi tìm trâu?

- Em cũng không biết tại sao, nhưng em sợ nếu chú ấy ở trong bếp, sẽ bị mật thám bắt mất.

Một điều cần nhắc lại là kiều bào ta ở Xiêm luôn luôn đoàn kết với nhân dân Xiêm và tôn trọng pháp luật của nước Xiêm, cho nên được người Xiêm yêu mến"¹.

*

* *

Mùa thu 1928 tôi được gặp Bác.

Tôi nhớ lại hôm đó tôi đang làm cỏ ngoài đồng cùng với ông Võ Tòng thì bà Quỳnh Anh (em ông Đặng Thúc Hứa) gọi chồng - tức là ông Võ Tòng riêng ra. Bà cho biết là vừa rồi đi chợ có gặp một người thanh niên dong dỏng cao, mặc âu phục, trắng trẻo, hỏi thăm ông Lữ Thế Hanh. Lữ Thế Hanh là bí danh của ông Võ Tòng hồi đó. Thời kỳ này đang mùa lụt lội, anh em chèo thuyền đi đón, nhưng người này muốn gặp riêng Lữ Thế Hanh, ông Võ Tòng vội vàng đi gặp người thanh niên ấy. Hôm đó vì được mời nên chúng tôi đều bỏ buổi làm về nhà cách nơi làm ruộng chừng sáu, bảy cây số để họp. Cần nói rõ thêm là, đã đi làm là thường chúng tôi ở lại đó cho đến khi xong việc mới về (chẳng hạn xong việc cày cấy, xong việc làm cỏ hoặc xong đợt gặt). Tối hôm đó, ông Lữ Thế Hanh tập

1. Xem Trần Dân Tiên: "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch", *Sđd*, tr.96-97.



họp anh em đông đủ đến dự họp "Hội giảng diễn". Mọi người đều có mặt. Người thanh niên mà vợ chồng bà Quỳnh Anh gặp đến nói chuyện. Thật là lạ tai khi tôi được nghe những tiếng "đồng chí" và tiếng đó luôn được nhắc đến. Thú thật lần này là lần đầu tôi mới được nghe thấy những tiếng như thế.

Người thanh niên tự giới thiệu tên là ông Thọ, biệt hiệu là Nam Sơn. Ông Thọ hỏi thăm sức khỏe, tình hình gia đình, việc làm ăn của từng người.

- Giống cậu Khiêm¹ quá các anh ạ - có tiếng xì xào.

- Hay là "cậu" Nguyễn Ái Quốc? - một người khác thắc mắc hỏi.

Anh em bán tín bán nghi nhưng không một ai dám hỏi. Có người biết ông Thọ là ai - vì người cháu của Bác lúc này cũng có mặt tại buổi họp - nhưng anh không hề nói ra.

Từ hôm đó, cứ sau buổi đi làm về, tối đến anh em đến họp để nghe nói chuyện. Trong hai tuần ở đây, tối nào ông Thọ cũng nói chuyện. Ông nói đến tình hình thế giới, tình hình nước nhà. Ngoài ra ông sử dụng các bài báo rút trong các báo Anh, Pháp, Trung Quốc mà đem ra đọc và phân tích, giảng giải. Giọng ông Thọ ấm áp, thoát mới nói nhỏ nhẹ, thấp, nhưng cuối cùng do hăng say, bị lôi cuốn, giọng cao mãi lên, dồn dập và hùng hồn. Vì ở đây hầu hết các gia đình đều là gia đình cách mạng đi lánh nạn nên

1. Tức Nguyễn Sinh Khiêm, anh ruột của Hồ Chủ tịch.



chúng tôi quanh quẩn đùm bọc bên nhau, sống tập thể ăn chung, làm chung, tiền tiêu cũng là tiền tiêu chung, thừa tiền chúng tôi còn gửi về nước giúp cách mạng. Vì vậy gặp được người như ông Thọ chỉ dẫn, chúng tôi rất phấn khởi, chăm chú nghe lời ông Thọ chỉ bảo. Đợt đến "thăm" này kéo dài hai tuần, nhưng ông Thọ đều đã đi khắp lượt các nhà, hỏi han và giúp đỡ. Ông được coi ngay như người ở đây vì ông rất giản dị thân tình. Ông đã biết hòa mình vào anh em và muốn như vậy, ông đã trút bỏ ngay cánh âu phục như thói quen của chúng tôi ở đây, đi chân đất. Có điều thói quen đi giày do bao năm bôn ba nước ngoài, bỏ giày ra đi đất không phải là điều không trở ngại, chân da non giẫm lên sỏi đá tất nhiên là rất nhức nhối. Ông đã tập bỏ thói quen đi giày và làm quen với tập quán mới: đi đất.

Ông Thọ đã tham gia vào tất cả các cuộc làm lụng của anh em, gánh nước, gặt hái, đi lấy củi. Không như nhiều người đã không làm được việc gì...

Năm 1928 cho đến hết năm 1929, ông Thọ tức là Bác kéo ông Võ Tòng và ông Đặng Canh Tân (con ông Đặng Thái Thân) đi khắp nước Xiêm. Cứ hết một tháng lại quay về rồi mới lại đi. Thời kỳ này là thời kỳ chuẩn bị cho việc thống nhất Đảng. Cuối năm 1928, vì tôi được điều ra Udon lại được gặp Bác ở đây. Ăn tết ta ở Udon xong, tôi lại được điều đi huyện Sacôn, lần này nữa lại được gặp Bác. Sang năm 1929, tôi ở với Bác vừa đúng gần một năm



tròn. Tôi phụ trách hiệu thuốc Bắc. Bác cũng ở với tôi ở hiệu thuốc liền từ tháng Giêng đến tháng 6 năm 1929. Sở dĩ tôi nhớ tháng vì hàng năm có ngày kỷ niệm Phạm Hồng Thái (19 tháng 6) ném bom ở Sa Diện. Lúc đầu tôi ở phố, sau hiệu thuốc của tôi dọn về cùng với anh em trong làng. Ở đây có mở các trường lớp để dạy dỗ các em do đồng bào ta tổ chức ra. Tôi nhớ rõ là trong số giáo viên đầu tiên ở trường có anh Khoa, anh Nguyễn là giáo viên trường tiểu học của Pháp.

Người ta hơn người đâu phải vì có đầu óc siêu phàm, chẳng qua người đó biết hướng mình đi đúng con đường mà mình đã vạch, chỉ cần có sự kiên trì và nỗ lực.

Tôi đã biết sự nỗ lực của Bác trong việc gánh nước, gặt hái, bỏ giày đi chân đất, tập đi ngựa, tập đi xe đạp. Hồi này ở bên Bác, tôi càng hiểu rõ Bác hơn nữa. Trong lao động, tập luyện có anh em chỉ làm được việc này mà không làm được việc khác, nhưng Bác thì không thế. Ai đã làm được việc gì, Bác đều làm được cả. Thấy việc gì mình cần làm mà chưa làm được, Bác rèn mình làm cho bằng được mới yên. Không chỉ mình tập luyện, Bác còn rèn cho mọi người chung quanh biết luyện cho mình cái thói quen ấy. Vì vậy được ở chung với Bác tôi đã cố noi theo tác phong tốt đẹp của Bác. Cho đến ngày nay, tuy tôi mới học tập được một phần tác phong của Bác để lại, nhưng cũng đã giúp tôi hoạt động sau này. Giờ đây mỗi khi tôi làm được một việc gì kết quả, tôi liền sực nghĩ đến



những cử chỉ của Bác. Xưa kia, những cử chỉ ấy đã gieo vào trong tôi một ấn tượng sâu sắc, đến nỗi nhiều lúc như thấy Bác đâu đây bên cạnh mình, tưởng như chuyện của hôm qua, hôm kia chứ không phải là chuyện của cách đây bốn mươi năm rồi. Thật vậy, ở Bác có một sức quyến rũ. Đã gặp Bác rồi, dù một lần hay đã quen lâu, khó mà ai có thể muốn rời Bác nữa. Sức ấy chẳng có gì khác ngoài lòng thương người, yêu nhân dân, vì nhân dân và luôn luôn mong muốn mọi người vươn lên. Những đức tính cao cả ấy chỉ có thể có ở một lãnh tụ như Bác - "mình vì mọi người..." nhưng chưa hề mảy may trông đợi "mọi người vì mình...". Ý thức ấy cũng là những đức tính cao cả ấy của Bác trọn vẹn trước sau như một, ngay từ lúc tôi được gặp Bác ở Thái Lan là lúc Bác còn thanh niên và cho đến cuối đời, tôi thấy Bác vẫn giữ nguyên vẹn như vậy.

Tôi còn nhớ một hôm có một thanh niên bị bệnh thổ huyết, được anh em kiều bào khiêng đến nhà tôi. Tôi đã dùng hết cách mà không sao cầm được máu. Bác đứng nhìn người bệnh bắn khoản, trên nét mặt lộ hẳn ra vẻ lo ngại.

- Còn phương pháp gì chữa được nữa không? - Bác gắng hỏi - Thử cố gắng một lần nữa xem.

Sự bắn khoản của Bác đã làm cho chúng tôi không khỏi không lúng túng. Bỗng tôi chợt nhớ đến chiếc sừng tê giác. Tôi chạy đi tìm và mang về mài ra cho bệnh nhân uống. Bác theo dõi và nét mặt dần dần lộ vẻ tươi lên khi thấy máu trong miệng người thanh niên không ọc ra nữa



và cầm lại. Bác đứng lặng yên nhìn và được một lát, Bác và tôi khiêng người thanh niên vào trong nhà... Sáng hôm sau, Bác dậy sớm, thấy quần áo người bệnh đầy máu, Bác liền cởi ra và thay cho anh rồi cùng tôi mang ra giặt.

Những cử chỉ trên chỉ có người cha hiền từ biết thương con mới có thể có được.

Nhưng đã gọi là nguyên tắc thì Bác thực hiện và thi hành đến mức nếu ai không hiểu, có thể cho là máy móc nữa. Có lần tôi trả tiền nhà cho một chủ đất, tôi trả thế nào lại trội ra năm xu. Khi xem lại, Bác tỏ ra không bằng lòng và liền đó Bác bắt tôi đi đòi cho bằng được. Đối với bọn bóc lột, Bác cương quyết không khoan nhượng, dù là đồng tiền nhỏ nhất. Hơn nữa đấy lại là tiền của tập thể...

Trước kia cũng như sau này nữa, nếu chúng tôi có một lòng một dạ nhất nhất tuân theo ý kiến Bác chỉ bảo, không phải vì "sợ" Bác là người "bề trên" mà là qua tiếp xúc với Bác, chúng tôi đã tin rằng bên cạnh mình có một người anh, một người thân tình nhất, đang dẫn dắt mình vào một con đường đúng đắn, đẹp đẽ nhất mà không hề mảy may sợ mình lầm lạc...

Trong chương trình sinh hoạt hàng ngày, Bác vạch ra như sau:

- 4 giờ 30 đến 5 giờ: tập thể dục trong đó có môn thái cực quyền. Giờ này ít anh em chịu dạy học, nhưng riêng tôi đã cố theo cho bằng được. Có phần cố gắng bản thân, nhưng sự động viên của Bác đã thúc đẩy tôi rất nhiều.

- 5 giờ đến 6 giờ: tất cả mọi người đều phải dậy. Ai



không dậy, Bác vào tận nơi đánh thức, giờ này là giờ nói chuyện tình hình thế giới, trong nước, về thời sự và nghe giảng chủ nghĩa Mác - Lênin. Về học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, còn thêm buổi tối từ 7 giờ đến 8 giờ nữa.

Mới đầu Thầu Chín - tên anh em đặt một cách kính trọng cho Bác hồi ở Thái Lan, chỉ nói cho những người trong cơ quan nghe, nhưng vì cách nói của Thầu Chín hấp dẫn, anh em thanh niên ở ngoài đòi được dự, Bác cũng đồng ý. Vì là giờ học tập, nghe nói chuyện và có thảo luận nên trong khi thảo luận chúng tôi thường nêu ra nhiều vấn đề và mỗi vấn đề Bác đều giải đáp và phân tích cặn kẽ. Từ chủ nghĩa Tam dân mà Bác cho là tiến bộ ở điểm nào và hạn chế ở đâu...

Có lần trong số anh em có anh bật ra một câu hỏi vẩn ăp ứ từ lâu:

- Cậu Nguyễn Ái Quốc là ai thế, cậu ấy bây giờ ở đâu?
- Một thanh niên yêu nước!

Câu trả lời gọn lỏn ấy làm cho chúng tôi có sự tự hào, vì trong người thanh niên yêu nước ấy có cả chúng tôi nhưng chúng tôi vẫn không khỏi thắc mắc...

- Ông Bùi Quang Chiêu thế nào? - Nhân bàn đến các nhân vật đương thời, một hôm có người hỏi như vậy.

- Phong kiến! - Lại một câu trả lời gọn.

...

Vì từ 6 giờ trở đi, ai có việc gì thì làm việc ấy theo công việc nghề nghiệp của mình, nên mọi người đều có việc riêng của người ấy.



Có hôm vì hết việc ngồi nhà rồi, thấy vậy, Bác liền huy động tất cả đi trồng cây. Sau này tôi mới biết, khi Bác sang một cơ quan ở một nơi khác, Bác cũng huy động như vậy. Có lẽ ý thức trồng cây của Bác đã có từ lâu. Việc trồng cây này cũng chẳng có gì đặc biệt, nhưng tôi kể ra đây là vì có một sự việc đã làm cho tôi nhớ mãi: việc trồng cây râm bụt. Bác nói: "Cây râm bụt là cây của đất nước".

Thật là một ý thức rèn cho con người nhớ đất nước, yêu Tổ quốc sâu xa. Từ chỗ xa xôi hẻo lánh, đồng lạ nước người này, Bác không những rèn luyện cho mọi người lòng kiên trì (râm bụt phải lấy từ Nakhon, cơ quan của ta cách đấy đến tám mươi cây số) mà còn luôn luôn nhắc nhở cho mọi người không được lúc nào quên cái gốc của mình.

Đối với mọi người Bác đã quan tâm rèn luyện một cách có ý thức như vậy, còn riêng bản thân mình, Bác lại càng khắt khe hơn nữa. Vì Bác vốn hay mệt mỏi, ho, do một phần làm việc quá sức của mình, nhưng để tránh vì sức khỏe mà ảnh hưởng đến các hoạt động, Bác đã tập luyện. Giờ giấc đúng hàng ngày của mình nhất nhất phải theo là cách tập luyện thể dục. Thái cực quyền là một cách luyện tập khác. Bác học cả thuốc nữa, cũng do ở bên cạnh tôi, Bác lại ở ngay trong hiệu thuốc. Học bằng cách đọc sách, ghi chép. Ghi chép là chuyện thường ngày của chúng ta ngày nay, nhưng thời ấy là một chuyện mới mẻ. Đọc không hiểu, Bác hỏi, mà hỏi cận kề, không giấu dốt. Hiểu đến đâu ghi đến đấy và chia loại. Cách học thuốc



của Bác khoa học như vậy nên đã giúp cho tôi nhiều trong việc nghiên cứu về Đông y sau này và giúp Bác hiểu rõ những điều cơ bản về thuốc và chữa bệnh. Chính Bác phát hiện ra cây hy thiêm cũng ở trong sách thuốc - là loại cây thường mọc ở vùng này, giúp Bác tránh bệnh phong thấp và sự hay mệt mỏi của Bác do bệnh này gây ra. Có lần tôi đi vắng, có cán bộ bị ốm, Bác cũng bốc được thuốc và người này đã khỏi bệnh.

Luyện cho mình, luyện cho mọi người vượt cả bệnh tật, ốm đau, vượt cả mọi trở ngại để tiến lên là một điều nói thì dễ, nhưng thực hiện được không phải là điều dễ dàng đối với tất cả mọi người. Vì vậy Bác uốn nắn con người từ những tật xấu nhỏ nhất hàng ngày mà con người mắc phải. Có một thời kỳ Bác cùng anh em đi bắt cá. Có một đồng chí vì lười nhưng lại thiếu ngay thẳng, bắt thì ít nhưng lại vơ vĩnh thì nhiều, cho nên hôm nào về cũng tuyên bố với anh em là bắt được nhiều cá. Bác không nói gì cả, hôm sau cùng đi với đồng chí ấy, Bác cứ lẳng lặng, bắt được con cá nào thì bứt đuôi con cá ấy. Tối đó về, tưởng vẫn có thể lừa bịp được mọi người, anh ta lớn tiếng khoe tài.

- Thế cá của anh có đánh dấu gì không?

- Không!

Bác đổ rổ cá và cười:

- Cá của tôi đều bị bứt đuôi, thử xem nào!

Đổ rổ cá ra, mọi người đều cười.

Bác không cần ồn ào phê bình khi người ta có khuyết điểm, và khi định giáo dục ai thì giáo dục bằng việc làm,



bằng hành động cụ thể. Cách làm đó có sức thuyết phục ghê gớm. Chính cái lối uốn nắn rèn luyện người như vậy đã đem lại nhiều hiệu quả tốt đẹp. Ngay cả việc rèn luyện cho mọi người nuôi cái chí khí căm thù giặc, có lòng yêu nước nồng nàn Bác cũng dùng cái cách ấy. Chẳng hạn đến ngày kỷ niệm Phạm Hồng Thái hy sinh, Bác đã biết chọn ông phó lãnh binh và một ông đội trưởng kể lại những trận đánh của các ông đã tham gia chống Pháp. Hai ông kể xong nhân đấy Bác mới nói tiếp để tả những nỗi thống khổ của người dân mất nước, cảnh người dân Việt Nam bị đàn áp, cái nhục của một kẻ bị trị... Trong khi Bác nói tôi đã thoáng nghe thấy những tiếng khóc thút thít.

Bác nói chừng một tiếng đồng hồ, mọi người ra về như thấy máu mình được hâm sôi lên. Ngày hôm sau mới là ngày kỷ niệm chính. Bác cho diễn một vở kịch ngắn về đời hoạt động của Hoàng Hoa Thám, liền đó lại cho diễn hai vở kịch đả kích, đề tài viết về hai tên bán nước là Lê Hoan và Hoàng Cao Khải. Chính Bác là người viết kịch bản lại là người đạo diễn. Không phải Bác chỉ chú trọng về đề tài yêu nước và việc đả kích những tên bán nước mà Bác còn chú trọng cả việc giáo dục lối sống mới. Trong thời kỳ này có tối Bác cho diễn cả vở kịch chống mê tín. Bác vẫn là tác giả, người đạo diễn và có tham gia làm diễn viên nữa. Bác đóng vai ông Thành Hoàng và một số cán bộ khác đóng vai Thổ Công. Tôi đóng vai thầy thuốc. Bác chọn tôi đóng vai thầy thuốc cũng như chọn anh em biết qua nghề gì để đến khi đóng vai đó thì diễn cho hợp. Nội



dung vỡ kịch tả lại hai con bệnh cùng đồng bệnh nhưng người dùng thuốc thì khỏi và kẻ nghe theo đồng cốt uống những thứ nhảm nhí thì chết. Kịch có tác dụng tốt, vừa vui vừa có ý nghĩa giáo dục...

Như vậy là trong khung cảnh hoạt động chung ở đây, Bác không từ bỏ việc gì mà không tham gia. Từ việc gánh nước, gặt hái, xẻ gỗ làm nhà cho tới việc huấn luyện giảng dạy. Ngay cả việc đi buôn để gây quỹ Bác cũng tham gia đóng góp vào. Bác chọn trong số thanh niên có đầu óc mà cử đi. Bác cũng khăn gói tay nải đi theo. Việc Bác đi theo đây không phải đi giám sát, cái chính là để giúp đỡ và giác ngộ người thanh niên ấy trở nên những cán bộ sau này. Trong số người được Bác chọn đi buôn tôi nhớ có cả Đặng Canh Tân là người được Bác rất tin yêu. Ông được Bác đặc biệt giúp đỡ.

Gần cuối năm 1929, tôi thấy Bác chuẩn bị balô quần áo gồm âu phục Trung Quốc và một áo thường. Sau đó Bác đi vắng một thời gian dài.

Khoảng tháng 3 năm 1930 thì Bác trở lại. Hôm đó tôi đang đi cày thì Bác cho gọi về. Bữa cơm hôm đó khác mọi ngày, thơm tất hơn, có thịt gà. Cũng cần xin nói rõ là từ đầu năm 1929, Đoàn thanh niên vẫn được bố trí luôn ở cạnh Bác nên cần có sự gì chỉ bảo là Bác cho gọi đến, nên lần này được gọi đến cũng là chuyện thường. Khi về tôi đã thấy có mặt các đồng chí Ngô Tuấn, Hoàng Văn Hoan, Lạc Ba, v.v..



"Ngày 3 tháng 2 năm 1930 là ngày ba nhóm Đảng đã thống nhất lại, hợp nhất thành một Đảng lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam". Com nước xong, Bác tuyên bố trước anh em như vậy.

Việc thống nhất ba nhóm Đảng đã được Bác chuẩn bị từ lâu và sau này tôi mới biết rõ là thời kỳ Bác đi vắng lâu đúng là Bác đi gặp các đồng chí ta và đi sang Hương Cảng để lãnh đạo việc hợp nhất ba nhóm đảng lại. Có lẽ việc sắm ba bộ quần áo cũng là có sự liên quan đến việc chuẩn bị ấy...

Sau cuộc họp lịch sử nói trên, Bác liền chia tay với các anh em ở Thái Lan và đi Trung Quốc¹.

*

* *

Hồng Kông, "vịnh thơm" như cư dân thời cổ vẫn gọi địa danh tuyệt đẹp này đột ngột hiện ra trước mắt Nguyễn Ái Quốc. Con tàu từ từ đi vào cửa biển mênh mông, được những trái núi thấp màu xanh sẫm dưới nắng chiều bao quanh thành một hình bán nguyệt. Dưới chân núi, những tòa nhà tường vôi trắng xóa chen chúc nhau chạy san sát dọc theo con đường duyên hải. Trong bến cảng, hàng chục tàu viễn dương đang đậu. Những chiếc thuyền mảnh len lỏi, lướt nhanh giữa đám tàu.

1. Trích hồi ký của đồng chí Đặng Văn Cáp, Tài liệu lưu tại Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương.



Khu vực được gọi là Hồng Kông gồm đảo Hồng Kông, một đảo không lớn lắm ở cực nam bán đảo Cửu Long, nơi được mệnh danh là Tân Địa mà Trung Quốc đã nhượng lại cho người Anh đến năm 1997, và 33 đảo nhỏ khác giáp với Cửu Long. Trong những năm ấy, Hồng Kông là một "thành phố bỏ ngõ". Chính quyền thuộc địa ở Hồng Kông không đòi hỏi những người đến đây những thủ tục nhập cảnh phức tạp. Ở Hồng Kông, các tổ chức dân chủ có thể tồn tại tương đối tự do và những người thuộc các dân tộc khác nhau có thể đến đây cư trú, nếu họ bị chính quyền nước họ truy nã vì hoạt động cách mạng. Trong thực tế, giữa Hồng Kông và tỉnh Quảng Đông miền Hoa Nam không có ranh giới rõ rệt. Đế quốc Anh muốn dùng chính sách như vậy để mưu lợi, qua đó làm bùng nổ cuộc đấu tranh chính trị ở lục địa Trung Quốc và ở các thuộc địa của đế quốc Pháp - đối thủ cạnh tranh chính của Anh trong khu vực này.

Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn ra cảng đón Nguyễn Ái Quốc. Trước hết, Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn đưa cho Nguyễn Ái Quốc xem bức thư của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản gửi các tổ chức cộng sản ở Đông Dương. Trong thư có đoạn viết: "*Việc không có một đảng cộng sản thống nhất trong lúc phong trào quần chúng công nông lên cao là một nguy cơ lớn cho cuộc cách mạng Đông Dương sau này. Những do dự của một số nhóm đối với việc thành lập ngay tức khắc một đảng cộng sản là một sai lầm... Nhiệm vụ quan trọng nhất và vô cùng cấp bách đối với tất cả những người cộng sản Đông Dương lúc này là thành lập một đảng cách mạng của giai cấp vô sản, nghĩa*



là một đảng cộng sản của quần chúng. Đảng đó phải là đảng cộng sản thống nhất và duy nhất ở Đông Dương".

Đọc xong thư, Nguyễn Ái Quốc nói:

- Phải hành động, hành động mau lẹ và kiên quyết, không được phép chậm trễ hơn nữa. Thiếu một đảng cách mạng thống nhất lãnh đạo phong trào công nhân, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta sẽ như con tàu không có người cầm lái. Tôi đề nghị thành lập ngay một nhóm chủ trì việc chuẩn bị cho hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở trong nước.

Ba người lập tức viết một bức thư gửi đảng viên các tổ chức cộng sản ở Hà Nội và Sài Gòn. Bức thư nêu rõ rằng, đồng chí Vương, đại diện của Quốc tế Cộng sản mà mọi người đều biết, hiện đang ở Hồng Kông và theo chỉ thị của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, đồng chí ấy đề nghị mỗi tổ chức cộng sản cử đại biểu của mình đến Hồng Kông tham dự hội nghị hợp nhất. Họ quyết định tiến hành hội nghị tại một khu vực ở Cửu Long, nơi có trụ sở hải ngoại của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Đây là một khu nhà ổ chuột, với những túp lều bằng tôn và cáctông chen chúc nhau, nằm trên phần đất liền của lãnh thổ Hồng Kông. Trong trường hợp nguy hiểm, những người tham gia hội nghị có thể từ đây nhanh chóng vượt sang địa phận Trung Quốc.

Để đảm bảo an toàn cho Hội nghị, thời gian tiến hành hội nghị cũng có ý nghĩa lớn. Ban tổ chức hội nghị quyết định sẽ họp Hội nghị vào dịp tết âm lịch. Ở phương



Đông, tết là ngày hội dân gian lớn nhất và thường kéo dài mấy ngày liền, có khi hàng tuần. Vào dịp tết, những người tham gia hội nghị có thể đi khỏi đất nước mà không ai để ý, còn ở Cửu Long thì cuộc gặp mặt như vậy cũng sẽ bớt gây nên sự nghi ngờ hơn.

Cuối tháng 1 năm 1930, bảy đại biểu đã có mặt tại Cửu Long, gồm hai đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng, hai đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng, Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, đại diện cho tổ chức Đảng ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đại diện cho Quốc tế Cộng sản. Đại biểu của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn không đến kịp thời hạn đã định. Phiên họp đầu tiên của hội nghị họp nhất khai mạc tại một căn buồng khách sạn loại hai, nơi nghỉ trọ của phần lớn đại biểu. Mọi người với ý kiến bất đồng ngồi xung quanh một chiếc bàn, trên bàn có để sẵn một bộ súc sắc. Một trò chơi ưa thích của người Trung Quốc. Nếu có ai nghi ngờ vì thấy ồn ào trong phòng thì có thể tưởng rằng đây là nơi tụ tập của những kẻ mê cờ bạc. Để phòng xa, một phiên họp tiến hành ngay ở khán đài sân vận động địa phương trong một trận bóng đá. Tại đây, những người xem không biết tiếng Việt.

Đúng như Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn dự đoán, việc Nguyễn Ái Quốc tham gia đã tạo ra ngay từ phiên họp đầu tiên một bầu không khí tin cậy lẫn nhau giữa những người cùng chí hướng và thật đáng mừng là bầu không khí này đã thay thế những cuộc tranh luận vì ý kiến bất đồng. Nhiều đại biểu thậm chí không biết mặt Nguyễn Ái Quốc, nhưng ai nấy đều đã được nghe nói



nhieu về vị lãnh tụ mới của phong trào yêu nước, một nhà hoạt động tích cực của Đảng Cộng sản Pháp và Quốc tế Cộng sản. Vì vậy tên tuổi Nguyễn Ái Quốc có sức nặng đặc biệt đối với các đại biểu trẻ.

Trung Chính, một nhà sử học Việt Nam đã viết: "*Lúc đầu, do ấn tượng của những cuộc tranh chấp mới đây giữa An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Đảng, nhiều người không tin là cuộc gặp gỡ này có thể có được kết quả thực tế. Nhưng dần dần nhờ có bầu không khí thăm tình đồng chí, đặc biệt là trong quá trình những buổi thảo luận mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc khéo léo hướng dẫn; nhờ những lời phát biểu cởi mở, súc tích và những kết luận có căn cứ, Người đã thuyết phục được tất cả các đại biểu và đưa Hội nghị đến nhất trí*".

Hội nghị làm việc từ ngày 6 tháng 1 đến ngày 7 tháng 2* thì tất cả những vấn đề tranh luận đã được giải quyết và các đại biểu thống nhất thông qua nghị quyết về việc hợp nhất các tổ chức cộng sản trong cả nước thành một đảng cộng sản thống nhất - Đảng Cộng sản Việt Nam. Các đại biểu tán thành Chính cương vắn tắt của Đảng và Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình vắn tắt của Đảng và Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Nguyễn Ái Quốc thảo ra. Những văn kiện này có một ý nghĩa lịch

* Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Đảng Lao động Việt Nam (ngày 10-9-1960) quyết nghị lấy ngày 3-2 dương lịch hàng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng (Đảng Cộng sản Việt Nam): *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.21, tr.904.



sử, bởi vì đã nêu lên phương hướng cơ bản của cách mạng Việt Nam trong một thời kỳ dài. Bản Chính cương chỉ rõ ràng, là một nước thuộc địa, nửa phong kiến, về cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam đang đứng ở ngưỡng cửa cuộc cách mạng tư sản dân quyền (sau này, trong các văn kiện có tính chất cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam, thuật ngữ này được thay bằng *cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*). Cuộc cách mạng này phải được thực hiện dưới sự lãnh đạo trực tiếp của giai cấp công nhân và phải tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ của nó là đánh đuổi đế quốc Pháp, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến, đem lại ruộng đất cho nông dân, thành lập chính phủ công nông binh, thực hiện các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân và tổ chức ra quân đội công nông.

...

Những người tham gia hội nghị đã quyết định chấm dứt ngay mọi xung đột, bất đồng trước kia và chân thành hợp tác trong việc thực hiện những biện pháp cụ thể nhằm thống nhất các tổ chức cộng sản từ trung ương đến cơ sở. Ban Chấp hành Trung ương lâm thời đã được bầu ra để lãnh đạo quá trình hợp nhất và hoạt động của Đảng. Như vậy, Hội nghị thành lập Đảng có tầm quan trọng như một Đại hội của Đảng, vì nó đề ra đường lối cơ bản của cách mạng Việt Nam và những nguyên tắc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, vạch ra đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam và đã bầu các cơ quan lãnh đạo của Đảng.



Chiều hôm kết thúc Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức một bữa liên hoan nhỏ tại phòng khách của mình. Ước mơ thiêng liêng và mục tiêu của Người phấn đấu gian khổ suốt gần hai mươi năm đã được thực hiện. Giờ đây, cách mạng Việt Nam không những chỉ có thứ vũ khí kỳ diệu là học thuyết Mác - Lênin bất diệt, mà còn có đảng lãnh đạo - đội tiên phong đoàn kết nhất trí, thực sự cách mạng, có khả năng biến thứ vũ khí kỳ diệu kia thành sức mạnh vô cùng to lớn.

Khi các đại biểu đã ngồi xung quanh bàn, Nguyễn Ái Quốc xúc động nói:

- Các đồng chí! Hôm nay là ngày lịch sử của chúng ta. Lênin vĩ đại đã nói: "... *chỉ đảng nào được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong*".* Bây giờ chúng ta đã có một đảng như thế rồi - Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. Nhân dân ta từ xưa đã có truyền thống đấu tranh anh dũng, nhưng suốt những năm ấy, nhân dân ta thiếu người cầm lái sáng suốt. Giờ đây, Đảng của chúng ta phải gánh lấy vai trò này và tôi tin rằng Đảng ta sẽ dẫn dắt nhân dân đến thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành độc lập và tự do cho Tổ quốc thân yêu.

Những tư tưởng này của Nguyễn Ái Quốc là cơ sở của lời kêu gọi nhân dân Việt Nam nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam mà Người gửi về nước cùng các

* V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, t.6, tr.32.



đại biểu dự Hội nghị. Lời kêu gọi có chữ ký của Nguyễn Ái Quốc "thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam" được đăng trên các báo bí mật của các tổ chức cộng sản Bắc Kỳ, Nam Kỳ và được các giới dân chủ trong nước nhiệt liệt hưởng ứng¹.

Vào lúc thành lập Đảng, tổng số đảng viên mới chỉ có 211 người. Toàn Đảng hoan nghênh những nghị quyết của Hội nghị hợp nhất. Tất nhiên, việc thực hiện nghị quyết của hội nghị diễn ra trong cuộc đấu tranh gay go, trong không khí còn tranh luận và bàn cãi về tư tưởng. Những học thuyết và quan điểm dân tộc hẹp hòi, tiểu tư sản vẫn chế ngự một số đảng viên. Lúc đầu, phần lớn đảng viên tham gia hoạt động mới chỉ xuất phát từ động cơ yêu nước và chống thực dân, chứ chưa ý thức được rằng Đảng Cộng sản là một chính đảng kiểu mới mà nòng cốt của nó là những đại biểu của giai cấp tiên tiến nhất - giai cấp vô sản và bạn đồng minh chủ yếu của giai cấp vô sản là giai cấp nông dân.

Nhưng những "khó khăn của sự phát triển" không thể tránh khỏi này đã được nhanh chóng khắc phục. Việc xây dựng một đảng mácxít chân chính đã diễn ra một cách mau lẹ. Khắp nơi, nhất là ở nhà máy, công xưởng, những chi bộ mới đã được thành lập. Bọn mật thám Pháp lo lắng chứng kiến sự ra đời có kết quả của một đảng kiểu mới có

1. Xem E. Côbêlêp: Trích từ "*Đồng chí Hồ Chí Minh*", Nxb. Tiến bộ, Mátxcova (Liên Xô cũ) và Nxb. Thanh niên.



quan hệ chặt chẽ về mặt tư tưởng với Quốc tế Cộng sản là Đảng Cộng sản Việt Nam. Một tên mật thám đã báo cáo như sau:

"Bản dự thảo nghị quyết do hội nghị thông qua đã được các đại biểu đi dự đại hội đem về phân phát cho các đảng viên. Nghị quyết được nhiệt liệt hoan nghênh... thiện chí của cả hai Đảng (Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng) đã dẫn đến sự nhất trí hoàn toàn, ngay cả trong những vấn đề mà cách đây không lâu tưởng là khó lòng giải quyết được. Chỉ trong vòng mấy tháng, bọn cộng sản đã làm được một việc to lớn: Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, các xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và các tỉnh ủy đã được thành lập. Các công hội và nông hội trước đây được mở rộng và các hội khác cũng được tổ chức".

Việc thành lập Đảng Cộng sản là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Những thành quả rực rỡ trong gần nửa thế kỷ hoạt động của Đảng đã chứng minh điều ấy.

Việc xuất hiện Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuối những năm 20 đầu những năm 30 của thế kỷ XX là một sự kiện hết sức đúng lúc. Những năm ấy, làn sóng tàn nhẫn của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới làm lung lay tận gốc thể giới tư bản cũng đã tràn vào Việt Nam. Khẩu hiệu đấu tranh vì độc lập dân tộc, chống ách thống trị của thực dân Pháp ngày càng gắn liền với những đòi hỏi



về xã hội của nhân dân lao động Việt Nam. Trong những điều kiện lịch sử mới đó, giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cuộc cách mạng đang chín muồi. Giai cấp công nhân Việt Nam đã trở thành một lực lượng chính trị hùng mạnh, mặc dù nền kinh tế Việt Nam lúc ấy bị xiềng xích của chủ nghĩa thực dân trói buộc vẫn mang tính chất vô cùng lạc hậu và nửa phong kiến. Vấn đề là ở chỗ, tuy số lượng ít nhưng giai cấp công nhân Việt Nam lại tập trung khá cao và rất thuần nhất, trong hàng ngũ công nhân không có công nhân quý tộc, do đó, những người cộng sản Việt Nam không phải tiến hành cuộc đấu tranh thường là rất gay gắt chống lại ảnh hưởng của chủ nghĩa cải lương cũng như những tư tưởng cơ hội xâm nhập vào phong trào công nhân. Không những thế, giai cấp công nhân Việt Nam có người bạn đồng minh đông đảo, đáng tin cậy là giai cấp nông dân - những người cùng quần đến nỗi, về mặt tâm lý xã hội thì số đông nông dân rất gần gũi với giai cấp công nhân.

Ở Việt Nam thuộc địa, có một thực tế lịch sử là giai cấp công nhân ra đời và trở thành lực lượng chính trị hùng mạnh trước giai cấp tư sản dân tộc. Đầu những năm 30, giai cấp tư sản Việt Nam còn rất nhỏ bé về số lượng, lại cực kỳ yếu ớt về kinh tế và chính trị. Trên vũ đài chính trị Việt Nam, ngoài Đảng Cộng sản, không có một lực lượng nào khác có khả năng đứng đầu cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Các đảng phái trong dòng tư tưởng nhỏ



giáo và phong kiến trước đây, đã từ lâu mất hết khả năng chống thực dân, và từ khi cụ Phan Bội Châu bị bắt thì thực tế đã từ bỏ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Giữa những năm 20, Việt Nam Quốc dân đảng ra đời, nhưng lại đi theo con đường hành động phiêu lưu và cực tả. Đầu năm 1930, Quốc dân đảng muốn nắm quyền lãnh đạo phong trào yêu nước và đã phát động cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Bắc Kỳ. Cuộc khởi nghĩa chưa được chuẩn bị chu đáo nên đã nhanh chóng thất bại. Quốc dân đảng thực tế bị tan rã. Những người lãnh đạo còn sống sót chạy sang Trung Quốc tiếp thu cương lĩnh chính trị của Quốc dân đảng Trung Quốc và trong hàng ngũ của họ dần dần nảy sinh những thế lực phản động thù địch với lợi ích của cách mạng Việt Nam.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới. Giai đoạn này được đánh dấu bằng những cuộc chiến tranh quần chúng chưa từng có trong cả nước cả về bề rộng lẫn chiều sâu của nhân dân lao động. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, công nhân và nông dân khắp nơi trong nước đã tổ chức những cuộc biểu tình, đình công, đưa ra những yêu sách cả về chính trị lẫn kinh tế. Phong trào đạt tới đỉnh cao vào cuối năm 1930, khi 116 làng của Nghệ An và Hà Tĩnh thành lập các Xôviết theo kiểu Xôviết của nhân dân lao động Nga. Đó là cơ quan chính quyền nhân dân cách mạng đầu tiên ở Việt Nam và phần lớn do những người cộng sản lãnh đạo.



Gần một năm trời, Xôviết Nghệ - Tĩnh dường như là những hòn đảo độc lập, tự do ở xứ Đông Dương thuộc địa. Các Xôviết đã thủ tiêu hoàn toàn bộ máy cai trị thực dân ở địa phương, đã đánh đuổi bọn quan lại đại địa chủ, hào lý khỏi xóm làng. Các cơ quan chính quyền nhân dân đã thi hành một loạt cải cách dân chủ như bãi bỏ những thứ thuế do bọn thực dân đặt ra, chia lại ruộng cho bần cố nông, bắt bọn địa chủ phải giảm tô và bỏ những thứ phù thu lạm bổ. Xôviết Nghệ - Tĩnh cũng in truyền đơn có hình búa liềm và phân phát đi khắp cả nước kêu gọi nhân dân lao động Việt Nam theo gương nhân dân Liên Xô làm cách mạng.

Xôviết Nghệ - Tĩnh chứng minh rằng giai cấp công nhân Việt Nam đang trở thành người độc quyền lãnh đạo cuộc cách mạng phản đế, phản phong không ngừng phát triển ở Việt Nam. Sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Xôviết Nghệ - Tĩnh là cuộc tổng diễn tập cho cuộc cách mạng dân tộc giải phóng sau này. Nó đã viết lên trang sử anh hùng... Nó đã chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động Việt Nam. Phong trào tuy thất bại, nhưng nó rèn luyện lực lượng cho cuộc cách mạng tháng Tám sau này".

Tháng 10 năm 1930, giữa lúc Xôviết Nghệ - Tĩnh ở vào thời kỳ cao trào, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp Hội nghị toàn thể lần thứ nhất. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc không thể tham gia hội nghị



được. Sau hội nghị hợp nhất, Người trở lại Xiêm và sau đó nhận nhiệm vụ của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, Người đến Mã Lai. Bạn chiến đấu của người là Trần Phú - một chiến sĩ cộng sản đã từng tham gia các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu và sau đó theo học Trường Đại học cộng sản Phương Đông - đã chủ trì hội nghị. Từ Mátxcova trở về, Trần Phú mang theo những đề nghị của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản về cương lĩnh và nhiệm vụ chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam mới ra đời.

Hội nghị toàn thể đã thảo luận và tán thành bản Luận cương cách mạng tư sản dân quyền ở Việt Nam do đồng chí Trần Phú trình bày và luận cương này trở thành cương lĩnh chính trị của Đảng. Khi thảo luận văn kiện này, hội nghị đã cố gắng nghiên cứu kỹ lưỡng những nghị quyết của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc - thuộc địa và những điều kiện cụ thể của Đông Dương. Luận cương chỉ ra rằng cách mạng Đông Dương phải qua hai giai đoạn. Giai đoạn đầu là cách mạng tư sản dân quyền kiểu mới dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, cuộc cách mạng này sẽ lật đổ chính quyền thực dân, phong kiến, giành độc lập dân tộc và đem lại ruộng đất cho dân cày. Hai nhiệm vụ phản đế và phản phong quan hệ mật thiết với nhau. Nhưng động lực cơ bản của cách mạng tư sản dân quyền kiểu mới là công nhân và nông dân. Đảng Cộng sản phải thu hút, lôi cuốn tầng lớp nhân dân rộng rãi nhất đi theo cách mạng và dựa vào bạo lực



cách mạng dưới hình thức võ trang khởi nghĩa mà thiết lập chính quyền nhân dân¹.

*

* *

Một trang sử vẻ vang vô cùng quan trọng mở ra cho phong trào cách mạng Việt Nam. Thay mặt Quốc tế Cộng sản, ngày 3 tháng 2 năm 1930, Bác đã thống nhất ba nhóm cộng sản Trung, Nam, Bắc thành chính đảng duy nhất của giai cấp công nhân là Đảng Cộng sản Việt Nam. Bác vừa trực tiếp lãnh đạo Đảng vừa tham gia cơ quan lãnh đạo Đông Dương bộ của Quốc tế Cộng sản. Bác thường qua lại Thượng Hải nên tôi lại có dịp gặp Bác ở đây.

Cuối năm 1929, tôi tới Thượng Hải. Trong tôi giới Pháp ở Thượng Hải có chừng bốn ngàn lính khố xanh, khố đỏ và một số công nhân người Việt Nam làm cho nhà máy Ocxigien (phần đông là công nhân Trung Hoa). Tàu chiến của các nước Anh, Mỹ, Nhật, Pháp đậu đầy ở Bến Thượng Hải. Thượng Hải là một thành phố đồ sộ, người tứ xứ đông như kiến. Tôi lọt vào đấy như con chim chích vào rừng. Một bác công nhân quen cũ ở Hương Cảng giới thiệu tôi với y sĩ Thuyết ở Trần Tam phạm điểm, một hàng ăn của người Việt Nam mở cho lính Pháp. Tôi làm hầu bàn ở đấy. Tôi vận động anh em công nhân nhà máy Ocxigien lập hội tương tế. Từ các tổ chức của anh em công

1. Xem E.Côbêlép: *Đồng chí Hồ Chí Minh, Sđd.*



nhân tôi phát triển sang anh em bồi bếp, đến bà con buôn bán rồi bắt mối với trại lính khổ đỏ, đến lính khổ xanh, rồi tới lính thủy. Từ tổ chức quần chúng, tôi tiến lên xây dựng cơ sở đảng. Phong trào lên mạnh, Đảng cử đồng chí Phiếm Chu lên Thượng Hải cùng tôi gánh vác mọi việc tuyên truyền tổ chức.

Một hôm tôi nhận một bức thư, lời lẽ như người yêu gửi cho: "Em chờ cậu ở chỗ đánh bida Tiên Thi công ty". Xem xong, tôi đoán ngay là thư một đồng chí nào đây. Đúng rồi, Tiên Thi công ty, một cửa hàng bách hóa vào hạng lớn nhất của Thượng Hải. Tới chỗ hẹn, không thấy ai, tôi quay ra, tần ngần hết sức. Lúc ấy vào một buổi chiều đầu năm 1930, Thượng Hải lạnh và có tuyết. Tôi đang đi thì có người đi sau gọi: "Hai! Hai!" (Hai là tên tôi hồi hoạt động ở Thượng Hải).

Tôi quay lại, nhận ra người gọi, mừng không kể siết. Đây là đồng chí Vương.

Mừng thì mừng thật, nhưng lòng lại áy náy. Mình thì comlê, pulovo, phula, bađờxuy hai lần len, mà đồng chí Vương thì áo đại cán dạ thường, bađờxuy mỏng, đầu đội cái mũ volua, nhưng tàng như mũ phở tàng. Bốn năm trước, ở Quảng Châu, đồng chí Vương cũng gầy, giò lại gầy hơn. Gặp tôi, đồng chí vẫn vồn vã như xưa.

Đồng chí Vương rủ tôi đi quanh co mấy phố. Đồng chí hỏi tôi về tình hình công tác anh em công nhân, binh lính, hỏi chỗ tôi ở thế nào, đã có gì lộ chưa... rồi đồng chí Vương nói:



- Tôi ở đây chỉ có vài ngày rồi lại đi ngay. Hôm nay chỉ cốt gặp nhau thôi, hẹn sau nói chuyện lâu. Đồng chí công tác cố gắng đấy, nhưng phải cẩn thận. Nó đang khủng bố riết.

Sáng hôm sau, tôi đến gặp đồng chí Vương ở một khách sạn. Đồng chí thuê một căn buồng vào hạng rẻ tiền. Buồng hẹp chỉ đủ kê một giường con và một bàn nhỏ. Ở Trần Tam phạm điểm, tôi còn có lò sưởi. Nhưng ở đây lạnh tanh, tôi nhìn lên bàn thấy nhiều sách lắm, phần lớn là sách tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, và chiếc máy chữ, cũng là máy chữ Anh. Lần này, đồng chí Vương tiếp tôi cả buổi sáng giữ tôi ở lại khách sạn ăn cơm, gọi là cơm khách sạn, nhưng nào có gì đâu. Cơm là cơm gạo xấu, thức ăn là món canh, món xào và món cá mặn. Tôi được dịp trình bày hết công việc của tôi. Đồng chí Vương nói:

- Hoạt động trong binh lính phải rất cẩn thận. Anh em hăng nhưng trong tay sẵn có vũ khí thì dễ manh động.

Đối với tôi, những ngày ở Thượng Hải là những ngày đi vào quần chúng, trực tiếp vận động quần chúng. Kinh nghiệm còn ít, nên chú quan nhiều. Về nhà ngẫm nghĩ cứ phân vân mãi về những lời khuyên của đồng chí Vương. Ít ngày sau, chúng tôi được tin cuộc khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ và thất bại. Ngồi phân tích với nhau về tính chất anh em binh lính trong cuộc bạo động ấy chúng tôi mới thấm thía với những lời bảo ban của đồng chí Vương.

Tôi còn gặp đồng chí Vương vài lần khác nữa. Một lần, đồng chí hẹn đến thư viện đường Nam Kinh. Cuối thư có



một câu gạch đít: "Đến thư viện phải ăn mặc tươm tất, đi vào phải cho êm". Tôi tự hỏi vào thư viện thì có gì mà đồng chí Vương phải dặn dò cẩn thận thế, khi đến thư viện thấy mọi người chăm chú đọc sách, bốn bề im lặng như tờ, bấy giờ tôi mới hiểu tôi rón rén đi vào. Đồng chí Vương trả sách khế bảo tôi cùng đi ra. Đồng chí Vương nói:

- Phong trào bây giờ lên khá cao, công việc của đồng chí thì nhiều, một mình làm không xuể. Phương tiện thì ít ỏi. Muốn đẩy mạnh công tác, phải có sự giúp đỡ của Đảng anh em. Người cộng sản bất kỳ hoạt động ở nước nào cũng phải chịu sự lãnh đạo của Đảng ở đây.

Sau đó ít ngày, tôi gặp được đồng chí Thái Xương, và đồng chí này giới thiệu tôi với phụ trách việc vận động binh lính ngoại quốc của Đảng Cộng sản Trung Quốc giúp tôi thật là tận tâm tận lực. Công việc của chúng tôi là với những số báo "Kèn gọi lính", còn việc ấn loát, việc phân báo vào các trại lính Việt Nam, thì các đồng chí Trung Quốc đảm nhiệm hết.

Các đồng chí còn cung cấp cho chúng tôi đủ các thứ dưa, giấy nến, bút thếp, v.v.. Đây là lần đầu tiên chúng tôi phối hợp công tác với các đồng chí anh em. Ngay bước đầu ấy, chúng tôi đã thấy được cụ thể thế nào là tinh thần quốc tế cộng sản mà mình mới nhận thức trên lý thuyết trước đây, tôi nghĩ đối với các đồng chí Trung Quốc, vấn đề chỉ là đặt liên lạc. Đến đây, tôi mới hiểu nguyên tắc công tác của những người cộng sản hoạt động ở nước ngoài.

Vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 1930, đồng chí Vương lại có dịp qua Thượng Hải. Đồng chí đến cơ quan chúng tôi



hợp và góp ý thêm ý kiến về việc vận động binh lính Việt Nam ở Thượng Hải. Dự họp lần này có vợ đồng chí Ích, đồng chí Phiếm, Chu, Quốc Long và tôi. Đồng chí Vương mặc quần áo đùi, vẫn kiểu cán bộ. Mùa nực da dẻ đồng chí có phần hồng hào hơn là trong những ngày mùa đông tháng giá. Tôi nhớ trong buổi họp ấy, đồng chí bảo chúng tôi là phải kết hợp tinh thần quốc tế vô sản với lòng yêu nước chân chính. Đồng chí Vương nói:

- Không nên chỉ hô hào thợ thuyền, dân cày chung chung. Không nên nói vô sản một cách cứng nhắc. Trước mắt chúng ta là phải đánh đổ thực dân Pháp, giải phóng dân tộc. Cho nên phải khơi lòng yêu nước của mọi người. Đối với anh em binh lính, ta nên kêu gọi nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, rồi chuyển sang khơi gọi lòng yêu nước, thương nòi. Như thế, mới đi vào lòng người ta được.

Đồng chí lại xem những số báo *Kèn gọi lính* nhắc chúng tôi không nên dùng chữ khó hiểu, viết phải ngắn gọn, rõ ràng. Sau đó đồng chí Vương viết mấy bài, cả văn vần và văn xuôi, nội dung là yêu nước, ghét thống trị Pháp, văn rất ngắn gọn và dễ hiểu.

Trong những ngày gặp gỡ đồng chí Vương, tôi thấy con người đồng chí là một sự hòa hợp tinh thần quốc tế vô sản bao la và lòng yêu nước sâu sắc. Sau buổi họp ấy, chúng tôi chỉnh đốn lại bài vở. Từ đấy, những số báo, những truyền đơn của chúng tôi có tác dụng rõ rệt, anh em công nhân, bồi bếp, binh lính, bà con buôn bán trông ngóng những số báo của chúng tôi. Những người ít chữ nói, đọc những số báo trước không nhớ được ý, nhưng



đọc những số báo sau này thì nhớ được rõ là lâu. Y sĩ Thuyết, sang học thuốc ở Thượng Hải nói trước ngại đọc, vì chỉ nói về cộng sản, bây giờ đã bắt đầu thích đọc, vì thấy các số báo nói nhiều về lòng yêu nước.

Khi tôi chia tay với đồng chí Vương, sau cuộc họp ấy, tôi không ngờ đây là buổi gặp cuối cùng giữa Bác và tôi ở nước ngoài. Bác thì bốn ba hết nước này đến nước khác, còn tôi thì bắt đầu những năm tháng tù đầy...¹.

VIII

Sau cuộc hành trình đến Xiêm và Mã Lai, Nguyễn Ái Quốc (lúc này trong các giấy tờ mang tên một viên chức Trung Quốc là Tống Văn So) trở lại Hồng Kông. Cả nhóm Việt Nam dọn đến ở số nhà 186 phố Tam Lung, thành phố Cửu Long. Cùng với Nguyễn Ái Quốc và Hồ Tùng Mậu, ở đây còn có tám thanh niên nam nữ được các tổ chức Đảng gửi từ Việt Nam sang để học chính trị. Trong số đó, Nguyễn Ái Quốc vui mừng nhận ra một vài "cháu" của Người thuộc lớp đầu tiên ở Quảng Châu.

Nguyễn Ái Quốc thường đến tầng ba một ngôi nhà bình thường xây đá, cách nơi mình ở khoảng ba dặm. Cơ quan đại diện Ban Phương Đông của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đóng tại đây dưới danh nghĩa văn

1. Xem Nguyễn Lương Bằng: "Những lần gặp Bác", trong *Bác Hồ, Sđd*.



phòng của một hãng buôn. Có hai cô gái Việt Nam làm liên lạc trong cơ quan này. Các chị tích cực theo học các khoá huấn luyện chính trị. Và cũng như ở Quảng Châu, nhân vật chính trong các khoá huấn luyện ấy là "đồng chí Vương". Một chị có nước da ngăm ngăm, đôi mắt to, nụ cười cởi mở, hàm răng trắng bóng, chị tên là Minh Khai. Lúc ấy, người nữ bí thư tương lai của Đảng bộ Sài Gòn này mới 20 tuổi.

Tổng Văn Sơ cũng thường đi lại trên tuyến đường Hồng Kông - Thượng Hải - Quảng Châu - Hồng Kông. Tại cả hai thành phố Trung Quốc trong vùng nhượng địa của Pháp có nhiều người Việt Nam làm việc, trong số đó phần lớn là binh lính Bắc Kỳ làm nhiệm vụ canh gác các công sở của Pháp giàu có. Trước kia Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tích cực hoạt động trong số người Việt Nam đó và giờ đây lại tiếp tục hoạt động. Nguyễn Ái Quốc giúp họ tổ chức việc xuất bản các báo chí mật của Đảng giải thích những vấn đề thời sự và những nhiệm vụ của Đảng. Trong những tháng đầu tiên sau khi thành lập Đảng, một số đảng viên, nhất là những đảng viên đã từ lâu sống ở nước ngoài, ít hiểu tình hình thực tế trong nước đã bộc lộ rõ rệt những triệu chứng của "bệnh ấu trĩ tả khuynh". Phấn khởi trước việc thành lập Đảng và trước sự lớn mạnh của lực lượng Đảng, nhiều đảng viên trẻ ở Việt Nam khát khao được tức khắc cầm ngay lấy vũ khí. Đó là đặc điểm của giới "tả" ở các nước khác nữa, đặc biệt ở phương Đông. Họ đòi hỏi "Chủ nghĩa xã hội ngay tức



khắc!", "Chính quyền công nhân ngay lập tức!". Những khẩu hiệu "tả" ấy phản ánh sự nôn nóng cách mạng của họ và đôi khi, chủ nghĩa phiêu lưu cách mạng của họ, đã được những người mới tham gia cách mạng nhiệt liệt hưởng ứng. Nguyễn kiên trì và nhẫn nại giải thích sự tai hại của tư tưởng ấy đối với cách mạng giải phóng dân tộc ở Đông Dương:

- Không nên tung ra bừa bãi những từ "giai cấp vô sản", "giai cấp nông dân", "giải phóng xã hội", "chủ nghĩa xã hội". Hiện nay nhiệm vụ trước mắt của chúng ta là lật đổ bọn thực dân Pháp, giải phóng dân tộc. Vì thế cái chính là khơi dậy ngọn lửa yêu nước trong trái tim mỗi người Việt Nam.

Đồng thời, bản thân Nguyễn Ái Quốc luôn luôn nhớ và thường xuyên nhắc nhở các đồng chí của mình lời chỉ dẫn của Lênin về sự cần thiết "phải kiên quyết giữ vững tính độc lập của phong trào vô sản, dù cho phong trào này còn ở dưới hình thức phôi thai nhất".

Nguyễn Ái Quốc đã thấy được nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của mỗi cán bộ tuyên truyền của Đảng là làm sao cho đông đảo quần chúng lao động hiểu được sự thật về một nước đầu tiên xây dựng chủ nghĩa xã hội - Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết. Đầu năm 1930, Người quyết định viết một cuốn sách về sinh hoạt của nhân dân Liên Xô. Trong đề cương cuốn sách, Người viết: "Người

* V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t. 41, tr. 204.



Việt Nam, nhất là những người lao động muốn biết nước Nga. Nhưng sách báo cách mạng đều bị pháp luật hà khắc của đế quốc Pháp nghiêm cấm. Hơn nữa công nhân và nông dân Việt Nam phần lớn không biết chữ. Những người có học chút ít không biết thứ tiếng nào khác ngoài tiếng Việt Nam. Nhiệm vụ của chúng tôi là phải nói với họ về Tổ quốc đỏ của giai cấp vô sản như thế nào. Để làm việc này, tôi có ý định viết một cuốn sách tiếng Việt Nam, đương nhiên dưới hình thức "Những kỷ niệm về cuộc du lịch của tôi". Tôi mong rằng nó sẽ sinh động hấp dẫn".

Cuốn sách Nguyễn Ái Quốc viết mang tên *Nhật ký chìm tàu* kể về ba người bạn - một người châu Âu, một người châu Phi và một người Việt Nam đã được những người Xôviết cứu khi tàu bị đắm. Ba người bạn đó đã được đưa về Liên Xô. Họ đã nhìn thấy tận mắt những thành tích của nhân dân Xôviết trong công cuộc xây dựng xã hội mới, họ được làm quen với những con người mà "cách mạng đã biến họ từ nô lệ thành người tự do". Cuốn sách này đã được in litô thành nhiều bản và bí mật phát hành ở Việt Nam.

Sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập và nhất là từ khi bắt đầu cuộc nổi dậy ở Trung Bộ, cảnh sát thuộc địa Pháp tung nhiều mật thám vào việc dò la, phát hiện, bắt bớ các cán bộ lãnh đạo Đảng. Trong những năm ấy, bọn "cảnh sát quốc tế" khu vực thuộc địa gồm mật thám Anh, Pháp, Hà Lan tích cực giăng màn lưới hắc ám của mình ra khắp miền Nam Trung Quốc và các nước



Đông Nam Á. Chúng cung cấp cho nhau tin tức về những người có liên hệ với Quốc tế Cộng sản; chúng trao đổi cho nhau những người bị sa vào lưới của chúng. Chẳng hạn, Phan Bội Châu bị bắt năm 1925 trên lãnh thổ Anh ở Thượng Hải trong một cuộc vây quét do cảnh sát Pháp và Anh phối hợp tổ chức. Ngược lại, thực dân Pháp tỏ lòng biết ơn cảnh sát Anh bằng cách trao cho bọn Anh một vài nhà yêu nước Ấn Độ và Miến Điện.

Nguyễn Ái Quốc được liệt vào hàng đầu danh sách những người mà "cảnh sát quốc tế" thuộc địa lùng bắt cho kỳ được. Có lần ở Xiêm, mật thám Pháp đã dò ra tung tích của Người và thỏa thuận với chính quyền địa phương để cảnh sát bắt rồi trao lại cho chúng. Nhưng Nguyễn Ái Quốc đã biết, giả làm một nhà sư, lừa được bọn chỉ điểm, trốn thoát ngay trước cuộc vây ráp của cảnh sát và sống trong một ngôi chùa chờ đến khi yên ổn trở lại. Nhưng ở Hồng Kông thì kẻ thù đã khép kín được vòng vây.

Sáng sớm ngày 6 tháng 6 năm 1931, cánh cửa ngôi nhà ở phố Tam Long bỗng dưng bị đập mạnh, cửa bật mở, một viên sĩ quan Anh và mấy viên cảnh sát Trung Quốc ập vào phòng. Tên chỉ huy chìa súng lục vào những người Việt Nam ở trong phòng, hô lớn: "Giơ tay lên, đứng im tại chỗ!". Cũng may, lúc này chỉ có hai người ở nhà. Đó là Nguyễn Ái Quốc và Lý Tam - một cô gái 17 tuổi.

Cuộc khám xét bắt đầu. Bọn cảnh sát lục soát khắp nhà, từ dưới sàn lên đến trần. Chúng đập cả tường nhà,



dỡ cả mái ngói hòng tìm vũ khí, chúng rạch tung quần áo, chăn gối, thậm chí, chúng cắt nhỏ cả bánh xà phòng để tìm giấy tờ bí mật và thuốc nổ.

- Chỉ có hai người sống ở đây? - Tên sĩ quan quay sang Nguyễn và khi thấy Nguyễn gật đầu, hấn chỉ vào hòm đựng thực phẩm - Tại sao các anh có hai người mà trữ nhiều gạo nhiều muối như vậy?

Tìm kiếm hồi lâu nhưng bọn cảnh sát chẳng thấy gì đáng khả nghi. Chúng giải hai người bị bắt ra khỏi nhà và đẩy họ lên chiếc xe có cửa sổ bọc kín bằng lưới sắt đã chờ sẵn trong ngõ. Chiếc xe chạy về sở cảnh sát Hồng Kông và tại đây chúng giam mỗi người vào một xà lim.

Vì sao, một người nắm vững nghệ thuật hoạt động bí mật như Nguyễn Ái Quốc mà lại bị bọn cảnh sát bắt bất ngờ, chúng lại biết rất rõ chỗ ở và lúc anh có nhà? Về vấn đề này có nhiều giả thiết. Theo một giả thiết thì ngày 30 tháng 4 năm 1931, cảnh sát Pháp vây ráp vùng công nhân ngoại ô Sài Gòn. Trong số những người sa lưới mật thám có Nguyễn Thái - một đảng viên của Đảng Cộng sản Đông Dương. Khi khám xét, mật thám đã tìm thấy trong người Thái bức thư của Nguyễn Ái Quốc gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Bức thư cho thấy rõ người viết lâu nay ở Hồng Kông. Sau đó một vài ngày, Bộ thuộc địa ở Pari nhận được công văn thượng khẩn của toàn quyền Đông Dương Méclanh cho biết đã xác định được chỗ ở của Nguyễn Ái Quốc.



Ngày 2 tháng 6, báo chí Xingapo và tiếp theo là báo chí Anh đưa tin với dòng tít giật gân: "Cảnh sát Xingapo đã bắt được Xécgiơ Lephran (tức Duycru) thanh tra viên của Quốc tế Cộng sản". Các báo còn hoan hỉ cho biết: "Cuộc vây bắt đã được chuẩn bị "thật tuyệt vời", hoàn toàn bất ngờ đối với Lephran, vì thế, Lephran không kịp hủy các giấy tờ, tài liệu cho thấy một vài mặt hoạt động của Quốc tế Cộng sản ở Đông Nam Á". Người ta phỏng đoán rằng trong những "tài liệu" ấy, có tờ ghi địa chỉ của Nguyễn Ái Quốc, vì Lephran quả thực có thể gặp Nguyễn Ái Quốc trước đó ở Hồng Kông.

Song, giả thiết sau đây có lẽ đúng hơn cả. Như sau này xác định, vào những năm ấy, một tên khiêu khích là Lâm Đức Thụ đã lọt vào được hàng ngũ những người yêu nước Việt Nam đang làm việc ở miền Nam Trung Quốc. Thụ đến Quảng Châu khoảng đầu năm 1924 và tích cực tham gia hoạt động cách mạng của Việt kiều ở đây. Nhưng ngay lúc đó, một số hành vi của Thụ đã làm mọi người nghi ngờ. Y cưới con gái của một thương gia Trung Quốc giàu có làm vợ, sống cuộc sống xa hoa, đàn đấm. Mãi đến sau này mới biết rằng y đã liên hệ với lãnh sự Pháp ở Hồng Kông. Thụ mở hiệu ảnh ở đây và được cung cấp các phương tiện cần thiết. Y nói với các đồng chí hoạt động bí mật là mở hiệu ảnh để làm "tài chính" cho Đảng và làm nơi gặp gỡ thuận tiện của Đảng. Nhưng thực chất, đây là nơi giúp y có điều kiện bí mật chụp ảnh những người Việt Nam yêu nước theo lệnh của sở mật thám



Pháp, và trao ảnh cùng tên tuổi của họ cho lãnh sự quán Pháp. Trong số những người sa vào lưới đã bủa sẵn này có Nguyễn Ái Quốc. Lãnh sự quán Pháp liền chuyển cho cảnh sát Anh ở Hồng Kông những tin tức về nơi trú ngụ và mối "nguy hiểm" của Nguyễn Ái Quốc đối với Vương quốc Anh.

Sau này, khi ngẫm nghĩ về những nguyên nhân gây nên vụ bắt bớ ở Hồng Kông, chính Chủ tịch Hồ Chí Minh có lẽ cũng đi đến những kết luận như vậy. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Lâm Đức Thụ cho rằng không ai biết y phản bội, y liên về nước và với tư cách "bạn chiến đấu cũ" của Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm đến Phủ Chủ tịch gặp Người để tỏ ý sẵn sàng giúp chính quyền cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh, một người không bao giờ nghĩ đến chuyện trả thù, đã lạnh lùng nhìn y và nói:

- Ai ăn trầu, người ấy đỏ môi. Bây giờ anh thấy đấy, dù anh có phá hoại sự nghiệp của chúng tôi, nhưng cách mạng vẫn thành công.

*

* *

Theo kịch bản do sở mật thám Pháp và Anh đạo diễn thì khi bắt được Nguyễn Ái Quốc, người Anh phải báo cáo ngay cho chính quyền Pháp biết, chúng sẽ phái tàu thủy chờ sẵn ở Hồng Kông để bí mật chở Nguyễn Ái Quốc về Việt Nam; ở trong nước, chính quyền Pháp có



thể thi hành bản án tử hình đã dành sẵn cho Nguyễn Ái Quốc mà không bị kéo dài lồi thoi và không gây nên dư luận quá ồn ào. Ngày 11 tháng 11 năm 1929, Tòa án Nam Triều của thành phố Vinh đã theo lệnh của thực dân Pháp xử tử hình bảy người Việt Nam yêu nước, trong đó Nguyễn Ái Quốc bị kết án vắng mặt. Tính toán như thế, viên cảnh sát Hồng Kông - kẻ chỉ huy cuộc bắt bớ ở phố Tam Long không điểm xĩa gì đến việc phải nhận được lệnh của ủy viên công tố cho phép bắt ngoại kiều. Y lập luận rất có lý rằng tốt nhất là không nên để lại những chứng cứ bằng giấy tờ về việc này, vì những cái đó có thể làm hại y sau này.

Lúc đầu, mọi việc diễn ra trôi chảy như đã định liệu. Chỉ hai ngày sau, ở Pari, trên bàn làm việc của Bộ trưởng thuộc địa Pháp đã có bức điện của Méclanh cho biết là, "Nguyễn Ái Quốc - kẻ thù cực kỳ năng động và nguy hiểm - đã bị bắt ở Hồng Kông và việc bắt giữ này hết sức quan trọng để đảm bảo "an ninh của Đông Dương"". Từ cảng Hải Phòng, một chiếc tàu Pháp đã nhổ neo nhằm hướng Hồng Kông thẳng tiến. Chiếc tàu này có trách nhiệm chở một kẻ "nổi loạn" đang bị giam riêng biệt trong xà lim của cảnh sát Hồng Kông và không có một chút hy vọng nào về sự giúp đỡ từ bên ngoài. Các báo tư sản Pháp hân hoan ra mặt. Ngày 7 tháng 7, tờ Ôpiông ở Sài Gòn viết: "Với sự giúp đỡ của cơ quan phản gián Anh, người Anh đã bắt gọn được Nguyễn Ái Quốc như hái



một bông hoa. Đó là một thắng lợi tuyệt diệu và chúng ta phải tỏ lòng biết ơn các bạn người Anh, vì nhờ việc làm ấy, Bộ tham mưu của cộng sản Đông Dương đã bị bắt hết và Đảng Cộng sản bị tê liệt".

Nhưng rồi sự giúp đỡ cũng đã đến và đến từ một phía hoàn toàn không ngờ tới. Luật sư Phrăngxít Lôdobi, một luật sư người Anh khá nổi tiếng ở Hồng Kông lúc bấy giờ và đứng đầu một văn phòng luật gia có uy tín, một người có quan điểm tiến bộ - đã làm rối tung những nước cờ của cảnh sát. Ông quen biết những người Việt Nam yêu nước và có lần ông đã đảm nhận việc bào chữa và cứu thoát một chiến sĩ cách mạng Việt Nam bị bắt. Khi biết tin về vụ bắt Nguyễn Ái Quốc, đại diện của Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản đã yêu cầu Lôdobi bảo vệ nhà cách mạng Việt Nam này.

Luật sư cam kết với khách rằng ông sẽ đem hết sức mình để cứu thoát hoặc ít ra thì cũng nhẹ tội cho người bị bắt. Ngay hôm ấy, ông đến sở cảnh sát và với tư cách luật sư, ông yêu cầu được phép gặp một ngoại kiều vừa bị bắt tên là Tống Văn Sơ. Cuộc viếng thăm của Lôdobi như gáo nước lạnh dội lên đầu bọn cảnh sát. Chúng không ngờ rằng sau ba ngày mà vụ bắt bớ do chúng tiến hành dường như rất khôn khéo và kín đáo đã không còn là bí mật nữa đối với một luật sư nổi tiếng ở Hồng Kông. Chúng không thể cho phép diễn ra cuộc gặp mặt này, vì nếu biết Tống Văn Sơ bị bắt trái phép, không có lệnh của ủy viên công tố thì Lôdobi nhất định sẽ can thiệp vào vụ này và kế hoạch



của chúng vạch ra với cảnh sát Pháp sẽ đổ vỡ ngay tức khắc. Vì vậy, Lôdobi bị khước từ và cũng không được giải thích lý do vì sao ông không được phép gặp người bị bắt.

Biết rằng người luật sư nổi tiếng sẽ không bao giờ bỏ qua một vụ như thế, viên chánh cảnh sát quát tháo ầm ĩ, chửi bới om sòm về diễn biến bất ngờ của tình hình và buộc phải báo cáo việc y cho bắt người Đông Dương lên cấp trên. Theo đề nghị của y, lệnh bắt được tháo ra để thống đốc Hồng Kông ký sẽ để lùi lại vài ngày và như vậy trong văn bản chính thức "về vụ Tổng Văn Sơ và cô Lý Tam", ngày bắt được đề là ngày 12 tháng 6 năm 1931.

Dĩ nhiên, Lôdobi tiếp tục yêu cầu được gặp Tổng Văn Sơ và cuối cùng, đến lần thứ ba, khi sở mật thám đã "hợp pháp hóa" vụ bắt này và đã làm những thể thức cần thiết thì luật sư mới được gặp người bị bắt. Trong phòng gặp, trước mắt luật sư là một người gầy gò, luôn luôn ho rũ rượi, trên khuôn mặt hốc hác, nổi bật đôi mắt to sáng ngời. Sau này Lôdobi nhớ lại rằng lúc đầu Tổng Văn Sơ làm ông động lòng thương một cách sâu sắc, nhưng sau nửa giờ trò chuyện thì ông cảm thấy kính trọng, khâm phục và mong muốn bằng bất cứ giá nào cũng phải giúp đỡ con người có sức lôi cuốn này.

- Một trong những bạn đồng nghiệp của tôi, Lôdobi bắt đầu nói khi ông và Tổng Văn Sơ ngồi đối diện nhau bên cạnh chiếc bàn dài trong phòng thẩm tù nhân, đã cứu thoát bác sĩ Tôn Trung Sơn khi bác sĩ bị kẻ thù của mình bắt được ở Luân Đôn. Giờ đây, tôi muốn giúp ông,



vì thế, tôi đề nghị ông hãy tin tôi. Ông cần phải kể cho tôi nghe tất cả những gì có liên quan đến công việc của ông. Điều này sẽ làm cho tôi bào chữa ông trước tòa. Tôi sẽ không hỏi những điều vượt ra ngoài phạm vi cần thiết, bởi vì, tôi hiểu rằng mỗi người cách mạng đều có bí mật riêng của mình.

Sau khi được Tổng Văn Sơ cung cấp những tin tức cần thiết về vụ bắt bớ và sau khi đã cùng nhau xác định hướng bào chữa, chủ yếu là không để Tổng Văn Sơ bị trao cho chính quyền Pháp, luật sư trở về nhà chuẩn bị mọi tài liệu cần thiết rồi chuyển vụ án lên Tòa án tối cao của Hồng Kông.

Vụ án đưa ra xét xử công khai. Nhưng trong tòa án và xung quanh tòa án có lính canh gác để phòng trường hợp "tên tội phạm nguy hiểm" chạy trốn. Vụ xét xử diễn ra theo đúng truyền thống lâu đời của nền tư pháp Anh. Chánh án ngồi ở giữa, cao hơn tất cả mọi người, những người giúp việc và các trạng sư mặc áo choàng đen, mang bộ tóc giả hồ bột. Trên bàn, trước mặt họ có những bộ luật dày cộp. Cả công tố viên buộc tội lẫn luật sư bào chữa đều chăm chú đọc để trích dẫn những đoạn cần thiết xác nhận lý lẽ của mình. Ở tòa án, chỉ có người buộc tội và người bào chữa được quyền nói. Bị cáo và các luật sư của bị cáo trao đổi với nhau qua những mẫu giấy. Lôđôbi là luật sư chính của vụ án Tổng Văn Sơ, nhưng người bào chữa trước tòa lại là tiến sĩ Giăngking, bạn đồng nghiệp của luật sư.



"Lần thứ hai tôi gặp Tổng Văn Sơ là lúc Tổng Văn Sơ ở tòa án, Lôdobi nhớ lại, Tổng Văn Sơ đứng sau song sắt cạnh ghế bị cáo và tôi nhận thấy hai tay ông bị còng. Tôi nói điều này với Giăngking. Giăngking quay về phía quan tòa yêu cầu cho phép bị cáo giơ tay lên cho tòa nhìn thấy. Tổng Văn Sơ giơ cả hai tay bị còng lên. Giăngking nói: Luật pháp quy định rằng bị can vào tòa không phải bị còng tay. Quan tòa đành ra lệnh tháo còng cho Tổng Văn Sơ. Sau khi lệnh ấy được thực hiện, Giăngking mới bắt đầu bào chữa cho bị can".

Nhiệm vụ của các trạng sư rất phức tạp. Công tố viên buộc cho Tổng Văn Sơ cái tội phổ biến vào thời kỳ ấy mà bọn tư sản nhiều nước thường dùng trong cuộc đấu tranh với những người cách mạng là "*cộng sản*", là "*gián điệp của Mátxcova*" đến Hồng Kông với mục đích "*lật đổ chính quyền của Vương quốc Anh*". Công tố viên yêu cầu tuyên án bị cáo nhiều năm tù, hoặc ít ra thì cũng phải trục xuất bị cáo về Đông Dương, vì ở Đông Dương bị cáo đã bị tòa án địa phương kết án. Những tin tức này là do chính quyền Pháp cung cấp cho cảnh sát Anh. Mật thám Pháp cũng được phái từ Hà Nội sang Hồng Kông để cùng với lãnh sự Pháp lái vụ án theo hướng cần thiết và thỏa thuận với chính quyền Anh trao nhà cách mạng Việt Nam cho Pháp.

Lôdobi và các đồng nghiệp của ông quyết định là trong khi bào chữa cho Tổng Văn Sơ phải sử dụng những điều đặc biệt của tòa án Anh, chẳng hạn phải tuân theo



từng câu từng chữ các quy tắc và quy định. Lý lẽ của các ông quy về ba yếu tố cơ bản sau đây:

1. Việc bắt Tống Văn Sơ là bất hợp pháp vì Tống Văn Sơ bị bắt ngày 6 tháng 6, nhưng mãi đến 12 tháng 6, thống đốc Hồng Kông mới ký lệnh bắt.

2. Các cơ quan thẩm vấn đã có những hành vi trái pháp luật, nêu ra cho bị cáo những câu hỏi vượt ra ngoài phạm vi thẩm vấn. Nền tư pháp Anh thời đó còn giữ một quy định cũ là trong khi hỏi cung người bị tạm giữ, viên dự thẩm chỉ được quyền hỏi không quá 5 câu; họ tên, nghề nghiệp, v.v.. Lôđôbi biết rõ là, ngoài 5 câu hỏi chung trên đây, ở sở cảnh sát, Tống Văn Sơ còn nhiều lần bị hỏi một câu hỏi có tính chất khiêu khích: "Ông có hay đến nước Nga không và đến với mục đích gì?". Như vậy chính quyền đã vi phạm lời văn của luật pháp.

3. Yêu cầu của công tố viên đòi trục xuất bị cáo về Đông Dương, nơi bị cáo nhất định sẽ bị tử hình cũng mâu thuẫn với luật pháp. Luật pháp Anh và cụ thể là những tài liệu chính thức của nhà vua về hiệu lực của các luật lệ ấy ở thuộc địa nêu rõ rằng, nếu tội phạm, chẳng hạn như bị Tòa án Thượng Hải kết án mà lại có mặt ở Hồng Kông, thì chính quyền Hồng Kông phải bắt ngay tội phạm và trao cho chính quyền Thượng Hải, nhưng trong trường hợp này có nói thêm rằng những quy định ấy chỉ áp dụng với những ai là thần dân của Vương quốc Anh. Tống Văn Sơ là thần dân của một nước khác, vì thế, không thể áp dụng quy định ấy đối với Tống Văn Sơ được.



Khi bắt đầu vụ án, chính quyền dự định là ngay trong phiên xử án đầu tiên, họ sẽ đạt được quyết định: trục xuất bị cáo về Đông Dương bằng chiếc tàu Pháp đã chờ sẵn ở bến cảng Hồng Kông. Nhưng hoạt động của trạng sư bào chữa đã lật nhào mọi tính toán của họ. Cuộc thảo luận xung quanh những lý lẽ của luật sư bào chữa đưa ra nhằm đề nghị tha bổng bị can kéo dài suốt chín phiên xử, từ tháng 6 đến tháng 10. Cuối cùng, tòa án thông qua một quyết định sáng suốt: xóa bỏ mọi điều buộc tội Tổng Văn Sơ, tuy nhiên, Tổng Văn Sơ vẫn bị trục xuất khỏi thuộc địa Anh và phải về Đông Dương.

*

* *

Dường như mọi chuyện đều kết thúc. Nhưng đến đây tiếng nói xác đáng của tình đoàn kết quốc tế đã vang lên. Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản thông qua phân bộ Quốc tế cứu tế đỏ của Pháp tham gia trực tiếp vào vụ án Tổng Văn Sơ. Phối hợp với "những người bạn của Tổng Văn Sơ", như đại diện của Quốc tế cứu tế đỏ tự giới thiệu, Lôdobi chống lại quyết định của tòa án Hồng Kông và theo luật của Anh, ông gửi đơn chống án lên Hội đồng cơ mật của nhà vua ở Luân Đôn. Theo yêu cầu của ông, một luật sư Anh nổi tiếng lúc bấy giờ là Noien Prít chịu trách nhiệm bào chữa cho Tổng Văn Sơ tại Hội đồng cơ mật của nhà vua.



Bấy giờ chỉ còn cách chờ đợi kết quả. Nguyễn Ái Quốc sống những ngày đơn điệu, buồn tẻ như những trảng cát ở sa mạc Gôbi, trong xà lim một người của nhà tù trung ương Hồng Kông - nhà tù Víchtoría. Đó là một ngôi nhà ba tầng tối tăm với những hành lang hẹp chạy dài, hai bên là những chấn song của vô số xà lim giam tù nhân. Xà lim giam Nguyễn Ái Quốc là loại xà lim một chiều 2 mét, một chiều 1 mét, chỉ có thể giam được một người mà thôi. Ngay sát trần, ở độ cao 3 mét, có một cửa sổ rất hẹp hình bán nguyệt bịt chấn song. Đêm đêm, có thể nhìn qua cửa sổ ấy thấy những ngôi sao lấp lánh trên nền trời nhiệt đới đen thẫm.

Hằng ngày, cũng như những người tù khác, Nguyễn Ái Quốc được phép đi dạo mười lăm phút. Dẫn Nguyễn ra khỏi buồng giam là một viên coi ngục lầm lì người Nêpan có bộ râu quai nón đen. Mảnh sân nhà tù hình chữ nhật hẹp được bao quanh bằng những bức tường cao, trông tựa như đáy một chiếc giếng. Nhưng dù sao, đi dạo cũng là điều thú vị - Nguyễn nghe thấy tiếng người và bản thân anh cũng được nói, được nhìn mặt mọi người và một mảnh vườn nho nhỏ.

Lôdôbi và vợ ông thường đến thăm Nguyễn Ái Quốc trong nhà tù, họ chân thành quyến luyến với Nguyễn. Trong bức thư gửi "những người bạn của Tổng Văn Sơ" vào những ngày ấy, Lôdôbi viết:

"Tôi muốn nói để các ông biết rằng khách hàng của tôi là một người có văn hóa cao, và do nhiều nguyên nhân,



tôi là người duy nhất mà ông ấy có thể tin cậy (trong số đó kể cả nhân viên làm với tôi nhưng không phải là tất cả). Do lòng thương người, tôi thường đến thăm ông ấy những lúc có thể được và giữa chúng tôi đã hình thành mối quan hệ mà tôi có thể nói là thân thiết. Do đó, tôi sẽ coi là tổn thất của cá nhân nếu như ông ấy bị trao cho người Pháp hoặc bị bọn mật thám Pháp giết hại.

Trong lúc đó khả năng ông ấy có thể bị bọn mật thám Pháp giết hại làm cho chúng tôi lo lắng đến mức chúng tôi phải thi hành những biện pháp để không một ai, ngoài vợ chồng chúng tôi ra, có thể đến thăm ông ấy. Từ những nguồn tin xác đáng, tôi biết rằng bọn Pháp đã treo giải 75 ngàn đồng để thưởng cho kẻ nào bắt được ông ấy. Ngay có thể trong trường hợp đơn kháng cáo được chấp nhận và khách hàng của tôi được tự do thì ông ấy vẫn đứng trước nguy cơ hiện thực là bị bọn mật thám Pháp giết hại. Ông ấy không thể ở lại đất thuộc địa này vô thời hạn. Vì phần lớn cảnh sát Hồng Kông đã biết mặt ông ấy quá rõ. Ít có cơ hội để ông ấy đi khỏi Hồng Kông mà bọn Pháp lại không hay biết, chúng trả giá rất cao cho những tin tức về ông ấy...".

Mặc dầu Lôdobi áp dụng những biện pháp đề phòng và ngoài vợ chồng ông ra, không ai có thể đến thăm Tổng Văn Sơ được, nhưng tình hình bỗng thay đổi: phạm vi những người quen biết của Tổng Văn Sơ đột nhiên mở rộng do hai nhân vật khá nổi tiếng ở Hồng Kông. Sau mấy tháng bị giam trong xà lim một người,



bệnh lao vốn có của Tổng Văn Sơ lại tái phát. Lôdobi tích cực can thiệp để Tổng Văn Sơ được chuyển đến bệnh viện của nhà tù. Một lần trên đường đến bệnh viện, khi rẽ vào hàng hoa mua mấy bông hoa sen để tặng người ốm, bà Lôdobi gặp vợ viên Phó Thống đốc Hồng Kông Tômát Xautôn ở lối vào. Trong giới văn học và sân khấu Hồng Kông, bà được nhiều người biết đến hơn với biệt hiệu Xtenla Benxon. Vốn là chỗ bạn thân, hai bên trò chuyện vui vẻ, bà Lôdobi đã kể cho bà bạn của mình nghe về Tổng Văn Sơ, người mà vợ chồng bà đang giúp đỡ. Câu chuyện làm bà Xtenla thích thú và bà tỏ ý muốn đến thăm Tổng Văn Sơ. Lần sau bà Lôdobi đến bệnh viện cùng với bà bạn quyền cao chức trọng của mình. Bà Xtenla trò chuyện hồi lâu với Tổng Văn Sơ, bà rất khâm phục tài nói tiếng Anh và thái độ lịch thiệp của người tù này. Về đến nhà, bà làm toáng lên với ông chồng về việc tại sao lại bỏ tù một người có văn hóa đến thế, lại là người ngoại quốc nữa. Bà bắt ngay Xautôn cùng với mình đến bệnh viện làm quen với người tù Việt Nam. Đối với viên Phó Thống đốc Xautôn, cũng như những người bạn Anh khác, Nguyễn đã gây được ấn tượng tốt đẹp. Sau này, sự kiện ấy đã đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết thuận lợi "vụ Tổng Văn Sơ".

Trong những ngày đầu tháng 7 năm 1932, nghĩa là gần một năm sau khi bắt đầu vụ án Tổng Văn Sơ, Lôdobi nhận được tin vui từ Luân Đôn gửi đến: đơn kháng cáo của ông đã được chấp nhận. Một bạn đồng nghiệp của ông cho



biết chi tiết việc xem xét vụ án trước Hội đồng cơ mật của nhà vua. Xtappho Gríp, người bảo vệ quyền lợi cho chính quyền Hồng Kông (sau này trở thành một nhà hoạt động nổi tiếng trong Công đảng Anh - E.C), sau khi nghiên cứu tài liệu vụ án đã đi đến kết luận: trong trường hợp đem ra xét xử lại, chính quyền Hồng Kông có thể thất bại do thiếu tang chứng, và do đó, uy tín sẽ bị giảm sút. Để tránh kết cục như thế, Gríp đã gặp luật sư bào chữa của Tổng Văn Sơ ở Hội đồng cơ mật của nhà vua và hai người thỏa thuận ký kết văn bản về việc trả lại tự do cho người tù An Nam mà không xem xét thêm nữa.

Các báo Hồng Kông trước đó giữ thái độ hầu như hoàn toàn im lặng đối với "vụ Tổng Văn Sơ", thì nay lại cho đăng những dòng tít lớn nổi bật: "Một vụ án đáng chú ý đã kết thúc", "Người tù An Nam được trả lại tự do và không bị trục xuất về Đông Dương", "Quyền lực lớn lao của luật pháp". Một tờ báo viết: "Đơn kháng án lên Hội đồng cơ mật của nhà vua nhân danh Tổng Văn Sơ - một người dường như là nhà cách mạng Việt Nam - được gửi đi do có lệnh trục xuất của Thống đốc Uylieem Pin ký năm ngoái đã được xem xét có lưu ý đến điều luật của nước Anh về quyền bất khả xâm phạm của cá nhân ("điều luật Habêát"). Vụ án đã phải ngừng lại sau khi xem xét ngày 27 tháng 6 trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên... Nhà vua đã quyết định không phải tuân theo việc phê án trước đây. Kết quả đã đạt được là Tổng Văn Sơ sẽ bị trục xuất đến nơi mình chọn lấy và nơi đó phải được



giữ bí mật. Ngoài chính quyền Pháp ra, mọi người quan tâm đến vụ án này đều nhất định sẽ hài lòng về quyết định ấy...".

Thế là đã đến ngày xiết bao mong đợi - ngày được trả lại tự do. Lúc này, điều quan trọng là phải rời khỏi Hồng Kông càng nhanh, càng bí mật càng tốt. Trong cuộc họp gia đình tại nhà Lôdobi, mọi người quyết định tìm cho Tống Văn Sơ một vé tàu thủy sắp đi châu Âu, và Tống Văn Sơ sẽ lên bờ ngay sau khi tàu cập bến đầu tiên. Cuộc chia tay cảm động và đượm buồn - trong vòng một năm hai vợ chồng Lôdobi đã kịp gắn bó nhiều với Tống Văn Sơ.

Nhưng kìa, con tàu đã rời bến, cách ngang cửa biển Hồng Kông tuyệt đẹp và mát hút về phía chân trời.

Lôdobi hết sức kinh ngạc khi vài ngày sau ông nhận được thư của Tống Văn Sơ cho biết: khi vừa đặt chân lên Xingapo thì Tống Văn Sơ bị cảnh sát địa phương bắt giữ. Sau đó Tống Văn Sơ bị giải về Hồng Kông và hiện giờ thì lại bị giam giữ ở cảnh sát đúng như một năm trước.

"Tôi vô cùng phẫn nộ - Lôdobi nhớ lại - Tối hôm ấy, tôi ngồi đến tận khuya bên bàn làm việc, suy nghĩ xem phải làm gì bây giờ. Cuối cùng, tôi đã tìm được cách giải quyết. Sáng hôm sau, tôi đến dinh thống đốc. Sau khi bày tỏ sự phẫn nộ của mình với ngài thống đốc Uyliêm Pin về việc chính quyền không giữ lời hứa, tôi yêu cầu ông ta cho phép Tống Văn Sơ đến Hạ Môn (một thành phố nghỉ mát của Trung Quốc ở phía Đông Bắc Hồng Kông - E.C)



bằng một chuyến tàu thủy do chính tôi tự chọn lấy. Ngày hôm sau, tôi nhận thư riêng của thống đốc, nhưng đồng thời ông ta tỏ ý e ngại rằng cảnh sát bến cảng làm nhiệm vụ kiểm tra hành khách trước khi tàu khởi hành có thể bắt giữ Tổng Văn Sơ".

Sau khi trả tự do lần thứ hai, Lôdobi thu xếp cho Nguyễn ở trong ký túc xá của Hội những người Thiên Chúa giáo trẻ Trung Quốc. Để giữ bí mật, vợ chồng Lôdobi mua cho Nguyễn một bộ quần áo Trung Quốc mà các nhà bác học hoặc giới thượng lưu thường mặc lúc bấy giờ: áo chùng, tay thụng, đầu đội mũ mềm màu đen, chân đi giày vải. Nguyễn đeo râu giả - những năm ấy Nguyễn chưa để râu - nên trông khác hẳn đi.

Bí mật rời khỏi Hồng Kông bằng cách nào đây? Để tránh sự kiểm soát của cảnh sát, Tổng Văn Sơ sẽ đi ca nô, hoặc thuyền buồm ra khơi và ở đó, chờ tàu thủy đi Hạ Môn. Cách này chắc chắn, tuy có phần mạo hiểm. Nhưng kế hoạch này cũng không thực hiện được, nếu không có sự giúp đỡ của người khác. Suy nghĩ mãi, vợ chồng Lôdobi quyết định đánh liều nhờ đến tác động của Xautôn là người rất có cảm tình với người bạn Việt Nam của họ. Viên Phó Thống đốc Xautôn vui vẻ đồng ý giúp đỡ. Một hôm Xautôn đề nghị Thống đốc Uyliêm Pin cho phép dùng ca nô riêng của Thống đốc. Lôdobi mua hai vé hạng nhất trên một chiếc tàu Nhật Bản đi Thượng Hải, một vé dành cho Tổng Văn Sơ, một vé dành cho viên chức Trung Quốc, đây là người được



Lôdobi tin cậy, vì thế ông yêu cầu người này đưa Tống Văn Sơ đến Hạ Môn.

Vào lúc tảng sáng hôm tàu thủy rời bến đi Tây Hoàng thì chiếc canô của Thống đốc có cò cắm trên cột buồm, có lính bảo vệ đứng trên boong đang đậu ở khu vực quý tộc của Hồng Kông. Một người Trung Quốc, ăn mặc sang trọng có thư ký đi theo bước lên canô. Người này thân mật từ biệt hai người châu Âu - một nam, một nữ - họ lần lượt ôm hôn nhau rồi sau đó, chiếc canô rời bến chạy ra khơi. Đàng xa, hiện lên một con tàu trắng đang tiến về hướng đông. Viên thuyền trưởng nhận được tín hiệu đánh đi từ chiếc canô, yêu cầu dừng tàu lại và nhận lên tàu hai người khách của Thống đốc Hồng Kông đã đặt chỗ sẵn trên tàu. Thang tàu hạ xuống nước. Viên thuyền trưởng đích thân ra đón vị khách quý, y đưa tay lên mũ chào theo kiểu nhà binh rồi dẫn khách vào buồng riêng. Sau mấy giờ, con tàu an toàn đến Hạ Môn là nơi cả luật pháp Anh lẫn luật pháp Pháp đều không có hiệu lực.

... Chủ tịch Hồ Chí Minh mang ơn hai ông bà Lôdobi suốt đời. Sau khi trở thành Chủ tịch nước Việt Nam tự do, mỗi lần Tết đến, Chủ tịch lại gửi thiệp chúc mừng và hoa đến hai người. Tháng 1 năm 1960, cụ Lôdobi cùng với vợ và con gái đến Hà Nội theo lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách là khách danh dự của Chủ tịch. Hai cụ và con gái đã ở Việt Nam cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh và



các bạn chiến đấu của Người đón Tết Nguyên đán rực rỡ
cờ hoa...¹.

*

* *

... Trước khi bào chữa cho vụ của Hồ Chủ tịch, tôi được nhiều người ở Hương Cảng biết tiếng, vì hồi đó tôi có bào chữa cho một người Việt Nam bị nhà cầm quyền Hương Cảng bắt. Hiện nay tôi không nhớ tên người Việt Nam đó là ai. Nhà cầm quyền Hương Cảng định giao người Việt Nam này cho thực dân Pháp ở "An Nam" với lý do là "An Nam" là của người Pháp. Sau khi xem lại các hiệp định ký kết giữa Pháp và vua "An Nam" lúc đó, tôi thấy chỉ có một hiệp ước trong đó nhà vua "An Nam" nhận cho cố vấn người Pháp sang "An Nam". Do đó tôi chuẩn bị giấy tờ ra trước tòa cãi rằng "An Nam" là của nhà "vua An Nam" chứ không phải của người Pháp, cho nên không thể trao trả người Việt Nam đó cho Pháp được. Sau đó người Việt Nam trên được thả. Nhờ vậy mà ở Hương Cảng có thêm một số người biết tôi.

... "Một hôm có một người Việt Nam, hiện nay tôi không nhớ rõ tên là gì nữa* đến gặp tôi và báo cho tôi biết nhà cầm quyền Hương Cảng mới bắt được một người Việt Nam, yêu cầu tôi giúp bào chữa cho người Việt Nam

1. Xem E.Côbêlêp: *Đồng chí Hồ Chí Minh, Sdd.*

* Đó là đồng chí Hồ Tùng Mậu.



đó. Được tin này tôi đến nhà lao và gặp Tổng Văn Sơ tức tên của Hồ Chủ tịch lúc đó. Tổng Văn Sơ kể cho tôi nghe ông bị Pháp ở Đông Dương kết án tử hình và có nhận mặt được một sĩ quan Pháp ở Hương Cảng.

Lúc đó tôi mới biết bọn Pháp ở Đông Dương đã nhờ nhà cầm quyền Hương Cảng bắt Tổng Văn Sơ đồng thời Tổng Văn Sơ cũng nói cho tôi biết trường hợp bị bắt của mình. Sau đó tôi gặp hội đồng luật sư để xem cần phải làm gì và về chuẩn bị giấy tờ đến gặp chánh án...

Lần thứ hai tôi gặp Tổng Văn Sơ là ở tòa án. Chánh án ngồi trên bành cao. Tôi cũng có mặt trong phiên tòa cùng với luật sư Gien Kin. Tổng Văn Sơ đứng trước vành móng ngựa, tay bị xích. Tôi bảo Gien Kin nhìn Tổng Văn Sơ xem. Gien Kin nói với chánh án xem tay Tổng Văn Sơ. Tổng Văn Sơ giờ tay đang bị xích lên cao. Gien Kin nói: luật pháp quy định bị cáo vào tòa án không phải bị xích. Do đó chánh án phải ra lệnh tháo xích ở tay Tổng Văn Sơ. Sau đó Tổng Văn Sơ được tháo xích rồi Gien Kin mới đọc những lời bào chữa của luật sư.

Theo luật pháp của Anh hồi bấy giờ, khi bắt một người chỉ được hỏi người đó năm câu mà thôi. Năm câu đó hiện nay tôi cũng không nhớ là những gì, nhưng đại để là tên, tuổi, làm nghề gì?... Không được hỏi sang câu thứ sáu dù đó là câu gì. Nhưng khi bắt Tổng Văn Sơ nhà cầm quyền Hương Cảng lại hỏi câu thứ sáu là: "Vì sao anh sang Nga?". Nhà cầm quyền hỏi câu thứ sáu đó là trái



pháp luật nên cuối cùng tòa án phải tuyên bố phóng thích Tổng Văn Sơ.

Nhưng vừa thả Tổng Văn Sơ ra, cảnh sát Hương Cảng lại bắt giam lần thứ hai với âm mưu giao cho Pháp hoặc cho ám sát. Lần này tòa án nói lần giam thứ hai là hợp pháp vì Tổng Văn Sơ đã bị kết án tử hình ở Đông Dương nên phải trả lại cho nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương. Sau khi tôi nghiên cứu tài liệu thì thấy rằng một người bị kết án ở Thượng Hải chẳng hạn như sang Hương Cảng thì nhà cầm quyền Hương Cảng bắt lại và trao trả cho nhà cầm quyền Thượng Hải, nhưng điều đó chỉ áp dụng cho những người thuộc quốc tịch Anh mà thôi. Do đó tôi thấy cần phải đưa việc này lên tòa kháng án ở Luân Đôn. Tôi chuẩn bị giấy tờ đưa in tử tế rồi gửi đi Luân Đôn cho các luật sư của tôi ở Luân Đôn.

Các luật sư ở Luân Đôn viết thư trả lời cho tôi biết họ đã nhờ luật sư Porít (Pritt). Tôi phải kiếm tiền để trả cho luật sư Porít. Còn về phía nhà cầm quyền Hương Cảng thì họ nhờ luật sư Xtapho Kiríp (Staffort Cripps). Sau khi nhận được tài liệu của nhà cầm quyền Hương Cảng, luật sư Xtapho Kiríp đến gặp Porít, nói với Porít rằng ông đã được nhà cầm quyền Hương Cảng giao cho làm việc này, nhưng thấy không thể đem việc này ra tòa được vì mang ra tòa thì nhà cầm quyền Hương Cảng sẽ thất bại. Cuối cùng hai luật sư đồng ý phải phóng thích Tổng Văn Sơ, Xtapho Kiríp thay mặt nhà cầm quyền Anh hứa giúp



phương tiện cho Tổng Văn Sơ muốn đi đâu thì đi. Sau đó Tổng Văn Sơ lại được phóng thích.

Trong thời gian Tổng Văn Sơ ở nhà lao, tôi có đến thăm nhiều lần, có mang theo cả bà Lôdobi và con gái đến thăm. Bà Lôdobi thường mang thức ăn đến cho Tổng Văn Sơ. Lúc đó, ngay cả Tômát Saothono (Thomas Southon), hồi đó làm thư ký thuộc địa là người thứ hai sau Công sứ Hương Cảng và vợ Saothono là một văn nghệ sĩ nổi tiếng (thường lấy tên là Stalla Benson*) cũng đến nhà lao gặp Tổng Văn Sơ một cách tử tế. Từ trước đến nay chưa bao giờ có chuyện như vậy. Ai gần Tổng Văn Sơ lúc đó đều phải kính phục. Sau khi ở nhà lao ra, Tổng Văn Sơ bị đau phải vào nhà thương nằm, chúng tôi cũng thường hay lui tới.

Hồi đó có chuyến tàu đi Liên Xô qua Tân Gia Ba. Theo ý kiến của Tổng Văn Sơ, tôi sắp đặt để Tổng Văn Sơ đi Tân Gia Ba, nhưng nhà cầm quyền Hương Cảng không muốn như vậy lại bí mật điện cho cảnh sát Tân Gia Ba bắt lại và đưa về Hương Cảng. Khi về đến Hương Cảng, Tổng Văn Sơ có viết một bức thư nói rõ sự việc xảy ra và yêu cầu tôi can thiệp.

Tôi rất bức khi nhận được tin này. Đêm đó tôi ngồi suy nghĩ suốt từ 8 giờ đến 12 giờ đêm xem nên làm như thế nào. Sáng hôm sau, tôi quyết định đến gặp Công xứ

* Xtenla Benxon - BT.



Hương Cảng lúc đó là Uyliêm Pin (William Peel) và nói nhà cầm quyền Hương Cảng đã không giữ lời hứa và đề nghị để cho Tổng Văn Sơ đi Hạ Môn bằng một chuyến tàu tôi đã chọn trước. Sau đó Công xứ Hương Cảng có gửi thư riêng cho tôi nói nếu đưa Tổng Văn Sơ xuống tàu ở bến thì khi cảnh sát khám xét tàu trước khi nhổ neo có thể nhận ra Tổng Văn Sơ và bắt giữ lại, vì vậy phải lấy một chiếc thuyền riêng đưa Tổng Văn Sơ ra ngoài khơi rồi hãy lên tàu. Tôi cho anh thư ký riêng người Trung Hoa* của tôi tên là Loóng, hiện nay vẫn còn làm việc với tôi, đưa Tổng Văn Sơ ra ngoài khơi, hẹn chiếc tàu sau khi đã khám xét xong sẽ đậu lại để Tổng Văn Sơ lên đi Hạ Môn (Luật sư Lôdobi có hai người thư ký Trung Hoa, một người tên là Loóng, một người tên là Vong).

Suốt trong thời gian khi ở Tân Gia Ba về Hương Cảng, đến khi đi Hạ Môn, gia đình chúng tôi có ý giúp đỡ Tổng Văn Sơ. Để tránh cho bọn mật thám khỏi bị theo dõi, tôi đã đưa Tổng Văn Sơ vào ở trong ký túc xá của Hội Thanh niên cách mạng Thiên Chúa giáo Trung Hoa (Chinese Young Men Christians Association). Hội này có hệ thống từ bên Anh. Ký túc xá của Hội này gồm những nhân viên thanh niên, học sinh, sinh viên, giáo sư... phần lớn chưa có gia đình đến ở với giá rẻ.

Ban ngày, Tổng Văn Sơ ở trong nhà. Bà Lôdobi thường mang thức ăn đến. Tổng Văn Sơ có đưa cho bà một sợi

* Luật sư, thư ký và là người giữ hồ sơ cho Luật sư Lôdobi.



dây, trên có đánh dấu bằng từng nút chiều đo của vai, tay, cổ để bà cụ mang về cho Tống Văn Sơ một bộ quần áo dài Trung Hoa giả làm một giáo sư người Trung Hoa vẫn ở trong ký túc xá của Hội thanh niên Thiên Chúa giáo Trung Hoa. Lúc đó Tống Văn Sơ cũng để râu mép để giả dạng. Tối đến, tôi hẹn Tống Văn Sơ và đợi một chỗ vắng gần ký túc xá của Hội thanh niên Thiên Chúa giáo Trung Hoa. Vì xung quanh ký túc xá có một bãi rộng nên tôi giả làm kiến trúc sư người Âu, còn Tống Văn Sơ giả làm một nhà thầu khoán đi xem đất xây nhà, rồi Tống Văn Sơ về nhà ăn cơm chiều. Tôi không nhớ việc này xảy ra vào tháng mấy, nhưng chỉ nhớ lúc đó trong nhà phải có lò sưởi và bộ quần áo may cho Tống Văn Sơ là bộ quần áo mặc rét.

Trong khi ăn cơm, bà Lôdobi cũng rất cẩn thận, không để cho người làm nhận ra Tống Văn Sơ. Trong phòng ăn ở nhà tôi thời đó có một cái tủ, trên tủ có một tấm gương to. Bà Lôdobi thường xếp Tống Văn Sơ ngồi quay lưng về phía gương để người đứng sau không thể nhìn được mặt Tống Văn Sơ trong gương. Sau khi ăn cơm chiều xong, ngồi nói chuyện ở lò sưởi một lúc rồi tôi lại lái xe đưa Tống Văn Sơ về. Nhưng trước khi đến chỗ để Tống Văn Sơ xuống, tôi cũng cho xe chạy lung tung để đánh lạc hướng người theo dõi. Ở nhà tôi hồi đó có nhiều người bạn Trung Hoa đến chơi, nên người nhà cũng cho Tống Văn Sơ là một người bạn Trung Hoa quen của gia đình tôi mà thôi.



Sau khi Tống Văn Sơ đi Hạ Môn rồi tôi không được tin tức gì nữa. Mãi đến sau này tôi mới được hai bức thư ký tên là New man (người mới) của Tống Văn Sơ và nói tôi viết thư trả lời. Nhưng tôi sợ bọn cầm quyền tìm ra địa chỉ của Tống Văn Sơ nên tôi không viết thư trả lời ..."¹.

IX

Bác vào trường Lênin là trường Đảng cao cấp cho các lãnh tụ nước ngoài. Trường này có hai ban: ban dài hạn ba năm và ban ngắn hạn sáu tháng. Bác học ở ban ngắn hạn. Ở trường, Bác lấy tên là Linốp. Còn đối với nhóm học sinh Việt Nam ở Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa thì Bác lấy tên là Lin.

Trong khi còn học ở trường Lênin, Bác liên hệ với nhóm Việt Nam rất chặt chẽ. Thường thường buổi tối, Bác đến nói chuyện về kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, nhất là Bác chú ý bồi dưỡng cho anh em về đạo đức cách mạng, đặc biệt là tinh thần đoàn kết. Đôi khi, những anh em đó do có người còn ít tuổi và cũng chưa được rèn luyện mấy trong trường đấu tranh cách mạng nên có những chuyện xích mích lật vật có tính chất cá nhân, Bác

1. Xem: *Câu chuyện của Phorăngxít Hăngri Lôdobi kể lại về vụ bào chữa cho Hồ Chủ tịch năm 1931 nhân dịp hai ông bà sang thăm Việt Nam năm 1960*, Tài liệu Ban Nghiên cứu Đảng Trung ương.



phải phân xử cả những việc như vậy. Điều mà Bác muốn anh em thấm nhuần là cần bỏ những tính tự cao tự đại, tự tư tự lợi, những biểu hiện vô kỷ luật, vô tổ chức, và phải luôn luôn đoàn kết, đặt lợi ích cách mạng lên trên hết. Bác thường nói với anh em: "Nếu chúng ta ở đây, chỉ có mấy người mà không đoàn kết với nhau được thì còn nói gì đến khi về nước đoàn kết nhân dân, quần chúng để đánh thực dân, cứu nước?".

Học xong trường Lênin thì Bác chuyển sang Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, đồng thời làm việc ở Quốc tế Cộng sản. Bác dạy nhóm Việt Nam về tổ chức và lịch sử Đảng.

Tuy là lãnh đạo nhóm nhưng Bác vẫn hòa mình với anh em, tham gia mọi công tác như anh em khác: viết báo tường, tham gia các tiết mục trong những buổi diễn, tổ chức đi tham quan, đi chơi với các anh em, nhận phiên dịch ra tiếng Việt các tài liệu, v.v..

Trong khi nói chuyện với anh em về kinh nghiệm đấu tranh của mình, Bác thường dùng những thí dụ cụ thể, thiết thực do phần đông anh em trình độ còn thấp (phần nhiều từ Pháp sang và trước đó là bồi bếp, hoặc thủy thủ). Ví dụ nói đến đoàn kết thì Bác lấy câu chuyện bó đũa: cả nắm khó bẻ nhưng lấy ra từng chiếc thì dễ bẻ, v.v..

Đọc báo Đảng bằng tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, có bài nào nói đến những cuộc đấu tranh thắng lợi của quần chúng ở các nước, Bác đều dịch cho anh em nghe, một là để bồi dưỡng tinh thần quốc tế chủ nghĩa cho các đồng



chí, hai là để tăng thêm sự tin tưởng của anh em ở lực lượng cách mạng.

Bác rất chú ý dạy cho anh em cách viết, qua việc duyệt các bài báo hoặc các tài liệu do anh em dịch ra tiếng Việt. Bác luôn luôn chú ý làm cho anh em viết một cách đơn giản hơn, dễ hiểu, không dùng nhiều danh từ, và nếu dùng thì cho đúng. Văn dịch hoặc văn viết, nếu Bác thấy lủng củng, khó hiểu tức thì Bác gạch chân bảo viết lại hay dịch lại.

Vào mùa thu năm 1934, các đồng chí Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai sang Liên Xô. Cùng sang với hai đồng chí còn có hai đồng chí ở nước ngoài và một đồng chí người Nùng quê ở Cao Bằng (tức là đồng chí Tuy hiện làm ở Bộ Nội vụ).

Đồng chí Minh Khai và ba đồng chí kia học ở lớp đặc biệt của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Nhóm này, về Đảng do đồng chí Lê Hồng Phong phụ trách. Còn Bác thì phụ trách chung cả nhóm cũ và nhóm này. Vì điều kiện bí mật nên hai nhóm ở hai nhà riêng biệt.

Cùng đồng chí Lê Hồng Phong và Minh Khai, các đồng chí kia sang để dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản. Đến năm 1935 thì Quốc tế Cộng sản khai mạc đại hội và công nhận Đảng ta chính thức gia nhập Quốc tế Cộng sản. Đồng chí Lê Hồng Phong... được bầu vào Ban Chấp hành mới của Quốc tế Cộng sản.



... Bác vẫn sẵn sóc cả hai nhóm cũ, mới như nhau. Bác tham gia mọi hoạt động của cả hai nhóm rất tích cực: biểu diễn văn nghệ, viết bích báo, kể chuyện, đi tham quan, v.v..

Sau khi thôi học ở trường Lênin, Bác đến ở cùng một nhà với nhóm thứ nhất. Lúc đầu Bác ở một chỗ riêng, trong ký túc xá của Trường Đại học Phương Đông, rồi sau Bác dọn hẳn đến ký túc xá của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Bác ở một gian phòng nhỏ vừa một người ở, rất giản dị, không khác gì một học sinh bình thường.

Người Bác gầy, nước da vẫn xanh. Có điều lạ là không bao giờ mệt, ốm, không bao giờ chịu nằm luôn mấy hôm, chỉ thỉnh thoảng ho và khạc ra huyết.

Lần này Bác ở Liên Xô lâu hơn hết. Mùa đông rất rét, có khi đến âm 30, 34 độ, nhưng Bác vẫn giữ được sức khỏe, là vì sinh hoạt của Bác rất đều, có giờ giấc rất nghiêm: sáng nào dậy Bác cũng tập thể dục, trong buồng có những dụng cụ tập như quả tạ, dây chun, v.v..

Khi đi chơi hoặc đến nhà anh em, Bác cũng rất điều độ, nói giờ nào đến thì đúng giờ ấy đến, nói ở chơi được bao lâu thì ngồi chơi đúng bấy lâu, đổ ai vì một lý do gì có thể giữ Bác lại được thêm mấy phút. Không lẽ mề, la cà, không việc nọ xọ việc kia, đó là một biểu hiện của tính kỷ luật, tính tổ chức, của tinh thần tự chủ mà Bác đạt đến cao độ.



Ở Mátxcova, ngày kỷ niệm Quốc tế Lao động 1-5, các đoàn đại biểu ngoại quốc đến rất đông. Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa có nhiều học sinh các thuộc địa. Để giữ bí mật, nhà trường báo với học sinh không ra đường. Trong lúc ngoài phố thiên hạ nô nức, rộn rịp thì ở nhà Bác tổ chức cho anh em ăn mừng ngày 1-5 một cách thoải mái, vui vẻ.

Bác rất lo lắng đến việc học hành của anh em, nhất là đối với những người còn kém, học chậm. Có hôm tôi đến chỗ Bác thấy Bác đang viết một bài lục bát, hỏi Bác làm thơ phải không, Bác bảo:

- Đây là bài địa lý lịch sử Việt Nam để dạy cho mấy anh em. Có người lớn tuổi, dạy thế nào cũng cứ quên, nên mình phải làm thế này để anh em dễ nhớ.

Thường ở trường anh em học môn gì, sau lớp, Bác đều kiểm soát lại, một là để xem anh em có hiểu mục đích, yêu cầu của môn đó không, hai là để xem môn học có thiết thực không, có dính liền với thực tế, với đấu tranh cách mạng không; ba là những danh từ trong bài có đúng không, anh em học có hiểu nghĩa không. Do đó mà nhiều khi Bác bổ sung thêm cho bài học, làm cho anh em hiểu thêm được nhiều.

Có điều là Bác làm một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, không phải quy định giờ để "kiểm soát" mà là hỏi han trong khi nói chuyện thường, thành ra không có không khí gò bó, khiến anh em phải lo "trả bài" cho Bác.



Thỉnh thoảng vào ngày chủ nhật, trong nhóm tổ chức nấu cơm Việt Nam, có nơi các đồng chí phụ trách trường đến ăn. Bác cũng xuống bếp thổi nấu, dọn dẹp.

Sau khi các đồng chí Lê Hồng Phong, Minh Khai, v.v. về nước thì Bác vào học năm thứ nhất lớp nghiên cứu sinh Ban sử học của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa.

...

Năm 1936 là năm Mặt trận Bình dân thắng thế ở Pháp. Trong nước, phong trào đấu tranh của quần chúng lại lên cao, Đảng hoạt động nửa công khai, các nơi chuẩn bị Đông Dương đại hội. Lúc đó Bác rất chú ý theo dõi tình hình trong nước. Trong phòng Bác luôn luôn có các báo Pháp, báo Việt Nam ở nhà gửi sang, Bác cắt ra thành từng mục để làm tài liệu. Bác đọc báo chí và biết rất sát tình hình của Pháp và Trung Quốc. Vì hai nước đó, đặc biệt là Trung Quốc, có ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào cách mạng Việt Nam. Ngoài ra, Bác còn theo dõi tình hình ở các nước khác, như tình hình Đức, vì lúc đó Hítler đang thống trị và chuẩn bị chiến tranh. Và từ năm 1935, Bác rất chăm chú theo dõi tin tức hàng ngày về Tây Ban Nha khi nổ ra nội chiến. Lúc này, nhóm Việt Nam ở Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa cũng lần lượt về nước, chỉ còn vài ba người, mà những học sinh mới thì không sang nữa. Đương khi trong nước và trên thế giới phong trào lên cao như vậy, làm thế nào mà Bác yên tâm ngồi học cho được?



Bác lên đường về nước vào mùa thu năm 1938. Một buổi sáng, hồi bấy giờ, tôi còn ngủ. Bác đến chơi. Thường mọi bận, không bao giờ Bác đến sớm như vậy. Tôi tưởng là có việc gì cần, nhưng Bác chỉ nói chuyện thường rồi Bác ra về.

Hôm sau, có đồng chí phụ trách ở Quốc tế Cộng sản cho hay là Bác đã đi rồi. Lúc đó tôi mới hiểu là sáng ngày hôm trước, Bác có ý đến từ biệt tôi.

... Năm 1939, tôi cùng hai đồng chí học sinh rời Mátxcova đi về Trung Quốc. Lúc đó Trung Quốc đang kháng Nhật. Đến Diên An gặp mấy đồng chí trước quen ở Mátxcova trong đó có đồng chí Khang Sinh, chúng tôi được biết Bác vừa ở Diên An được mấy tháng, và khi ở Diên An, Bác ở chỗ gọi là "vườn táo". Bác đã đi cùng đồng chí Diệp Kiếm Anh, Tư lệnh Tân tứ quan xuống Hành Dương...¹.

*

* *

"... Mùa đông năm 1938, Bác trở lại Trung Quốc. 13 năm trước đây, lần đầu tiên Bác đến Trung Quốc, và lần này Bác lại đến Trung Quốc hai hoàn cảnh khác nhau xa, về mọi mặt.

Lần trước, Bác đến Quảng Đông. Lần này Bác đến Thiểm Bắc.

1. Xem Nguyễn Khánh Toàn: "Bác ở Liên Xô", trong *Bác Hồ, Sđd*.



Lần trước, bọn quân phiệt đang đánh nhau lung tung. Lần này, nhân dân Trung Quốc đang chiến tranh chống phát xít Nhật.

Lần trước, Đảng Cộng sản mới ra đời, lực lượng chưa có mấy. Lần này, Đảng Cộng sản đã mạnh lắm và có nhiều kinh nghiệm lắm.

Cuối năm ngoài (1937), Đảng Cộng sản lập lại *Mặt trận thống nhất*, lại hợp tác với Quốc dân đảng để cùng nhau chống giặc Nhật. Do đó, Hồng quân đổi tên là Bát lộ quân và Tân tứ quân. Đối với vấn đề nông dân, thì chính sách của Đảng trong thời kỳ kháng chiến là thực hành *giảm tô giảm tức*, tạm thời không tiếp tục cải cách ruộng đất...

Hôm đầu tiên Bác đến Tây An, được các lão đồng chí hoan nghênh nhiệt liệt. Mà cũng là hôm đầu tiên phải "chạy máy bay" Nhật đến ném bom.

...

Ở Tây An vài hôm, rồi đi Diên An. Bác cùng mấy đồng chí Trung Quốc phụ trách "hộ tống" mấy ngày chiếc xe chở vài rách (mua về để bện dép) đến Diên An. Xe này không phải là xe hơi mà cũng không phải xe bò, vì nhiều khi phải dùng một ngựa, một lừa và một trâu cùng kéo! Mỗi ngày chỉ đi được vài chục cây số. Tối đến, trọ ở nhà nông dân, tiền phòng ngủ và phòng ăn (ăn miễn, ăn nhiều ít tùy ý) chỉ tốn 2 hào. Đi đủng đỉnh chậm chạp như thế có hơi mệt, nhưng lại thấy được nhiều điều thú vị.



Trên đường gặp nhiều nhóm thanh niên, trai có, gái có, số đông là trí thức, từ các nơi lũ lượt kéo nhau đi Diên An. Phần vì không quen lao động, phần vì đi bộ đã nhiều ngày, lắm người mỗi mệt, hầu như phải lê từng bước. Nhưng họ hướng về Diên An - trung tâm cách mạng - như các tín đồ hướng về "đất thánh". Họ quyết vượt mọi gian khổ, đi cho đến nơi. Họ chia thành từng nhóm, giúp đỡ lẫn nhau. Hai bên đường, trên gốc cây và tảng đá, thường có những khẩu hiệu viết bằng phấn hoặc bằng than: "Anh chị em ơi! Gần đến X. rồi! Cố gắng lên thôi!...".

Bác có gặp một nhóm thanh niên Hoa kiều đi bộ từ Xiêm về. Bác thân mật nói chuyện và bảo họ: lấy nước tiểu bóp chân cho đỡ mỏi, vừa đi vừa kể chuyện hoặc ca hát cho khuây khỏa.

...

Diên An là một thị trấn thường, ở địa phận núi, nhà cửa không nhiều mấy, nhưng số người lại rất đông. Đại đa số ở nhà "hầm" tức là xuyên núi đất thành những tổ tò vò khổng lồ hàng chục người ở được. Nhà hầm có cái ưu điểm là mùa đông thì ấm, mùa hè thì mát. Những dãy nhà hầm theo chân và sườn núi. Học sinh và bộ đội ở nhà hầm. Các đồng chí lãnh tụ Đảng và Chính phủ cũng ở nhà hầm.

...

Về mặt vật chất, Diên An là một nơi cực kỳ giản đơn, chất phác, khắc khổ. Về mặt tinh thần thì Diên An là một "Trời đất tự do" cực kỳ vui vẻ, sôi nổi, phấn khởi, khẩn trương. Ai cũng tăng gia, ai cũng học tập.



Trường học to nhất là trường "Kháng đại" (Kháng Nhật quân chính đại học), trong mấy năm đã đào tạo 20 vạn cán bộ quân sự và chính trị. Nhà trường trống rỗng, không ghế không bàn. Khi lên lớp, mỗi học sinh mang theo một cái ghế cón con để ngồi, khi ghi chép thì học sinh kê sách lên đầu gối mà viết.

Lúc đó Diên An là nơi tổng chỉ huy của 18 vạn quân đội cách mạng và 8, 9 khu giải phóng ở Hoa Bắc và Hoa Trung. Một không khí bông bột lạ thường bao trùm tất cả mọi người và biểu lộ ra trên nét mặt của mỗi một người. Đoàn kết, phấn đấu, thắng lợi - đó là chí khí của Diên An, nó thật xứng đáng với cái tên vẻ vang mà nhân dân Trung Quốc tặng cho nó: "Thánh địa cách mạng".

Gần Diên An có mấy di tích lịch sử nổi tiếng: Lăng Hoàng Đế (Hoàng Đế là tên một vị vua có công đức với dân, cách đây khoảng 5.000 năm); "Đỗ Phủ xuyên" là con suối mà đời xưa đại thi sĩ Đỗ Phủ thường đi đến; có Bửu Tháp trên núi Gia Lăng. Khi đi gần Cam Tuyền, Bác nhớ lại câu: "Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây" trong *Chinh phụ ngâm* nổi tiếng.

Vội đi Hoa Nam cho gần nước ta hơn, Bác chỉ ở Diên An hai tuần, rồi trở lại Tây An. Lần này đi cùng năm chiếc xe hơi chở học sinh, cán bộ trung cấp và cao cấp. Khi đi qua vùng "trắng" X. đặc vụ Quốc dân đảng bắt xe dừng lại và lục soát, rồi chúng dọa giữ xe và người lại. Đồng chí B. bảo chúng đại ý: "Chúng tôi đi có việc cần và rất quan



trọng. Nếu muốn giữ chúng tôi lại, thì các anh phải viết giấy rõ ràng...". Trước thái độ cứng cỏi đó, bọn đặc vụ không dám lời thôi nữa.

...

Đến Tây An, Bác đi Quảng Tây, vì Quảng Đông hồi đó bị giặc Nhật chiếm rồi. Cùng đi chuyến ấy có đồng chí L. là cán bộ Đảng. Để cho nó có vẻ, đồng chí L. ra vai quan trưởng, Bác thì làm vai lính hầu của L.

Ở Quế Lâm (tỉnh lỵ Quảng Tây) có biện sự xứ và một đơn vị nhỏ của Bát lộ quân. Bác vừa tham gia công việc Bát lộ quân, vừa tìm cách liên lạc với trong nước. Các đồng chí Trung Quốc giúp Bác nhiều trong việc này.

Khi đơn vị Bát lộ quân mới đến, đóng ở ngoại ô Quế Lâm, nhân dân địa phương tỏ vẻ lạnh nhạt, vì họ đã bị Quốc dân đảng tuyên truyền. Nhưng Bát lộ quân ra sức thực hiện khẩu hiệu "Hết lòng giúp đỡ nhân dân", cho nên không bao lâu thì tình cảm giữa Bát lộ quân và bà con địa phương đã trở nên "như cá với nước".

Bác được đơn vị bầu làm chủ nhiệm Câu lạc bộ. Câu lạc bộ vừa là một cơ quan văn hóa của đơn vị, vừa là cơ quan tuyên truyền đối với nhân dân địa phương.

Được ít lâu, Bác đi Hành Dương với đồng chí tướng quân D.. Vì Bát lộ quân và Tân tứ quân khéo dùng chiến thuật du kích, luôn luôn thắng lợi trước mặt trận cũng như sau lưng địch. Ngày bắt đầu chống Nhật, hai đội quân ấy chỉ có độ 4 vạn chiến sĩ, năm 1938 đã phát triển



đến hơn 18 vạn người, đã thu phục lại nhiều nơi bị Nhật chiếm vì quân Quốc dân đảng bỏ chạy, đã mở được nhiều khu giải phóng rộng lớn, và đương đầu với hơn 40 vạn quân Nhật. Còn quân Quốc dân đảng thì liên tiếp thua trận này đến trận khác. Thấy vậy, Tưởng Giới Thạch bèn nhờ Bát lộ quân dạy chiến thuật du kích cho một số sĩ quan của hắn. Đồng chí D. lãnh đạo một số đồng chí giáo quan phụ trách trường huấn luyện ấy.

Bác được bầu làm Bí thư chi bộ, kiêm việc nghe đài phát thanh lấy tin tức quốc tế làm tài liệu huấn luyện thời sự cho đơn vị. Cả hai công việc đều là mới lạ, nhưng cũng đều là thú vị.

Trong chi bộ thì tướng có, binh có, trai có, gái có, tiếng nói đông, tây, nam, bắc đều có. Trong đơn vị thì có chiến sĩ cũ, có chiến sĩ mới, có số không phải đảng viên, chi bộ đều phải săn sóc họ. Việc thì việc lớn việc nhỏ, từ việc ăn uống, học tập giải trí, kỷ luật cho đến việc riêng của mọi người đều tìm đến Bí thư. Bác cùng hai đồng chí Phó Bí thư (phụ nữ) làm việc suốt ngày.

...

Trung Quốc đang ở trong vòng binh lửa, thì lửa chiến tranh bắt đầu cháy ở châu Âu. Thế là thảm họa chiến tranh lan hầu khắp thế giới...

Từ năm 1936, Mặt trận Bình dân Pháp thắng thế và lên nắm chính quyền. Do đó, ở *Việt Nam* ta, xiềng xích thực dân cũng được nói lỏng đôi chút. Một số đồng chí bị tù đầy đã được thả về và tiếp tục hoạt động. Cơ sở



Đảng dần dần được khôi phục. Phong trào quần chúng dần dần lên cao.

Cuối năm 1939, vì tình hình chiến tranh, lại vì Đảng Xã hội Pháp uơon hèn, Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp bị đổ, bọn phản động lên cầm quyền. Thực dân Pháp ở Việt Nam lại tung hoành như cũ. Chút đỉnh tự do mà nhân dân ta đã giành được trong mấy năm qua đều bị chúng xóa sạch. Lại khủng bố. Lại vét. Lại bắt lính, bắt thu. Đảng ta phải đi vào hoàn toàn bí mật.

Ở *Pháp* có phòng tuyến Maginô chạy dọc biên giới Pháp - Đức xây dựng ở dưới đất có 3 tầng, bằngximăng cốt sắt, kho đạn, kho lương, nước máy, đèn điện... các thứ đều đủ. Tại phòng tuyến này có một triệu quân. Tướng tá Pháp khoe khoang rằng: Dịch có cánh cũng không bay qua được. Nhưng chỉ trong vài tuần, quân Đức đã bao vây kín phòng tuyến này bắt sống cả một triệu binh lính và mấy trăm ông tướng làm tù binh. Thế rồi ào ạt kéo quân chiếm lấy thủ đô Pari và một nửa nước Pháp. Tháng 6 năm 1940, Pháp ở "nước mẹ" đầu hàng Đức. Tiếp đến thực dân Pháp ở Đông Dương cũng đầu hàng Nhật. Giặc Nhật kéo vào Việt Nam, từ đó đồng bào ta bị một cổ hai tròng.

Không thể khoan tay ngồi chịu, đồng bào ta liên tiếp khởi nghĩa ở Bắc Sơn (tháng 9 năm 1940), ở Nam Kỳ (tháng 11 năm 1940), và ở Đô Lương (Nghệ An). Những tin tức sôi nổi ấy làm cho Bác càng nóng ruột.

Ở biên giới Quảng Tây không chấp được liên lạc, các đồng chí Trung Quốc giúp cho Bác đi Vân Nam. May mắn



thay đến Côn Minh thì gặp các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoa, và mấy đồng chí nữa. Thế nào, chuyến này cũng nhất định về nước! Bàn định kế hoạch xong, mấy anh em cùng nhau đi trở lại Quảng Tây. Cùng đi trên thuyền có mấy Việt kiều khác. Để giữ bí mật, Bác đóng vai một người viết báo Trung Hoa, không biết tiếng Việt..."¹.

Dọc con đường xe lửa từ Vân Nam về đến Hồ Kiều đều có cơ sở của ta. Tháng 4 năm 1940, Bác đề ra ý kiến muốn đi thăm các cơ sở. Anh Phùng Chí Kiên đi theo Bác. Ở Vân Nam có tổ chức nhiều hội quần chúng, trong đó có "Việt Nam hưởng ứng Trung Quốc, kháng địch hậu viện hội". Bà Tống Khánh Linh cũng có thư chúc mừng hội này. Các nhà đương cục Trung Quốc hồi đó cũng công nhận hội. Bác bàn lấy giấy chứng nhận của hội này để đi kiểm tra công tác. Đi tới đâu thì tôi đã giới thiệu các đồng chí để bắt liên lạc. Chỉ đi các ga Nghi Lương, Khai Viễn, Mông Tự, Xí Xuyên. Bác đóng các vai rất giỏi, bình dị, tự nhiên, không ai biết là nhân vật quan trọng.

Đến Xí Xuyên, Bác ở nhà đồng chí Hoàng Quang Bình. Đồng bào được tiếp xúc với Bác rất lấy làm kính phục. Bác thường dậy rất sớm, leo núi tập thể dục, rồi xuống sông tắm. Có người đồn là có ông tiên thường xuất hiện buổi sáng, đến trưa thì không thấy đâu.

1. T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sđd, tr.119-136.



Bác đi xem xét tình hình quần chúng xong thì trở về Vân Nam. Về Vân Nam, Bác quyết định tổ chức một cuộc rải truyền đơn, vạch mặt đế quốc Pháp, cấu kết với đế quốc Nhật và vận động ủng hộ Trung Quốc kháng Nhật, vận động đoàn kết. Truyền đơn sẽ rải từ Hồ Khẩu đến Vân Nam trong một ngày giở thống nhất. Giữa tháng 5 năm 1940, truyền đơn in xong, tôi xin nghỉ ở cửa hiệu, đem đi giao cho các đồng chí ở các ga nhỏ. Tôi về chậm hơn kỳ hạn mất một ngày. Ở nhà, Bác rất lo, nhưng lúc gặp, Bác mừng và hỏi đùa "Chú về chậm vì ghé lại Mông Tự phải không?". Thì ra, qua Mông Tự, các đồng chí ở cơ sở có báo cáo với Bác là các đồng chí định hỏi vợ cho tôi, nhưng tôi "bướng" không chịu lấy, nên Bác mới nói đùa như vậy.

Bấy giờ anh Đồng, anh Giáp ở trong nước đã ra, tôi bố trí để hai anh gặp Bác. Anh Hoan, anh Kiên đến rủ hai anh đi chợ Tạ Quang Lâu. Tôi cùng Bác đi thuê thuyền rồi vào ngồi chờ sẵn. Khi anh Đồng, anh Giáp đến, vào thuyền đã thấy Bác ở đó rồi. Mừng không nói hết. Bác nói đùa: "Anh Đồng vẫn chưa già mấy nhỉ!". Rồi Bác lại quay lại nói với anh Giáp: "Chú thì vẫn đẹp như cô con gái ấy".

Tháng 6 năm 1940, Bác giới thiệu anh Đồng, anh Giáp đi Thiểm Tây, bảo đến Quế Dương thì có trạm xe của Bát lộ quân. Và hai anh đi. Vài tuần sau thì Pháp mất Pari. Bác triệu tập hội nghị bàn việc chuẩn bị về nước. Chủ trương Bác về nước là một việc rất lớn, có tính chất quyết định cho phong trào và cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám sau



này. Các đồng chí có hỏi về việc xin vũ khí. Bác cười nói: "Cứ về nước được khắc có vũ khí".

...

Đợt đi thứ nhất có anh Kiên, anh Hoan, anh Cao Hồng Lĩnh và tôi. Lại đánh điện cho anh Đồng, anh Giáp đừng đi Thiểm Tây nữa. Mọi người về cả Quế Lâm rồi đi Liễu Châu. Ở Liễu Châu tôi có quen một nhà, nhờ làm chỗ nhận thư hộ. Bác ở lại Vân Nam và có gì thì viết thư về đó.

...

Đến Quế Lâm, Bác ở một cơ sở nông thôn, tôi làm liên lạc. Một bữa tôi đến gặp Bác, Bác giờ cho xem một bản đồ Trung Quốc kháng Nhật, có những mũi tên ghi thể trận của ta và địch. Bác chỉ cho tôi chỗ đóng của Bát lộ quân và Tân tứ quân. Bác giảng giải cho tôi biết vì sao Đảng Cộng sản liên hiệp với Tưởng Giới Thạch đánh Nhật. Bác bảo đó là một cơ hội giáo dục quần chúng nhân dân rất lớn... Những phần tử yêu nước trong hàng ngũ nó sẽ thấy rõ bộ mặt của nó mà bỏ nó sang hàng ngũ ta. Một số tên phản động chủ trương đầu hàng sẽ xuất đầu lộ diện như Ưng Tinh Vệ. Tưởng Giới Thạch một mặt thì đi với ta, một mặt lòng cán bộ ta, khủng bố ta, nhưng quần chúng nhân dân Trung Quốc đông đảo sẽ giác ngộ, lớn mạnh và kiên quyết chống đế quốc xâm lược.

Cuối tháng 1 năm 1940, chúng tôi về đến Tỉnh Tây bắt mối với các em thanh niên trong nước định ra tìm đường đánh thông về nước và tìm địa điểm cho Bác về. Sau khi gặp



nhau rồi báo tin lên Bác, Bác liền từ Quế Lâm đi ô tô về Nam Ninh và từ Nam Ninh đi thuyền về Điền Đông. Trong thuyền đông người, chỉ có anh Đồng, anh Kiên, anh Hoan và cụ Cáp là biết Bác. Bác đóng vai trò một "tân văn ký giả" Trung Quốc. Bác nói tiếng Pháp, anh Đồng dịch lại, ai cũng chỉ tưởng Bác là một nhà báo. Thuyền đi ngược nước, phải kéo Bác cũng xuống kéo. Lúc ngồi thuyền ai có hỏi, có người dịch lại Bác mới trả lời. Có chị tên là Hiền khát nước, toan uống nước sông, Bác nói tiếng Pháp, anh Đồng dịch lại bảo nên mua mía ăn, đừng uống nước lã đau bụng. Nhưng có một lần một đồng chí để rơi tàn thuốc cháy áo, Bác ngồi bên cạnh, buột miệng nhắc khẽ: "Kìa cháy! Cháy!". Khi về, nhắc lại chuyện ai cũng không nhin được cười.

Về đến Điền Đông thì anh Đồng, chị Hiền cùng dẫn ba người về Tĩnh Tây trước, tìm tôi bảo tôi về Điền Đông gặp Bác ngay. Trong đám thanh niên mới sang có anh Hoàng Sâm. Tôi cùng anh Sâm đi ngược về Điền Đông. Nửa đường, anh Sâm ở lại bố trí chỗ ở. Tôi về Điền Đông khoảng 2 giờ chiều. Bác bảo đi ăn cơm rồi lại bảo tôi và anh Hoan đi ngay về nơi đã bố trí. Bây giờ mới đến nơi. Chiều hôm sau thì Bác và những người cùng đi cùng về đến đó.

Tháng 12 năm 1940, Bác về Tĩnh Tây. Bác bảo tôi về nước tìm một địa điểm. Bác dặn địa điểm cần hết sức bí mật, có hàng rào quần chúng bảo vệ và có đường rút lui. Tôi về tìm được vùng hang Pác Bó. Các đồng chí còn ở lại thì



đón số thanh niên đã từ bỏ Trương Bội Công, đưa về một địa điểm huấn luyện đợi ngày về nước.

Bác ở Tỉnh Tây được mấy tuần thì đã liên lạc với trung ương và các đồng chí ở trong nước ra gặp Bác, trong số đó có các đồng chí: Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt.

Tôi về nước thì anh Hoàng Sâm làm liên lạc giữa Bác và anh Đồng, anh Lĩnh, với nhóm thanh niên. Tôi chuẩn bị xong địa điểm trở lại Tỉnh Tây thì Bác và các đồng chí đã đổi chỗ đi cả. Chỉ còn có anh Cao Hồng Lĩnh. Tôi được thư anh Hoàng Sâm để lại, hẹn lên Cổ Mã sẽ gặp. Tôi lên đến nơi thì có người đón về dự lớp Bác huấn luyện cho rồi kéo về nước hoạt động. Các đồng chí thanh niên quê ở đâu thì về hoạt động ở đó.

Tháng 1 năm 1941, anh Kiên và tôi về địa điểm Pác Bó. Anh Đồng, anh Hoan trở lại Tỉnh Tây. Trong khi đó thì Trương Bội Công lập ra Việt Nam cách mạng đồng minh. Trung ương đã gặp nhau ở Tỉnh Tây, chuẩn bị hội nghị trung ương lần thứ tám...¹.

*

* *

"... Từ Côn Minh đến Tỉnh Tây, thì gặp một nhóm thanh niên Cao Bằng, dẫn đầu là các đồng chí Quảng Ba, Hoàng Sâm... Họ sang đây tìm người lãnh đạo cách mạng và đã gặp Trương Bội Công.

1. Xem Vũ Anh: "Từ Côn Minh đến Pác Bó", trong *Bác Hồ, Sđd*.



Trương Bội Công là người Việt Nam sang Trung Quốc và làm việc cho Quốc dân đảng đã lâu năm. Tuy không hiểu biết gì về quân sự, nhưng y đã được Tưởng Giới Thạch phong cho hàm thiếu tướng. Nay Tưởng phái y đến biên giới, nhằm lung lạc cách mạng Việt Nam. Gặp nhóm thanh niên, Trương Bội Công khoe khoang nhiều lắm, lên mặt "chí sĩ yêu nước", "cách mạng lão thành" và sẵn sàng thu nạp đám thanh niên làm "bộ hạ" cho y.

Nhưng anh em thanh niên cũng tinh quái đáo để. Chỉ nghe cách y nói khoác lác, họ cảm thấy y không phải là người cách mạng chân chính. Họ thất vọng. Họ sắp kéo nhau trở về Cao Bằng thì nhóm của Bác vừa đến Tỉnh Tây. Các đồng chí Đồng, Giáp... tìm gặp nói chuyện với nhóm thanh niên hăng hái đó, giải thích cho họ rõ bước đường cách mạng hiện nay và bàn với họ mở ban huấn luyện v.v.. Anh em thanh niên rất hoan nghênh. Nói ngay, làm ngay. Tối hôm đó, họ rời khỏi Tỉnh Tây. Sáng hôm sau, Trương thiếu tướng ngủ dậy thì không thấy "bộ hạ" của y đâu nữa, cho người đuổi theo thì chậm quá rồi!

Đồng chí Lê Quảng Ba dẫn Bác và nhóm thanh niên đi cả đêm, đến một làng Trung Quốc gần biên giới Việt Nam, mượn nhà người quen, mở ban huấn luyện, do Bác phụ trách. Lớp huấn luyện rất sôi nổi, dân chủ và vui vẻ. Bà con Trung Quốc trong làng không hiểu lớp dạy cái gì, học cái gì, nhưng đều khen thanh niên Việt Nam đoàn kết, chăm học, siêng làm. Bà con trong làng nhất là những người cho mượn nhà rất mến chúng ta. Vì vò nước bao giờ cũng đầy,



đồng củi bao giờ cũng cao, nhà cửa bao giờ cũng sạch, trong nhà có việc gì chúng ta đều ra tay làm giúp. Đặc biệt các em nhi đồng luôn luôn xoắn xít chung quanh anh em ta để học hát, học nhảy múa, không nghịch ngợm, và đánh nhau như trước nữa. Chúng ta đã góp phần làm cho cái làng tịch mịch trong thung lũng âm u vui hẳn lên... Bác bảo các đồng chí thanh niên: "Đó là một cách dân vận thiết thực đấy".

Vào khoảng tháng 2 năm 1941, vừa đến Tết âm lịch thì Ban huấn luyện cũng vừa kết thúc. Tối mừng một Tết, được tin chuyên viên Quốc dân đảng sắp đến kinh lý vùng này (Tin này sau hóa ra tin vịt). Sợ bị lộ, sáng mừng hai Tết, Bác cùng tất cả các anh em thanh niên cuốn gói chuồn, mặc dù bà con trong làng khẩn khoản mời ở lại ăn Tết đến ngày hạ nêu hăng đi.

Hôm đó, sương mù dày đặc, ngồi giáp mặt nhau cũng không thấy nhau. Mọi người cho khí hậu như vậy là tốt, vì dễ giữ bí mật. Đi cách làng một thôi quá xa, ai cũng mỏi chân và đói bụng. Bác bảo: "Nơi đây kín đáo, chúng ta ngồi nghỉ một chốc...". Nghỉ chưa đầy hai phút thì trời sáng sương tan. Té ra ngồi nghỉ giữa cánh đồng ruộng, chẳng kín đáo chút nào. Mọi người lại vội vàng khoác gói lên đường, bước nhanh hướng về Tổ quốc.

Chiều hôm đó, đồng chí Quảng Ba dẫn Bác và cả nhóm thanh niên về Pác Bó. Xa rời Tổ quốc đã hơn 30 năm. Đã mất bao nhiêu thời giờ và sức lực tìm liên lạc mà không được. Bao nhiêu năm thương nhớ, đợi chờ. Hôm nay mới bước chân về nơi non sông gấm vóc của mình.



Khi bước qua cái bia giới tuyến, lòng Bác vô cùng cảm động. Từ hôm đó, cái hang Pác Bó trở nên "Đại bản doanh" của chúng ta. Hội nghị lần thứ tám của Trung ương đã khai mạc ở Pác Bó, ở đó đã tổ chức những ban huấn luyện ngắn ngày để đào tạo cán bộ. Mở lớp dạy chiến thuật du kích, phát triển tổ chức Việt Minh và cơ sở đảng, đặt kế hoạch chống Pháp, chống Nhật, v.v..¹.

X

Về Pác Bó, địa điểm ở cũng thay đổi, luôn có hai vòng bảo vệ, vòng ngoài do các đồng chí Lê Quảng Ba, Cổ Vân phụ trách, bảo vệ Bác thì có đồng chí Đức Thanh (sau này đã hy sinh trong Nam).

Ở Pác Bó, sáng nào Bác cũng hỏi xem hôm nay anh em làm việc gì. Nếu ai không có việc thì Bác giao việc cho, cả những việc vặt như khâu giày, vá áo. Bác thường làm việc cả ngày, khi viết tài liệu, khi dịch sách. Bác chú ý đến tất cả mọi việc, cả đến việc bếp núc, Bác thường bảo rang thịt thật mặn như muối bám xung quanh. Đi làm công tác tổ chức, Bác dặn phải bí mật. Bác hỏi: "Bí mật thì bí mật như thế nào?". Bác giảng: "Bí mật là không có, không thấy, không biết". Bác bảo gặp ai lạ hỏi mà không nói cũng không được, nên có nói thì nói: không có, không thấy, không biết.

1. Xem T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sđd, tr.141-145.



Có lần chị Trương Thị Mỹ đi giao thông cho Trung ương lên chiến khu. Trung ương dặn lên đưa thư cho ông già Thu (bí danh của Bác hồi ấy). Bác ra nhận thư và bảo chị Mỹ là đồng chí Thu đi vắng, tôi là giao thông của đồng chí Thu nhận thay. Chị Mỹ được ở lại chiến khu dự lớp huấn luyện. Khi lên lớp thì thấy người giảng chính trị cũng vẫn là ông giao thông già của đồng chí Thu. Cách mạng có khác thật! Ông giao thông già giảng mà sức hấp dẫn lạ thường, nghe đến đâu hiểu đến đấy, giản dị mà sâu sắc, dễ nhớ, lại sáng tỏ như có đèn rọi vào tim óc. Suốt thời kỳ huấn luyện cũng chẳng thấy đồng chí Thu về - chắc đồng chí còn bận công tác. Thỉnh thoảng lại được nghe anh chị em thì thầm chuyện đồng chí Nguyễn Ái Quốc say sưa một cách lạ. Dự lớp xong, chị Mỹ về hoạt động và lãnh đạo khởi nghĩa ở Hà Đông. Danh sách Chính phủ lâm thời được công bố. Quái lạ! Sao không thấy tên Nguyễn Ái Quốc hay đồng chí Thu làm Chủ tịch? Mà Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lại là Cụ Hồ Chí Minh! Cụ Hồ Chí Minh nào nhỉ? Chị Mỹ thắc mắc mãi, có thêm tý hậm hực nữa. Cả đến khi đưa đoàn đại biểu của nhân dân Hà Đông ra dự lễ tuyên ngôn độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 vẫn chưa hết thắc mắc và hậm hực. Nhưng khi Chính phủ ra mắt, thì chao ôi: Chủ tịch Chính phủ cũng là đồng chí giao thông của ông già Thu. Từ đó chị Mỹ mới yên lòng.

Ở chiến khu, trước Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám, Bác đã cho tổ chức nông dân, phụ nữ, thanh niên



và binh lính cứu quốc. Bác nói: Muốn có đội quân võ trang, phải có đội quân tuyên truyền vận động, đội quân chính trị trước đã. Nên việc này phải làm ngay, sao cho đội quân chính trị ngày càng đông.

Bác lấy chuyện trong lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô kể cho chúng tôi nghe. Khi cách mạng tháng Hai lật đổ Nga Hoàng thì Kêrenski nắm chính quyền. Lênin chủ trương trước hết là giải thích, giải thích, giải thích.

Và Bác kết luận: Như ở ta, muốn đánh Pháp, Nhật thì ai vác súng? Ai là người tự nguyện, tự giác vác súng? Ta phải có quần chúng giác ngộ chính trị tự nguyện vác súng thì mới thắng được.

Vì chủ trương này nên Bác phân công hầu hết số 60 thanh niên đi các nơi hoạt động, như những luồng gió thổi bùng phong trào Việt Nam chống Pháp, kháng Nhật ở các địa phương lên.

Bác rất coi trọng công tác quần chúng. Bác thường nói: Ta ở bí mật nhưng không bí mật với quần chúng được. Trái lại, phải lấy quần chúng làm cái bình phong che đậy cho mình, báo tin cho mình. Bác thường dặn chúng tôi hết sức chú ý phong tục địa phương. Nơi nào có tục ăn thề thì cán bộ phải ăn thề với đồng bào.

Bác tiết kiệm đến cực độ. Bác yếu mà không chịu ăn cơm riêng, vẫn ăn độn ngô với anh em. Tôi đi công tác về, thấy Bác vẫn ăn ngô, phải họp hội nghị ra quyết định Bác phải ăn cơm. Nằm, Bác cũng nằm ổ cỏ gianh như mọi người nên Bác bị ghè. Chúng tôi phải đốt ổ cỏ gianh đi,



thay ổ mới để Bác nghỉ. Bác đề xuất vấn đề phải ra báo *Việt Nam độc lập* của đoàn thể - bán một xu thôi. Quần chúng có mua mới quý tờ báo, chịu đọc báo. Hội viên cứu quốc cũng đóng nguyệt phí một xu.

Ngày Tết, quần chúng trong làng lên chúc Tết đủ mặt. Các chị phụ nữ mỗi người mang một cái làn đựng thỏi hương và quả bánh. Kéo từng đoàn đến lễ Tết. Bác vẽ một ảnh Phật treo trên vách đá cho quần chúng có chỗ lễ. Ai đến Bác cũng trao phong bao giấy đỏ cho mỗi người một xu. Bác giải thích: Một xu này là của đoàn thể cho. Nó là xu nguyệt phí của đồng chí, xu mua báo của các đồng chí. Các đồng chí cầm đồng xu, quý đồng xu không phải vì nó là tiền, mà là để nhớ đoàn thể, có trách nhiệm với đoàn thể.

Tháng 5-1941, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ tám, có Bác, có anh Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh, Phùng Chí Kiên, Hoàng Quốc Việt, hai đại biểu Trung Kỳ và tôi. Công việc của Hội nghị có tính chất quyết định đến phong trào như thế nào, ta đã nói đến nhiều. Chỉ nhắc vài nét nhỏ về Bác.

Trong Hội nghị, Trung ương đề nghị Bác viết bài hiệu triệu đồng bào, và đem in đá ở Long Châu, một bên là chữ nho, một bên là chữ quốc ngữ. Tên Bác không in mà khắc dấu đóng sao. Đó là bài hiệu triệu của cụ Nguyễn Ái Quốc đã làm nức lòng đồng bào suốt từ Nam chí Bắc hồi tiền khởi nghĩa. Trong Hội nghị này cũng bàn



việc lập mặt trận. Bác phát biểu: "Lập mặt trận thì đồng ý rồi, nhưng lập mặt trận gì?". Các đồng chí nói thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất. Bác bảo nên lấy tên mặt trận gì gọi lên lòng yêu nước và chí căm thù của đồng bào toàn quốc. Do đó mới quyết định lấy tên là Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh. Lúc lập xong mặt trận là đã có tinh thần tích cực chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

Sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám, có nghị quyết rồi, làm thế nào phổ biến được nghị quyết?

Tài liệu thì dài, lại phải phổ biến bí mật. Làm thế nào đây? Bác giữ anh Trường Chinh và anh Hoàng Quốc Việt ở lại để cắt. Cắt xong thì đánh máy. Đánh máy xong thấy còn dài, lại cắt, lại đánh máy. Các anh phải sốt ruột vì cắt nhiều. Cuối cùng còn lại chỉ mấy trang, rất cô đọng, phổ biến rất nhanh, rất tốt. Lúc đó là cuối tháng 5 năm 1941.

Hội nghị Trung ương lần thứ tám họp xong ít ngày thì phátxít Đức tấn công Liên Xô. Bác phân tích tình hình quần chúng, địa hình và khí hậu Liên Xô, rồi kết luận: Ngày xưa thời Nga Hoàng, nước Nga rất yếu, mà Napoleon nổi danh vô địch cũng bị bại trận khi đánh Nga. Nay Liên Xô là cộng sản, tổ chức rất cao, chế độ rất tốt, quần chúng rất giác ngộ, nhất định sẽ đánh bại và tiêu diệt phátxít.

Bác vẽ cho báo *Việt Nam độc lập* một hình đồng chí Xtalin đánh nhau với Hítle, đồng chí Xtalin vật Hítle



xuống và ngồi đờ lên trên, để quần chúng hiểu mau rằng Liên Xô sẽ thắng. Bác lại viết bài thơ ca cũng nói lên ý đó.

Cơ sở trong nước lúc bấy giờ rất mạnh. Giặc Pháp ngoài việc khủng bố, còn tìm cách dụ dỗ lừa bịp quần chúng, cố gây ra một phong trào đầu thú. Bắt ép được vài ba người đầu thú, chúng không bắt bó gì mà lại cho vài cân muối rồi tha về. Tình hình ấy có thể nguy hại. Tôi bàn với anh Đồng và anh Giáp đưa cán bộ xuống phân tích tác hại của việc đi đầu thú, đồng thời cùng bày cách cho quần chúng, nếu bị chúng bắt đi đầu thú thì làm thế nào để khỏi vỡ cơ sở, mà vẫn lấy được muối ăn. Quần chúng làm theo, và do đó không bị thiệt hại.

Ở chiến khu, Bác vẫn mở các lớp huấn luyện cho cán bộ và chuyên chú viết sách tuyên truyền.

...

Sau đó, cơ quan rời Pác Bó về tỉnh lỵ Cao Bằng. Khi di chuyển, đi đêm, bị lạc anh em lúng cụng gắt nhau. Bác cười bảo: "Càng lạc càng biết thêm nhiều đường chứ sao. Tây nó có đuổi thì càng lẩn lối chạy". Thế là mọi người lại vui. Khi về Pác Bó, sáng nào Bác cũng tập thể dục. Bác có hòn cuội, tròn như quả quýt, luôn cầm tay, bóp vào lại xòe ra, về Cao Bằng, Bác vẫn mang theo. Tới cơ quan mới, Bác bắt đầu dịch từ Trung văn ra bộ *Lịch sử Đảng Cộng sản (Bôn-sê-vích) Liên Xô*. Bác nhìn vào sách dịch rồi đánh máy luôn, không có bản nháp. Cái máy chữ cũ Bác vẫn luôn mang theo bên mình. Dịch xong bộ sử đó, Bác tổ chức ăn mừng, nghĩa là bữa ăn có thịt và rau tươi.



Giặc Pháp vẫn ráo riết lùng cơ sở của ta. Chúng thả mật thám như rươi. Các anh Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm thường bàn mật với nhau, có ý muốn "xịt" một vài thùng "chó" nguy hiểm. Một buổi Bác triệu tập hai anh đến học chính trị. Bác lấy *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô* ra bảo các anh nghiên cứu đoạn Lênin viết chống việc ám sát cá nhân. Hai anh ngẩn người, thăm thăm với nhau: Quái! Sao mới dự định mà ông cụ đã biết?¹.

Một điều Bác hay nhắc đi nhắc lại, và cũng là điều tôi nhớ nhất là: "Đi làm cán bộ, đảng viên thì phải giữ vững đạo đức cách mạng, phải làm cho dân tin, trung thành, thực thà. Làm cho dân phục, nghĩa là phải đứng trước quần chúng khi nguy nan khó khăn. Làm cho dân yêu nghĩa là phải kính già yêu trẻ, đứng đắn với phụ nữ, bình đẳng với mọi người. Lại phải cần kiệm, liêm chính, nhân, nghĩa, trí, dũng...".

Đạo đức cách mạng đó không những tôi được nghe Bác nhắc đi nhắc lại, mà tôi còn học tập được ngay ở bản thân Bác. Có đến hang Pác Bó mới thấy hết điều kiện sống của Bác ở đây rất gian khổ. Cái hang của Bác ở trên núi cao, từ bờ suối trèo lên phải qua một quãng dốc khá dài có cây rậm rạp vít chặt lối đi, hễ mưa xuống là trơn nhày và vắt ra nhiều như trấu. Lên đến cửa hang, muốn vào trong phải chui sâu xuống dưới không bám chắc tay có thể bị tụt ngã.

1. Xem Vũ Anh: "Từ Côn Minh đến Pác Bó", trong *Bác Hồ, Sđd*.



Chỗ hang Bác ở chật chội, có hai ba ngách nhỏ. Trong một ngách có tảng đá to, Bác gác vài cái que rài lá lên làm giường nằm. Không khí ở hang ẩm ướt, nằm trong hang cảm thấy lạnh buốt thấu xương. Những giọt nước mưa tụ lại ở trên đỉnh hang rơi xuống lách tách như không bao giờ dứt. Cũng có lúc tôi nghĩ: cho mình ở thế này mấy ngày liền chắc cũng khổ sở lắm. Tôi sinh ra và lớn lên ở trên vùng rừng núi, nhìn cảnh đó đã thấy ngại ngại. Còn Bác tuổi đã nhiều, người lại gầy yếu thế mà Bác vẫn ung dung, không lúc nào tỏ ra mệt mỏi.

Tối nào cũng phải hơn mười giờ hoặc mười một giờ Bác mới đi ngủ. Sớm ra mới độ bốn giờ ruổi hoặc năm giờ, sương trên núi chưa tan, Bác đã dậy thu xếp đồ đạc rồi chạy xuống bờ suối tập thể dục và cuốc đất làm vườn. Có hôm Bác đi chơi núi, Bác leo núi rất khỏe, thanh niên khó mà leo kịp. Bác còn làm mọi công việc lao động như: lấy ống mương đi xách nước nấu cơm, đi hái rau rừng, câu cá, mò ốc... Bác thường mặc bộ quần áo Nùng màu chàm, ống tay rộng. Thức ăn của Bác chỉ có rau bí, rau cải, rau rừng, măng đắng, một phần do nhân dân biếu, còn phần lớn là tự túc... Họa hoằn mua được một ít thịt lóc hết mỡ đem rán để dành, còn thịt băm nhỏ xào thật mặn, mỗi bữa ăn một tý. Những tháng giáp hạt, nhân dân ăn độn ngô thì Bác cũng ăn độn ngô, có khi phải ăn cả thứ ngô non xay để lâu đã bị chua.

Bác đọc rất nhiều sách, viết nhiều tài liệu, lại còn dành thì giờ trực tiếp huấn luyện cho cán bộ. Những hôm trời



nắng, Bác thường ra ngồi bờ suối. Bác lại hay làm thơ nữa. Những câu thơ sau đây, hồi đó tôi được Bác đọc cho nghe, bây giờ tôi vẫn nhớ như in:

*"Sáng ra bờ suối, tôi vào hang.
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang".*

Lúc đó, tôi chưa hiểu hết được ý nghĩa sâu sắc của những câu thơ Bác làm, tôi chỉ mang máng thấy tinh thần lạc quan, tin tưởng, yêu đời của Bác. Gần Bác, cứ mỗi ngày tôi lại học thêm được những bài học sống. Tôi tự nghĩ mình đã tham gia cách mạng mang danh là cán bộ, đảng viên mà chưa làm được gì mấy cho cách mạng và so với đạo đức sáng ngời của Bác thì mình chưa có mấy may. Tôi hồi tưởng lại lúc tôi mới vào đảng. Hồi đó là tháng 4 năm 1940, tôi và một số đồng chí hội viên cứu quốc đã được kết nạp cùng một lúc, mặc dù chúng tôi mới chỉ có lòng tin yêu Đảng, chứ chưa được nghiên cứu kỹ điều lệ, tôn chỉ, mục đích cho thông suốt. Lễ kết nạp như vậy cũng là phổ biến ở một số vùng của Cao Bằng hồi đó. Bác đã phê bình ngay việc phát triển Đảng một cách ồ ạt như trên. Bác nói đại ý:

- Nhà phải có cột mới vững. Đoàn thể cách mạng cũng phải có cột mới vững - cột đó là Đảng. Con số đảng viên của Cao Bằng hiện nay đã có mấy trăm, nếu như vậy thì



cách mạng sắp nổ ra đến nơi rồi. Phải củng cố lại, làm cho Đảng vững mạnh hơn nữa...

Có lần Bác hỏi tôi:

- Chú có biết chủ nghĩa cộng sản là thế nào không?

Tôi lúng túng không biết trả lời ra sao vì tôi đã được nghe ai nói rõ ràng đâu. Sau bí quá, tôi đành phải nói:

- Cộng sản là đánh Tây, đánh thổ phi, không cho chúng cướp bóc.

Bác khen tôi trả lời có điều đúng, nhưng mới chỉ là việc trước mắt, chưa thấy rõ con đường cách mạng lâu dài. Rồi Bác nói cho tôi nghe nguồn gốc từ đâu mà có chủ nghĩa cộng sản. Bác giảng thêm, đại ý: Hiện nay chúng ta còn khổ là còn có giai cấp áp bức bóc lột. Chủ nghĩa cộng sản là đi đến xóa bỏ giai cấp không còn áp bức bóc lột, đi tới một thế giới đại đồng, mọi người đều được hưởng hạnh phúc... Bác đã mở cho tôi thấy cả một tương lai rực rỡ.

Rồi Bác lại hỏi tôi:

- Đảng ta là đảng gì?

Chỗ này tôi lại càng ít được nghe, tôi chỉ biết đảng là đảng thôi nên tôi không trả lời được.

Bác giảng giải cho tôi:

- Đảng ta là Đảng Cộng sản Đông Dương, là một Chi bộ của Quốc tế Cộng sản...

Tôi thích nhất khi nghe Bác nói đại ý:

- Hiện nay đã có những nước có đảng như ta rồi, nhưng cũng có nơi phong trào còn gặp nhiều khó khăn.



Còn Đảng ta ra đời tiếp thu được nhiều kinh nghiệm của các đảng anh em và đã anh dũng chiến đấu có thành tích vẻ vang nên được Quốc tế Cộng sản công nhận rồi...

Thế là qua nhiều lần được nghe Bác giảng, tôi dần dần hiểu rõ về Đảng, về chủ nghĩa cộng sản, về đạo đức của người đảng viên. Tuy những hiểu biết của tôi lúc đó chưa phải là đầy đủ, nhưng tôi cảm thấy con người của mình lớn thêm một bước. Tôi lại nhận rõ một điều: Muốn xứng đáng là cán bộ, là đảng viên tôi còn phải học tập, phải cố gắng nhiều hơn nữa.

Cũng từ ngày đó, chúng tôi say sưa lao vào công tác. Chúng tôi tích cực đi tuyên truyền quần chúng để tổ chức vào hội, vào đảng. Bác thường bảo chúng tôi: Muốn tuyên truyền quần chúng, phải làm theo đúng năm bước công tác, không được bỏ sót bước nào. Phải gây được cảm tình trước đã, rồi mới nói đến cách mạng, nói đánh Tây, tổ chức hội... Mỗi khi tuyên truyền được ai, chúng tôi lại về báo cáo với Bác, Bác chăm chú nghe, bảo chúng tôi kể lại, đúng từng lời nói của quần chúng. Sau đó, Bác nhận xét cách làm của chúng tôi, rồi vạch ra cho chúng tôi phương hướng tiếp tục tiến hành. Đối với những lời nói tốt, xấu của quần chúng, Bác đều phân tích để đề ra kế hoạch giáo dục cho sát. Bác thường nói: "Đối với nhân dân quần chúng phải kiên nhẫn giáo dục, một lần không được thì hai lần, nếu cần đến trăm nghìn vạn lần cũng không được nản...".



Từ chỗ Pác Bó chỉ có một vài đảng viên, qua một thời gian phát triển, Chi bộ đầu tiên ở Pác Bó được thành lập. Thế là Pác Bó đã có tổ chức đảng lãnh đạo, đó chính là hạt giống đỏ đầu tiên ở Pác Bó do Bác trực tiếp gieo trồng.

Từ khi Bác về, Chi bộ đảng ra đời, phong trào cách mạng ở Pác Bó đã tiến lên nhanh chóng, rồi lan dần sang các vùng xung quanh. Khí thế cách mạng quần chúng lên ào ào như lửa cháy gặp gió đông bão.

*

* *

Giữa lúc chúng tôi đang say sưa với những thắng lợi bước đầu của phong trào, thì cũng là lúc quân địch đã đánh hơi thấy hoạt động của cách mạng và ra sức chuẩn bị đánh phá các cơ sở vùng Pác Bó. Nhưng Bác đã kịp thời họp chúng tôi lại. Sau khi nêu một số tình hình địch, Bác nói, đại ý:

- Các đồng chí phải thận trọng, phải chuẩn bị chống khủng bố. Chúng có thể mở một cuộc khủng bố lớn. Nếu cơ sở quần chúng có bộ phận nào bị tan vỡ, thì các đồng chí cũng không bi quan. Thắng không kiêu, bại không nản. Phải luôn luôn tin tưởng vào nhân dân, vào cách mạng...

Bác lại vạch ra kế hoạch chống khủng bố:

- Phải chuẩn bị địa điểm, tổ chức người cất giấu đồ đạc, làm vườn không nhà trống, tổ chức canh gác; tập báo động, thông tin, truyền tin chu đáo; chuẩn bị sẵn cả



những căn cứ cho các bộ phận lãnh đạo. Đối với nhân dân quần chúng, phải chia từng khu vực, từng bộ phận, phân công cán bộ đến bám sát, sống chết với quần chúng. Phải chú ý lựa chọn và bồi dưỡng các hội viên trung kiên được càng nhiều càng tốt - trong một trăm người yêu cầu nắm ít nhất là ba người trung kiên, tức là những người suốt đời sẽ đi với cách mạng. Khó khăn gian khổ thế nào cũng không chùn bước. Phải bồi dưỡng trước những người đó để họ làm gương mẫu trước quần chúng, rồi qua mấy lần chống khủng bố lại thử thách, sàng lọc thêm những phần tử trung kiên...

Việc bồi dưỡng trung kiên này được Bác hết sức chú trọng. Làm việc gì, ở đâu, và trong bất cứ trường hợp nào, Bác cũng nhắc chúng tôi phải thực hiện cho kỳ được.

Bác không quên nhắc đến lực lượng tự vệ. Bác dặn đi dặn lại:

- Lực lượng vũ trang tự vệ phải được nâng cao về chất và mở rộng về lượng hơn nữa. Nhưng khi có lệnh, mới được đánh, chưa có lệnh không được đánh. Diệt địch phải có thời cơ. Lúc này phải chuẩn bị lực lượng và bảo toàn lực lượng của mình cho tốt.

Nghe Bác nói, lúc đầu một số cán bộ, đảng viên chúng tôi vẫn chưa thật thông suốt. Tôi thầm nghĩ: Phong trào cách mạng đang lên phơi phới; tổng lý, kỳ hào và cả một số lính đồn đã vào hội theo ta; chính quyền địa phương từ thôn đến xã coi như đã trong tay cách mạng. Suốt ngày đêm, các hội cứu quốc tha hồ khai hội... thắng địch đã co



vòi lại. Như vậy thì còn sợ gì nó nữa mà phải lo lắng đến chuyện chống khủng bố? Tôi nghĩ như thế mà không dám hỏi lại Bác. Một số đồng chí khác cũng có ý nghĩ như tôi. Có đồng chí lại nói rằng: "Cứ hẹn nhau đến một ngày hoặc một đêm nào đó, có hiệu lệnh thống nhất, tất cả nổi lên giết hết bọn Pháp trên đồn Sóc Giang. Thế là cách mạng thành công, Việt Nam nhất định độc lập...".

Mấy ngày sau, chúng tôi vẫn chấp hành ý kiến của Bác, nhưng trong bụng chưa thật thoải mái. Một hôm, chúng tôi mạnh dạn nói điều đó ra với Bác. Bác ôn tồn giải thích, đại ý:

- Cách mạng với đế quốc như nước với lửa: đế quốc như nồi nước, cách mạng như ngọn lửa. Nước với lửa bao giờ cũng mâu thuẫn nhau. Lửa cháy càng mạnh nước sẽ sôi bọt. Đến một lúc nào đó, nước trào ra làm cho lửa tạm thời tắt đi, phải nhóm lại. Sau đó, lửa bốc lên rồi nước lại có thể trào ra làm lửa lụi đi lần nữa. Nhưng, nếu ta cứ kiên nhẫn nhóm lửa, nhóm đi nhóm lại và đun mãi, nhất định nước cũng phải cạn, đến cả nồi gang cũng phải cháy. Đối với bọn đế quốc cũng như thế: khi bị ngọn lửa cách mạng đốt cháy, chúng sẽ quay lại khủng bố, nhưng phải kiên quyết chống lại, cũng như kiên quyết nhóm lửa không cho lửa tắt, thì đế quốc nhất định sẽ thất bại...

Những hình ảnh cụ thể Bác gọi lên đã làm cho chúng tôi hiểu rõ và nhớ như chôn chặt vào ruột. Dân chúng tôi từ xưa đã quen dùng nồi gang, chảo gang, đã có những



lần đun quá lửa đến nổi nồi gang, chảo gang cũng vỡ, cho nên Bác nói thế là chúng tôi hiểu ngay.

Chúng tôi lại hỏi thêm:

- Còn việc tổ chức các hội viên trung kiên, cứ tổ chức rộng ra một trăm người nhưng sau chỉ cốt còn ba người cũng được. Như vậy thì tổ chức rộng ra làm gì cho thêm khó khăn?

Bác lại bảo, đại ý:

- Khó thế nào thì khó cũng vẫn phải có mặt tuyên truyền để tổ chức quần chúng rộng rãi. Một mặt giữ vững trung kiên. Đã là trung kiên thì tất nhiên họ sẽ đứng vững. Nhưng nếu có khó khăn chỉ còn được ba người cũng được mà bất đắc dĩ không còn ai nữa cũng không vì thế mà bây giờ không làm.

Chúng tôi chưa hiểu thế nào, Bác lại giải thích thêm, đại ý:

- Nếu trung kiên có bị tan không còn giữ được ai chẳng nữa thì ít nhất những người đó cũng đã hiểu là có cách mạng, có đoàn thể Việt Minh đang lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Rồi từ đó, họ sẽ nghĩ lại và dần dần họ sẽ cùng với quần chúng tự động đứng lên tiếp tục làm cách mạng.

Lòng quyết tâm xây dựng trung kiên của Bác mãi sau này tôi mới thấy rõ tác dụng. Có những thời kỳ, ở vùng Lục Khu giáp với Pác Bó, địch khủng bố mạnh, cơ sở quần chúng tan vỡ hết, chỉ còn lại hai quần chúng trung kiên. Hai quần chúng này cũng phải chạy bạt sang bên



kia biên giới. Nhưng phong trào ở Lục Khu không phải tan rã hẳn mà dần dần lại được phục hồi. Khi giặc rút, quần chúng trung kiên lại trở về lãnh đạo làng bản. Đến khi Nhật đảo chính Pháp, cán bộ chưa về kịp, quần chúng ở đây đã chủ động đứng lên đánh đuổi bọn Pháp và tay chân của chúng.

Còn một vấn đề nữa từ lâu chúng tôi vẫn băn khoăn, nhân lúc này cũng đem nốt ra hỏi Bác:

- Súng đạn mình ít thế này thì làm thế nào chống khủng bố có kết quả? Làm thế nào cho nhân dân tin tưởng được?

Đó cũng là thắc mắc phổ biến của cán bộ, đảng viên và quần chúng Pác Bó lúc bấy giờ. Mỗi khi chúng tôi đi tuyên truyền tổ chức quần chúng, trước hết người ta nói: "Tây nó ác, nó khỏe lắm, dân mình chỉ biết đi cày, không đánh được đâu!". Hoặc đến lúc muốn đánh Tây rồi, người ta lại hỏi: "Đánh Tây thì lấy súng đâu mà đánh?"... Gặp những câu hỏi đó thì tôi bí không biết nói thế nào, vì chính mình cũng mong được khẩu súng như trẻ mong quà của mẹ đi về.

Nghe chúng tôi hỏi, Bác đáp:

- Chẳng việc gì phải lo thiếu súng, muốn đánh được giặc thì lấy súng của giặc, dùng binh lính của giặc mà đánh.

Chúng tôi chưa kịp suy nghĩ thì Bác lại hỏi:

- Chú thấy trên đồi Sóc Giang có bao nhiêu lính?
- Độ bảy, tám chục tên.



- Trong số đó có bao nhiêu thằng Tây?
- Có ba, bốn thằng, kể cả quan lẫn đội xếp.

Bác nói tiếp:

- Vậy bảy, tám chục lính người Việt Nam có diệt được ba, bốn thằng Tây kia không?

- Làm gì chả được - tôi vội vàng trả lời.

Đến đây Bác mới giải thích cho chúng tôi, đại ý:

- Quân địch hiện nay còn mạnh mà đoàn thể ta còn nghèo, không thể một lúc làm ra đầy đủ súng đạn. Nếu ta đem quân đánh thẳng vào đồn của nó thì khó, mà cán bộ mình tìm cách vào gặp lính trong đồn nó cũng không dễ gì. Nhưng phải nhớ một điều là họ có gia đình. Khắp toàn quốc, ở thành phố, nông thôn, đâu cũng có gia đình họ và tổ chức của ta. Mình cứ việc đến tuyên truyền giải thích để họ bảo anh em, chồng con của họ. Như vậy, binh lính khắc dần dần giác ngộ, đến lúc nào đó, họ sẽ cùng ta vùng dậy đánh đuổi bọn thống trị. Thằng Tây đó dù có ba đầu sáu tay cũng sẽ bị tiêu diệt, và súng đạn lúc đó muốn lấy bao nhiêu cũng sẽ có. Nghĩa là: "Có dân thì rồi có cả".

Tôi nghe Bác nói mà khoan khoái trong lòng! Thế mà từ trước đến nay đầu óc mình chưa nghĩ ra những chuyện to lớn mà đơn giản như vậy, do đó mà cứ loay quanh không có lối thoát.

Bác lại nhấn mạnh thêm, đại ý:

- Điều quan trọng hơn cả là có quyết tâm. Có súng thì dùng súng, không có súng thì dùng gậy, dùng hết gậy thì



dùng dao, nếu hết dao thì dùng đầu, đầu đau thì dùng răng. Mấy chục triệu dân Việt Nam mà một lòng kiên quyết như thế thì bọn đế quốc thế nào cũng phải chết...¹.

*

* *

... Trên đường chúng tôi đi, anh em Cao Bằng đã bố trí canh gác. Chúng tôi gặp Tỉnh ủy, dặn anh em đề phòng cẩn thận hơn nữa, đặt mìn liên lạc khắp nơi để nắm sát tình hình địch, chuẩn bị đối phó với mọi sự bất trắc. Rồi liên lạc giữa chúng tôi theo đường rừng, đi mãi, đi mãi, đến một vùng rất hẻo lánh, trèo qua một đám ruộng bậc thang, rồi men theo con đường suối lượn vòng vèo, vào đến một khe rừng sâu thẳm, ở lọt thỏm giữa ba bề các núi đá. Từ xa đã trông thấy một ông già mặc áo chàm, giá không để ý thì cũng tưởng như bao nhiêu ông cụ già khác trên này. Ông cụ ra đón chúng tôi, cười vui vẻ lắm. Tôi để ý nhìn: Ông cụ người gầy nhưng mắt sáng, trán cao, có chòm râu hơi thưa, đen, đẹp. Đến tận lúc bấy giờ, các anh phụ trách trong đoàn mới cho tôi biết:

- Đại biểu quốc tế đây. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đây.

Biết là được gặp đại biểu quốc tế trong bụng đã sẵn mừng, đại biểu quốc tế lại chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc nữa, mừng này lại càng không biết nói sao cho hết. Nguyễn Ái Quốc, tên ấy là niềm tin tưởng sâu xa của toàn

1. Xem Dương Đại Lâm: *Pác Bó quê tôi*, Nxb. Dân tộc Việt Bắc, 1966.



thể đảng viên, toàn thể quần chúng của Đảng, của tất cả mọi người Việt Nam dưới thời nô lệ không quên nhục mất nước, của bất cứ ai còn có lòng với dân, với nước. Tôi nhớ khi còn ở ngoài Côn Đảo, được tin Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Hương Cảng, tất cả chúng tôi vô cùng lo lắng. Đến khi biết tin, nhờ sự hoạt động ráo riết của Quốc tế cứu tế đỏ, thoát khỏi tay mật thám Anh, tin ấy vừa đến đảo, ai nấy thở phào mừng rỡ. Trong bao nhiêu năm anh em hoạt động vẫn thường nói đến tên đồng chí, với sự tin phục, kính ái khác thường. Thật ít ai dám nghĩ, đời mình lại có dịp gặp người chiến sĩ ưu tú của phong trào chung ấy. Cho nên, khi gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc ra bắt tay chúng tôi từng người một, lòng tôi xúc động hết sức, không biết xưng hô bằng gì, tay tôi nắm chặt lấy tay Người. Tiếng nói nghẹn ngào của tôi lúc ấy, đến giờ Bác còn nhớ, đôi khi vui chuyện, Bác lại cười nhắc đến: "Việt lúc ấy lại chào mình: đồng chí ạ".

Mới đầu chúng tôi đều gọi Bác là đồng chí, rồi gọi là cụ, sau thấy anh Trường Chinh và anh Thụ dùng tiếng Bác, anh em thấy gọi như thế hợp với lòng mình, nên từ đấy, chúng tôi bắt đầu thưa với Bác bằng trái tim thân yêu mà bây giờ tất cả anh chị em chúng ta đều gọi.

Chỗ họp của chúng tôi cũng ở xóm Pác Bó, Hà Quảng, nhưng khác chỗ Bác ở, tức là hang Pác Bó mà sách, báo ta thường tả. Khu rừng kín đáo lắm, tôi nhớ nhiều sáng, chúng tôi ra tận chỗ đám ruộng bậc thang cho thoáng để vận động cơ thể và hít thở không khí. Lều dựng bên suối,



khi mưa, nước xối lênh láng cả sàn nhà. Chỗ họp thì tôi nhớ hình như có một cái chõng tre, anh em ngồi họp, mỗi người ngồi một khúc gỗ. Chính ở chỗ hoang vu bí hiểm ấy, trong túp lều đơn sơ trống trải, đã là nơi bàn đến những vấn đề thiêng liêng nhất: vận mệnh Tổ quốc, định những việc có tầm quan trọng quyết định đối với lịch sử nước nhà sau này. Như ta đều biết, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám đã xác định những điều cơ bản về chính sách dân tộc của Đảng, vạch rõ những mâu thuẫn chủ yếu của xã hội ta trong lúc ấy, đề ra chính sách mới của Đảng với giai cấp và định ra một chiến thuật vận động cách mạng thích hợp.

Ngoài giờ họp, Bác thường gọi từng đại biểu các xứ ra một chỗ riêng hỏi chuyện. Tôi được Bác hỏi hai, ba lần. Bác hỏi tôi sinh hoạt của nhân dân, chính sách áp bức, bóc lột của Nhật, Pháp. Tôi báo cáo lại với Bác về tình cảnh của đồng bào ta, từ khi chiến tranh xảy ra, nhất là từ khi Nhật vào, lại càng bị đế quốc bòn rút thậm tệ. Nào là chính sách vơ vét thóc lúa của Pháp, nào là những chuyện cướp bóc của Nhật, và gần đây nhất, những vụ đuổi dân chiếm đất làm sân bay, trại lính. Câu chuyện lính Nhật hành hạ đồng bào ta ở Gia Lâm mà hồi ấy bà con ta ai nghe đến cũng phải chau mày uất hận: có một cụ già bị giặc Nhật nó nghi là ăn cắp, nó đem cụ buộc vào ngựa rồi thúc ngựa kéo lồng lên. Cụ bị ngựa kéo đến tắt thở mà chết. Giống phátxít dã man đến thế là cùng. Bác ngồi trên một mỏm đá nghe tôi kể mà ứa nước mắt, kéo vạt áo



chàm lên lau trên gò má, khiến tôi cũng không sao cầm nước mắt được. Có lần thì Bác hỏi đến lực lượng của phong trào, tình hình tổ chức quần chúng, tình cảnh sinh hoạt của cán bộ, nhất là cách đi lại hoạt động phòng gian bảo mật của cán bộ ta. Bác hỏi rất cặn kẽ tỷ mỉ. Qua lời Bác hỏi, tôi cảm thấy lòng Bác thương yêu nồng nàn đồng bào, đồng chí, quan tâm tha thiết đến đời sống của đồng bào và đồng chí ta. Hỏi xong, Bác lại góp ý kiến về kinh nghiệm công tác cụ thể.

Được đến dự hội nghị, trong đầu óc tôi nhiều vấn đề được sáng tỏ. Đến khi Bác nói kết thúc hội nghị, nhận thức của tôi lại càng như có nắng mới tràn vào. Nghe Bác nói, từ khe rừng Pác Bó âm thầm, tôi nhìn rõ tiền đồ tươi tắn của cách mạng nước ta và cách mạng thế giới. Điều Bác nói, ngày nay đã thành sự thật, rõ như ban ngày, đối với tôi lúc ấy là cả một bầu trời chân lý. Tháng 5 năm 1940, chiến tranh Xô - Đức chưa xảy ra nhưng Bác đã nhận định thế nào rồi phátxít cũng tấn công Liên Xô. Nếu chúng đánh Liên Xô thì Liên Xô sớm muộn thế nào cũng tiêu diệt chúng, nhờ đó cách mạng nhiều nước có thể thành công. "Chúng ta sẽ có - lời Bác nói - không chỉ một mình Liên Xô mà nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác nữa sẽ ra đời. Viễn cảnh của thế giới mới sẽ thành hình sau đêm tối của chiến tranh, hiện lên như một bình minh rạng rỡ, làm ai không phấn khởi?". Rồi Bác nói về cách mạng Đông Dương. Bác nhấn mạnh: "Chỉ trong vòng mấy tháng mà có ba cuộc khởi nghĩa nổ ra, hết Bắc Sơn đến Nam Kỳ



lại Đô Lương nữa. Điều đó, chứng tỏ nhân dân ta rất anh hùng, lại rất thích về chính trị, cho nên có cơ hội là nổi lên liền. Tinh thần cách mạng của dân mình lớn lắm. Phải thấy tinh thần đó rất quý". Bác có nói đại ý như vậy. Ngẫm cho kỹ, lời Bác nói rất sâu sắc, chẳng những đúng với lúc Bắc Sơn, Nam Kỳ và Đô Lương khởi nghĩa. Bất cứ thời kỳ vận động cách mạng Mặt trận dân chủ, ta cũng đều thấy sức quật khởi của phong trào ta rất mãnh liệt. Nhìn lại cả lịch sử nước nhà, càng thấy rõ, anh dũng, quật cường là thuộc về bản chất của giai cấp ta, dân tộc ta, và có thêm lòng tin sâu xa ở lực lượng quần chúng, vào giờ phút quyết định lúc bấy giờ, tôi càng thấm lời Bác nói: "Đảng phải khơi lên cho hết chí khí cách mạng, tinh thần yêu nước của tầng lớp nhân dân, tập trung mọi lực lượng giải phóng dân tộc, đánh đuổi Pháp, Nhật, hướng mọi công tác của Đảng vào khâu trung tâm cứu quốc".

Việt Minh đã ra đời chính ở khu rừng Pác Bó này. Khi chọn một cái tên có tác dụng hiệu triệu cho Mặt trận dân tộc thống nhất, chúng tôi thấy hai chữ phản đế có phần cứng quá và hai chữ phục quốc thì bị bọn thân Nhật bôi nhọ làm mất cả ý nghĩa tốt đẹp của nó, cuối cùng lấy tên Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh. Hai chữ "Việt Minh" trong cả một thời kỳ dài đã làm nức lòng đồng bào cả nước. Hai chữ Việt Minh còn mãi trong lịch sử, chói lọi nét vàng. Chính Bác lại viết ra 10 điều chính sách Việt Minh. Rồi sau hội nghị, Bác tự tay thảo ra bức thư nhân danh cá nhân kêu gọi đồng bào, "Kính cáo đồng



bào", ký tên Nguyễn Ái Quốc. Bức thư ấy, Bác viết bằng chữ nôm, chữ viết đẹp lắm, chúng tôi có đem về xuôi, in đá litô, phát đi rất rộng. Nghĩ cũng lạ, bao nhiêu năm Bác sống ở nước ngoài, đi khắp nơi, công tác rất bận vậy mà Bác vẫn còn nhớ chữ nôm của các cụ ta. Lại rất sát tâm lý đồng bào nông thôn. Đồng bào nông thôn ta được đọc thư Bác viết bằng chữ nôm như thế, nhất là các cụ phụ lão, gật gù thích lắm, càng thêm tin lắm.

Đến ngày họp xong, anh em chúng tôi chuẩn bị ra về, thì một chuyện xảy ra làm chúng tôi nhớ mãi. Các đồng chí ở miền Nam, vì đường xa nên chuẩn bị đi về trước. Sắp sửa hành lý xong đâu vào đấy, Bác đến tận nơi hỏi thăm:

- Các đồng chí sắp sửa xong chưa?
- Thưa Bác, xong xuôi đâu vào đấy cả rồi ạ.
- Thế các đồng chí có nhớ lời tôi dặn không? Không ai mang tài liệu hội nghị về theo đấy chứ?

Các đồng chí miền Nam vì e liên lạc khó khăn nên lo xa, đã chép tài liệu hội nghị vào những mảnh giấy rất nhỏ, vê lại, giấu kỹ vào viền áo. Bác bắt tháo ra hết và phê bình rất nghiêm:

- Tôi đã nhắc các đồng chí mấy lần mà các đồng chí không nghe. Các đồng chí không được mang tài liệu theo người. Dịch nó bắt được các đồng chí, không phải chỉ thiệt cho một mình các đồng chí. Các đồng chí người ít tuổi cũng trên hai mươi rồi, người nhiều tuổi thì đã ngoài 30. Nhân dân tốn bao nhiêu công sức mới nuôi được các



đồng chí nên người. Phong trào bây giờ, những người như các đồng chí nhỡ có thể nào không phải một ngày mà có người thay ngay được. Các đồng chí phải nghe tôi, tài liệu hội nghị, tôi bảo đảm sẽ có người liên lạc, mang về tận nơi cho các đồng chí.

Lời Bác tuy nghiêm mà chan chứa tình yêu thương cán bộ. Lại là một bài học thiết thực, quý giá. Chúng tôi cũng thực hành như lời Bác dạy, anh chị em cán bộ đi họp về, kiên quyết không để mang tài liệu theo người, mọi chỉ thị, nghị quyết đều chuyển bằng đường dây liên lạc. Bác giàu kinh nghiệm nên cảnh giác rất cao. Điều Bác dặn chúng tôi được nghiệm thấy ngay là rất đúng¹.

*

* *

... Từ làng Khum Đắc, chúng tôi trèo lên ngọn núi đằng sau làng. Lên đến gần đỉnh thì có một hốc đá to, có thể ngồi được hàng chục người. Đây chính là lớp học của chúng tôi.

Khi chưa bước đến chân hang, từ đằng xa tôi đã thấy anh Đức Thanh và một ông già cao cao, gầy gầy mặc bộ quần áo chàm, trông ông không khác người địa phương... Đồng chí già đó chính là Bác nhưng lúc đó chúng tôi không biết mà chỉ đoán: chắc là thượng cấp rồi.

1. Xem Hoàng Quốc Việt: *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1969.



Tôi thấy trong lòng bồi hồi cảm động. Một phần vì sắp được hiểu biết nhiều điều mới mẻ, nhưng phần chính là sắp được gặp các đồng chí lãnh đạo cấp trên mà lâu nay mình chưa từng biết. Tôi lại nhớ đến câu nói của anh Đức Thanh: "Thượng cấp này quan trọng lắm". Thế là từ lúc đó tôi cứ nhìn mãi Bác. Tôi tự hỏi: "Không biết đồng chí già này là ai? Tên là gì? Người ở đâu? Là thượng cấp nhưng thượng cấp thế nào?". Cho đến lúc gặp, thấy Bác lên tiếng: "Chào các đồng chí", tôi lúng túng quá không biết nói năng thế nào, sợ nói sai các đồng chí lại cười mình, hoặc cho mình khuyết điểm, mãi sau tôi mới cất tiếng thưa: "Chào ông Ké ạ!".

Nhưng Bác đã vừa cười vừa nói:

- Thôi cứ gọi đồng chí là được rồi.

Bác đến bắt tay từng người. Khi đến trước mặt tôi, nhìn thấy cái đầu trọc lóc, Bác vừa cười vừa động viên:

- Cái đầu trọc đẹp quá!

Thấy Bác giản dị, thân mật, lúc này tôi đã mạnh dạn hẳn lên. Tôi báo cáo với Bác là chúng tôi vừa mới ở nhà tù ra cả. Chúng tôi lại lấy cả sổ tù ra đưa Bác xem. Sổ tù có ảnh, có điểm chỉ, có chữ ký của bọn mật thám và nhận thực của tên tri phủ sau mỗi lần lên trình diện nó. Bác cầm xem rất kỹ, rồi bảo chúng tôi ngồi xuống. Bác hỏi thăm tình hình sức khỏe, tình hình gia đình và công tác của từng người. Bác còn hỏi chúng tôi về tình hình bị tù ra sao, việc trình diện tri phủ thế nào? Thế là chúng tôi lần lượt kể lại cho Bác nghe.



Trò chuyện một lúc, Bác và chúng tôi bước vào lớp học. Bác giới thiệu với chúng tôi anh Đức Thanh làm trợ giáo, sẽ đi giúp đỡ chúng tôi hằng ngày. Còn Bác là người trực tiếp lên lớp giảng bài.

Chúng tôi ngồi cả ở hốc đá, có mấy cành cây kê làm ghế, tài liệu sách vở không có, nghe nhập tâm là chính. Ngoài ra, còn có ba cái bản đồ chúng tôi mang đến.

Đấy, tất cả lớp học quân chính của chúng tôi chỉ có thế. Anh Đức Thanh phổ biến chương trình của lớp học, rồi Bác bắt đầu giảng bài.

Trước hết, Bác nói về tình hình thế giới. Lúc này bọn phátxít Hítle đã bắt đầu tấn công Liên Xô được ít hôm. Bác nói tình hình đó cho chúng tôi nghe, rồi Bác phân tích, đại ý như sau:

- Hiện nay trên thế giới có phe phátxít Đức, Ý, Nhật và phe dân chủ chống phátxít. Trong phe dân chủ chống phátxít lại có dân chủ mới như Liên Xô và dân chủ cũ như Anh, Pháp, Mỹ. Dân chủ cũ và dân chủ mới có mâu thuẫn với nhau, trước đây đã có lần đánh nhau. Nhưng hiện nay đứng trước họa phátxít, dân chủ mới và dân chủ cũ đồng minh với nhau chống lại phe phátxít. Trong phe dân chủ chống phátxít, Liên Xô là chủ lực. Việt Nam ta cũng đứng trong phe dân chủ mới, ủng hộ Liên Xô chống lại phe phátxít.

- Bọn phátxít đang tiến công vào Liên Xô, Tổ quốc của cách mạng thế giới. Chúng tuyên bố huênh hoang là tiêu diệt Liên Xô trong một thời gian ngắn. Nhưng chúng



nhất định bị thất bại. Nhân dân Liên Xô trước đây cũng bị tư sản nhà giàu cướp của, bóc lột hết sức cùng cực, khổ sở. Sau nhờ có Đảng Cộng sản do Lenin lãnh đạo, nhân dân Liên Xô đã đấu tranh giành được thắng lợi vĩ đại, đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, không có người bóc lột người. Đời sống của nhân dân Liên Xô ngày càng sung sướng, hạnh phúc. Bây giờ bọn phátxít muốn tiêu diệt nhân dân Liên Xô, định bắt nhân dân Liên Xô quay lại cuộc đời nô lệ một lần nữa thì không thể được nữa rồi. Hồng quân Liên Xô nhất định thắng, phátxít Đức, Ý, Nhật nhất định thua.

Tôi vừa nghe Bác nói, vừa tự liên hệ. Trước đây tôi cũng lơ mơ chẳng hiểu tình hình ra sao. Khi nghe tin phátxít Đức đánh Liên Xô, tôi chưa hiểu được tình hình sẽ đi đến đâu. Bây giờ nghe Bác nói, đầu óc tôi mới dần dần sáng ra, tôi đã hiểu thế nào là bọn phátxít, là phe đồng minh và nhất là vững lòng tin tưởng ở thắng lợi của Liên Xô và của cách mạng thế giới.

Trong khi giảng, Bác nói từng đoạn, có chỉ vào bản đồ, rồi dừng lại hỏi chúng tôi xem có chỗ nào không hiểu, hoặc có gì thắc mắc thì hỏi. Nhưng thường chúng tôi không có thắc mắc. Không phải là không dám nói, nhưng chính vì những vấn đề Bác nói đều hoàn toàn mới mẻ đối với chúng tôi. Hơn nữa, Bác lại nói giản dị, dễ hiểu, nghe đến đâu hiểu đến đấy, cho nên càng không có gì thắc mắc cả.



Trong các buổi học sau, Bác tiếp tục giảng về tình hình trong nước và nhiệm vụ cách mạng. Về năm bước công tác quần chúng, Bác dạy: Phải điều tra xong rồi mới tuyên truyền, làm sao cho người ta có cảm tình với mình đã, lúc đó mới tổ chức vào hội, sau đó tiến hành huấn luyện, rồi giao công tác, thường xuyên kiểm tra công tác và báo cáo.

Hôm Bác giảng về công sự, tôi nghe lý thú lắm. Tôi còn nhớ đại ý Bác nói về chiến thuật du kích là: lấy ít đánh nhiều, dùng mưu mẹo mà đánh, nay đánh đông, mai đánh tây, làm cho địch chết dần chết mòn. Về các hình thức đánh du kích, Bác không nói tập kích, phục kích, mà nói đánh úp, đánh mai phục. Đánh úp là khi quân địch đang ở trong một xóm, một làng, một quán nào đó, mình giả làm người dân, lân la đến gần dùng gậy đập chết nó rồi cướp súng, có thể ban đêm, cũng có thể ban ngày... Còn đánh mai phục là mình tự chọn lấy một nơi địa thế kín đáo rồi bí mật đến núp ở đó, đợi khi nào địch đi qua thì nhanh chóng bất ngờ xông ra dùng dao, dùng gậy giết nó, cướp súng...

Bác lại nhấn mạnh: Đánh úp, đánh mai phục như thế không cần nhiều người, không nên ăn to vội, mới đầu hãy chọn một vài thằng, nhằm vào lúc nó đi liên lạc hay đang giải tù, bắt phu đốc thuế rồi giết nó lấy một hai khẩu súng, dần dần diệt ba thằng lấy ba, bốn khẩu súng và cứ như thế mà tiến lên.



Những điều Bác dạy về cách đánh du kích làm tôi nhớ mãi. Trong những thời kỳ ở giải phóng quân cũng như sau này, tôi đã cố gắng vận dụng. Ví dụ: lần ở Tân Trào, hồi trước Cách mạng Tháng Tám 1945, tôi đang phụ trách Đội bảo vệ khu vực Bác ở thì có một toán thổ phỉ mấy chục tên tràn qua. Tôi bị lên cơn sốt bất thần không đi được, nên anh Văn* trực tiếp chỉ huy trận đánh này. Bác giao nhiệm vụ là trận này không được để tên nào thoát. Thực hiện chỉ thị của Bác, quân ta đã tiêu diệt đại bộ phận địch. Hơn bốn mươi tên chỉ còn hai tên chạy sang phía chợ Chu, năm tên chạy vào khu vực chúng tôi ở. Khi nghe tiếng súng nổ ra ở ngoài, tôi đã thấy nóng ruột lắm rồi. Tôi cố gắng tìm cách ngồi dậy. Tôi nhớ Bác nói nhiều lần: "Phải đấu tranh với bệnh, không thì nó lấn tới". Tôi liền cột một đoạn dây vào xà nhà rồi nắm một đầu dây cứ nhảy lên, nhảy xuống, cho đến lúc mồ hôi toát ra như tắm. Vừa lúc đó, có anh em vào báo:

- Bọn thổ phỉ chạy vào, đang ở gốc cây đa, có một tên chỉ huy.

Tôi liền báo:

- Có mấy thằng thì cứ lừa ra mà bắt.

Rồi tôi cố gắng đi theo và nói với anh em:

- Tôi sẽ ra gặp chúng, còn các đồng chí sẽ núp kín đằng sau, khi nào tôi hô thì cứ việc mang thùng ra mà trối.

* Bí danh của đồng chí Võ Nguyên Giáp.



Tôi ung dung tiến ra gặp tên tướng thổ phi. Tôi đã dắt súng trong người rồi. Khi gặp nó, tôi vui vẻ bắt tay nó rồi bất thành linh rút súng ra hô:

- Giơ tay lên! Toàn đơn vị xung phong!

Bọn này bị tấn công bất ngờ phải đầu hàng ngay. Hầu hết đều bị ta bắt, còn hai tên chạy thoát sang phía chợ Chu cũng bị bắt nốt. Có được kết quả trên là do chúng tôi đã học được mưu mẹo đánh du kích của Bác.

Một điều Bác luôn luôn nhắc nhở chúng tôi là phải hết sức giữ bí mật. Bác dặn chúng tôi phải nhớ kỹ khẩu hiệu: Không có, không biết, không thấy. Khi gặp người lạ hỏi gì, mình không nói không được, nhưng nói thì nói không có, không biết, không thấy. Nhiều lúc chúng tôi tò mò muốn hỏi tên Bác là gì, thân thế sự nghiệp ra sao... nhưng thấy Bác dặn như thế nên chúng tôi lại không dám hỏi. Chúng tôi chỉ bàn tán với nhau: "Đấy là ông Kế người Nghệ". Sở dĩ chúng tôi gọi như vậy là vì thấy Bác nhiều tuổi lại nói tiếng miền Trung mà chúng tôi đoán là Nghệ An. Nhưng còn hiểu gì thêm về Bác nữa thì chịu. Mãi cho đến năm 1945 khi về Tân Trào làm nhiệm vụ bảo vệ Bác, tôi mới chính thức biết Bác là ai. Hôm đó Bác ở trong lán vừa đi ra ngoài, anh Văn lên thăm Bác nhưng không gặp. Anh ngồi nói chuyện với tôi, rồi tự nhiên mở một quyển sách chữ Pháp ra trong đó có một ảnh to. Anh nghiêng nghiêng quyển sách cho tôi xem. Chính là ảnh



Bác, trên đầu trang sách có đề chữ *Nguyễn Ái Quốc*. Tôi vừa mừng vừa cảm động, còn anh Văn thì chỉ cười, không nói gì.

*

* *

Thấm thoát lớp học của chúng tôi đã đến ngày bế mạc. Đêm trước, năm anh em chúng tôi đều thấp thòm không ngủ được. Chúng tôi thấy thời gian ở với Bác ngắn ngủi quá. Ai cũng mong được gần Bác, học tập thêm ở Bác nhiều nữa. Lại còn một điều lo là chúng tôi phải chuẩn bị để ngày mai có cuộc "thi tốt nghiệp".

Tuy Bác không nói thi cử gì cả, nhưng chúng tôi thì cứ xì xào với nhau: Đúng là "thi tốt nghiệp rồi!".

Bác nói cách "thi tốt nghiệp" như sau:

- Tôi sẽ làm một ông cụ già nông thôn, các đồng chí làm thanh niên đi tuyên truyền giác ngộ tôi làm cách mạng. Các đồng chí muốn làm cách nào thì tùy ý...

Đầu đề "thi" chỉ có thế thôi, lại được phổ biến trước để chuẩn bị, thế mà sao tôi thấy khó quá. Nhất là tuyên truyền cho ai, chứ cho "ông Ké thượng cấp" thì quả thật không dễ. Cả đêm tôi cứ nghĩ hết "luận án" này đến "luận án" khác. Cuối cùng mệt quá, tôi thiếp đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau cuộc "thi tốt nghiệp" bắt đầu. Bác hỏi:

- Hôm nay tôi là một cụ già đang ngồi trong nhà chữa cày. Các đồng chí vào nói chuyện đi.



Sáng sớm, tôi đã xác định dứt khoát là phải bình tĩnh, không hoang mang, thế mà đến lúc này tự nhiên trong lòng lại thấy hồi hộp khác thường. Tôi lo nhỡ nói không đúng, ông Kế phê bình và anh em thì cười... thế là tôi cứ ấp úng mãi mới được một câu:

- Chào Bác ạ!

- Ủ được, cháu vào chơi!

Đến đây tôi lại càng lúng túng không biết nói gì thêm nữa. Thấy vậy Bác liền "gỡ thế bí" cho tôi:

- Cháu đến có việc gì không?

Từ đó tôi mới mạnh dạn nói. Tôi hỏi thăm tình hình gia đình, nào là: Bác có khỏe không? Gia đình ta có đủ ăn hay thiếu? Có ai bị ốm yếu không? Phu phen thuế khóa ra sao?, v.v..

Bác vừa nghe vừa gật đầu tán thành:

- Nói như vậy là được, các đồng chí khác tiếp tục bổ sung thêm cho đầy đủ.

Chúng tôi mỗi người thêm một ý. Bác nối lại ý của chúng tôi, cuối cùng Bác tóm tắt là: kẻ thù hiện nay của nhân dân là bọn phátxít Nhật - Pháp, chúng bóc lột nhân dân ta thậm tệ. Vì vậy, mọi người phải đùm bọc lấy nhau làm cách mạng để đánh đổ đế quốc và tay sai, có như vậy mới được ấm no, hạnh phúc.

Tóm tắt xong, Bác nhận xét cụ thể đồng chí này nói đúng chỗ nào, đồng chí kia nói sai chỗ nào. Bác khen Nam



Tuấn nói đầy đủ hơn cả. Bác lại phê bình chung một điểm là còn dùng nhiều chữ nghĩa khó hiểu. Ví dụ: chúng tôi hay nói đến chữ đoàn kết, mà thực tế chữ đoàn kết hồi đó không dễ hiểu như bây giờ, nhất là đối với đồng bào miền núi. Bác bảo: Sao ta không dùng những câu như: một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại thành hòn núi cao, hoặc đùm bọc lẫn nhau, v.v. hoặc có thể dùng những ví dụ khác như: bẻ một chiếc đũa thì dễ nhưng bẻ cả bó đũa thì khó, v.v. nếu nói được như vậy có phải mọi người đều dễ nghe, dễ hiểu không.

Rồi Bác lại nhấn mạnh: Đi tuyên truyền người ta không phải chỉ nói bằng mồm mà còn phải bắt tay vào làm thực tế, có khi đến nhà thấy trẻ em đang ỉa cũng phải rửa dĩa cho chúng, hoặc lên sàn nhà phải chú ý rửa chân trước khi vào nhà.

Buổi thi tốt nghiệp của chúng tôi đến đây coi như kết thúc, không ai được điểm cao, cũng không ai bị điểm kém, ai cũng cảm thấy phấn khởi vì đều được Bác động viên, được Bác dạy dỗ tỷ mỉ.

Khi lớp học kết thúc, Bác giao nhiệm vụ cho Nam Tuấn, Ái Nam và Xuân Trường trở về Hà Quảng tiếp tục hoạt động. Còn tôi và đồng chí Quý sang biên giới Trung Quốc công tác.

Có một điều Bác không dạy mà chúng tôi ai cũng học được một cách sâu sắc: đó là đạo đức của Bác. Ngay từ những ngày đầu sống bên Bác, trong tâm trí mỗi



người chúng tôi đều in sâu hình ảnh người đồng chí già mặc bộ quần áo chàm, đi chân đất chống ba toong bằng rễ cây rừng, người gầy nhưng có đôi mắt sáng, vàng trán thông minh, hiểu biết từ chuyện thế giới xa xôi đến chuyện địa phương làm ăn sản xuất, v.v.. Sau này gần Bác, chúng tôi càng thấy Bác sống rất mẫu mực, ngay trong việc nhỏ hàng ngày Bác thường dạy chúng tôi phải yêu thương đồng chí. Và Bác đã làm gương để chúng tôi noi theo.

Một lần, chúng tôi đang học, có một chị ở dưới núi mang mấy bắp ngô lên. Tôi đoán ngô này của đồng bào biểu Bác, nhưng Bác bảo anh Đức Thanh chia đều cho chúng tôi cùng ăn cả.

Một lần khác, đang học, mấy đứa chúng tôi đều hết thuốc lá. Tuy còn là thanh niên mà chúng tôi đã nghiện thuốc, trong đó Xuân Trường và tôi nghiện nặng hơn. Hồi này Bác cũng hút thuốc, thuốc của Bác là thuốc "xực dín" (hay gọi là thuốc bào, loại thuốc Trung Quốc thái nhỏ tẩm dầu). Bác vừa dạy học vừa hút. Xuân Trường và tôi trông thấy thèm lắm, nhưng không dám xin. Bác trông biết ý ngay, liền hỏi:

- Ở đây có mấy đồng chí nghiện thuốc?

Xuân Trường, Ái Nam và tôi đều giơ tay. Thế là Bác đem cả gói thuốc chia luôn cho chúng tôi.

Thấy Bác làm thế, chúng tôi vừa phấn khởi, vừa cảm động. Tôi cứ suy nghĩ mãi: "Đồng chí thượng cấp



này đặc biệt quá, có gì cũng cho bọn mình, sao lại tốt đến như vậy..."¹.

*

* *

Trong đời hoạt động của Bác, lần bị bọn Tưởng bắt là lần Bác khổ nhất. Bọn Tưởng giải Bác đi hết nhà tù này đến nhà tù khác. Bác phải chịu đựng mọi nỗi gian nguy của chế độ nhà tù đen tối nhất, đến nỗi chân Bác yếu đi, mắt Bác mờ đi nhưng trí Bác vẫn sáng, lòng Bác không sờn. Tay trời, cổ xiềng, dầm mưa giải nắng, Bác vẫn lạc quan, tin tưởng ở cách mạng thắng lợi. Chính trong thời gian này Bác đã làm tập thơ *Nhật ký trong tù* rất quý báu cho chúng ta ngày nay.

Ở nhà thì các đồng chí lo ngày lo đêm. Bác sa vào tay một bọn ngu xuẩn và hung ác, làm sao cho được an toàn? Rất có thể là Bác giàu kinh nghiệm đấu tranh, bọn chúng không làm gì nổi, nhưng cũng rất có thể là bọn chúng sợ Bác mà tìm cách ám hại Bác. Trong nước liên chủ trương vận động quần chúng cứu quốc và các Việt kiều ở hải ngoại đòi bọn Tưởng phải trả lại tự do cho "nhà cách mạng lão thành" của ta.

Quả nhiên chúng không hại được Bác, nhưng chúng đã giải Bác đi như thế trong hơn tám mươi ngày, giam giữ

1. Xem Quang Trung: "Lớp học đầu tiên", trong *Uống nước nhớ nguồn*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1973.



Bác mười bốn tháng trời trải qua gần ba mươi nhà tù của bọn Tưởng.

...

Lúc ở tù khi bị giam lỏng, Bác không ngừng hoạt động cho cách mạng một phút nào. Bác lợi dụng điều kiện cụ thể, viết các bài đăng trong báo chí của đệ tứ chiến khu để phổ biến tình hình trong nước. Bác quyết tâm khắc phục những bệnh tật mà chế độ nhà tù đã để lại trong cơ thể Bác. Bác tập leo núi để chữa chân tê thấp, tập nhìn bóng tối để chữa mắt mờ. Ý chí quyết làm cho cách mạng Việt Nam thắng lợi đã giúp Bác thắng bệnh tật.

Ít lâu sau, thoát sự quản chế ở Liễu Châu, Bác trở về Pác Bó. Lúc đó là tháng 9 năm 1944...¹.

*

* *

"... Trong khi nhân dân Liên Xô anh em đang dốc hết lực lượng vào cuộc kháng chiến thần thánh, khi phátxít Nhật - Pháp đang hoành hành ở Việt Nam, khi đồng bào ta đang quần quai dưới hai ách áp bức, khi công việc Đảng và Mặt trận Việt Minh đang nhanh chóng lan rộng, ăn sâu vào quần chúng nhân dân mà mình thì phải nằm còng queo trong một phòng giam của bọn phản động Trung Quốc, sốt ruột biết bao! Đây không phải là một trại giam chính cống,

1. Vũ Anh: *Từ Côn Minh đến Pác Bó*, trong *Bác Hồ, Sđd*.



mà chỉ là một "cắm bế thất" - một phòng giam nhỏ hẹp ngay bên cạnh đội cảnh vệ của tướng Trương Phát Khuê. Chỉ một mình Bác bị nhốt ở đó. Lâu lâu mới có một vài sĩ quan Quốc dân đảng bị phạt vào ở đó năm, bảy ngày, Bác lợi dụng những dịp đó để học tiếng "quan".

Bác gây được cảm tình với vài người lính gác. Mỗi bữa ăn xong còn thừa rau bí luộc, họ đưa cho Bác để "cải thiện sinh hoạt" phần nào. Điều tốt nhất là mỗi ngày họ bí mật quẳng vào cho Bác một tờ *Liễu Châu nhật báo*, đó là món ăn tinh thần. Nhờ đó mà Bác theo dõi được tin tức chiến sự.

Tháng 2 năm 1943, sau khi xem thấy tin: Sau hơn sáu tháng chiến đấu vô cùng anh dũng, Hồng quân đã đại thắng ở Stalingorát, bắt sống 33 vạn quân Hítle... Bác mừng nhảy lên, suýt đụng đầu vào kèo phòng giam. Bác tự bảo nhất định phải ăn mừng cuộc thắng lợi này. Trong túi chỉ còn vền vền 1 đồng bạc, Bác đưa tuốt cả số tiền đó nhờ người lính gác mua dùm cho ít kẹo và "dầu chá quẩy" (mua 1 đồng chỉ được 5 hào, đó là quy chế của nhà giam), để làm một bữa tiệc. Sau khi phấn khởi hô khe khe mấy khẩu hiệu: "Đảng Bônsovic muôn năm! Hồng quân muôn năm! Liên Xô thắng lợi muôn năm!". Bác ngồi xuống nhâm nhi một mình rất đàng hoàng vui vẻ. Từ đó về sau, mỗi tin tức Liên Xô thắng lợi là một món quà tinh thần từ phương xa đến an ủi Bác...

Mười mấy tháng bị nhốt trong cái phòng u ám và quạnh hiu, một hình một bóng, không được nói chuyện



với ai, không có việc gì làm. Muốn "du lịch" thì đi dọc chỉ năm bước, đi ngang chỉ bốn bước. Để "tiêu khiển" ngày giờ, chỉ còn cách ngêu ngao, vắn tắt ghi lại sinh hoạt của người ở tù cho khuây khỏa thế thôi, phải thơ phú gì đâu...

Khi được thả ra, mắt Bác nhìn kém, chân bước không được, Bác quyết tâm tập đi, mỗi ngày 10 bước, dù đau mà phải bò, phải lết, cũng phải được 10 bước mới thôi. Cuối cùng Bác chẳng những đi vững mà còn trèo được núi. Lần đầu tiên lên đến đỉnh núi, Bác cao hứng làm một bài thơ chữ Hán như sau:

*"Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như kính tịnh vô trần;
Bồi hồi độc bộ Tây Phong lĩnh,
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân".*

Bác chỉ nhớ bài thơ đó, chúng tôi cố hết sức chỉ tạm dịch như thế này:

*"Mây ôm núi, núi ôm mây,
Lòng sông sạch, chẳng mấy may bụi hồng;
Bùi ngùi dạo đỉnh Tây Phong,
Trông về cố quốc, chạnh lòng nhớ ai!"¹.*

*

* *

Tháng 6 năm 1945, chúng tôi nhận được thư của một đồng chí cán bộ cao cấp báo cho biết phải chuẩn bị để đón một

1. T.Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, *Sổ*, tr.162-166.



đồng chí thượng cấp về Tân Trào. Thư viết vắn tắt nhưng toát ra một tinh thần rất quan trọng. "Đồng chí thượng cấp?", tôi thầm hỏi và cũng mơ hồ đoán được ra người đồng chí mang cái mật hiệu kia là ai.

Đã từ lâu lắm tôi được nghe nói nhiều về đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người lãnh đạo vĩ đại của cách mạng Việt Nam, đồng thời cũng là một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Đã có không biết bao nhiêu chuyện lớn lao, xúc động về cuộc đời hoạt động của Người được các đồng chí của Đảng ta cũng như của các đảng anh em, đã kể lại cho nhau nghe gần như những truyền thuyết dân gian kỳ diệu.

Tôi vui mừng báo ngay cho đồng chí Tùng (lúc bấy giờ đã làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời Châu Hồng Thái) chuẩn bị gấp mọi mặt, tu sửa lại ngôi đình Hồng Thái để làm trạm tiếp đón trước khi đồng chí sang Tân Trào.

Đình Hồng Thái cũng có những cây đa cổ thụ, cảnh lá xum xuê, xanh tốt; đình lợp lá cọ, cột gỗ rêu phong, nằm giữa một khu đất rộng xung quanh cỏ mọc xanh rì, cây cao bóng cả; phong cảnh thật là trầm mặc. Phía sau đình không xa là bản làng có một cái giếng con, nước trong leo lẻo quanh năm nên nhân dân trong vùng vẫn gọi là "giếng ngọc". Xế về phía bên trái, trước cửa đình là dòng sông Đáy hẹp như một dòng suối lớn, êm đềm chảy giữa hai bờ lau sậy. Có lẽ cũng giống như ở Kim Long, nhân dân ở đây từ lâu đã tự hào về phong cảnh đẹp của quê hương



mình, đồng thời, cũng đã từ lâu mơ ước một cuộc đời tươi sáng, hạnh phúc hơn, cho nên đã có hai vế câu đối khắc ở cột đình:

*Để giang tả bão linh nguyên hội;
Ngọc tỉnh hữu triều thụ khí chung.*

Tạm lược dịch: Dòng sông Đáy bao bọc bên trái chẳng khác gì một nguồn linh thiêng tụ hội lại, còn bên phải có giếng ngọc châu tựa như có khí đẹp chung đúc về.

Có đồng chí cán bộ biết chữ Hán dịch lại hai câu đối ấy cho tôi nghe và mỉm cười nói vui:

- Có lẽ nhân dân ở đây đã tiên đoán được từ lâu là sẽ có ngày ngôi đình này được chọn làm nơi để tiếp đón người chiến sĩ vĩ đại, vị cứu tinh của dân tộc mình về xây dựng thủ đô cách mạng, nên mới có hai vế câu đối đẹp đẽ, hàm xúc như thế!

Riêng tôi, đứng trước đình Hồng Thái, nhìn về chòm núi trùng điệp xanh mờ phía xa, tôi còn nhớ tới bản Pài. Bản Pài cũng thuộc địa phận của Hồng Thái, cách theo đường chim bay ngôi đình này quá mười cây số. Lịch sử như đã vô tình làm một công việc đối chiếu và so sánh có ý nghĩa. Cũng trên khu vực này, cách đây hơn nửa năm, đoàn mười hai người chúng tôi bị vây hãm nguy khốn ở những mỏm núi kia. Bây giờ, chúng tôi đã xuống được tới làng bản, ra công khai và long trọng tổ chức đón tiếp lãnh tụ của dân tộc, của giai cấp trở về chỉ đạo cách mạng cả nước.



Công việc chuẩn bị của chúng tôi vừa xong, thì đồng chí cán bộ cao cấp lật đật trở về. Đồng chí cho biết: đồng chí đón hụt. Bác đã không đi theo con đường do chúng tôi đề nghị, mà đi theo con đường khác - con đường nam tiến do Bác đã vạch ra trước đây cho Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân từ hồi đầu mới xây dựng.

Chúng tôi không phải mong đợi lâu, ngay hôm sau đã có tin báo: thượng cấp về tới ngoài đầu dốc. Tất cả chúng tôi mừng rỡ, vội vã chạy ra. Trước mặt chúng tôi là một đoàn trên mười người ăn vận khác nhau, trong đó có cả đồng chí Võ Nguyên Giáp. Đi đầu đoàn người là một đồng chí đã có tuổi, mặc áo chàm, dáng người mảnh dẻ, khuôn mặt xương xương, nước da rám nắng, chòm râu đen nhánh, lưa thưa. Đồng chí bước đi thoăn thoắt, chiếc mũ dạ đen đội đầu, mảnh khăn mặt trắng vắt vai, tay cầm một chiếc gậy nhỏ. Mới thoát nhìn, cũng đã có thể biết ngay: đó là người mà chúng tôi đã từ lâu mong đợi. Bác tới gần, cặp mắt sáng đẹp tuyệt vời nhìn thẳng về phía chúng tôi. Và cũng ngay vào giây phút ấy, tình cảm dành cho Bác đã chiếm hết tâm hồn chúng tôi. Chúng tôi muốn cầm chặt lấy bàn tay Người mà thốt lên tất cả những lời kính yêu tha thiết, tin tưởng không bờ không bến.

Bác bước vào đình Hồng Thái, nhìn bao quát khung cảnh và các đồng chí xung quanh với vẻ mặt rất hài lòng. Tất cả chúng tôi đều xúm xít lại. Bác bắt đầu câu chuyện bằng những lời thăm hỏi ân cần về sức khỏe chung của chúng tôi, rồi hỏi Ủy ban châu về tình hình phong trào



của địa phương. Mặc dù, đã chuẩn bị rất kỹ, nhưng trước những câu hỏi cụ thể, tỉ mỉ của Bác, đồng chí Tùng vẫn không khỏi bối rối.

Bác sang xóm Tân Lập (Tân Trào) vào tạm trú một gia đình cơ sở ít hôm, trước khi ra ở làng phía chân núi Nà Lừa. Chúng tôi cố hết sức bí mật, đón Bác về bình thường như đón những đồng chí cán bộ khác. Nhưng Bác chỉ ở trong xóm được vài ngày, toàn thể nhân dân đã chăm chú, xì xào: "Có một đồng chí già mới về, yêu dân, yêu bộ đội đặc biệt. Lại chăm chỉ khác thường, đêm làm việc tới khuya, sáng mờ đất đã quét nhà, tưới rau, lấy củi, đánh thức bộ đội dậy đi tập. Ông cụ còn chăm lo nước tưới. Hôm nào đi thăm đồng, tưởng làm gì, té ra đắp một cái bờ bị né để giữ nước cho dân...".

Từ cụ già tới trẻ nhỏ trong xóm, người nào cũng đều muốn đến gặp "ông cụ" hoặc "đồng chí già" để được nghe chuyện thế giới, trong nước và nghe những lời khuyên bảo về đấu tranh chống đế quốc, phátxít, và tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm.

Có một chuyện mà nhiều đồng chí cho tới bây giờ vẫn còn nhớ và không khỏi buồn cười. Ngay hôm sau, mới tới Tân Lập, Bác đi thăm luôn chỗ ở của đơn vị Giải phóng quân đóng ở đó. Chúng tôi vẫn giữ bí mật, ngay cả với đồng chí chỉ huy đơn vị, Bác thấy chỗ ăn, nơi ở của bộ đội chưa được trật tự, Bác bèn gặp đồng chí chỉ huy góp ý kiến. Đồng chí chỉ huy vốn là người nóng nảy thấy vậy có ý không bằng lòng: "Phê bình chúng tôi



chuyện ấy đã có cấp trên của chúng tôi". Bác vẫn đôn hậu tươi cười đáp: "Tôi là người dân, tôi cũng có quyền phê bình góp ý với bộ đội chứ...! Bộ đội cách mạng là bộ đội của dân cơ mà!". Đồng chí chỉ huy đơn vị nghe ra hay, không dám nói nữa. Hôm sau gặp tôi, đồng chí lắc đầu: "Có một cụ già không biết ở xã nào đến, nói năng cừ lểm, phê bình mà tôi cũng phải chịu". Tôi cười, nói nhỏ: "Lãnh tụ của phong trào cách mạng của ta hiện nay đây!". Đồng chí chỉ huy đơn vị tròn tròn mắt: "Có thật không?...". Từ đó, mỗi khi nhắc lại câu chuyện ấy, đồng chí chỉ huy vẫn không khỏi đỏ mặt.

Từ khi Bác và Trung ương về, Tân Trào càng dần dần trở thành Thủ đô lâm thời thực sự của Tổ quốc, trái tim của cách mạng Việt Nam. Từ nơi đây tỏa đi khắp các chân trời của đất nước mọi chỉ thị về đường lối, phương châm, sách lược của Đảng nhằm đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Cũng chính nơi đây đã thu hút về biết bao thanh niên anh tuấn bốn phương. Nghe theo tiếng gọi của cách mạng, họ đã rời bỏ làng mạc, xưởng máy, trường học, công sở, đô thị... đi tìm Việt Minh, đi tìm Giải phóng quân, đi tìm Đảng. Con đường cửa ngõ Bình Ca càng ngày càng trở nên tấp nập kẻ ra người vào, như con đường chùa Hương trong những ngày mở hội.

Nhân dân trong vùng giải phóng nói chung và Tân Trào nói riêng cũng ngày càng được hưởng đầy đủ những quyền lợi tốt đẹp mà cách mạng mang tới như: phổ thông bầu cử Hội đồng nhân dân, mở rộng bình dân học vụ xóa



nạn mù chữ, thực hiện nam nữ bình đẳng và "Đời sống mới", bãi bỏ các thứ thuế má vô lý, nặng nề, nhục nhã mà đế quốc, phátxít đã bắt nhân dân ta còng lưng cống nạp... Một mặt được hưởng những quyền lợi do cách mạng mang tới, một mặt nhân dân khu giải phóng và Tân Trào, cũng nô nức, hăng hái làm tròn những phần trách nhiệm của mình để đẩy mạnh cách mạng tiến tới như vào dân quân tự vệ, canh gác, tuần tra, tiếp tế lương thực, thi đua sản xuất.

Tại Tân Trào, Bác chăm lo đủ mọi mặt công tác cách mạng, nhưng đặc biệt nhất là việc đào tạo cán bộ. Trước đây, khi còn bốn ba hải ngoại, Bác đã đào tạo nên biết bao cán bộ cốt cán cho cách mạng nước nhà. Hầu như, phần đông các đồng chí Trung ương của Đảng ta đều là những người do chính tay Bác dìu dắt. Tới nay, cách mạng đang ở giai đoạn phát triển cao nhất, cán bộ có bao nhiêu cũng còn thiếu, Bác lại càng chú ý điều đó nhiều hơn. Bác luôn luôn nhắc lại câu nói của Xtalin: "Cán bộ quyết định hết thắng".

Trong gian nhà lá đơn sơ bên rừng Nà Lừa, Bác đã trải qua những ngày thiếu thốn gian khổ, nhưng tinh thần làm việc và nghị lực thì thật phi thường. Trong những giờ phút hết sức mệt nhọc, nguy kịch ấy Bác vẫn giữ trí tuệ sáng suốt, minh mẫn. Bác ân cần dặn dò từng việc lớn và truyền lại cho các đồng chí của Đảng ta tấm lòng kiên quyết lớn lao của mình đối với sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, trong việc nắm lấy thời cơ để hành động. Sức khỏe



của Bác suy sụp. Trong những ngày gần như cả thủ đô cách mạng lo lắng, âu sầu. Không chỉ cán bộ, đảng viên mà cả những quần chúng cứu quốc khi biết tin "đồng chí già" đau yếu, ai nấy đều thấy lòng mình trĩu nặng, thuốc men thiếu thốn, các cụ già quần chúng cứu quốc trong làng bảo nhau đi tìm kiếm thuốc bằng lá, rễ cây về đưa cho "ông cụ" sắc uống. Có người ra tận sông Đáy tìm bắt được một con ba ba, đem ra lạng cắt tiết hòa rượu để làm thuốc cho Bác.

Sau đó ít lâu, con bệnh của Bác lui dần. Bầu trời Tân Trào càng như dần dần quang sạch mây đen. Tất cả chúng tôi đều mừng vui khôn tả...¹.

*

* *

... Mùa hè năm 1945, chúng tôi đến Tân Trào. Tôi cùng anh Trường Chinh, anh Hà Huy Giáp, và một số đại biểu đi dự đại hội mặt trận. Đi trong khu giải phóng, thở hít không khí tự do, người thấy nhẹ nhàng. Đồng chí liên lạc dẫn chúng tôi tới một cơ quan. Chúng tôi thấy anh em du kích, tự vệ mang gươm, mang súng. Người thì đang làm nhiệm vụ canh gác, người đang họp bàn công tác. Từ những người dân mất nước, trong tay không một thứ vũ khí, nay đứng trước quang cảnh ấy, cả

1. Xem Song Hào: *Dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1970.



đoàn đại biểu đều cảm động, có người rung rung nước mắt. Tôi được tin "ông cụ" đã ở Tân Trào, nên quên cả mệt mỏi, định tiếp tục đi ngay vì từ cơ quan này vào trong ấy cũng gần. Nhưng một trận mưa to ập đến, suối dâng lên, đường bị nghẽn, chúng tôi đành phải nghỉ lại tại đây. Suốt đêm, tôi thao thức, hết nghĩ đến "ông cụ", lại ngắm nhìn những đồng chí du kích bố trí bảo vệ đoàn đại biểu. Lắng nghe thấy mấy đồng chí nói tiếng Tây Cao Bằng, tôi nghĩ ngày mai vào gặp "ông cụ", chỗ ở chắc còn là nghiêm mật hơn thế này.

Sáng hôm sau, cơm nước xong xuôi, chúng tôi vào Tân Trào. Tới nơi, anh Võ Nguyên Giáp cho chúng tôi biết "ông cụ" đang chờ, nhưng ốm lắm. Mấy hôm trước bệnh tình có vẻ nguy kịch, tưởng chết, "ông cụ" đã một lần cho gọi anh Phạm Văn Đồng và anh Võ Nguyên Giáp vào bàn các công tác như có ý giới giãng. Rồi anh Giáp dẫn chúng tôi đến chỗ ở của Bác ngay. Qua cây đa Tân Trào, lội một con suối, tới chân đèo Nhe, đi sâu vào rừng vài trăm thước tôi tiến vào một nhà sàn thấp, ngạc nhiên vì thấy việc bảo vệ gần như không có. Trong nhà sàn bên cạnh, chỉ có mấy đồng chí phụ trách máy vô tuyến điện.

Bước vào cái lều Bác ở, tôi rất cảm động. Nhà trống huơ trống hoác, bốn phía không có phen che. Ngoài chiếc máy chữ và ít giấy, không có một thứ đồ đạc gì khác. Bây giờ đã vào thu, lại sau những trận mưa liên miên, khí trời lạnh lạnh. "Ông cụ" ngồi xồm một mình trên sàn. Tôi nhận ra ngay "ông cụ", nhưng Bác hom hem quá, khác hẳn



đồng chí Vương hồi trước. "Ông cụ" đã để râu, tóc lốm đốm bạc, hai má hóp lại. Đầu đội miếng vải túm lại như mũ nồi, mình mặc áo cộc chàm; hai chân gầy khảnh khiu làm cho hai ống quần soọc càng rộng. Chỉ có đôi mắt là vẫn sáng như xưa.

Chúng tôi hỏi thăm sức khỏe và thuốc men của Người. Bác nói:

- Có một bà con thiếu số ở đây vào rừng lấy thuốc lá về cho mình uống. Uống mấy hôm nay đã đỡ.

Bác bảo mọi người ngồi. Giọng nói không có gì đổi khác, vẫn từ tốn, đầm ấm như trước. Sau bao nhiêu năm bây giờ mới gặp lại Bác, tôi ngồi nghĩ miên man, nghĩ chuyện ngày xưa, nhớ những lời Bác dặn dò, rồi tin Bác bị bắt, ho lao nên mất, rồi bây giờ không ngờ lại trở về đây. Hôm ấy, tôi không nói được chuyện riêng với Bác. Chúng tôi vào thăm Bác, và để bàn với Người về công việc chuẩn bị Hội nghị Trung ương. Tôi nhớ khi ấy Thường vụ chưa ấn định dứt khoát ngày họp của Hội nghị Trung ương mở rộng. Bác nói:

- Nên họp ngay, và cũng không nên kéo dài Hội nghị. Chúng ta cần tranh thủ từng giây, từng phút. Tình hình sẽ chuyển biến nhanh chóng. Không thể để lỡ cơ hội.

Sau khi Thường vụ họp, Bác đề nghị một số đồng chí đi dự Hội nghị Trung ương phải về ngay địa phương, tiếp thu những ý kiến của Ban Thường vụ đem về thi hành. Ngày ấy, Nhật chưa đầu hàng đồng minh. Bác nói: "Chỉ vài ngày nữa là nó hàng, và hàng vô điều kiện". Trong khi



Hội nghị Trung ương đang họp, chúng tôi được tin phátxít Nhật đầu hàng, Bác tuy ốm yếu, nhưng dự họp suốt từ đầu tới cuối với Ban Thường vụ. Ngày 13-15 tháng 8 năm 1945, Hội nghị Trung ương lần thứ chín họp, chính vì vậy, những quyết định của Hội nghị này có một tầm quan trọng rất lớn đối với vận mệnh của dân tộc ta.

Cuộc thảo luận tại Hội nghị Trung ương diễn ra rất sôi nổi. Được bàn đến nhiều nhất là hai khả năng của cách mạng. Khả năng thứ nhất là ta lấy lại được nước, nắm được chính quyền, tức là có cương vị nói chuyện với đồng minh. Khả năng thứ hai là lực lượng của ta yếu, không nắm được thời cơ thuận lợi mà giành lấy chính quyền trước khi đồng minh kéo vào - trong lực lượng quân đồng minh có cả quân Pháp - thì tức là phải đặt vấn đề đàm phán với Pháp, đòi quyền tự do, dân chủ; nắm lấy đó mà tuyên truyền, giác ngộ quần chúng nhân dân; đẩy mạnh phong trào cách mạng hơn nữa, để tiếp tục đấu tranh với Pháp cho đến thắng lợi cuối cùng. Tôi nhớ khi bàn đến khả năng Pháp có thể trở lại, có đồng chí uất quá nói: "nó vào thì cứ đánh, dù lực lượng nhỏ đến đâu cũng đánh". Đây là những lời tâm huyết, biểu lộ một tấm lòng nhiệt tình yêu nước. Nhưng khách quan nhìn nhận vấn đề, thì đánh Pháp lúc ấy phức tạp vì nó núp sau danh nghĩa đồng minh.

Trong Hội nghị Trung ương Bác đã đóng góp rất nhiều ý kiến. Với tinh thần sáng suốt và bình tĩnh, Người đã phân tích tình hình một cách rõ ràng, khoa học và nhận



định cách mạng là một cuộc đấu tranh kéo dài, làm cách mạng phải chiến đấu hết keo này đến keo khác. Trước mắt là phải nỗ lực phát động một cao trào khởi nghĩa, đã có khu giải phóng rồi phải mở rộng khu giải phóng ra khắp nơi trong nước. Dù lực lượng còn nhỏ cũng lập khu giải phóng trước khi đồng minh vào. Tích cực thì nắm được thời cơ, không tích cực thì thời cơ không chờ mình...

Hội nghị quyết định phát động một cao trào khởi nghĩa suốt từ Bắc chí Nam. Ai nấy đều bừng bừng phấn khởi. Ngày nay, ta đã có một khối nhân dân đoàn kết, giác ngộ và lớn mạnh; có một chính quyền vững chắc, có một quân đội chiến thắng; nhưng nghĩ lại những ngày "trúng nước" của cách mạng, ta mới càng thấy những thắng lợi đó thật là lớn. Nhân dân ta khi ấy chưa thạo nhiều kiểu bắn súng như Pháp, Anh, Đức, Nhật, và súng Kíp, hỏa mai của ta, trong lực lượng địch lại hùng hậu, vũ khí hiện đại. Liên Xô thắng Đức và Nhật là một động lực tinh thần rất lớn. Nhưng yếu tố quyết định thắng lợi của Đảng vẫn là do lòng yêu nước và tinh thần quật khởi của nhân dân ta. Tất cả đã phản ánh tinh thần anh dũng của toàn dân tộc.

*

* *

"... Sáng ngày 16 tháng 8 năm 1945, Quốc dân đại hội khai mạc ở Tân Trào. Bác được bầu vào đoàn Chủ tịch. Từ khi trở về nước, đây là lần đầu tiên Bác tiếp xúc với một đại



hội đại biểu nhân dân và được Ban tổ chức giới thiệu là cụ Hồ Chí Minh - một nhà lão thành cách mạng. Nhiều đại biểu không khỏi ngạc nhiên vì chưa nghe thấy tên Hồ Chí Minh. Nhưng một số người cũng đã thảo luận về Bác, người được gọi là ông Ké Tân Trào. Một số đại biểu khác bảo nhau: "Cụ Nguyễn Ái Quốc đấy". Trong giai đoạn này, chưa có tục vỗ tay, nhưng khi nghe giới thiệu đến Bác, các đại biểu đều rất hân hoan. Bác hỏi thăm sức khỏe mọi người, niềm nở mời các đại biểu vào làm việc. Trước thái độ quan tâm của Bác, các đại biểu vừa phấn khởi vừa bồi hồi.

Đại hội họp ở một gian. Gian chính giữa triển lãm những vũ khí lấy được của Nhật. Gian bên kia là chỗ ăn uống của đại biểu. Trong cả ngày hôm đó Bác đã điều khiển hội nghị. Các đại biểu đều chú ý lắng nghe những ý kiến của Bác. Anh Trường Chinh đọc báo cáo trước đại hội, nêu hai vấn đề lớn để đại hội thảo luận: tổng khởi nghĩa và bầu Ủy ban giải phóng dân tộc. Ngoài ra, Hội nghị còn được nghe các bản báo cáo về phong trào công nhân của anh Hoàng Quốc Việt, về tình hình nông hội của anh Trần Đức Thịnh, về văn hóa của anh Nguyễn Đình Thi. Đoàn đại biểu nhân dân Tân Trào đem gạo, bò, gà đến mừng đại hội. Trong đó, có cả một cụ già người Tày dắt một con bò đến tặng. Vì đồng bào ta đã bị chiến tranh bòn rút đến xương tủy, ai nấy đều tiêu tụy, rách rưới và đáng thương nhất là các em bé dân tộc thiếu số gầy gò,



vàng vọt nên Bác đến gần các cháu, chỉ vào chúng và nói với các đại biểu:

- Nhiệm vụ của chúng ta là phải làm sao cho các em bé có cơm no, có áo ấm, được đi học, không lam lũ mãi thế này.

Chúng tôi đều cảm động. Câu nói ấy, về sau này Bác thường nhắc nhở luôn.

Quốc dân đại hội quyết định Lệnh tổng khởi nghĩa và bầu ra Ủy ban giải phóng dân tộc mà Bác làm Chủ tịch. Bác tổng kết Hội nghị lịch sử này, động viên các đại biểu trở về địa phương nỗ lực phấn đấu, giành lấy thời cơ thuận lợi "có một không hai" để đưa cách mạng đến thành công.

Sáng ngày 17 tháng 8, Ủy ban giải phóng dân tộc ra mắt quốc dân và làm lễ tuyên thệ. Tôi được cử đi đón Bác. Mấy hôm ấy trời mưa, đường lội, Bác đi chân đất. Gần tới đình Tân Trào, Bác xuống suối rửa chân. Suối sâu, đường trơn và dốc, thấy Bác chưa được khỏe, tôi chạy lại đỡ, Bác gạt đi và bảo: "Không sao, chú cứ đi".

Khi Bác từ dưới suối lên, các đồng chí trong Ủy ban giải phóng đã đứng trước đình chờ sẵn. Bác bước tới, đứng vào giữa và thay mặt ủy ban, hướng lên lá cờ đỏ sao vàng dựng trước đình, đọc lời tuyên thệ. Lời thề rất ngắn, nhưng rất súc tích, như mọi câu nói, mọi bài viết của Bác. Tôi không nhớ được lời văn, chỉ nhớ đại ý như sau:

Chúng tôi là những người được Quốc dân đại biểu bầu vào Ủy ban giải phóng dân tộc để lãnh đạo cuộc cách



mạng của nhân dân ta. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, quyết không lùi bước. Xin thề!

Giọng Bác trang nghiêm, lời thề đồng loạt, biểu lộ khí phách kiên cường, dũng cảm, quật khởi của dân tộc ta. Chúng tôi thấy rạo rực trong người và gio tay theo kiểu chào bình dân, hô một cách mạnh mẽ: Xin thề!

Du kích bắn mấy loạt súng chào mừng Ủy ban giải phóng dân tộc...¹.

XI

Vào khoảng ngày 23 - 24 tháng 5 năm 1945 tôi được đồng chí cán bộ phụ trách tới bàn việc đón và bảo vệ đoàn cán bộ của trên về và sẽ ở lại địa phương tôi chừng vài ngày. Sau khi bàn định cách bảo vệ, nơi ở, bến đón xong, chúng tôi ra bến đò chờ đoàn cán bộ. Quang cảnh sông Hồng hôm ấy tôi còn nhớ rõ: Qua mấy ngày lũ lớn, gần nước còn in ngang thân đê. Nhân dân ta đã chiến thắng trận lũ lớn nhất trong những năm qua, lúc này vẫn đang tiếp tục sửa sang lại đê điều, phòng con lũ khác. Trên sông, thuyền bắt đầu xuôi ngược. Cờ đỏ sao vàng bay trên thôn xóm hai bên sông, cờ bay trên đỉnh cột buồm, bóng cờ thấp thoáng dưới lòng sông tạo nên một

1. Xem Nguyễn Lương Bằng: "Những lần gặp Bác", trong *Bác Hồ, Sđd*.



vẻ đẹp quật khởi lạ thường. Những cánh đồng sau đê bấy giờ đang thì con gái, mỗi làn gió đưa lại, sóng lúa xanh ròn.

Chúng tôi chờ từ một giờ trưa tới khoảng ba giờ chiều thì thấy một chiếc thuyền đánh cá từ phía trên Vĩnh Yên xuôi xuống. Đếm trên thuyền, trừ ông lái và một người phụ nữ chèo còn có mười ba người nữa. Người nào trông dáng dấp cũng cao to, quần áo màu chàm, màu nâu gọn gàng, vũ trang đầy đủ.

Chúng tôi đoán: "Có lẽ đoàn cán bộ mình đến đây". Nghĩ vậy và chúng tôi liền tiến ra bờ sông.

Khi đoàn cán bộ từ thuyền bước lên bãi được một nửa, chúng tôi mới nhận ra trong đoàn cán bộ có một cụ già, cụ trông gầy yếu lắm! Cụ mặc quần áo nâu, đầu đội một chiếc mũ chàm đã cũ, ngang sườn mang túi dết màu chàm. Tay cụ cầm chiếc gậy song nhỏ và đèn pin. Cụ toan sẵn quần lợi xuống bãi lầy để vào bờ, nhưng có một đồng chí đã trao vũ khí cho bạn và nhất định đòi công ông cụ qua bãi lầy. Khi ông cụ và những người khác lên khỏi bãi lầy, tất cả đều quay lại vẫy chào người lái thuyền.

Giữa lúc đó, đồng chí cán bộ phụ trách của chúng tôi cũng vừa tới, vẻ mặt cảm động, anh dẫn chúng tôi tới chào ông cụ và các cán bộ.

Ông cụ bắt tay chúng tôi và nói:

- Các chú là tự vệ thôn đây?

- Vâng ạ!



Ông cụ liền chỉ tay vào các đồng chí cùng đi và nói:

- Các chú đây là giải phóng quân.

Lâu nay, ba tiếng "Giải Phóng Quân" đã có sức thu hút mãnh liệt đối với tôi. Hàng ngày đứng trên đê, hướng về dãy núi Tam Đảo, tôi ước ao sao có cánh để bay tới chiến khu Tuyên - Thái mà sống cuộc sống chiến đấu và tự do trên ấy. Tôi đã nhiều lần đề nghị với cấp trên cho thoát ly để tham gia giải phóng quân, nhưng chưa được. Giờ đây, trước mặt tôi là những con người mà bấy lâu nay tôi mơ ước, đang tươi cười, bắt tay mình. Tôi không sao nén được cảm động trước những người đồng chí mới gặp lần đầu này.

Sau phút chào hỏi ban đầu, chúng tôi đưa ông cụ về trụ sở tự vệ của chúng tôi ở trong thôn. Tới cổng thôn ông cụ dừng lại xem các khẩu hiệu cách mạng được vẽ trên các bức tường đầu thôn, chợt nhìn thấy dây cò căng trước cổng thôn, ông cụ hỏi:

- Sao các chú làm cò của ta nhỏ hơn cò của các nước đồng minh?

Chúng tôi cùng nhìn lên, thì ra cò của ta nhỏ hơn cò của các nước đồng minh thật. Một đồng chí của chúng tôi thưa với ông cụ:

- Dạ, vì giấy đỏ và vàng của nhân dân mua làm cò nhiều quá nên thiếu! Muốn cho đủ nên chúng cháu phải cắt nhỏ đi một chút ạ!

- Không nên - ông cụ khẽ lắc đầu và bảo - Các chú phải hiểu là cách mạng đã thành công, nước ta đã giành



được độc lập và đã ngang hàng với các nước khác, thì cò của ta phải bằng cò của các nước, có thể mới tỏ ý chí tự cường, tự trọng của mình.

Chúng tôi đều vâng lời. Một đồng chí tự vệ vội trèo lên lấy hàng dây cò xuống để sửa lại.

Về tới trụ sở của đội tự vệ - nói là trụ sở, thật ra là ngôi miếu gần đình làng, cả ngôi miếu bấy giờ có hai cái phản dùng để chúng tôi nghỉ khi đi tuần tra canh gác về (sở dĩ chọn nơi đây là để yên tĩnh, đến tối sẽ di chuyển đến địa điểm khác). Tôi vội đi lên trước toan giải chiếu lên phản, nhưng ông cụ gạt đi và nhẹ nhàng ngồi xuống. Hai đồng chí giải phóng quân bố trí gác cùng chúng tôi ở phía ngoài, còn lại thì vào nghỉ ở chiếc phản kế bên.

Tôi mang bộ đồ trà tới. Quen như tiếp khách ở nhà, tôi toan rót nước ra chén. Ông cụ bảo:

- Chú cứ để đấy, ai khát sẽ rót uống, không nên rót sẵn.

Tôi vâng lời. Cụ lại hỏi:

- Các chú có báo không?

- Dạ có ạ.

Tôi vội mang tờ báo chúng tôi vừa mua ban sáng, tờ "Cờ Giải Phóng". Ông cụ chỉ đầu bài rồi giao cho đồng chí giải phóng quân đọc, các đồng chí còn lại cũng ngồi quây quần lắng nghe. Ông cụ vừa nghe, thỉnh thoảng ghi những gì vào sổ tay. Có lúc Cụ cho dừng lại nêu câu hỏi để các đồng chí Giải phóng quân phát biểu ý kiến, rồi Cụ giảng giải, sau đó mới cho đọc tiếp.



Mọi việc làm và cử chỉ của Cụ, khiến tôi rất ngạc nhiên. Sao có ông cụ giản dị và dạy bảo mọi người chu đáo như vậy?

Bữa cơm tối hôm đó chỉ có gạo đỏ, canh mướp. Tất cả cùng quây quần ngồi ăn. Trong lúc ăn, tôi ngại là Cụ đã già rồi, bữa ăn như vậy nuốt sao trôi, nhưng Cụ dùng cơm rất vui vẻ như mọi đồng chí khác. Cơm xong thì đồng chí Khánh (đồng chí Hoàng Tùng) tới đón Cụ lên thôn trên. Lúc tiễn Cụ, tôi thăm hỏi anh Khánh:

- Ai đấy anh?

Anh Khánh mỉm cười, vẻ bí mật trả lời tôi:

- Ông cụ là bạn của Cụ Hồ đấy.

Tôi đã được nghe tin là Cụ Hồ sẽ về làm Chủ tịch hay Thủ tướng Chính phủ của ta. Nay anh Khánh cho biết ông cụ này là bạn của Cụ Hồ, như vậy chắc cũng là cán bộ cao lắm! Trong lòng tôi càng thêm kính phục ông cụ...

*

* *

Đồng chí Kha kể tiếp đoạn chuyện trên của đồng chí Thành.

- Cũng ngay đêm đó, thôn tôi có cuộc họp của Phụ nữ cứu quốc, Hội nghị vừa bắt đầu khai mạc, tôi đang phát biểu ý kiến thì chị tôi tắt tả chạy đến gọi: "Cậu Kha về ngay, nhà có khách... Có nhiều người đeo súng lắm! Có cả anh Khánh về nữa!".

Tôi và đồng chí Đông - người bạn chiến đấu cùng thôn, vội vã chạy về. Tới cổng nhà, thấy có hai đồng chí to



lớn đang đứng chơi. Tôi đi vào, các đồng chí đó hòa nhã, hỏi trước:

- Đồng chí ở đâu đến?

Tôi trả lời:

- Tôi về nhà.

Thấy chị tôi cùng đi với tôi, các đồng chí hiểu ra ngay, nên không hỏi thêm nữa. Tôi liền vào nhà, thấy anh Khánh cùng một cụ già đang ngồi nói chuyện với nhau ở chiếc bàn nhỏ kê ở gian bên. Còn các đồng chí khác thì ngồi, đứng ở gian bên này. Nhà đã thấp đèn sáng trưng.

Tôi đoán ông cụ là cán bộ cùng các đồng chí giải phóng quân ở chiến khu về, nên lòng mừng khắp khối, chạy vào chào hỏi:

- Chào các đồng chí! Các đồng chí ở chiến khu về?

Ông cụ, anh Khánh cùng mọi người đều vui vẻ chào lại chúng tôi.

Quen như các cán bộ vẫn về nhà, tôi đề nghị luôn:

- Đề nghị các đồng chí kể chuyện chiến khu kháng Nhật cho chúng tôi nghe với.

Anh Khánh vội ghé tai tôi nói: "Các đồng chí đi xa về đề các đồng chí nghỉ". Nói xong, anh đưa tôi ra sân và bảo thêm: "Các đồng chí này sẽ ở lại đây vài ngày. Đồng chí liệu thu xếp việc ăn ở cho tiện và bố trí tự vệ canh gác cho tốt".

Thấy khác mọi khi, tôi phân vân trong bụng chưa hiểu sao cả nhưng hình ảnh ông cụ đã đập ngay vào đầu óc tôi: "Sao trong Việt Minh ta lại có những đồng chí già như



vậy? Sao Cụ được mọi người kính nể vậy?". Tự nhiên tôi cứ bần khoản hoài.

Đêm ấy, đội tự vệ của chúng tôi bố trí bảo vệ nghiêm mật hơn mọi hôm, vì ô tô Nhật chạy đi chạy lại trên đê nhiều hơn.

Sáng ra, tôi trở về đã thấy ông cụ đi lại trên sân và đang như hít thở không khí.

Bữa cơm trưa hôm ấy nhà tôi chuẩn bị cũng khá tươm tất. Theo lệ của nhà tôi là khi có khách thì bao giờ cũng bày mâm, thau, bát cỡ để đãi khách. Cơm thì sôi ra liền, mang từ nhà dưới lên. Khách kính trọng thì mời ngồi lên trên. Thấy tôi sửa soạn như vậy ông cụ không bằng lòng, bảo trải chiếu xuống đất, ngồi vòng tròn theo hai mâm cùng ăn. Cơm để cả nồi cho nóng, ai ăn thì đi xới lấy. Đây là lần đầu tiên nhà tôi thay đổi theo tập tục mới và giữ mãi cho đến nay.

Ngày hôm ấy, cán bộ từ Hà Nội tới. Sáng hôm sau lại có hai xe ô tô chở nhiều anh cán bộ đến làm việc với ông cụ. Tôi cũng không rõ là những ai. Qua đêm nữa, có ô tô đến đón ông cụ. Trước khi đi, ông cụ hỏi:

- Nhà ta còn có ông cụ phải không?

Tôi vội thưa:

- Dạ thầy tôi mất rồi, còn ông tôi ạ.

Ông cụ nói:

- Chú cho tôi gặp để tôi chào cụ và gia đình.

Tôi vội vàng đi mời ông tôi và mẹ tôi cùng gia đình tới.



Ông cụ thấy ông tôi chống gậy liền ra đỡ vào trong nhà và bảo cả gia đình quây quần xung quanh. Sau khi hỏi về làm ăn sinh sống từ trước đến nay, Cụ nói:

- Chúng tôi về đây được gia đình giúp đỡ nhiều. Bây giờ có công việc phải đi, vậy xin cảm ơn cụ và gia đình. Sau này chắc thế nào cũng có dịp tôi trở lại thăm cụ và gia đình.

Để từ biệt, Cụ bắt tay ông tôi và cả gia đình từ lớn đến bé. Tôi tiễn ông cụ ra ô tô. Nhân dân ven đê đang vót củi rêu khá đông, họ đều dừng tay, nhìn theo ông cụ. Ông cụ vui vẻ chào hỏi mọi người như thân thuộc từ lâu. Khi ông cụ lên xe, chúng tôi và các đồng chí giải phóng quân ở lại đều tới bắt tay ông cụ. Khi xe chạy rồi, nhìn theo xe, sao lòng tôi lưu luyến thế!

Chiều hôm ấy, các đồng chí giải phóng quân rủ tôi ra sông tắm. Trong lúc đi đường một đồng chí cao lớn, đẹp trai (tôi nhớ khuôn mặt trông hệt Đại tá Đàm Quang Trung hiện nay) hỏi tôi:

- Đồng chí có biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc không?

Tôi nhớ có lần anh cán bộ phụ trách nói với tôi "Có lẽ đồng chí Nguyễn Ái Quốc sẽ về làm Tổng thống hay Chủ tịch nước", nên nghe hỏi vậy, tôi liền trả lời:

- Tôi biết tiếng nhưng chưa thấy người.

Mấy đồng chí giải phóng quân liếc mắt nhìn nhau mỉm cười...

*

* *

Sáng ngày 2 tháng 9, đội tự vệ hai thôn chúng tôi cùng với nhân dân về Ba Đình dự lễ Tuyên ngôn độc lập. Là



vùng cơ sở mạnh nên hai thôn chúng tôi được xếp gần khán đài.

Nghe danh sách Chính phủ, lòng chúng tôi cũng náo nức như mọi người, chờ mong vị Chủ tịch đầu tiên của đất nước và các vị khác trong Chính phủ.

Tới khi Chính phủ nhân dân lâm thời ra mắt! Ôi! Ngạc nhiên quá! Tôi còn đang ngờ ngợ... "Chủ tịch Hồ Chí Minh mình đã gặp bao giờ mà sao trông quen thế!". Chợt mấy anh em tự vệ kêu lên:

- Đúng ông cụ rồi!
- Ông cụ về làng ta là Hồ Chủ tịch rồi!
- Trời ơi sướng quá! Đúng ông cụ rồi!

Phải, đúng ông cụ rồi! Tôi, đồng chí Thành, tất cả anh em tự vệ nhận rõ quá rồi. Trông ông cụ hôm nay chỉ khác hôm về làng ta là mặc bộ quần áo kaki, còn cái mũ ấy, vẫn vùng trán, cặp mắt, chòm râu ấy! Nhìn, ngắm Hồ Chủ tịch, lắng nghe bản Tuyên ngôn độc lập lòng tôi bỗng trào lên niềm xúc động không sao tả được.

Hôm ấy, trên đường về, hai thôn Xù, Gạ chúng tôi sôi nổi câu chuyện: Hồ Chủ tịch là ông cụ đã về làng ta. Mỗi lời nói, cử chỉ hình dáng của Hồ Chủ tịch được mọi người say sưa kể lại.

Tôi phần khởi kể chuyện ấy với ông tôi. Nghe kể xong, ông tôi sung sướng nói:

- Ủ, thoáng qua, tao đã thấy Cụ là người tài đức khác thường lắm! Nước mình có vị Chủ tịch gần dân như vậy, thật hồng phúc quốc gia lớn lắm!

Suy nghĩ một lát, ông tôi lại nói:



- Cháu ạ! Tao ngẫm xem trước kia Lý Thái Tổ từ Hoa Lư dời ra Thăng Long, dân Việt nổi cơ đồ từ đó. Ngày nay, Hồ Chủ tịch từ Tân Trào thuận sông Hồng trở về Hà Nội, trên thuận lòng trời, dưới hợp ý dân. Tao cho cái thế này là thế dân Việt ta bạt núi, ngăn sông, lấp biển không có việc gì khó nữa đâu!

Tôi lúc ấy đang máu thanh niên, nghe thấy câu "trên hợp với lòng trời", thì không đồng ý. Ông tôi bảo:

- Cháu có lý của cháu. Ông có lý của ông. Trước kia Lý Thái Tổ ra Thăng Long là rồng vàng bay lên. Bây giờ Hồ Chủ tịch về Hà Nội, dân mở hội treo cờ. Cờ làm cho mây, nước cũng đỏ một màu, như vậy trên thuận lòng trời, dưới hợp ý dân là gì? Cháu phải biết lòng dân là ý trời!.

*

* *

Gần cuối năm 1946, khoảng sau Hội nghị Văn hóa toàn quốc, tôi nhớ đúng như vậy, tôi được chị Thanh báo tin:

- Mai, đồng chí Kha ở nhà, chị sẽ lại chơi.

Chị Thanh là cán bộ gây cơ sở ở vùng tôi đã lâu. Chị lại là bạn thân của mẹ tôi. Nay chị nấu ăn riêng cho Bác. Nghe chị hẹn về chơi, mẹ tôi mừng lắm! Cả nhà trông đợi chị.

Vào khoảng chín giờ sáng hôm sau, tôi đang lợp lại mái nhà dưới. Thấy có ô tô đỗ trên đê, lối vào nhà mình. Rồi chị Thanh, một đồng chí nữa cùng với Bác đi vào nhà tôi. Tôi mừng quá, vội chạy ra đón.



Bác thấy tôi, Người nhận ra ngay, Bác thân mật hỏi:

- Chú Mai vẫn khỏe?

- Dạ!

Tôi đưa Bác vào nhà, Bác lại hỏi:

- Cái ao đằng trước đâu rồi?

Bác vẫn nhớ cái ao nhà tôi, nhưng vì nay có đồng rạ to che khuất nên Người không trông thấy. Tôi vội trình bày để Bác rõ, Người cười vui vẻ.

Mẹ tôi và các cháu lớn bé lên chào Bác. Người vui vẻ bắt tay khắp lượt và hỏi:

- Cụ đâu? Người có được khỏe không?

Tôi hơi ngại ông tôi gặp Bác vì ông tôi đã 78 tuổi rồi, đầu óc phong kiến quá nặng, sợ khi nói chuyện có cái gì không đúng. Nhưng Bác đã nói, tôi vội bảo cháu đi gọi thì cũng là lúc ông tôi đã chống gậy tới. Cũng như năm trước, thấy ông tôi đến, Bác đã chạy ra dắt vào. Ông tôi thấy Bác, liền chấp tay, cúi rạp xuống vái chào, Bác ngăn lại và nói:

- Giờ là anh em một nhà cả, cụ đừng làm vậy.

Ông tôi trả lời:

- Dạ, thưa Cụ Chủ tịch, bao giờ cũng phải có trên, có dưới thì nước mới cường, dân mới thịnh ạ.

Bác cười, rồi trả lời:

- Các cán bộ của ta đều là đầy tớ của dân cả. Như vậy nước mới cường, dân mới thịnh.

Ông tôi nói:

- Xin vâng lời dạy của Cụ.



Khi đã đông đủ gia đình, Bác bảo chụp ảnh để làm kỷ niệm. Ông tôi sung sướng quá, đứng lặng đi trước vịnh dự ấy. Chụp ảnh xong, Người dặn:

- Tôi sẽ ăn cơm trưa với gia đình, nhà ăn thế nào, tôi sẽ ăn như thế.

Mẹ tôi và chị Thanh có mua thêm con gà làm cơm. Khi mang cơm lên, Bác ngạc nhiên gọi chị Thanh lại hỏi:

- Cô làm thế nào hóa ra cỗ thế này? Nay cô làm thế này, mai tới nơi khác, cô sẽ bảo nhân dân giết bò, giết lợn để đãi tôi chẳng?

Chị Thanh lo quá. Mẹ tôi vội phân trần:

- Đắt lẽ, quê thói, mỗi khi nhà có khách để tỏ lòng kính trọng...

Bác bảo dọn cơm cả gia đình cùng ăn. Nghe lời Bác, gia đình tôi cử thêm người lên cùng ăn cơm với Bác.

Chiều hôm ấy, các đồng chí trong Ủy ban xã và một vài đồng chí cán bộ về công tác cũng tới để chào Bác. Quen như mọi khi có cán bộ cấp trên tới, chúng tôi chuẩn bị sẵn trong óc báo cáo về tình hình trong xã. Không ngờ mở đầu Bác hỏi: "Xã các chú có bao nhiêu mẫu ruộng? Hai vụ chiêm, mùa gieo hết bao nhiêu giống? Thu hoạch được bao nhiêu?...".

Lúc ấy, chúng tôi đã nghĩ gì đến sản xuất! Nên trước câu hỏi của Bác, chúng tôi đành chịu không biết đằng nào mà thừa cả.

Bác lại hỏi:

- Đời sống bây giờ so với trước ra sao? Có bao nhiêu gia đình khá, bình thường, còn đói kém?



Cái này thì có thể hiểu qua được, chúng tôi báo cáo với Bác con số ước lượng.

Bác không bằng lòng. Người bảo:

- Các chú phụ trách phong trào một xã, mà điều sống còn nhất lại không rõ thì còn nói gì nữa.

Lúc ấy, đồng chí Chuyên vừa tới chào Bác. Người hỏi:

- Chú làm công tác gì?

- Dạ, tuyên truyền ạ.

- Giờ chú tuyên truyền gì?

- Chương trình Việt Minh ạ.

- Bây giờ phải tuyên truyền về Hiến pháp - Bác bổ sung.

Rồi Người căn dặn chúng tôi, tôi nhớ đại ý: Ngoại thành là cái đai của nội thành. Ngoại thành vững vàng thì nội thành chắc chắn. Muốn ngoại thành vững vàng thì cán bộ ta phải chăm lo củng cố đoàn thể, chăm sóc việc sản xuất, muốn sản xuất tốt thì nên lập Quỹ nghĩa sương để giúp đỡ người thiếu thốn, chia công điểm cho tốt.

Trước những lời dạy của Bác, Ủy ban chúng tôi đều vâng lời. Dặn xong, Bác lại hỏi:

- Tình hình nay quân giặc có thể bội ước đánh ta, nếu xảy ra kháng chiến, các chú sẽ làm gì?

Chúng tôi đều trả lời:

- Quyết chiến đấu, hy sinh cũng không sợ.

Bác bảo:

- Các cô, các chú quyết tâm đánh giặc như vậy là tốt. Nhưng phải hiểu là: Giặc có nhiều cái mạnh ban đầu, nhưng chúng có cái yếu về gốc rễ. Chính quyền ta vừa lập



còn nhiều cái non yếu. Muốn thắng được giặc, phải vừa đánh vừa khắc phục nhược điểm để bồi bổ cho mình thêm khỏe. Do đó, một mình các cô, các chú không đủ để thắng giặc, khiến cho nó bị đánh ở khắp nơi, bị đánh bằng mọi thứ, mọi cách. Thắng lợi chắc chắn về ta.

Lời Người dạy, sau này mỗi bước gian nan trong kháng chiến, nghĩ lại càng thấy sâu sắc.

Sau khi Bác nói chuyện, đồng chí Tý thay mặt chúng tôi phát biểu ý kiến:

- Thưa Bác...

Bác liền ngắt lời, hỏi ngay:

- Chú muốn gì?

- Cháu xin chúc ạ.

- Chú định chúc gì?

Đồng chí Tý cuống lên vội nói:

- Cháu xin chúc... chúc Hồ Chủ tịch muôn năm!

Bác và chúng tôi đều cười. Bác bảo đồng chí Tý:

- Chú định chúc sức khỏe Bác phải không? Thôi các cô, các chú cứ làm công tác tốt thì Bác sẽ khỏe¹.

*

* *

Về Hà Nội, chúng tôi ở phố Hàng Ngang. Thành ủy đã bố trí cho chúng tôi ở tại một gia đình cơ sở. Ít hôm

1. Xem Ngọc Châu: "Bác về Phú Gia", trong *Hoa dân Bác*, Hội Văn nghệ Hà Nội xuất bản.



sau, có tin Bác đã về. Mấy ngày trước đó, một trung đội Quân giải phóng thuộc chi đội Quang Trung chiến đấu tại Thái Nguyên, đã được lệnh quay gấp lại Tân Trào để đi bảo vệ Bác. Đồng chí đến báo tin nói đi dọc đường có những lúc Bác phải dùng súng. Như vậy, chắc Bác còn yếu lắm. Bác vốn không bao giờ muốn làm bận đến người khác ngay cả những khi yếu mệt.

Tình hình đang khẩn trương. Các anh rất mừng. Anh Thọ được cử lên chiến khu đón Bác thì Bác đã về. Anh Ninh và tôi cùng lên Phú Gia gặp Bác.

Xe nhanh chóng ra khỏi thành phố. Rặng ôi ven đê quen thuộc. Những làng quanh Hồ Tây phấp phới cờ đỏ. Nhớ lại ngày đi đón Bác ở Đèo Gie. Khi đó, Bác ở Cao Bằng về Tân Trào. Ít ngày sau, Tân Trào đã trở thành thủ đô của cách mạng.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác, lênh đênh góc bể chân trời, đã có những ngày vui lớn. Đó là ngày Bác tìm thấy con đường giải phóng dân tộc khi đọc Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Đó là ngày thành lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920 mà Bác là một thành viên. Và ngày lịch sử ngày 3-2-1930, ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đây là một ngày vui lớn nữa đang đến với Bác, đang đến với cách mạng Việt Nam.

Mới đêm nào còn ngồi trên chiếc giường tre, trong căn lán nhỏ, những ngày Bác mệt nặng tại Tân Trào. Vào những giây phút đó mới thấy hết được tấm lòng khao



khát cháy bỏng của Bác đối với nền độc lập, tự do của dân tộc. Không phải chỉ ở những lời Bác dặn dò về công tác cán bộ, cách giữ vững phong trào, "Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập". Tấm lòng của Bác còn hiện lên rất rõ qua mỗi cử chỉ nhỏ, qua cái nhìn khi Bác chột tỉnh giữa những cơn sốt, qua sự đấu tranh với bệnh tật hiểm nghèo để dành từng phút, từng giây cho cách mạng.

Theo lời hiệu triệu của Đảng, của Bác, suốt mấy ngày nay, cả dân tộc ta từ Bắc chí Nam đã vùng dậy với sức mạnh như triều dâng, thác đổ. Tại Hà Nội, quần chúng cách mạng đã vượt hàng rào sắt, xông vào chiếm Bắc Bộ Phủ. Đồng bào già, trẻ, trai gái, lớn, bé đã siết thành đội ngũ, giương cờ Việt Minh, tiến vào trước hòng đại bác xe tăng Nhật ở Trại bảo an binh. Xe tăng, súng máy và lưỡi lê của quân Nhật phải lùi. Bọn Nhật đành phải trao cho cách mạng toàn bộ kho vũ khí của bảo an binh đóng tại đây. Tin khởi nghĩa thắng lợi ở khắp các địa phương đang dồn dập bay về...

Chúng tôi vào làng Gạ.

Bác ở một ngôi nhà gạch nhỏ nhưng sạch sẽ. Chúng tôi bước vào, nhìn thấy ngay Bác đang ngồi nói chuyện với cụ chủ nhà.

Ngày vào ở Việt Bắc, Bác còn là một ông Ké Nùng. Bữa nay, Bác đã trở thành một Cụ nông dân miền xuôi, rất thoải mái, tự nhiên trong bộ quần áo nâu. Bác vẫn gầy nên đôi gò má cao. Những đường gân hằn rõ trên trán và hai



bên thái dương. Nhưng với vầng trán rộng, bộ râu đen và đôi mắt, nhất là đôi mắt luôn luôn ngời sáng, một sức mạnh tinh thần kỳ lạ toát ra từ hình dáng mảnh dẻ của Bác. Dù sao, so với những ngày dự hội nghị ở Tân Trào, Bác đã khá hơn nhiều.

Cụ chủ nhà thấy chúng tôi nói:

- Trông các chú bữa nay ra dáng người tỉnh thành rồi.

Chúng tôi sôi nổi báo cáo với Bác tình hình khởi nghĩa ở Hà Nội và các tỉnh. Bác ngồi lắng nghe, vẻ mặt điềm đạm. Tính Bác như vậy, khi vui khi buồn đều vẫn bình thản.

Chúng tôi nói với Bác ý Thường vụ muốn tổ chức sớm lễ ra mắt của Chính phủ. Theo quyết định của Hội nghị toàn quốc họp tại Tân Trào, Ủy ban dân tộc giải phóng do Bác làm Chủ tịch sẽ trở thành Chính phủ lâm thời.

Với một vẻ vui vui, Bác nói như hỏi lại chúng tôi:

- Mình làm Chủ tịch à?

Thực ra, một thời kỳ rất vẻ vang nhưng cũng cực kỳ hiểm nghèo của dân tộc đã bắt đầu. Bác đã nhận sứ mệnh khó khăn: lái con thuyền quốc gia Việt Nam vừa mới hình thành, vượt qua những thác ghềnh nguy hiểm. Bác đã đón nhận nhiệm vụ đó trước lịch sử, trước nhân dân đúng như Bác đã trả lời các nhà báo nước ngoài ba tháng sau đó: "Tôi tuyệt đối không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi gắng phải



làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận".

*

* *

Chúng tôi trở về Hàng Ngang trước để chuẩn bị. Anh Nhân* lên sau, ở lại đến chiều cùng về với Bác.

Đây là lần đầu tiên Bác đến Hà Nội. Chặng đường hơn 300km từ ngôi nhà tranh nhỏ hẹp tại làng Kim Liên tới đây, Bác đã đi mất ngoài 35 năm.

Con đường Bác đã đi không giống bất cứ con đường của một người Việt Nam yêu nước nào đã đi trước Bác.

Bác đã một mình lặn lội, xông pha trên những nẻo đường của hầu khắp các miền khác nhau trên trái đất. Chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn phát triển tột cùng. Nó tìm mọi cách xóa nhòa ranh giới giữa trắng, đen, giữa thiện, ác. Nó xuyên tạc mọi giá trị tinh thần chân chính mà loài người đến đó đã thành đạt được. Nó dùng đủ mọi cách bùng bít ánh sáng của công lý, tự do.

Bác đã đi giữa những ngày đông ảm đạm. Vòm trời châu Âu, châu Á bị những đám mây đen chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc che phủ.

Thế gian hỗn loạn, đau thương; tội ác của chủ nghĩa đế quốc chồng chất, giữa lúc vàng thau lẫn lộn, giả thật khó phân, Bác đã nhanh chóng nhìn thấy ánh sáng của chân lý.

* Bí danh của đồng chí Trường Chinh.



Bác đã đến với chủ nghĩa Lênin. Bác đã thấy học thuyết Lênin chính là "mặt trời đưa lại nguồn sống tươi vui". Bác đã thấy ngọn cờ Lênin là "tượng trưng cho lòng tin và đuốc sáng của hy vọng". Từ năm mười năm trước đây, người yêu nước Việt Nam vĩ đại đã tìm được chủ nghĩa Mác - Lênin cho đồng bào ta và những người cùng hội cùng thuyền, những dân tộc bị đọa đày vì chủ nghĩa đế quốc một con đường giải phóng duy nhất: *Đường cách mệnh*.

Một sự đổi thay lớn lao trong đời sống của dân tộc.

Mấy ngày trước đây, Hà Nội còn giữ nguyên vẹn bộ mặt một sản phẩm của chế độ thực dân thối nát thời chiến. Cả thành phố chìm đắm trong những hoạt động chợ đen. Cuộc sống tính từng ngày. Những chiếc xe chó rác không đủ để đưa xác những người chết đói ra vùng ngoại ô, đổ xuống những hố chung. Trong khi đó, ở các cửa ô, người đói khắp làng quê vẫn ùn ùn kéo vào. Họ đi vật vờ như những chiếc lá khô buổi chiều đông. Nhiều khi, chỉ một cái gạt tay của viên cảnh sát, cũng đủ làm họ ngã xuống không bao giờ trở dậy.

Lại thêm tháng tám năm nay, nước các triều sông đều lên to. Con "hồng thủy" đã phá vỡ những đê điều từ lâu không được bọn thống trị nhòm ngó tới. Sáu tỉnh đồng bằng, vựa thóc của cả miền Bắc, bị chìm dưới làn nước trắng. Dịch tả hoành hành. Bao nhiêu tai họa của chế độ thực dân cùng một lúc dồn đến.

Cùng với bọn đầu cơ kinh tế, bọn đầu cơ chính trị cũng đua nhau nổi lên. Chúng vừa hô "Việt Nam độc lập",



vừa hô "Đại Nhật Bản vạn tuế" thay vào những tên đội xếp Pháp mang đuôi cui là những tên hiến binh Nhật đeo kiếm dài, lệch xệch đôi ủng đi trên các hè phố.

Không phải chỉ riêng Hà Nội mà cả dân tộc ta đang sống những giờ phút đau thương.

Thắng lợi vĩ đại của Hồng quân Liên Xô đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật vào giữa tháng tám, đã đưa lại cho dân tộc ta một thời cơ lớn.

Cách mạng nổi lên như một cơn lốc.

Chỉ trong vài ngày, những vết nhor, những nổi nhục nhằn, khổ đau của chế độ nô lệ đã được quét đi khá nhiều.

Sức hồi sinh của cách mạng thật lạ thường. Hôm trước cả thành phố còn tê liệt vì nạn đói, vì bệnh dịch, vì sự khủng bố. Hôm sau tất cả những đường to, ngõ hẻm đã sôi lên. Hàng vạn, hàng vạn con người âm ầm kéo đi với sức mạnh như những dòng thác.

Chính quyền nhân dân cách mạng vừa mới thành lập. Phần lớn đồng bào còn chưa biết những ai là người thay mặt cho chính quyền mới. Nhưng mọi người đã tự động tạo nên một trật tự mới, trật tự của cách mạng. Nạn cướp giết mất hẳn. Trộm cắp hầu như không xảy ra. Những người ăn xin cũng không còn. Hoạt động buôn bán, hoạt động chủ yếu của thành phố, đã nhường chỗ cho mọi hoạt động mới: hoạt động cách mạng.

Một người đi xe đạp đến đầu phố cầm loa hô lớn: "Mời đồng bào đến tập trung ở điểm tham gia biểu tình". Không biết người đó là ai, nhưng lời hô hào lập tức được



truyền đi. Nhiều người dân tự động vác loa ra đứng giữa đường làm công tác thông tin. Ai đang làm dở việc gì cũng để lại đấy. Tất cả ào ào kéo đi. Chỉ chốc lát, hàng vạn người có mặt ở địa điểm tập trung. Họ sẵn sàng làm bất cứ việc gì mà cách mạng cần đến.

Không khí Hà Nội trở nên trong lành, náo nức "Đoàn quân Việt Nam đi, chung lòng cứu quốc..." những bài ca cách mạng vang lên rộn ràng từ sớm tới khuya. Cờ sao mỗi lúc một nhiều hơn, đẹp hơn. Cờ bay đỏ nhà, đỏ phố. Cách mạng đúng là ngày hội của những người bị áp bức.

Chập tối, Bác đến nhà. Chúng tôi ra đón, nhận thấy trên nét mặt của Bác dấu hiệu xúc động.

Bác đã về đến Hà Nội, ít ngày nữa Hà Nội sẽ trở thành Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên tại Đông Nam châu Á. Hà Nội chưa được san sẻ với chúng tôi hôm nay niềm vui đón Bác trở về. Ngay cả đồng chí lái xe bữa ấy cũng vậy. Một vài ngày sau, anh xin phép nghỉ, lên Thái Nguyên dẫn bố về dự Tết Độc lập để xem mặt Cụ Chủ tịch nước. Đến Quảng trường Ba Đình, anh mới biết Hồ Chủ tịch chính là cụ già bữa trước mình đã đánh xe đi đón ở làng Gạ.

*

* *

Anh chị chủ nhà ở phố Hàng Ngang đã dành cho chúng tôi tầng gác hai. Bác được mời lên tầng ba làm việc cho yên tĩnh. Nhưng Bác không thích ở một mình, Bác



muốn cùng ở với chúng tôi. Lúc đó, theo sự phân công của Bác, anh Tô* và anh Hoan còn ở lại Tân Trào ít lâu. Đối với những người giúp việc trong gia đình và hàng xóm thì Bác và chúng tôi là "các cụ và các ông ở nhà què ra chơi". Anh Ninh hồi đó có bộ râu rậm lười cạo nên cũng được coi lầm là một "ông cụ".

Tầng gác này vốn là phòng ăn và buồng tiếp khách nên không có bàn viết. Bác ngồi viết ở cái bàn ăn rộng thênh thang. Chiếc máy chữ của Bác được đặt trên cái bàn vuông nhỏ, mặt bọc nỉ xanh, kê ở góc buồng.

Hết giờ làm việc, mỗi người kiếm một chỗ nghỉ luôn tại đó. Người nằm ở đi vắng. Người ngủ trên những chiếc ghế kê ghép lại. Bác nghỉ trên một chiếc ghế xếp bằng vải trước kia vẫn dựng ở góc buồng.

Ngay từ hôm Bác mới về, những toán quân Tưởng đầu tiên đã xuất hiện ở Hà Nội. Đó là những tên thám báo và tiền trạm. Đứng trên bao lon, chúng tôi nhìn thấy những toán quân Tưởng lẻ tẻ vẫn tiếp tục kéo đến. Mặt mũi chúng bùng beo, ngơ ngác. Những bộ quân phục màu vàng nghệ rách rưới, bẩn thiu. Chúng gồng gánh lễ mễ. Có những toán đem theo cả đàn bà và trẻ con. Chúng xuất hiện như những vết nhơ trên thành phố vừa quét sạch được mùi hôi tanh của bọn thực dân. Nhìn chúng lần này thảm hại hơn nhiều so với lần chúng tôi đã nhìn chúng năm trước tại Côn Minh, Quế Lâm.

* Bí danh của đồng chí Phạm Văn Đồng.



Bác chủ tọa phiên họp đầu tiên của Thường vụ tại Hà Nội. Cách mạng thành công ở hầu khắp các tỉnh, nhưng chính quyền cách mạng Trung ương vẫn chưa thành lập. Tình hình trong ngoài lại rất khẩn trương. Thường vụ nhận thấy phải sớm công bố danh sách của Chính phủ lâm thời và tổ chức lễ ra mắt của Chính phủ. Những việc này cần làm trước khi đại quân của Tưởng kéo vào.

Các tỉnh ở phía trên nhận được chỉ thị nhân lúc nước lụt, lấy có huy động thuyền bè khó khăn, làm chậm việc chuyển quân của Tưởng thêm ngày nào hay ngày ấy.

Một số đồng chí Quân giải phóng đã được lệnh điều động gấp từ Thái Nguyên về Hà Nội. Nước lụt làm hư nhiều đoạn đường nên các anh về chậm. Hà Nội giành chính quyền đã hơn một tuần lễ. Nhưng lực lượng vũ trang cách mạng mới chỉ có những đơn vị tự vệ chiến đấu và một số lính bảo an vừa theo cách mạng. Đó là một điều phải quan tâm.

Sáng ngày 26, có tin hai chi đội Quân giải phóng đã về đến Gia Lâm. Anh Nguyễn Khang cùng anh Vương Thừa Vũ sang đón.

Phải trải qua cuộc dàn xếp khó khăn, bọn Nhật mới đồng ý để Quân giải phóng vào Hà Nội.

Đội nhạc binh cử những khúc quân hành khi đoàn quân vượt cầu Long Biên. Các chiến sĩ dàn thành hai hàng dọc hai bên đường, súng cầm tay, đạn lên nòng, đi theo tư thế sẵn sàng chiến đấu.



Sự có mặt ở Hà Nội của những lực lượng vũ trang cách mạng đã trải qua tôi luyện, thử thách làm cho mọi người phấn khởi. Một cuộc duyệt binh của Quân giải phóng và tự vệ thành được tổ chức tại quảng trường Nhà hát Lớn trước niềm hân hoan, tin tưởng của đồng bào.

Ngày 28, danh sách Chính phủ lâm thời được công bố trên các báo chí tại Hà Nội. Thành phần của Chính phủ nói lên chủ trương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân của Mặt trận Việt Minh trong công cuộc xây dựng đất nước.

Hôm trước đó, Bác đã gặp các vị Bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời tại Bắc Bộ Phủ. Ông Nguyễn Văn Tố, Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội, nhìn thấy ở phòng khách một cụ già, mặc chiếc quần "soóc" nhuộm nâu, đội cái mũ bọc vải vàng đã móp, đứng chống cái gậy, tươi cười gật đầu chào mình. Lát sau, ông nói biết đó chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thường vụ đã quyết định ngày ra mắt của Chính phủ lâm thời cũng là ngày nước Việt Nam chính thức công bố giành quyền độc lập và thiết lập chính thể Dân chủ Cộng hòa. Ngoài đường lối, chính sách của Chính phủ, phải chuẩn bị cả những lời thề để đưa ra trước nhân dân. Bác và Thường vụ trao đổi về một việc hệ trọng cần bắt tay vào làm ngay, thảo bản Tuyên ngôn Độc lập.

Trong căn buồng nhỏ thiếu ánh sáng của ngôi nhà sâu thẳm, nằm giữa một trong ba mươi sáu phố phường cổ kính của Hà Nội, Bác ngồi làm việc, khi thì viết, khi thì đánh máy.



Những người giúp việc trong gia đình không biết ông cụ có cặp mắt sáng, chiếc áo nâu bạc thường để hở khuy ngực, hay hút thuốc lá, ngồi cặm cụi đó làm gì. Mỗi lần họ tới hỏi cụ có cần gì, cụ quay lại mỉm cười, chuyện trò đôi câu. Lần nào cụ cũng nói không có gì cần phải giúp đỡ. Họ không biết là mình đang chứng kiến những giờ phút lịch sử.

Một buổi sáng, Bác và anh Ngân gọi anh em chúng tôi tới. Bản Tuyên ngôn lịch sử đã thảo xong, Bác mang đọc để thông qua tập thể. Như lời Bác nói lại sau này, đó là những giờ phút sáng khoái nhất của Người.

Hai mươi sáu năm trước, Bác đã tới Hội nghị hòa bình Vécxây, nêu lên những yêu cầu cấp thiết về dân sinh, dân chủ cho những người dân thuộc địa. Cả những yêu cầu tối thiểu đó cũng không được bọn đế quốc mảy may chấp nhận. Người đã thấy rõ một sự thật là không thể trông chờ ở lòng bác ái của các nhà tư bản. Người biết chỉ còn trông cậy vào cuộc đấu tranh, vào lực lượng của bản thân dân tộc mình.

Giờ phút này, Người đang thay mặt cho cả dân tộc hái quả của 80 năm đấu tranh.

Bữa đó, chúng tôi đã nhìn thấy rõ niềm vui rạng rỡ trên khuôn mặt còn võ vàng của Người.

*

* *

Ngày 2 tháng 9 năm 1945.

Hà Nội tung bừng màu đỏ. Một vùng trời bát ngát cò,



đèn và hoa. Cờ bay đỏ những mái nhà, đỏ những rặng cây, đỏ những mặt hồ.

Biểu ngữ bằng các thứ tiếng Việt, Pháp, Anh, Hoa, Nga chẳng khắp các đường phố: *"Nước Việt Nam của người Việt Nam"*, *"Đả đảo chủ nghĩa thực dân Pháp"*, *"Độc lập hay là chết"*, *"Ủng hộ Chính phủ lâm thời"*, *"Ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh"*, *"Hoan nghênh phái bộ Đồng minh"*...

Các nhà máy, các cửa hiệu buôn to, nhỏ đều nghỉ việc, chợ búa không họp. Mọi hoạt động buôn bán, sản xuất của thành phố tạm ngưng. Đồng bào thủ đô già, trẻ, trai, gái đều xuống đường. Mọi người đều thấy mình cần phải có mặt trong ngày hội lớn đầu tiên của đất nước.

Những dòng người đủ mọi màu sắc, từ khắp các ngả tuôn về vườn hoa Ba Đình.

Đội ngũ của những người thợ quần áo xanh, áo trắng, tràn đầy sức mạnh và niềm tin. Người lao động bình thường hôm nay đến ngày hội với tư thế đường hoàng của những người làm chủ đất nước, làm chủ tương lai.

Hàng chục vạn nông dân từ ngoại thành kéo vào. Những chiến sĩ dân quân mang theo côn, kiếm, mã tấu, có những người vác theo cả những quả chùy đồng, những thanh long đao rút ra từ những giá vũ khí bày để trang trí trong các điện thờ. Trong hàng ngũ của các chị em phụ nữ nông thôn với những bộ quần áo tứ thân, thắt lưng hoa lý. Cũng chưa bao giờ người nông dân ở trong những làng xóm nghèo quanh Hà Nội, đi vào Thành phố với niềm tự hào như ngày hôm ấy.



Những cụ già vẻ mặt nghiêm trang. Những cô gái Hà Nội hớn hờ, áo màu rực rỡ.

Rộn ràng là các em thiếu nhi. Dù sự giàu nghèo của mỗi gia đình chưa đổi khác, nhưng từ ngày hôm nay tất cả các em đều trở thành những người chủ nhỏ của đất nước độc lập. Theo nhịp còi của các anh, các chị phụ trách, các em khua rền trống ếch, giẫm chân bước đều, hát vang những bài ca cách mạng.

Những nhà sư, những ông cố đạo cũng rời nơi tu hành, xuống đường, xếp thành đội ngũ đến dự ngày hội lớn của dân tộc.

Nắng mùa thu rất đẹp trên Quảng trường Ba Đình từ giờ phút này đã đi vào lịch sử. Đội danh dự đứng nghiêm trang chung quanh lễ đài mới dựng. Các chiến sĩ Quân giải phóng bừa trước theo Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa, từ Tân Trào tiến về phía Nam "đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch". Hôm nay, họ đã đứng sát cánh cùng các đội tự vệ của công nhân, thanh niên và lao động thủ đô bảo vệ Chính phủ lâm thời.

Sau bao năm bôn ba khắp thế giới, mang án tử hình của đế quốc Pháp, qua mấy chục nhà tù và những ngày dài gỏi đất nằm sưng, Bác đã trở về ra mắt trước một triệu đồng bào. Sự kiện lịch sử này mới hôm nào còn ở trong mơ.

Ba tiếng Hồ Chí Minh không bao lâu đã vang đi khắp thế giới với những truyền thuyết mà người ta dành cho các bậc vĩ nhân. Nhưng vào ngày hôm ấy, cái tên mới của Bác vẫn còn mới lạ với nhiều đồng bào. Số người biết Bác chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc khi đó không nhiều.



Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra mắt đồng bào như một lãnh tụ lần đầu xuất hiện trước đông đảo quần chúng.

Đó là một cụ già gầy gò, trán cao, mắt sáng, râu thưa. Cụ đội chiếc mũ đã cũ, mặc áo kaki cao cổ, đi dép cao su trắng.

Mấy ngày hôm trước, một vấn đề được đặt ra là, phải có một bộ quần áo để Bác mặc khi Chính phủ ra mắt đồng bào. Cuối cùng, Bác đã chọn bộ quần áo này. Hai mươi bốn năm làm Chủ tịch nước, trong những ngày lễ lớn của dân tộc, trong những cuộc đi thăm nước ngoài, Hồ Chủ tịch bao giờ cũng xuất hiện với một hình ảnh giản dị, không thay đổi. Vẫn bộ quần áo vải, trên ngực không một tấm huân chương, y như lần đầu Bác đã ra mắt đồng bào.

Ông cụ có dáng đi nhanh nhẹn. Dáng đi này cũng làm cho đôi người lúc đó hơi ngạc nhiên. Họ đã không nhìn thấy ở vị Chủ tịch dáng đi trang trọng của những người "sang". Giọng nói của ông cụ phảng phất giọng nói của một miền quê đất Nghệ An. Bác đã xuất hiện trước một triệu đồng bào ngày hôm đó như vậy.

Lời nói của Bác điềm đạm, đầm ấm, khúc chiết, rõ ràng. Không phải là cái giọng hùng hồn người ta thường được nghe trong những ngày lễ long trọng. Nhưng người ta tìm thấy ngay ở đó những tình cảm sâu sắc, ý chí kiên quyết. Tất cả đều tràn đầy sức sống. Từng câu, từng tiếng đi vào lòng người.



Độc bản Tuyên ngôn độc lập đến nửa chừng, Bác dừng lại và bỗng dừng hỏi:

- Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?

Một triệu con người cùng đáp, tiếng dậy vang như sấm:

- Co... o... ó!

Từ giây phút đó, Bác cùng cả biển người đã hòa làm một.

Đây là bản Tuyên ngôn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa giành được độc lập bằng cuộc chiến đấu suốt 80 năm của dân tộc. Đây còn là những lời lẽ tâm huyết, đầy cảm kích của đội tiên phong giác ngộ nhất của giai cấp cách mạng nhất, có những người con tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của dân tộc, trước máy chém, trước miện súng của quân thù đã từng giật tẩm bằng đen bịt mắt, hô lớn: "Việt Nam độc lập muôn năm!".

Buổi lễ kết thúc bằng những lời thề độc lập:

- Chúng tôi toàn thể dân Việt Nam, xin thề: "Kiên quyết một lòng ủng hộ Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh".

- Chúng tôi xin thề: "Cùng Chính phủ giữ nền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, chống mọi mưu mô xâm lược dù có phải chết cũng cam lòng".

- Nếu Pháp đến xâm lược lần nữa thì chúng tôi xin thề:

"Không đi lính cho Pháp

Không làm việc cho Pháp,

Không bán lương thực cho Pháp,

Không đưa đường cho Pháp!".

Một triệu con người, một triệu tiếng hô cùng hòa làm



một. Đó là lời thề của toàn dân kiên quyết thực hiện lời Hồ Chủ tịch vừa đọc để kết thúc bản Tuyên ngôn:

"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem hết tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy".

"*Bản án chế độ thực dân Pháp*" đã có từ 30 năm trước đây. Nhưng hôm nay mới chính là ngày chế độ thực dân Pháp bị đưa ra toàn dân Việt Nam công khai xét xử.

Lịch sử đã sang trang. Một kỷ nguyên mới bắt đầu - kỷ nguyên của độc lập, tự do, hạnh phúc.

Bản đồ thế giới phải sửa đổi lại vì sự ra đời của một nhà nước mới - Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cùng với cuộc Tổng khởi nghĩa nổ ra vào cuối tháng tám, ngày Độc lập mừng 2 tháng 9 đã có một ý nghĩa cực kỳ trọng đại trong đời sống chính trị, tinh thần của dân tộc.

Điều lo lắng của Bác trước đây 30 năm "Đồng Dương đáng thương hại! Người sẽ nguy mất, nếu đám thanh niên già cỗi của người không sớm hồi sinh"^{*}, hôm nay, không còn là điều khiến cho Người phải băn khoăn. Cả dân tộc đã hồi sinh...

Độc lập, tự do đến với mỗi người dân. Mỗi người đã thấy được giá trị thiêng liêng của nó và trách nhiệm phải

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.3.

** Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.2, tr.44.



bảo vệ hai từ thiêng liêng ấy. Vô vàn khó khăn còn ở trước mắt. Nhưng đối với bọn đế quốc, muốn phục hồi lại thiên đàng đã mất, mọi việc cũng không còn dễ dàng như xưa.

*

* *

Sáng ngày 3 tháng 9.

Một ngày sau lễ ra mắt, các vị Bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời tới dự phiên họp Hội đồng Chính phủ đầu tiên.

Ngôi nhà thâm nghiêm nằm trong hàng rào sắt sơn màu xanh lá cây trước Vườn hoa Cóc phun, nguyên là dinh thự của viên thống sứ người Pháp tại Bắc Kỳ. Hôm nay, đôi cánh cổng hình vòng cung mở rộng đón chào những người đại biểu của nhân dân. Đúng nửa tháng trước đó, nhân dân Hà Nội khởi nghĩa đã kéo tới đây. Bất chấp mũi súng của binh lính bảo an, một bác công nhân già đã vượt qua rào sắt, leo lên nóc nhà, nhổ lá cờ quẻ ly, thay vào đó bằng lá cờ sao của cách mạng.

Gian phòng họp trên gác trống trải. Cả dãy bàn ngồi họp không có một lọ hoa. Những người đại biểu cho chính quyền mới biết là mình đang bắt tay vào một công việc không dễ dàng gì. Chưa bao giờ lời giáo huấn của Lênin có ý nghĩa như bây giờ: "Giành chính quyền đã là khó khăn, nhưng giữ chính quyền còn khó hơn".

Chế độ kinh tế thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp, suốt 80 năm đô hộ, đã bóc lột tận xương tủy mỗi người dân lao động. Thêm vào đó là những năm Chiến



tranh thế giới thứ hai. Một tên đế quốc hung bạo nữa là đế quốc Nhật ập vào. Cả hai tên đế quốc đều thi nhau bóc lột, bòn rút, hút máu của dân ta tới giọt cuối cùng. Trên một triệu nông dân kiệt sức vì đói, ngã ngay trên mảnh ruộng của mình và gần một triệu người nữa chết đói sau khi thu hoạch xong mùa lúa chín. Tiếp đó là nạn lụt kéo theo nguy cơ trước mắt không kém phần trầm trọng là một nạn đói. Người dân vừa được sức mạnh thần kỳ của ánh sáng độc lập, tự do vực dậy giờ đây lại không thể đứng vững với cái dạ dày lép kẹp.

Gia tài cách mạng vừa giành lại được trong tay bọn thống trị gần như không có gì ngoài mấy ngôi nhà trống rỗng.

Cùng với di sản kinh tế như vậy, một di sản khác của bọn thống trị để lại về mặt văn hóa cũng khá nặng nề: 95% nhân dân mù chữ. Đó là kết quả của chính sách "nhà tù nhiều hơn trường học", chính sách ngu dân ở thuộc địa.

Nhưng những điều đó chưa phải là những khó khăn lớn nhất. Khó khăn lớn nhất lúc này là quân đội các nước đồng minh từ bốn phương cùng dồn dập kéo tới. Nước ở gần, nước ở xa. Chúng khác nhau về màu da, về tiếng nói, nhưng rất giống nhau ở một dã tâm: Muốn thôn tính đất nước chúng ta, muốn đẩy chúng ta trở về cuộc sống nô lệ.

Đúng giờ làm việc, Hồ Chủ tịch từ căn phòng bên đi ra.

- Chào các cụ, chào các chú!

Lời chào của Bác đã mở đầu một không khí thân mật cho phiên họp.



Sớm nay, Bác đi một đôi giày vải màu chàm đen từ chiến khu về. Đôi giày này, đồng bào Nùng đã khâu tặng Bác và được Bác dùng trong những buổi tiếp khách nước ngoài. Bác nhanh nhẹn đi đến bên bàn làm việc. Bằng một cử chỉ cởi mở quen thuộc, Bác giơ rộng hai tay mời các đại biểu cùng ngồi.

Cuộc họp không có diễn văn khai mạc. Bác lấy trong túi ra một mảnh giấy nhỏ ghi những ý kiến đã chuẩn bị. Phá bỏ những nghi thức thông thường. Bác đi ngay vào nội dung cuộc họp.

Thưa các cụ và các chú,

Sau tám mươi năm bị áp bức, bị bóc lột, và dưới chính sách ngu dân của thực dân Pháp, các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính.

Nhưng điều đó không làm cho chúng ta lo ngại. Chúng ta vừa làm vừa học, vừa học vừa làm. Chắc rằng chúng ta sẽ phạm khuyết điểm, nhưng chúng ta sẽ sửa chữa; chúng ta có can đảm sửa chữa khuyết điểm.

Với lòng yêu nước và yêu nhân dân sâu sắc, tôi chắc chúng ta sẽ thành công.

Hiện nay những vấn đề gì là vấn đề cấp bách hơn cả. Theo ý tôi, có sáu vấn đề:

Một là, nhân dân đang đói... Tôi đề nghị với Chính phủ là phát động một tăng gia sản xuất. Trong khi chờ đợi ngô, khoai và những thứ lương thực phụ khác, phải ba bốn tháng mới có, tôi đề nghị chúng ta mở một cuộc lạc quyền. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo.



Vấn đề thứ hai, nạn đói... tôi đề nghị mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ.

Vấn đề thứ ba... tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu.

Vấn đề thứ tư... mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện CẦN, KIỂM, LIÊM, CHÍNH.

Vấn đề thứ năm - Thuế thân, thuế chợ, thuế đồ... đề nghị bỏ ngay ba thứ thuế ấy...; tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

Vấn đề thứ sáu... ra tuyên bố TÍN NGƯỠNG TỰ DO và Lương Giáo đoàn kết¹.

Tất cả mọi vấn đề được Bác nêu ra trong vòng nửa tiếng. Những khó khăn chồng chất, phức tạp của chế độ thực dân để lại suốt 80 năm, những vấn đề sinh tử, cấp bách của dân tộc đã được Bác nêu lên một cách ngắn gọn, rõ ràng, cùng với những phương hướng, đôi lúc cả những biện pháp để giải quyết. Những đồng chí đã có dịp gần Bác đều thấy là nếp làm việc quen thuộc của Người.

Các bộ trưởng thảo luận những điều Bác đã nêu lên, và đều vui vẻ tán thành. Có những điều Bác nêu ra từ phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, đến nay vẫn là những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta.

Phiên họp đã kết thúc trong buổi sáng. Không khí giản dị, tự nhiên, thân mật của buổi họp đã rất mới lạ và

1. Xem Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr.165-167.



gây một ấn tượng sâu sắc cho những người lần đầu làm việc với Bác.

Ít ngày sau, Bác viết một bức thư gửi đồng bào cả nước: "Từ tháng Giêng đến tháng Bảy năm nay, ở Bắc Bộ ta đã có hai triệu người chết đói. Kế đó lại bị nước lụt, nạn đói càng tăng thêm, nhân dân càng khốn khổ. Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bo) để cứu dân nghèo...".

Bác viết thư gửi tới nhà nông: "Thực túc thì binh cường, cấy nhiều thì khỏi đói. Chúng ta thực hiện "tắc đất, tắc vàng" thì chúng ta quyết thắng lợi trong hai việc đó. Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa! Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập".

Đầu tháng 9, Chính phủ ra Sắc lệnh hạn trong một năm, tất cả mọi người Việt Nam đều phải viết chữ quốc ngữ. Bác viết lời kêu gọi chống nạn thất học: "Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo... Phụ nữ lại càng cần phải học...".

Tháng 9 còn là tháng khai trường, Bác gửi thư căn dặn "các em hãy cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn".

Tháng 9 cũng là tháng có Tết Trung thu của các cháu nhỏ. Thư Bác Hồ viết cho các cháu nhân dịp Tết Trung



thu năm Độc lập đầu tiên, chan hòa niềm vui "Cái cảnh trăng tròn gió mát, hồ lặng trời xanh của Trung thu lại làm cho các em thêm vui cười hớn hở. Các em vui cười hớn hở, Già Hồ cũng vui cười hớn hở với các em. Đố các em biết vì sao? Một là vì Già Hồ rất yêu mến các em. Hai là vì Trung thu năm ngoái, nước ta còn bị áp bức, các em còn là bầy nô lệ trẻ con. Trung thu năm nay, nước ta được tự do và các em đã thành những người tiểu quốc dân của một nước độc lập". "Đến Trung thu năm sau, chúng ta sẽ tổ chức một cuộc vui, cả già lẫn trẻ. Các em nghĩ thế nào? Trung thu này, Già Hồ không có gì gửi tặng các em. Chỉ gửi tặng các em một trăm cái hôn thân ái".

Các cháu nhỏ năm ấy không biết ngoài niềm vui của Bác trong thư, Bác Hồ đang có trăm ngàn công việc và vô vàn những mối lo toan vì dân tộc, vì đất nước.

*

* *

Từ ngày về Hà Nội, Bác chưa bị sốt trở lại lần nào. Nhưng người Bác vẫn gầy. Những vết nhăn trên vầng trán và ở đuôi mắt ngày càng nhiều và đậm.

Ở Bắc Bộ Phủ, sáng nào Bác cũng dậy từ năm giờ, tập thể dục. Bác đã viết một bức thư kêu gọi tất cả đồng bào gắng tập thể dục. Cuối thư Bác viết: "Tự tôi ngày nào tôi cũng tập".

Hết giờ làm việc, đến bữa, Bác xuống nhà ăn với chúng tôi và các chiến sĩ cảnh vệ. Bác ngồi cùng bàn, có gì



ăn nấy. Một hôm, Bác bận việc về muộn. Anh em người nọ ý người kia, quên để phần thức ăn. Mọi người đều ăn khoăn. Bác vẫn vui vẻ ngồi vào bàn ăn đủ mấy bát cơm thường lệ.

Sau bữa trưa, Bác ngả đầu trên chiếc ghế ở phòng khách, chợp mắt 15 phút, tỉnh dậy, Bác đọc báo, xem tin.

Hồi còn ở chiến khu, không có đèn dầu, buổi tối, Bác đi nằm sớm. Về đây, Bác hay làm việc khuya. Các chiến sĩ nhiều đêm đứng gác, thấy trên buồng Bác đèn vẫn sáng. Bác dùng thời giờ ban đêm để đọc sách, xem tài liệu.

Giờ làm việc buổi sáng của Bác bắt đầu bằng cuộc hội ý của Thường vụ. Bác rất coi trọng nếp làm việc tập thể. Bác nói với các đồng chí Thường vụ hằng ngày, sáu giờ, tới chỗ Bác có gì trao đổi rồi đi đâu hãy đi.

Hai buổi làm việc của Bác rất là khẩn trương. Việc Đảng, việc nước bề bộn. Lo giải quyết giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Lo đối phó ở miền Bắc và lo kháng chiến ở miền Nam. Lo việc nội trị, lo việc ngoại giao.

Các cơ quan chính phủ mới tổ chức, còn rất đơn sơ, chưa đi vào nề nếp. Bác thường trực tiếp nghe các đồng chí phụ trách từng mặt công tác, hoặc cán bộ ở địa phương lên báo cáo tình hình, bàn cách giải quyết. Đội ngũ cán bộ còn mỏng, lại chưa quen công việc. Nhiều việc Bác nghĩ ra, tự mình đánh máy, rồi làm phong bì gửi đi.

Bác viết nhiều thư, nhiều lời kêu gọi, nhiều bài báo để giải thích động viên, cổ vũ các tầng lớp nhân dân thực



hiện chủ trương, chính sách của Chính phủ lâm thời, tham gia các tổ chức Cứu quốc.

Mọi việc Bác nêu ra đều thiết thực, ngắn gọn, cụ thể. Lời lẽ của Bác là những lời lẽ quen thuộc, mộc mạc, nhân dân thường dùng từ xưa đến nay trong sinh hoạt hàng ngày. Chỉ có khác ở chỗ, Bác đã đưa vào đó một nội dung mới. Nhưng dù mới đến đâu, người nghe vẫn thấy dễ hiểu, hợp lý, hợp tình.

Các việc Bác nêu lên để yêu cầu đồng bào thực hiện đều là những việc Bác đã làm bền bỉ trong suốt cuộc đời. Nếu là những việc bây giờ mới đề ra thì Bác gương mẫu làm trước. Ví như việc hô hào nhân dân 10 ngày nhịn ăn một bữa để cứu đói. Mỗi tháng ba lần, đến bữa không ăn, Bác tới lấy phần gạo của mình, tự tay đổ vào hòm gạo chống đói. Một hôm, đúng vào bữa cơ quan nhịn ăn để gom gạo thì Tiêu Văn mời Bác dự chiêu đãi. Khi Bác về, anh em báo cáo đã đem gom phần gạo của Bác rồi. Bác vẫn quyết định nhịn ăn một bữa vào ngày hôm sau.

Đối với Bác, việc lớn, việc nhỏ, việc nào cũng có tầm quan trọng của nó. Bác thường dặn cán bộ "tự mình phải gương mẫu cho đồng bào", "miệng nói tay làm", "chớ vác mặt làm quan cách mạng cho nhân dân ghét, dân khinh, dân không ủng hộ".

Bác dành nhiều thời gian đi thăm các nơi xa gần. Nhiều cuộc đi thăm, Bác không báo trước. Khi Bác đi thăm hội nghị thanh niên, khi thăm cơ quan Ủy ban hành



chính Hà Nội, Trường Quân chính Việt Nam... Khi Bác đi Nam Định, thăm Nhà máy Dệt, khi đi Bắc Ninh, Thái Bình. Ngoài việc động viên, giáo dục, Bác còn muốn tìm hiểu tình hình đời sống, tư tưởng, tình cảm của nhân dân và cách thức làm việc của cán bộ.

Hàng ngày, Bác phải tiếp rất nhiều khách. Những người khách đó rất khác nhau. Những ông tướng của quân đội Tưởng đến để đòi gạo, và nhiều thứ khác như đòi tiền, đòi nhà ở, đòi từ chiếc bóng đèn, cân đường đến cả thuốc phiện, đòi tất cả những gì chúng còn chưa cướp được của nhân dân ta.

Có khi đó chỉ là một tên liên trưởng*. Hắn khẩn khoản yêu cầu được gặp Hồ Chủ tịch vì một việc riêng mà hắn nhất định không chịu nói với người khác. Việc riêng mà hắn chỉ có thể trình bày với Bác đó là: Hắn muốn bán vài trăm khẩu súng.

Có khi là đại biểu của những phái đoàn "đồng minh", Mỹ, Anh. Các cuộc đến thăm này mang những mục đích khác nhau. Nhưng tất cả đều không phải là thiện ý.

Có khi là những nhà báo nước ngoài đến xin gặp để tìm hiểu phong trào Việt Minh, tìm hiểu đường lối, chính sách của Chính phủ ta. Cũng có khi là những kẻ giả danh nhà báo đến mượn cơ phỏng vấn để thăm dò thái độ, điều tra tình hình.

* Chức vụ trong quân đội Tưởng, tương đương đại đội trưởng.

Phần II

THEO BÁC HỒ ĐI KHÁNG CHIẾN

I

Cuối tháng 8 năm 1945, đang ở làng Chè (Bắc Ninh) tôi được lệnh về Hà Nội ngay, tìm đến số nhà 118 Bến Nứa để nhận chỉ thị cấp trên...

Về đến Bến Nứa tôi tìm đến số nhà 118. Người được cử ra gặp tôi là anh Trần Quốc Hoàn. Tôi đã được gặp anh Hoàn mấy lần, hồi đi mua thuốc hóa chất ở Hàng Thiếc cho xưởng vũ khí trước ngày cách mạng bùng nổ. Tôi chỉ biết mặt mà không biết tên. Xem xong giấy tờ của tôi, anh Hoàn bảo:

- Báo để đồng chí biết, sáng mai đồng chí vào gặp Bác Hồ tại Bắc Bộ Phủ.

Nghe anh Hoàn nói vậy tôi không khỏi bàng hoàng. Lẽ thứ nhất, vì nó hoàn toàn khác với dự tính của tôi. Lúc rời xưởng vũ khí ở làng Chè ra đi, tôi tưởng chỉ là đi dự một cuộc họp nào đó để bàn việc mở rộng các xưởng vũ khí, hoặc giả gặp một đồng chí cán bộ chuyên theo dõi, chỉ đạo công tác sản xuất vũ khí để nhận chỉ thị mới, chứ không ngờ được Hồ Chủ tịch gọi đến gặp Người. Lẽ thứ hai, vì trong lòng tôi có một dấu hỏi chưa trả lời được. Trước kia, nghe anh em nói nhiều về cụ Nguyễn Ái Quốc. Rồi sau đó lại được nghe anh em nói có một cụ Ké ở hang Pác Bó đang lãnh đạo cả nước làm cách mạng. Cụ sống



rất giản dị, ăn mặc xuềnh xoàng, có đôi mắt rất sáng, hằng ngày vẫn vác ống bơm xuống suối lấy nước. Ông cụ mở lớp huấn luyện để dạy người khác làm cách mạng. Những bài giảng của ông cụ rất dễ hiểu. Tuy công việc bận rộn, nhưng ông cụ vẫn vào các bản làng thăm già, hỏi trẻ. Nhiều khi ông cụ còn tắm cho trẻ con và vận động đồng bào ăn ở cho hợp vệ sinh nữa. Tôi cứ ngỡ ngờ không biết cụ Ké ở Pác Bó với cụ Nguyễn Ái Quốc có phải là một không. Đến khi được biết Chủ tịch lâm thời là cụ Hồ Chí Minh thì anh em trong xưởng chúng tôi càng bàn tán nhiều hơn. Riêng tôi, tuy chưa có bằng chứng cụ thể, nhưng vẫn nghĩ rằng cụ Ké ở hang Pác Bó với cụ Nguyễn Ái Quốc và cụ Hồ Chí Minh là một, nghĩ thế nhưng trong lòng vẫn cứ ngỡ ngờ. Cho nên lúc này, nghe anh Hoàn báo sáng mai tôi vào dinh Bắc Bộ Phủ để gặp Bác Hồ thì tôi thấy không gì sung sướng cho bằng.

Trong niềm vui thường có sự hồi hộp, nhất là niềm vui trong sự chờ đợi. Tôi nhìn vào chiếc áo the dài, cái quần trắng, đang mặc trên mình và hỏi lại anh Hoàn:

- Vào dinh Bắc Bộ Phủ gặp cụ Hồ, tôi ăn mặc thế này có được không hở anh?

Hỏi xong câu ấy, nhìn xuống bộ quần áo đang mặc, chính tôi cũng thấy buồn cười. Mình là một anh thợ quân giới, đi gặp vị Chủ tịch nước chứ có phải đi gặp vua đâu mà quần chùng áo dài như một lão lý trưởng thế này. Mà bộ quần áo này có phải của tôi đâu. Khi được lệnh sang Hà Nội họp, tôi phải đi mượn. Anh Hoàn vừa tùm tùm



cười, vừa nhìn tôi. Anh mỉm cười vì thấy tôi không được tự nhiên trong bộ quần áo ấy.

- Giá kiếm được một bộ quân phục thì tốt hơn. Sau vài phút đắn đo, anh Hoàn trả lời như vậy.

Tôi vội chạy đến người quen mượn một bộ tuiýt xo trông cũng chừng chạc. Mãi sau này tôi mới nghĩ ra: nếu hôm ấy biết tôi kỳ công chạy vạy được bộ quần áo như vậy, thế nào Bác cũng phê bình cho. Mượn được một bộ quần áo rồi, tôi lại lo về những điều cần báo cáo với Bác. Là một người thợ chế tạo súng đạn, nhân dịp này tôi phải báo cáo rõ với Bác về công việc của xưởng, về dự định của mình. Rồi còn phải thay mặt anh em trong xưởng hứa với Bác. Được gặp Bác lần này đâu phải là niềm vinh dự của riêng tôi. Đó là niềm vinh dự lớn của cả anh, chị, em trong ngành sửa chữa và chế tạo vũ khí non trẻ lúc bấy giờ, bởi vậy, tôi phải thay mặt anh em hứa hẹn với Bác: công nhân quân giới sẽ hoàn thành mọi nhiệm vụ Bác giao để đền đáp lại mỗi quan tâm của Bác. Tất cả những điều ấy tôi đều phác thảo trong ý nghĩ với một tâm trạng hồi hộp, sung sướng. Vâng, tôi sẽ nói với Bác tất cả những điều tôi vừa nghĩ. Nhưng có ngờ đâu, đến lúc ngồi trước Bác, mọi lời lẽ đều biến đi đâu hết.

Sáng hôm sau, chừng chạc trong bộ âu phục may bằng tuiýt xo, tôi bước vào dinh Bắc Bộ Phủ. Đầu tiên, tôi gặp anh Võ Nguyên Giáp, lúc đó làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Anh Giáp bảo tôi ngồi đợi để vào báo cáo với Bác. Tôi đang ngơ ngác đưa mắt nhìn gian phòng khách khá rộng,



nhưng được bày biện khá trang nhã. Cứ như trước cách mạng, tôi không bao giờ mơ tưởng bén mảng đến cổng ngôi nhà này, chứ đừng nói đến chuyện được ngồi trong phòng khách. Cách mạng vừa mới đổi đời cho tôi, tôi đã được vào ngôi nhà lớn của Hà Nội với tư thế một người làm chủ. Tôi còn đang nhìn quanh chưa hết lạ lẫm thì Bác Hồ và anh Văn bước ra. Bác mặc bộ kaki vàng, tóc lốm đốm bạc, trông gầy và xanh, nhưng đôi mắt vẫn rất sáng, đúng như hình dạng cụ Ké ở khu Pác Bó mà nhiều anh em đã tả lại. Tôi lúng túng đứng dậy chưa kịp chào Bác thì Bác đã chìa tay ra cho tôi và mỉm cười bảo:

- Hoan nghênh chú! - Rồi Bác kéo tôi ngồi xuống, giọng Bác rất ấm - Trong Đại hội Tân Trào, chú không có mặt. Các đại biểu cử chú vào Chính phủ lâm thời. Chú vừa ở trong Ban Vũ khí vừa là Bộ trưởng không bộ.

Tin đó làm tôi sững sốt, tôi ngần ngại thưa với Bác:

- Thưa Bác, từ trước tới giờ tôi vẫn có chí hướng đánh Tây. Còn làm vũ khí, tôi chỉ hiểu chút ít, công việc cũng chỉ mới bắt đầu, chưa có gì. Riêng cái nghề làm Bộ trưởng, thưa Bác, tôi không dám, tôi chưa làm bao giờ ạ.

Bác cười, giọng đầy khích lệ:

- Bây giờ ta mới giành được chính quyền, trong chúng ta đã có ai làm Bộ trưởng bao giờ đâu.

Bác nói thế, tôi không còn lý do gì để từ chối nữa. Lúc này tôi chỉ thấy lo. Điều tôi lo hơn cả là được Đảng và Bác giao cho trách nhiệm, tổ chức làm vũ khí.



Tôi thưa thực với Bác:

- Làm vũ khí, tôi trông nom một xưởng còn được, chứ trông nom việc chế tạo vũ khí cho cả nước, tôi làm không nổi. Phụ trách một xưởng cũng quá sức tôi rồi.

Bác dẫn đo. Tôi đoán trong giấy lát đó, Bác đang phác ra một dự định gì đấy... Bác bảo:

- Làm cách mạng việc gì cũng khó khăn. Nhưng mọi việc hễ cứ quyết tâm là được. Cứ cứ làm, đoàn thể sẽ giúp.

Bác không khuyên tôi đừng lo, mà chỉ khuyên tôi quyết tâm làm, vì Bác biết nỗi lo lắng của tôi là đúng.

Giọng Bác lúc ấy vừa ấm, vừa trong. Thái độ Bác vừa ân cần, hiền dịu, vừa đầy khích lệ.

Thấy Bác nói thế, tôi không còn biết nói thế nào hơn:

- Vàng, Đảng và Bác đã giao cho, tôi không dám từ chối.

Thái độ Bác trở nên ân cần hơn:

- Ngày mai chú và chú Văn ra Sở mở gặp các kỹ sư ngoài đó bàn bạc để thuyết phục họ giúp đỡ.

Anh Văn nói thêm:

- Mấy hôm nay, tình nào cũng điện về cho biết có nhiều kho vũ khí của Nhật, việc canh gác rất lỏng lẻo. Quân đồng minh lại sắp kéo vào để tước vũ khí quân đội Nhật, vì vậy, cần tổ chức để cướp lấy một số vũ khí. Bộ đội ta hiện nay đang phát triển rất cần vũ khí.

Cuộc gặp Bác lần đầu tiên của tôi chỉ có thế, nhưng đây là một bước chuyển biến mới trong đời tôi...

Sáng hôm sau, ngày 4 tháng 9 năm 1945, tôi vào Bắc Bộ Phủ để cùng với anh Văn ra Sở mở. Anh Văn mắc bận



một công việc đột xuất bảo tôi đi chuẩn bị trước. Tôi đi về phía dãy phố sau Nhà hát Lớn tìm đến Sở mỏ. Nhiệm vụ của Sở này là trông coi mọi công việc của các mỏ ở Đông Dương. Số kỹ sư làm việc ở đây, tổng cộng có tất cả có 12 người, phần nhiều học ở bên Pháp về. Tôi trình bày với họ yêu cầu của cách mạng, nhiệm vụ của người dân một nước độc lập, trách nhiệm của người trí thức đối với Tổ quốc. Nhưng họ vẫn tìm mọi lý do để từ chối. Họ bảo nước ta không có đủ điều kiện để sản xuất vũ khí, nhất là máy móc, nguyên vật liệu và công nhân kỹ thuật. Tôi nói thế nào họ cũng không chịu.

Tôi về báo cáo với anh Văn. Sáng hôm sau, anh Văn và tôi lại ra Sở mỏ cho triệu tập cả 12 kỹ sư lại. Thấy họ đã đến đông đủ, anh Văn bắt đầu nói:

- Bây giờ ta mới cướp chính quyền, việc bảo vệ đất nước là quan trọng. Muốn bảo vệ đất nước phải có quân đội. Có quân đội thì phải có vũ khí. Mà bây giờ, vũ khí ta lại rất thiếu.

Thấy các kỹ sư gật gù, anh Văn nói thêm:

- Bộ đội ta nhiều, nhưng vũ khí không có. Bọn đế quốc chưa bỏ ý đồ xâm lược. Đông Dương lại là xứ giàu có nên chúng không chịu để mất. Muốn giữ gìn được đất nước phải có súng cho quân đội. Hôm nay, chúng tôi ra đây gặp các ông để bàn việc chế tạo súng đạn, bảo đảm cung cấp cho bộ đội giữ nước. Các ông cần gì, nếu trong nước có, Chính phủ và nhân dân sẽ hết sức giúp đỡ.



Một kỹ sư trả lời:

- Bất cứ quân đội nào cũng cần vũ khí. Cái đó đúng rồi, nhưng nước ta chính quyền còn non yếu, công nghiệp cũng còn non yếu, từ xưa lại chưa làm vũ khí bao giờ. Nguyên liệu, máy móc đều không có. Một nước muốn chế tạo vũ khí phải có ngành công nghiệp vững mạnh. Cho nên ta không thể làm được.

Nghe bạn đồng nghiệp nói, các kỹ sư đều gật gù. Có người mạnh dạn đưa ra ý kiến: "Hay là mua của nước ngoài". Nhưng mua của nước ngoài thì tiền đâu, và ai bán cho. Hôm ta chiếm Nhà băng Đông Dương trong kho bạc chỉ vền vền còn mấy chục vạn đồng... Muốn trang bị cho quân đội của một nước mà chỉ dựa vào nguồn vũ khí của nước ngoài thì chẳng khác gì mang dây tự trói mình. Ý kiến đó không thể chấp nhận được. Anh Văn lại tìm mọi lời lẽ để thuyết phục họ, nhưng cuối cùng họ chỉ vin vào cớ, không có xưởng đúc thép, không có xưởng cơ khí và công nhân kỹ thuật. Từng ấy cái "không" gộp lại cuối cùng thành ra không làm được. Tuy các kỹ sư mở không từ chối hẳn, nhưng tôi đoán là có nhận lời, họ cũng không làm gì cả. Thế là, anh Văn và tôi mất cả một buổi sáng để nghe họ nói về những điều mình đã biết cả rồi.

Anh Văn về báo cáo lại với Bác. Nghe xong chắc Bác không vui. Hôm sau, Bác lại cho gọi tôi vào Bắc Bộ Phủ, Bác bảo:

- Họ không làm thì mình tự làm lấy. Khó thì khó thật nhưng quyết chí làm vẫn được. Bây giờ chú vừa làm Bộ trưởng vừa làm công việc này. Đoàn thể sẽ giúp sức chú.



Không nói nhiều, Bác chỉ nói chừng ấy. Mỗi lời của Bác đều giản dị, dễ hiểu, tiếp cho tôi nhiều sức mạnh sau này.

Tôi lao vào công việc. Hồi này, anh Hoàn ở Bến Nứa đã dời đến nơi khác, nhường lại cái nhà ấy cho tôi. May sao ở gác dưới có một anh thợ tên là Hải, trước có làm lợp đan cho Nhật. Tôi lân la hỏi chuyện anh, sau đó anh giới thiệu thêm anh Viễn, anh Quang, anh Thọ. Nhưng chỉ có chừng ấy người thì không đảm đương xuể mọi công việc, tôi lên báo cáo lại với anh Văn. Nghe xong anh Văn bảo:

- Được, tôi sẽ giúp một tay.

Anh viết cho tôi mấy chữ đến cơ quan Tổng Liên đoàn Lao động ở phố Hàng Bồ. Xem thư xong, các đồng chí Tổng Liên đoàn nói tôi cứ về để các đồng chí ấy thu xếp. Mấy hôm sau, các đồng chí ấy cử cho anh Hoàng Phú, anh Phan Cao Tùng Sơn, anh Nguyễn Văn Vị và anh Đặng Cung. Có người rồi, chúng tôi lại gấp rút tổ chức bộ máy. Anh Văn lại viết cho tôi một cái giấy giới thiệu sang trại Bảo an binh để xem cách xếp đặt văn phòng như thế nào.

Giữa lúc ấy, tôi được biết Bác Hồ đã ký Sắc lệnh thành lập Phòng quân giới trực thuộc Cục Quân nhu. Bản Sắc lệnh được ký đúng vào ngày 15 tháng 9 năm 1945. Cầm trong tay bản Sắc lệnh có chữ ký của Chủ tịch nước, chúng tôi vô cùng phấn khởi. Đây là một sự quan tâm cụ thể nữa của Đảng, của Bác đối với quân giới. Nghĩ vậy nên chúng tôi càng gấp rút đôn đốc nhau làm việc cho thật mau lẹ, để đáp lại lòng mong đợi của Đảng, của Bác.



Lúc này Phòng quân giới chúng tôi có tám người.

Tôi họp anh em lại nói rõ Chỉ thị của Bác:

"Thứ nhất, mua sắm, tước đoạt vũ khí của quân đội Tàu, Nhật. Tìm mọi cách để sớm có vũ khí.

Thứ hai, gấp rút mở nhà máy chế tạo vũ khí. Tình hình này không cho phép chúng ta do dự".

Dựa theo hai nhiệm vụ trong Chỉ thị của Bác, chúng tôi phân công nhau làm. Anh Vị, anh Phúc, anh Cung phụ trách xây dựng nhà máy trên Thái Nguyên. Anh Quang, anh Thọ, anh Tùng Sơn phụ trách mua sắm và tước vũ khí. Còn anh Hải phụ trách áp tải vũ khí và nguyên liệu về. Tôi chịu trách nhiệm văn phòng và lo liệu chung...

Ở đây tôi phải nói đến sự sáng suốt của Đảng, của Bác trong việc đề ra chủ trương mua sắm và tước đoạt vũ khí của quân đội Pháp, Nhật và Tưởng để trang bị cho quân đội ta. Từ khi Nhật nhảy vào Đông Dương, nhiều tàu của quân đội Nhật và Pháp, trong đó có nhiều vũ khí, bị máy bay Đồng minh đánh đắm. Bọn Nhật, Pháp lại hục hặc nhau, chúng phải chôn giấu và tích lũy vũ khí. Đến khi Nhật hất cẳng Pháp, bọn Pháp trước khi chạy cũng chôn giấu, vứt vũ khí xuống hồ ao, sông ngòi. Sau đó, Nhật hàng Đồng minh, chán nản chờ Đồng minh đến tước vũ khí để hồi hương, nhiều vũ khí được tập trung vào kho giao cho bọn Anh, Tưởng. Đến tháng 9 năm 1945, quân Tưởng tràn vào, đó là một đội quân ô hợp và đói khát nên phải lén lút bán vũ khí để tiêu xài, hút sách và đi điểm. Trong khi đó lực lượng vũ trang của ta phát



triển mạnh, thành các tiểu đoàn, trung đoàn, đại đội, số lượng lên tới tám vạn người. Ở các làng xã, đường phố được giải phóng, nhiều đội tự vệ và dân quân được thành lập, con số lên tới hàng triệu người. Bộ đội ta thiếu vũ khí nghiêm trọng.

Theo chỉ thị của Đảng, của Bác, anh em chúng tôi đi khắp các địa phương phát động toàn dân mua sắm vũ khí, tìm mọi cách xoay cho ra vũ khí. Một phong trào lớn lan rộng trong cả nước. Nam Bộ là nơi xa Trung ương nhất, lại là nơi trước tiên cầm súng kháng chiến, không có điều kiện như ở miền Bắc, cũng đã tổ chức nhiều đội thợ lặn mò súng ở dưới các lòng sông. Đồng bào còn ngăn cả một khúc sông tát cạn nước, trục tàu đắm của địch để lấy súng. Ngoài Bắc, ở Đáp Cầu trước kia, Pháp có một kho rất lớn gồm những bộ phận lắp đạn, nhồi lựu đạn làm pháo hoa, dây mìn. Đến khi Nhật hất cẳng Pháp, chúng dùng nơi ấy làm chỗ để vũ khí, gồm đủ các loại. Bọn Tưởng sang, quân Nhật phải giao cái kho ấy cho quân Tưởng. Thấy bọn lính gác có hai thằng thôi mà lúc nào cũng thấy chúng ngủ gật tôi trực tiếp bàn với anh Ngô Gia Khảm, anh Nghiêm, người đã thay tôi phụ trách xưởng làng Chè, tổ chức thanh niên làng Cổ Mễ đêm lên vào kho lấy súng. Công việc này rất nguy hiểm nếu để bọn Tưởng nhìn thấy thì đừng hòng trốn thoát. Có lần chúng bắt được một anh và đã mang anh lên cầu Đáp Cầu xả súng bắn chết rồi hất xác xuống sông. Nhưng cái chết không làm cho thanh niên làng Cổ Mễ nhụt chí. Đêm nào



họ cũng nhảy qua tường vào kho. Mỗi đêm lấy được hàng chục hòm thuốc nổ, hòm đạn. Để che mắt bọn Tưởng, họ chỉ mở hòm lấy các thứ trong ruột, còn hòm gỗ để lại. Sáng hôm sau, bọn lính gác vào kiểm tra kho, đếm các hòm vẫn đủ. Bằng cách lấy tài tình như thế, thanh niên làng Cổ Mễ đã rút gần hết một kho thuốc nổ và đạn ở Đáp Cầu. Khi kho đạn ở Đáp Cầu đã cạn, anh Nghiêm lại bày cho họ lấy trộm một khẩu đại bác ở trại Sao Vàng. Hôm ấy, lừa lúc hai tên lính của quân đội Tưởng không tập trung khi canh gác, mấy anh làng Cổ Mễ đã bí mật đến buộc dây vào khẩu đại bác rồi dùng dây ra ngoài kéo lê từng đoạn. Ngay ở chỗ đầu đường, họ bố trí cả một đoàn xe bò trực sẵn ở đấy để đánh lạc hướng hai tên lính gác. Đợi lúc chúng không để ý, họ kéo khẩu đại bác nhập vào giữa đoàn xe bò rồi đẩy đi. Khẩu súng sau này được gửi vào Nam Bộ chi viện cho các chiến sĩ của ta trong ấy.

Các vũ khí tước của bọn Nhật đều được bọn Tưởng dùng thuyền hoặc tàu hỏa chở về tổng kho ở Hải Phòng. Trên suốt đoạn đường đi này, lợi dụng sự sơ hở của địch ta cũng đã lấy được khá nhiều vũ khí. Ở Hải Phòng, ta cũng lấy được một khẩu đại bác ở trại Pháo Thủ, mấy khẩu súng máy ở Nhà máyximăng và khá nhiều súng trường, đạn dược...

Ngoài việc tước vũ khí của địch, chúng tôi còn tìm cách bắt mối với bọn Tưởng để tổ chức những chuyến mua bán vũ khí. Quân Tưởng là đội quân lính đánh thuê, rất ô hợp mà cũng đói khát. Từ quan đến lính, đều là



những tên nghiện ngập, luôn luôn tìm cách ăn mảnh. Bọn chúng hay la cà ở các chợ để cướp không hàng hóa của đồng bào ta. Những hôm không cướp được, chúng bán súng ống, đạn dược để tiêu xài. Nhiều nơi, các đồng chí ta đã mua lẻ được ở bọn lính Tưởng một số lượng vũ khí đáng kể. Có những tên sĩ quan cao cấp của quân đội Tưởng còn nhấc chúng ta đến để bán cho hàng ô tô, súng đạn. Để có tiền mua sắm vũ khí, Đảng và Bác Hồ đã mở một "tuần lễ vàng" trong cả nước, bắt đầu từ ngày 17 tháng 9 năm 1945. Nhiều gia đình, các bà, các chị mang tư trang của mình quyên góp cho Chính phủ. Hai phần ba số vàng đó được dùng để mua sắm vũ khí. Nhờ có vàng của đồng bào đóng góp, anh em quân giới chúng tôi đã mua được của bọn Tưởng nhiều loại vũ khí rất quý. Thí dụ, ở Hải Phòng, anh em đã bỏ ra hai triệu đồng mua vũ khí để trang bị cho bộ đội, do đồng chí Thiết Hùng phụ trách. Ở Hòa Bình, chúng tôi đã mua được cả một kho vũ khí của Nhật chuyển giao cho bọn Tưởng. Tuy nhiên việc mua vũ khí gặp rất nhiều khó khăn. Mọi chuyện mua bán đều phải làm lén lút. Mua được là phải tìm cách chuyển đi ngay. Việc vận chuyển phải rất bí mật, nếu không bọn Tưởng bán vũ khí sẽ lùng đuổi rồi giở mặt tịch thu lại, có khi còn bắt cả người áp tải nữa. Nhưng các đồng chí của chúng ta rất mưu trí, lừa được địch trên suốt dọc đường, làm cho chúng không biết đường nào mà lần. Có khi ta còn phải mua tranh súng với bọn Việt Nam Quốc dân đảng. Bọn Tưởng theo lệnh Mỹ qua Việt Nam với lý do giải giáp



quân Nhật, nhưng thực ra chúng còn mang theo những ý đồ đen tối: tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, giúp bọn phản động Việt Nam đánh đổ chính quyền nhân dân để lập một chính phủ phản động. Với những ý đồ đen tối đó, chúng đã tuồn nhiều súng đạn cho bọn Việt Nam Quốc dân đảng, bọn thổ phi, mà không cần lấy một xu nào. Nhưng bọn sĩ quan Tưởng là bọn rất háms tiền, mục đích của chúng sang đây là để vơ vét làm giàu, nên đã phỗng tay trên của bọn Quốc dân đảng nhiều vụ lớn. Chẳng hạn như vụ Đình Ấm, Vĩnh Yên, bọn Tưởng đóng ở đấy đang có kế hoạch chuyển giao cả kho vũ khí Đình Ấm cho bọn Quốc dân đảng ở Yên Bái. Năm được ý đồ đó, anh Khảm bèn tìm cách phá. Anh bắn tin cho bọn sĩ quan Tưởng là Việt Minh sẽ trả cho chúng một số tiền rất hậu nếu chúng bán cả kho vũ khí ấy cho Việt Minh. Đánh hơi thấy mùi tiền, bọn sĩ quan Tưởng đã bán cả kho vũ khí ấy cho anh Khảm trước khi bọn Quốc dân đảng ở Yên Bái về lấy. Số đạn và vỏ đạn ở kho này phải chờ hai chuyến tàu hỏa mới hết. Một chuyến được chở về Chèm, một chuyến được chở đi Thái Nguyên.

Một hôm, tôi đang họp với anh em ở Phòng quân giới thì có điện thoại của anh Văn gọi ra gặp Bác ngay... Lần này, trông Bác gầy hơn trước, hai má Bác lõm vào, mái tóc và chòm râu có thêm nhiều sợi bạc... Tuy bận rộn nhưng Bác vẫn rất vui, Bác bảo tôi báo cáo công việc rồi hỏi thăm có khó khăn gì không. Tôi báo cáo với Bác, khó khăn thì nhiều, nhưng anh em trong ngành cố gắng tự lo liệu



được. Nghe xong, Bác bảo thế là tốt và nhắc thêm làm cách mạng bao giờ cũng khó khăn, nếu biết đồng lòng nhất trí thì không sợ gì cả. Những lời Bác nói rất dễ hiểu, dễ nhớ và sâu sắc.

Việc mua sắm vũ khí tuy khó khăn, nhưng khó khăn hơn cả vẫn là xây dựng các binh công xưởng để đặt nền móng lâu dài cho kỹ nghệ quốc phòng. Tuy các kỹ sư ở Sở mỏ từ chối không chịu cộng tác với chúng tôi, nhưng phải nói những khó khăn mà họ nêu lên là những khó khăn có thực, không thể chối cãi được. Có điều họ là những viên chức cũ, họ chỉ nghĩ đến sức mạnh của cơ sở kỹ thuật; còn chúng tôi, chúng tôi không chỉ coi trọng kỹ thuật, mà còn coi trọng sức mạnh của con người, coi trọng khả năng sáng tạo vô cùng tận của giai cấp công nhân vừa được giải phóng.

Hiện nay, nhiều nhà máy, xí nghiệp bị đình đốn, các chủ Tây đều bỏ chạy cả. Một số xưởng tư nhân, tuy chưa đình đốn hẳn nhưng chủ xưởng vẫn còn đợi để nghe ngóng tình hình. Những xưởng quân giới xây dựng trước khi cách mạng bùng nổ, phần nhiều là những xưởng bé, máy móc, nguyên vật liệu, thợ lành nghề đều thiếu. Tình hình này nếu kéo dài thì thật bất lợi. Công việc đầu tiên của chúng tôi là phát triển những xưởng hiện có, lấy nó làm cơ sở để mở thêm những xưởng mới. Công việc đang tiến hành thì tôi nhận được Giấy ủy nhiệm của Bác ký ngày 22 tháng 9 năm 1945, cho tôi được trưng dụng các xưởng máy.



Nhận được Giấy ủy nhiệm đó, tôi rất mừng, đây chính là cái chìa khóa vàng mở cho chúng tôi những cánh cửa lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho những bước đi ban đầu của ngành quân giới. Tôi nhớ lại hôm được gặp Bác lần đầu tiên, Bác động viên tôi cứ làm đi, có khó khăn đoàn thể sẽ giúp...

Mấy tháng nay, anh em trong Phòng quân giới chúng tôi đều ăn cơm nhà làm việc nước, trừ tôi được hưởng một khoảng tiền sinh hoạt phí, còn anh em chưa có lương bổng. Không hiểu vì sao Bác biết rõ anh em chúng tôi thiếu quần áo. Có lẽ qua lời báo cáo của anh Vũ Anh và anh Trần Đăng Ninh. Hai anh được Bác cử ra để kiểm tra và giúp đỡ chúng tôi. Bác gửi cho anh em Phòng quân giới một số quần áo lấy được trong kho Trại bảo an binh. Mặc bộ quần áo Bác cho, lòng chúng tôi ấm lại. Anh nào cũng nghĩ là Bác ở bên cạnh mình.

Tôi cầm Giấy ủy nhiệm đi trưng dụng một số nhà máy ở Hà Nội để dùng vào việc chế tạo vũ khí. Thí dụ như dùng nhà máy Star của tư sản Mai Tâm để sửa chữa súng đại bác, sản xuất các bộ phận của lựu đạn kiểu Pháp, kiểu Mỹ và sửa chữa ô tô. Sử dụng nhà máy Star của tư sản Pháp bỏ chạy để sản xuất lựu đạn, sửa chữa vũ khí hỏng. Trưng dụng cơ sở máy móc của Đỗ Quý và lấy thêm máy móc của Trường Kỹ nghệ chuyển về Hưng Yên lập xưởng súng tiểu liên, súng trường. Lấy được một số máy móc ở xí nghiệp khác để bổ sung cho xưởng chế tạo lựu đạn ở làng Chè. Xưởng này có thêm người, thêm máy



nên được tách ra làm hai xưởng. Một xưởng do anh Ngô Gia Khảm phụ trách, lấy cơ sở Nhà máy hỏa xa Đông Anh để phát triển thành một xưởng hóa chất chế tạo hạt nổ và làm thuốc đạn. Còn một xưởng do anh Nguyễn Sĩ Nghiêm phụ trách, lấy Nhà máy giấy Đáp Cầu để xây dựng thành xưởng hóa chất chế tạo đạn.

Đồng chí Trần Quốc Hoàn lúc đó là Xứ ủy Bắc Kỳ đã lấy một số cơ sở sửa chữa ô tô để tổ chức chế tạo súng tiểu liên và lựu đạn. Ở khắp các tỉnh trong toàn quốc, các xưởng chế tạo vũ khí được mọc lên như nấm. Sau khi giành được chính quyền, Ủy ban nhân dân cách mạng các địa phương đều trưng dụng những cơ sở công nghiệp để lập ra nhiều xưởng chế tạo vũ khí, có nhiều xưởng quy mô rất lớn như xưởng Chí Linh của Ty quân giới khu Ba, có lúc số lượng công nhân quân giới lên đến bốn trăm người.

Sau khi dự Hội nghị Phôngtennoblô về, Bác cho gọi tôi đến chỗ Bác làm việc. Bác nói:

- Có thể bọn Pháp sắp tiến công mình. Nó đang tìm cách quay lại xâm lược nước ta một lần nữa. Đứng về ngành quân giới, các chú phải gấp rút chuyển hết máy móc, nguyên vật liệu ra khỏi Hà Nội, mang lên rừng núi, lập căn cứ chống lại nó. Bác sẽ chỉ thị cho các tỉnh cũng làm như vậy. Tình hình gấp lắm rồi. Chú về lo mọi công việc cho tốt.

Lúc này, tôi được quyết định làm Cục phó Cục quân giới, còn anh Trần Đại Nghĩa vừa cùng với Bác ở bên Pháp về được Bác quyết định làm Cục trưởng.



Theo Chỉ thị của Bác, ngành quân giới bắt đầu làm một cuộc di chuyển lớn. Các xưởng được phân tán nhỏ và chuyển dần lên khu căn cứ. Cục quân giới được chuyển vào Hà Đông với toàn bộ kho tàng. Xưởng Chí Linh của Ty quân giới khu Ba, chia làm bốn xưởng chuyển sang phía Đông Triều với Nhã Nam lên Thái Nguyên rồi lên Bắc Kạn. Hơn hai nghìn cán bộ, công nhân của xưởng đã di chuyển hơn 1.000 tấn máy móc trên một đoạn đường dài hơn ba trăm cây số. Ở Hà Nội, ngoài việc gấp rút di chuyển còn phải mua thêm nguyên vật liệu như gang, sắt, đồng, axit, thuốc nổ để dự trữ dùng sau này. Các xưởng ở đồng bằng Bắc Bộ, ở các tỉnh khu Bốn, khu Năm cũng đều gấp rút di chuyển. Trong những ngày này, anh em ngành quân giới phải làm việc không quản ngày đêm, trong hoàn cảnh hết sức ngặt nghèo.

Với một lòng tin sắt đá vào sự lãnh đạo của Đảng, của Bác, sau mấy tháng trời chiến đấu vô cùng dũng cảm, hầu hết máy móc, nguyên vật liệu được chuyển lên vùng căn cứ. Các xưởng lại nhanh chóng đi vào sản xuất vũ khí¹.

*

* *

...

Ngày 10-1-1946, lần đầu tiên Bác đến Thái Bình. Bác lên phòng khách làm việc với các đồng chí trong Ủy ban.

1. Xem: Nguyễn Ngọc Xuân "Bàn tay diu dặt của Bác Hồ", trong *Đường ta sáng mãi*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1974.



Cán bộ ngồi quây quần quanh cái bàn rộng nghe Bác huấn thị. Đại ý Bác nói:

- Giành chính quyền đã khó, nhưng giữ chính quyền còn khó hơn. Làm thế nào phải đoàn kết toàn dân, đoàn kết các thân hào, thân sĩ. Dân ta đói vì vỡ đê, nên phải lo giải quyết nạn đói cho dân. Cần đáp nhanh những quãng đê vỡ, tạo điều kiện cho dân sản xuất.

Bác hỏi về việc giải quyết nạn đói cho dân, anh Cảo thưa:

- Thưa cụ, việc chống đói thì Ủy ban đã ra chỉ thị, các đoàn thể vận động vay thóc nhà giàu cứu đói cho dân. Chúng cháu đã cho tịch thu những kho thóc của Nhật, một phần để lo đắp đê, một phần để lo cứu đói cho dân, cho cán bộ và Vệ quốc đoàn dùng. Tỉnh đã cử một đoàn cán bộ vào Thanh Hóa, sang Nam Định, Ninh Bình đóng thóc về tiếp tế cho dân.

Bác nói:

- Không được để dân đói, dân đói Chính phủ có lỗi. Nước đã rút phải lo ngay việc tăng gia sản xuất, lo vệ sinh chung, phải chăm sóc các cụ già, cháu nhỏ, nhất là những nơi ngập lụt nặng.

Bác hỏi:

- Việc đắp lại những quãng đê bị vỡ, nhân dân có quyết tâm không?

- Thưa cụ, cả tỉnh xin quyết tâm đắp bằng được hai quãng đê đó ạ.

Bác gật gù, tỏ ra bằng lòng.



Lúc này, có một số thân hào, thân sĩ khoảng trên hai mươi người trong Ủy ban và Mặt trận xin được gặp Bác. Anh Cáo báo cáo và được Bác đồng ý.

Bác thân mật hỏi thăm sức khỏe mọi người rồi hỏi:

- Nhân dân có quyết tâm đập lại những quăng đê bị vỡ không?

Mọi người cùng thưa:

- Thưa cụ Chủ tịch, xin quyết tâm ạ.

Bác nói:

- Muốn làm được tốt phải dựa hẳn vào dân. Dựa vào dân là có gạo, có tre. Cán bộ phải xung phong gương mẫu làm trước. Về kỹ thuật phải học hỏi kinh nghiệm lâu đời của dân, phải dựa vào cán bộ kỹ thuật.

Lúc này, một số cán bộ và thanh niên được tin Bác về, anh em tập trung ở phía cổng sau Ủy ban, yêu cầu được gặp Bác. Người đến mỗi lúc một đông, có tới hàng ngàn, người thì vỗ tay, người thì vòng tay làm loa nói vọng vào: "Yêu cầu Ủy ban cho dân được gặp cụ Hồ".

Tình hình đột biến làm các đồng chí trong Ủy ban rất khó xử, vì Bác về, dân không được đón sẽ oán trách, thắc mắc với cán bộ. Nếu mời Bác ra gặp dân thì không chuẩn bị gì cả, sợ không chu đáo, sợ Bác mệt; đã 5 giờ, Bác lại chưa ăn cơm. Bí quá, anh Bùi Đăng Chi gặp đồng chí Nguyễn Xiển (lúc bấy giờ làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính Bắc Bộ đi theo Bác) trình bày sự việc. Đồng chí Xiển nói đại ý:



- Sáng nay đi, Cụ chỉ nói là đi xin tiền để giúp dân vùng lụt đắp đê. Cụ có giao cho Hưng Yên, Nam Định, Hà Nam quyền tiền giúp Thái Bình. Còn về đây, Cụ chỉ nói rõ qua thăm đê, chứ Cụ không có ý nói chuyện với dân. Việc này các đồng chí xin ý kiến xem sao.

Anh Chi mạnh dạn đến báo cáo với Bác, Bác đồng ý. Nổi vui mừng khôn xiết đến với mọi người. Từ phòng khách bước ra, vừa bước xuống sân, thanh niên ủa lại công kênh Bác ra phía cổng, dân vây chung quanh. Tiếng hô "Hồ Chủ tịch muôn năm" vang lên, có người vỗ khăn tay, tung mũ, nhảy lên reo hò. Sợ Bác nói không đủ nghe, anh Chi đưa cái loa sắt cho Bác. Bác cầm loa nói rất giản dị, dễ hiểu. Sau khi hỏi thăm đồng bào, Bác nói đại ý:

- Nhiệm vụ của đồng bào lúc này là chống giặc đói, mọi người phải trồng thêm ngô, khoai, sắn... để chống đói. Chống được giặc đói, giặc lụt là thiết thực cùng đồng bào cả nước chống ngoại xâm. Mọi người già, trẻ, lương, giáo, thành thị, nông thôn phải đoàn kết, đoàn kết thì việc gì cũng làm xong.

Nói về việc đắp đê, Bác hỏi:

- Đồng bào có quyết tâm đắp đê không?

- Có ạ!

Bác nhắc lại:

- Việc trước mắt, quan trọng bậc nhất là phải lo đắp đê, lo cứu đói.

Lời Bác thiết tha, lắng sâu vào lòng người. Đó là những lời ân cần khuyên nhủ chứa đựng tấm lòng, mong sao cho dân no ấm của Bác.



Bác nói xong, nhân dân hơn hờ quây quần quanh Bác. Nhiều người đưa những quyển sổ rất đẹp xin chữ ký lưu niệm. Bác ký nhưng ký sao cho hết.

Đối diện chỗ Bác đứng nói chuyện là trại lính Tưởng. Tên lính thấy tình dân với Bác thắm thiết, nó cứ đứng ngẩn người ra. Có vài tên ngó đầu ra nhìn trộm rồi cứ lăm lét rồi lại tụt vào trong trại.

Trở ra phòng khách, trước khi ra về, Bác gặp cô giáo Hiền, bác hỏi tình hình học tập, vui chơi của các cháu.

...

Các đồng chí trong Ủy ban và Tỉnh bộ Việt Minh tiễn chân Bác ra xe, Bác còn dặn:

- Làm sao đắp xong đê trước mùa nước, phải đưa thêm lực lượng lên đê. Toàn dân đoàn kết thì việc lớn mấy cũng làm được. Hoàn thành việc đắp đê, tôi sẽ về thăm.

Đồng bào vẫn còn tụ tập ngoài cổng, nhiều người bỏ cả bữa cơm. Xe bác đi, đồng bào cứ níu lấy và hô: "Cụ Hồ muôn năm"¹.

*

* *

...

Trong thời gian ở nước ngoài, Bác đã sống nhiều năm tại Trung Quốc. Mạng lưới dày của bọn đặc vụ Quốc dân đảng luôn luôn bủa vây quanh Người...

1. Xem: Ngô Duy Cảo, Nguyễn Văn Cúc, Đỗ Xuân Dung trong *Thái Bình năm đón Bác*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Thái Bình xuất bản năm 1970.



Bác hiểu sâu sắc bản chất giai cấp của bọn Quốc dân đảng. Hơn ai hết, Người thấy rõ mối nguy cơ cho cách mạng Việt Nam khi quân Tưởng tràn vào miền Bắc. Chúng là những tên chống cộng cực kỳ tàn bạo... ở miền Bắc, bọn Tưởng đã đưa vào mười tám vạn quân. Dã tâm của quân Tưởng đã rõ ràng. Chúng muốn tiêu diệt chính quyền cách mạng, muốn thôn tính nước ta.

Sách lược của ta lúc này là hoà hoãn với Tưởng, chĩa mũi nhọn vào bọn thực dân Pháp cướp nước. Nhưng hoà hoãn với Tưởng không phải dễ dàng.

Bác nhiều lần dặn cán bộ: "Phải hết sức tránh khiêu khích, không để xảy ra xung đột với quân Tưởng. Nếu đã xảy ra xung đột thì phải biến xung đột lớn thành xung đột nhỏ, biến xung đột nhỏ thành không có xung đột". Không phải mọi người đều thấy hết ý nghĩa quan trọng của chỉ thị đó.

Một số cán bộ của Đảng cũng chưa nắm vững được sách lược lúc này. Cũng vì vậy mà những vụ va chạm đáng lẽ không xảy ra, vẫn xảy ra. Những vụ này đã gây cho ta khá nhiều khó khăn trong việc dàn xếp. Bác có thái độ rất nghiêm đối với những tư tưởng và hành động sai lầm chỉ thấy bộ phận, không thấy toàn cục trong việc thực hiện sách lược của Đảng.

Một mặt, ta cố tìm mọi cách hoà hoãn, hạn chế những hoạt động phá hoại của kẻ thù. Mặt khác, phát hiện những mâu thuẫn, những vết rạn nứt dù nhỏ trong hàng ngũ của chúng lúc này để lợi dụng là rất quan trọng.



Trong Chính phủ lâm thời, Hồ Chủ tịch kiêm thêm công tác ngoại giao. Ngoại giao khi đó là một công việc cực kỳ khó khăn và phức tạp.

Bọn tướng lĩnh Quốc dân đảng Trung Hoa vào miền Bắc, thuộc nhiều phe cánh khác nhau. Có những tên thuộc tập đoàn địa phương Vân Nam. Có tên thuộc tập đoàn địa phương Lưỡng Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây). Nhiều tên thuộc tập đoàn trung ương của Trùng Khánh. Chúng giống nhau ở chỗ cùng chống cộng. Nhưng, vì bên trong chúng có mâu thuẫn, nên thái độ phản động của chúng đối với cách mạng Việt Nam cũng ít nhiều khác nhau.

Ngoài ý định can thiệp vào Việt Nam, Trùng Khánh còn muốn nhân dịp này, thanh toán một số tên quân phiệt cứng đầu ở Tây Nam và Hoa Nam. Ngay từ khi Lư Hán kéo quân sang ta, Bác đã nói: "Đây là kế hoạch "điều hổ ly sơn" của Tưởng Giới Thạch. Nội bộ chúng không ổn định là một điều ta có thể lợi dụng". Tưởng Giới Thạch từ lâu muốn trị Long Vân, tỉnh trưởng Vân Nam.

Chỉ sau đôi lần gặp Bác, Lư Hán đã tỏ ra cảm phục. Y ngạc nhiên về sự hiểu biết sâu rộng của Bác. Bác trao đổi với y về tình hình chính trị ở Việt Nam, ở Trung Hoa và trên thế giới. Bác làm cho y hiểu cuộc đấu tranh giành độc lập và chủ trương Hoa - Việt thân thiện của ta. Đôi lúc, Bác cũng nói cho y biết phần nào những hoạt động xấu xa của bọn Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội.



Lư Hán gọi Bác một cách trân trọng là Hồ Chủ tịch. Nghe tin Bác tới, y ra đón. Khi Bác về, y tiễn chân đến tận cửa. Đường như đã thấy số phận bấp bênh của mình, y thường có vẻ tự lự.

Tiêu Văn là chủ nhiệm chính trị của Chiến khu thứ tư do Trương Phát Khuê chỉ huy. Y nắm một vai trò chủ chốt trong cái gọi là "Việt Nam cách mạng chỉ đạo thất" (Phòng chỉ đạo cách mạng Việt Nam) do Trương lập ra.

Tướng Giới Thạch vốn không ưa Trương và phe cánh của y. Nhưng Tướng vẫn dùng Tiêu Văn, vì Tiêu Văn theo dõi tình hình Việt Nam từ lâu, và đang nắm bọn tay sai Nguyễn Hải Thần.

Tiêu Văn vào Việt Nam với một sư đoàn quân Quảng Tây. Sư đoàn quân Quảng Tây vừa vượt biên giới thì được lệnh của Trùng Khánh quay trở về. Tiêu Văn hết quân, phải đi với các quân đoàn Trung ương của Chu Phúc Thành. Theo sự chỉ định của Trùng Khánh, Tiêu Văn có trách nhiệm giải quyết những vấn đề chính trị ở miền Bắc Việt Nam.

Tới Hà Nội, chính quyền Cách mạng đã thành lập, viên tướng "lam y" thấy mình bị đặt trước một việc đã rồi, y rất bức bối.

Bác đã bảo chọn cho Tiêu Văn một ngôi nhà sang trọng. Lúc đầu, y không chịu tới, đưa bọn tay sai về đóng tại nhà một viên bang trưởng ở phố Cửa Đông.

Thấy Bác định đi thăm Tiêu Văn, nhiều anh ngăn. Y mới đến, ta chưa biết thái độ ra sao. Bác nói: "Nó vừa tới,



chưa rõ tình hình, ta đến cũng có cái hay". Trong việc giao tiếp, Bác thường hay chủ động và chú ý đến cái ấn tượng lúc ban đầu.

Bác chỉ định mấy đồng chí cùng đi. Thấy một đồng chí mang dép, Bác bảo về nhà thay giày. Bác nói: "Khi nào gặp "người ta", tôi ăn mặc thế nào cứ mặc tôi, nhưng các chú thì phải cho tề chỉnh".

Mấy đồng chí theo Bác tới phố Cửa Đông. Đến nơi Tiêu Văn ở, Bác bảo hai đồng chí đợi bên ngoài, rồi cùng hai đồng chí đi vào. Qua hàng rào sắt, mọi người nhận ra ở đây ngoài bọn lính Tưởng, còn có thêm mấy tên tay sai Việt Nam Quốc dân đảng. Chúng mặc quân phục, đeo súng, vào ra vói vể mặt lắm lì.

Tiêu Văn đang ở nhà trong. Nghe báo Hồ Chủ tịch tới, y lật đật đi ra. Chỉ sau vài câu thăm hỏi của Bác, y đã tỏ ra vui vẻ, niềm nở như gặp lại một người quen biết lâu ngày. Thái độ kính nể của Tiêu Văn đối với Bác, làm cho mấy tên tay sai Việt Nam Quốc dân đảng ngạc nhiên.

Bác nhắc lại những chuyện ở Liễu Châu, rồi bảo Tiêu Văn hãy bỏ qua những hiểu lầm trước đây, hợp tác với ta để cùng giải quyết mọi vấn đề trong mối quan hệ Hoa - Việt. Tiêu Văn hứa sẽ đặt quan hệ với Chính phủ ta. Sau lần gặp ấy, Tiêu Văn dọn đến ở ngôi nhà ta đã dành cho y, gần hồ Bảy Mẫu. Bác đã dùng y để giải quyết phần nào những va chạm, mắc mứu với quân Tưởng.

Lư Hán đến Hà Nội được vài tuần thì Tưởng Giới Thạch đem quân đánh úp Vân Nam và lừa bắt Long Vân.



Trùng Khánh tuyên bố: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở Việt Nam, Lư Hán trở về Vân Nam, thay Long Vân làm tỉnh trưởng. Nhưng chúng lại điều hai quân đoàn của Lư Hán về trước, đưa lên đông bắc đánh nhau với Hồng quân. Các quân đoàn này được quân trung ương sang thay thế. Cuộc tranh giành quyền lực trong nội bộ quân phiệt Tưởng diễn ra quyết liệt.

Bọn tướng lĩnh trực thuộc với Trùng Khánh, đứng đầu là Chu Phúc Thành, là những tên phản động nhất. Chúng đã trực tiếp điều khiển lũ tay sai trong những hoạt động phá hoại. Nhiều lần, chúng ra mặt bắt giữ một số cán bộ của ta. Tuy vậy, trong bọn chúng, vẫn có những tên không thể bịt mắt trước thực tế to lớn của cách mạng Việt Nam. Viên sư trưởng Sư đoàn 2 đóng quân tại Nam Định, có lần bày tỏ sự đồng tình với cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta. Khi Bác về Nam Định, Bác ghé thăm y. Một viên sư trưởng khác đến nhờ ta cung cấp tài liệu, giúp đỡ y viết một cuốn sách về phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam.

Trong hàng ngũ quân đội Tưởng, nhiều tên chỉ giữ chức phó quan hoặc xứ trưởng, là những chức thấp nhưng lại có quyền hành và thế lực. Có tên nhờ người vợ đẹp, lịch thiệp, tiêm thuốc phiện khéo, các tướng lĩnh thường lui tới nhà nên trong nhiều việc, y đều có thể trở thành người môi giới đắc lực. Không hiểu tại sao Bác phát hiện ra rất sớm những tên quan nhỏ thuộc loại này. Bác chỉ thị cho các cán bộ làm công tác ngoại giao có đối sách



thích hợp với từng tên. Chính nhờ bọn này mà một số vụ va chạm với quân Tưởng đã được giải quyết.

Với Bác, chân lý cách mạng là cụ thể. Vận dụng sách lược, cũng là cụ thể. Tuy tất cả bọn Tưởng đều là những tên phản động, nhưng với từng đối tượng cụ thể, ta cần có cách đối xử cụ thể. Đương nhiên, thực lực cách mạng là cơ sở của việc vận dụng mọi sách lược. Đây là một kinh nghiệm quan trọng, Bác thường nhắc nhở cho cán bộ.

Quân Tưởng tiến đánh các khu giải phóng với ý định tiêu diệt Hồng quân, đã vấp phải những thất bại liên tiếp. Bọn quân quan được lệnh điều động về nước tỏ ra lo lắng. Những tên ở lại hoặc mới kéo sang, đều mang tâm trạng không ổn định.

Với một sự nhạy cảm lạ thường, Bác dường như thấu hiểu mọi trạng thái, tư tưởng, tình cảm của kẻ thù. Bác đã vận dụng một cách vô cùng sắc bén những đối sách cụ thể với từng loại kẻ địch, với từng tên.

Con người Bác là hiện thân của sức mạnh chính nghĩa. Nhiều chính khách nước ngoài gặp Bác hồi đó, cũng như sau này, đều nói lên ý nghĩ cảm phục. Ngay cả những kẻ thù, những tên khét tiếng chống cộng, khi tiếp xúc với Bác, đều phải tỏ ra kính nể. Đứng trước Bác, dường như chúng bớt hung hãn đi nhiều.

Nhiều người nước ngoài đã bàn về sức cảm hóa kỳ lạ trong con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có người cho đó là do sự hiểu biết sâu rộng; do tài trí thông minh tuyệt



vời, do ý chí nghị lực phi thường của Người. Có người nói đó là do đức khiêm tốn, giản dị do sự lạc quan, tin tưởng, do tính tình thẳng thắn, cởi mở, do sự từng trải, lịch thiệp của Người.

Những điều ấy đều đúng. Nhưng bao trùm lên tất cả ở Hồ Chủ tịch, chính là sự quên mình vì mọi người, chính là sự ham muốn, ham muốn duy nhất, "ham muốn tốt bậc" của Người là làm sao mang lại thật nhiều hạnh phúc cho dân, cho nước. Cuộc sống hoàn toàn không một chút bận riêng tư, đã tạo nên ở Người một cái gì vô cùng trong sáng.

Với tấm lòng nhân ái bao la, ngay cả trong khi thực hiện sách lược, Người vẫn mong muốn thức tỉnh lại phần lương tri dù chỉ còn ít ỏi ở một số con người.

Sức mạnh chính trị, tinh thần của nhân dân ta cùng với sự vận dụng tài giỏi đường lối sách lược của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm tê liệt một phần ý chí xâm lược của bọn quân phiệt Tưởng, có dưới tay gần hai chục vạn quân¹.

*

* *

Cuối tháng 11, một Pháp kiều bị bắn chết trước Nhà máy Avia. Ta cho mở ngay một cuộc điều tra. Từ trước,

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.327-332.



Chính phủ ta vẫn có một chính sách nhân đạo và khoan hồng đối với Pháp kiều. Trong bức thư gửi cho những người Pháp ở Đông Dương hồi tháng 10, Bác đã nói rõ những người Pháp làm ăn lương thiện và sống yên ổn sẽ được coi như bạn bè.

Ngày hôm sau, Bộ tư lệnh quân đội Tưởng gửi thư mời Bác tới. Các anh bàn xem Bác có nên đi không. Bác nói:

- Nó đã mời mình, mình cứ tới. Lúc này chúng chưa dám làm gì ta đâu!

9 giờ sáng, Bác lên xe đi cùng mấy đồng chí bảo vệ.

Bác đến nhà Tiêu Văn. Chu Phúc Thành đã cho người đón, mời Bác đến chỗ làm việc của hắn ở phía nhà thương Đồn Thủy. Đến nơi, bọn sĩ quan Quốc dân đảng yêu cầu các đồng chí bảo vệ ngồi đợi phía ngoài, và mời Bác lên gác gặp Chu.

Chúng tôi ở nhà đợi, đến bữa trưa, vẫn chưa thấy Bác về. Chúng tôi tin vào kinh nghiệm ứng phó của Bác, nhưng vẫn lo.

Quá trưa, một đồng chí bảo vệ mang thư của Bác về. Thư để ngỏ. Bác viết vắn tắt bằng chữ Hán: "Anh em ở nhà cứ làm việc. Tôi còn bận một chút!".

Rõ ràng là có chuyện rắc rối. Bác biết ở nhà sốt ruột nên tìm cách báo cho chúng tôi hiểu qua tình hình. Đồng chí cầm thư về, nói Bác vẫn ngồi trên gác với Chu.

Chúng tôi bàn cách đối phó trong trường hợp cần thiết và cử người đến chỗ Chu theo dõi xem sao.



Lát sau, các đồng chí cùng đi với Bác gọi điện thoại về, bảo đưa một chiếc xe đến đón. Không hiểu tại sao lại như vậy? Chiếc xe Bác đi sáng nay đâu?

Mãi đến gần 2 giờ chiều, Bác mới về. Mọi người mới hết lo lắng.

Sự việc xảy ra cũng khá rắc rối. Sáng hôm đó, Chu Phúc Thành khẳng khăng vu cho một cán bộ của ta đã bắn chết tên Pháp kiều. Người mà chúng buộc tội là anh Sơn, một cán bộ của ta có chân trong Ban lãnh đạo Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội từ hồi ở Liễu Châu. Bọn tay chân của Chu còn trắng trợn hơn, chúng quả quyết rằng chiếc xe của "hung thủ" đã dùng chính là chiếc xe của Bác.

Bác đã vạch rõ những chỗ vô lý trong các lời vu cáo của bọn chúng. Người chúng nói là hung thủ thì từ bốn hôm nay, đã về Nam Định công tác. Chu chuyển sang trách cứ chính quyền ta không bảo đảm được trật tự, an ninh. Rồi hấn lại mang chuyện cung cấp gạo nước ra, phàn nàn ta không chịu giải quyết đủ số gạo hấn đã yêu cầu. Chu tìm cách dây dưa hết chuyện này đến chuyện khác, gây một không khí căng thẳng.

Cuối cùng, Chu đuối lý, phải kết thúc câu chuyện. Muốn cho đỡ bề mặt và cũng để kéo dài tình hình căng thẳng, hấn đặt vấn đề giữ lại chiếc xe và cả anh Hảo lái xe, viện lẽ đó là những chứng cứ để tìm ra hung thủ. Mặc dầu ta liên tiếp đấu tranh, mãi đến ba tháng sau,



chúng mới chịu thả đồng chí lái xe, còn chiếc xe thì chúng vẫn giữ.

*

* *

Bác và thường vụ Trung ương thấy cần có một giải pháp với bọn Tưởng. Chúng không hy vọng gì nếu đưa bọn tay sai ra ứng cử. Như vậy, nhất định chúng sẽ chống phá tổng tuyển cử đến cùng. Chúng đang đòi ta cải tổ Chính phủ. Ta có thể đồng ý thành lập một chính phủ liên hiệp lâm thời với sự tham gia của một số người trong bọn chúng. Điều kiện của ta đặt ra là: Chính phủ này phải tổ chức tốt trong cuộc tổng tuyển cử, thống nhất các lực lượng vũ trang lại và sẽ từ chức khi triệu tập Quốc dân đại hội. Còn việc Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội không dám ra ứng cử, thì ta sẽ đề nghị với Quốc hội sau này dành một số ghế.

Ta nêu những điều kiện này với Tiêu Văn. Đang bí cách giải quyết, Tiêu Văn ưng thuận, Nguyễn Hải Thần cũng phải bằng lòng. Riêng bọn Việt Nam Quốc dân đảng, lúc đầu không nghe. Nhưng rồi khi ý kiến của tất cả các quan thầy là như thế, chúng cũng phải theo. Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội và Việt Nam Quốc dân đảng hứa sẽ không phá tổng tuyển cử nữa.

Ngày 19 tháng 12, Chính phủ lâm thời công bố tổng tuyển cử sẽ được tiến hành vào mùng 6 tháng 1 năm 1946.



Chúng ta đã vượt qua được một khó khăn lớn. Nhưng một số cán bộ không hoàn toàn thông suốt với cách giải quyết này. Có đồng chí khi nghe tin Nguyễn Hải Thần sẽ giữ một chức vụ cao trong Chính phủ, vội chạy tới, xin được gặp Bác, nêu thắc mắc. Bác không giải thích nhiều, chỉ hỏi:

- Phân có dơ không? Nhưng dùng bốn lúa tốt, thì có dùng không?

Mồng 1 tháng 1 năm 1946, danh sách Chính phủ liên hiệp lâm thời được công bố trên các báo chí. Nguyễn Hải Thần giữ chức vụ Phó Chủ tịch. Người của Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội giữ hai bộ: Bộ Kinh tế và Bộ Vệ sinh.

Chiều hôm đó, Chính phủ mới làm lễ tuyên thệ nhậm chức tại Nhà hát Lớn thành phố.

Bác đọc bản tuyên ngôn đoàn kết của các đảng phái, và nêu lên những chính sách của Chính phủ, trong đó có các điểm:

- Làm cho cuộc tuyên cử trên toàn quốc đạt được kết quả mỹ mãn.

- Thống nhất các cơ quan hành chính theo nguyên tắc dân chủ.

- Thống kê các bộ đội vũ trang dưới quyền chỉ huy của Chính phủ. Các đảng phái không được có quân đội riêng...

Trong lời tuyên bố ra mắt, Nguyễn Hải Thần nói: "Là một người lãnh đạo quốc dân mà ngày nay mới đoàn kết



thực là có lỗi với quốc dân". Y hứa: "Sẽ mang quân bản bộ vào Nam Bộ cùng đồng bào chống xâm lăng".

Ba vạn nhân dân Thủ đô đã kéo tới tập trung kín cả quảng trường Nhà hát Lớn. Bác mời các vị trong Chính phủ, cùng ra gặp đồng bào. Những tiếng hô "Hồ Chủ tịch muôn năm" vang lên không ngớt khi Bác xuất hiện ở bao lon.

Bác chúc mừng đồng bào nhân ngày đầu năm dương lịch và nói về việc thành lập Chính phủ liên hiệp lâm thời. Sau đó, Bác giới thiệu với đồng bào Phó Chủ tịch mới.

Nguyễn Hải Thần bước ra nói chuyện. Không hiểu lúng túng thế nào, y buột miệng buông ra mấy tiếng bạch thoại.

Tôi đứng gần đó, giật áo y, hỏi:

Cụ nói cái gì thế?

Anh Trần Huy Liệu cũng đứng đấy, kéo tay tôi, nói nhỏ: "Anh mặc hẩn! Hẩn nói gì cứ để hẩn nói".

Bác chỉ thị tìm ngôi nhà thật tốt cho Nguyễn Hải Thần. Bác nhường luôn cả cho y chiếc xe ô tô Bác vẫn dùng hằng ngày.

Mấy hôm sau, Chính phủ liên hiệp lâm thời ra mắt các viên chức nhà nước tại Bắc Bộ Phủ.

Nguyễn Hải Thần đi xe tới. Theo sau y là một trung đội lính hộ vệ, súng cầm tay, đạn đeo đầy người, chân cũng quấn xà cạp như quân của Lư Hán.

Trong buổi tiệc trà liên hoan, bằng một giọng thân mật Bác nói:



- Hôm nay, tôi vui mừng giới thiệu với gia đình ta một cô dâu mới: Cụ Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần...

Nguyễn Hải Thần đứng lên với vẻ thỏa mãn hiện ra mặt.

- Tôi bốn ba hải ngoại mấy chục năm, giờ về đây, có cái nhà cao, cái cửa rộng thế này, thật sung sướng quá...

Đang lúc say sưa, dường như cũng muốn mua vui cho mọi người, y lại nói:

- Tối đây... tôi cũng muốn ra mắt làm một quẻ bói giúp cụ Hồ Chí Minh xem hậu vận ra sao.

Không một ai hưởng ứng câu nói lạc lõng của y.

*

* *

Hà Nội tung bừng chuẩn bị cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử đất nước.

Các đoàn thể chính trị mở những cuộc tuyên truyền rầm rộ cho những ứng cử viên của mình. Khẩu hiệu vận động xuất hiện trên tường, trên các băng vải chằng khắp nơi. Những chiếc xe hoa làm rộn ràng cả thành phố. Trên xe, các thanh niên nam nữ ăn mặc quần áo trá hình, đánh trống, hòa nhạc, gọi loa giới thiệu các ứng cử viên với đồng bào. Báo chí liên tiếp ra những số đặc biệt vận động tuyển cử.

Từ nhiều nơi, đồng bào viết thư về, đề nghị Bác không cần ra ứng cử ở một tỉnh nào, nhân dân cả nước sẽ bỏ phiếu cử Bác vào Quốc dân đại hội. Ai cũng muốn được ghi tên Bác đầu tiên trên lá phiếu của mình. Bác đã viết một bức thư ngắn trả lời đề nghị này: "... Tôi là một công



dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nên không thể vượt khỏi thể lệ Tổng tuyển cử đã định.

Tôi đã ứng cử ở Hà Nội, nên cũng không thể ra ứng cử ở nơi nào nữa.

Xin cảm tạ các đồng bào đã có lòng yêu tôi và yêu cầu toàn thể đồng bào hãy làm tròn nhiệm vụ của người công dân trong cuộc Tổng tuyển cử sắp tới".

Sáng mùng 6 tháng 1 năm 1946. Thành thị, thôn xóm, đâu đâu cũng rực rỡ cờ, đèn và hoa.

Nhân dân không phân biệt giàu, nghèo, già, trẻ, gái, trai nô nức đi tới các nơi bỏ phiếu.

Chẳng phải một sớm, một chiều mà có được lá phiếu hôm nay. Lá phiếu của tự do, giành được từ cuộc chiến tranh lâu dài, bằng biết bao máu và nước mắt. Cho tới ngày hôm qua, vì những lá phiếu này, máu vẫn còn phải đổ. Bốn mươi cán bộ đã hy sinh tại miền Nam, trong công tác vận động Tổng tuyển cử.

Đó là ngày mà những người chủ mới của đất nước sử dụng quyền làm chủ thực sự của mình. Tại thị xã Phúc Yên, một cụ già ngót trăm tuổi bảo cháu dắt tới nơi bầu cử. Cụ yêu cầu ban tổ chức kể cho cụ nghe lai lịch và thành tích của từng ứng cử viên. Cụ nâng niu lá phiếu, cân nhắc hồi lâu, rồi mới quyết định bỏ cho những ai. Những người trẻ tuổi thấy giá trị tấm lá phiếu của mình ở chỗ nó chứa đựng những hy vọng, những ước mơ, ở tất cả những gì nó đem lại trong tương lai. Người già còn biết thêm ý nghĩa sâu sắc của lá phiếu tự do với những nỗi tủi nhục của những năm dài sống của cuộc đời nô lệ.



Có người mù vẫn đòi đưa tới tận nơi bầu cử, để hưởng trọn niềm vui hạnh phúc tự tay bỏ vào hòm phiếu, lá phiếu của mình.

Tổng tuyển cử thực sự là ngày hội của mọi người. Nhiều nơi, đồng bào tổ chức những cuộc rước đèn, rước đuốc, rước ảnh Bác Hồ, diễn kịch, liên hoan.

Tuy vậy, các lực lượng tự vệ vẫn phải ráo riết đề phòng bọn phá hoại.

Ngay tại Hà Nội, mặc dầu đã có những thỏa thuận, bọn Việt Nam Quốc dân đảng vẫn mang cả tiểu liên đến Ngũ Xã, ngăn không cho đặt hòm phiếu. Chúng cấm cả nhân dân treo cờ. Đồng bào Ngũ Xã đã kéo sang phố Nguyễn Thái Học ở gần đó để bỏ phiếu.

Tại Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, cuộc tuyển cử diễn ra dưới bom phá, bom lửa và đạn liên thanh của quân thù. Ở các vùng tạm chiếm như Sài Gòn, Chợ Lớn, Mỹ Tho, cũng đều có người ra ứng cử. Một số đồng bào ở Tân An, Khánh Hòa bị thương và bị chết vì máy bay địch ném vào nơi bỏ phiếu. Ngay cả nhiều nơi địch khủng bố, trên dưới chín mươi phần trăm cử tri vẫn dũng cảm thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ công dân của mình.

Bác bỏ phiếu ở một ngôi nhà trước trường Hàng Vôi, phố Bắc Ninh*, Hà Nội.

Buổi sáng, trời lạnh se.

Bác xuất hiện với bộ kaki giản dị giữa những cử tri mặc quần áo mùa đông ngày hội. Người bước vào phòng

* Nay là phố Nguyễn Hữu Huân.



bỏ phiếu, nét mặt tươi vui. Sau ba mươi lăm năm cùng với cả dân tộc lao mình vào cuộc đấu tranh quyết liệt với kẻ thù, hôm nay, Người cùng với đồng bào nhận lá phiếu đầu tiên của người công dân một nước độc lập.

Nghe tin Hồ Chủ tịch đến, chỉ phút chốc, nhân dân ở chung quanh đã kéo tới, đứng kín trước phòng bỏ phiếu. Khi Người bước ra, tiếng vỗ tay và hoan hô nổi lên hồi lâu. Bác gio tay vẫy chào đồng bào, rồi tiếp tục đi thăm một số nơi bầu cử tại các phố Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Trống và làng Hồ Khẩu ở ngoại thành. Người muốn hòa mình vào với đồng bào trong một ngày vui lớn của đất nước.

Quyền lợi và nghĩa vụ công dân đó, Bác rất coi trọng.

... Trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ứng cử tại Hà Nội và đã thu được 98,4% số phiếu.

Nhân dân cả nước từ Bắc chí Nam đã cử ra 333 đại biểu vào Quốc dân đại hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa¹.

*

* *

...

Hồi này, Bác rất vất vả. Việc nước nhiều, lại toàn là những việc rất trọng đại: nào chỉ đạo Nam Bộ kháng chiến, lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nhân dân

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.339-349.



ta, xây dựng lực lượng vũ trang để bảo vệ Tổ quốc, chăm lo đời sống đồng bào; nào đối phó với bọn Tàu Tưởng, chống giặc đói, giặc dốt... Trăm công nghìn việc đều qua Bác. Trong lúc đó, các cơ quan mới thành lập, cán bộ đã thiếu, lại chưa có kinh nghiệm công tác.

Công việc nhiều như vậy nhưng Người làm việc rất có kế hoạch. Hằng tuần, hằng ngày, có khi cả hằng giờ đều có chương trình rõ ràng, đầu vào đấy. Chương trình đó có người cho tôi biết trước để tiện phục vụ, kể cả chương trình tiếp khách.

Thấy anh em cảnh vệ chúng tôi học vấn còn thấp, hằng ngày, khi công việc tạm ngừng, Bác đặt chương trình cho chúng tôi học tập. Giáo viên thì phân công người khá dạy người kém. Bác dạy cả cách đọc báo, nghiên cứu tài liệu. Những ngày cuối năm 1945, Người bắt đầu dạy chúng tôi học triết học. Qua học tập, tôi đã thấy được cái ý nghĩ muốn diệt ngay quân Tưởng Giới Thạch là nôn nóng, không đúng. Nhưng với bọn Quốc dân đảng trong nước thì tôi căm ghét lắm, chỉ muốn diệt chúng ngay mới hả giận, nhất là sau khi chúng âm mưu hại anh Trần Đình Long, một đảng viên xuất sắc của Đảng ta. Một hôm, trong buổi học thời sự, tôi hỏi Bác:

- Thưa Bác, tại sao chúng ta lại cứ để mãi cái bọn giết người độc ác ấy? Cháu tưởng cái lũ rác rưởi ấy, Bác cứ cho lệnh xuống là chỉ một đêm chúng cháu quét sạch hết bọn nó!



Bác cười, Người chỉ gian phòng làm việc và hỏi tôi:

- Bây giờ có một con chuột nào chạy vào phòng gặm nhấm đồ đạc, các chú lấy gạch đá ném, hay khéo tìm cách bắt nó, đuổi nó đi?

- Dạ, lấy gạch đá ném vỡ mất các đồ vật quý trong phòng ạ.

Bác kết luận:

- Đối với bọn phản cách mạng hiện nay cũng thế, "nó lú nhưng chú nó khôn". Muốn làm được việc lớn phải biết nhìn xa, trông rộng.

Hiểu được vấn đề từ đây chúng tôi không thắc mắc nữa.

Ngoài giờ làm việc, Bác thường đọc báo, đọc sách vào những giờ trưa, giờ tối. Người đọc báo, vừa để nắm tình hình, vừa để kiểm tra, góp ý với các báo về việc phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và đấu tranh chống luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của bọn phản cách mạng. Nhưng nhiều báo quá, hàng mấy chục tờ báo, tôi không rõ Người đọc ra sao. Những bài quan trọng, đăng trên báo nước ngoài, Bác thường đánh dấu cho chúng tôi cắt dán vào một tập riêng để theo dõi.

Hằng tuần, Bác còn dành thời giờ đi vào các trường học, cơ quan, xí nghiệp, doanh trại của Giải phóng quân để tìm hiểu tình hình, chỉ bảo công việc.

Làm việc nhiều như vậy, nhưng ăn uống chẳng có gì! Những ngày đầu vẫn cơm gạo đỏ, rau muống, Bác ăn cơm chung với anh em bảo vệ và mọi người trong cơ quan. Sau chúng tôi đề nghị nấu riêng cho Bác. Hồi ấy, lúa mùa bị



lụt, mất nhiều, lại phải cung cấp gạo cho quân Tưởng Giới Thạch nên đầu năm 1946 nạn đói lại đe dọa. Để giải quyết tình hình, một mặt, Bác kêu gọi tăng gia sản xuất, tiết kiệm; một mặt, Bác đề ra phong trào "bớt bữa cứu đói". Bác tự bớt bữa vào chiều thứ bảy. Cả tuần làm việc không ngơi, mà ngày hôm ấy lại chỉ có một bữa! Nhiều lúc nhìn Bác làm việc, tôi cứ ứa nước mắt. Tôi ước nếu mình có tài gì giúp Bác giải quyết được công việc một chút thôi thì cũng thỏa lòng.

Bác làm việc rất cương quyết, điềm đạm nhưng cũng rất vui. Những buổi Bác hướng dẫn về thời sự, ngoài việc giảng giải cho chúng tôi biết tình hình, Bác còn kể những mẩu chuyện vui làm cho chúng tôi càng nhớ mãi.

Người rất giàu tình cảm, dễ xúc động. Có một đêm, Người ngủ trên gác một căn nhà, từ bốn giờ sáng, Người đã thức giấc. Ngoài trời, gió bão vun vút đập vào cửa kính, ngòi trong nhà còn thấy lạnh. Thế mà đã có tiếng trẻ em rao hàng! Người mở cửa ngó nhìn cho tới khi em bé đi khuất mới khép cửa lại. Tôi thấy nước mắt Người đọng trên hai hàng mi.

Làm việc, ăn uống như vậy, giấc ngủ chả mấy khi yên, lại phải dời chỗ luôn để đối phó với bọn phản cách mạng. May mà sức khỏe của Bác hồi này lại tăng. Đó là vì Bác tập luyện rất kiên trì. Sáng dậy và buổi tối trước khi đi ngủ, bao giờ Bác cũng tập luyện. Lúc đầu, tập theo phương pháp thông thường, sau đó chuyển sang tập quyền. Bác thường tập bài "Thái cực quyền".



Ai đã tập qua Thái cực quyền, mới thấy hết cái khó nhọc của việc đi hết các thế võ. Bề ngoài trông rất mềm dẻo, nhưng thật ra gân cốt phải tập luyện rất nhiều, nhất là đòi hỏi phải tập trung tư tưởng cao.

Những đêm trăng, Bác cháu chúng tôi thường tập luyện trên sân thượng. Bóng cây hoàng lan đu đưa trước gió, Bác lướt đi những đường quyền vừa mềm mại, vừa nhanh mạnh. Nhìn Bác đứng thế tấn, tôi có cảm giác như một ông tiên đang dạy võ, còn tôi như một đồ đệ đang thụ đạo vậy.

*

* *

"Một năm mở đầu bằng mùa xuân", Bác đã viết ba lá thư gửi đồng bào, chiến sĩ, thanh niên và nhi đồng nhân dịp xuân Bính Tuất. Xuân này lại là xuân mở đầu của những năm độc lập, tự do trên đất nước. Tết này, theo ý Bác là tết thực hành đời sống mới, Tết chia sẻ niềm vui chung của mọi người từ giàu đến nghèo, từ già đến trẻ, Tết nghĩ đến các chiến sĩ đang chiến đấu ngoài mặt trận.

Tối 30 Tết, tại Hà Nội, như thường lệ, những đêm cuối năm, hai bên hè phố, các ngôi nhà, cửa đều khép kín. Đời sống vật chất còn nhiều khó khăn. Nhưng không khí của Tết Độc lập đã đến với mỗi căn nhà.

Dù giàu hay nghèo, nhà nào cũng đều có bàn thờ Tổ quốc, có cờ nước, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, có đèn và hoa. Không còn ai phải lo đến chuyện lễ Tết các "quan trên", các nhà chức trách, mới lo phổ biến của những người



dân thành thị dưới thời Pháp thuộc. Sau bữa cơm cúng gia tiên, câu chuyện ở mỗi gia đình đã là câu chuyện mới, chuyện chính trị, chuyện về cuộc mítting lớn toàn thành để mừng xuân ngày mai, chuyện kháng chiến ở miền Nam. Mấy hôm trước, các khu đội tự vệ đã viết những bức thư chúc Tết, nhắc nhở đồng bào luôn luôn nhớ tới các chiến sĩ đang đem xương máu hy sinh chiến đấu ở tiền tuyến, ăn Tết Độc lập thật vui nhưng tiết kiệm, dành tiền gửi cho các ủy ban ủng hộ kháng chiến Nam Bộ.

Đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố vừa ăn cơm tối ở nhà riêng xong, thì Bác tới. Bác đến đột ngột, không báo trước. Bác bảo muốn đi chúc Tết đồng bào Thủ đô nhân dịp đầu năm.

Trời mưa lâm thâm. Đường phố lúc này vắng vẻ, thom mùi thuốc pháo. Những lá cờ ban đêm thắm lại dưới ánh đèn.

Anh Hưng đưa Bác tới một gia đình ở phố Cửa Nam. Chủ nhà là đại đội trưởng tự vệ. Cả nhà này đều hăng hái tham gia các hoạt động cứu quốc.

Ở nhà này ra, Bác muốn đến thăm một xóm lao động. Bác nói hãy đưa Bác đến một gia đình thật nghèo. Người nghèo trong thành phố còn nhiều lắm, nhưng biết đưa Bác đến nhà ai bây giờ?

Bác bảo dừng xe trước một ngõ nhỏ ở phố Sinh Từ: ngõ Hàng Dưa. Những ngõ, xóm này là cái mặt sau của thành phố mà bọn thực dân gần một trăm năm qua, chưa



bao giờ nghĩ đến chuyện sửa sang, dù chỉ là xây một chiếc máy nước, hay bắc một ngọn đèn.

Trời tối. Đường mấp mô, lầy lội vì mưa. Những lá cờ treo trước các mái nhà lụp xụp, đung đưa vào đầu khách qua đường. Bác đi sâu vào ngõ. Một căn nhà cửa để ngỏ, có ánh đèn dầu. Bác dừng chân, rồi rẽ vào.

Nhà khá đông người. Đây là nơi ở chung của mấy gia đình. Giữa nhà, trên vách có treo quốc kỳ, ảnh Bác và những dây hoa giấy. Mọi người đang ngồi nói chuyện vui vẻ. Câu chuyện tạm ngừng khi một ông cụ mặc chiếc áo kaki cao cổ, chống gậy bước vào.

Thoạt đầu, ai nấy nhìn nhau, gia đình này tưởng ông cụ là khách của gia đình kia. Bác hỏi thăm việc chuẩn bị Tết. Những người trong gia đình trả lời Bác vui vẻ. Nồi bánh chưng đặt ở góc sân, nước đang sôi. Đôi mắt Bác hiện lên ánh vui, Bác nói mấy lời chúc Tết. Mọi người bỗng nhận ra cụ già hiền hậu đến với họ tối nay chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đúng như là một giấc mộng đẹp: Người từ trên bức ảnh treo kia, bước ra, đứng giữa ngôi nhà nghèo nàn của họ. Khác với khi Bác bước tới, lúc này không ai nói nên lời. Mọi cặp mắt đều ngước nhìn Bác. Người nói:

- Nước nhà mới được độc lập. Miền Nam còn đang kháng chiến. Đồng bào lao động ta làm ăn bây giờ còn vất vả. Nhưng có độc lập rồi thì sẽ có tất cả.

Bác đi ra giữa lúc những người trong nhà còn bàng hoàng vì xúc động. Họ đã quên cả mời Người và các đồng chí cùng đi uống nước. Tất cả đổ ra cửa, đứng trông theo.



Tối hôm đó, Bác đi thăm khá nhiều nơi. Xuân độc lập đầu tiên, Người muốn mang lại niềm vui cho nhiều gia đình trong thành phố. Khi Bác tới nhà một viên chức nghèo ở phố Hàng Lọng thì trời đã khuya. Người trong nhà sửa soạn đi ngủ. Những chiếc màn đã được căng lên. Chiếc dây thép căng giữa nhà, đầy quần áo. Không ai trong gia đình nghĩ có khách tới vào giờ này, và đó lại là cụ Chủ tịch nước.

Chương trình đi chúc Tết của Bác đêm 30 đã xong. Ngày mai, mùng 1, Bác còn rất nhiều công việc. Bác sẽ tiếp các đồng chí Trung ương, trong Chính phủ và các đại biểu đoàn thể tới chúc Tết, Bác sẽ đi dự cuộc mít tinh đầu xuân của nhân dân toàn thành phố tổ chức tại Nhà hát Lớn. Bác sẽ đến thăm và nói chuyện với một đơn vị Vệ quốc đoàn, vui chơi với các cháu thiếu nhi tại Ấu trĩ Viên, dự bữa cơm liên hoan với các chú cảnh vệ tại Bắc Bộ Phủ...

Tiền Bác về xong, đồng chí Chủ tịch Ủy ban quay trở lại nhà. Sắp đến giờ giao thừa, anh ra Bờ Hồ đón xuân. Phố xá lúc buổi tối vắng vẻ, giờ đã trở nên rất đông đúc. Người nào cũng muốn hưởng không khí trong lành của mùa xuân độc lập đầu tiên. Chưa bao giờ, ở Hà Nội lại có một đêm giao thừa đông vui, nô nức như vậy.

Tiếng pháo đón xuân bắt đầu nổ vang khắp thành phố. Vui chân theo những người hái lộc, anh Hưng đến trước cửa đền Ngọc Sơn. Đang đi vào chùa, anh chợt thấy trong đoàn người tấp nập trên cầu Thê Húc, có một cụ già



mặc áo dài, quần chiếc khăn len quanh mặt. Chỉ thoáng nhìn đôi mắt sáng của ông cụ, anh đã nhận ra ngay đúng là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bác bước đi chậm chậm giữa những người đang chen chúc nhau vào chùa. Đồng chí Chủ tịch Ủy ban lại nhìn thấy một người đứng gần đó, đưa mắt ra hiệu cho mình. Đó là đồng chí bảo vệ của Bác. Bác không muốn để người chung quanh nhận ra.

Người đã thấy mùa xuân tại một gia đình hăng hái tham gia công tác cách mạng. Người đã thấy mùa xuân ở một xóm lao động, ở một gia đình viên chức nghèo. Người còn muốn biết những giờ phút đón xuân độc lập tại đây, giữa đồng bào, trên đường phố, trong một ngôi chùa rất thân thuộc với người Hà Nội, nằm giữa hồ Hoàn Kiếm.

Đồng bào đi đón giao thừa ở đền Ngọc Sơn đêm ấy, có thấy những cảnh xuân của mình hái năm nay đầy lộc?

Những chuyện này khi trở về Hà Nội, tôi được biết qua lời thuật lại của các đồng chí cùng đi với Bác đêm 30 Tết. Và hầu như nhiều đêm 30 Tết sau này của Bác, cũng đều như vậy. Bác vẫn đi chúc Tết đồng bào. Những nơi Bác tới, vẫn là những gia đình có công với cách mạng, có con em đi bộ đội, những gia đình lao động, thường là những nhà neo đơn. Những cuộc đến thăm của Bác bao giờ cũng bất chợt. Người muốn đem lại cho các gia đình niềm hạnh phúc mà họ không chờ đợi. Người còn muốn hiểu không khí thật sự ở mỗi gia đình trong những ngày vui. Tất cả những việc



làm đó đều đã trở thành thói quen bình dị trong đời sống rất mực bình dị và vô cùng vĩ đại của Người¹.

*

* *

Bắc Bộ Phủ không còn là một nơi thật an toàn. Bác phải thay đổi chỗ nghỉ, thay đổi quy luật đi lại. Có hôm Bác nghỉ ở ngôi nhà số 8 Bờ Hồ, hôm Bác nghỉ ở Bưởi, hôm Bác nghỉ ở một ngôi nhà ở Ngã Tư Sở. Cả ba ngôi nhà này sau chiến tranh đều không còn nữa.

Một buổi tối, xe của Bác vừa ra khỏi Bắc Bộ Phủ một quãng, thì đồng chí vệ sĩ báo cáo có một chiếc xe lạ theo sau. Bác bảo đồng chí lái xe:

- Chưa ra ngoài vội. Cho xe chạy vòng quanh Bờ Hồ.

Xe đi một vòng quanh Bờ Hồ. Nhìn lại phía sau, chiếc xe lạ vẫn bám sát. Bác bảo đồng chí lái xe cho xe đột ngột rẽ sang một con đường ngang, trở về Bắc Bộ Phủ.

Các đồng chí cảnh vệ mở cửa đón, không hiểu tại sao Bác vừa đi lại quay về. Tối đó, Bác nghỉ lại Bắc Bộ Phủ. Thù trong giặc ngoài, tình hình hết sức rối ren.

Bác và Thường vụ đã nhìn thấy qua sổ quân đông và sự hung hăng bề ngoài của quân đội Tưởng, những chỗ yếu bên trong của chúng. Khó khăn nhất của bọn chúng là trước sức mạnh đoàn kết nhất trí của nhân dân ta, chúng không

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.339-370.



thể tạo ngay được một chỗ dựa về chính trị. Chúng muốn lật ta, nhưng vẫn nhận thấy nếu không có sự giúp đỡ của chính quyền Việt Minh, chúng không thể nào giải quyết được những nhu cầu rất lớn về vật chất cho quân đội đông đảo bị nhân dân ta xa lánh, căm ghét. Chúng còn phải tính đến cả những nguy cơ nghiêm trọng khác có thể xảy ra với chúng.

Một hôm, Bộ Tư lệnh quân đội Tưởng đề nghị Bác đến gặp. Bác về muộn, lặng lẽ ngồi vào bàn ăn. Bữa ấy, Bác buồng đũa sớm hơn thường lệ. Thái độ đó, chúng tôi ít thấy ở Bác. Bác nói:

- Về quá bữa, ăn mất ngon.

Bác kể lại sáng nay bọn Tưởng đòi Bác ký giấy nhận cung cấp cho chúng một số gạo rất lớn. Bác đã từ chối. Chắc chúng còn làm rầy về chuyện gạo. Bác nói:

- Gạo đâu mà đưa chúng nhiều thế. Dân mình có đủ gạo ăn đâu!

Thấy vẻ bất bình của chúng tôi, một lần nữa, Bác nhắc lại cần phải biết kiên nhẫn chịu đựng, giữ hòa hoãn với quân Tưởng để có thể tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính.

Bác kiên quyết trong nguyên tắc và linh hoạt về sách lược. Và khi sách lược đã đặt ra rồi, Bác cũng rất kiên quyết thực hiện sách lược.

*

* *

Những hoạt động để chuẩn bị kháng chiến về mọi mặt đã được tiến hành từ trước, lúc này càng được đẩy mạnh.



Khó khăn nhất hiện thời là làm thế nào cho dân hiểu rõ hoàn cảnh hiểm nghèo mà không ảnh hưởng đến chí khí chiến đấu? Làm thế nào để động viên tinh thần chuẩn bị kháng chiến thật cao mà vẫn tránh được những hành động khiêu khích đối với quân đội Tưởng? Làm thế nào cho nhân dân không hoang mang trước những luận điệu tuyên truyền xảo trá, rất nguy hiểm của kẻ thù từ bốn phía bay tới, vẫn vững tin ở Chính phủ và bình tĩnh ứng phó trước mọi tình hình rối ren, thậm chí nghiêm trọng, có thể xảy ra?

- Dưới hình thức *Lời hiệu triệu* giữ vững và đẩy mạnh cuộc kháng chiến Nam Bộ, đăng trên báo *Sự thật* ra ngày 27-2-1946, Bác viết:

"Hiện nay, ngoài chiến tranh bằng quân sự, bọn thực dân Pháp đang dùng cách chiến tranh bằng tinh thần, chúng giả danh dân ta phát truyền đơn, dán khẩu hiệu, phao tin nhảm, mong cho dân ta hoang mang nghĩ ngợi, lo ngại. Đó là nó tấn công tinh thần chúng ta.

Người xưa có nói rằng: "đánh vào lòng là hơn hết; đánh vào thành trì là thứ hai". Vậy một dân tộc đang vận động như dân ta bây giờ ắt phải luôn luôn chuẩn bị, đồng thời phải luôn luôn trấn tĩnh, kiên quyết sẵn sàng đối với mọi tình thế...

Quân địch sắp tới đâu thì dân vùng đó triệt để làm vườn không nhà trống khiến quân địch không có thức ăn, không có chỗ ở, không có đường đi mà phải tiêu hao mòn mỏi. Còn một tấc đất, còn một người dân thì còn



tranh đấu, lúc nào cũng sẵn sàng và không bao giờ do dự hoang mang...".

Hồ Chí Minh còn nêu lên các vấn đề cơ bản: cuộc kháng chiến phải lâu dài, toàn dân; ta phải đánh địch bằng cả quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao... Người nhấn mạnh: "Trước hết là bằng tinh thần: bại không nản, thắng không kiêu, thua trận này đánh trận khác,... chung sức, đồng tâm, nhất trí, giữ gìn trật tự, tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ".

Đây chính là lời hiệu triệu đồng bào cả nước chuẩn bị sẵn sàng đi vào cuộc chiến đấu trường kỳ, toàn dân, toàn diện chống kẻ thù ở trước mặt, ở sau lưng và ở cạnh nách chúng ta.

Các báo ở Hà Nội tới phòng vấn Hồ Chủ tịch về bản hiệp ước Hoa - Pháp. Bác trả lời: "một là Trung Quốc chưa tuyên bố, hai là tin này do hãng Roito tuyên bố, nên chưa có thể phê bình...". Người nhắc đến chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn và cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc để bảo vệ độc lập dân tộc. Tuy không trực tiếp lên án Chính phủ Tưởng Giới Thạch nhưng Người đã vạch cho nhân dân ta thấy rõ việc làm lặt lọng và phản bội của Trùng Khánh.

Trong những giờ phút khó khăn, báo chí của ta đã làm tốt nhiệm vụ hướng dẫn dư luận. Về cuộc đàm phán với Pháp, báo *Cứu quốc*, cơ quan ngôn luận chính thức của Tổng bộ Việt Minh viết: "Chúng ta có được độc lập hoàn toàn hay không là do sức chiến đấu của chúng ta ở mặt



trận... Lúc Pháp đang muốn điều đình là lúc chúng ta phải chiến đấu kịch liệt, càng phải chuẩn bị chiến đấu cho đầy đủ, để đòi hoàn toàn độc lập... Chúng ta không từ chối một cuộc điều đình, nhưng chúng ta quyết không để cuộc điều đình trở thành một kế hoạch hoãn binh có lợi cho quân địch. Chúng ta cũng quyết không để cuộc điều đình trở thành một bài hát ru ngủ chí phấn đấu của dân tộc... Vận mệnh của dân tộc bao giờ cũng do sức chiến đấu của ta định đoạt...".

Tại Hà Nội, lực lượng tự vệ chiến đấu, các đội tuyên truyền của Thành bộ Việt Minh và thanh niên cứu quốc chia nhau tới các khu phố. Anh chị em làm công tác giải thích cho nhân dân và cùng các đội tự vệ thành tiến hành chuẩn bị chiến đấu. Trong khi quân Tưởng có mặt khắp nơi, mọi hoạt động đều phải kín đáo. Ta chưa thể ào ào, đập lũy trước mặt chúng. Các chiến sĩ tự vệ học cách dùng mìn, để có thể nhanh chóng tạo nên những vật chướng ngại trong thành phố nếu chiến tranh nổ ra.

Các đơn vị Vệ quốc đoàn được lệnh kiểm tra lại mọi công việc chuẩn bị chiến đấu.

Ủy ban hành chính Hà Nội vận động người già và trẻ em tạm thời rời khỏi thành phố. Báo chí và các đoàn thể lên tiếng kêu gọi đồng bào nông thôn có thái độ thân ái và hết sức giúp đỡ những người dân thành phố tản cư về địa phương của mình.

Cùng với công cuộc chuẩn bị kháng chiến ở khắp nơi, ta vẫn xúc tiến việc thành lập Chính phủ liên hiệp để phát



huy thắng lợi của Tổng tuyển cử. Cho tới đó, những cuộc hiệp thương với các đảng phái phản động vẫn không đạt kết quả. Bọn Việt Nam Quốc dân đảng đòi ta phải dành cho chúng bảy trong mười bộ của Chính phủ mới, cùng với nhiều chức vụ quan trọng khác. Ngay cả quan thầy của chúng cũng nhận thấy những yêu sách này là quá đáng.

Ngày triệu tập Quốc dân đại hội sắp tới. Mặc dầu bọn phản động hằng ngày vẫn chống phá quyết liệt, ta vẫn nhẫn nại, cố gắng hạn chế những hoạt động khiêu khích của chúng. Tình hình hết sức khẩn trương. Một cuộc chiến tranh rộng lớn có thể bùng nổ nay mai. Bác đã gặp Tiêu Văn và tìm cách thuyết phục y. Ta nêu ra cần phải tổ chức ngay một Chính phủ liên hiệp kháng chiến gồm những người của đảng phái và những người không đảng phái. Cuối cùng, Tiêu Văn cân nhắc thiệt hơn, thấy cũng chẳng còn cách giải quyết nào có lợi, bèn bắt ép bọn tay sai phải nhận giải pháp của ta.

Chỉ còn không đầy một tuần là đến ngày họp của Quốc dân đại hội. Khi đó bọn phản động mới chịu thỏa thuận thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Chính phủ mới sẽ gồm mười bộ. Hai bộ quan trọng là Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng sẽ trao cho những người trung lập. Mặt trận Việt Minh và Đảng Dân chủ sẽ giữ bốn bộ. Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội và Việt Nam Quốc dân đảng giữ bốn bộ. Ngoài ra, bọn chúng cũng đồng ý với ta thành lập Ủy ban kháng chiến toàn quốc và Đoàn cố vấn quốc gia.



Cụ Huỳnh Thúc Kháng được mời từ trong Trung ra để tham gia vào Chính phủ mới.

Tôi đã được biết cụ Huỳnh từ hồi còn làm báo *Tiếng dân* ở Huế. Cụ là một nhà nho có tinh thần yêu nước cao, có khí tiết, nhưng chưa hoàn toàn tin tưởng ở đường lối cách mạng của Đảng ta. Khi chúng ta cử người tới mời, lúc đầu, cụ tỏ ra ngần ngại. Một phần, vì cụ thấy mình tuổi đã quá cao. Một phần, vì cụ chưa hiểu những người lãnh đạo mới "thuộc lớp trẻ này" ra sao. Đến lúc nghe nói rõ Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, cụ mới quyết định ra Hà Nội. Cụ muốn biết nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc mà cụ đã nghe tiếng từ lâu là người như thế nào.

Tới Hà Nội, gặp chúng tôi, cụ Huỳnh tỏ ý lo lắng về cái mà cụ gọi là tình hình "đang tranh" hiện thời. Theo ý của cụ thì Việt Minh, Việt Nam Cách mệnh đồng minh đều đấu tranh cho dân, các vị lãnh đạo đều là những người yêu nước đã bôn ba hải ngoại, giờ phải đặt quyền lợi quốc gia lên trên, phải đoàn kết lại, không nên xung đột về chuyện đảng phái.

Giây phút gặp gỡ đầu tiên giữa Bác và cụ Huỳnh thật là cảm động. Hai người đều bước vội tới, ôm lấy nhau; cả Bác và cụ Huỳnh bỗng dưng đều ứa nước mắt. Bác và cụ Huỳnh đã nhắc đến cụ Phó bảng ngày xưa, bao phen lận đận ra Bắc vào Nam giữa những năm dài đen tối. Và ngay từ phút đầu, cụ Huỳnh đã thấy ở nhà cách mạng lòng danh mà từ lâu mình khát khao được gặp, một người rất



thân thiết. Sau buổi gặp Bác, cụ Huỳnh đã nói với một người bạn: "Dân ta có được Cụ Hồ, quả là hồng phúc". Cụ đã đặt vào Người một sự tin cậy hoàn toàn. Mặc dầu cụ hơn tuổi Bác nhiều, nhưng mỗi khi nhắc tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ thường nói đó là vị "cha già dân tộc".

Cụ Huỳnh đã nhận giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến sắp thành lập¹.

*

* *

Quốc dân đại hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được triệu tập vào ngày mùng 2 tháng 3. Đại hội họp sớm hơn một ngày so với thời gian đã định từ trước.

Tình hình rất khẩn trương, Ban tổ chức Đại hội đã chuẩn bị một địa điểm họp thứ hai tại Đình Bảng, tỉnh Bắc Ninh. Cuối cùng, Thường vụ quyết định Đại hội cứ họp ở Hà Nội. Bác đã nói với các đồng chí trong Ban tổ chức phải làm cho tốt và gọn, hoàn thành được chương trình đề ra và kết thúc trong một buổi.

... Nhà hát Lớn rực rỡ quốc kỳ. Lá cờ xuất hiện từ cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, thấm máu bao chiến sĩ cách mạng, đã trở thành thiêng liêng, tượng trưng cho tinh thần đấu tranh quật cường của cả dân tộc. Mấy ngày vừa qua,

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.377-382.



trong những cuộc hiệp thương, bọn phản động vẫn lớn tiếng đòi phải thay đổi quốc kỳ và quốc ca. Ta đã cự tuyệt yêu sách của chúng.

Quốc dân đại hội đã cử hai người thay mặt, một đại biểu cao tuổi nhất, cụ Ngô Tử Hạ và một đại biểu ít tuổi nhất, anh Nguyễn Đình Thi, đứng chờ đón Bác trước cửa Nhà hát Lớn.

Những người của Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội, Việt Nam Quốc dân đảng còn ở cả buồng chờ. Một đám người quần áo sang trọng, đứng ngồi lố nhố, ngo ngác như những con dê lạc bầy. Họ phải chờ sự ưng thuận của Đại hội mới được phép vào phòng họp. Đó chính là những kẻ đến tận ngày hôm qua vẫn tiếp tục gây rối loạn khắp nơi. Họ cố vơ vét đưa đến đủ số người, lấp hết bảy mươi ghế ta đã định với Quốc hội dành cho họ.

Bác mỉm cười, gật đầu chào, rồi dẫn đầu Chính phủ lâm thời bước vào hội trường. Nguyễn Hải Thần cáo ốm không đến họp. Không hiểu có phải vì y ngại nổ ra những cuộc tranh cãi tại Đại hội, buộc y phải dùng đến tiếng mẹ đẻ?

Khóa họp Quốc hội lịch sử lần này vắng mặt các đại biểu của Nam Bộ đang chiến đấu chưa ra kịp.

Gần ba trăm đại biểu cùng với nhiều khách và các nhà báo trong nước, ngoài nước, đứng dậy hoan hô không ngớt. Trăm cặp mắt đều đổ dồn về phía ông cụ trán cao, mặt bộ đồ kaki. Nhiều đại biểu chưa được gặp Bác bao giờ, nhưng đã nhận ngay ra Người. Tiếng vỗ tay và tiếng



hoan hô chỉ dứt khi âm nhạc Vệ quốc đoàn mặc đồng phục trắng, bắt đầu cử quốc ca.

Bác bước đến trước máy phóng thanh. Người đứng im lặng một lát, đưa cặp mắt trìu mến nhìn các đại biểu thay mặt cho tầng lớp nhân dân miền xuôi, miền ngược về họp Đại hội. Bằng một giọng xúc động, Người nói:

- Quốc dân đại biểu Đại hội này là lần đầu trong lịch sử của nước Việt Nam ta. Nó là kết quả của cuộc Tổng tuyển cử ngày mùng 6 tháng 1 năm 1946, mà cuộc Tổng tuyển cử lại là kết quả của sự hy sinh tranh đấu của tổ tiên ta. Nó là kết quả của sự đoàn kết toàn thể đồng bào không kể già, trẻ, lớn, bé, gồm tất cả các tôn giáo, tất cả các dân tộc trên bờ cõi Việt Nam đoàn kết chặt chẽ thành một khối, không sợ hy sinh nguy hiểm tranh lấy nền độc lập cho Tổ quốc...

Bác chuyển lời đề nghị của Chính phủ với Đại hội xin mở rộng số đại biểu thêm bảy mươi người nữa, số ghế này dành cho Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội. Lời đề nghị này được Đại hội chấp thuận.

Đại biểu của Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội lục tục kéo vào. Họ ngồi ở những ghế còn trống. Trong khi chuẩn bị Đại hội, có ý kiến đề nghị chia chỗ ngồi thành hai bên tả, hữu, và để nhóm bảy mươi người này ngồi sang bên hữu, Bác đã nói là không cần thiết.



Chờ những người mới vào ngồi yên chỗ, Bác nói tiếp:

- Trước hết tôi xin thay mặt Chính phủ lâm thời cảm ơn Quốc hội đã chuẩn y lời thỉnh cầu của Chính phủ. Hai là tôi xin thay mặt Chính phủ hoan nghênh tất cả các đại biểu các nơi. Trong cuộc toàn quốc đại biểu Đại hội này, các đảng phái đều có đại biểu mà đại biểu không đảng phái cũng nhiều, đồng thời phụ nữ và đồng bào dân tộc ít người cũng đều có đại biểu. Vì thế cho nên các đại biểu trong Quốc hội này không phải đại diện cho một đảng phái nào mà là đại biểu cho toàn thể quốc dân Việt Nam.

Hồ Chủ tịch báo cáo lại với Quốc hội những công việc Chính phủ đã làm. Người nói:

- Vừa giành được chính quyền, vừa lập nên Chính phủ thì chúng ta gặp nhiều sự khó khăn, miền Nam bị nạn xâm lăng, miền Bắc bị nạn đói khổ. Song nhờ sự ủng hộ nhiệt tình của toàn thể đồng bào và lòng kiên quyết phấn đấu của Chính phủ, chúng ta đã làm được đôi việc:

Việc thứ nhất là ra sức kháng chiến.

Việc thứ hai là giảm bớt sự đói kém bằng cách thực hành tăng gia sản xuất.

Việc thứ ba là Chính phủ đã tổ chức cuộc Tổng tuyển cử.

Việc thứ tư là do kết quả của cuộc Tổng tuyển cử ấy mà có Quốc hội hôm nay...

Những việc làm to lớn của Chính phủ suốt trong sáu tháng trời đầy biến động vừa qua, đã được Bác gói gọn trong mấy câu. Người chuyển sang nói về nhiệm vụ quan trọng trước mắt:



- Việc hệ trọng nhất bây giờ là kháng chiến. Từ tháng chín năm ngoái xảy ra nạn xâm lăng miền Nam, một mặt Chính phủ đã hô hào quốc dân sẵn sàng chuẩn bị cuộc trường kỳ kháng chiến, và một mặt đã điều động bộ đội để tăng viện cho những nơi bị xâm lăng. Từ giờ về sau, Quốc hội và Chính phủ còn có những gánh nặng nề, phải bước qua nhiều sự khó khăn, nhưng tôi chắc rằng quốc dân sẽ nhất trí, dựa vào sức đoàn kết mà làm việc, và như thế thì dù khó khăn đến đâu, kháng chiến sẽ thắng lợi và kiến quốc sẽ thành công. Bây giờ Chính phủ lâm thời xin giao lại quyền cho Quốc hội để tổ chức một Chính phủ mới: một Chính phủ kháng chiến kiến quốc.

Hồ Chủ tịch kết thúc bản báo cáo cổ động và hết sức gián dị của Người giữa những tràng pháo tay nổ ran.

Từ ngày Bác về Hà Nội, chưa bao giờ có một cuộc gặp mặt đông đảo các đại biểu trong nước - kể cả những người thuộc các đảng phái phản động - và nhiều khách khứa nước ngoài như lần này. Ngay ở cuộc gặp mặt này, Người vẫn giữ nguyên lời nói, những cử chỉ quen thuộc thường ngày. Phong thái đó mà chỉ riêng Người mới có, đã tạo cho Đại hội một không khí đặc biệt, không khí đoàn kết, đầm ấm, thân mật như ở gia đình. Đó là điều rất khó có trong một cuộc họp đông đảo lần đầu của các đại biểu cả nước, lại rất phức tạp vì sự có mặt của bọn phản động. Không khí đó cũng là không khí của những phiên họp Quốc hội về sau và trong tất cả những cuộc họp mỗi lần Bác xuất hiện.



Quốc hội chấp nhận lời xin từ chức của Chính phủ lâm thời và nhất trí cử Hồ Chủ tịch làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp kháng chiến, Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch.

Quốc hội nhiệt liệt tán thành khi cụ Chủ tịch tạm thời của Quốc hội đề nghị mời Hồ Chủ tịch thành lập Chính phủ mới. Hồ Chủ tịch đi qua phòng hội đồng giữa những tiếng hoan hô.

Đại hội tạm nghỉ một lát, rồi họp trở lại. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt cùng với các vị trong Chính phủ mới. Người nhanh nhẹn đi đến bên máy phóng thanh. Người nói:

- Bây giờ tôi xin báo cáo về việc lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Chắc Quốc hội cũng biết rằng Chính phủ này ra mắt gồm có đại biểu các đảng phái và anh em không đảng phái trước đây đã thương lượng và thỏa thuận với nhau, vì vậy, sự tổ chức mới được nhanh chóng như thế...

Bác giới thiệu danh sách của Chính phủ. Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng được trao cho những người trung lập. Hai bộ dành cho Nam Bộ, vì đại biểu của Nam Bộ chưa ra kịp, nên tạm trao cho các đảng phái. Mặt trận Việt Minh và Đảng dân chủ giữ bốn bộ: Tài chính, Giáo dục, Tư pháp, Giao thông; Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội giữ bốn bộ: Ngoại giao, Kinh tế, Xã hội, Canh nông.

Bác nói tiếp:

- Phó Chủ tịch do Quốc hội cử ra là cụ Nguyễn Hải Thần. Còn Chủ tịch là tôi đây.



Tiếng hoan hô lại nổi lên.

Danh sách Chính phủ được Quốc hội thông qua.

Bác giới thiệu tiếp với Quốc hội việc lập Ủy ban kháng chiến toàn quốc chịu trách nhiệm điều khiển quân và dân đánh giặc, cứu nước và thành lập Đoàn cố vấn quốc gia, do Vĩnh Thụy đứng đầu.

Chính phủ liên hiệp kháng chiến, Ủy ban kháng chiến và Đoàn cố vấn lần lượt đứng ra tuyên bố nhận chức.

Đại hội chuyển sang thảo luận về quyền hạn của Ủy ban Thường trực Quốc hội. Cuộc tranh cãi bắt đầu diễn ra giữa những ý kiến khác nhau của các đại biểu. Giải quyết được các vấn đề này là một khó khăn trong khi còn chưa có Hiến pháp.

Bác ngồi nghe chăm chú. Thình thoảng Bác gio tay xin phát biểu. Đôi lúc, một đại biểu có ý kiến khác. Bác lắng nghe, và khi cần, Người từ tốn nói rõ thêm. Bao giờ cũng vậy, trong công việc, Bác luôn luôn tạo một không khí thoải mái, khuyến khích mọi người mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.

Hạm đội Pháp đang rong ruổi trên biển Đông với những nòng đại bác hướng về miền Bắc.

Nhiều đại biểu chưa hiểu được giá trị của từng phút, từng giây trong lúc này, Bác đã nhiều lần nhắc nhở cho người điều khiển những vấn đề nên rút ra để sớm đi biểu quyết.

Một giờ chiều, Đại hội đã có thể kết thúc. Trong vòng bốn tiếng đồng hồ, Đại hội đã thông qua việc lập Chính



phủ mới, lập Ủy ban kháng chiến, lập Đoàn cố vấn của Chính phủ, quyết định quyền hạn của Ủy ban Thường trực Quốc hội, và thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp.

Các đại biểu cần trở về địa phương ngay để tiếp tục công việc chuẩn bị kháng chiến. Giờ phút chia tay đã tới. Bác trở lại máy phóng thanh, kết thúc Đại hội bằng mấy lời nhắn nhủ:

- Bây giờ Quốc hội tạm thời bế mạc để cho tất cả anh em chúng ta đem một không khí đoàn kết, một không khí kháng chiến, một không khí kiên quyết, một không khí nhất định thành công về các địa phương mà công tác. Trước khi bế mạc, tôi xin thay mặt Chính phủ cảm ơn các đại biểu. Đồng thời, chúng ta cũng hứa với nhau rằng: Quốc hội họp lần này là Quốc hội kháng chiến, mà Chính phủ cử ra là Chính phủ kháng chiến. Tôi mong rằng Quốc hội họp lần sau sẽ là Quốc hội thắng lợi, mà Chính phủ sẽ là Chính phủ thắng lợi.

Vào những giờ phút khó khăn, Bác muốn truyền cho tất cả mọi người một tinh thần đoàn kết, kiên quyết chiến đấu. Bác còn muốn truyền tới mọi người niềm lạc quan, niềm tin tưởng vào thắng lợi, vào tương lai¹.

*

* *

... Ngay tối hôm đó, bọn Tưởng đến xin được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.394-401.



Chúng tin cho ta biết, hạm đội Pháp đã vào vịnh Bắc Bộ. Lần đầu, chúng hỏi vì sao ta và Pháp chưa thỏa thuận với nhau. Chúng khuyên ta không nên quá gắng. Chúng nói nếu ta ký một bản thỏa ước để Pháp đưa quân vào làm nhiệm vụ tiếp phòng, thì chúng sẽ ủng hộ.

Bọn Tưởng ra về, thì tới lượt những người thương lượng Pháp kéo đến. Họ đề nghị được thảo luận tiếp về những điều còn vướng mắc. Phái bộ Pháp bày tỏ nguyện vọng muốn thỏa thuận với Chính phủ ta ngay trong tối hôm đó để đi đến ký kết một bản Hiệp định sơ bộ.

Rõ ràng là có chuyện gì mới xảy ra giữa Tưởng và Pháp.

Từ khi hiệp ước Hoa - Pháp ký kết, quan hệ giữa Tưởng và Pháp ở Hà Nội đã có lúc căng thẳng. Bọn Tưởng cho quân lính chuẩn bị. Chúng nói với ta là sẽ không rút quân. Có những tên sư trưởng tuyên bố, nếu Pháp đổ bộ vào miền Bắc, thì chúng sẽ đánh. Mặt khác, chúng tung lũ tay sai đi tìm mọi cách phá những cuộc nói chuyện giữa ta và Pháp. Trong khi đó, người Pháp vẫn luôn luôn lui tới cơ quan chỉ huy của quân đội Tưởng ở Hà Nội.

Với cái nhìn sâu sắc của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy rõ sự căng thẳng trong bọn chúng lúc này có chăng cũng chỉ là rất tạm thời. Những tên cầm đầu đã mua bán với nhau xong ở Trùng Khánh. Dù thế nào, cũng không thể có xung đột lớn giữa Pháp và Tưởng. Sớm muộn, chúng sẽ dàn xếp với nhau. Tuy nhiên, chừng nào mà những mâu thuẫn, dù nhỏ, của chúng vẫn còn thì ta vẫn cần lợi dụng.



Đến nay, quả nhiên giọng lưỡi của bọn Tưởng đổi khác. Điều làm Bác chú ý là thái độ vội vã trong cùng một lúc ở cả Tưởng và Pháp.

Cuộc trao đổi giữa ta và Pháp tối hôm đó lại xoay quanh hai vấn đề lớn: độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam.

Tiếng *độc lập* đối với nhà cầm quyền Pháp là một điều đáng sợ. Bọn thực dân lo nó sẽ gây một phản ứng dây chuyền, làm nổi lên một phong trào đấu tranh đòi độc lập trên toàn bộ các nước thuộc địa. Chính phủ Pháp chỉ đồng ý thừa nhận ta là một nước "tự trị". Pháp muốn kìm ta trong một khuôn khổ nhất định của chủ nghĩa thực dân.

Về vấn đề thống nhất ba "kỳ", thực dân Pháp có thái độ rất phản động. Bản tuyên ngôn của Đờ Gôn trước đây đã chia Việt Nam làm ba "nước": Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Trước mắt, chúng đang cố khôi phục lại nền thống trị thực dân ở Nam Bộ và tìm mọi cách tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

Đối với chúng ta, *độc lập, thống nhất* là nguyện vọng thiết tha, là tình cảm sâu sắc của cả dân tộc. Ta không thể tự nhận "tự trị", vì như thế là từ bỏ một phần những quyền tự do chúng ta đã đổ bao máu xương mới giành lại được, là chấp nhận ở một mức độ nào đó, trở về cuộc sống nô lệ. Nam Bộ là một phần đất của Việt Nam - là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam - không thể để bất cứ kẻ thù nào có thể cắt rời. Dù ở hoàn cảnh



hiếm nghèo hiện nay, tất cả những mục tiêu đấu tranh cơ bản đó đều không thể nào nhân nhượng.

Lập trường trước sau của ta là phải đi tới một giải pháp toàn bộ: Pháp phải thừa nhận nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Lập trường có tính nguyên tắc đó đã được Bác khẳng định lại một lần nữa tối hôm đó.

Trong suốt quá trình cuộc đàm phán, Pháp đã nhiều lần tìm cách né tránh thảo luận vấn đề Nam Bộ. Chính phủ Pháp mới chỉ chịu công nhận nước Việt Nam là một quốc gia có Chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính của mình. Cuối cùng, về vấn đề thống nhất ba kỳ, Pháp cam kết sẽ thừa nhận kết quả của một cuộc trưng cầu ý dân.

Nhưng Pháp vẫn chưa chịu thừa nhận nền độc lập của ta. Vấn đề này lại dẫn cuộc thảo luận tối hôm đó tới bế tắc.

Đến khuya, những người thương lượng Pháp ra về. Trước khi từ biệt, họ ngỏ ý mong Chủ tịch Hồ Chí Minh cân nhắc về những đề nghị của họ. Thái độ của họ tỏ ra rất lo lắng.

Ngày 6 tháng 3 năm 1946.

Sáng sớm, hạm đội Pháp từ vịnh Bắc Bộ bắt đầu tiến vào cảng Hải Phòng. 8 giờ 30, chiếc tàu đổ bộ đầu tiên của chúng xuất hiện trên sông Cửa Cấm. Quân Tưởng đóng ở dọc sông nổ súng. Mười lăm phút sau, bọn Pháp bắn trả. Kho đạn của quân Tưởng ở cảng bốc cháy. Một số tàu



Pháp bị bắn thủng. Nhiều lính Pháp chết và bị thương. Cuộc đấu súng kéo dài đến gần 11 giờ trưa.

Bọn quân phiệt Tưởng và lũ tay sai muốn lợi dụng sự xung đột giữa ta với Pháp. Nhưng trớ trêu, kẻ đầu tiên xung đột với Pháp lại chính là chúng. Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội đã chuẩn bị những hoạt động phá phách lớn, nếu ta và Pháp đi đến dàn xếp. Nhưng sự dàn xếp giữa ta và Pháp lúc này, đã trở thành một yêu cầu của chính quan thầy chúng. Sáng hôm đó, bọn Tưởng lại đề nghị với ta một lần nữa, nên sớm thỏa thuận với Pháp để tránh một cuộc chiến tranh rộng lớn có thể xảy ra.

Trước mắt, vẫn là bế tắc lớn: Ta kiên quyết gạt bỏ chữ "tự trị" của Pháp đưa ra; nhưng *độc lập* còn là một điều mà Chính phủ Pháp vẫn chưa chịu thừa nhận.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy đã đến lúc cần đi đến một quyết định. Sau khi hội ý với Thường vụ, Người đưa ra cách giải quyết: "Nước Pháp công nhận nước Việt Nam là một *quốc gia tự do*...".

Phái bộ Pháp ưng thuận.

Những người thương lượng Pháp sau này kể lại: đó là những giây phút chờ đợi rất căng thẳng, họ đã phải chịu đựng.

Thế là trong tình hình hết sức rối ren, phức tạp lúc bấy giờ, cuộc đàm phán giữa ta và Pháp đã đạt được một hiệp định sơ bộ. Đây là bản hiệp định quốc tế đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với một nước ngoài.



Lễ ký kết được cử hành vào 4 giờ chiều tại ngôi nhà số 38 phố Lý Thái Tổ.

Những người thay mặt cho nước Pháp, những người đứng đầu Bộ Tư lệnh quân đội Tưởng ở miền Bắc Đông Dương, đại diện phái bộ Mỹ, lãnh sự Anh lục tục kéo đến ngôi biệt thự cách Bắc Bộ Phủ một khu vườn hoa.

Gian phòng nhỏ bài trí đơn giản, không có cờ.

Chủ, khách đều đứng xung quanh một chiếc bàn lớn.

Có đủ mặt tại đây, những người thuộc tất cả các "cường quốc" của thế giới tư bản sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Hình dáng một cụ già mảnh khảnh, râu đen, mặc bộ kaki đã phai màu, đi đôi giày vải chàm, nổi bật lên giữa đám người to béo, sang trọng, số đông là quân nhân. Một hình ảnh thu gọn: nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giữa vòng vây trùng điệp của chủ nghĩa đế quốc.

Anh Hoàng Minh Giám lần lượt đọc to bản Hiệp định sơ bộ và bản phụ khoản.

... Bản Hiệp định và các bản phụ khoản được đọc xong.

Mọi người đều hướng về phía Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người nhìn lướt các khoản của bản Hiệp định. Với cương vị là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký đầu tiên.

Sau đó, Người chuyển bản Hiệp định cho Vũ Hồng Khanh đứng gần đấy. Trước áp lực của quan thầy Tưởng, Vũ Hồng Khanh phải ngậm bồ hòn làm ngọt, ký tiếp theo, dưới danh nghĩa là người đại diện đặc biệt cho Hội đồng Chính phủ.



Xanhtony, người được ủy quyền thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa Pháp, ký sau cùng.

Sáu mươi ba năm trước đây, với ít cổ đại bác và mấy ngàn quân xâm lược, một tên Hắc mãng nào đó, đã đưa cho nhà Nguyễn bản dự thảo hòa ước gồm 27 điểm, buộc triều đình Huế hoặc chấp nhận cả, hoặc bác cả, chứ không được thay đổi điểm nào. Vua tôi nhà Nguyễn phải cúi đầu nhận bản Hòa ước sỉ nhục năm 1883. Một năm sau, triều đình Huế ký tiếp bản Hòa ước Patơnốt. Đó là bản hòa ước bán nước, đặt nước ta hoàn toàn dưới sự đô hộ của thực dân Pháp. Từ đó, mọi quyền tự do, độc lập của dân tộc đã mất, kể cả quyền bang giao với nước ngoài.

Cách mạng Tháng Tám đã mang lại những đổi thay kỳ lạ. Cả dân tộc Việt Nam từ bùn lầy, ngục tù, đau thương đứng dậy. Người Việt Nam nô lệ trở thành người Việt Nam tự do. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới sinh ra đã đứng vững trong bão táp phong ba.

Hôm nay, kẻ thù có sau lưng những đội quân đông đảo với đủ máy bay, tàu chiến, xe bọc thép, đã phải tiến hành cuộc đàm phán với ta một cách bình đẳng. Chính phủ Pháp đã buộc phải chấp nhận cả những điều mà thâm tâm họ không muốn.

Kẻ đầu tiên thừa nhận nước Việt Nam tự do, lại chính là kẻ sáu mươi ba năm trước đây đã tước mọi quyền tự do của nước ta.

Ta nhận cho mười lăm ngàn quân Pháp vào miền Bắc Việt Nam trong một thời gian được quy định, để tổng đi



khỏi đất nước mười tám vạn quân Tưởng tàn ác, đã từng tuyên bố ở lại đây vô thời hạn.

Hồ Chủ tịch đã thay mặt nhân dân ta bày tỏ với nhân dân thế giới nguyện vọng chân thành mong muốn có hoà bình, một nền hòa bình chân chính, trong độc lập tự do. Và nếu hoà bình chưa thể có ngay được vì lòng tham và sự mù quáng của chủ nghĩa đế quốc, thì đây là những giây phút hòa hoãn để chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến lâu dài mà chúng ta tin nhất định sẽ giành được thắng lợi.

Lễ ký kết đã xong.

Đại diện nước Pháp nâng cốc chúc mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngỏ ý vui mừng vì đã đẩy lùi được bóng ma của một cuộc xung đột vũ trang. Bằng một giọng điềm đạm mà kiên quyết, Người nói: "Chúng tôi không thỏa mãn vì chưa giành được hoàn toàn nhưng rồi chúng tôi sẽ giành được độc lập hoàn toàn độc lập". Kẻ thù đã chịu lùi một bước cơ bản. Nhưng với ta, thắng lợi này mới chỉ là thắng lợi đầu tiên. Bến bờ thành công vẫn còn xa. Người đã nói cho đối phương biết là cuộc chiến đấu của chúng ta sẽ tiếp tục cho đến thắng lợi cuối cùng¹.

*

* *

Sau buổi lễ ký kết Hiệp định sơ bộ, Bác trở về Bắc Bộ Phủ.
Các nhà báo trong và ngoài nước được tin này đã kéo

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.407-414.



đến khá đông. Thấy Bác về, mọi người đổ xô tới chung quanh. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho biết đã ký một bản Hiệp định sơ bộ với Pháp. Bằng một giọng chậm rãi, Người thông báo vắn tắt những điều khoản chính của bản Hiệp định. Người nhấn mạnh đây mới chỉ là những thỏa thuận bước đầu; cuộc đàm phán chính thức giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp sẽ được mở nay mai tại Hà Nội, Sài Gòn hoặc Pari. Người cho các nhà báo biết là đại biểu Mỹ, Anh và Trung Hoa đã có mặt tại buổi ký kết.

Cách mạng lại chuyển sang một chặng đường mới. Cuộc đấu tranh tiếp tục chắc chắn sẽ không kém phần gay go, phức tạp. Hàng loạt công tác mới mẻ cùng một lúc đòi hỏi nhanh chóng được triển khai.

Thường vụ trao đổi thêm ý kiến về việc giải thích bản hiệp định trong Đảng và trong nhân dân. Cần phải làm cho toàn Đảng và toàn dân hiểu rõ đường lối đúng đắn của ta, thắng lợi của cách mạng, đồng thời nhận thấy tình hình còn hết sức phức tạp, nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đối phó ngay nếu quân Pháp giở giảo. Chiều hôm đó, Bác và các anh bàn cử người đi các nơi để thực hiện thỏa thuận ngừng bắn. Anh Hoàng Quốc Việt sẽ dẫn đầu một phái đoàn vào Nam Bộ khi có phương tiện giao thông. Sáng hôm sau, anh Hoàng Minh Giám đáp máy bay đi Đà Nẵng. Tôi được phân công xuống Hải Phòng ngay tối hôm đó. Locléc đã đề nghị cho gặp người thay mặt Chính phủ ta. Theo ý Bác, tôi sẽ dự buổi mítting giải



thích hiệp định tại Hải Phòng, nơi quân Pháp được phép đổ bộ đầu tiên trên miền Bắc.

Hà Nội vắng vẻ hơn mọi ngày vì lệnh tản cư. Tối hôm đó, trên các đường phố im lặng bỗng vang lên những tiếng loa. Các đội viên tuyên truyền xung phong hô hào đồng bào đón đọc báo *Cứu quốc* sáng hôm sau có đăng những tin quan trọng. Quá nửa đêm, tiếng gõ cửa làm thức giấc những nhân viên tòa soạn báo *Cứu quốc*. Mấy anh tự vệ đi tuần tra ghé vào yêu cầu cho biết tin quan trọng vừa loan báo đó là gì.

Đồng bào ta nói chung còn chưa biết rõ về cuộc thương lượng giữa ta và Pháp. Mấy hôm đó, những làn sóng mítting nổi lên ở các nơi; thư và điện tới tấp bay về Thủ đô nhiệt liệt hoan nghênh việc thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một khí thế chiến đấu hùng hực dâng lên khắp nơi. Ai nấy đều bày tỏ quyết tâm sẵn sàng hy sinh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ đất nước.

Mờ sáng mừng 7, nhiều người đã đứng ở các ngã đường chờ mua báo. Tin về bản Hiệp định sơ bộ vừa ký giữa Chính phủ ta và Chính phủ Pháp được đưa trên tờ *Cứu quốc* bằng những hàng chữ lớn. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do. Đồi bên sẽ ngừng chiến. Một đội quân gồm 10.000 người thuộc quân đội Việt Nam sẽ cùng 15.000 quân Pháp làm nhiệm vụ tiếp phòng thay cho 180.000 quân Tưởng rút về nước.



Cũng trên tờ báo hôm đó, có đăng lời hiệu triệu của Ban thường trực Quốc hội nhân dịp thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Ban thường trực kêu gọi đồng bào đã chuẩn bị cày phải chuẩn bị hơn nữa, cần trấn tĩnh, tránh mọi sự khiêu khích, triệt để tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ. Trong tình hình mới, những lời kêu gọi này vẫn giữ nguyên giá trị.

Hành động xâm lăng của thực dân Pháp tại Nam Bộ đã gây cảm phẫn từ lâu trong nhân dân. Mọi người đều mong mỏi cơ hội chiến đấu để tiêu diệt lũ giặc nước. Tin mười lăm nghìn quân Pháp sẽ tới miền Bắc có phần đột ngột đối với đồng bào ta. Và mặc dầu có chữ ký của Vũ Hồng Khanh ở bên dưới, bản Hiệp định vẫn bị bọn Việt Nam Quốc dân đảng xuyên tạc. Tuy nhiên, không hề có dấu hiệu của một sự xao xuyến lớn trong nhân dân. Đồng bào đã thấy người thay mặt chính của nhân dân đã ký Hiệp định này là Chủ tịch Hồ Chí Minh. "Chắc là Cụ Hồ đã tính kỹ rồi", đó là ý nghĩ đầu tiên của đồng bào.

Buổi sáng, Xanhtony lấy tư cách người thay mặt cho Chính phủ Pháp tới Bắc Bộ Phủ thăm Hồ Chủ tịch. Đây là cuộc viếng thăm chính thức phản ánh mối quan hệ giữa nước Việt Nam và nước Pháp.

Cuộc mítting lớn toàn thành được triệu tập vào 4 giờ chiều.

Tôi từ Hải Phòng về, tới địa điểm mítting trước Nhà hát Lớn thì thấy đồng bào đứng tràn ngập khắp các ngả



đường chạy vào quảng trường. Các đồng chí công an, tự vệ giữ trật tự phải vất vả mới mở được một lối cho đoàn xe của Chính phủ. Khác với mọi lần, trên nét mặt những người dự lễ mítting đều biểu lộ vẻ chờ đợi. Thực ra không mấy ai hiểu rõ hết tình thế phức tạp và hiểm nghèo của đất nước vào lúc đó. Mặc dù đã đặt một niềm tin tuyệt đối vào người lãnh đạo của mình, đồng bào ta vẫn có những băn khoăn suy nghĩ. Tại sao Pháp mới chỉ công nhận nước ta là một "quốc gia tự do"?... Liệu quân Tưởng có chịu rút thật hay không? Từ trước tới giờ chúng vẫn làm như sẽ ở lại mãi trên đất nước này... Những băn khoăn đó đều chính đáng và cũng dễ hiểu.

Biến người im lặng. Tin tức về cuộc xung đột ở Hải Phòng sáng hôm qua đã bay về Hà Nội. Có những người biết lúc này đây, hạm đội Pháp đã thả neo trên sông Cửa Cấm. Cũng có tin Lư Hán đã rời Trùng Khánh đáp máy bay sang Việt Nam. Mọi người đều hướng về phía bao lon Nhà hát Lớn, chờ đoàn chủ tịch buổi mítting ra mắt. Bỗng phía bên trái quảng trường xôn xao. Một tên phá hoại đã tung ra một trái lựu đạn. Vì hoảng hốt, nó quên mở chốt hãm. Thủ phạm bị tóm ngay tại chỗ. Theo lời khai của nó, bọn phản động đã đưa đến bốn nhóm tay sai để phá hoại cuộc mítting. Thấy một tên trong bọn vừa hành động đã bị bắt quả tang, những tên kia vội vàng lẫn trốn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ nhận thấy cần nói rõ với đồng bào vì sao chúng ta đã ký Hiệp định sơ bộ mong 6 tháng 3. Đại diện của Chính phủ trình bày trước cuộc



mít tinh những thuận lợi và khó khăn của ta trong hoàn cảnh quốc tế rất phức tạp lúc đó. Do cuộc chiến đấu anh dũng của đồng bào ta, bọn thực dân đã phải từ bỏ ý định trước đây chỉ coi Việt Nam là một nước tự trị. Chính phủ Pháp buộc phải thừa nhận nước ta là một "Quốc gia tự do". "Tự do" khác nhiều với "tự trị". Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tự do có Chính phủ, Quốc hội tài chính và quân đội của mình. Có thể nói là chúng ta đã giành được những quyền cơ bản về nội trị. Một khi quyền tự do đã giành được, chúng ta sẽ tiến tới giành độc lập, giành lấy độc lập hoàn toàn. Pháp muốn chiếm giữ Nam Bộ, coi đó là một chuyện đã rồi. Chính phủ đã vạch trần âm mưu này và kiên quyết lên án. Cuối cùng, Pháp chịu sẽ mở một cuộc trưng cầu ý dân về vấn đề thống nhất ba kỳ và cam kết sẽ thừa nhận kết quả của nó. Chúng ta đặt lòng tin vững chắc vào nhân dân ta, vào những người đang cầm vũ khí anh dũng đánh trả bọn cướp nước. Cuộc đấu tranh còn phải tiếp tục. Nhưng Nam Bộ nhất định sẽ trở về trong lòng Tổ quốc. Việc quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng là một điều được thỏa thuận giữa các nước Đồng minh. Ta không muốn có bất cứ một quân đội nước ngoài nào trên đất nước ta. Nhưng hơn một vạn quân Pháp vào thì gần hai chục vạn quân Tưởng sẽ phải rút đi. Và quân Pháp cũng sẽ rút khỏi nước ta, chúng ta điều đình với Pháp để tạo những điều kiện thuận lợi mới cho cuộc đấu tranh sẽ còn phải lâu dài, chúng ta sẽ tìm mọi cách củng cố, phát triển vị trí chính trị, lực lượng



quân sự và kinh tế của ta để tiến tới giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho đất nước.

Đồng bào nghe giải thích rõ chủ trương ký Hiệp định sơ bộ mừng 6 tháng 3 đã biểu lộ sự đồng tình bằng những tràng vỗ tay kéo dài.

Sau đó, đến lượt Vũ Hồng Khanh phát biểu ý kiến. Y chậm chạp bước ra trước máy phóng thanh. Đứng trước đồng bào, y buộc phải hô hào dân chúng ủng hộ những hoạt động ngoại giao của Chính phủ. Giọng nói của y rời rạc, lạt lẽo. Người nghe đáp lại bằng những tiếng vỗ tay lẻ tẻ, chiếu lệ.

Đột nhiên, tiếng hò reo vang dậy cả quảng trường, Chủ tịch Hồ Chí Minh với vầng trán cao, chòm râu đen, dáng người mảnh khảnh, vừa xuất hiện trên bao lơn Nhà hát Lớn. Trong chương trình, không báo trước sự có mặt của Người. Tiếng vỗ tay, hoan hô kéo dài rất lâu. Người phải nhiều lần giơ tay ra hiệu đề nghị đồng bào im lặng.

Người chỉ nói ít lời ngắn gọn:

- Nước ta đã thực sự độc lập từ tháng 8 năm 1945. Nhưng tới nay, chưa một cường quốc nào công nhận nền độc lập của ta. Cuộc điều đình với nước Pháp sẽ mở ra con đường làm cho quốc tế thừa nhận ta. Nó sẽ dẫn ta đến một vị trí ngày càng chắc chắn trên trường quốc tế. Đó là một thắng lợi lớn về mặt chính trị. Chúng ta đã trở thành một quốc gia tự do trên thế giới. Theo hiệp định thì quân Pháp sẽ lần lượt rút hết khỏi Việt Nam. Điều đình với Pháp là chúng tỏ sự khôn ngoan về chính trị của chúng ta. Đồng bào hãy nên bình tĩnh, đoàn kết, trọng kỷ luật. Chúng ta luôn luôn



coi người Trung Hoa là anh em. Chúng ta có nhiều bạn bè... Và trên hết, chúng ta có một Chính phủ được toàn dân ủng hộ. Tuy vậy, chúng ta phải cảnh giác và sẵn sàng...

Người im lặng giây lát rồi nói tiếp:

- Tôi, Hồ Chí Minh, suốt cuộc đời cùng đồng bào chiến đấu cho độc lập của Tổ quốc. Tôi thà chết chứ không bao giờ bán nước.

Đồng bào chăm chú lắng nghe từng lời của Bác. Nhiều người ứa nước mắt. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói trước dân tộc một lời thề. Cuộc đấu tranh vô cùng phức tạp, có quan hệ lớn đến vận mệnh dân tộc đang còn tiếp diễn. Những người lãnh đạo không thể nói công khai tất cả mọi tình hình, mọi chủ trương. Trước một hoàn cảnh như vậy, vấn đề chủ yếu là giữ vững lòng tin.

Đồng bào ta đã biểu lộ một niềm tin tuyệt đối ở Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những tiếng hoan hô, khẩu hiệu dồn dập vang lên trên quảng trường: "Kiên quyết đấu tranh giành độc lập và thống nhất hoàn toàn", "Kiên quyết tuân theo mọi mệnh lệnh của Chính phủ và Hồ Chủ tịch", " Hồ Chủ tịch muôn năm"¹...

*

* *

Hạ tuần tháng 3, Đácgiăngliơ ngỏ ý muốn có cuộc gặp gỡ với Chủ tịch Hồ Chí Minh để bàn về quan hệ giữa hai

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.415-421.



nước. Noi gắp do y đề nghị là vịnh Hạ Long, trên một chiếc tuần dương hạm của Pháp.

Vừa mới tuần trước, báo *Cứu quốc* đã có bài bình luận phê phán gay gắt những luận điệu thực dân của Đắcgiăngliơ. Lập trường của viên cao ủy đã bộc lộ khá rõ. Vậy y có chuyện gì thực sự muốn giải quyết với ta? Tại sao địa điểm gặp không phải ở Hà Nội hay Sài Gòn mà là trên một chiến hạm nằm ngoài biển?... Toàn bộ hoạt động của Đắcgiăngliơ từ khi sang Đông Dương đến giờ, nhất là sau ngày mùng 6 tháng 3, khiến cho Bác và các anh phải cân nhắc. Nhưng dù sao, bản Hiệp định sơ bộ cũng vừa được Hội đồng Chính phủ Pháp phê chuẩn. Việc ký kết Hiệp định này đã có tiếng vang trên thế giới. Nhiều báo chí nước ngoài coi đây là một cách điều giải tốt cho cuộc xung đột hiện nay giữa các nước thuộc địa và nước có thuộc địa. Điều quan trọng là: làm hậu thuẫn cho cuộc gặp gỡ này còn có hàng chục triệu nhân dân ta ở cả hai miền Nam, Bắc. Bác cũng thấy nên gặp viên cao ủy để đòi tiến hành ngay cuộc đàm phán chính thức, và phải họp tại Pari, nơi bọn phản động Pháp ở Đông Dương khó bề bùng bít dư luận. Bác nhận lời mời của viên đô đốc.

Sáng 24 tháng 3, Bác ra xe với chiếc mũ chống nắng rộng vành và cây gậy. Người thường dùng hằng ngày. Đi theo Bác còn có anh Hoàng Minh Giám và Nguyễn Tường Tam, Xanh Tony đón Chủ tịch Hồ Chí Minh ở sân bay Gia Lâm với một chiếc thủy phi cơ của Pháp.



Khoảng 10 giờ sáng, máy bay tới vịnh Hạ Long. Chiếc Catalina đáp nhẹ xuống mặt biển. Viên đô đốc Cao ủy cùng với Locléc đã đứng đợi trên tuần dương hạm Êmin Béclanh.

Cuộc tiếp đón diễn ra rất long trọng.

Những loạt súng chào nổ vang. Chủ, khách bắt tay nhau. Đácgiăngliơ giới thiệu những quan khách ra đón Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bác giới thiệu những người đi theo. Chiếc chiến hạm mở máy ra khơi. Một tiệc rượu được tổ chức trên tàu. Viên đô đốc nâng cốc nói:

- Cuộc hội kiến này là cuộc hội kiến đầu tiên để thắt chặt tình thân thiện giữa nước Pháp và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi xin chúc sức khỏe của Chủ tịch và chúc nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cường thịnh.

Đácgiăngliơ đã nhấn mạnh đây là cuộc hội kiến đầu tiên. Y có ý tự cho mình mới là người thay mặt nước Pháp tại Đông Dương chứ không phải là Locléc, người đã gặp Hồ Chủ tịch ở Hà Nội.

Đáp lời viên đô đốc, Bác nói rất thẳng thắn:

- Sở dĩ có cuộc hội kiến này cũng là vì có ngày mùng 6 tháng 3 năm 1946. Về phần Chính phủ Việt Nam, chúng tôi đã thi hành đúng bản Hiệp định sơ bộ rồi. Còn về phần nước Pháp, chúng tôi mong ngài cũng nên thành thực để đi đến thể hiện tình thân thiện giữa nước Việt Nam và nước Pháp.

Đácgiăngliơ mời Hồ Chủ tịch duyệt hạm đội. Chiếc chiến hạm chạy lướt trước những con tàu có nhiều khẩu



pháo lớn ghêch cao nòng, đứng sắp thành hàng dài trên mặt biển. Sau đó, nó bắt đầu thả neo. Hồ Chủ tịch buông quai mũ, chống chiếc gậy tre đứng cùng Đácgiăngliơ trên boong duyệt hạm đội Pháp. Những con tàu lần lượt điều qua. Thủy binh Pháp hô vang những tiếng "Huara" chào mừng vị Chủ tịch của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Về cuộc hội kiến này, có người cho rằng Đácgiăngliơ phải gặp Hồ Chủ tịch vì bị Locléc thúc ép, vì Chính phủ Pháp chỉ thị cho y cần mở một cuộc đàm phán trù bị tại Việt Nam trước khi tiến hành cuộc đàm phán chính thức. Có người lại nói đó là một mưu mô của viên cao ủy nhằm kéo dài thời gian. Chính Đácgiăngliơ đã gợi ý cho Chính phủ Pháp là cần có một hội nghị trù bị ở Đà Lạt. Đácgiăngliơ cho rằng tình hình chính trị không ổn định tại nước Pháp lúc đó sẽ dẫn tới những sự nhượng bộ quá đáng với Việt Minh. Y vẫn hy vọng trong một thời gian tương đương Đờ Gôn sẽ trở lại nắm chính quyền. Và trước mắt, y chưa kịp nặn xong những tên bù nhìn cho nước "Nam Kỳ tự trị"... Nhân cuộc hội kiến lần này, Đácgiăngliơ cũng mượn cơ chào mừng Hồ Chủ tịch, đem hạm đội của y ra diễu võ dương oai.

Duyệt hạm đội xong, Chủ tịch Hồ Chí Minh và viên cao ủy bắt đầu trao đổi ý kiến.

Bác đòi mở ngay cuộc đàm phán tại Thủ đô nước Pháp. Đácgiăngliơ không muốn họp sớm và cũng không muốn họp ở Pari. Viên cao ủy nói Chính phủ Pháp chưa nắm được tình hình nên phải có một cuộc họp trù bị tại chỗ. Y đề nghị địa điểm họp hội nghị trù bị là Đà Lạt, vì



Đà Lạt sau này có thể trở thành thủ đô của Liên bang Đông Dương. Bác thấy rõ ý viên cao ủy muốn trì hoãn cuộc đàm phán chính thức. Người nói một cuộc họp trừ bì như vậy không thật cần thiết. Đắcgiănglio vẫn giữ ý kiến là chừng nào Chính phủ Pháp còn chưa nắm được các vấn đề thì chưa thể có cuộc đàm phán chính thức.

Về địa điểm, ngày giờ mở cuộc đàm phán chính thức cũng phải trao đổi khá lâu. Bác đòi họp ở Pari. Locléc và Xa Lăng ủng hộ ý kiến này với lý do: họp ở thủ đô Pháp sẽ tránh được sự phá rối của các phần tử cực đoan (họ muốn nói bọn Quốc dân đảng). Cuối cùng, Đắcgiănglio phải nhận. Ngày phái đoàn Việt Nam qua Pháp mở cuộc đàm phán chính thức được ấn định vào hạ tuần tháng 5. Bác cũng đồng ý là sẽ có một cuộc đàm phán trừ bì tại Đà Lạt. Nhưng Bác đặt điều kiện với phía Pháp là những người tham dự cuộc đàm phán này phải do Chính phủ Pháp cử từ bên nước sang. Hai bên thỏa thuận: Vào trung tuần tháng 4, cùng lúc phái bộ Pháp sang Việt Nam dự hội nghị đàm phán trừ bì, phía Việt Nam sẽ cử một phái đoàn Quốc hội đi thăm thiện chí Quốc hội và nhân dân Pháp.

Theo lời Xalăng thuật lại sau này, thì cuộc gặp gỡ tại vịnh Hạ Long đã dẫn đến một sự đổ vỡ không thể dàn xếp được giữa viên Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh và viên cao ủy Pháp.

Chiều hôm đó, Xalăng đang ngắm nước, ngắm trời ở boong tàu phía sau, bỗng có người gọi vào gặp đô đốc cao



ủy. Đắcgiăngliơ ngồi trong cabin mặt tái nhợt, đang run lên vì tức giận. Viên đô đốc nói với Xalăng: "Tướng Locléc vừa có một hành vi khiếm nhã đối với tôi, tôi yêu cầu ông hãy làm cho ông ấy trở về với lẽ phải. Nhiều tuần qua, ông ấy tha hồ mà chuyện trò với ông Hồ Chí Minh, rõ ràng bây giờ là đến lượt tôi. Tôi không muốn chạy theo một cuộc hội nghị "Muyních" ở Đông Dương, không thể đi hết từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác. Nếu tôi nhận Pari thì ông Hồ sẽ đòi thêm nữa...". Xalăng quay ra tìm Locléc và thuật lại câu chuyện. Ngay chiều hôm đó, Locléc bỏ về Sài Gòn.

Trên máy bay trở về Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với Xalăng: "Nếu Đô đốc muốn đem tàu bè ra để lung lạc tôi thì ông đã làm to. Những tàu đó không thể nào đi ngược dòng sông của chúng tôi"¹.

*

* *

Mùa xuân năm 1946, tôi được cử đi trong phái đoàn Nam Bộ ra miền Bắc báo cáo với Hồ Chủ tịch và Chính phủ về tình hình sau Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 và xin vũ khí cho Nam Bộ.

Chiều tháng 5, chúng tôi đang ngồi chuyện trò thân mật tại nhà anh Đặng Thái Mai, hồi đó là Bộ trưởng Giáo dục,

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.450-454.



thì nghe tiếng ô tô đỗ trước cổng, một ông già phúc hậu, người dong dỏng cao, thoăn thoắt bước vào. Đúng là Bác rồi! Giống hệt như trong ảnh mà tôi đã thấy. Tôi đứng im nhìn Bác. Ôi! Ước mơ của tôi giờ đây đã thành sự thật.

Lần đầu tiên gặp Bác một cách bất ngờ, tất cả chúng tôi hết sức cảm động bởi đôi mắt của Bác - đôi mắt sáng ngời, đầy chí kiên quyết, nhưng đồng thời cũng thân thương trìu mến, hiền hậu...

Bác ung dung và tươi vui trong bộ kaki giản dị. Bác cười niềm nở, bắt tay từng người, rồi ngồi bên cạnh tôi.

Gặp Bác, chúng tôi vừa xúc động trước tấm lòng thương yêu chăm sóc của vị cha già dân tộc, vừa sửng sốt và bối rối vì sự thiếu sót của đoàn. Khi vừa ở chiến khu ra, chúng tôi nghĩ ngay rằng trong chương trình của đoàn ở Thủ đô, một việc phải làm trước tiên là đến chào Hồ Chủ tịch. Sau một chuyến đi đường dài vất vả, chúng tôi vừa mới đến Hà Nội hôm trước chưa kịp đến chào Bác, thì Bác đã đến thăm chúng tôi.

Bác hỏi thăm sức khỏe từng đồng chí trong đoàn. Nhưng tất cả đều nghẹn ngào, không ai thừa với Bác được một lời. Những ngày đi đường, anh chị em trong đoàn bàn nhau chuẩn bị gặp Bác sẽ báo cáo những gì.

Riêng tôi, cũng sắp xếp trong óc những điểm về tình hình phụ nữ Nam Bộ để báo cáo với Bác. Nhưng đến lúc Bác cho tôi được nói trước thì bao nhiêu điều chuẩn bị biến đi đâu mất. Thấy tôi vẫn chưa hết xúc động, Bác cười vui và gợi ý để tôi có thể nhớ và báo cáo lại. Bác nói dịu dàng, lòng



tôi như ấm lên. Tôi bình tĩnh dần và lắng nghe từng câu hỏi cặn kẽ của Bác mà báo cáo. Giọng tôi lúc đầu hơi run, nhưng sau thì mạnh dạn hẳn lên. Tôi báo cáo rành rọt từng việc.

Bác chăm chú nghe chúng tôi báo cáo. Bỗng hai giọt nước mắt chảy trên gò má Bác. Ôi! Suốt đời tôi không bao giờ quên những giọt nước mắt ấy. Những giọt nước mắt của Bác đọng lại mãi mãi trong tâm hồn tôi. Tôi nghĩ đó là cả một biển tình thương bao la của Người dành cho đồng bào Nam Bộ.

Bác nhìn chúng tôi trùi mền, giọng Bác ấm áp:

- Đồng bào và chiến sĩ đang ra sức khắc phục khó khăn, thiếu thốn để kháng chiến. Chính phủ và đồng bào cả nước hết sức cùng chiến sĩ và nhân dân Nam Bộ, hiện đang anh dũng đấu tranh để giữ vững độc lập dân tộc. Chúng ta nhất định thắng lợi, vì chúng ta có sức mạnh của đoàn kết toàn dân. Chúng ta nhất định thắng lợi, vì cuộc đấu tranh của ta là chính nghĩa.

Chiều hôm đó, gia đình anh Đặng Thái Mai* làm cơm mời Bác và chúng tôi. Chúng tôi sửa soạn kê bàn, xếp ghế để dọn cơm. Anh Ca Văn Thỉnh và anh Nghiệp đang bố trí lại chiếc bàn ăn thì Bác đi tới đỡ một tay. Nhìn Bác sĩ Nghiệp, anh cao gần 1,8m, nặng 75,8kg, Bác nói: "Người Việt Nam ta ai cũng to, cao như thế thì tốt quá!".

Chúng tôi vui sướng được ăn cơm chung với Bác. Bữa cơm gia đình thật thân mật, ấm cúng. Trong bữa ăn, Bác

* Túc Đặng Thai Mai (BT).



hỏi chúng tôi rất nhiều chuyện về Nam Bộ. Bác hỏi cả chuyện học hành và sinh hoạt của anh chị em cán bộ, chiến sĩ. Đồng chí trưởng đoàn báo cáo với Bác về tình hình sau Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 và các mặt khác. Bác lại hỏi chuyện riêng mỗi người chúng tôi.

Bác quay sang tôi hỏi:

- Trong ấy thiếu thốn súng đạn lắm. Các cô, các chú muốn xin bao nhiêu khẩu mang về?

Thật là Bác đã nói đúng điều quan trọng nhất mà các đồng chí lãnh đạo ở Nam Bộ đã dặn đi dặn lại mãi, trước khi chúng tôi lên đường đi Hà Nội. Quả Bác là người cha đã hiểu thấu tâm tình của con. Tôi báo cáo với Bác:

- Dạ thưa Bác, thiếu lắm.

Bác nói thông thả:

- Thế nào Trung ương và Chính phủ cũng có súng gửi vào Nam. Nhưng nước ta còn nghèo, các cô các chú phải đánh Pháp cho giỏi, cướp lấy súng của nó mà dùng thì mới có nhiều vốn.

Bác và chúng tôi đều cười tin tưởng.

Bác nói tiếp:

- Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước. Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định thuộc về dân tộc ta...

Lần thứ hai, chúng tôi đến chào Hồ Chủ tịch ở Bắc Bộ phủ. Bác vẫn đón tiếp chúng tôi thân mật như người trong gia đình.



Ít hôm sau, chúng tôi lại được vinh dự thay mặt cho Nam Bộ, đang chiến đấu đến mừng sinh nhật Bác, nhân ngày 19 tháng 5. Trừu mến nhìn chúng tôi, Bác nói:

- Tôi xin cảm ơn các cô, các chú Nam Bộ. Thật ra các báo ở Thủ đô nhân dịp này đã làm to ngày sinh của tôi. Hiện nay nước ta đang có nhiều khó khăn.

Giọng Bác càng xúc động:

- Các cô, các chú về báo cáo với nhân dân miền Nam thân yêu rằng: lòng già Hồ, lòng nhân dân miền Bắc lúc nào cũng ở bên cạnh đồng bào Nam Bộ.

Nói xong Bác khóc. Chúng tôi đều khóc!...¹.

*

* *

...

Chương trình của Chính phủ ta là làm thế nào cho đồng bào cả nước ai cũng có ăn, có mặc, có học. Trong thư gửi cho anh chị em giáo viên bình dân học vụ đầu tháng 5 năm đó, Hồ Chủ tịch một lần nữa nhắc lại điều này. Mục tiêu cao cả của cách mạng cuối cùng là để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, là để mang lại cho nhân dân một đời sống vật chất ấm no, đầy đủ, một đời sống tinh thần tốt đẹp, phong phú. Có độc lập, tự do, lại có ấm no, hạnh phúc. Lý tưởng cách mạng đối với Người không phải là

1. Xem Nguyễn Thị Định: *Nước non bừng sáng*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1975.



những gì xa xôi, trừu tượng mà là những cái rất gần gũi, cụ thể gắn liền với đời sống hàng ngày của quần chúng nhân dân.

Với Hiệp định ngày 6 tháng 3, trước mắt lại có thêm một thời gian hòa hoãn ở miền Bắc. Trong khi tiến hành cuộc đấu tranh đòi phía Pháp phải thi hành những điều khoản đã ký kết thì mọi mặt công tác xây dựng đất nước vẫn tiếp tục một cách khẩn trương.

"Tăng gia sản xuất" và "Chống nạn mù chữ" vẫn là những khẩu hiệu lớn mà Bác đề ra.

Lời Hồ Chủ tịch kêu gọi tăng gia sản xuất để chống giặc đói vào cuối năm trước đang phát huy tác dụng to lớn. Để thúc đẩy sản xuất và tạo thêm điều kiện làm ăn dễ dàng cho nông dân nghèo, tiếp theo Sắc lệnh giảm tô 25% Chính phủ đã ban hành, tháng 4 năm nay, Hồ Chủ tịch lại hô hào nông dân lập hợp tác xã. Người giải thích:

"Nông dân ta giàu thì nước ta giàu..."

Hợp tác xã là hợp vốn, hợp sức với nhau. Vốn nhiều, sức mạnh thì khó nhọc ít mà lợi ích nhiều. Vì vậy:

... *Hợp tác xã nông nghiệp* là một cách làm cho nhà nông đoàn kết, làm cho nhà nông thịnh vượng.

Hợp tác xã nông nghiệp giúp cho nhà nông đạt đến mục đích, đã ích quốc lại lợi nhà...".*

Bác hết sức chăm lo đến việc chống giặc đói. Nạn mù chữ là một di sản nặng nề do chế độ thực dân để lại. Theo lời kêu

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.246.



gọi của Bác, gần chục vạn giáo viên bình dân học vụ và hàng triệu đồng bào đang lao vào trận đánh để đẩy lùi giặc đốt.

Bác không những quan tâm một cách đặc biệt đến việc mở mang hiểu biết cho người dân một nước độc lập mà còn đặt vào đó những tình cảm thiết tha. Nhà bình dân học vụ gửi tới Bác cuốn *Phương pháp và cách thức dạy vỡ lòng chữ quốc ngữ*. Bác xem rồi tự tay viết vào đầu cuốn sách: "Anh chị em giáo viên bình dân học vụ cố gắng đọc kỹ sách này, rồi tận tâm dạy bảo đồng bào thất học, làm cho nạn mù chữ chóng hết. Thế là làm tròn một nhiệm vụ thiêng liêng của mình đối với Tổ quốc".

Tối 13 tháng 4, Bác đến thăm một lớp học ở phố Hàng Trống. Bàn học là những cánh cửa kê tạm. Giáo viên, một người trẻ tuổi đeo kính trắng đang cầm phấn viết mấy chữ mẫu trên tấm bảng đen. Người học thuộc nhiều lứa tuổi, ăn mặc khác nhau. Những mái đầu cặm cùi. Mái tóc bạc phơ của một cụ già vện áo dài ta bên bộ tóc đen nhánh của một chú bé mặc quần cộc. Bác đứng chống cây gậy tre nhìn quang cảnh tỏ vẻ rất xúc động. Bác khuyến khích mọi người và nói: "Cả người dạy và người học đều là những chiến sĩ trên mặt trận chống giặc đốt". Trong thư gửi các giáo viên bình dân học vụ, Người viết: "Tôi mong rằng, trong một thời kỳ rất ngắn, lòng hăng hái và sự nỗ lực của anh chị em sẽ có kết quả rất vẻ vang, đồng bào ta ai cũng biết đọc, biết viết. Cái vinh dự đó thì tượng đồng, bia đá nào cũng không bằng"*.

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.4, tr.266.*



Trong tình hình khẩn trương đó, để bảo vệ những thành quả của cách mạng, chống lại thù trong, giặc ngoài. Đảng ta chủ trương: ra sức xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, củng cố quốc phòng, tiếp tục vũ trang cho quần chúng cách mạng, tích cực xây dựng quân đội nhân dân.

Lực lượng tự vệ đã phát triển tới một số lượng rất đông, đang thành một mạng lưới dày khắp các nơi, nhất là ở các thành phố, thị xã có quân Pháp đóng. Tự vệ giữ gìn vai trò nòng cốt trong cuộc đấu tranh của nhân dân chống lại các hành động khiêu khích vi phạm Hiệp định của quân đội Pháp.

Với việc thành lập Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, quân đội ta đã có những điều kiện để phát triển nhanh chóng. Chỉ thị của thường vụ Trung ương Đảng ngày 9 tháng 3 đã nêu ra: "Đặc biệt chú ý đào tạo cán bộ chính trị và quân sự để lãnh đạo phong trào mới".

Tháng 3 năm 1946, Đảng mở Trường Quân chính Bắc Sơn. Tháng 5, Bộ Quốc phòng khai giảng Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn. Tháng 6, Ủy ban kháng chiến miền Nam mở Trường Quân chính bổ túc và đào tạo cán bộ trung đội, tiểu đội.

Nội dung giáo dục chính trị có: tình hình nhiệm vụ, chính sách Việt Minh, cộng sản sơ giải, sơ lược về duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, công tác chính trị trong quân đội cách mạng. Trường Quân chính Bắc Sơn được các đồng chí Trung ương tới trực tiếp giảng các bài chủ yếu.



Về quân sự, các trường huấn luyện chiến thuật du kích và động tác đội ngũ, động tác chiến đấu từ cá nhân lên tới đại đội. Chiến thuật du kích học theo tài liệu "*Cách mạng du kích*" được soạn ra từ hồi đánh Nhật ở chiến khu. Về cách đánh chính quy, vì chưa có kinh nghiệm, còn phải học góp nhặt chiến thuật của nước này, nước khác.

Ngày 22 tháng 6 năm 1946, Bác lên Tây Sơn dự lễ khai giảng Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn. Tự vệ, thanh niên trong tỉnh ra đón Bác, đứng dàn suốt dọc đường.

Trên chiếc sân rộng của nhà trường, học sinh mặc quân phục kaki đồng màu, tập hợp chờ nghe Hồ Chủ tịch huấn thị.

Sau khi căn dặn các học viên phải thực thà đoàn kết, cố gắng học tập, hết sức tôn trọng kỷ luật. Bác nói: "Trung với nước, hiếu với dân là một bốn phần thiêng liêng, một trách nhiệm nặng nề nhưng cũng là vinh dự của người chiến sĩ trong đạo quân quốc gia đầu tiên của nước ta...".

Từ những ngày cuối tháng 11 năm 1945, tình hình rất căng thẳng, các hoạt động của Đảng tạm rút vào bí mật, Bác đã nêu ý kiến với Thường vụ là đồng thời với việc chăm lo củng cố và mở rộng Mặt trận Việt Minh, cần tổ chức một Mặt trận Dân tộc thống nhất, rộng rãi để thu hút tất cả những tầng lớp và những cá nhân đến lúc đó còn đứng ngoài Việt Minh. Tư tưởng đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết được để chống lại mọi kẻ thù là một tư tưởng lớn, quán xuyên trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của Người.



Bác đề nghị đặt tên cho tổ chức mới này là Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Mục tiêu hoạt động của Hội là: độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường. Tất cả mọi người Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, thành phần xã hội đều có thể tham gia vào Hội. Các đảng phái đấu tranh cho độc lập và dân chủ đều đứng trong Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Về cách gọi tên Hội, Bác nói có thể gọi tắt là Liên Việt cho dễ nhớ cũng như trước đây ta đã gọi Việt Nam Độc lập đồng minh là Việt Minh.

Ngày 27 tháng 5, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam chính thức tuyên bố thành lập. Hồ Chủ tịch được bầu làm Chủ tịch danh dự. Ban Chấp hành Hội do cụ Huỳnh Thúc Kháng làm Chủ tịch, bác Tôn làm Phó Chủ tịch. Các đoàn thể tham gia Liên Việt gồm có: Việt Minh, Đảng Dân chủ, Việt Nam cách mệnh đồng minh hội và Việt Nam Quốc dân đảng. Các đoàn thể, tôn giáo, công đoàn cũng đứng trong Hội. Ngoài ra, có nhiều cá nhân yêu nước trước đây không ở đoàn thể nào, giờ cũng vào Liên Việt. Mặt trận Dân tộc thống nhất được mở rộng theo sáng kiến của Hồ Chủ tịch từ đó càng phát huy tác dụng to lớn trong sự nghiệp đấu tranh cho độc lập và dân chủ của nhân dân ta.

*

* *

Ngày 18 tháng 5, các báo ở Thủ đô lần đầu báo với đồng bào ngày sinh của Hồ Chủ tịch: Ngày 19 tháng 5. Dưới đầu đề: "Cụ Hồ Chí Minh với dân tộc Việt Nam", báo *Cứu quốc* ra ngày hôm đó viết:



"Ngày 19 tháng 5 này, năm mươi sáu năm trước đây (1890) đã ra đời một người: Hồ Chí Minh.

Bằng bàn tay khéo léo và cương quyết, chính ông đã khai sinh, đã nuôi nấng nhiều đoàn thể cách mạng Việt Nam. Tinh thần hoạt động hầu hết các chiến sĩ Việt Nam đều do bàn tay tài tình của ông hun đúc...".

Bài báo đã nói tới những cống hiến của Hồ Chủ tịch đối với cách mạng và nêu lên ý nghĩa lớn của ngày 19 tháng 5.

Lần đầu tiên, toàn dân tộc Việt Nam được biết ngày sinh của Hồ Chủ tịch. Người đã có công lớn đối đời cho cuộc sống của nhân dân ta. Chúng ta chuẩn bị tổ chức kỷ niệm ngày sinh của Người. Anh em đều biết ý Bác nên đã làm thật đơn giản.

Cũng ngày hôm đó, Đácgiăngliơ tới Hà Nội. Đây là lần đầu tiên, viên Thượng sứ Pháp đến Thủ đô nước ta. Mục đích của việc viếng thăm này cũng mờ ám như những mưu đồ của y. Trong cuộc gặp gỡ ở vịnh Hạ Long, viên thượng sứ thỏa thuận với Hồ Chủ tịch muợn nhất vào ngày 31 tháng 5, phái đoàn đàm phán chính thức của Chính phủ sẽ lên đường sang Pháp. Ngày 31 tháng 5 sắp tới. Tình hình chính trị tại nước Pháp còn bê bối. Các đảng phái đang lao vào cuộc tranh cử. Chức Thủ tướng Chính phủ Pháp trong thời gian tới chưa biết vào tay ai. Đácgiăngliơ không muốn để phái đoàn của Chính phủ Việt Nam tới đàm phán ở nước Pháp trong một tình hình như vậy. Mặc khác, các vai tuồng của Xêdin chưa sẵn sàng để diễn trò "Nam Kỳ tự trị". Chính phủ Pháp



cũng chưa chính thức phê chuẩn giải pháp chính trị này của viên Thượng sứ ở Nam Kỳ. Do những lẽ đó, Đácgiăngliơ muốn đề nghị với Hồ Chủ tịch hoãn ngày lên đường của phái đoàn Chính phủ ta qua Pháp. Ý còn gian ngoan định nhân chuyến đi Hà Nội này đánh tiếng trước với ta về việc "nước Nam Kỳ tự trị" sắp thành lập nay mai...

Sáu giờ chiều hôm đó, Đácgiăngliơ cùng tướng Valuy và Corêpanh đến Bắc Bộ Phủ để chào Hồ Chủ tịch.

Cụ Huỳnh, cụ Tố và một vài anh em chúng tôi cùng dự buổi tiếp khách với Bác. Khi nâng cốc chào mừng viên Thượng sứ. Bác nói:

- Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới lấy làm sung sướng được đón tiếp người thay mặt nước Pháp. Sau cuộc hội thương tại vịnh Hạ Long, Hội nghị trù bị Đà Lạt và cuộc giao hảo của phái đoàn Quốc hội Việt Nam với Quốc hội Pháp ở Pari, hôm nay, với việc ngài đến thăm Hà Nội, cuộc bang giao Việt - Pháp chắc chắn sẽ có bước phát triển mới.

Đácgiăngliơ đáp lại với một thái độ nhã nhặn:

- Ngày mai là lễ sinh nhật của Chủ tịch, tôi xin chúc mừng Chủ tịch trường thọ, và tôi tin rằng từ đây tình thân thiện của nước Pháp và nước Việt Nam sẽ càng ngày càng chặt chẽ thêm và càng thân mật hơn nữa.

Sáng sớm ngày 19 tháng 5, các đồng chí trong Thường vụ và trong Chính phủ tới chúc thọ Bác. Đây cũng là một



dịp hiếm hoi mà chúng tôi được quây quần đông đủ bên Bác vào đúng ngày sinh của Người.

Tiếng trống ếch rộn ràng trước Bắc Bộ Phủ. Các cháu đã tới. Bác Hồ ra đón các cháu vào. Hơn một chục bé gái, trai thay mặt cho toàn thể thiếu nhi nội, ngoại thành đến chúc thọ Bác. Trong các em, có em hằng ngày vẫn phải đi bán báo, có em là trẻ mồ côi ở Trường Trẻ mồ côi Hàng Bột. Các em đua nhau gắn huy hiệu măng mọc thẳng lên áo Bác, tặng Bác những chữ "i", "t" tượng trưng cho phong trào bình dân học vụ, những tập sách nhỏ in tài liệu và bài hát của Hội Nhi đồng cứu quốc.

Quà của Bác Hồ cho các cháu bé năm đó là một cây bách tán. Bác chỉ cái cây nhỏ lá rất xinh trồng trong chậu, nói:

- Bác có cây này tặng các cháu. Mai sau cái cây này sẽ mọc ra một trăm cái tán. Các cháu về chăm cho cây lớn, cây tốt thế là các cháu yêu Bác lắm đấy!

Các em vui mừng hát một bài cảm ơn Bác. Khi các em vừa khênh chậu cây bách tán đi ra thì một đoàn hơn năm chục anh, chị bước vào phòng. Các anh đều mặc quần áo kaki, các chị vận quần áo bà ba đen. Đây là những người thay mặt cho miền Nam đang chiến đấu tới chúc thọ Bác.

Sau khi nghe lời chúc mừng của các anh, các chị, Bác nói:

- Tôi xin cảm ơn các anh, các chị Nam Bộ đã đến chúc thọ tôi. Thật ra, các báo ở đây đã làm to cái ngày sinh của tôi, chứ tuổi năm mươi sáu chưa có gì đáng được chúc thọ, cũng hãy còn như là thanh niên cả; mà trước các anh,



các chị, trước cảnh êm vui ở Bắc đây, tôi thật lấy làm xấu hổ vì trong Nam chưa được thái bình.

Hai giọt lệ chảy trên gò má Bác. Các anh chị em Nam Bộ đều rung rung nước mắt.

Lát sau, Ban Vận động Trung ương Đoàn sống mới vừa được thành lập tháng trước theo Sắc lệnh của Chính phủ, đến chúc thọ Bác. Nhân được gặp Bác, các đại biểu đề nghị Bác nêu ra cho cuộc vận động một khẩu hiệu, Bác nói:

- Các chú muốn có một khẩu hiệu ư? "Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư". Khẩu hiệu đó!

Một đại biểu thưa với Bác, khẩu hiệu này đã quen thuộc, xin Bác một khẩu hiệu mới cho hợp với cuộc vận động Đoàn sống mới.

Bác cười rồi nói:

- Hằng ngày ta ăn cơm, uống nước, phải thở khí trời để mà sống. Những việc đó, ngày xưa ông cha ta phải làm, bây giờ chúng ta phải làm, con cháu chúng ta sau này cũng phải làm. Vậy ăn cơm, uống nước và thở khí trời để đem lại cuộc sống cho con người thì đó là những việc không khi nào trở thành cũ cả. "Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư" đối với đời sống mới cũng vậy.

Cũng ngày hôm đó, một phóng viên của hãng thông tấn Pháp AFP tới xin phỏng vấn Bác về cuộc hội nghị đã bị đứt quãng ở Đà Lạt, Bác trả lời:

- Đại biểu của hai nước đã nói rõ lập trường của mình một cách trung thực, thẳng thắn, đôi khi đến tận nhẫn. Đó



là một phương pháp hay. Vì nhờ vậy bây giờ chúng ta hiểu nhau hơn trước. Về một vài điều, hai bên đã thỏa thuận, vẫn còn có những sự bất đồng ý kiến. Nhưng cuộc hội nghị vừa qua chỉ là cuộc hội nghị trừ bị. Nhiệm vụ của hội nghị ở Pari là phê chuẩn những thỏa thuận đã thực hiện được ở Đà Lạt và dung hòa các quan điểm xung đột nhau. Các cuộc xung đột ý kiến không đến nỗi không giải quyết được. Hai dân tộc phải thỏa thuận với nhau để thực hiện một cuộc hợp tác thân thiện. Chúng ta sẽ đặt một nền tảng vững chắc cho cuộc đàm phán sau này.

Trước những hoạt động phá hoại của bọn phản động Pháp, Người vẫn tìm mọi cách ngăn chặn để nếu không tránh được một cuộc chiến tranh thì ít nhất cũng kéo dài được thời gian hòa hoãn.

Suốt mấy ngày ở Hà Nội, Đácgiăngliơ ra sức trình bày với Hồ Chủ tịch là nên lui lại một thời gian nữa ngày lên đường của phái đoàn Việt Nam đi Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức. Đácgiăngliơ cố chứng minh rằng sở dĩ phải làm như vậy chính là vì lợi ích của cuộc đàm phán và của nước Việt Nam. Trong câu chuyện, Đácgiăngliơ khéo léo đã động đến một "khó khăn" hiện tại là y "không thể cứ tiếp tục cản trở nguyện vọng đòi tự trị của người dân Nam Kỳ". Y muốn biện bạch trước cho việc làm phản bội của mình nay mai đối với bản Hiệp định 6 tháng 3.

Tất cả những lời lẽ khôn khéo không che đậy được mưu mô và những việc làm xấu xa đã quá lộ liễu của y. Chúng ta biết rõ một ngày chậm đi đến cuộc đàm phán



chính thức là thêm một ngày Đắcgiăngliơ và bọn phản động tại Đông Dương thực hiện chính sách "việc đã rồi". Bác kiên quyết đòi viên thượng sứ phải để nguyên thời hạn lên đường của phái đoàn Việt Nam như đã thỏa thuận từ trước tại vịnh Hạ Long: chậm nhất là vào cuối tháng 5 năm 1946. Công việc thuyết khách làm không xong, ngày 22 tháng 5, Đắcgiăngliơ thất vọng trở về Sài Gòn.

Các báo tại Hà Nội đưa tin: ngày 31 tháng 5 phái đoàn Việt Nam sẽ lên đường đi Pháp dự cuộc đàm phán chính thức.

*

* *

Với việc ký Hiệp định sơ bộ, Bác đã nhìn thấy một cơ hội mà ta cần hết sức tranh thủ để mở rộng sự tuyên truyền quốc tế. Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương ngày 9 tháng 3 còn nêu ra: "Liên lạc mật thiết ngay với Đảng Cộng sản Pháp để thực hiện sự hành động chung giữa ta và các đồng chí Pháp". Trong những năm nước Pháp bị chiếm đóng, những người cộng sản Pháp đã dẫn đầu phong trào nhân dân chiến đấu chống bọn phátxít Đức để giải phóng đất nước. Đảng Cộng sản Pháp đã có uy tín lớn trong quần chúng. Mặc dù vấp phải sự chống trả mạnh mẽ của lực lượng phản động, cuộc đấu tranh cho dân chủ và tiến bộ ở nước Pháp đang giành được những thắng lợi. Bác hiểu rõ phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp có liên quan mật thiết với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của ta.



Vì những lý do trên, Thường vụ đã nhận thấy cần đòi Pháp phải mở đàm phán chính thức ở Pari. Cuộc đàm phán mở ra tại Pari chắc chắn sẽ giành được sự đồng tình ủng hộ của dư luận tiến bộ Pháp, sẽ đỡ được sự gây rối của một số tên thực dân và bọn cai trị mà quyền lợi gắn liền với chế độ thuộc địa. Dù cho cuộc đàm phán không đạt kết quả như mong muốn, thì cũng là một dịp để có thêm nhiều người hiểu cách mạng Việt Nam. Điều đó sẽ có lợi cho cuộc đấu tranh lâu dài của ta về sau này.

Tuy nhiên, chọn Pari làm nơi mở đàm phán, ta cũng có những khó khăn. Nhiều đồng chí lãnh đạo phải đi xa trong cùng một thời gian. Cuộc đàm phán chắc sẽ kéo dài trong khi tình hình ở nhà có thể xảy ra những đột biến. Bác đã trao đổi với các đồng chí trong Thường vụ về việc Bác có nên đi Pháp trong dịp đàm phán này không. Trước đây, Bác đã có lần bị bọn phản động Pháp kết án tử hình. Trong trường hợp cuộc điều đình gặp khó khăn, nếu Pháp trở mặt, thì không phải không đáng ngại. Sau khi cân nhắc, Bác và các đồng chí nhất trí, Bác sẽ cùng đi với phái đoàn.

Đoàn đại biểu của ta do đồng chí Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn, gồm: Hoàng Minh Giám, Phan Anh, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Văn Huyền, Trịnh Văn Bính...

Ngày lên đường của Bác và phái đoàn đã tới.

Ngày 30 tháng 5, dưới trời mưa tầm tã, năm vạn đồng bào Thủ đô đội ngũ chỉnh tề, kéo tới Việt Nam học xá dự cuộc mít tinh. Mọi người giương cao những khẩu hiệu: "Nam



Bộ là đất Việt Nam", "Đất nước Việt Nam toàn vẹn", "Ủng hộ Hồ Chủ tịch", "Ủng hộ phái bộ", "Gửi lời chào nhân dân Pháp"...

Lần đầu, trong một chuyến Người đi xa, đồng bào đến tiễn đưa Người.

7 giờ 30, Bác và phái đoàn tới. Cùng dự mítting hôm đó có Xalăng, người đã được Cao ủy Pháp chỉ định đi theo Bác trong cuộc hành trình. Bác nói:

- Theo mệnh lệnh của Chính phủ và ý chí của quốc dân, tôi cùng đoàn đại biểu sẽ đi Pari để mở cuộc đàm phán chính thức... Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo, là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết tranh được chính quyền, nhần nhục cố gắng cũng vì mục đích đó. Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích là làm cho ích nước lợi dân. Lần này, tôi xin hứa với đồng bào rằng: Tôi cùng anh em đại biểu sẽ cố gắng làm cho khỏi phụ lòng tin cậy của quốc dân...

Bác đề ra bốn điều cần làm để giúp cho cuộc đấu tranh ngoại giao thắng lợi:

- Một là đoàn kết chặt chẽ, tránh mọi sự chia rẽ.
- Hai là ra sức cần, kiệm cho khỏi nạn đói khó.
- Ba là ra sức giữ gìn trật tự, tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ.



- Bốn là đối với các kiều dân nước ngoài, phải tử tế, ôn hòa.

Suốt buổi chiều và đêm hôm đó, những đoàn xe từ các ngã đường nối nhau chạy vào Hà Nội. Các tỉnh cử đại biểu về Thủ đô tiễn Bác và phái đoàn Chính phủ sớm hôm sau lên đường. Mỗi xe đều mang ảnh Hồ Chủ tịch và dán đầy khẩu hiệu.

Sáng 31, Bác dậy sớm. Người viết một bức thư gửi đồng bào Nam Bộ:

"... Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!

Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thể này thể khác nhưng thể này hay thể khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tinh thần thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang".

Các đồng chí trong phái đoàn đến Bắc Bộ Phủ trang phục tề chỉnh. Bác ở buồng bên đi ra, vẫn bộ quần áo vải vàng thường ngày, chỉ khác một chút là bữa đó Bác đi một đôi giày da màu đen.

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.280-281.



Từ mờ sáng, đồng bào mang theo cò, ảnh nướm nướp kéo sang Gia Lâm. Cò bay đò cầu Long Biên. Thời tiết vẫn xấu. Bầu trời mây phủ kín đường như cùng chia sẻ nỗi lòng người dân đất nước sáng nay tiễn Bác đi xa.

Sân bay đông nghịt người. Hồ Chủ tịch đi một vòng chào các đại biểu và đồng bào. Đồng bào vẫy cò, vỗ tay hoan hô và chen lấn nhau ra phía trước để được nhìn rõ Người trước khi ra đi.

Sắp đến giờ lên máy bay, Bác tới níu tay cụ Huỳnh nói:

- Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu. Ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở cụ cùng anh em giải quyết cho. Mong cụ "Dĩ bất biến ứng vạn biến" (Lấy cái không thay đổi để đối phó với muôn sự thay đổi).

Cụ Huỳnh rất cảm động, cầm tay Bác hồi lâu. Bác đã ủy nhiệm cụ Huỳnh làm quyền Chủ tịch nước trong thời gian Bác đi vắng.

Bỗng Bác gọi các đại biểu trong phái đoàn lại. Anh Đồng và các anh đứng quây quanh Người. Một phút im lặng trang nghiêm. Bác nói:

- Anh em chúng ta mang trọng trách ra đi, đứng trước mặt quốc dân đồng bào đây, chúng ta phải hứa dù gặp gian nan thế nào cũng phải nhất trí đoàn kết để làm tròn nhiệm vụ đối với Tổ quốc.

Các anh cùng giơ tay hô to: "Xin thề!".

Đất nước tiễn Người ra đi gửi gắm vào Người một niềm tin toàn vẹn.



Hai chiếc máy bay quân sự chở phái đoàn nối nhau rời sân bay, khuất dần vào nền trời đầy mây.

Riêng chúng tôi hôm ấy còn có một nỗi lo lắng mà không ai dám nói ra. Hồi đó luôn luôn xảy ra tai nạn máy bay ở dọc đường.

Dường như Bác hiểu nỗi lo âu canh cánh của đồng bào và chúng tôi nên qua mỗi chặng đường, Bác lại gửi điện về. Bức điện đầu tiên của Bác đề ngày 2 tháng 6 năm 1946, khi Bác tới Ấn Độ, Bác viết: "Chúng tôi đã tới Canquýtta được bình yên cả sau một đêm ngủ ở Pêru (Rănggun). Hôm tới chúng tôi sẽ lại lên đường. Chúng tôi nhờ Chính phủ cảm ơn đồng bào ta và các bạn Pháp đã tiễn chúng tôi ở Gia Lâm. Tôi gửi những cái hôn cho các cháu..."¹.

*

* *

...

Mùa hè năm 1946, Hồ Chủ tịch tới Pháp, dừng chân ở bãi biển Biarít, trước khi lên Pari. Trung ương Đảng Cộng sản Pháp liền cử một đoàn đại biểu của Trung ương đến chào và gặp Hồ Chủ tịch tại Biarít. Đoàn đại biểu ấy do đồng chí Sác Tiông, Ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng và Bộ không quân Pháp, dẫn đầu. Tôi được vinh dự tham gia đoàn đại biểu đó. Hồi bấy giờ tôi là ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, nghị sĩ đại

1. Xem Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd.



biểu cho tỉnh Boócđô tại Quốc hội Pháp và là ủy viên trong Ủy ban phụ trách các đất thuộc Pháp ở nước ngoài.

Cá nhân tôi không được hân hạnh quen biết riêng Hồ Chủ tịch nhưng tôi hiểu rằng Hồ Chủ tịch là người đã tham gia Đại hội Tua, một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là một nhà cách mạng lỗi lạc. Chúng tôi đến khách sạn Hồ Chủ tịch ở. Chủ tịch ôm hôn chúng tôi, hỏi thăm sức khỏe và tình hình công việc. Chúng tôi nâng cốc chúc Hồ Chủ tịch mạnh khỏe và chúc nhân dân Việt Nam chóng giành được độc lập hoàn toàn. Đoàn đại biểu chúng tôi ở cùng một khách sạn với Hồ Chủ tịch trong 48 giờ. Hành lang khách sạn đầy cảnh sát mật vụ của Chính phủ Pháp. Khi chúng tôi ngồi nói chuyện với Hồ Chủ tịch trong buồng, có những người đi qua đi lại trước cửa buồng nhìn vào. Hồ Chủ tịch nói nhỏ với chúng tôi: "Bọn gián điệp đấy!".

Hồ Chủ tịch muốn tìm nơi kín đáo hơn để nói chuyện. Sau đó, Chủ tịch đề nghị với chúng tôi đi ra bãi biển, vừa đi vừa thảo luận tình hình. Trời nắng đẹp, biển xanh Địa Trung Hải trải rộng trước mặt. Chúng tôi đi trên bãi cát, từ khách sạn đến hòn Bà Đá xa chừng 2km, đi đi lại lại trên quãng đường đó. Chúng tôi bàn luận, dự đoán diễn biến của Hội nghị Phôngtennoblô, thái độ của Chính phủ Pháp lúc bấy giờ, vấn đề độc lập và thống nhất của Việt Nam và những việc Đảng Pháp cần làm để giúp đỡ nhân dân Việt Nam và đoàn đàm phán của Việt Nam. Phải nói rằng tình hình Pháp thời bấy giờ cũng khá phức tạp.



Trong Chính phủ còn nhiều lực lượng phản động, thực dân, hiếu chiến, nuôi tham vọng chiếm lại Đông Dương bằng mọi cách, điên cuồng bám vào chính sách thực dân. Bọn tư bản kéch sù Pháp có nhiều quyền lợi ở Đông Dương, có nhiều thế lực và gây sức ép với Chính phủ và Quốc hội. Chúng còn mưu lợi dụng vấn đề Việt Nam để gây khó khăn và chèn ép Đảng Cộng sản Pháp.

Hồ Chủ tịch đi dép cao su, mặc áo kaki, cổ somi để hở, giọng nói bình tĩnh, phân tích vấn đề một cách sáng suốt, rõ ràng. Tôi thấy Chủ tịch đã nhận định đúng mức về triển vọng Hội nghị Phôngtennolô. Chủ tịch am hiểu tình hình nước Pháp và hiểu rõ tình hình chính trị lúc bấy giờ. Hồ Chủ tịch nhiệt tình nói đến nguyện vọng độc lập của nhân dân Việt Nam. Chúng tôi lắng nghe Chủ tịch nói về lập trường đúng đắn, hợp tình hợp lý của Chủ tịch trong việc giải quyết vấn đề Việt Nam. Trong cách trình bày của Chủ tịch, chúng tôi thấy rõ Chủ tịch có cặp mắt nhìn xa về mọi vấn đề. Và chúng tôi cũng hiểu rõ hơn về những khó khăn lớn đang đặt trước đoàn đàm phán của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chúng tôi đi nói chuyện với nhau như thế dọc bãi biển gần 2 giờ đồng hồ.

Sau đó, chúng tôi chào từ giã Hồ Chủ tịch để trở về Pari. Cuộc gặp Hồ Chủ tịch hết sức bổ ích đối với đoàn đại biểu Đảng chúng tôi và để lại trong trí nhớ chúng tôi những kỷ niệm sâu sắc không bao giờ quên được. Chúng tôi cũng rất hài lòng về chuyến đi Biarít vì đã có dịp bày



tỏ với Hồ Chủ tịch tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân hai nước Pháp - Việt. Chúng tôi vui mừng thấy Hồ Chủ tịch thông cảm với vai trò và điều kiện hoạt động của Đảng Cộng sản Pháp lúc bấy giờ.

Riêng cá nhân tôi, trong cuộc đời đã gặp nhiều chiến sĩ cách mạng bốn phương, nhưng tôi vẫn thấy Hồ Chủ tịch là người giản dị nhất. Tôi hết sức cảm động về những giờ phút gặp gỡ Hồ Chủ tịch và thấy Chủ tịch là một vị lãnh tụ vĩ đại của một dân tộc. Chúng tôi về tới Pari, báo cáo với Trung ương và Bộ Chính trị Đảng chuyển đi gặp Hồ Chủ tịch. Trung ương quyết định những biện pháp và hình thức hoạt động nhằm đấu tranh ở Nghị viện và trong toàn nước Pháp để ủng hộ lập trường của nhân dân Việt Nam. Nhân dân Pháp, bằng những cuộc biểu tình, mítting và những kiến nghị sôi nổi đòi Chính phủ Pháp phải tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam. Và nhân dân Pháp cũng nhiệt liệt hoan hô, hết lòng kính trọng Hồ Chủ tịch ở Pháp vì Hồ Chủ tịch là người bạn thân thiết của nhân dân Pháp¹.

*

* *

...

Mùa hè năm 1946, chúng tôi mừng rỡ vô hạn được tin Hồ Chủ tịch sang Pháp và đã tới Biarít. Liên đoàn lao

1. Xem Mac Đuypuý: "Trên bãi biển Biarít", trong *Bác Hồ ở Pari*, Nxb. Văn học.



động thủy thủ cử tôi làm đại diện đến chào Bác Hồ ở Biarít. Hôm ấy, tôi bước vào khách sạn, vừa cảm động, vừa hồi hộp. Tôi thấy hiện ra hình ảnh của Bác, sau mấy chục năm trời xa cách. Bác gầy lắm. Bác tươi cười vui vẻ bắt tay tôi rất niềm nở. Và Bác nhớ ngay ra tôi. Bác hỏi:

- Có phải chú làm thủy thủ ngày xưa đấy không?

Tôi đáp:

- Thưa Bác, phải đấy ạ.

- Còn nhớ tôi không?

- Thưa Bác còn nhớ ạ. Cái buổi ở cửa hàng dưa chợ Giời...

Bác tủm tỉm cười:

- Đòi lao động là thế đấy chú ạ. Cực lắm. Chịu đựng được thì ta nhất định thắng. Thế chú đã có vợ con gì chưa?

- Có ạ.

- Làm ăn nghề gì?

- Thưa Bác, vẫn cái nghề cũ đấy ạ.

- Có tin tức gì bà con ta ở Pari không?

Tôi kể chuyện Pari để Bác nghe, tình hình bà con Việt kiều, tình hình phong trào. Khi tôi báo tin cụ Khánh Kỳ, bạn quen biết với Bác, đã mất, Bác rom róm nước mắt và hỏi:

- Ông cụ đau đớn có lâu không? Con cái có về nhìn nhận ông cụ không?

Rồi Bác hỏi tiếp:

- Chú thay mặt "Liên đoàn lao động thủy thủ", thế Liên đoàn có đồng anh em không? Cố mà tổ chức bà con ta lại, đoàn kết với nhau chặt chẽ. Mai mốt tôi có thể về Pari.



Tôi từ già Bác, trở về Pari nói chuyện lại với Liên đoàn chuyển đi gặp Bác, chúng tôi chuẩn bị đi đón Bác đến Pari.

Hôm ấy, hàng trăm Việt kiều ở Pari, người cầm cờ, biểu ngữ kéo về sân bay Buốcgiê đón Bác. Chưa bao giờ có cảnh đông vui của Việt kiều đến như thế. Sân bay Buốcgiê đầy người. Cờ nước ta bay phấp phới. Các quan chức Pháp ra rất đông. Đây là ngày 22 tháng 6 năm 1946. Máy bay tới. Bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại Mariúy Mutê đón Bác ra xe. Bác trông thấy Việt kiều, Bác giơ tay vẫy chào. Chúng tôi vui mừng hoan hô Bác. Chủ tịch của nước ta. Bác đưa mắt nhìn chúng tôi, tươi cười rạng rỡ. Xe Bác có mười sáu xe mô tô bảo vệ đưa Bác về khách sạn Roayan Môngxô ở trung tâm Pari.

Tôi đến khách sạn và nói với Bác:

- Thưa Bác, thấy Bác sang tôi sung sướng lắm. Tôi xin phép Bác cho tôi được gần gũi Bác để phục vụ Bác.

Bác vui vẻ bảo:

- Được, chú đến đây với tôi cho đến ngày tôi về nước.

Khách sạn lớn nhưng không nấu cơm Việt Nam. Tôi đến nấu cơm cho Bác và cán bộ, nhân viên đi theo Bác. Lại thêm mấy ông trí thức Việt kiều đến giúp việc cho đoàn Chính phủ nữa. Tất cả có đến mấy chục người. Ở được ít ngày, Bác mở tiệc trà mời Việt kiều đến. Bà con Việt kiều sung sướng lắm, được đến khách sạn dự tiệc trà của Chủ tịch nước. Đủ mọi tầng lớp Việt kiều làm ăn, học hành ở Pari. Chúng tôi nói nhỏ với Bác:



- Thừa Bác, người đến đây tuy đông nhưng cũng còn một số người hững hờ và chưa hiểu biết tình hình gì lắm.

Bác bảo:

- Điều đó không tránh được. Bà con xa nước lâu ngày. Ta phải gần gũi bà con, nói cho bà con hiểu, đoàn kết với mọi người. Muốn cho người ta hiểu mình thì phải hiểu người ta trước đã.

Nhân ngày rằm tháng Tám, Bác Hồ cho các cháu đến chỗ Bác chơi và ăn bánh kẹo. Các cháu đem cờ đỏ sao vàng, đàn, trống đến nhảy múa, ca hát rất vui.

Lúc ấy đoàn đại biểu của Bác ở tầng hai khách sạn Roayan Môngxô. Hằng ngày Bác tiếp khách đến thăm. Một hôm, Bác gọi tôi đến và nói:

- Ngày mai, tôi mời ông Thủ tướng Pháp lại ăn cơm với tôi. Chú xem làm thứ gì kiểu Việt Nam cho ông ta thưởng thức.

Tôi làm thực đơn đưa Bác xem, trong đó có món chả giò mà Bác cứ gọi là nem. Bác xem xong, Bác bảo thế là tốt lắm rồi vì chiến tranh mới kết thúc, thức ăn thức uống ở Pari còn khan hiếm lắm. Nhân dân còn phải dùng nhiều phiếu để đi mua thực phẩm, lương thực. Bác nhắc tôi nhớ nấu thêm cho những người Pháp phục vụ đoàn ta ở khách sạn cùng được ăn. Họ được ăn thích lắm, khen đầu bếp Việt Nam nấu ăn ngon miệng. Họ cho tôi mượn đầy đủ các đồ dùng để làm tiệc, Bác đãi Thủ tướng Pháp. Khi



khách đến ăn, Bác bảo tôi vào phục vụ, không để người của khách sạn làm. Khách ra về, Bác bảo tôi:

- Tôi ngó để xem có biết phục vụ không, chú làm được đấy. Tốt lắm. Tôi tưởng chú chỉ biết nghề nấu bếp, còn nghề phục vụ chú học ở đâu?

- Thưa Bác, tôi học dưới tàu, vừa nấu ăn, vừa phục vụ.

Bác nói:

- Ông bà ấy ăn ít; điều lạ là ăn xong ông ta rom róm nước mắt.

Tôi vội nói ngay:

- Thưa Bác, Lêông Blum mà khóc với ta thì như Lỗ Túc đi đòi Kinh Châu.

Bác tủm tỉm cười không nói gì.

Ít ngày sau, Bác bảo tôi, Bác sẽ cùng anh em trong đoàn của Bác đến thăm nhà riêng của tôi. Tôi mời Bác và cán bộ của đoàn ở lại dùng cơm. Trời Pari nóng ghê gớm. Người nào người nấy mồ hôi. Hồi đó, nhà tôi không có quạt máy. Và lại, chiến tranh vừa chấm dứt, ít nhà ai có quạt. Bác hỏi tôi:

- Chú xem tôi ăn có khỏe không?

Tôi đáp:

- Thưa Bác, không được khỏe lắm, cũng bình thường.

- Không, thế là khá lắm rồi đấy.

Ở khách sạn Roayan Môngxô không được an toàn và bất tiện, sang tháng tám, Bác dọn về nhà gia đình ông bà Ôbrắc tại Xoăđixu Môngmôrenxi, ngoại ô Pari. Tôi đi theo Bác cùng các cán bộ của đoàn về đó. Ông Raymông Ôbrắc



là cựu ủy viên cộng hoà Pháp tại Mácxây, còn vợ ông ta, bà Luyxi Ôbrắc là nghị sĩ Quốc hội Pháp. Chúng tôi ở Pháp quen gọi bà Ôbrắc là "nữ tướng" vì bà đã tham gia du kích đánh phátxít Đức, cứu chồng khỏi tay quân Anh, rồi đưa chồng sang Anh hồi chiến tranh thế giới. Bà ta gọi tôi lên gác hai và nói giọng như nữ tướng:

- Đây là buồng ngủ của Chủ tịch. Mọi người phải giữ yên lặng để Chủ tịch nghỉ. Ai làm ồn ào gây tiếng động là tôi nổ súng bắn liền!

Bác Hồ dặn chúng tôi ngay từ buổi đầu:

- Tôi và các chú ra đây, cần ăn ở trật tự, chu đáo, trông nom nhà người ta như nhà mình. Đừng để xảy ra điều gì đáng tiếc.

Tôi lại nấu ăn cho Bác và cán bộ đi theo Bác, đồng thời giúp nấu ăn cho cả gia đình ông bà Ôbrắc tiện thể. Hồi đó, tôi thấy Bác Hồ ho nhiều, người gầy, tôi rất lo. Hằng ngày, khách Pháp và khách các nước đến thăm và làm việc với Bác rất nhiều. Ở đây thuận tiện hơn ở khách sạn, nhất là ít bị cảnh sát Pháp, mật thám Pháp theo dõi, cho nên khách đến đông và tấp nập. Ông bà Ôbrắc thấy Bác ho nên muốn xem tôi nấu nướng như thế nào để chọn những món ăn không làm tăng bệnh ho của Bác. Bà rất kính nể Bác, Bác nói điều gì bà đều nghe.

...

Một hôm, tôi thấy mấy người Việt kiều thuộc nhóm "đệ tử" - trốtkít - đến xin gặp Bác Hồ. Họ mặc quần là ống



sớ. Bước vào nhà họ đứng như tượng. Vì nhà bà Ôbrắc không đủ ghế ngồi, họ đứng chấp tay sau lưng để chờ Bác trên gác xuống. Một lát sau, Bác xuống:

- Kia, các chú không ngồi mà đứng cả thế à? Thế thì tôi ngồi trước vậy.

Bác ngồi hẳn xuống sàn nhà một cách tự nhiên. Mấy người khách đành ngồi xuống theo, nhẹ tay kéo quần lên sợ gãy nếp. Họ đưa ra những thắc mắc về tình hình, như là tại sao ta lại đi đàm phán với Pháp, tại sao ta lại thi hành chính sách nhân đạo với lính Pháp bị ta bắt ở Nam Bộ. Tôi nhớ nhất lúc một người trong bọn họ hỏi Bác: "Chủ tịch bảo không sợ Pháp, Pháp xâm lược thì đánh, vậy đánh bằng gì?", Bác trả lời ngay.

- Tôi đánh Pháp bằng trí tuệ của nhân dân.

Việt kiều Pari không bao giờ quên cuộc mítting đón chào Hồ Chủ tịch tại phòng họp Muytualité. Hôm đó Việt kiều đến đông không còn chỗ len. Có tới bốn năm nghìn người, Bác Hồ đến giữa tiếng hoan hô reo mừng vang dậy phòng họp. Bác hỏi thăm Việt kiều và nói chuyện tình hình. Bác cho biết sau khi cách mạng thành công, nước nhà độc lập, Chính phủ đã được thành lập, nhân dân vô cùng phấn khởi, miền Nam thì đang kháng chiến, toàn dân đang đem hết sức mình ra chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Bác căn dặn kiều bào hướng về Tổ quốc, bình tĩnh và cảnh giác, ở nước của người ta thì phải tôn



trọng luật pháp của người ta, luôn luôn đối xử tốt với nhân dân Pháp, làm cho họ hiểu và có cảm tình với cuộc chiến đấu của nhân dân ta. Rồi Bác nói:

- Sau này kiều bào ta có ai về nước, tôi mong kiều bào mang về một món quà. Không phải mang về quà bánh, tiền bạc mà mang về một cái nghề giúp cho dân, cho nước. Có nghề trong tay là điều rất quý.

Trong phòng họp có những tiếng khóc rung rức vì cảm động. Chính từ ngày đó, trong Việt kiều, mọi người nô nức đua nhau đi học nghề, học khoa học, kỹ thuật, ai có nghề rồi thì học cho thạo nghề hơn.

Khoảng đầu tháng chín, Bác Hồ cùng toàn đoàn lại rời gia đình ông bà Ôbrắc quay về khách sạn Roayan Môngxô. Công việc của Bác lúc này ngày càng bận nhưng không bao giờ Bác bỏ thói quen dậy sớm tập thể dục và đọc báo. Một hôm, người hầu buồng của khách sạn đến gọi chúng tôi sáng sớm, hỏi giọng ngạc nhiên.

- Ai dám vào buồng tắm của Chủ tịch giặt phơi quần áo, mùixoa như thế này, các ông sang mà xem.

Chúng tôi nói cho bà ta hiểu là chính Chủ tịch ban đêm tự giặt lấy quần áo và phơi trong buồng tắm. Bà hầu buồng sửng sốt:

- Trời! Sao Chủ tịch của các ông giản dị đến thế, chịu khó đến thế! Tôi chưa thấy Chủ tịch nước nào như vậy. Thật là con người quý hóa quá!



Hôm ấy là một ngày trung tuần tháng chín, Bác Hồ đi làm việc ở chỗ Bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại Mariuýt Mutê. Chúng tôi ở nhà chờ Bác về. Vào khoảng ba giờ sáng mới thấy Bác về. Tôi mời Bác thay quần áo để ngủ. Quần áo Bác đầm mồ hôi. Bác cho biết Bác vừa ký kết với Pháp về và Bác nói:

- Chú Ty, tôi sắp sửa về nước, chừng hai, ba hôm nữa.

Đội Bác lên giường, tôi nhờ một anh cán bộ sang buồng Bác lấy quần áo về tôi giặt để kịp sáng Bác có quần áo đi làm việc với Thủ tướng Pháp. Tôi giặt và là ngay trong đêm, và để tránh tiếng động, tôi treo quần áo của Bác ở ngay tay nắm cửa ra vào buồng Bác. Bác làm việc khuya như thế mà tôi thấy năm giờ sáng Bác đã dậy, tập thể dục, rửa mặt và lấy quần áo tôi treo ở cửa để mặc. Bác cho mời một số người lãnh đạo Liên đoàn lao động thủy thủ và tổ chức sinh viên, trí thức Việt kiều Pari đến chỗ Bác ở. Bác căn dặn:

- Tôi sắp từ giả nước Pháp. Các chú ở lại chăm lo việc tổ chức bà con Việt kiều ta ở Pháp vào phong trào. Ta phải bình tĩnh, kiên nhẫn, không nên gây chuyện ẩu đả với người Pháp. Ta phải hữu nghị với nhân dân Pháp. Các chú hoạt động mỗi ngày một tiến bộ. Dân tộc Việt Nam ta thế nào cũng thắng đế quốc. Hãy tin tưởng ở tôi và ở tinh thần yêu nước của đồng bào ta.

Hôm ấy, Bác cho mời những người làm việc trong khách sạn, từ chủ đến người dọn buồng, dự một bữa tiệc trà. Hơn một trăm người đứng hai bên, Bác Hồ đứng giữa.



- Vài hôm nữa tôi rời xứ Pháp, rời các anh, các chị về nước tôi. Xin mọi người cùng tôi nâng cốc...

Nhiều người có mặt khóc. Người "sếp" nhân viên phục vụ nói:

- Các ngài về nước sớm quá. Lần đầu tiên chúng tôi mới thấy một Chủ tịch nước như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Suốt 25 năm làm khách sạn, tôi chưa thấy một Chủ tịch nào giản dị, chu đáo như Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Rồi Bác Hồ thay mặt đoàn đại biểu Chính phủ ta trao tặng những người làm ở khách sạn một số tiền diêm thuốc.

Riêng tôi, tôi cảm thấy buồn vì sắp phải xa Bác. Tôi xin Bác cho tôi về nước làm việc. Bác hỏi tôi:

- Chú về có nghề gì mang về?

- Thưa Bác, chỉ có nghề nấu ăn.

Bác nói ngay:

- Nghề ấy lúc này nước nhà chưa cần gấp. Chỉ cần ngay người có nghề giỏi về khoa học, kỹ thuật.

- Thưa Bác, xin Bác cho tôi về đi lính.

Bác cười:

- Lính gì chú! Lính như chú bên nhà không thiếu.

Bác ra ga xe lửa Pari để đón tàu đi Mácxây, rồi dùng tàu thủy về nước. Người ra ga tiễn Bác đông kín như nêm. Lính tráng cảnh sát đứng giữ trật tự bị người ta xô đẩy, tràn qua. Các ông già, bà cả Việt kiều nước mắt rùng rùng. Bác đi chào hỏi mọi người, khuyên bà con ở lại đoàn kết



với nhau, thương nước, thương nòi. Tôi không cầm được nước mắt. Cảnh chia tay thật là bịn rịn. Tôi thấy Bác bước lên toa tàu. Và Bác cũng khóc. Nhìn thấy tôi, Bác vẫy tôi lên toa, ôm hôn tôi và nói:

- Chú quen biết nhiều bà con Việt kiều, chú ở lại với bà con, với đại diện Chính phủ ta. Ở đây, trên bến dưới thuyền, bảo nhau cố học lấy một nghề. Rồi chúng ta sẽ có ngày gặp nhau.

Con tàu đưa Bác chạy về phía Nam, chúng tôi còn đứng mãi trên sân ga, lòng bùi ngùi lưu luyến¹.

*

* *

...

Tôi còn nhớ, một tuần sau khi hội nghị Phôngtennoblô khai mạc, tuy rằng Bác chỉ là thượng khách của nước Pháp, không tham dự Hội nghị, nhưng Bác tổ chức họp báo. Do thấy trước âm mưu đen tối của Chính phủ Pháp đối với cuộc hội đàm nên Hồ Chủ tịch đã đưa ra sáu điểm về lập trường đàm phán của Chính phủ ta. Sáu điểm đó là:

- Việt Nam phải được quyền độc lập. Độc lập nhưng không phải hoàn toàn tuyệt giao với Pháp, mà là ở trong Liên hiệp Pháp, như thế có lợi cho cả hai nước. Về kinh tế và văn hóa, Việt Nam vui lòng cộng tác với Pháp.

1. Xem Nguyễn Viết Ty: "Lưu luyến", trong *Bác Hồ ở Pari*, Sđd.



- Việt Nam quyết không chịu có một Chính phủ liên bang*.
- Nam Bộ là một bộ phận của nước Việt Nam, không ai có quyền chia rẽ, không lực lượng nào có thể chia cắt.
- Việt Nam sẽ bảo hộ tài sản của người Pháp nhưng người Pháp phải tuân theo Luật lao động của Việt Nam và Việt Nam giữ quyền mua lại những tài sản có quan hệ đến quốc phòng.

- Nếu cần đến cố vấn nước ngoài thì Việt Nam sẽ dùng người Pháp trước.

- Việt Nam có quyền phái đại sứ và lãnh sự đi các nước.

Sau khi công bố sáu điểm này, Hồ Chủ tịch đã giải thích:

- Về phía chúng tôi, chúng tôi rất thực thà. Chúng tôi mong rằng người khác cũng thực thà với chúng tôi. Chúng tôi quyết không chịu hạ thấp chúng tôi. Mà chúng tôi cũng không muốn hạ thấp nước Pháp. Chúng tôi không muốn đẩy người Pháp ra khỏi Việt Nam. Nhưng chúng tôi muốn nói với họ: các người hãy phái đến nước chúng tôi những người biết yêu chuộng chúng tôi... Chỉ có lòng tin cậy lẫn nhau và sự cộng tác thật thà, bình đẳng thì mới đi đến kết quả thân thiện giữa hai nước.

Sau đó, giới báo chí Pháp và các nước tường thuật, bình luận rất sôi nổi. Đa số các báo cho thái độ của ta là đúng đắn. Có báo bình luận: "Những lời Hồ Chí Minh nói

* Lúc này Pháp đang có âm mưu chia Việt Nam ra làm ba nước: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và thành lập một Chính phủ Liên bang Đông Dương năm nước gồm 3 kỳ và Lào, Khome.



tỏ rõ Chính phủ Việt Nam muốn dàn xếp mọi quan hệ với Pháp bằng một thái độ hiểu biết và hữu ái giữa hai dân tộc". Một số báo phản động, đưa bài xuyên tạc đã bị các báo khác phê phán kịch liệt.

*

* *

Cuối tháng bảy, Hội nghị Phôngtennoblô bế tắc, mà một trong những lý do là Cao ủy Pháp ở Đông Dương triệu tập cái gọi là "hội nghị liên bang". Bác quyết định đến thăm Phôngtennoblô. Chiều đó Bác đến, các đồng chí trong phái đoàn ta do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu và phái đoàn Pháp, đại diện cho chính quyền và nhân dân quận và ông giám đốc cung Phôngtennoblô ra đón Bác. Bác thăm tòa lâu đài, đi dạo chơi rừng Phôngtennoblô và trao đổi tình hình với các đồng chí trong đoàn đàm phán của ta. Buổi chiều, trên đường trở về Pari, Bác trầm ngâm hơn mọi ngày. Nhưng tối đến Bác vẫn dặn chúng tôi: Chúng ta vẫn tỏ rõ thiện chí, chân thành nhất là đối với nhân dân Pháp.

Mồng 10 tháng 9, Bác bảo chúng tôi chuẩn bị để về nước. Bác quyết định cho bốn anh em trí thức Việt kiều chúng tôi được theo về (trong đó có anh Trần Đại Nghĩa, anh Phạm Quang Lễ). Bác đi từng phòng nhắc nhở chúng tôi hành lý phải gọn gàng, không được để quên và khi ra đi thì phải gọn, sạch. Thấy tôi chuẩn bị mấy hòm thuốc men, sách báo và dụng cụ chuyên khoa, Bác cười bảo: "Chú định khuân cả Pari về đó à?". Những ngày cuối cùng này rất căng thẳng vì tình hình Hội nghị bế tắc, tình hình ở



nhà có nhiều khó khăn. Nhưng Bác tỏ ra rất ung dung, thanh thản. Chiều 14 tháng 9 năm 1946, Bác và đoàn đại biểu Chính phủ ta hội đàm với đoàn Pháp do chính Mutê dẫn đầu, nhưng cũng không đạt kết quả gì. Tôi còn nhớ đó là ngày thứ bảy, hội đàm đến 22 giờ mà vẫn chưa ra sao. Mutê rất ngoan cố, cho rằng vấn đề Nam Bộ là thuộc chủ quyền nước Pháp và y yêu cầu Hồ Chủ tịch ký. Nhưng Bác rất kiên quyết. Cuối cùng Bác nói:

- Chúng tôi sẽ về nước vào 8 giờ sáng ngày thứ hai tới, tức 16 tháng 9.

Bác đứng dậy và dẫn đoàn ta về khách sạn. Nhưng một giờ sau đó, Bác trở lại nhà Mutê. Bác không căng như lúc tối, Bác giải thích cho Mutê hiểu rõ vấn đề Nam Bộ. Bác đặt ra nhiều câu hỏi và giải thích từng điểm. Cuối cùng, hai bên đi tới ký một bản tạm ước, trong đó có ghi nhận "cam kết thi hành những quyền tự do, dân chủ ở Nam Bộ, sẽ đình chỉ mọi hành động vũ lực". Mutê cũng thỏa thuận với Hồ Chủ tịch rằng người Việt Nam có quyền tự do đi lại ở Nam Bộ và quân đội Việt Nam vẫn ở lại Nam Bộ... Lúc Bác rời nhà Mutê để về khách sạn, đồng hồ Pari chỉ 0 giờ 40 phút của ngày 15 tháng 9 năm 1946. Bác nói với chúng tôi đại ý là trong tình hình hồi bấy giờ, đầu có một bản hòa ước với Chính phủ Pháp, con đường của nhân dân chúng ta để giành độc lập, tự do thực sự vẫn phải là con đường chiến đấu.

Tám giờ sáng ngày 16-9-1946, Bác rời Pari. Pari lại một lần nữa náo nhiệt. Hiến binh Pháp mặc áo da đen nắm tay



nhau làm thành hàng rào vẫn không cản được tình cảm của Việt kiều và nhân dân Pháp. Mọi người ùa ra vây lấy xe của Bác vẫy cò, vẫy hoa. Bác rời Pari để đi Mácxây bằng xe lửa. Trước khi lên tàu, Bác đi chào hỏi mọi người. Thấy một số anh chị em Việt kiều giúp việc ở lại đứng gần đấy đang nước mắt giàn giụa, Bác vẫy lại ôm hôn lần cuối và căn dặn:

- Các chú, các cô ở lại với đại diện Chính phủ ta. Ở đây xa nước, xa nhà, cái cần nhất là phải thương yêu đùm bọc nhau. Cố học lấy cái nghề có ích, rồi ta sẽ gặp nhau.

Trên đường đến Mácxây để xuống tàu thủy về nước, Bác đã dừng lại một vài nơi vùng Đông Nam nước Pháp để Việt kiều được gặp. Một buổi chiều, chính quyền địa phương đưa Bác đi xem quân cảng Tulông. Trước mắt là biển Địa Trung Hải xanh biếc. Trong cảng, hàng trăm chiến hạm của Pháp đủ các loại: tuần dương phi đỉnh, diệt lôi, thủy đỉnh... đang đắm chìm ngổn ngang. Đó là những tàu chiến tự hủy hồi cuối năm 1942 mà chính quyền ở đây gọi là "khu bảo tàng" của hải quân Pháp. Nhìn cảnh tượng đó mắt Bác sáng lạ lùng. Tôi thấy như có biển xanh mênh mông trong tâm nhìn của Bác. Bác đã nhìn thấy các di tích suy tàn của đế quốc và nói với chúng tôi:

- Ngày thắng lợi của ta không còn xa.

*

* *

Tàu Duymông Duyếchvin của hải quân Pháp dài hơn một trăm thước, đã đưa Bác về nước. Bác về nước bằng



tàu thủy mà không đi bằng máy bay, vì lúc đó đi máy bay không an toàn.. Và trước khi đi Pari, Bác nhận được hàng nghìn lá thư của đồng bào đề nghị Bác đừng đi máy bay.

Thượng tuần tháng 9 năm 1946, con tàu rời Tulông đi Địa Trung Hải, qua kênh Xuyê vào Hồng Hải tới Ấn Độ Dương để đưa Bác và chúng tôi trở về Tổ quốc. Nhiều hải cảng dọc đường tàu chở Bác đi qua đã bắn súng chào vì nguyên thủ Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bác ghé thăm Gubuti theo lời mời của viên toàn quyền Pháp ở đây. Bác lên thăm Xâylan một ngày. Cụ Găngđi đã cử đại diện tới thủ đô Xâylan để chúc mừng Bác và trao tặng Bác lá cờ của Quốc hội Ấn Độ...

Hơn bốn mươi lăm ngày trên biển cả mênh mông là một quãng đời lịch sử của chúng tôi được sống bên Bác.

Những ngày này, với cương vị là thầy thuốc, hàng ngày tôi thường ăn cơm cùng Bác. Các bữa ăn trên tàu chỉ có Bác, tôi, viên thuyền trưởng và một viên quan năm. Người Pháp khi ăn rất hay nói chuyện. Một bữa ăn, viên thuyền trưởng nói:

- Ôi chà, tôi còn nhớ khi còn là một thiếu úy của một tuần dương hạm đi trên sông Dương Tử, tôi thấy người Trung Quốc đã nhặt các đồ chúng tôi vứt đi, phân loại ra, sắp xếp rất trật tự... thứ nào ra thứ ấy để họ bán...

Tôi ngồi tức điên cả ruột, liếc nhìn thấy Bác vẫn thản nhiên. Tôi liền tợp một ngụm rượu và nói: "Thưa Chủ tịch...", rồi quay sang hẳn. Biết tôi đang "nóng gáy", Bác hỏi ngay:



- Chú định nói gì?

- Dạ, cháu là người Việt Nam đã từng mặc pigiama, đi ô tô ở Pari.

- Sao lại thế?

- Thưa Bác, vì cháu là bác sĩ nên khi đang ngủ có ca cấp cứu, cháu cứ thế đi luôn. Hôm đó 4 giờ sáng - tôi nói với Bác nhưng chủ tâm là để "trả miếng" viên thuyền trưởng - cháu đi cấp cứu qua khu tám - khu quý phái và giàu có. Cháu trông thấy một cảnh tượng không thể nào quên được, đó là các bà công tước đi găng tay, đứng dưới trời giá lạnh cời các đồng rác sau khách sạn để nhặt đồ bỏ đi của lính Đức Hitle...

Tôi nói đến đây, Bác khẽ chạm chân tôi:

- Thôi, ăn đi cho khỏi nguội.

Viên thuyền trưởng vừa đau vì bị tôi "vạch áo", nhưng vừa sợ thái độ của Bác. Về sau tôi có dịp đọc cuốn hồi ký của viên thuyền trưởng này. Chính thủy sư đô đốc Ônen (tên viên thuyền trưởng) đã tự nói lên những ngạc nhiên sùng sốt của mình đối với Bác. "Khi nhận được điện thượng khẩn phải sẵn sàng ngay để chở Chủ tịch Hồ Chí Minh, thì tôi tưởng Chính phủ Pháp lúc bấy giờ sắp đưa ông ta đi an trí một nơi nào đó ở châu Phi...". Và cũng từ ý nghĩ đó, Ônen đã ca ngợi Bác "là một vị thủ lĩnh có phong cách rất độc đáo" mà trong đời "chưa hề thấy ở bất kỳ ai", là một người "rất thông minh và bình tĩnh"...



Trên tàu, công việc không bận rộn lắm, thế nhưng Bác vẫn dậy sớm để tập thể dục, Bác đánh thức chúng tôi và nhắc nhở xếp đặt hành lý, chỗ ở gọn gàng. Cũng rất đều đặn, một ngày ba buổi: sáng, trưa, tối chúng tôi quây quần bên Bác, nghe Bác giải thích tình hình thế giới và trong nước. Có hôm Bác kể những mẫu chuyện đấu tranh của công nhân các nước tư bản. Cũng có những hôm Bác kể cho chúng tôi nghe về Mác - Ăngghen, Lênin. Bác luôn luôn dẫn từ những việc nhỏ đến việc lớn. Từ những mẫu chuyện đơn giản, dễ hiểu, Bác khái quát và nâng lên về nguyên lý.

Mỗi lần tàu ghé vào các cảng ở châu Phi, châu Á, Bác dặn chúng tôi phải chú ý xem xét cuộc sống và lao động cực nhọc của nhân dân các nước dưới ách bóc lột của bọn thực dân. Tôi còn nhớ khi vào Gibuti, Bác đã nói rõ về sự bóc lột của thực dân Pháp ở châu Phi và nỗi thống khổ của người da đen. Tàu ghé vào cảng Côlômbi, Bác giải thích cho chúng tôi về sự khác nhau và bản chất của thực dân Anh với thực dân Pháp. Khi tàu qua eo biển Ấn Độ và nhân việc cụ Găngđi gửi tặng Bác lá cờ Ấn Độ, Bác giới thiệu với chúng tôi về phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ. Bác lên án sự đàn áp dã man của chủ nghĩa thực dân đối với người Ấn. Bác hay nhắc nhiều về nỗi khổ cực của các dân tộc chưa giành được độc lập, tự do. Những lần như thế, Bác thường nói với chúng tôi:

- Nước ta, dân ta cũng còn nghèo khổ lắm. Con đường để giải phóng sự nghèo khổ đó là phải giành được độc



lập, tự do hoàn toàn cho Tổ quốc và nhân dân. Các chú về nước phải hiểu rõ điều đó, phải nhiệt tình đem những cái đã học được ở nước ngoài về vận dụng sao cho thích hợp vào hoàn cảnh nước mình, giúp đỡ, hướng dẫn cho anh chị em ở nhà.

Tôi còn nhớ hôm nghỉ ở Căngđi, cả buổi chiều đó, mấy Bác cháu đi dạo ở vườn Bách Thảo. Lúc đi, lúc ngồi, lúc nào Bác cũng vạch cho chúng tôi rõ thêm về đường lối cách mạng ở nước ta. Bác luôn luôn chuẩn bị cho chúng tôi tinh thần chịu đựng gian khổ khi về nước. Bác luôn dặn dò: tinh thần là yếu tố quyết định cho mọi sự thành công. Ngay trong công tác y tế, trong vấn đề giải quyết bệnh tật cũng vậy, Bác nói: "Hồi trước, khi còn ở Pháp, Bác có bệnh phải nằm bệnh viện Lainéch, chắc chú biết đấy. Các bác sĩ khám và bảo bệnh Bác nặng lắm, không chữa được. Bác không tin, trong đầu óc nghĩ rằng bao nhiêu chuyện chưa làm, ốm đau thế nào được. Thế là Bác xin ra viện và tự luyện thân thể. Vậy mà vẫn khỏe mạnh đấy. Chắc mấy ông thầy thuốc đó giờ gặp lại mình thì phải ngạc nhiên lắm".

Khi qua eo biển Malaixia, viên chỉ huy tàu không dám cho tàu cập bến, sợ Bác lên bờ sẽ có ảnh hưởng lớn trong nhiều người đang chờ đón Bác ở cảng. Tàu chạy chậm lại, đến ba giờ sáng mới ngang qua cảng này. Bác vẫn thức và nhìn chăm chú về phía những ánh đèn trên các đảo xa vời. Bác chỉ từng cụm đèn báo và cho chúng tôi biết từng khu Tângiaba. Bác nói với chúng tôi trong nỗi trầm ngâm



của những hồi ức về thời kỳ hoạt động đầy gian truân mười lăm năm trước.

- Khoảng năm 1930, Bác qua đây, bọn mật thám lòng bắt giữ lắm. Chúng sục trên tàu mà không bắt được. Bác phải hóa trang luôn, lúc giả là người này, lúc giả dạng người kia. Cứ dựa vào quần chúng để đối phó với chúng. Rốt cuộc bọn chúng không tìm được. Bây giờ nghĩ lại thấy vui vui...

Khi tàu đến hải phận miền Nam nước ta, Bác nhận được một bức điện đánh từ Sài Gòn của Cao ủy Pháp, Đô đốc Đácgiăngliơ xin gặp Bác. Bác nhận lời, tàu ghé vào vịnh Cam Ranh.

Vịnh Cam Ranh hôm đó trời oi oi của tiết tháng mười. Tuần dương hạm Xápphoron đã chờ sẵn. Quân Pháp kéo hết các loại cò, giương hết các loại súng theo lễ nghi đón tiếp nguyên thủ các nước. Nhìn thấy vậy, Bác bảo:

- Chỉ chú Tước đi với Bác thôi.

Tôi sung sướng, một vài anh em còn bàn thêm thì Bác nói:

- Để rồi xem!

Bác chỉ xách cây cần và chiếc mũ cùng màu vàng nhạt với bộ quần áo quen thuộc. Đácgiăngliơ, Ủy viên Cộng hòa Pháp tại Đông Dương và cả Moóclic ra cửa tàu đón Bác và một đoàn tùy tùng quân phục lòe loẹt, với những kiếm, gù vàng, bạc và hai tên lính vác kích sáng loáng đi hai bên. Giữa các thứ ấy, sự giản dị và phong độ ung dung, thư thái của Bác là người chủ ở đây, chủ của biển, của đất trời Cam Ranh. Trông Bác vô cùng gần bó với giang sơn những ngày thu ấy, còn các thứ lòe loẹt kia càng trở nên xa lạ, lố lằng và kệch cỡm...



Bữa tiệc trên chiến hạm ở Cam Ranh có thể nói là một cuộc đấu trí rất tài tình của Bác. Bác ngồi giữa, một bên là viên đô đốc hải quân Pháp ở Thái Bình Dương, một bên là thống soái lục quân Pháp ở Viễn Đông. Đắcgiăngliơ cười, giọng mỉa mai, bóng gió:

- Monsieur le Président, vous voilà bien encadré par l'Armée et la Marine (có nghĩa là *Chủ tịch thật đang bị đóng khung giữa lục và hải quân đó*).

Viên cao ủy cố nói kiểu nhát gừng, tách riêng và nhấn mạnh từng tiếng "đang bị", "đóng khung". Nói xong, Đắcgiăngliơ và cả bọn cười khoái chí.

Bác thản nhiên cười và trả lời bằng tiếng Pháp:

- Mais, vous savez, monsieur l'Amiral, c'est le tableau qui fait la valeur du cadre... (*Nhưng, đô đốc biết đó, chính bức họa mới đem lại giá trị cho chiếc khung*).

Cả bọn quan quân nhà thực dân có mặt hôm đó bị một vố ngồi lì đi và cũng từ đó bọn chúng không dám giờ các trò chơi chữ với Bác...

*

* *

Chiều ngày 20 tháng 10, con tàu quay mũi về phía đất liền. Hải Phòng đã hiện ra trước mắt, nơi đây, mười sáu năm về trước, tôi rời quê hương đi tìm phương kế sinh sống và đã mười sáu năm tôi sống ở đất khách quê người. Nay, nhờ có Bác tôi được làm người Việt Nam và được trở về Tổ quốc. Biển cả kia chắc chắn không sánh nổi công lao đó của Bác. 4 giờ chiều,



con tàu kéo ba hồi còi chào cảng rồi cập nhẹ vào bến Ngự. Tôi nhìn qua cửa sổ, trên bờ cả rừng người, rừng cờ đón Bác. Còi thành phố nổi lên rộn rã. Tôi thấy tim mình đập gấp.

Viên đại tá Đép-bô - chỉ huy trưởng quân đội Pháp ở Hải Phòng, đưa đồng chí Thứ trưởng Bộ Nội vụ Hoàng Hữu Nam và năm, sáu người nữa xuống tàu chào Bác và báo cáo với Bác về chương trình đón tiếp... Vừa lúc đó, Ô-nen bước vào rất trang trọng đứng nghiêm đưa tay lên vành mũ:

- Thưa Chủ tịch Hồ Chí Minh, tất cả đã sẵn sàng. Mời Chủ tịch duyệt đơn vị danh dự của thông tin hạm đội chúng tôi.

- Cảm ơn.

Bác chào đáp lễ, rồi quay sang phía chúng tôi:

- Ta lên bờ.

Bác vừa bước ra thì rừng người chuyển động và như những đợt sóng trào, tiếng hoan hô nổi lên trong những tiếng reo mừng "Bác, Bác Hồ", rồi những tiếng hô đều: "Hồ Chí Minh muôn năm, muôn năm". Bác đứng trên boong tàu vẫy chào đồng bào, ung dung tiến về phía đội quân danh dự mặc quân phục thủy quân màu trắng đang bồng súng đứng nghiêm chào. Bác rời tàu giữa tiếng reo hò vang dậy của đồng bào và cán bộ, chiến sĩ ta.

Tối hôm đó, bác lưu lại ở trụ sở Ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng. Tôi đang hỏi thăm sức khỏe của Bác thì có người vào báo là có một cụ già xin được gặp Bác. Bác hỏi ai? Đồng chí cán bộ nói:



- Dạ thưa Bác, cụ già tự xưng là Thuyết!

Bác reo khê rồi cho mời cụ già vào. Đó là một ông già đã lòa hai mắt. Cụ mặc bộ lễ phục màu xanh lá cây. Bác vồn vã đón cụ già và mời ngồi xuống ghế. Cụ già cảm động nháy nháy đôi mắt đã lòa thưa:

- Kính thưa Hồ Chủ tịch...

- Ấy, cứ gọi tôi là Ba như ngày trước.

Bác ngắt lời ông cụ, càng làm ông cụ cảm động hơn. Bác giới thiệu với chúng tôi đó là cụ Thuyết, bạn với Bác hồi làm dưới tàu 35 năm trước đó (1911) và Bác sờ vào bộ quần áo của cụ Thuyết, khen:

- Bộ quần áo từ ngày ấy cụ còn giữ được, quý thật!

Bác hỏi thăm người bạn cũ ân cần thân thiết.

Sáng hôm sau, Bác đi một lượt xem qua phố phường đất cảng, rồi về trụ sở tiếp đại biểu nhân dân và đoàn thể, chính đảng đến đón Bác. Hôm đó, Bác tiếp khách trên gác của Trường nữ sinh Lê Hải (bây giờ là Trường Minh Khai). Bác hỏi thăm từng đoàn đại biểu và Bác kể về chuyến sang thăm nước Pháp. Bác khẳng định về sức mạnh đoàn kết toàn dân. Bác nhắc nhở mọi người phải chú ý tiết kiệm và tích cực diệt dốt. Bác khuyên các đại biểu hãy cảnh giác trước mọi âm mưu của kẻ thù. Sau đó, Bác trả lời nhiều câu hỏi của các nhà báo. 10 giờ sáng hôm đó, Bác lên tàu hỏa, chuyển tàu đặc biệt dành riêng để đưa Bác về Hà Nội. Đây cũng là chuyến tàu hỏa đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được đón Bác. Bác đứng bên khung cửa sổ năm giờ liền để vẫy chào mọi



người. Bác dừng lại và dự cuộc mít tinh trọng thể của nhân dân Hải Dương tổ chức tại ga thị xã.

15 giờ 30 phút, Bác về đến Hà Nội. Thủ đô Hà Nội tung bừng đón Bác. Đâu cũng cờ, hoa, khẩu hiệu và người. Người kết thành trang phục đẹp nhất. Chúng tôi thấy Bác vui vẻ và khỏe hơn những ngày ở Pari¹.

*

* *

...

Âm mưu của thực dân Pháp cướp lại nước ta càng ngày càng lộ rõ, cụ thể trong kế hoạch lấn dần từng bước chiếm Lạng Sơn, chiếm Hải Phòng, v.v.. Ở Hà Nội, chúng tung quân mũ đỏ đi khiêu khích một cách trắng trợn, gây ra những vụ thảm sát cực kỳ dã man như vụ Hàng Bún ngày 17-12-1946...

Quân đội Pháp, bất chấp những lời cam kết với ta, cứ lấn dần, theo kế hoạch tằm ăn rỗi. Bọn tướng lĩnh Pháp ra những điều kiện nhục nhã bắt ta phải nhận. Sau vụ Hàng Bún, chúng đòi nắm quyền trị an ở Thủ đô, đòi giải tán công an của ta, đòi tước vũ khí của tự vệ... Mặt khác, chúng xúi giục bọn Quốc dân đảng giết người, cướp của, làm loạn, gây những vụ thảm sát đồng bào, như vụ "Ôn Như Hầu", v.v.. Trước những hành động khiêu khích

1. Trình Quang Phú ghi theo lời kể của GS.BS. Trần Hữu Tước: "Nhớ lần Bác sang thăm Pháp", báo *Văn nghệ*, số ra ngày 2-9-1972.



trắng trợn ấy, đồng bào sôi sục căm thù. Trong những ngày nghiêm trọng này, Trung ương nhận định rằng chúng ta đã hết sức kiên trì, điều đình với Pháp, mong đi đến một giải pháp hòa bình, nhưng hòa bình trong tự do chứ không phải hòa bình trong nô lệ. Trung ương và Bác quyết định không lùi bước nữa.

So với lực lượng hùng hậu của Pháp có máy bay, xe tăng, thiết giáp, tàu chiến và các phương tiện tối tân khác, lực lượng vũ trang của ta với những vũ khí thô sơ, cũ kỹ thật là quá bé nhỏ. Nước ta khi ấy đang ở trong thế bốn mặt bị đế quốc bao vây. Cơ sở và yếu tố thắng lợi của cuộc kháng chiến vẫn là nhân dân ta và đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài của Đảng, thể hiện trong một loạt bài "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của đồng chí Trường Chinh đăng trên báo *Sự thật* lúc bấy giờ. Quyết tâm của Trung ương Đảng, của Chính phủ, của Bác đã biến thành quyết tâm gang thép của toàn dân. Một lần nữa, nhân dân ta suốt từ Bắc chí Nam, với lòng yêu nước nồng nàn, với chí khí quật cường không vũ lực nào bẻ gãy được, đã nhất tề đứng dậy theo lời kêu gọi của Đảng, của Chính phủ, của Bác, nổi lên đánh giặc, giữ nước.

Ta tích cực chuẩn bị kháng chiến. Nhưng đến phút cuối cùng, Bác vẫn nêu cao ý chí hòa bình của dân tộc Việt Nam. Trước ngày toàn quốc kháng chiến, Bác còn gửi



những thông điệp cho Lêông Bòlum, cho Mutê*, cho Quốc hội Pháp...

Trong những ngày sắp kháng chiến, Bác vẫn làm việc ở Hà Nội, thái độ bình tĩnh như thường. Bác thường hỏi tôi: "Các cháu nhi đồng tản cư hết chưa?". Mấy tiếng đồng hồ trước khi giặc Pháp nổ súng đánh Hà Nội, Bác đã viết lời "Hiệu triệu toàn dân kháng chiến" lịch sử, lời văn ngắn gọn, rõ ràng, đánh thép, đầy niềm tin tưởng vào thắng lợi của chính nghĩa và chứa chan tình yêu nước. Nhân dân ta đã hưởng ứng lời kêu gọi thiết tha của Bác bằng những hành động phi thường.

*

* *

Biết trước tình hình diễn biến của cách mạng, hiểu được bản chất của quân thù..., hôm đi họp Quốc hội (1946) về, Bác gọi tôi vào phòng riêng của Bác và nói:

- Thực dân Pháp đã ký với ta Hiệp định sơ bộ, nhưng ký thì ký, nó vẫn sẽ đánh.

Rồi Bác bảo tôi:

- Anh chuẩn bị về Cao Bằng đi. Anh đi lần này, Trung ương giao cho anh nhiệm vụ mở công binh xưởng, chế tạo nhiều vũ khí, chuẩn bị cho kháng chiến.

* Lúc ấy Lêông Bòlum là Thủ tướng và Mariút Mutê là Bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại.



Tôi lắng nghe từng lời Bác dặn. Tôi hứa với Bác sẽ làm tốt nhiệm vụ Đảng giao. Bác vui vẻ cười. Để tạo điều kiện giúp tôi làm tốt công việc, Bác hỏi:

- Anh cần gì thì chuẩn bị thêm - Bác lại nói luôn - để tăng cường cho xưởng, cơ quan cử lên cho anh thêm một số thanh niên khỏe biết nghề.

Bác còn giao trách nhiệm cho tôi:

- Phải giáo dục bồi dưỡng cho anh em thành cán bộ. Trước tiên phải giúp anh em đoàn kết, hòa mình với quần chúng, học hỏi quần chúng.

Bác xiết tay tôi rồi nói thêm:

- Tiền thì gặp anh Nguyễn Lương Bằng lấy một số mang đi mà làm vốn.

Nói xong, Bác cười và gửi tôi lời hỏi thăm anh em.

Tôi gặp anh Bằng nói lại lời Bác. Anh mở túi "vét" chỉ còn mười vạn đồng đưa cho tôi...

Về tới xưởng, nhìn lại cơ ngơi, mới có mấy tháng xa mà xưởng nay đã đổi thay rất nhiều. Nhà làm việc được nối thêm. Số lượng công nhân được phát triển, sản xuất thì ngày một nhiều.

Để kịp thời truyền đạt chỉ thị của Bác, tôi đề nghị họp chi bộ, sau đó họp toàn xưởng báo cáo với anh chị em chỉ thị của Bác về việc mở rộng xưởng, phát triển sản xuất vũ khí phục vụ cho Vệ quốc đoàn, chuẩn bị cho kháng chiến cả nước. Tôi nói cả việc Bác giao cho xưởng mười vạn đồng và cử thêm một số thợ có nghề lên xưởng. Tôi nói chưa hết, anh chị em đã vỗ tay hoan hô làm cho không khí buổi họp thêm sôi nổi.



Hiếu ý Đảng, tin ở Bác, anh chị em sôi nổi bàn biện pháp làm thêm nhà, xin thêm máy, lấy thêm công nhân để phát triển xưởng. Chẳng bao lâu xưởng chúng tôi được mở rộng, máy móc dụng cụ, nguyên vật liệu được đầy đủ hơn.

Đến tháng 10 năm 1946, Bác đi dự Hội nghị Phôngtennoblô về. Tôi được về tận Hải Phòng đón Bác. Bác vừa đặt chân đến bến Ngự, Hải Phòng, thấy tôi, Bác đưa ngay vào phòng riêng của Bác, Bác hỏi:

- Xưởng của ta ở nhà đã phát triển đến đâu rồi?

Tôi thưa với Bác:

- Ở nhà được các anh Trung ương chỉ đạo, Tỉnh ủy giúp đỡ, xưởng tuyển thêm hai mươi lăm công nhân, xin thêm một số máy móc. Còn sản xuất chủ yếu là lựu đạn, địa lôi và sửa chữa súng hỏng, hóc. Làm được đến đâu giao ngay cho tỉnh đến đó.

- Thế tình hình sức khỏe, ăn ở của anh chị em ra sao? Bác hỏi.

- Thưa Bác, cũng có anh chị em bị sốt rét, nhưng sau khi hết cơn sốt, anh chị em lại đi làm. Còn ăn uống thì độ này có khá hơn so với trước. Riêng về mặc thì có kém, quần áo rách cả...

Nghe tôi báo cáo xong, Bác gửi lời thăm và biểu dương tinh thần của toàn thể anh chị em công nhân. Bác nói Bác sẽ gửi cho anh chị em một số vải, chăn, quần áo.

Bác dặn tôi:

- Mang về trao tận tay cho anh chị em mừng và cần



phải đào tạo thêm nhiều công nhân hơn nữa thì mới sản xuất được nhiều vũ khí, kịp cung cấp cho kháng chiến.

Về đến nhà, tôi báo cáo lại với anh chị em, anh chị em đều phấn khởi và cảm động trước sự chăm sóc của Bác. Chúng tôi động viên anh chị em đẩy mạnh sản xuất, xây dựng xưởng để làm quà biếu Bác.

Ngày 30-11-1946, tôi lại về báo cáo với Bác những công việc đã làm xong và mang theo một số lựu đạn xưởng vừa sản xuất còn thơm mùi sơn mới...

Hà Nội lúc này căng thẳng. Về đến Hà Nội, tôi gặp anh Hoàng Hữu Nam, đại diện của Chính phủ ta trong Ban liên hiệp Việt - Pháp, anh giục tôi ra khỏi Hà Nội. Xe chạy qua nhà số 8 phố Lý Thái Tổ, nơi làm việc của Bác Hồ hồi đó, tôi gặp anh Nguyễn Kháng. Anh Kháng cấp cho tôi một giấy để đi lại trong thành phố, vì lúc này ở Hà Nội, các cửa ô đều được canh gác, đắp ụ để ngăn cản bước tiến của địch, tình hình căng thẳng như dây đàn sắp đứt.

Cơ quan của Bác đã chuyển ra vùng Ngã Tư Sở. Tôi tìm gặp anh Ninh và được anh đưa đến gặp Bác. Trong lúc này Bác bận lắm, nhưng Bác vẫn bố trí thì giờ để nghe tôi báo cáo về xưởng. Tôi báo cáo xong, Bác nói:

- Bây giờ công việc rất khẩn trương. Việc xây dựng và phát triển xưởng cứ thế mà làm, và làm cho tốt.

Rồi Bác bảo:

- Đồng chí về ngay, kéo nó đánh Hà Nội thì đi lại vất vả.

Nghe Bác dặn mà lòng tôi như lửa cháy. Khi tôi đi, Bác còn dặn chuyển số lựu đạn xưởng biếu Bác về



Cục quân giới, để Cục quân giới cấp ngay cho Vệ quốc đoàn và tự vệ Liên khu 1 đang bảo vệ Thủ đô.

Chia tay Bác, tôi về đến xưởng được ít ngày thì tiếng súng toàn quốc bùng nổ, Hồ Chủ tịch ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19 tháng 12 năm 1946.

Để tăng nhanh việc chế tạo vũ khí kịp thời cung cấp cho cuộc kháng chiến, được sự đồng ý của Tỉnh ủy, xưởng chúng tôi đã tổ chức vận động nhân dân địa phương sửa chữa con đường từ địa phương đến thị xã Cao Bằng dài hơn 10 km để xưởng chuyển máy móc ra thị xã. Nhờ có đường dễ đi, ngày mùng 1 tháng 1 năm 1947, xưởng đã được chuyển ra thị xã Cao Bằng. Nhờ có điện nên sản xuất tăng rất nhanh, không khí sản xuất rất sôi nổi. Chi bộ cũng quyết định cử một số anh chị em ở lại trông nom cơ sở cũ, nếu có chiến sự lan tới thì có nơi làm việc ngay... Lúc này xưởng đã tăng lên gấp mười lần so với ngày đầu tiên khai trương "lò chữa súng".

Tiếng súng toàn quốc bùng nổ được hai ba tháng, tôi lại về báo cáo với Bác. Đi đến Quốc Oai thì gặp anh Trần Đăng Ninh. Anh Ninh cho biết một số tình hình rồi đưa tôi vào gặp Bác.

Tôi thấy Bác cải trang thành một nhà sư trông rất lạ. Hồi đó Bác có phần gầy vì lo công việc nhiều. Tôi chào Bác, Bác bắt tay tôi và chỉ vào tôi nói vui:

- Ai cho vào đây? Chú nào lại lộ "bem" rồi?

Anh Trần Đăng Ninh đỡ lời:

- Thưa Bác, tôi ạ.

Bác không để chúng tôi kịp lạ lẫm trước cảnh tượng



mới, Bác mời tôi uống nước và vào chuyện luôn. Bác bảo Bác đã được tin xưởng chuyển ra thị xã Cao Bằng để tận dụng điều kiện tăng nhanh sản xuất. Bác còn dặn tôi về tập hợp công nhân cũ và tuyển thêm nhiều thanh niên mới, đào tạo thành công nhân có nghề. Xong Bác vỗ vai tôi bảo:

- Đồng chí Cáp trước đây biết huấn luyện quân sự, bây giờ còn nhớ hay say sưa với việc nghiên cứu chế tạo vũ khí, quên mất rồi?

Tôi thưa với Bác:

- Thưa Bác, vẫn nhớ. Nhớ như bốc thuốc Bắc ấy.

Nhìn tôi Bác cười:

- Thế bây giờ đồng chí về phải tổ chức, huấn luyện cho anh chị em công nhân tập quân sự. Biết bắn súng, ném lựu đạn cho tốt để giặc đến là đánh, giặc đi là sản xuất. Mặt khác phải tổ chức canh gác, tổ chức các đội tự vệ sẵn sàng đánh địch, bảo vệ xưởng, đào hầm hố ẩn tránh đề phòng máy bay địch đến ném bom.

Những lời căn dặn ân cần của Bác là những chỉ thị của Đảng chỉ ra cho xưởng chúng tôi hướng đi ngay từ những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp¹.

*

* *

...

Về đến Hà Nội, Hồ Chủ tịch liên hợp Chính phủ và Ban thường trực Quốc hội, đặt những tổ chức để thi hành

1. Xem Đặng Văn Cáp: *Đường ta sáng mãi*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1974.



bản Tạm ước, đồng thời đề phòng những sự phản bội của thực dân Pháp. Một kế hoạch xây dựng kinh tế được đặt ra. Chủ tịch tự mình đặt kế hoạch cho một vùng kiểu mẫu. Tất cả mọi việc đều nhằm mục đích hòa bình và xây dựng đời sống mới.

Nhưng thành linh thành phố Hải Phòng bị quân đội Pháp tiến công. Đây là ngày 20 tháng 11 năm 1946. Ngày hôm sau, thực dân Pháp lại tiến công Lạng Sơn.

Hồ Chủ tịch và tướng Moóclie, Tư lệnh quân đội Pháp ở Bắc Bộ, cử những phái đoàn đến Hải Phòng thi hành mệnh lệnh ngừng bắn. Hải quân, không quân, lực lượng quân Pháp đồng thời tàn sát ngót một vạn đồng bào ở Hải Phòng.

Đã mấy lần, Chủ tịch gửi những bức điệp văn cấp bách cho Chính phủ, Quốc hội và nhân dân Pháp, yêu cầu chấm dứt quân chiến tranh. Song Chính phủ Pháp không trả lời những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. Trái lại, Chính phủ Pháp gửi thêm viện binh. Nhiều đội quân nhảy dù và đội quân lê dương đổ bộ ở Hải Phòng, Đà Nẵng và Hà Nội.

Tình hình thêm nghiêm trọng.

Nhân dân Hà Nội phải chuẩn bị những phương pháp an toàn. Họ đắp chướng ngại vật và đào hầm trú ẩn, nhiều gia đình tản cư.

Hằng ngày, máy bay Pháp thị uy trên không phận Hà Nội, thậm chí lượn qua cả dinh Hồ Chủ tịch. Binh lính Pháp tăng thêm khiêu khích.



Ngày 17 tháng 12, lính Pháp dùng vũ lực đòi chiếm trụ sở của Bộ Tài chính.

Tướng Mooclie, Tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Bắc Bộ gửi cho Chính phủ ta một bức tối hậu thư đòi giải tán đội tự vệ, và quân đội Pháp càng khiêu khích già.

Mặc dù tất cả những việc đó, Hồ Chủ tịch vẫn cố dàn xếp mọi việc một cách hòa bình.

Tối 19 tháng 12, quân đội Pháp bắt đầu liên tiếp tiến công Hà Nội và những thành phố khác.

Sáng ngày 20 tháng 12, tại đại bản doanh ở ngoại ô Hà Nội, Hồ Chủ tịch kêu gọi nhân dân toàn quốc kháng chiến.

Thực dân Pháp tin chắc là chúng sẽ thắng. Chúng tưởng rằng chỉ trong vài ngày, chúng sẽ hoàn toàn chiếm được Hà Nội. Nhưng chúng đã lầm to. Hà Nội chiến đấu anh dũng. Sau hai tháng chống cự kịch liệt, quân ta an toàn rút khỏi Hà Nội.

Quân Pháp chiếm được Hà Nội, nhưng đã thiệt hại:

- Hơn 3.300 binh sĩ chết và bị thương.
- 420 súng trường.
- 100 tiểu liên.
- 4 súng cối
- 25 xe tăng
- 70 xe vận tải
- 4 ca nô bọc sắt.

Ngày 25-12-1946, Hồ Chủ tịch nghe tin ông Mutê, Bộ trưởng Bộ hải ngoại Pháp đã đến Đông Dương. Chủ tịch



gửi ông ta một bức điện chúc mừng lễ Nôen và mời ông này đến nói chuyện để cứu vãn hòa bình.

Nhưng Cao ủy Pháp Đácgiăngliơ đã tổ chức một màn kịch khủng bố để làm cho ông Mutê khiếp sợ. Mutê chỉ ở lại có mấy ngày rồi đi ngay, không đến gặp Hồ Chủ tịch. Như thế là hy vọng dàn xếp hòa bình đã tiêu tan. Hồ Chủ tịch cùng với nhân dân Việt Nam quyết định kháng chiến đến cùng.

Chính sách của Hồ Chủ tịch rất đơn giản và rõ ràng: thống nhất toàn quốc và độc lập thật sự; hợp tác bình đẳng và thành thật với nhân dân Pháp.

*

* *

...

Ngày 17 tháng 12 năm 1946

Trưa nay quân Pháp gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún và khiêu khích ở khắp Thủ đô. Theo báo cáo cho biết, ngày hôm qua bọn trùm thực dân Pháp ở Đông Dương họp với nhau ở Hải Phòng bàn bạc âm mưu gây chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Hai tuần nay các anh thường đến họp bàn công việc với Bác. Nhiều lúc thấy Bác suy nghĩ nhiều, nhưng Bác vẫn giữ đúng giờ giấc làm việc.

Ngày 18 tháng 12 năm 1946

Quân Pháp chiếm Nha tài chính và đòi kiểm soát cả Công an, đồng thời ra hạn hai mươi bốn tiếng phải trao



việc giữ trật tự cho quân đội Pháp. Như vậy đã tâm xâm lược nước ta của bọn thực dân phản động Pháp đã lộ rõ.

Sáng, Bác bảo mình ra Bắc Bộ Phủ có việc... Dân thành phố tiếp tục tản cư đông. Nhiều phố đào đường đắp ụ. Xe của quân đội Pháp không tự do đi lại được, bọn chúng càng hung hăng.

Chính phủ tiếp tục kêu gọi dân chúng bình tĩnh, Tây lại càng làm già. Ở những phố Tây đều có lính canh, chúng mang cả xe bọc sắt đến, đặt cả súng máy giữa đường...

Qua Khâm Thiên, chướng lữ đồ sộ chôn dựng đứng cây gỗ to và cao. Sinh hoạt trong thành phố khác hẳn. Các nhà hầu hết đóng cửa.

"Nhà khách", nhà "Tây đen" cũng chỉ mở hé. Ngoài đường ít gặp cụ già, đàn bà, trẻ con mà chỉ thấy thanh niên. Cả trai gái đều hăng nhất là tự vệ thành, người súng dài, người súng ngắn, rất hiên ngang. Trên bức tường ở đầu phố Hàng Đào dán tờ báo rất to, mỗi chữ bằng bàn tay kêu gọi nhân dân sẵn sàng. Trên tường phía trước nhà, đều kẻ khẩu hiệu "Thà chết, không làm nô lệ".

Ở nhà "cậu Tú"* các anh đến họp bàn với Bác. Tối nay, Bác ngồi viết sớm hơn mọi ngày...

Ngày 19 tháng 12 năm 1946

Bác dậy rất sớm...

Đêm qua có thể Bác ngủ ít. Bác gọi mình dậy, đọc

* Túc nhà ông Nguyễn Văn Dương ở làng Vạn Phúc, thị xã Hà Đông.



cho viết bức thư gửi Lêông Bòlum. Có lúc gió lùa qua khe cửa sổ làm lung linh ngọn đèn dầu con, hàng chữ mình viết cũng lung linh không thẳng hàng. Bác ngồi choàng áo khoác, bóng Bác in to trên tường, vẫn suy nghĩ, không thấy động đậy. Mình thoáng nghĩ chắc chẳng ai nghĩ Bác Hồ ngồi làm việc lúc này trong căn gác nhỏ ở làng Vạn Phúc.

5 giờ sáng mình đã lên xe mang thư đến anh Văn, rồi ra Bắc Bộ Phủ gặp anh Giám chờ tin tức.

12 giờ về báo tin Sainteny không tiếp ông Giám, thoáng thấy Bác hơi cau mày rồi mới nói khẽ như buột miệng: "Hừ thì đánh!".

Cả buổi trưa, Bác không nghỉ, ngồi chăm chú viết và sắp xếp tài liệu...

Đến 2 giờ rưỡi, anh Nhân, anh Thọ, anh Văn lại đến họp. Họp nhanh hơn mọi lần. Lúc tan họp, mình nhìn đồng hồ mới 3 giờ 15 phút. Anh Nhân trầm ngâm đi ra. Lúc mình chào, có lẽ làm đứt ngang suy nghĩ của anh làm anh hơi giật mình, đáp vội "Chào các anh nhé", rồi xuống gác. Anh Thọ thì vui vẻ nhưng vội vàng, vỗ vai mình hỏi: "Thế nào, sửa soạn xong chưa?", rồi cũng vội bước theo anh em. Anh Văn ít bộc lộ hơn mọi lần. Anh đội mũ cát và đeo kính đen ngay từ trong nhà, mặc áo pađòsuy dài, đi xuống không nói năng gì... thường mọi ngày anh rất tươi cười.



Bác ngồi viết tiếp một lúc. Viết xong Bác sắp xếp tài liệu và cả giấy bút vào cặp. Bác gọi vào bảo: "Các chú sửa soạn nhanh, tối ta đi".

Ngày 20 tháng 12 năm 1946

6 giờ 45 tối qua, Bác rời khỏi Vạn Phúc. Đến ở đây được 16 ngày. Một số đồng chí đã đi xe đạp trước, mình đi sau với Bác do anh Cả* đưa đi. Xe qua Thanh Oai, qua Kim Bài, ngã Tư Vác rẽ vào đường đôi lên đê Xuyên Dương. Trời tối đen, xe chỉ bật đèn mờ đủ đi. Những ổ gà ở đường đá, những sống trâu ở bờ đê làm cho xe xóc nảy lên. Thế mà mình có lúc vẫn ngủ gật vì mệt và tiếng máy rì rì giữa đêm khuya. Bỗng tiếng hô "Đứng lại!" của tự vệ làm giật mình. Máy anh em hỏi giấy. Xem xong, xe lại lắc lư đi trong đêm tối, không chạy nhanh được. Đến chỗ hẹn, xe tắt đèn đỗ trên đê, anh Cả xuống tìm người đón. Đêm khuya càng im lặng. Trên trời sao lấp lánh...¹.

II

...

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, các cơ quan ta về đóng ở vùng núi Hà Đông. Tôi nhớ vào dịp Tết

* Anh Cả, tức đồng chí Nguyễn Lương Bằng.

1. Xem nhật ký *Những chặng đường trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi* của đồng chí Vũ Kỳ, Tư liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.



năm ấy - năm 1946 - Trung đoàn Thủ đô đang đánh giặc rất hăng ở Liên khu I. Để động viên nhân dân kháng chiến, cổ vũ các chiến sĩ trong Liên khu I đánh giặc, Bác tới Đài phát thanh đọc lời chúc Tết.

Đầu năm 1947, trước thế giặc hung hãn, để tiện cho việc lãnh đạo kháng chiến, các cơ quan lãnh đạo của ta lại trở về Tuyên - Thái, vùng căn cứ trước Cách mạng Tháng Tám. Sinh hoạt ở đây càng gian khổ hơn so với hồi còn ở Hà Đông và Sơn Tây. Mà công việc đến với Bác cứ như các lớp sóng biển dồn tới. Nhưng rất mừng là sức khỏe của Người hồi này lại khá hơn.

Bác vẫn làm việc thứ tự, ngăn nắp như thường lệ.

Nhớ những ngày đầu tới châu Tự Do, bộ phận đi với Bác rất gọn nhẹ, tất cả chỉ có 8 người, vừa làm cảnh vệ, vừa liên lạc, cấp dưỡng. Chúng tôi làm một chiếc lán dài, ngăn đôi. Một nửa để Bác ở và làm việc, một nửa chúng tôi ở, đồng thời dùng làm luôn cả phòng ăn, phòng họp.

Công tác bảo mật lúc này được đề ra rất cao. Nhân dân rất tốt, được giáo dục về giữ bí mật kỹ càng. Nhưng vì lòng kính yêu đối với Bác nên rất khó giữ được bí mật. Do đó, cứ nửa tháng, mười ngày lại phải chuyển chỗ ở.

...

Về đời sống của Bác, vì di chuyển luôn, không tăng gia được, nên cũng gặp nhiều khó khăn. Hằng ngày ăn toàn cơm gạo đỏ với rau tàu bay luộc, hoặc xào, còn thịt thì băm nhỏ, kho hai phần thịt, một phần muối ớt rồi cất đi, ăn dần.



Tuy thế, đến đâu cũng vậy, hễ thu xếp xong chỗ ăn ở, Bác lại đưa chúng tôi vào chương trình học chính trị, văn hóa. Bác rất coi trọng việc phổ biến cho chúng tôi hiểu biết tình hình thời sự.

Nhớ một đêm, chúng tôi ngồi quanh bếp lửa, sinh hoạt tổ như thường lệ. Sau khi nghe phổ biến tin chiến sự và chủ trương trường kỳ kháng chiến của Đảng, chúng tôi đang trao đổi ý kiến với nhau thì Bác tới. Người ngồi lên một gốc củi rồi hỏi chúng tôi có thắc mắc gì không. Một đồng chí trong chúng tôi hỏi Bác.

- Thừa Bác, chúng cháu nghĩ mãi vẫn chưa rõ tại sao phải đánh trường kỳ, vì đánh trường kỳ thì hại người hại của lắm!

Bác phân tích cho chúng tôi rõ các mặt lợi hại rồi lấy một ví dụ:

- Sức ta lúc này như trai mười sáu, mà giặc thì như một lão già quý quyết, độc ác. Nếu ta cậy sức đánh bừa thì sao chắc thắng được? Phải vừa đánh, vừa nuôi cho sức mình lớn lên. Khi sức ta đã khỏe, giặc đã suy yếu, già cỗi, ta mới lừa thế quật nó ngã, như vậy có chắc không?

Bác dừng lại nhìn chúng tôi một lượt và khi đã thấy chúng tôi nhận thức được, Bác kết luận:

- Vì vậy mới nói trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi.

...

Tới năm 1947, tình hình các mặt trận đã tạm thời ổn định. Bác đề ra cho các cơ quan phải sản xuất để tự túc



một phần lương thực. Muốn vậy cần phải có địa điểm ở tương đối tốt, phải có căn cứ địa trên một quy mô lớn.

Mỗi khi chúng tôi đi tìm địa điểm, Bác thường dặn những điểm cần thiết, nghe nhiều lần thành quen. Lời Bác dặn giống như một bài thơ dễ nhớ:

Trên có núi
Dưới có sông
Có đất ta trồng
Có bãi ta vui
Tiện đường sang Bộ tổng
Thuận lối tới Trung ương
Nhà thoáng, ráo, kín mái
Gần dân, không gần đường.

Chỉ có mấy yêu cầu ấy thôi nhưng thực hiện được thật là khó. Núi đẹp thì thiếu sông, được nơi kín đáo lại không thoáng ráo, không gần dân. Tuy vậy, gắng sức vẫn tìm ra được nơi vừa ý.

"Chủ tịch Phủ" hồi này cũng không còn là chiếc lán dài nữa. Chúng tôi làm riêng cho Bác một cái "lầu". Tầng trên để Bác ngủ và làm việc ban đêm, tầng dưới để làm việc ban ngày, như vậy tránh được thú dữ và không khí ẩm thấp của núi rừng.

Đồ dùng riêng của Bác thật là giản dị. Chỉ có cái chăn, cái màn, vài bộ quần áo và đôi dép cao su chúng tôi mua ở phố Sơn Dương thôi. Nếu được lệnh di chuyển đi đâu, chúng tôi chỉ việc đem cái màn và mấy bộ quần áo kia cuộn vào cái chăn của Bác thành một gói, thế là xong rồi.



Ngoài ra còn có ít sách, ít tài liệu đựng trong chiếc túi, đi đâu Bác đeo lấy, chúng tôi chỉ mang hộ Bác chiếc máy chữ xách tay. Do đó "ngôi nhà lâu" tuy nhỏ mà vẫn rộng.

Đạo này ngoài việc tập võ thuật, Bác còn tham gia đánh bóng và bơi lội. Bác chơi bóng chuyền rất vui. Người búng bóng và phát bóng chắc chắn, nhưng tuổi già nên chậm, chỉ đỡ được những quả nhẹ nhàng và ở phía trước thôi.

...

Lúc bơi lội, chúng tôi thường bơi quanh Bác để giúp Người những khi qua dòng suối nước mạnh. Bác thường đùa, Người chỉ vào mình và chúng tôi mà nói:

- Đây là "bà già". Còn đây là các tàu bay khu trục.

Nhờ tập đều như vậy nên mỗi khi đi công tác gặp sông, bất kể ngày đêm, Bác vẫn cùng chúng tôi bơi qua một cách dễ dàng. Những lúc đi công tác gặp lũ to, suối lớn cũng ít khi Người chịu dừng lại.

Cuối thu năm 1947, cuộc sống của Bác và chúng tôi đã khá chu đáo. Quanh nhà đã có vườn rau, giàn mướp, đàn gà, sân bóng, xà đơn, xà kép. Bác còn bảo mua đàn về để các đồng chí trẻ học nhạc, học hát cho vui.

Ngoài công tác tăng gia của cơ quan, Bác lại cho chúng tôi tới làm giúp dân ở các xóm quanh đó, bày cho bà con biết cách làm ăn có kỹ thuật, hoặc cho thuốc chữa bệnh, tham dự các buổi họp của dân, v.v.. Những buổi làm giúp như vậy, nhân dân thường đem cho gà và nếp. Trước, chúng tôi không nhận, dân không bằng lòng. Sau,



nhận rồi trả tiền, hoặc xem có các thứ gì dân cần thì biểu lại. Thế là cả hai bên đều vui vẻ.

Giữa lúc ấy thì địch nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn. Tình hình chiến sự lúc này, chúng tôi được biết là: mặt trận từ Bình - Trị - Thiên trở vào Nam thì các mũi tiến công của địch tạm dừng lại. Còn ở ngoài Bắc, sau thời gian địch chiếm được các thành phố lớn và đường số 5, đường Hà Nội - Nam Định, chủ lực của chúng phải rải ra để chiếm đóng nên các cuộc tấn công thời gian qua có giảm đi. Gần đây, sau khi nổi lại được hành lang Đông - Tây (Tây Bắc, Hòa Bình, Hà Nội, Hải Phòng, Tiên Yên, Lạng Sơn), lại có thêm viện binh từ Pháp mới sang, địch quyết định tấn công Việt Bắc - nơi đầu não của kháng chiến. Chúng cho binh đoàn Bôphorê từ Lạng Sơn lên chiếm Cao Bằng, binh đoàn Commuynan từ Việt Trì ngược sông Lô lên chiếm Đoan Hùng, Tuyên Quang, Chiêm Hóa. Âm mưu của chúng là hội quân ở Bắc Kạn, tạo thành một cái ô bọc lấy Việt Bắc, rồi chúng cụp ô lại, khép chặt vòng vây, dưới đánh lên, trên đánh xuống, nhảy dù ở những nơi nghi có cơ quan của Đảng và Chính Phủ để lùng bắt, phá cho được đầu não của cuộc kháng chiến. Sau đó chúng sẽ bình định nốt các vùng khác. Kế hoạch của chúng thật là to lớn! Chúng đã xây một giấc mơ thật là "huy hoàng"!

Sau khi Bác đã bàn bạc với Trung ương Đảng, với Bộ Tổng tư lệnh để đối phó với tình hình, Người cho lệnh dời cơ quan.



Tôi thắc mắc hỏi Bác về tình hình, Bác bảo:

- Chúng mạnh về hai gọng kìm. Gọng kìm mà gãy, thì cái ô sụp xuống sẽ thành ô rách! Tiếc là ta chưa có đủ chủ lực để chặn bàn tay của chúng thò vào trong ô, nên Bác và các chú cũng sẽ vất vả ít lâu đấy!

Đêm ấy, chúng tôi sắp xếp ra đi với tám gánh. Trời tối, mưa trồn, gió bắc hun hút. Bác, quần áo gọn, tay chống gậy, khăn mặt vắt vai, chờ người tới dẫn đường là đi. Người dẫn đường vừa đến, chúng tôi lập tức đòn gánh lên vai. Toàn đường tắt, hẻo lánh, đường mà đội Cứu quốc quân thứ hai năm xưa đã đi xây dựng cơ sở. Đường trồn, gánh nặng mà chúng tôi tuy được rèn luyện ít nhiều nhưng chưa phải tất cả đã quen, nên tới nửa đêm có người đã bị tụt lại quá xa, đồng chí dẫn đường phải ghé vai giúp đỡ đồng chí yếu sức.

Ngày hôm sau nghỉ, lương thực voi đi một ít, cuộc hành quân thoải mái hơn. Trước lúc lên đường, Bác bảo:

- Rút kinh nghiệm đêm qua hành quân thiếu công tác chính trị nên mệt, hôm nay các chú đi gần Bác, Bác kể chuyện cùng nghe.

Lúc đầu kể chuyện vui, chuyện thời sự, sau Người bảo:

- Các chú cần phải hiểu và thuộc Kiều, Chinh phụ ngâm mới được. Đó là những áng thơ hay của nước mình.

Chúng tôi vâng lời. Người bắt đầu dạy. Tiếng Bác đọc trước, tiếng chúng tôi học theo sau, giọng ngân nga trầm bổng, hòa với tiếng đòn gánh tre điểm nhịp làm cho chân bước quên cả mỏi.



Người dạy và giảng cho chúng tôi nghe cái hay, cái đẹp của truyện Kiều, Chinh phụ ngâm.

...

Trải qua hai đêm vất vả, chúng tôi về tới địa điểm và bố trí cơ quan làm việc trong một khu vực. Ở đây ít lâu thì tin chiến thắng Bông Lau trên đường số 4, chiến thắng Đoan Hùng, Bình Ca trên sông Lô đồn dập bay về. Lúc này tôi mới hiểu lời Bác nói trước khi đi. Gọng kìm chưa gãy nhưng địch không mạnh nữa rồi!

Thu dọn, bố trí chỗ ở vừa xong, Bác lại cho chúng tôi đi gặt giúp dân. Lúc này dân đang gặt gấp để cất giấu thóc lúa phòng địch nhảy dù đốt phá. Khu chúng tôi ở có con đường xuyên qua nên dân hay đến hỏi công việc. Để tiện liên lạc, chúng tôi đặt ở lối vào một cái mố, ai có việc cần tới thì cứ đánh mố, chúng tôi sẽ ra. Sau mấy ngày đi gặt, mố cứ gõ luôn. Ra tới nơi chả có ai, chỉ thấy gạo, gà, mật ong đồng bào để đó. Vì đồng bào sợ chúng tôi không nhận nên đánh mố gọi rồi gửi quà lại.

Công việc đã tạm ổn định, thì một đêm, khoảng 12 giờ, Bác đi họp về gần tới cơ quan bỗng nghe tiếng vó ngựa dồn dập từ phía sau vọng đến, Bác lắng nghe và bảo:

- Chùng lại có việc gấp rồi!

Một lát sau, đồng chí Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng cùng đồng chí bảo vệ, từ trên mình hai con ngựa uớt đẫm mồ hôi nhảy xuống báo cáo với Bác và đưa thư



của anh Văn xin ý kiến Bác. Qua ý kiến của đồng chí Chánh Văn phòng, tôi được biết: theo tin tình báo của ta, ngày mai địch sẽ nhảy dù chiếm khu vực này. Phối hợp với binh đoàn Bôphorê rút từ Bắc Kạn về, chúng sẽ càn quét vùng Thái Nguyên, Tràng Xá...

Bác viết thư trả lời anh Văn và dặn dò đồng chí Chánh Văn phòng xong, Người dùng điện thoại trao đổi với các cơ quan gần đây. Sau đó, Người ra lệnh cho chúng tôi chuẩn bị di chuyển cơ quan. Thu xếp xong thì vừa 3 giờ sáng.

Bác quyết định tranh thủ đi cả ban ngày, phân tán thành từng tổ hai, ba đồng chí. Tôi được đi với Bác. Đêm qua Bác dự hội nghị rất khuya. Suốt cả ngày và đêm nay lại đi miết, nhưng Người vẫn dẻo dai. Thấy một cái lều gần bìa rừng bỏ trống, Bác bảo vào nghỉ một chút cho đỡ mệt rồi sẽ đi tiếp. Vừa cời ba lô ra, Bác đã nói ngay:

- Chú đi ngủ trước, đến 5 giờ thì dậy gác thay để Bác ngủ.

Chỉ có hai Bác cháu mà Bác cũng cắt gác. Nhưng Bác đã bảo là phải nghe, nên mặc dầu rất áy náy, tôi cũng đành phải vâng lời. Một quá, nằm xuống tôi đã thiếp đi luôn. Đến 5 giờ 10 phút, Bác mới gọi tôi dậy thay gác. Trời sáng dần. Tôi ngồi ngoài cửa nhìn Bác ngủ. Kỳ này Bác khỏe lắm. Nước da hồng hào, gân ở bắp chân nổi lên cuộn cuộn nên Bác đi bộ cả ngày là chuyện thường. Nhưng râu và tóc của Bác so với ngày đầu tôi mới gặp Người thì đã bạc đi nhiều rồi. Thương Bác suốt ngày vất vả, tôi định để



Bác ngủ tới 6 giờ 30 phút sẽ gọi. Nhưng đúng 6 giờ, Bác đã thức dậy. Người hỏi:

- Sáng hẳn chưa chú?

Lúc này trời bỗng có sương mù nên cũng đỡ ngại địch nhảy dù sớm. Bác cháu tiếp tục lên đường. Dọc đường, tôi phàn nàn:

- Giá có một tiểu đoàn bảo vệ thì Bác đỡ vất vả.

- Sao chú lại nghĩ vậy? Nếu lúc này ta có lực lượng thì để đánh giặc chứ! Có đánh được giặc mới bảo vệ được mình.

Sau đó Bác giải thích cho tôi rõ:

- Vì phong trào du kích chiến tranh chưa cao nên ta còn phải phân tán bộ đội ra xây dựng cơ sở du kích trong các tỉnh. Khi nào du kích chiến tranh đã phát triển, lúc ấy ta sẽ rút dần bộ đội về, thành lập các lực lượng chủ lực. Bây giờ mà chúng còn mò sâu vào vùng tự do của ta như thế này, chúng sẽ biết tay!

Cả ngày hôm ấy, hai Bác cháu đi miết về tới Quảng Nạp thì được tin trưa hôm đó địch đã nhảy dù xuống khu vực cơ quan vừa di chuyển. Ở Quảng Nạp còn đang chờ nghe tin các nơi thì địch đã nhảy dù xuống Cù Vân, Đại Từ, binh đoàn Bôphorê chia một cánh quân tới chiếm Quán Vương. Chợ Chu, phối hợp với nhau càn quét khắp vùng này. Bác ra lệnh cho các cơ quan chuyển sâu lên phía trên thượng nguồn sông Đáy.

Đến địa điểm mới được mấy ngày thì tin tức từ mặt trận báo về là bọn giặc đã bị quân ta chặn đánh các ngả,



phải rút khỏi Thái Nguyên chạy về Hà Nội. Chúng đã bỏ lại hàng ngàn xác chết, hàng trăm tên bị bắt sống. Chiến dịch Việt Bắc năm 1947 là thất bại đầu tiên của giặc.

Cuộc kháng chiến của ta bắt đầu chuyển sang một giai đoạn mới. Tin chiến thắng từ mặt trận báo về liên tiếp. Các nơi gửi rất nhiều quà chiến lợi phẩm về biếu Bác. Bác nhận rồi giao cho cơ quan chuyển đi tặng các cụ phụ lão, các cháu thiếu nhi và anh em thương binh các bệnh viện. Căn cứ địa của ta ngày một thêm vững vàng. Lúc này, chúng tôi lại làm một cái nhà chu đáo, đẹp đẽ hơn để Bác làm việc và nghỉ ngơi. Ngày ngày Người rất bận, nhưng nếp sinh hoạt của Người rất đều đặn, thư tự. Những ngày ở gần Người bao giờ tôi cũng thấy Người như thế, dù lúc thuận lợi hay khi tình hình diễn biến phức tạp, khó khăn, căng thẳng, phong thái của Người vẫn điềm tĩnh, kiên quyết, lạc quan, tự tin... Bác giống như người cầm lái, dù đẹp trời biển lặng hay lúc sóng to gió lớn, Bác vẫn vững vàng tay lái¹.

*

* *

...

Đêm giao thừa 1946-1947, tôi được trực tiếp gặp Người. Đêm đó, Người đến Đài phát thanh đóng tại Chùa Trầm (Hà Đông) để chúc mừng đồng bào cả nước nhân dịp năm mới. Người kêu gọi nhân dân cả hai miền Nam -

1. Xem: *Theo Bác đi chiến dịch*, Nxb. Văn học Giải phóng, tháng 4-1976.



Bác đồng tâm nhất trí, triệu người như một, quyết tâm kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Hồi nay, tôi đang làm biên tập viên ở Đài Tiếng nói Việt Nam, phụ trách các buổi phát thanh tiếng Đức và tiếng Pháp. Chúng tôi chỉ được biết Bác Hồ đến trước đó chừng hai, ba giờ đồng hồ. Sau khi chúc mừng đồng bào, Người gặp gỡ và nói chuyện thân mật với anh chị em công tác ở đài. Thoạt trông thấy tôi, Người tiến lại gần, tươi cười chào tôi và hỏi bằng tiếng Đức:

- Đồng chí Chiến Sĩ, cơm có ngon không?

Câu hỏi rất giản dị, mới nghe tưởng bình thường, nhưng chứa đựng cả một ý nghĩa rất sâu xa. Hồ Chủ tịch hỏi như vậy và tôi hiểu ngay rằng *trong cuộc chiến đấu đầy gian nan thử thách này, tôi có thể vượt qua được không*. Tôi lễ phép trả lời Người:

- Thừa đồng chí Chủ tịch, cơm ngon lắm ạ!

Người mỉm cười, tỏ vẻ hài lòng rồi đi hỏi chuyện các đồng chí khác...

Tháng 2 năm 1948, chừng ít ngày sau Tết Nguyên đán, tôi lại được gặp Người. Lúc này tôi đã chuyển sang làm sĩ quan ở Cục Tuyên huấn quân đội, phụ trách tờ báo *Bạn chiến đấu* xuất bản bằng tiếng Đức, nhằm mục đích kêu gọi lính lê dương người Đức và người Áo chấm dứt cuộc đời làm lính đánh thuê cho bọn thực dân Pháp.

...

Một hôm, tôi nhận được bức thư đánh máy bằng tiếng Pháp, đề ngày 10-2-1948, cuối thư là chữ ký của Hồ Chủ tịch



bằng mực tím kèm theo một dấu triện hình vuông của Chính phủ Việt Nam lúc bấy giờ, lá thư viết:

Các bạn thân mến,

Rất cảm ơn các bạn về những số báo của *Bạn chiến đấu*. Đây là một vài ý kiến nhỏ đề nghị với các bạn: tờ báo này dành cho những người lính lê dương, những chàng trai vui tính, dễ cáu kỉnh, dễ cảm xúc chứ không phải là những người làm chính trị sâu sắc. Bởi vậy, cần có những bức tranh, những bức vẽ khôi hài, những gì làm cho họ vui cười, những tin tức ngắn về nước Đức và nước Pháp - đặc biệt là những tin tức có liên quan đến đời sống của nhân dân (như không đủ lương thực tiếp tế, đình công, sự phiền nhiễu của các cơ quan cai trị...). Nói tóm lại, cần làm cho họ cảm động, thoải mái, làm cho họ cười và khóc để lôi cuốn họ về phía chúng ta.

Không nên viết những bài dài.

Không nên viết những vấn đề chính trị lớn đương thời.

Các bạn nghĩ thế nào?

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Ngày 10 tháng 2 năm 1948

HỒ CHÍ MINH

Bốn chữ "chúc mừng năm mới" được đánh máy bằng tiếng Đức, cỡ chữ lớn. Cũng có điều tình cờ đáng mừng là bức thư của vị lãnh tụ tối cao đã đến đúng vào dịp sinh nhật của tôi nên tôi giữ bức thư này rất cẩn thận. Nó là cái có để tôi được đến chỗ làm việc của Bác. "Phủ Chủ tịch" là một túp



lều tre, nằm bên bờ một dải rừng già. Túp lều này không có cửa, chỉ có rèm che. Khi bước vào vì xúc động, mà khổ người lại to, tôi va phải một bên rèm. Đang giữa lúc lúng túng, Người ném một quả cam và bảo "Đồng chí cầm lấy!". Đây chẳng những là một cử chỉ thân mật của Người, mà còn để tôi tránh bổ ngã. Ngay từ giây phút đầu, Người nói chuyện với tôi rất thoải mái, như người cha với đứa con ở xa về.

Bác pha nước, mời tôi uống và rút ra một bao thuốc lá bảo tôi hút. Bác hút khá nhiều. Tôi lặng lẽ nhìn suốt gian phòng của Người. Bàn làm việc, mà cũng là bàn tiếp khách của Người, được kết lại bằng mấy vạt tre to. Trên bàn có một chiếc máy chữ nhỏ đã cũ, một ít giấy, một cái ống tre đựng một ít bút thường và bút chì. Ngay cả chiếc giường nằm của Người cũng làm bằng tre. Lúc tiếp tôi, Người mặc bộ quần áo nâu, trên cổ quàng một chiếc khăn sợi đã cũ. Tôi hết sức xúc động và cũng có phần lo ngại nữa, bởi vì giữa cái rét Việt Bắc này, Người cũng chỉ ăn mặc, sinh hoạt đơn sơ như vậy thôi...

Trong bầu không khí đầm ấm, Người hỏi thăm tôi về công việc, sức khỏe và gia đình...¹.

*

* *

...

Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Cơ quan Trung ương lại chuyển lên Việt Bắc.

1. Ecuyin Bócse kể, Trần Dương ghi.



Năm sau, tôi từ Tuyên Quang về nhà ăn Tết. Chưa hết phép thì có người đến nhà gặp tôi. Người đó cầm theo một bức thư của anh Văn, thư báo Trung ương cần người nên gọi tôi về làm việc.

Khi đến Tuyên Quang, anh Văn hỏi tôi:

- Còn nhớ "Ông cụ" không?

- Nhớ chứ! - tôi nói.

Chúng tôi cùng cười vì tôi với anh Văn đều nhắc lại hai tiếng "Ông cụ" để gọi Bác trong thời kỳ bí mật. Bây giờ mọi người đã quen gọi Hồ Chủ tịch là Bác rồi. Anh Văn nói tiếp:

- Đoàn thể tin anh vì biết anh đã ở với Bác nên muốn anh sang làm việc bên Bác. Anh thấy thế nào?

- Đoàn thể phân công đâu thì tôi ở đó. Được sang làm bên Bác thì còn gì bằng!

Thế là tôi lại gặp Bác. Bấy giờ tóc Bác đã lốm đốm bạc, nhưng Bác rất khỏe mạnh, béo hơn trước, tôi rất mừng. Mừng là thấy có bác sĩ chăm sóc sức khỏe cho Bác. Thấy tôi, Bác cũng mừng lắm.

- Chú vẫn khỏe chứ?

- Thừa Bác, cháu khỏe ạ!

- Về đây, chú có đồng ý không?

- Thừa Bác, cháu rất muốn được gần Bác ạ!

- Chú đã học thêm được nhiều chưa?

- Cháu đã viết nhanh hơn, đọc cũng nhanh hơn.

Nhưng vẫn chưa làm thạo bốn phép tính.



- Chú về đây, nên chịu khó học tập.

Lần nào gặp, Bác cũng nhắc tôi cố gắng học tập. Nghe lời Bác, tôi ra sức học, không học thì không công tác được.

Lớp học của chúng tôi do Bác tổ chức. Học văn hóa và chính trị. Bác dạy chính trị. Bác giảng Tuyên ngôn Đảng Cộng sản, giảng duy vật biện chứng, duy vật lịch sử.

"Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi" - Bác đã lấy tám chữ của khẩu hiệu chiến lược đặt tên cho chúng tôi - những người giúp việc cho Bác. Tôi được Bác đặt là Thắng - Triệu Hồng Thắng.

*

* *

...

Năm 1950, Bác bị sốt rét nhưng khỏe lại rất nhanh. Đến đâu, Bác cũng bảo tôi đi vào các bản xung quanh để nắm tình hình nhân dân. Sau mỗi chuyến đi công tác về, Bác đều hỏi cặn kẽ: "Người ta nói thế nào? Người đó tên gì? Bao nhiêu tuổi? Nguồn gốc bản thân và gia đình ra sao?...".

Một hôm, Bác hỏi tôi:

- Quanh đây có nhiều bản người Dao không?

Tôi trả lời:

- Thưa Bác, quanh đây thì không nhiều lắm.

Độ một tuần sau, Bác cho gọi tôi và anh Lê Văn Lương đến, Bác nói:

- Làm gì cũng phải có người nòng cốt, phải đào tạo cán bộ. Bây giờ ta chưa có điều kiện làm lớn thì ta đào tạo



những thanh niên gái, trai, tập trung tại đây huấn luyện, bồi dưỡng.

Bác giao cho anh Lương phụ trách lớp. Còn tôi được giao việc vận động học viên. Tôi bắt tay vào công việc. Hơn ba mươi thanh niên tiên tiến người Dao ở các bản xung quanh đã được tập trung về học. Bác cho chương trình học gồm những bài: Mặt trận Việt Minh trước đây và Mặt trận Liên Việt ngày nay; Chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng và Chính phủ; Nhà nước dân chủ nhân dân; Đạo đức cách mạng. Chúng tôi đề nghị thêm bài Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Bác. Bác đồng ý.

Bác theo dõi sát từng bài giảng và nghe phản ánh, thảo luận từng bài một. Hôm tổng kết lớp, mỗi học viên đều viết bài thu hoạch. Bác xem rất kỹ từng bài thu hoạch và đánh dấu vào những chỗ học viên tỏ ra chưa hiểu. Có một bài được Bác xem kỹ, rồi nói với tôi:

- Lớp học đạt kết quả lắm. Chú xem bài thu hoạch này rồi chứ. Đây là bài thu hoạch của một đồng chí cán bộ. Đồng chí ấy đã nhận ra rằng đoàn thể phân công đồng chí ấy đi vào chỗ gian khổ có giặc, không phải vì ghét bỏ đồng chí đó hoặc đưa đồng chí ấy vào chỗ chết. Khi chưa hiểu người ta thường có ý nghĩ không đúng.

Lớp học của chúng tôi, ngoài một số thanh niên người Dao còn có một số cán bộ người Tày làm công tác địch vận cũng cần học. Đây là lớp huấn luyện thanh niên người Dao đầu tiên được Bác trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng. Gần 30 thanh niên học lớp này, bây giờ đã trở thành



những cán bộ nòng cốt trong phong trào cách mạng của người Dao ở Việt Bắc.

...

Mùa đông năm ấy, Việt Bắc rét hơn mọi năm, chúng tôi sống trong hang đá, lại càng rét. Sáng mai sương xuống dày đặc làm cóng buốt chân tay. Khi mới về công tác với Bác, tôi chỉ có một bộ quần áo vải mộc. Mấy hôm liền tôi đi công tác, ngực bị lạnh làm cho tôi ho luôn. Hôm ấy vào đưa thư cho Bác, tôi đã cố nhịn ho nhưng không sao nhịn được. Thấy tôi ho, Bác hỏi:

- Chú ốm à, chú Thắng?

- Thưa Bác, không ạ!

Bác nhìn tôi:

- Sao trông người chú khác thế?

- Không ạ!

Chưa nói xong, tôi đã ho rũ ra. Bác liền đứng dậy:

Chú không có áo rét à?

Bấy giờ cán bộ còn nghèo. Tôi ngần ngại định không nói thật, nhưng không dám nói dối Bác. Trả lời xong, tôi quay ra thì Bác gọi lại và đến đầu giường lật tấm chăn mỏng, lấy ra chiếc áo trấn thủ màu ngà vàng Bác vẫn thường mặc, đưa cho tôi. Bác nói:

- Chú mặc tạm cái này cho đỡ lạnh. Mùa đông cốt nhất phải giữ ngực cho ấm.

Tôi không dám cầm. Mùa rét, Bác cũng chỉ có một chiếc áo trấn thủ và một chiếc áo khoác ngoài. Mà Bác đã già rồi ít chịu được rét. Thấy tôi chần chừ, Bác bảo:



- Chú mặc đi cho đỡ rét.
- Thừa Bác ...
- Chú cứ mặc vào.

Nhìn đôi mắt triu mến của Bác, tôi không dám từ chối nữa. Bác giúp tôi cài cẩn thận từng cúc áo một. Có chiếc áo của Bác, ngực tôi ấm dần. Ấm bằng hơi ấm của bông và cả bằng tình thương của Bác. Nhờ có chiếc áo trấn thủ, tôi dần dần khỏi ho.

Tôi giữ gìn chiếc áo Bác cho rất cẩn thận. Chỉ những lúc thật rét mới mặc. Tôi có ý định giữ chiếc áo đó làm kỷ niệm, nhưng tôi không thực hiện được. Một năm tôi về nhà ăn tết. Dân tộc Dao chúng tôi sống du canh, du cư, làm ăn thất thường nên đời sống rất đói khổ. Trời rất rét mà bố tôi vẫn chỉ có một manh áo mỏng, thương bố quá tôi đã biếu bố tôi chiếc áo trấn thủ. Chiếc áo trấn thủ đã sờn nhưng là chiếc áo ấm đầu tiên trong đời bố tôi được mặc. Bố tôi vui lắm. Nếu biết đó là chiếc áo của Bác Hồ cho, chắc bố tôi sẽ vui sướng biết nhường nào! Nhưng vì nguyên tắc bí mật, tôi không dám nói.

Bố tôi mặc được mấy năm, chiếc áo vẫn còn tốt. Theo phong tục người Dao, khi chết, người ta chôn theo tất cả những đồ quý giá của người đó lúc sống đã dùng. Bố tôi chết, gia đình tôi cũng bỏ cả chiếc áo trấn thủ chôn theo. Chiếc áo trấn thủ Bác cho đã làm ấm ngực



tôi, nay bố tôi mất, chiếc áo lại theo mãi mãi sưởi ấm cho linh hồn bố tôi...¹.

*

* *

...

Sau khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, cơ quan Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung ương rời Hà Nội lên Việt Bắc. Đến chỗ mới chưa quen khí hậu, chúng tôi sốt rét luôn. Chưa biết trồng trọt và chăn nuôi, chúng tôi chẳng có mấy thức ăn trong bữa cơm. Sức khỏe của chúng tôi sa sút trông thấy. Lúc ấy con đường từ chỗ Bác ở đến Phủ Thủ tướng đi qua chỗ cơ quan chúng tôi. Bác đi họp về, ghé vào, thấy chị em trong cơ quan xanh xao, Bác rất thương. Những hôm sau, Bác gửi cho chúng tôi khi thì rau, khi thì dưa. Một lần vào buổi chiều, Bác đến cơ quan, theo sau có mấy đồng chí, người mang máy thu thanh, người mang họa báo... Bác lấy họa báo ra, kể cho tất cả chị em trong cơ quan nghe về đời sống phụ nữ Liên Xô, về cuộc đấu tranh của phụ nữ Pháp ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Chị em trong cơ quan hỏi Bác nhiều điều. Bác trả lời cả những câu hỏi nhỏ nhất nhất: "Tại sao trong họa báo Liên Xô lại thấy có nhiều ảnh chị em để tóc dài? Có phải là sau khi vận động phụ nữ cắt tóc ngắn rồi lại

1. Xem: *Áo ước Hồ*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1977.



phải vận động phụ nữ để tóc dài hay sao?". Bác trả lời đại ý: Sau Cách mạng Tháng Mười, Liên Xô có rất nhiều khó khăn trong công cuộc bảo vệ và xây dựng cuộc sống mới. Phụ nữ phải đem hết sức mình ra chiến đấu và sản xuất, cho nên chị em ăn mặc giản dị, tóc cũng cắt ngắn để đi làm cho gọn. Bây giờ Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đã nhiều năm, nền kinh tế đã được khôi phục và phát triển, đời sống được nâng cao, phụ nữ đã có thể trang điểm cho thêm đẹp. Ai cho rằng để tóc dài đẹp và không vướng víu gì trong sản xuất thì cứ để.

Một lần, Bác từ chiến trường Tây Bắc về, tạt vào cơ quan Hội Phụ nữ. Ta vừa chiến thắng, Bác rất vui. Bác nói đại ý: Các cô, các chú ở nhà có tiến bộ không? Bác đi công tác ở mặt trận tiến bộ nhiều lắm. Thầy học của Bác là bộ đội, là dân công, là nhân dân.

Bác bảo Bác có quà cho chúng tôi, nhưng phải đoán đúng thì Bác mới cho. Chúng tôi người đoán là kẹo, người đoán là bánh, người đoán là hoa... Bác chỉ cười. Cuối cùng Bác đưa ra, mới biết đó là mấy hộp dầu cao. Bác bảo mùa rét sắp tới, Bác cho để dùng khỏi cảm lạnh. Hồi ấy, tiết trời mới sang đông, chị em mới học đan được kiểu mũ người đi núi, đội ấm cả đầu và cổ. Nhiều người đã đan gửi cho chồng. Trông thấy Bác đầu trần, chị Thanh Hương hỏi Bác đã có mũ chưa, Bác trả lời có rồi. Chị Thanh Hương xin xem rồi lại xin Bác đội lên. Quả tình cái mũ



vừa cũ, vừa không đẹp. Chị Thanh Hương chê là xấu lắm. Bác bảo: "Chẳng biết các cô đan đẹp thế nào mà chê mũ Bác xấu".

Tối hôm ấy, chị em bàn nhau phải đan biểu Bác một cái mũ thật đẹp. Chị Mỹ Hào, người khéo tay nhất bấy giờ được chị em giao cho công việc ấy. Chị đan một mạch đến khuya thì xong. Vốn biết Bác có vật gì quý đều đem thưởng bộ đội, hoặc biểu các cụ phụ lão, chúng tôi lo rằng cái mũ cũng không được Bác dùng. Chúng tôi bàn là phải viết thư gửi theo thưa với Bác là cái mũ này chúng tôi đan mỗi người mười dòng, biểu Bác, mong Bác giữ mà dùng, may ra Bác nể tình mà giữ lại. Bẵng đi một thời gian, một hôm chị Thanh Hương và tôi lại được dự một cuộc họp. Bác đến, tất cả các đại biểu nữ, như thường lệ, được gọi lên ngồi ở hàng ghế đầu. Chúng tôi nhìn lên chủ tịch đoàn thấy Bác rút trong túi ra cái mũ len chúng tôi gửi biểu, chúng tôi rất sung sướng.

Một hôm, Bác mang đến cho ba cái áo len. Chị Hoàng Thị Ái, bấy giờ phụ trách cơ quan, không dám nhận và thưa là để Bác cho các chiến sĩ có công. Bác bảo: "Bác có cho các cô đâu mà các cô từ chối. Đây là Bác cho các cô để các cô biết trọng người già. Một cái các cô biểu bác Tôn, một cái các cô biểu mẹ liệt sĩ Bùi Thị Cúc, còn một cái để dành đấy, khi cần thì có tặng phẩm mà dùng".

Tất cả sự săn sóc của Bác động viên chúng tôi phấn



đầu vươn lên. Cơ quan dần dần được tổ chức ngăn nắp, vườn rau xanh tốt quanh năm và có cả một ruộng ngô...¹.

*

* *

...

Trong đời, lần đầu tiên, đây là một vinh dự quá bất ngờ, một hạnh phúc cao nhất đối với tôi. Tôi nghĩ suy, sắp xếp, dự kiến những điều Bác sẽ hỏi và mình sẽ thưa lại. Nhưng còn đâu thì giờ, tôi thề trách anh Hiến, lẽ ra anh cho tôi biết ngay từ đầu. Tôi kìm cương ngựa lại, thông thả suy nghĩ và chờ anh Hiến.

Đến giữa rừng, một ánh lửa đằng xa soi đường đưa chúng tôi về một căn nhà nhỏ. Anh Chiến ra gặp và hướng dẫn chúng tôi đến một nơi khác. Đi một quãng nữa thì đến ngôi nhà lá. Một đồng lửa đốt ở giữa nhà. Một ông cụ diêm đạm đang ngồi trên một khúc gỗ. Ánh lửa chói lòa vàng trăn cao, ông cụ cúi xuống xếp lại que củi cho ngọn lửa cháy to nên không nom rõ mặt. Không gì vui sướng hơn. Tôi không ngờ nơi đây là Phủ Chủ tịch, là nơi luận bàn việc nước của Trung ương Đảng và Chính phủ - trung tâm lãnh đạo toàn dân chống Pháp - nơi tập trung trí tuệ và sức mạnh của dân mình. Và ông cụ khoác áo kaki bạc màu ngồi đó lại là Bác Hồ.

Trong khoảnh khắc, tôi còn tần ngần đứng lại bên ngoài, anh Lê Văn Hiến bước vào trước. Đến khi Bác lên tiếng gọi:

1. Xem: *Nước non bừng sáng*, *Sđd*.



- Chú Sứu đó phải không?

Lúc bấy giờ tôi mới bừng tỉnh. Ôi sung sướng quá! Tôi lú lẫm:

- Thưa Bác, cháu đây ạ!

Trời mới sắp sửa sang thu, chưa rét, nhưng rừng sâu, đêm có sương lạnh. Bác đang ngồi sưởi và suy nghĩ.

Bác chỉ một khúc gỗ bên đống lửa và ra hiệu bảo chúng tôi ngồi. Vừa xúc động, vừa mừng vui, tôi quan sát và cố ngắm thật kỹ. Tôi liếc nhìn Bác rõ lâu, đáng Bác gầy và hơi yếu, từ chòm râu mái tóc, từ nếp quần nâu giản dị và đôi dép caosu đã sờn mép. Tôi chăm chú đến căn nhà nhỏ đơn sơ, gọn gàng: một chiếc bàn tre, một cây đèn bão tỏa ánh sáng đỏ trên những trang sách báo gồm nhiều thứ tiếng nước ngoài. Bên phải tôi là chiếc giường con trải chiếc chiếu cói và chiếc chăn trần thủ gấp vuông góc. Tôi nhìn mãi chừng ấy thứ. Và chỉ chừng ấy thôi cũng nói lên cuộc sống thanh đạm của Bác. Tôi đã tự đặt cho mình một công việc quan trọng là phải nhìn cho kỹ, nghe cho rõ, thu hết vào tâm trí để khi về kể lại cho anh chị em công nhân.

Tôi đợi chờ, chưa dám ngồi gần. Bác dịu dàng kéo xích tôi lại bên Bác và nói:

- Chú có biết vì sao hôm nay Bác gọi lên không?

- Thưa Bác không ạ! Cháu nghe đồng chí Bộ trưởng gọi lên họp ở Bộ, cháu cũng chưa rõ việc gì.

- Bác muốn nghe chuyện nhà máy của các cháu làm ăn, chiến đấu ra sao?



Tôi đưa mắt nhìn anh Hiến như muốn cầu cứu anh giúp tôi báo cáo hộ, nhưng anh chỉ cười, có ý bảo cứ thật thà mà nói. Thật là lúng túng. Tôi trình bày tóm tắt, nhiều đoạn ngập ngừng, đại thể như thế này: Anh chị em công nhân theo lời "hịch" của Đảng kêu gọi, đã cùng toàn dân đứng lên đánh giặc, cứu nước. Nhà máy giấy Đáp Cầu đã tiêu thổ kháng chiến. Nhà cửa, kho tàng đã bị phá hủy. Máy móc, thiết bị được dời về chiến khu. Bằng phương tiện thô sơ, chúng tôi mất bốn, năm tháng trời để di chuyển ba nghìn tấn hàng, trong đó có trên một nghìn tấn máy móc công kênh, một khối lượng trên sáu mươi vạn tấn trên một cây số. Binh quân mỗi ngày, anh chị em thợ chúng tôi phải đưa ba mươi tấn máy móc, vật liệu trên quãng đường dài 200km. Lúc bấy giờ trong tay chỉ có mấy chiếc xe chạy bằng madút cọc cạch; ngoài ra là xe bò, ngựa thồ, thuyền gổ và chủ yếu là bằng đôi vai. Chúng tôi vừa di chuyển, vừa chiến đấu và vừa xây dựng.

Tôi cũng thưa với Bác những đoạn đường treò đèo, lội suối, trên đầu thì tàu bay giặc bắn phá, dưới đất thì địch tấn công, trăm nghìn gian khổ, nhưng anh chị em vẫn không hề lay chuyển tấm lòng sắt son với Đảng và vững tin ở thắng lợi của cuộc trường kỳ kháng chiến. Nhiều khi chuyển không kịp phải dìu máy móc và cầm súng tự vệ. Địch đi, anh chị em công nhân lại tiếp tục sản xuất, xây dựng.

Sau khi nhà cửa, lán trại được dựng xong, ngày 19-8- 1947, nhà máy trong rừng lại bắt đầu hoạt động. Từ 600 công



nhân phát triển lên quá gấp đôi, phân tán làm nhiều cơ sở. Điện lại sáng rực rỡ, giấy lại tiếp tục ra lò. Giấy bạc in, giấy in sách báo. Giấy về miền xuôi với các tỉnh đồng bằng địch hậu. Giấy lên vùng rẻo cao với các đồng bào dân tộc. Giấy vào Trị - Thiên, vào khu Sáu... Đồng bào, đồng chí ta trong đó ngày ngày khát khao mong đợi những văn kiện, tài liệu, chỉ thị của Đảng, của Bác... Và cũng từ đấy, Ủy ban công nhân quyết định lấy tên đồng chí Hoàng Văn Thụ, một trong những lãnh tụ xuất sắc của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặt tên cho nhà máy kháng chiến của mình.

Buổi tối hôm ấy, tôi báo cáo không được mạch lạc lắm, nhưng Bác rất chú ý lắng nghe. Thỉnh thoảng Bác gật đầu. Tôi ngược nhìn thấy Bác vui, nên cứ tiếp tục kể. Còn anh Hiến thì theo dõi, thỉnh thoảng lại nhắc một vài việc mà tôi quên. Tự nhiên tôi thấy mình bạo hơn. Tôi kể cả những chuyện làm được, những chuyện chưa làm được trong lãnh đạo, trong đấu tranh cho Bác nghe để mong Bác dạy bảo cho những việc nên làm, những điều phải tránh. Tôi ngừng một lúc.

- Thế nào, hết chưa? - Bác hỏi tôi.

- Cháu quên nhiều, Bác dạy gì cháu thưa tiếp.

Bác châm một điếu thuốc lá, rồi hỏi:

- Anh chị em thợ làm việc và chiến đấu gian khổ như vậy, chú sắp xếp cho công nhân và gia đình anh chị em ăn ở như thế nào?



Cũng may là điều này tôi đã chuẩn bị sẵn trong óc, nên báo cáo rất tỉ mỉ với Bác về tình hình ăn ở, về việc địa phương cung cấp gạo, mắm muối, về việc giúp các gia đình công nhân tham gia làm việc trong nhà máy. Tôi kể lại những hy sinh to lớn của anh chị em công nhân làm việc không có lương, ăn uống kham khổ, nhưng trăm người như một đều hướng về Đảng và tin tưởng ở thắng lợi ngày mai.

Trước hết Bác dạy tôi phải chú trọng đến việc nâng cao đời sống cho công nhân. Bác nói: "Kháng chiến còn dài, phải biết tăng gia và tiết kiệm, tránh lãng phí, chi bộ Đảng phải quan tâm đến đời sống và học tập của anh chị em thợ".

Tôi say sưa nghe kỹ từng lời, từng chữ. Bác tiếp tục hỏi:

- Nhà máy đã che kín chưa? Khi tàu bay bắn phá thì anh chị em núp ở đâu?

Thực ra nhà máy chúng tôi chưa có kế hoạch gì cả. Bản thân lại còn non nớt, thiếu kinh nghiệm, lại xem thường, nên tôi báo cáo:

- Gần rừng, nếu có việc gì, chúng cháu chạy ra rừng, hoặc, thưa Bác, chạy vào sườn núi ạ!

Bác lắc đầu, nói:

- Không được đâu, thế là chủ quan lắm. Ngày mai về họp chi bộ Đảng, các chú phải tổ chức đào hầm tránh máy bay, phải che chắn máy móc cẩn thận. Nếu bỏ chạy thì không sản xuất được mà còn bị lộ, nguy hiểm. Còn người,



còn máy thì còn sản xuất và còn đánh Pháp được. Con người là rất quý. Các chú phải bảo vệ cẩn thận.

Bác quay sang phía anh Hiến:

- Bác nhắc chú Hiến là đối với các cơ sở sản xuất phải chú ý an toàn, phải cảnh giác, chớ coi thường.

- Vâng, cháu xin hứa về làm ngay ạ!

Anh Hiến hơi cúi xuống, còn tôi thì toát mồ hôi. Tôi nghĩ mình thật đáng tội. Bác phê bình đồng chí Bộ trưởng nhưng chính là khuyết điểm của mình. Lần đầu tiên được Bác trực tiếp phê bình thật chí lý: mình chưa làm tròn phận sự bảo vệ công nhân.

Chúng tôi đang băn khoăn thì Bác lại thân mật hỏi tiếp:

- Các chú ở nhà máy có liên hệ, giúp đỡ bà con nông dân ở địa phương không? Phong tục ở đây, các chú đã hiểu hết chưa?

- Thưa, chưa ạ!

Bác cười, nụ cười rất hiền hậu, khoan dung nhưng cũng rất nghiêm khắc.

- Thế ai cung cấp nguyên liệu cho các chú?

- Bà con các dân tộc ạ!

Bác xòe bàn tay, chỉ từng ngón một. Bác nói:

- Gạo này, thịt này, tre nứa này, các thứ làm ra giấy này, cái gì cũng dựa vào nhân dân. Bà con nông dân ở đây "hậu đãi" các chú như thế, mà các chú lại ăn "bạc bẽo", không liên hệ giúp đỡ bà con.

Bác hỏi tiếp:



- Thế bà con nông dân nghe xây dựng nhà máy, có vui mừng không?

- Thừa Bác, vui thì có vui ạ, nhưng cũng sợ bị ném bom chết cả làng.

Bác ngắt lời tôi:

- Đúng đấy, phải hiểu rõ khó khăn và tâm tư của quần chúng, giáo dục, giúp đỡ đồng bào cùng chiến đấu bảo vệ nhà máy, bảo vệ cách mạng. Còn các chú công nhân thì phải đoàn kết, gương mẫu, đi đầu trong mọi việc để quần chúng tin cậy. Đồng bào vững lòng kháng chiến và tin tưởng thì kháng chiến nhất định thành công.

Bác lại ân cần thăm hỏi gia đình tôi và Bác hỏi tôi bao nhiêu tuổi. Tôi đáp lại:

- Cháu hăm ba tuổi ạ!

Bác gật đầu tỏ vẻ hài lòng. Bác nói:

- Thanh niên như thế là tốt. Chú còn trẻ, làm việc phải biết dựa vào Đảng, dựa vào nhân dân, vào quần chúng. Phải khiêm tốn, tự nguyện làm học trò quần chúng.

Sau cùng, Bác khen anh chị em thợ Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ đã anh dũng chiến đấu và làm được giấy cho kháng chiến. Bác dạy: "Công nhân nhà máy cần phải ra sức học tập, phải nêu cao vai trò làm chủ, phải tiến bộ không ngừng, không được tự kiêu, tự mãn. Sau này kháng chiến thắng lợi hoàn toàn, các cô các chú còn phải quản lý nhà máy to hơn". Câu chuyện kéo dài quá bốn mươi phút. Bác còn dặn dò anh Hiến:



- Chú Hiến nên rút ra một số kinh nghiệm. Qua Nhà máy Hoàng Văn Thụ, công nhân Việt Nam ta như vậy là rất giỏi, rất dũng cảm. Phải đẩy mạnh thi đua ái quốc, thi đua làm nhanh, làm nhiều, làm tốt, làm rẻ. Phải phát huy mọi khả năng, mọi sáng kiến, làm cho mọi người tin ở sức mình, tin ở tập thể. Phải bảo vệ cơ sở sản xuất cho tốt. Bác nhắc vấn đề dùng máy sản xuất nhưng phải coi trọng thủ công, chẳng may máy móc bị địch bắn phá thì vẫn liên tục sản xuất được. Bác nghe chú Sửu nói như vậy là chưa chú trọng đúng mức đến đời sống công nhân, chưa hết lòng giúp đỡ đồng bào địa phương và chưa cảnh giác cách mạng cao.

Đêm ấy ra về, anh Hiến dặn tôi phải đem mọi ý kiến của Bác về báo cáo với chi bộ và bàn bạc với anh chị em công nhân, phát động thi đua trong nhà máy. Hôm sau, mặt trời lên đã khá cao, tôi trở về đến nhà. Toàn thể cán bộ, công nhân nhà máy đã họp mítting để nghe tôi báo cáo và phát động thi đua sản xuất, tiết kiệm. Cũng nhờ đó mà tinh thần làm chủ được nêu cao, sáng kiến nảy nở, phong trào thi đua với chị thợ xeo Nguyễn Thị Soi được toàn thể tham gia sôi nổi. Chúng tôi tìm tòi là "than trắng" (thủy điện nhỏ) tiết kiệm được nhiều than đen, hạ giá thành 20%. Những đường hào, những hầm hố ngang dọc quanh nhà máy, máy móc được ụ che chắn kỹ. Trong những năm kháng chiến, có nơi bị bắn phá đến mười lần, có cơ sở chịu đúng mười tám trận bom mà vẫn bảo vệ được an toàn, hạn chế được thiệt hại.



Vâng theo lời Bác dạy, chúng tôi cuốc nương, phá đồi hoang trồng sắn, trồng khoai, hàng năm tự túc được trên ba tháng lương thực, để cho các chiến sĩ có thêm thóc gạo ăn no đánh khỏe giành thắng lợi. Vâng lời Bác dạy, chúng tôi còn ra sức giúp đỡ đồng bào địa phương, đền đáp lại tấm lòng trung hậu và ý chí cách mạng của nông dân, và cũng nhờ thế mà tinh thần đoàn kết công nông được tăng cường rõ rệt...¹.

*

* *

...

Vào khoảng cuối mùa đông năm 1951. Chiều hôm ấy, sau giờ làm việc, đồng chí phụ trách cơ quan gọi tôi lên báo: "Đồng chí bàn giao công việc cho chị khác để mai đến đánh máy cho Bác". Đến phục vụ Bác. Tôi reo lên một tiếng thật to và quay ra chạy một mạch về phòng ở, sửa soạn đồ đạc...

Nơi làm việc của Bác rất giản dị. Trên chiếc giường gỗ có chằng một cái màn vá vài miếng. Một cái bàn rộng để sách báo xếp gọn gàng và một cái ghế là nơi Bác ngồi làm việc. Trên xà nhà gác vài cây tre để tài liệu, đồ đạc. Quần áo của Bác may toàn loại sồi to mặt, nhuộm nâu.

Lúc ấy Bác đang dịch cuốn *Tĩnh ủy bí mật*, tập hai. Bác dịch từ bản tiếng Pháp ra và đọc cho tôi đánh máy.

1. Xem *Chúng ta có Bác Hồ*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1970, t.1.



Nhiều đoạn Bác dừng lại hỏi tôi có hiểu không. Chỗ nào tôi nói chưa hiểu, Bác dịch lại cho đến khi tôi hiểu Bác mới thôi. Thấy vậy, tôi liền hỏi Bác, Bác bảo: "Dịch cho nhân dân xem, nếu nhân dân không hiểu thì phải dịch lại cho thật hiểu chứ". Vì vậy, tập *Tinh ủy bí mật* đã được nhiều người xem và hết sức ca tụng cách dịch của Bác giản dị và dễ hiểu.

Một hôm tôi đang đánh máy thì bị lên cơn sốt rét nặng phải nằm li bì mất ba ngày. Bác chăm nom tôi rất chu đáo. Bác buông màn cho và đến bữa ăn, Bác giục ăn thật nhiều cho chóng lại sức, như người ông hiền từ chăm chút đứa cháu nhỏ vậy. Bác kể chuyện hồi Bác còn hoạt động bí mật cũng bị sốt rét luôn. Mỗi lần lên cơn sốt, tôi lại chỗ cột nhà ngồi dựa vào đấy mặc cho nó vật vã. Hôm ấy tôi đã thắng thần sốt rét.

Sau 20 ngày đánh máy, tôi đã làm xong công việc. Tôi xin phép Bác trở về cơ quan. Thấy tôi thích cái hộp đựng thuốc lá, Bác liền lấy một hộp thuốc còn mới nguyên, bỏ thuốc ra tờ báo gói lại, và đưa cho tôi cái hộp. Bác nói: "Bác cho cháu cái hộp. Cháu về cơ quan phải tích cực công tác, cố gắng thi đua nhé!". Tôi sung sướng đỡ chiếc hộp trên tay Bác, miệng ấp úng nói không nên lời. Và hai năm sau, được tin tôi sinh cháu gái đầu lòng, Bác lại gửi cho ba vuông lụa màu mỡ gà. Hôm ấy, tôi đã quấn những vuông lụa đó vào bé và cảm động nói: "Lụa của Cụ cho đây. Mẹ giữ hộ con, khi nào



con lớn lên, con sẽ làm khăn quàng để giữ cho được lâu con nhé!"¹.

*

* *

...

Hôm ấy đồng chí Nguyễn Văn Luân, Trưởng Ty Công an Tuyên Quang, gọi tôi lên trao nhiệm vụ chuẩn bị để bảo vệ một lãnh tụ của Đảng đến thăm một số nơi trong tỉnh.

Ngày hôm đó, tôi đi tắt con đường rừng ba mươi cây số đến Đoan Hùng (Phú Thọ) là địa điểm mà Ty Tuyên Quang bắt đầu chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ.

Sau đó, đồng chí cán bộ Nha công an dẫn tôi đi về phía Cát Lem. Ở đây có những cánh rừng lim bát ngát. Càng đi vào sâu, tôi ngạc nhiên nghe có tiếng gì ồn ào như thác đổ. Khu rừng này làm gì có thác? Tôi phân vân tự hỏi. Đi thêm một quãng thì nghe rõ hơn. Thì ra đó là những tiếng hô như sấm dậy:

- *Hồ Chủ tịch muôn năm!*

- *Hồ Chủ tịch muôn năm!*

Tôi đưa mắt nhìn đồng chí cán bộ Nha Công an như muốn hỏi, nhưng đồng chí ấy cứ lờ đi... Bỗng nhiên, tôi ngậy người dừng lại trước một cảnh tượng hùng vĩ: cả một sườn đồi bộ đội tập trung trùng trùng điệp điệp, chính giữa là một cụ già tóc bạc đang giơ tay hỏi to:

1. Xem: *Chúng ta có Bác Hồ, Sđd*, t.1.



- Các chú bộ đội có giữ bí mật không?

- Có ạ!

- Chúc các chú lên Tây Bắc đánh giặc giỏi! Đã giữ bí mật thì đừng chạy theo Bác nữa...

Tôi tự kìm mình lại để khỏi reo to lên. Tôi thật không ngờ mình lại có vinh dự lớn được lãnh đạo tin cậy phân công đi bảo vệ Bác.

Không biết đồng chí nào đã giới thiệu tôi với Bác mà khi trông thấy tôi đang đứng bên cạnh mấy đồng chí bảo vệ khác, Bác hỏi luôn:

- Thế nào, chú Long công an Tuyên Quang chờ Bác đã lâu chưa?

- Dạ! Tôi bàng hoàng và chỉ nói được có thế.

Trời ngả bóng. Bác và chúng tôi gấp rút lên đường. Để giữ bí mật, người nọ phải đi cách xa người kia hàng chục mét, không ai nói chuyện với ai. Bác đội mũ cát sáu múi, mặc áo bôludông chiến lợi phẩm, quần gụ xắn cao đến gối, đi dép cao cu, tay chống gậy. Bác đi thoăn thoắt. Đi bộ theo kịp Bác thật là vất vả.

Đến bến Hiên thì trời tối. Từ đây vào đến chỗ làm việc còn những gần chục cây số nữa. Đường rừng chỉ có một người đi lọt, lại phải qua bốn năm con suối, nếu đi suốt đêm thì sáng ra cũng chưa chắc đã tới. Và lại đi đêm, chúng tôi lo Bác mệt, nên anh em bảo vệ bàn nhau và báo cáo Bác xin ngủ lại. Được Bác đồng ý, chúng tôi tìm đến một quán hàng bỏ không của ông Nam Hưng, ông này đã đi tản cư từ lâu. Quán có hai gian lọt lá, tuy vắng chủ



nhưng nhà trong vẫn còn một cái phản gỗ ọp ẹp. Bác đến xem qua, đồng ý ngay. Thế là chúng tôi vội vàng sắp xếp, căng màn cho Bác ngủ.

Đêm đông. Trời tối như bung, rừng cây mịt mù, gió nổi từng chập, từng chập lạnh buốt. Tiếng côn trùng kêu ra rả không dứt. Trong nhà không đốt đèn, tĩnh mịch, chỉ có tiếng một đục gỗ kéo kẹt như đưa văng. Cứ mỗi lần Bác trở mình và ho thúng thảng là mỗi lần tôi thấy lòng mình nhức nhối. Tôi vẫn đứng như thế cho đến sáng, rất nghiêm trang, mắt xoáy vào đêm tối mênh mông... Canh hai, canh ba, Bác không ho nữa. Tôi mừng. Canh tư, canh năm, không nghe Bác trở mình. Chắc Bác đã ngủ được chút ít. Tự nhiên tôi thấy bồi hồi sung sướng.

Mặt trời còn ngủ thì Bác đã dậy. Bác lay hai đồng chí bảo vệ và đồng chí nhiếp ảnh:

- Các chú ơi, ta dậy, đi cho sớm để tránh máy bay.

Chúng tôi xuống suối lấy một bình tông nước để Bác rửa mặt. Thu dọn chăn màn cho vào balô, chúng tôi theo Bác lên đường ngay.

Rừng rậm, sương phủ mù mịt. Người nọ đi cách người kia có bốn năm mét mà chỉ trông thấy những bóng mờ, lúc ẩn lúc hiện. Đến một bến đò thì trời tang tàng sáng. Bác lấy khăn bọt râu và không hút thuốc lá nữa. Người lái đò vẫn điềm nhiên chờ khách sang sông. Chúng tôi bước chân lên bờ. Chúng tôi lại đi cách xa nhau hơn để giữ bí mật cho Bác. Bác và chúng tôi cứ theo hút nhau đi mãi, chẳng mấy chốc lại đến chỗ rẽ vào đường rừng.



Đoạn đường này đi nhàn hơn đoạn đường buổi sáng, nhưng lại phải lội qua năm con suối. Trời lạnh, chúng tôi định tìm đường khác cho Bác khỏi lội, nhưng đến con suối nào cũng thế, Bác lại xắn quần lội sang trước. Khi đến Đá Bàn, gặp một con suối rất đẹp, hai bên bờ có núi cao, có cây cổ thụ và dây leo chằng chịt. Nước chảy lao xao xô vào những mỏm đá giữa dòng tung bọt trắng xóa. Bác dừng lại, bảo chúng tôi cùng chụp ảnh. Chụp xong, chúng tôi đề nghị Bác nghỉ một lúc. Bác xắn quần lội qua suối, vừa đi vừa bảo:

- Bác cháu mình đứng lại chụp ảnh là đã nghỉ rồi. Các chú phải khắc phục khó khăn. Độ năm năm nữa thì Bác cháu mình sẽ được đi đường cái lớn.

Thế là trên con đường dài 3km đến chỗ phái đoàn ở, tôi cứ suy nghĩ mãi về câu nói của Bác. "Có phải độ năm năm nữa, cuộc kháng chiến chống Pháp sẽ hoàn toàn thắng lợi không?". Câu hỏi này, mãi đến ngày giải phóng Thủ đô, đứng trên lễ đài dự kỷ niệm, tôi mới nhớ lại lời Bác nói đã trở thành sự thật.

Bác và chúng tôi về đến Mỹ Lâm thì trưa. Lẽ ra thì vào cơ sở ăn cơm, nhưng vì có tiếng máy bay nên Bác bảo chúng tôi đem cơm ra bãi cỏ trong rừng ngồi ăn. Tôi và đồng chí nhiếp ảnh vào bưng cơm, lại mượn thêm chiếc chiếu của gia đình ra ngồi. Thấy chúng tôi đem chiếu ra, Bác bảo: "Các chú không được làm phiền đến nhân dân". Thế là chúng tôi phải đem trả lại. Khi tôi trở ra thì Bác và hai đồng chí bảo vệ đã bẻ lá rừng lót thay chiếu rồi. Lúc



đặt mâm cơm xuống, Bác thấy có con gà, đĩa cá và hai bát canh, Bác không vui lòng lắm. Bác nói:

- Trong khi nhân dân đang thắt lưng buộc bụng kháng chiến mà mình ăn cơm thế này là ăn cơm quan đây.

Vừa nói Bác vừa chia đôi tất cả cho các món ăn. Bác bảo chúng tôi khi ăn xong đưa vào cho các gia đình nghèo trong xóm. Còn một nửa con gà Bác lại chia đôi lần nữa, chỉ ăn một nửa, còn một nửa gói làm thức ăn đi đường. Bữa ăn vừa bắt đầu thì trên trời bốn chiếc máy bay Hencát bỗng ầm ầm xuất hiện. Chúng nó nối đuôi nhau lượn một vòng tròn rất thấp. Mọi người bỏ đĩa. Mấy anh em bảo vệ chúng tôi lo lắng. Chúng tôi còn đang chưa biết làm thế nào thì Bác bình tĩnh giơ tay chỉ vào chúng tôi:

- Các chú ngồi cả xuống, không được nhốn nháo.

Bốn chiếc máy bay ào ào lượn qua một đỉnh núi và nhằm phía suối nước nóng bắn xuống. Những tiếng nổ rất đanh, đập vào vách đá rào rào. Máy bay cút rồi, bữa ăn lại tiếp tục. Vừa ăn cơm, Bác vừa vui vẻ hỏi tôi:

- Chú Long là công an. Vậy thì ở Tuyên Quang ai là người mua nhiều "Công trái quốc gia" nhất?

- Dạ thưa Bác, ở tỉnh cháu thì bà Hồ Xuân Viện mua nhiều nhất ạ.

- Vậy thế ai là người nghèo nhất mà lại mua cố gắng nhất?

Bác hỏi thế, tôi đành chịu. Thật là một thiếu sót lớn. Thực ra tôi chỉ nắm được những người giàu nhất, chứ không nắm được người nào nghèo nhất mà lại cố gắng nhất. Tôi thật thà thưa với Bác:



- Thưa Bác, cháu không nắm được ạ!

Bác hỏi:

- Công an của ta là bạn dân phải không?

- Dạ! Thưa Bác, công an của ta là bạn dân ạ.

- Đã là bạn dân thì các chú phải nắm được ai là người nghèo nhất chứ? Người giàu mua nhiều là chuyện tất nhiên, còn người nghèo mà mua cố gắng nhất đó là tấm lòng ủng hộ kháng chiến của họ.

Bác lại hỏi:

- Vậy chú hay đi công tác qua vùng thị xã, chú có nghe thấy nhân dân kêu ca gì không, và nếu nghe thấy, chú đã phản ánh lại cho Đảng chưa?

- Thưa Bác, phong trào nói chung đều tốt ạ. Nhân dân Tuyên Quang tuyệt đối tin tưởng vào kháng chiến, vào Đảng ạ.

- Các chú làm như vậy là tốt.

Ăn xong trước, Bác ngồi ngay bên cạnh uống nước. Thấy Bác ăn ít, chúng tôi nhìn nhau, không ai dám ăn hết thức ăn còn lại. Bác biết ý, liền bê bát canh chan cho mỗi người chúng tôi. Bác bảo:

- Ăn hết đi các chú. Ăn no mà đi đường cho khỏe. Đừng bắt chước Bác. Bụng Bác chỉ chứa được có vậy thôi.

Chan canh xong, Bác lại quay sang nói với tôi rất trù mến:

- Chú Long này, Bác mới đi qua vùng dân tộc, thấy họ kêu ca về cách xây dựng làng kiểu mẫu của các chú nhiều lắm! Kiểu mẫu về nội dung chứ không phải kiểu mẫu về hình thức bên ngoài. Đồng bào là người dân tộc, mà các



chú bắt mở đường to, xoay hướng nhà ở, thì ai người ta nghe? Làm thế là đảo lộn phong tục của người ta đấy. Bác nghe dư luận thế, không biết có đúng không?

- Dạ thưa Bác, đúng ạ.

Bác dừng lại giây lát và bảo:

- Tất cả những vấn đề Bác nói, chú phải về báo cáo lại với Tỉnh ủy. Còn các chú công an là bạn dân thì phải đi sát dân. Dân có gì bằng lòng với Chính phủ và có gì không bằng lòng, các chú phải báo cáo cho Tỉnh ủy biết để Tỉnh ủy có biện pháp khắc phục, sửa chữa.

Bác còn bảo chúng tôi thu dọn sạch sẽ chỗ ngồi để giữ bí mật, bát đĩa phải rửa đầy đủ cho nhân dân rồi mới tiếp tục lên đường...¹.

*

* *

...

Bọn chúng tôi, ai cũng hồi hộp với nhiệm vụ được giao, quả là rất đặc biệt: phục vụ lễ chúc thọ Bác 60 tuổi. Chúng tôi được nghỉ ba ngày trước khi bắt tay chuẩn bị... Nhà sàn của Bác có hai "tầng", tầng dưới để làm việc, tiếp khách, tầng trên để Bác nghỉ ngơi. Những lúc được phép, chúng tôi đến nhà Bác thường thấy bác Tôn Đức Thắng, chú Trường Chinh, chú Võ Nguyên Giáp... đến làm việc.

1. Xem Vương Văn Long: "Chặng đường bên Bác", báo *Văn nghệ*, ngày 6-9-1975.



Hằng ngày, sau khi tập thể dục buổi sáng, Bác tưới rau. Sau giờ làm việc buổi chiều, Bác thường chơi bóng chuyền với các anh bộ đội bảo vệ, rồi cuốc vườn. Buổi tối, trong những ngày nghỉ, Bác thường kể chuyện cho chúng tôi nghe. Đó là những chuyện về Thánh Gióng, chuyện anh Kim Đồng. Bác chăm sóc, giáo dục và thương yêu chúng tôi như ông đối với cháu.

Thời gian nghỉ ngơi, đoàn chúng tôi đã vào tập võ nhạc múa "Vẽ ảnh Bác Hồ" để dâng lên Bác. Nội dung võ nhạc múa "Vẽ ảnh Bác Hồ" tuy đơn giản, nhưng đòi hỏi phải thể hiện được tất cả lòng thành kính của toàn thiếu nhi đối với Bác. Thiếu nhi các dân tộc Việt Nam: Kinh, Thái, Tày, Nùng, Mường, Mông, Êđê, Giarai, Bana... quây quần bên Bác. Trẻ thơ, dù ở miền ngược hay miền xuôi, trong Nam hay ngoài Bắc, khi cắp sách tới trường đều thích học tập, tập đánh vần ba chữ Hồ Chí Minh và nếu có tập vẽ, bức chân dung đầu tiên em vẽ say sưa nhất là hình ảnh Bác Hồ.

Tham gia buổi biểu diễn ngày chúc thọ Bác 60 tuổi có cả các bạn thiếu sinh quân. Khi kết thúc buổi lễ, Bác đứng lên phát biểu cảm tưởng và đọc mấy câu thơ:

*Sáu mươi tuổi hầy còn xuân chán
So với ông Bành vẫn còn thiếu niên
Ăn khỏe, ngủ ngon, làm việc khỏe
Trần mà như thế, kém gì tiên.*

Rồi Bác nói tiếp về việc quan tâm đến đời sống thiếu niên, nhi đồng. Đối với chúng tôi, cứ nhớ mãi câu nói thể



hiện tình cảm sâu sắc của Bác: "Các cháu thiếu nhi nghệ thuật đã cố gắng góp sức nhỏ phục vụ kháng chiến mà còn nhiều mặt thiếu thốn, vậy Bác có phần thưởng cho các cháu...". Bác rút trong túi ra một số tiền và trao cho đoàn chúng tôi mà sau này chúng tôi mới biết đó là tiền lương của Bác. Ai cũng vô cùng cảm động.

Sau đấy, Bác chỉ thị cho các đồng chí có trách nhiệm cho chúng tôi đi học...¹.

*

* *

...

Gần đến ngày 19 tháng 5. Một tin vui đến với xưởng chúng tôi. Theo thông tri của Cục Quân giới, xưởng Đội Cấn được cử một công nhân cao tuổi nhất xưởng có thành tích cùng với đồng chí Cục trưởng Trần Đại Nghĩa thay mặt cán bộ, công nhân ngành quân giới lên chúc thọ Bác tại nơi Bác ở. Đồng chí Lại Hữu Giác được may mắn ấy.

Trưa ngày 18 tháng 5, đồng chí Trần Đại Nghĩa, đồng chí Nguyễn Ngọc Xuân, Cục trưởng và Cục phó Cục Quân giới cùng hai cán bộ giúp việc là đồng chí Tù và đồng chí Thuần trên đường đi dự lễ chúc thọ Bác, ở Cục Chính trị về đã ghé vào xưởng. Xưởng tôi nằm lọt trong

1. Xem: Lò An Bình, Cẩm Bích, Lô Thanh, Cẩm Trọng, Hà Đức, Hoàng Thích, Cẩm Cường, Lò Văn Nuôi, Lò Văn Minh và Cẩm Quỳnh (dân tộc Thái) *A Voóc Hồ, Sđd*.



khu an toàn. Từ Cục lên Bộ hoặc đến chỗ Bác ở đều đi qua khu vực xưởng. Các đồng chí lãnh đạo của Cục mỗi khi đi công tác thường ghé qua xưởng thăm anh em chúng tôi.

Ngày 19 tháng 5, một ngày nắng đẹp và mát mẻ... Ngay từ lúc tỉnh mơ, trong từng căn nhà của chúng tôi ẩn kín giữa núi rừng Việt Bắc, nơi căn cứ địa thần thánh của cách mạng, anh chị em chúng tôi đều mỗi người một tay chuẩn bị cho ngày kỷ niệm. Nơi làm việc, khu vực tập thể gia đình đều được quét dọn, sắp xếp lại một lần nữa.

Ở phía nhà ở của các em học viên học việc rộn lên tiếng trống ếch. Những bộ quần áo mới nhất lâu nay được cất ở đáy balô, giờ được đem ra mặc.

Sau khi tiễn đồng chí Xuân cùng đồng chí Tùy về Cục, tôi tranh thủ báo cáo với đồng chí Nghĩa về thành tích đợt thi đua mừng thọ Bác. Báo cáo xong, tôi đang định xuống xem anh chị em chuẩn bị liên hoan thế nào thì chợt thấy anh Tùy đạp xe trở lại về đến chân đồi. Gần về đến nơi, anh Tùy vội quăng xe chạy lên nói nhỏ với đồng chí Nghĩa những gì tôi không rõ, chỉ thấy đồng chí Nghĩa bảo đồng chí Thuận lấy cho bộ quần áo để thay. Tôi chưa đoán ra việc gì thì đồng chí Tùy đã đến cạnh tôi nói nhỏ:

- Bác... Bác đến!

Tôi bàng hoàng cả người. Lòng vừa hồi hộp, vừa phấn khởi, tâm trạng tôi lúc này thật khó tả. Chỉ kịp nghĩ là phải có nước pha trà. Tôi nói với đồng chí Giáp cho người đem hộ ấm nước. Vừa nói xong, khi nhìn xuống chân đồi,



tôi đã thấy ba người cưỡi ngựa đi về phía văn phòng xưởng. Người đi đầu là Hồ Chủ tịch, hai người đi sau là hai đồng chí bảo vệ.

Lát sau, tôi lại trông thấy đồng chí Xuân và đồng chí Thạch. Tôi tự hỏi: "Sao Giám đốc Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ lại theo Bác đến đây?". Đến chiều, sau khi tiễn Bác ra về, hỏi lại anh Thạch thì tôi mới rõ. Do hôm qua Bác đến thăm Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ rồi nghỉ tại đó. Bác hỏi anh Thạch: "Chú có biết đường đến xưởng Đội Cấn thì mai dẫn Bác đi". Anh Thạch báo cáo là có biết nên sáng hôm sau, ăn sáng xong, được lệnh Bác lên đường, anh Thạch đạp xe đi trước, cách Bác chừng một trăm mét. Khi đạp xe, khi dắt xe, lúc bon theo đường mòn, lúc lội qua suối, anh Thạch vừa đi vừa quan sát để nhớ đường khỏi lạc. Tới Quán Vuông, anh gặp anh Xuân và anh Tùy đang đạp xe đến. Trước đây anh Thạch có biết anh Xuân nay lại gặp trong trường hợp đưa Bác đến thăm xưởng quân giới, nên anh phấn khởi lắm. Anh Thạch đã báo với anh Xuân là Bác đến thăm xưởng Đội Cấn. Anh Xuân quay báo anh Tùy đạp xe trở lại báo cho anh Nghĩa và tôi biết, còn anh đứng chờ Bác. Bác vẫy tay bảo cùng đi. Gần đến nơi, anh Xuân, anh Thạch đi chậm lại để Bác đi trước...

Đến gốc đa trước cửa văn phòng xưởng, Bác xuống ngựa và tháo khăn mặt cài vào quai mũ để che bộ râu. Bác bước nhanh trên những bậc đồi, trước cửa nhà văn phòng xưởng. Tôi vội chạy ra đón Bác, còn đang lúng túng chưa



biết chào Bác thế nào thì Bác đã lên tới nơi. Tôi né về một bên và đứng nghiêm:

- Chào Bác ạ!

- Chú Tuynh phải không? - Bác gật đầu và tươi cười hỏi.

- Thưa Bác vâng ạ!

Vừa trả lời, tôi vừa theo chân Bác vào văn phòng. Anh Nghĩa cũng chỉnh tề trong bộ quần áo mới thay, ra chào Bác. Hồi này, Bác không béo, nhưng da dẻ hồng hào khỏe mạnh. Bác mặc bộ quần áo bộ đội có cầu vai may bằng vải diêm bầu, nhuộm màu lá coi đã hơi bạc, chân đi đôi dép caosu đen, đầu đội mũ to vành đã cũ.

Bác nhìn chúng tôi trùu mến. Bác hỏi thăm anh chị em và cán bộ có khỏe mạnh không. Tôi đáp:

- Thưa Bác, chúng cháu đều khỏe mạnh cả.

Sau đó, Bác hỏi từng người chúng tôi. Đầu tiên Bác hỏi anh Nghĩa:

- Chú Nghĩa năm nay bao nhiêu tuổi, được mấy cháu rồi?

- Thưa Bác, năm nay cháu ba mươi bảy tuổi và đã được một cháu.

Bác quay sang hỏi anh Xuân:

- Chú Xuân năm nay mấy chục tuổi?

- Thưa Bác, cháu bốn mươi tám ạ! - Anh Xuân đáp.

Chỉ vào đầu anh Xuân, Bác nói:

- Năm nay chú gần ấy tuổi, tóc đã hoa râm rồi!

Tôi nhìn lên đầu anh Xuân, thấy tóc anh đã bạc nhiều. Anh đã trải qua những nhà tù Côn Đảo, Vụ Bản (Hòa Bình), Hỏa Lò (Hà Nội) từ năm này qua năm khác, bị đủ



"món" đòn tra tấn, kìm kẹp gian khổ vô chừng. Khi được mãn hạn tù lại bị quản thúc, nhưng anh vẫn tiếp tục nghiên cứu chế tạo vũ khí, bí mật tổ chức xưởng chế tạo lựu đạn. Đến cách mạng thành công, anh được Bác giao làm bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời và phụ trách xây dựng ngành quân giới với bao nhiêu khó khăn vất vả.

Bác quay lại hỏi tôi:

- Chú Tuynh năm nay bao nhiêu tuổi?

- Thừa Bác, năm nay cháu hai mươi tám tuổi.

- Chú còn trẻ chán, tương lai phục vụ còn nhiều. Thế cô ấy có khỏe không? Thằng cu con có ngoan không?

- Nhà cháu khỏe, cháu bé ngoan và mau lớn lắm.

- Chú Tuynh được cái "đoàn kết dân tộc" giỏi.

Tôi sững sờ không hiểu vì sao Bác biết tôi có vợ, có con, lại biết cả vợ tôi là người dân tộc... Bác nhìn tôi cười âu yếm. Tôi nhìn Bác mà lòng nao núng xúc động, cứ muốn ứa hai hàng nước mắt.

Lo quá không biết báo cáo với Bác thế nào, tôi lúng túng:

- Thừa Bác, hôm nay xưởng chúng cháu nghỉ ạ.

- Vì sao mà nghỉ? - Bác hỏi.

Tôi càng lúng túng và ấp úng thưa với Bác:

- Hôm nay, nhân ngày sinh của Bác, theo nguyện vọng của anh chị em công nhân, xưởng nghỉ để tổ chức liên hoan chúc thọ Bác và sẽ làm bù vào ngày chủ nhật.

Bác nhìn tôi, nét mặt hơi nghiêm:

- Các chú lại lợi dụng ngày sinh của Bác để góp tiền cùng nhau đánh chén có phải không?



Bác lại hỏi:

- Hôm nay, ngoài mặt trận, bộ đội có ngừng bắn không các chú?

Thấy tôi có vẻ hồi hận, Bác ôn tồn giải thích:

- Ngoài mặt trận, bộ đội vẫn đánh giặc, mà ở đây các chú ngừng sản xuất vũ khí thì bộ đội lấy đạn đâu mà bắn - ngừng một lát, Bác nói tiếp - trong kháng chiến còn ít ngày lễ, rồi đây kháng chiến thành công, có nhiều ngày lễ chiến thắng nữa thì các chú mừng rồi nghỉ hết cả à?

Bác nhìn chúng tôi một lượt rồi ôn tồn:

- Với tinh thần vui mừng của những ngày lễ này, lẽ ra các chú phải tổ chức động viên anh chị em làm việc với năng suất bằng hai, bằng ba ngày thường thì mới đúng.

- Vâng ạ! - Chúng tôi đều đồng thanh.

Tôi thấy Bác gật đầu. Như để báo cáo với Bác là Cục Quân giới không có chủ trương cho các xưởng nghỉ trong ngày sinh nhật Bác, anh Xuân nói:

- Thưa Bác, việc nghỉ hôm nay là khuyết điểm của xưởng, lần sau chúng cháu xin...

Biết chúng tôi đã thấy được khuyết điểm, Bác vui vẻ dặn:

Bác nói để các chú thấy, còn bây giờ thì nhiều nơi cũng như thế này cả, các chú cần rút kinh nghiệm cho lần sau. Bây giờ ta uống nước xong, các chú dẫn Bác xuống thăm xưởng, thăm anh chị em công nhân.

Lúc này nhiều anh chị em công nhân biết Bác đến đã tập trung trước hội trường gần văn phòng để đón Bác.



Bác vừa ra khỏi cửa, đã thấy các cháu thiếu niên học việc, quần áo xanh chỉnh tề, đầu đội mũ calô, đeo trống ếch xếp thành hàng đứng dưới gốc đa... Vừa thấy Bác, tiếng trống ếch theo nhịp rộn ràng nổi vang. Thấy thế, Bác hỏi tôi:

- Các cháu kia là con cháu ở đâu?

- Thừa Bác, đó là con em của cán bộ công nhân trong xưởng được đưa vào học việc để đào tạo thành công nhân.

Nghe xong, Bác rất hài lòng và khen như thế là rất tốt. Đi gần hết dốc, Bác tươi cười vẫy tay. Các em liền chạy xô lại quây tròn lấy Bác. Các em rối rít chào Bác.

- Chúng cháu chào Bác ạ! cháu chào Bác ạ!...

Bác tươi cười, nhìn các cháu âu yếm:

- Các cháu có khỏe, có ngoan không?

- Thừa Bác, có ạ! - các em đồng thanh đáp.

- Các cháu học những gì? Có dễ hiểu, có giỏi và có làm được không?

Một em nhanh nhẹn thưa:

- Thừa Bác, chúng cháu học chuyên môn, học chính trị, học văn hóa, học cả lý thuyết, lại được các bác, các chú công nhân dạy nghề. Chúng cháu hiểu và làm được ạ.

Bác cười và gật đầu khen:

- Như thế là tốt. Các cháu phải đoàn kết giúp đỡ nhau học tập. Học cho giỏi để cũng có nghề. Các cháu có làm được không?

- Thừa Bác, có ạ!

Lúc đó đang đứng cạnh Bác, tôi liền tranh thủ đề nghị:

Xin phép Bác cho các cháu được chụp ảnh với Bác.



Bác đồng ý. Thế là các em reo lên. Em nào cũng muốn được ngồi gần Bác. Bác ngồi ngay vào bậc lên xuống của hội trường. Có cháu được Bác bế vào lòng, còn các cháu khác ngồi thành hai hàng bên cạnh Bác.

Tôi dẫn Bác xuống xưởng. Từ văn phòng vào xưởng theo đường tắt phải đi qua nhà bếp của văn phòng. Hôm nay, anh chị em nấu nướng giỏi đang tập trung ở đây để chuẩn bị cho bữa liên hoan mặn. Khi Bác đến, mọi người đổ xô ra vỗ tay và hô lớn: "*Hồ Chủ tịch muôn năm*".

Bác hỏi:

- Các chú, các cô tăng gia có được nhiều không?
- Thưa Bác, chỉ tạm đủ ăn.

Bác nhìn mọi người và vui vẻ nói:

- Tốt lắm. Ăn rau mà không trồng rau là con sâu. Ăn thịt gà mà không nuôi gà là con cáo.

Nói xong, Bác cùng chúng tôi cười vang. Giữa Bác và chúng tôi tràn đầy không khí thắm thiết, yêu thương. Những câu nói của Bác vừa vui, vừa sâu sắc. Ít ngày sau, trong một buổi họp bàn về kế hoạch đẩy mạnh tăng gia chăn nuôi, nhiều anh chị em phân tích rất kỹ câu nói của Bác thể hiện rõ quan điểm và ý thức lao động.

Bác đi xem một lượt nhà bếp, thấy gọn gàng trật tự, có máng nước rửa tay, có nơi rửa bát, bếp núc sạch sẽ... Bác khen làm như thế là tốt.

Trên đường đi tới xưởng có một bãi ngô, cây đã lên cao độ hai gang và có bốn năm lá, mỗi khóm có bốn năm cây. Đang đi, Bác dừng lại hỏi:



- Bãi ngô này của ai?
- Thừa Bác, của chúng cháu tặng gia ạ.
- Các chú gieo dày quá.
- Thừa Bác, chúng cháu đã nhổ đi nhiều rồi ạ.
- Nhưng vẫn còn dày. Để nhiều cây, mai kia làm gì có bắp, nếu có chỉ bằng ngón chân cái. Các chú nghe Bác, nhổ nữa đi.

Bác vừa nói, vừa bước vào ruộng ngô, tới khóm có năm cây, Bác nhổ bớt ba cây nhỏ, chỉ để lại hai cây mập và cao hơn. Chúng tôi nhìn Bác cảm phục và biết ơn. Tôi nghĩ, Bác bận trăm công nghìn việc lớn nhưng Bác vẫn dạy bảo mọi người từ việc nấu ăn, đến việc tặng gia chăn nuôi trồng trọt...

Bác đến Ban sản xuất ngòi nổ. Ban này chuyên sản xuất ngòi nổ đạn cối và bom phóng. Phần cơ khí mới được tổ chức ra từ đầu năm 1949.

Ban này có hai dãy nhà dựng dưới lùm cây cao. Tuy nhà làm bằng tre nứa, song rất cẩn thận, chung quanh đều có cửa sáng, nền nhà được nện nhẵn, cao ráo, sạch sẽ.

Ban được tổ chức theo chuyên môn hóa, mỗi người một việc, sản xuất hàng loạt ngòi nổ. Toàn ban có hơn mười cỗ máy tiện nhỏ đặt chân được cải tiến, chạy bằng dây curoa (do máy kéo). Các em thiếu nhi học nghề tiện được bố trí học tại đây phù hợp với sức khỏe và máy. Làm hàng loạt nên các em đã mau chóng nắm được kỹ thuật, lại được các bác, các chú công nhân hướng dẫn tận tình. Các em đã có nhiều cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa



động tác, lắp nhiều dao tiện thành tầng bậc theo mẫu của ngòi nổ nên năng suất ngày một tăng.

Trong khi Bác xem, tôi tranh thủ báo cáo với Bác về nhiệm vụ tổ chức bộ máy của Ban. Tôi cũng báo cáo với Bác tỉ mỉ từ khâu phôi phẩm đúc, qua khâu khoan tiện cho đến khâu thành phẩm. Tôi lại giới thiệu những cải tiến, năng suất và chất lượng đã tăng tiến.

Trong lúc nghe, Bác hết sức chăm chú theo dõi. Bác thường gật đầu khen tốt. Bác nói:

- Tổ chức sản xuất hợp lý là cần. Cải tiến kỹ thuật, sửa đổi lề lối làm việc lại cần hơn. Vì việc đó ai cũng làm được, tuy hiệu quả có thể còn nhỏ, nhưng nhiều người làm được thì hiệu quả lớn. Các chú phải cố gắng phát huy để có ít người, ít máy vẫn sản xuất được nhiều vũ khí.

Nói xong, Bác cầm thành phẩm về phần cơ khí của ngòi đạn cồi lên tay, Bác hỏi tôi:

- Các cháu nhỏ đã làm được những cái này cơ à?

- Vâng ạ! - Tôi đáp - Ở ban này có em Hanh, người dân tộc Tày, chịu khó học tập, tiếp thu nhanh, lại luôn luôn cải tiến nên năng suất và chất lượng sản phẩm của em rất khá, thường được các bác thợ già và anh em thợ giỏi khen.

Bác gật đầu. Một lát sau, Bác hỏi:

- Các chú lấy vật liệu ở đâu để làm?

- Thưa Bác, làm bằng đũa máy bay địch do bộ đội ta mới hạ được, Bộ cho lấy về để làm nguyên liệu.



- Nếu bộ đội ta chậm hạ được máy bay thì các chú lấy gì mà làm?

Tôi báo cáo với Bác:

- Nếu không có đũa thì thay thế bằng đồng, nhưng hiện nay đồng cũng khan hiếm. Theo hướng dẫn của Cục, chúng cháu đang nghiên cứu vật liệu thay thế bằng nhựa êbônít ta đã làm được.

- Các chú đã có hướng để khắc phục khó khăn như thế là tốt.

Bác nhìn lại một lượt, rồi nói tiếp:

- Tổ chức sản xuất của các chú như thế này là tốt. Nơi làm việc sạch sẽ, ngăn nắp, máy móc có nội quy sử dụng, có chế độ lau chùi cẩn thận. Các chú cần chú ý giáo dục, uốn nắn, bồi dưỡng cho các cháu học việc, từ việc nhỏ đều phải có nề nếp. Đó là những thợ kỹ thuật tương lai của đất nước. Song phải tổ chức thi đua cho tốt, nhất là khuyến khích mọi người học tập, nghiên cứu sửa đổi động tác làm việc, cải tiến kỹ thuật để có thể góp nhiều cho kháng chiến và có thêm nhiều vũ khí cho bộ đội giết giặc.

Thấy Bác căn dặn tỉ mỉ, chỉ bảo đến nơi, đến chốn, tôi hứa:

- Thưa Bác, chúng cháu xin hứa với Bác sẽ cố gắng hơn nữa để thực hiện lời Bác dạy.

Trên đường quay về văn phòng, Bác rẽ vào trạm xá của xưởng, thăm một số anh chị em ốm đang nằm điều trị ở đây. Tuy đang đau yếu nhưng được tin Bác đến thăm,



anh chị em hân hoan, hồ hởi chạy ra cửa đón Bác. Thấy vậy, Bác bảo:

- Các cô, các chú người đang yếu mệt, về giường nằm nghỉ. Đối với người ốm, nghỉ lễ đều miễn hết.

Anh chị em vui mừng theo Bác vào trong nhà. Người nào ngồi vào giường người ấy trật tự. Bác hỏi thăm sức khỏe, bệnh tật, ăn uống của từng người.

Đến buổi phát thuốc, Bác hỏi đồng chí y tá:

- Thuốc men của trạm xá có đầy đủ không?

Đồng chí y tá báo cáo với Bác:

- Thừa Bác, cũng có thứ tạm đủ, cũng có thứ thiếu. Anh chị em nào bệnh nặng thì cháu gửi đi viện, anh chị em nào mệt nhẹ thì điều trị ở nhà. Chúng cháu còn làm theo sự hướng dẫn của Cục Quân y, thiếu thuốc tây thì vào rừng kiếm lá cây về làm thuốc.

Bác vỗ vai đồng chí y tá, nói:

- Chú phải chú ý hướng dẫn, kiểm tra công tác phòng bệnh như nằm màn, diệt ruồi, ăn ở hợp vệ sinh... Có như thế mới ít ốm đau, mới có nhiều người để sản xuất vũ khí phục vụ kháng chiến.

Đồng chí y tá chăm chú lắng nghe từng lời căn dặn của Bác và hứa sẽ cố gắng làm hết sức mình.

Trên đường trở về căn phòng, các cháu nhỏ, con của anh chị em công nhân ở gần đấy, đã được công đoàn tổ chức đứng ra đón Bác. Có đến gần hai chục cháu từ năm đến mười tuổi xếp thành hàng ngũ chỉnh tề trông rất đẹp. Thấy Bác đi gần tới, các cháu vừa vỗ tay, vừa hát vang bài *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng*.



Bác tươi cười vẫy tay, các cháu chạy đến ríu rít vây tròn lấy Bác. Bác xoa đầu các cháu và hỏi tên, tuổi từng cháu và bố mẹ cháu. Khi nói đến con anh Mừng, thấy mấy ngón tay cháu phải buộc băng kín, Bác hỏi:

- Tay cháu làm sao?

- Tay cháu bị ghẻ ạ! - Tôi đáp.

Bác cầm tay cháu lật đi lật lại rất chăm chú và nói:

- Ghẻ thì dễ chữa thôi. Không chữa nhanh thì tay cháu đau. Ở đây các chú thế nào cũng có thuốc đen, đã làm thuốc đen thì có diêm sinh. Chỉ cần một ít diêm sinh hòa lẫn với dầu ta, rồi rửa sạch tay cháu, bôi vài lần là khỏi - Bác nói tiếp - lúc Bác bị bọn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch cầm tù, Bác bị ghẻ nhiều, cũng chữa bằng cách đó.

Nghe Bác nói, chúng tôi rất xúc động.

Trở về văn phòng, Bác cởi áo ngoài, chỉ mặc chiếc áo cổ vuông màu gụ đã bạc. Trong khi Bác ngồi nghỉ uống nước, hút thuốc và nói chuyện với anh Nghĩa, anh Xuân, tôi quay vào dọn buồng ngủ để mời Bác nghỉ.

Anh thư ký công đoàn mang mấy tờ báo đến để Bác đọc, trong số đó có tờ *Lao động*.

Bác xem qua một lượt rồi bất chợt hỏi anh Nghĩa:

- Chú Nghĩa có hay đọc báo không?

- Thưa Bác, có ạ! - Anh Nghĩa đáp.

- Chú thường đọc những báo gì?

- Thưa Bác, cháu thường đọc báo *Cứu quốc*, báo *Quân đội* và tập san của Đảng.

- Thế chú có hay đọc báo *Lao động* không?



- Thừa Bác, cháu có đọc, song còn ít.

Gập tờ báo lại, Bác nhìn chúng tôi rồi nói:

- Báo nào cũng nên đọc, có thì giờ thì đọc hết, không có thì giờ thì đọc các đầu đề, các tin quan trọng. Chú là Ủy viên chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam mà ít đọc báo *Lao động* là chưa đúng. Chú có ý kiến gì nhận xét về báo *Lao động* không?

Anh Nghĩa không trả lời được câu hỏi đó, chỉ lặng im, không nói.

Bác lại giở tờ báo ra nói tiếp:

- Theo Bác, nội dung báo như thế này không thể gọi là báo *Lao động* mà chỉ nên gọi là báo công nhân. Vì tờ báo *Lao động* thì phải nói đến nhân dân lao động bao gồm lao động trí óc, lao động chân tay, lao động trong xưởng máy, ngoài đồng ruộng, trong nghề rừng, nghề biển... Nếu chỉ nói lao động trong nhà máy thì chỉ có thể gọi là báo công nhân...

Giữa lúc ấy có tiếng máy bay. Keng báo động vang lên. Một máy bay trinh sát của địch bay đến lượn trên vùng trời của khu an toàn. Chúng tôi mời Bác xuống hầm. Máy bay trinh sát lượn một lúc lâu, có tiếng bom rất xa. Thấy không nguy hiểm, tôi mời Bác lên. Lên khỏi hầm, Bác chỉ tay xuống hầm nói:

- Hầm của các chú làm thì chắc đấy, nhưng nếu không cẩn thận thì chưa chắc đã chết vì máy bay mà có khi lại chết vì rắn cắn.



Nói xong, Bác lại ôn tồn giải thích:

- Thường thường ban ngày, loài rắn hay chui vào chỗ tối. Đêm đến rắn mới bò ra đi kiếm ăn nên rất dễ sa xuống hầm hố. Hầm của ta sâu lại thẳng đứng, khi rắn sa xuống không lên được, sáng ra nó tìm vào chỗ tối để nằm. Khi có báo động, ta vội xuống hầm rồi vào sâu đến chỗ tối, nơi rắn nằm nên rất dễ bị rắn cắn. Ta lại ở rừng, dễ có nhiều rắn độc. Muốn khỏi bị rắn cắn, các chú phải đào một hố sâu ở cửa hầm, rồi làm một cái thang nhỏ để lên xuống cho tiện. Còn hố đó, vừa để chứa nước khi trời mưa, còn làm cho hầm khô ráo và khi rắn rết sa xuống thì rơi ngay vào hố, mai ra chỉ đứng trên nhìn xuống là biết ngay.

Nghe Bác giảng giải, chúng tôi đều thấy ý kiến của Bác vừa chu đáo, vừa thực tế. Ngày hôm sau, tôi nói lại với anh chị em để họ làm theo lời Bác chỉ dẫn. Quả nhiên sau ít ngày, nhiều hầm anh chị em đã bắt được rắn rết.

Bữa liên hoan được tổ chức tại hội trường của xưởng. Cái khó nhất của ban tổ chức bữa ăn là phải sắp xếp chỗ ngồi thế nào để mọi người đều có thể vừa ăn vừa nhìn thấy Bác.

Mọi việc được bố trí xong xuôi, anh chị em đã đến đông đủ. Tôi lên nhà mời Bác. Bác đi trước, anh Nghĩa, anh Xuân và chúng tôi theo sau. Bác vừa đến cửa hội trường thì mọi người đứng cả dậy sau một tiếng hô nghiêm. Nhưng anh chị em chưa kịp vỗ tay thì Bác đã vỗ tay và nói:

- Nghiêm với nghỉ cái gì. Khéo đồ cả com canh bây giờ.



Anh chị em chúng tôi đều cười vang. Tiếng vỗ tay lúc ấy mới nổi lên như sấm. Không khí thật đầm ấm như tình cha con trong nhà.

Tôi mời Bác đến chỗ bàn ăn đã được sắp đặt trước. Bác chưa đến ngay. Nhìn mâm cơm của anh chị em, Bác hỏi tôi:

- Đều cả chứ chú?

- Thưa Bác, vâng ạ! - Tôi đáp.

Nhìn mâm cơm Bác ngồi, thấy có các món ăn như mâm của anh em, Bác gật đầu rồi mới ngồi vào chỗ. Mọi người đều im lặng, chăm chú ngắm Bác.

Đồng chí thư ký công đoàn định lên tuyên bố lý do, thì Bác đã nhìn về phía anh em nói to để mọi người cùng nghe thấy:

- Bây giờ các cô, các chú chọn một bác công nhân già, một chị công nhân và một em thiếu niên học việc có thành tích lên ngồi mâm này ăn cơm với Bác.

Ý kiến của Bác thật bất ngờ nằm ngoài dự kiến của chúng tôi. Tôi điểm qua một lượt trong số anh chị em công nhân cũ đã nhiều tuổi. Bác Lại Hữu Giác suốt ba mươi năm làm thợ, hết cho Pháp, cho Nhật, lưu lạc hết tỉnh này, tỉnh khác, cuối cùng phải vào làm ở mỏ Phấn Mễ (Thái Nguyên) mà tay trắng vẫn hoàn tay trắng. Từ lúc đi làm thuê bị bóc lột, nay trở thành người chủ nhà máy, lại được trực tiếp sản xuất vũ khí để giết giặc cứu nước, bác đã nêu gương về tinh thần làm chủ của người công nhân. Với đức tính cần cù lao động và có nhiều



kinh nghiệm của người thợ lâu năm trong nghề, bác đã lẫn lộn ngày đêm trong mọi công việc, nhất là việc di chuyển máy móc. Bác có nhiều mưu mẹo, bản lĩnh, khinh vác máy móc qua đèo, suối, đường dài. Nhờ vậy mà ban sản xuất ngôi nổ đạn cối của xưởng đã có điện để chạy máy tiện. Ngoài ra, với thái độ khiêm tốn học tập, bác Giác đã được già trẻ ai nấy cũng quý mến. Trong các đợt thi đua, bác thường được anh em bầu là chiến sĩ xuất sắc của xưởng. Bác Giác có thể là người tiêu biểu cho lớp công nhân già của xưởng, xứng đáng được đề lên ngôi chung mâm cơm với Bác.

Còn một nữ công nhân, tôi nghĩ ngay đến chị Nguyễn Thị Thân. Lúc ấy chị bốn mươi tuổi, phẩm chất đạo đức tốt. Cùng với nhiều anh chị em khác trong bộ phận nuôi quân, chị luôn luôn tỏ ra là người chị gái đảm đang của đại gia đình xưởng Đội Cấn. Chị săn sóc chu đáo đến việc ăn uống của mọi người nên được anh chị em trong xưởng quý mến.

Còn một em thiếu niên học việc, tôi chú ý đến em Đồng Phúc Hanh, con một thầy giáo nghèo người dân tộc Tày ở Bắc Kạn. Với lòng thiết tha được chính tay làm ra vũ khí giết giặc, em đã tiến bộ mau chóng trong học tập. Em lại là người siêng năng cần cù, tác phong thân ái cởi mở, biết đoàn kết với mọi người. Trong học tập và tổ chức, em có ý thức tổ chức và kỷ luật cao, chịu miệt mài học tập, có đầu óc sáng tạo trong học tập và thực hành, nên làm việc gì em cũng dẫn đầu về năng suất cao, chất



lượng tốt, giữ gìn máy móc sạch sẽ. Em cũng đã được mọi người yêu mến và luôn luôn được bầu làm chiến sĩ xuất sắc trong số các em học tập.

Tôi bày tỏ ý kiến riêng trước anh chị em và được mọi người nhất trí vỗ tay nhiệt liệt.

Khi ba người bước lên ngồi vào bàn, Bác bảo đồng chí bảo vệ đưa cho Bác ba cái huy hiệu của Bác. Bác cầm ba huy hiệu giơ lên và nói:

- Bác có ba cái huy hiệu mà ở đây các cô, các chú thì đông, bây giờ các cô, các chú bảo tặng cho những ai?

Ở phía cuối hội trường có ý kiến đề nghị:

- Cháu đề nghị tặng cho ba người được cử lên ăn cơm với Bác ạ!

Mọi người đều đồng ý. Tiếng vỗ tay lại vang lên. Bác cầm huy hiệu tặng cho bác Giác, chị Thân và em Hanh. Ba người đều cảm động, hai tay run run đón lấy huy hiệu.

Tặng huy hiệu xong, Bác nói ngay:

- Thôi miễn lý do. Hôm nay ngày sinh của Bác, đáng lẽ các cô, các chú phải tăng năng suất gấp hai, gấp ba để mừng Bác thì mới đúng. Nhưng các cô các chú đã trót góp tiền để liên hoan thì miễn lý do.

Bác vừa dứt lời, cả hội trường vang lên tiếng cười. Tiếng vỗ tay lại nổi lên tưởng như không dứt. Bác tươi cười vẫy tay, cả hội trường tức khắc im bật. Bác nói tiếp:

- Bây giờ thì "dĩ thực vi tiên", Bác và các cô các chú đều đói cả, ăn đã rồi nói chuyện sau. Các cô các chú có



thắc mắc, đề nghị gì muốn Bác nói thì viết vào tờ giấy đưa cho chú Tuynh. Chú Tuynh tập trung cả lại đưa cho Bác. Ăn xong, Bác sẽ nói chuyện. Các cô, các chú có đồng ý không?

- Đồng ý ạ! - Cả hội trường lại vang lên tiếng đáp.

Thế là bữa ăn bắt đầu... Ăn xong, chúng tôi mời Bác về nhà uống nước, nằm nghỉ...

Hơn một giờ chiều, Bác đã dậy. Đang ngồi nói chuyện với anh Nghĩa, anh Xuân thì đồng chí thư ký công đoàn cho biết anh chị em đã tề tựu đông đủ tại hội trường. Tôi vào báo cáo với Bác:

- Thưa Bác, theo chỉ thị của Bác, cháu đã đi hỏi suốt lượt cả tập thể và gia đình, nhưng ai cũng đều nói là phần khởi được Bác đến thăm, lại được ăn liên hoan với Bác, thế là toại nguyện rồi, không có thắc mắc gì đề nghị cả ạ. Bác dạy gì chúng cháu quyết tâm làm bằng được ạ!

Bác vừa bước đến cửa hội trường, tiếng hô nghiêm vừa dứt thì tiếng vỗ tay nổi lên đợt nọ nối tiếp đợt kia không dứt. Bác nhanh nhẹn, tươi cười bước đến trước cái bàn chúng tôi kê đúng chỗ ăn cơm lúc trưa. Tiếng vỗ tay cứ liên tiếp vang lên. Bác vỗ hai tay, như một hiệu lệnh, tiếng vỗ tay im bật, mọi người ngồi xuống chăm chú hướng cả lên phía Bác.

Nhìn qua một lượt, Bác nói:

- Các cô, các chú không có ai thắc mắc, đề nghị gì, bây giờ Bác nói chuyện với các cô, các chú.



Trước hết, chúng tôi được Bác giảng giải cho nghe về vai trò nhiệm vụ của giai cấp công nhân.

Muốn làm tròn được vai trò lãnh đạo cách mạng, mọi công nhân phải gương mẫu đi đầu trong mọi công việc, phải hăng hái tham gia phong trào thi đua yêu nước. Trong thi đua phải cố làm hơn người, nhưng lại phải biết dìu dắt người kém, người chậm tiến, đạt được thành tích rồi còn phải cố gắng đạt được thành tích cao hơn, chứ không được tự kiêu, tự mãn.

Muốn lãnh đạo mọi người thì phải chịu khó học tập, học chính trị, học văn hóa, học chuyên môn để không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết, phục vụ tốt cho cách mạng. Học rồi thì phải áp dụng những điều đã học vào trong công tác, cải tiến lề lối làm việc, đẩy công tác tiến lên.

Nếu mọi công nhân đều làm được như vậy thì sự nghiệp kháng chiến của dân tộc nhất định sẽ thắng lợi, giai cấp công nhân sẽ xứng đáng với lòng mong mỏi của dân tộc.

Nói xong những điều ấy, Bác hỏi chúng tôi:

- Các cô, các chú có làm được như vậy không?
- Thưa Bác, có ạ!

Tiếng đáp lại vang lên như sấm dậy. Bác vui mừng nói tiếp:

- Chúc các cô, các chú cố gắng.

Bác vừa nói dứt, tiếng vỗ tay lại vang lên từng nhịp. Mọi người đứng cả dậy mà vỗ tay và chăm chú nhìn lên



phía Bác. Khấp hội trường, anh chị em hô vang "*Hồ Chủ tịch muôn năm!*", "*Kính chúc Bác Hồ mạnh khỏe sống lâu*", "*Quyết tâm thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch*"...¹.

*

* *

...

Khoảng bảy giờ tối hôm ấy (ngày 20 tháng 12 năm 1950), một đồng chí bảo vệ đến đưa anh Lê Viết Lượng (Chủ tịch khu Bốn) và tôi đến nơi Bác làm việc. Đây là một căn nhà ba gian làm bằng tre nứa, lợp lá cọ. Từ ngoài nhìn vào, tôi thấy Bác đang ngồi bên cạnh bếp lửa và chiếc đèn dầu con. Thấy chúng tôi đến, Bác đứng dậy bắt tay, rồi chỉ vào hai chiếc ghế đã đặt sẵn bên bếp, bảo chúng tôi cùng ngồi. Bỏ thêm mấy cành củi vào bếp, Bác vừa cười, vừa nói:

- Các chú ngồi sưởi cho ấm. Hôm nay chúng ta vừa đốt lửa trại, vừa nói chuyện.

Bác hỏi chúng tôi về đời sống của nhân dân, bộ đội, về sức khỏe của trẻ em và các cụ già. Bác hỏi tình hình các binh công xưởng và các trại tù binh. Bác nghe chúng tôi báo cáo rất kỹ. Thình thoảng, Bác ngắt lời chúng tôi để giải thích hoặc hỏi thêm. Nghe giọng nói của tôi, Bác ngoảnh lại hỏi:

1. Xem Ưng Quốc Tuynh: "Bác Hồ đến với chúng tôi" trong *Đường ta sống mãi*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1974.



- Chú ở Nghi Lộc phải không?

- Dạ!

- Đồng bào ở Cửa Lò, Cửa Hội có ai đi đánh cá được không?

- Thưa Bác, tàu thủy và canô địch bao vây gắt gao lắm. Thuyền ra khơi đánh cá thường bị địch đuổi bắt và bắn phá luôn. Chúng cháu đã chuyển đồng bào sang đánh cá lộng, đánh cá bãi ngang theo lối "du kích". Bây giờ đồng bào đã có kinh nghiệm nên đỡ bị địch bắt. Chúng cháu còn đưa thêm nghề đánh dây, làm nón về tập cho phụ nữ và thiếu nhi, đồng thời chuyển một số gia đình vùng biển lên vùng quê làm ruộng...

Bác nhắc nhở chúng tôi, đại ý:

- ... Các chú làm như vậy là tốt nhưng phải tổ chức cho đồng bào không những tránh được giặc mà còn chống được giặc trên biển. Đồng bào vùng biển có đánh cá được thì đời sống mới ổn định, và đồng bào làm ruộng mới có cá mắm để ăn. Vùng biển là áo giáp của đồng bằng. Các chú phải tuyên truyền vận động đồng bào làm ruộng hết sức giúp đỡ đồng bào đánh cá.

- Thưa Bác, ở khu Bốn, tỉnh nào cũng có biển, cho nên khu hết sức coi trọng việc này - anh Lượng thưa.

Bác gật đầu, bảo:

- Đúng, khu phải lo mà các tỉnh cũng phải lo mới được.

Bỏ thêm củi vào bếp, Bác nói đại ý Nghệ An đã làm được một số đập nước nhỏ và vừa, như vậy là khá. Nhưng phải làm thêm, phải bảo vệ tốt các đập và các hệ



thống nông giang. Chiến tranh còn dài, địch còn vô cùng gian ác, nếu các đập nước và hệ thống nông giang bị địch đánh phá thì tai hại lắm đấy. Khu và tỉnh cũng phải có kế hoạch sẵn, phòng khi địch đánh phá mất đập nào, một hệ thống nông giang nào đó là có thể hướng dẫn nông dân chuyển hướng sản xuất được ngay, đừng bỏ đất hoang hóa.

Bác bảo tôi:

- Vùng Nghi Lộc nhà chú đất cát bạc, năng suất khoai đều thấp, dân thiếu ăn quanh năm. Các chú phải có kế hoạch giúp dân làm thêm phân bón, làm thủy lợi thật tốt mới được.

- Dạ! - tôi đáp.

Bác nhắc thêm:

- Nhân dân Nghệ An và Hà Tĩnh xưa nay có tiếng ham học, thế mà nay phong trào bình dân học vụ không mạnh. Đó là khuyết điểm của các chú. Việc gì khó đến mấy mà cán bộ biết vận động, biết tổ chức thì nhân dân làm được và làm tốt. Phong trào không lên là do các chú làm chưa tốt, có phải không?

- Thừa Bác, đúng ạ! - chúng tôi cùng đáp.

Bác lấy thuốc cho chúng tôi hút rồi nói rõ thêm về chính sách đối với tù binh, hàng binh. Nghỉ một lúc, Bác hỏi anh Lượng:

- Khu Bốn có mấy huyện, chú?

- Thừa Bác, bốn mươi bảy huyện ạ.



- Chú đã đến được mấy huyện rồi?

Anh Lượng ngập ngừng:

- Thừa Bác, cháu mới đi được một số huyện Thanh-Nghệ - Tĩnh, còn ở Bình - Trị - Thiên...

- Chú chưa vào huyện nào chứ gì?

- Thừa Bác, cháu mới đi được vài ba huyện ở Quảng Bình thôi ạ.

Bác cười hỏi tôi:

- Nghệ An có bao nhiêu xã, chú?

- Thừa Bác, Nghệ An có 176 xã ạ.

- Chú đi khắp các xã chưa?

- Thừa Bác, các huyện trong tỉnh thì cháu đều đến cả rồi, nhưng đối với xã, cháu mới đi được một số xã vùng xuôi, còn trên vùng núi thì đi còn được ít lắm.

Bác dạy:

- Đã là cán bộ lãnh đạo là phải đi sát cơ sở. Cán bộ khu thì phải xuống tận huyện và một số xã. Cán bộ tỉnh thì phải xuống xã và một số thôn. Có như vậy mới nắm được tình hình cụ thể mà chỉ đạo. Ít ra, các chú cũng phải nắm chắc được tình hình ba phần tư số đơn vị mình phụ trách. Bấy lâu các chú đã có nhiều cố gắng trong công tác, như vậy là tốt, nhưng cũng có nhiều thiếu sót, các chú phải thường xuyên thực hành phê bình và tự phê bình để làm tốt hơn nữa. Ngày kia các chú về, Bác gửi lời thăm hỏi đồng bào, cán bộ và bộ đội trong khu và trong tỉnh.

Đọc đường về, anh Lượng bảo tôi:

- Anh thấy chưa? Bác lo trăm việc từ việc lớn đến việc



nhỏ. Chúng ta làm việc chưa hết, nên Bác phải nhắc nhở luôn. Lần này về, chúng mình phải cùng anh em ở nhà làm cho được những điều Bác dạy hôm nay...¹.

*

* *

...

Hôm lên đường, mỗi khi trèo dốc hay khát nước, mỗi chân hoặc việc ăn uống, tắm giặt làm bằng tay trái chưa quen còn gặp nhiều khó khăn... nhưng nghĩ đến sắp được gặp Bác là tôi quên hết. Chốc chốc tôi lại hỏi đồng chí liên lạc xem Bác đã sắp đến chưa? Tôi hình dung cuộc gặp Bác sắp tới... Tôi xếp sẵn trong óc là sẽ chào Bác thật đúng tư thế quân nhân, sắp xếp các vấn đề báo cáo và tự nhủ là phải bình tĩnh, phải chủ động chuyển ngay lời của trung đoàn lên kính chúc sức khỏe của Bác.

Đến trạm liên lạc của Trung ương, tôi nghỉ ngơi một ngày. Quá trưa hôm sau, tôi được dẫn vào gặp Bác. Trước khi đi, tôi phân vân suy tính mãi và sau cùng cứ mặc bộ quân phục bình thường chứ không mặc bộ quần áo chiến lợi phẩm. Tôi được đưa thẳng đến chỗ Bác làm việc. Đang đi, bỗng đồng chí liên lạc kéo áo tôi, bảo nhỏ: "Đến rồi đấy!". Tôi nhìn lên phía trước thì thấy bên gốc cây đa to có một ông cụ tóc bạc, mặc quần áo nâu,

1. Xem: *Nghệ An trong lòng Bác*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Nghệ An xuất bản năm 1974.



đang ngồi đọc báo. Tôi còn đang ngẫm nghĩ thì đã bước gần tới gốc đa.

- Bác đấy! - đồng chí liên lạc nói nhỏ vào tai tôi thế.

Tôi chưa kịp chào thì Bác đã đứng lên, đón tôi và hỏi ngay:

- Cháu Cầu đấy phải không?

- Vâng ạ!

Tôi xúc động quá, chỉ nói được có thế.

Bác tới cầm tay tôi hỏi:

- Cháu đi đường có mệt lắm không? Đi mất mấy ngày? Anh em trong đơn vị có khỏe không?

Tôi cố trấn tĩnh nhưng vẫn lúng túng;

- Thưa Bác, cháu đi đường có mệt nhưng được nghỉ một ngày nên đã lại sức. Anh em trong đơn vị cháu đều khỏe mạnh. Chúng cháu rất phấn khởi sau chiến thắng biên giới.

Bác dắt tôi vào nhà. Bác bảo đồng chí phục vụ:

- Cháu Cầu đi đường mệt, chú pha sữa cho cháu uống.

Bác cho tôi ngồi bên cạnh, rồi hỏi về sức khỏe của anh em thương binh, về tình hình đoàn kết, học tập của đơn vị... Tôi vừa trả lời vừa ngắm kỹ Bác. Bác nói chuyện vui, thân mật và dễ hiểu. Thỉnh thoảng Bác lại dùng xen tiếng dân tộc. Bác phát âm, dùng từ rất đúng. Tôi càng thêm cảm động vì thấy Bác gần gũi, thương yêu người các dân tộc, quan tâm đến chiến sĩ. Lòng tôn kính của tôi đối với Bác càng tăng lên vô hạn.

Bác bảo tôi ở lại ăn cơm với Bác. Bác dặn riêng anh nuôi:

- Cháu Cầu mệt, nhờ chú nấu cho cháu bát canh ngon.

Rồi Bác cho tôi đi rửa mặt, nghỉ ngơi. Lúc vào phòng



ăn, tôi còn bỡ ngỡ chưa biết ngồi chỗ nào, thì Bác đã kéo tôi ngồi bên Bác.

- Các đồng chí trong cơ quan mời cháu ăn cơm. Cháu ngồi đây với Bác.

Bác vui vẻ giới thiệu:

- Rau xanh Bác trồng, gà Bác nuôi, trứng gà nhà đẻ, chỉ có muối mắm là phải mua thôi. Hôm nay, thết cơm cháu nên bữa ăn có khá hơn mọi ngày. Ăn cơm với Bác, cháu đừng làm khách, cứ ăn cho thật no.

Vừa ăn, Bác hỏi:

- Cháu ăn ngon miệng không? So với đơn vị có khác gì không?

- Thưa Bác, cháu ăn ở đơn vị cũng ngon, nhưng được ăn cơm với Bác, cháu thấy ngon hơn.

Bác cười, quay sang mấy đồng chí ở cơ quan:

- Cháu Cầu trông thế mà hóm nhì!

Mọi người cùng cười. Tôi sung sướng quá. Bác gấp thức ăn cho tôi luôn. Bỗng Bác lại hỏi:

- Ở đơn vị cháu, anh em người dân tộc có nhiều không? Dân tộc nào nhiều nhất?

- Thưa Bác, đơn vị cháu có nhiều người thuộc các dân tộc ở Cao - Bắc - Lạng. Đầu nhất là Tày, thứ hai là Nùng, thứ ba là Kinh ạ.

Bác khen:

- Tốt lắm! Đồng bào các dân tộc Cao - Bắc - Lạng đều hăng hái tham gia cách mạng. Các cháu đánh giặc giỏi, nay cần phấn đấu để tiến bộ hơn nữa về văn hóa.



Ăn cơm xong, tráng miệng bằng chuối do Bác tặng gia. Bác hỏi tôi về chuyện nhà. Vâng lời Bác, tôi kể:

Cháu mồ côi cha năm lên bảy. Mẹ cháu đi bước nữa nhưng vẫn nuôi cháu. Trước Cách mạng Tháng Tám ít ngày, bản cháu bị thổ phi đốt phá sạch. Bố dưỡng cháu lo buồn, sinh bệnh rồi mất. Thế là cháu lại mồ côi cha lần thứ hai. Mẹ con cháu làm ăn rất vất vả lẫn hồi nuôi nhau. Cách mạng Tháng Tám thành công, cháu được đi học, được ca hát với bạn bè, nhưng chưa bao lâu thì giặc Pháp lại xâm chiếm nước ta. Ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, cháu mới mười lăm tuổi nhưng đã biết đi cày. Cháu nghĩ *cầm được cày thì nhất định cầm được súng đánh Pháp*. Một hôm đang cày ruộng, cháu nghe bà con nói ngoài chợ huyện có tuyển quân, cháu mừng quá, chạy về xin mẹ cho đi tòng quân. Mẹ cháu bảo "*Con còn nhỏ, bố mới mất, mẹ chỉ có một mình con, con ở nhà giúp đỡ mẹ...*". Nhưng cuối cùng mẹ cháu cũng bằng lòng cho cháu đi. Mẹ dặn cháu ba điều:

- Không được làm phiền anh em, phải cố gắng giết thật nhiều giặc Pháp và thổ phi để dân làng và mẹ khỏi khổ.

- Đừng làm điều xấu, đừng làm điều lỗi để phải đi tù. Mẹ thấy con đi tù thì mẹ chết mất.

- Nhớ viết thư về thăm mẹ và bà con luôn. Khi nào hết giặc Pháp thì trở về với mẹ.

Nghe đến đây, Bác cảm động nói với các đồng chí trong cơ quan:

- Các bà mẹ ở nước ta, cũng như mẹ cháu Cầu rất giàu



lòng yêu nước, có một con cũng cho đi chiến đấu. Tinh thần thật là quý!

Rồi Bác hỏi tôi:

- Lúc bị thương, cháu nghĩ thế nào?

- Thừa Bác, lúc đó hỏa lực địch từ lô cốt trước mặt vẫn nhả đạn chặn bước tiến của quân ta. Cháu nghĩ chưa hoàn thành nhiệm vụ thì dù hy sinh cũng không thể lùi bước. Cánh tay phải của cháu đã bị gãy nát nhưng da thịt còn dính lưng lảng, vướng quá, cháu liền nhờ đồng đội chặt đứt hẳn để dễ cử động. Cháu nghĩ rằng chịu đau rồi dùng tay trái ôm bộc phá xông tới áp vào lỗ châu mai, giữ cho đến khi sắp nổ mới chịu buông ra. Lô cốt địch nổ tung, cháu bị văng ra xa rồi ngất.

Bác xúc động bảo tôi:

- Cháu bị thương mất nhiều máu, người còn yếu lắm. Cháu cần nghỉ ngơi bồi dưỡng cho lại sức, nhưng cũng có thể tranh thủ học thêm văn hóa, đọc sách để nâng cao kiến thức.

Bác nói tiếp:

- Hôm nay, cháu lên thăm Bác, các đồng chí trong cơ quan muốn biết rõ về chiến thắng biên giới và thành tích của cháu. Cháu chuẩn bị đến tối nói chuyện cho mọi người nghe.

- Cháu nói tiếng phổ thông chưa thạo, sợ nói tiếng dân tộc thì nhiều đồng chí không nghe được.

- Cháu biết tiếng phổ thông thế nào cứ nói thế.



Tối ấy, tôi lên nói chuyện. Bác giới thiệu tôi với các đồng chí có mặt

- Cháu Cầu bị thương mất nhiều máu, bị sức ép của bộc phá, lại đi đường xa còn yếu nên không nói to được. Các cô, các chú, các cháu ngồi xích lại để nghe cho rõ, để cháu Cầu nói cho đỡ mệt.

Lần đầu tiên nói chuyện trước nhiều người, lại toàn là cán bộ chung quanh trung ương, tôi không khỏi rụt rè. Nhưng được Bác khuyến khích, tôi đã mạnh dạn trình bày bằng tiếng phổ thông khá trôi chảy.

Nói chuyện xong ra về, tôi không sao ngủ được. Tôi xao xuyến bâng khuâng như đang sống trong giấc mơ. Tôi cũng băn khoăn, lo khi về không biết làm thế nào để truyền đạt lại được hết ý, hết tình của Bác đối với tôi, đối với đơn vị tôi.

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm nhưng thấy Bác còn dậy sớm hơn tôi. Bác đang tập thể dục.

Bác cho tôi cùng ăn sáng. Trước khi cho tôi về đơn vị, Bác căn dặn:

- Cháu cần ăn nhiều, đừng thức khuya cho chóng lại sức. Cháu nói được tiếng phổ thông rồi, nhưng muốn nói thạo hơn thì nên xem nhiều sách báo và mạnh dạn dùng tiếng phổ thông, không sợ sai, sai sẽ sửa, mới lạ sau quen. Cháu nhớ chuyển lời của Bác hỏi thăm các cán bộ và chiến sĩ Cao - Bắc - Lạng. Cháu có viết thư hay nghi phép về



thăm mẹ và bà con trong bản thì nói Bác và anh chị em trong cơ quan có lời hỏi thăm.

Tôi chăm chú nghe lời Bác dạy. Tuy trong lòng hết sức hồi hộp, bịn rịn vì phải xa Bác, nhưng tôi cũng nói được mấy lời kính cẩn chúc Bác mạnh khỏe, sống lâu để lãnh đạo nhân dân kháng chiến thắng lợi.

Bác dặn kỹ đồng chí liên lạc chú ý giúp đỡ tôi khi đi đường, rồi Bác cho tôi về...¹.

*

* *

...

Trong đại hội, số đại biểu nữ chúng tôi chưa nhiều. Bác càng quan tâm đối với chị em là anh hùng, chiến sĩ thi đua. Trong buổi thứ ba, sau bản báo cáo của anh hùng Nguyễn Quốc Trị và Nguyễn Thị Chiên thì đến lượt tôi.

Bước lên bục nói chuyện, chân tôi run run. Tôi quay lại nhìn Bác, Bác nhìn tôi mỉm cười khuyến khích. Tôi cảm thấy Bác nhắ nhủ tôi "*Cháu cứ nói, nghĩ thế nào cứ nói ra như thế. Đây là anh em trong một gia đình công - nông - binh cả mà*".

Thế là tôi bình tĩnh lại. Tôi kể lại đời mình. Mạnh bạo dần. Mấy trăm con mắt nhìn vào tôi không làm cho tôi bối rối nữa. Những ánh mắt yêu thương như nhắc nhở tôi ôn nghèo kể khổ. Tôi lặn lội nhiều, vất vả nhiều, nhưng ít khi tôi nghĩ lại, ôn lại những quãng đời đã qua của mình. Rồi

1. Xem: *Áo ước Hồ, Sđd*.



tự nhiên tôi xúc động quá. Tôi thoáng nhớ lại những ngày sống cực nhọc trước kia. Nếu không có Bác, không có cách mạng thì cuộc đời tôi mãi mãi là cuộc đời con cua, con cáy mà thôi...

Báo cáo xong, tôi thưa:

- Kính thưa Bác, kính thưa các đồng chí trong đoàn chủ tịch, thưa các anh hùng, chiến sĩ thi đua Bắc - Trung - Nam, tôi nói đến đây là hết.

Tôi còn đang bàng hoàng vì những tiếng vỗ tay thì Bác đang ngồi trên ghế Chủ tịch đoàn, bước đến gần tôi. Bác cầm tay tôi và nói:

- Cô Chiên là anh hùng quân đội, Bác tặng khẩu súng lục. Còn cô là chiến sĩ giao liên, Bác tặng một cái đồng hồ. Cô sẽ dùng nó để đi những đường thư thật đúng hẹn.

Vừa nói Bác vừa trao đồng hồ tận tay tôi. Tôi hoàn toàn không ngờ. Là một người trong "Đội hỏa tốc" chuyên chạy những mật thư, những quân lệnh "tuyệt mật" và "thượng khẩn", tôi thường tính giờ theo lối ước lượng, xem sao trên trời, đo bóng cây mặt đất, nghe con chim kêu, con gà gáy... sai lệch thường không ít. Hình như đã có một lần tôi làm liên lạc sai hẹn đến mấy giờ. Rất băn khoăn, tôi ước mong mình có một cái đồng hồ. Mong ước ấy đã có từ lâu rồi, thế mà giờ đây lại thành sự thật. Bàn tay của Bác ấm và dịu hiền quá. Nước mắt tôi giàn giụa. Tôi khóc vì sung sướng. Tôi là đứa con không cha từ bé. Bác đã làm sống lại tình cha con mà tôi tưởng suốt đời không bao giờ có được nữa. Nhìn Bác, tôi cứ tưởng mình



là đưa con gái bé bỏng được người cha nhân từ săn sóc, yêu thương.

Sau đại hội, một số người được Bác thết com. Tôi được ngồi cạnh Bác. Bác hỏi tôi:

- Khi bị địch tra tấn dã man, cô làm thế nào mà chịu được.
- Thừa Bác, cháu trước đây rất khổ. Nay vì Tổ quốc mà chúng đánh đập thì khổ mấy cũng chịu được, đau mấy cũng chịu được.

Bác cười và gấp thêm thức ăn vào bát của tôi...¹.

*

* *

Vào cuối tháng 12 năm 1951, tôi được anh Trần Đăng Ninh gọi đi công tác. Anh dặn tôi chuẩn bị thuốc men mang theo cho chu đáo. Ngày 25 tháng 12, tôi theo anh đến địa điểm đã hẹn. Đến giữa đường, anh mới rì tai tôi:

- Hôm nay cậu đi chăm sóc sức khỏe cho Bác Hồ!

Tôi sướng quá. Đi rất nhanh, mong rút ngắn thời gian đi đường lại để sớm được gặp Bác. Bác đã chờ chúng tôi. Anh Ninh giới thiệu:

- Thừa Bác, đây là đồng chí Lê Giới lái xe, và đây là Bác sĩ Trịnh Văn Khiêm.

Bác bảo chúng tôi:

- Bây giờ các chú đi nghỉ. Mai ta sẽ lên đường.

1. Xem: *Nước non bừng sáng, Sđd.*



Chúng tôi về nơi nghỉ, nhưng nào có ai ngủ được. Chúng tôi muốn chờ Bác về. Mãi khuya lắm, Bác mới làm việc với anh Ninh xong. Chúng tôi còn thức cả, nhưng chẳng ai dám lên tiếng, sợ ảnh hưởng tới sức khỏe của Bác. Sớm hôm sau, sau giờ thể dục, Bác hỏi tôi:

- Chú Khiêm, sức khỏe của đơn vị hôm nay thế nào?
- Thưa Bác, mọi người đều khỏe cả!
- Có một người ốm. Chú kiểm tra xem.

Tôi làm theo lời Bác. Quả nhiên, đêm qua có một đồng chí bị ho nhưng hồi đó còn trẻ, khỏe, ngủ say nên không biết.

Chúng tôi lên đường. Đoàn chúng tôi được trang bị chiếc xe Jeep chiến lợi phẩm gồm có năm chỗ ngồi. Đến chặng nghỉ đầu tiên, đồng chí Ngọc Hà, bảo vệ của Bác, nấu cơm và chia làm hai mâm nhưng Bác bảo để ăn chung một mâm. Tuy ít thức ăn, Bác ăn được mỗi bữa ba bát. Thấy Bác ăn được, chúng tôi rất mừng. Nhưng nghĩ thương Bác nên thỉnh thoảng đồng chí Ngọc Hà lại kiểm thêm món. Những lúc đó, Bác nhắc nhở:

- Đồng bào còn nghèo. Nước nhà còn kháng chiến. Chúng ta cần tiết kiệm.

Hôm chúng tôi qua chỗ anh Trần Cư (nguyên Cục trưởng Cục Quản lý xe) công tác, chị Cư làm thịt bồ câu, thịt gà để Bác ăn. Bác không vừa ý:

- Đừng vì Bác mà làm tiệc to thế này. Dân ta còn khổ. Tiêu chuẩn Bác không được như thế này đâu!

Anh Cư trả lời:

- Thưa Bác, chúng cháu tặng gia được, không phải mua.



- Tăng gia được là tốt nhưng phải để dành chứ không nên lãng phí.

... Đoàn chúng tôi đi gấp cả ngày cả đêm. Có đêm địch bắn pháo sáng, xe vẫn cứ chạy. Đi suốt đến sáng nhưng Bác vẫn không chịu ngủ bù. Bác chỉ chợp mắt chừng một giờ rồi dậy tập thể dục, đi tắm và làm việc. Giờ nghỉ, Bác rất chăm đọc báo: báo chữ Anh, chữ Pháp, chữ Trung Quốc... Đi đêm nhiều nhưng chẳng lúc nào Bác ngủ gật. Bác cho đồng chí Giới thuốc lá và động viên để đồng chí tỉnh ngủ. Ban ngày, nếu không nói chuyện với chúng tôi, Bác lại say sưa ngắm phong cảnh. Hôm đi qua vùng X, Bác hỏi tôi:

- Nay chú là bác sĩ, chú có biết chữa bệnh sốt rét như thế nào không?

Tôi chưa hiểu ý Bác nên chưa kịp trả lời. Bác giải thích luôn:

- Trước Cách mạng Tháng Tám, Bác và chú Vũ Anh đi qua đây. Bác bị sốt rét nhưng không có thuốc. Chú Vũ Anh phải gác để Bác tự chữa bệnh bằng cách lợi dụng cái nóng của đồng bào đặt giữa ruộng kia để nằm phơi nắng đó.

Nghe Bác nói, tôi rất cảm động. Là người thầy thuốc, tôi hiểu tính mạng con người là quý nhất. Thế mà khi Bác ốm, Bác không có một viên ký ninh để chữa bệnh. Thời kỳ đó đã thuộc về dĩ vãng rồi. Ngày nay, bất kỳ người dân nào ở miền Bắc nước ta, dù ở nơi hẻo lánh nhất, cũng không đến nỗi phải phơi nắng để trị sốt nữa. Và một túi



thuốc của bất kỳ đồng chí y tá đại đội nào cũng nhiều gấp mấy lần kho thuốc của cách mạng hồi tiền khởi nghĩa.

Càng đi, càng chú ý quan sát, tôi càng thấy Bác quen rất nhiều địa phương vùng chúng tôi công tác. Hôm đến một bản hẻo lánh thuộc tỉnh Cao Bằng, Bác vào thăm đồng bào địa phương. Bà con quây quần tíu tít chuyện trò với Bác, thân mật, hồn nhiên như đối với người thân xa nhà lâu ngày mới về. Bác nhớ tên rất nhiều người có mặt, hỏi thăm những người vắng mặt. Bác nói chuyện với đồng bào lúc bằng tiếng Kinh, lúc bằng tiếng Thổ.

Câu chuyện của Bác thật giản dị, dễ hiểu:

Cao Bằng ta trước cách mạng đã có nhiều thành tích. Ngày nay, Cao Bằng cần ủng hộ tiền tuyến bằng cách tích cực làm đường, vì có đường sá tốt mới chở được nhiều hàng hóa. Con đường cũng như mạch máu trong người, mạch máu có lưu thông, người mới khỏe.

Sau lần nghe Bác nói chuyện đó, tôi được biết là nhân dân Cao Bằng đã nô nức làm theo lời Bác, đã xẻ núi phá ghềnh làm thành những con đường vắt qua đèo, xuyên qua rừng theo yêu cầu quân sự.

Vào một đêm sáng trăng, chúng tôi đến đèo Cô lêa. Phong cảnh ở đây đẹp vô cùng. Chúng tôi say sưa ngắm thiên nhiên tươi đẹp. Chợt Bác bảo chúng tôi:

- Cảnh đẹp phải có thơ. Các chú làm thơ đi!

Thấy chúng tôi cười, Bác lại bảo:

- Bây giờ Bác đọc câu đầu, các chú làm tiếp nhé!

Chúng tôi thưa vâng. Bác đọc ngay:



- Đêm khuya chênh chếch một vầng trăng.

Tôi bí quá, chưa biết nói vắn gì cho chất thơ hợp với yêu cầu cách mạng thì Bác đọc tiếp:

- *Hỏi chị soi chi hồi chị Hằng?*

Chúng tôi lại càng thấy gay, ngồi im. Bác lại đọc:

- *Soi người du kích bên đôn giặc*

Chúng tôi đoán được ý Bác rồi. Trăng đã soi du kích thì sẽ soi bộ đội, soi dân công... Chúng tôi mạnh dạn nói ý, nhiều khi chẳng thành vần luật. Bác nghe và sửa chữa cho chúng tôi. Cuối cùng, khi Bác cháu đã có bài thơ dài hơn hai chục câu. Bác hỏi chúng tôi về chuyện gia đình. Thấy Bác chăm sóc hỏi han tỉ mỉ tình hình gia đình, chúng tôi ai nấy đều rung rung. Bác lo cho chúng tôi từng ly, từng tý, còn Bác, Bác đã hy sinh tất cả cho Tổ quốc, cho nhân dân...

Thời gian tôi đi theo Bác ít quá. Sắp đến giờ chia tay rồi. Tôi không muốn rời Bác nhưng kỷ luật không cho phép. Tôi khoác balô, đeo túi dết, chuẩn bị lên đường, Bác sẵn sóc hỏi:

- Sao chú đeo nặng thế?

- Thừa Bác, cháu quen rồi ạ!

- Không được. Chú phải giữ sức khỏe để phục vụ bộ đội. Bác cho chú các thiệp này, ngồi xuống đây, Bác đọc cho chú viết.

Tôi run run đỡ lấy tấm thiệp nhỏ bằng cỡ ảnh 6x9 trên có in tên Bác và có một dấu son đỏ chói. Tôi ngồi xuống chuẩn bị bút. Bác đọc:



"Cho phép bác sĩ Khiêm, nếu đi xa quá 20 km, được mượn một người đi đường và mang balô dùm..."

Các Ủy ban địa phương và các bộ đội phải giúp bác sĩ Khiêm theo điều này.

Mệnh lệnh này đến ngày 1-7-1952 thì hết hạn.

Ngày 1 tháng 1 năm 1952".

Tôi vừa viết vừa cố nén xúc động. Bác thương tôi như mối tình của cha đối với con. Tôi hiểu, tấm danh thiếp này là tấm lòng của vị Chủ tịch đối với trí thức Việt Nam. Bác đã săn sóc chúng tôi ngay từ những ngày đầu khởi nghĩa. Hồi đi dự hội nghị Phôngtennoblô, Bác mua một ống nghe về làm quà tặng anh em bác sĩ chúng tôi. Tôi đã dùng chiếc ống nghe của Bác gần 20 năm mà vẫn còn tốt, vẫn còn mới. Tấm danh thiếp Bác cho tôi chỉ giữ làm kỷ niệm¹.

*

* *

...

Bác Hồ sắp đến! Tin đó truyền nhanh trong các đại biểu dự Đại hội liên hoan anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất, trước ngày khai mạc. Các đại biểu rủ nhau ra khu đồi cọ chờ đợi. Đó là một chiều tháng năm.

1. Trịnh Văn Khiêm: "Tấm danh thiếp của Bác Hồ", trong *Những lần gặp Bác*, Cục Chính trị Quân khu IV xuất bản năm 1970.



Bao nhiêu con mắt dồn về phía đường cái lớn dẫn vào hội trường chờ đợi. Bỗng có tiếng reo ở một góc xa xa:

- Bác Hồ!
- Bác Hồ đến!
- Hoan hô! Bác Hồ đến!

Tiếng reo vang lên mỗi lúc một to rồi có tiếng vỗ tay rền vang. Kìa, trên một con đường nhỏ, Bác đang xuống ngựa.

- Bác Hồ muôn năm!

Nhiều tiếng đồng thanh hô theo "muôn năm". Và tiếng hô lại như làn sóng dâng lên vang vọng. Bác tươi cười giơ tay vẫy chào và rào bước. Mọi người quần quít theo. Bác kéo chiếc khăn mặt trắng vắt bên vai lau mặt. Khuôn mặt hồng hào. Chòm râu trắng gần hết. Bộ quần áo màu gụ của Bác sẫm lại vì mồ hôi. Đôi dép caosu quai to của Bác lấm bụi đường phốt đỏ. Chân Bác bước dè, nhanh. Bác còn khỏe. Thật là mừng. Bác đi lướt qua hội trường, xuống thẳng nhà ăn, nhà bếp rồi nhà ngủ của các đại biểu. Gặp chị cấp dưỡng, anh phục vụ hay các đại biểu về dự Đại hội, Bác đều hỏi thăm rất ân cần. Lo Bác mệt, Ban tổ chức mời Bác nghỉ, Bác tươi cười nói với các đại biểu:

- Bây giờ các cô, các chú hãy về nghỉ. Mai Bác sẽ nói chuyện và chụp ảnh chung với các cô, các chú.

Chiều hôm sau, các đại biểu đến chụp ảnh chung với Bác. Bác đến từng đoàn. Bác vừa giúp anh phóng viên bố trí cách đứng cho ai nấy đều rõ mặt, vừa nói vui. Bác



đứng vào hàng, cầm tay người đứng bên kéo sát lại gần. Đến giờ ăn cơm, Bác gọi tôi đến ngồi cùng mâm với Bác, với đồng chí Trường Chinh và một số đồng chí khác. Cuối bữa ăn, giọng thân mật Bác bảo:

- Các cô, các chú nhớ là sau khi ăn cơm xong, nên xếp bát to với bát to, bát nhỏ với bát nhỏ, đĩa với đĩa. Chồng gọn từng loại một để các chị nuôi đến bê đi được ngay. Vừa đỡ bao nhiêu thời gian, vừa thể hiện được lòng yêu quý anh chị nuôi. Các cô các chú có đồng ý không?

Chúng tôi đồng thanh đáp lại:

- Vâng ạ...

Chiều hôm đó, các đại biểu vui liên hoan. Bác cũng ra bãi. Bác vừa bắt nhịp vừa hát cùng với mọi người. Các đại biểu công - nông - binh, già trẻ, trai gái, dân tộc Kinh, dân tộc ít người... tất cả đều quây quanh Bác.

Tối 30 tháng 4 năm 1952, Đại hội liên hoan anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất khai mạc.

Những ngày ở Đại hội, Bác đã giải thích đầy đủ thế nào là thi đua. Bác nói rõ mục đích thi đua là để kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công, hoàn thành dân chủ mới, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung thi đua là thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Bác phân tích cặn kẽ: muốn tăng năng suất lao động thì phải làm mau, làm tốt, làm nhiều. Ra sức tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, thì giờ. Tiết kiệm là để tăng gia. Tăng gia là phải tiết kiệm. Bác lấy thí dụ, anh Nguyễn Đăng Đại làm dây mìn. Mỗi tháng anh tiết kiệm được 5lít xăng, 14kg cánh kiến,



110m vải và một số ngày công mà năng suất rất cao, chất lượng vẫn tốt hơn trước. Sau đó, Bác giảng giải cách thi đua, mức thi đua và nhấn mạnh: "*Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua*". Cho nên:

Người người thi đua

Ngành ngành thi đua

Ta nhất định thắng

Địch nhất định thua.

Bác nói về một vấn đề lớn mà sao đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ. Bác vừa nói xong thì các đại biểu đã thuộc lòng.

Tôi xúc động nhiều lần đến rớt nước mắt khi nghe các báo cáo điển hình. Đoàn chiến sĩ công nghiệp của chúng tôi được báo cáo trước. Anh Ngô Gia Khảm được báo cáo đầu tiên. Qua báo cáo của anh, tôi thấy tấm gương của anh cao đẹp quá. Đảng giao cho anh làm vũ khí từ năm 1944. Công binh xưởng lúc bấy giờ chỉ gồm có hai lò đúc, bộ chày cối để tán thuốc, một chiếc máy tiện cũ kỹ và cái bễ thụt làm bằng thân cây. Anh Khảm đã cùng anh em khắc phục khó khăn thiếu thốn và giữ bí mật để bịt tai mắt giặc Pháp, giặc Nhật. Anh đã quyết tâm nghiên cứu, thất bại rồi lại tiếp tục, anh đã chế tạo được lựu đạn cung cấp cho bộ đội giải phóng ở chiến khu. Quả lựu đạn đầu tiên do anh sản xuất đã giết mười một tên phátxít Nhật tại chiến khu Hoàng Hoa Thám. Anh đã xây dựng xưởng hóa chất, đào tạo hàng trăm thanh niên thành thợ giỏi. Ba lần bị thương, máu ộc ra mồm và tai, mắt mờ đi, mặt bị cháy xém, méo mó. Những vết sẹo đỏ loang trên má, trên tay.



Nghe anh báo cáo xong, Bác bảo:

- Ngô Gia Khảm thương tật như vậy nhưng vẫn có tinh thần trách nhiệm, có quyết tâm phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Có quyết tâm như vậy thì một thằng Pháp, một thằng Mỹ, chứ mười thằng Pháp, mười thằng Mỹ, chúng ta cũng đánh tan.

Cả hội trường nghe Bác nói như vậy liền đứng dậy hô to "*Quyết tâm học tập tinh thần Ngô Gia Khảm*".

Sau anh Nguyễn Văn Thường, anh Trần Đại Nghĩa thì đến lượt tôi được lên báo cáo. Tôi cảm động quá, tay run run, giọng lạc hẳn đi. Tôi phải trình bày với Đại hội phương pháp thi đua tiểu tổ, một cách thi đua tập thể đầu tiên. Thật ra so với thành tích của các anh Khảm, anh Thường, anh Nghĩa thì thành tích của tổ tôi kém hơn nhiều. Chúng tôi chỉ có một số sáng kiến, một số cải tiến tăng năng suất lao động. Nhưng cái mới của chúng tôi đó chính là phương pháp thi đua tập thể. Chúng tôi có tinh thần học tập, hỗ trợ nhau cùng thi đua tốt. Tôi có sáng kiến để rèn rút ngắn thời gian nung sắt từ bốn đỏ xuống hai đỏ, tôi phổ biến chung cho cả tổ cùng làm. Anh Hải có cách sản xuất xẻng, tăng năng suất gấp ba lần, tôi đến học và tìm ra cách làm ăn khoa học của anh để cả tổ nghiên cứu...

Đồng chí Hoàng Quốc Việt, Chủ tịch Liên đoàn Lao động lúc đó kết luận:

- Anh chị em công nhân đã cố gắng rất nhiều. Lúc nào cũng nghĩ đến nhu cầu của quân đội và nhân dân, nên



anh thợ nào cũng cố tìm cách sửa đổi lề lối làm việc của mình. Chúng tôi tin tưởng trong hoàn cảnh Việt Nam, chúng ta cũng có điều kiện theo kịp các nước bạn.

Sau đó là các anh em quân đội báo cáo. Anh La Văn Cầu chặt tay xông vào đồn giặc, chị Nguyễn Thị Chiên, anh Giáp Văn Khương, và nhiều đồng chí khác... mỗi người đều có những hành động rất anh hùng. Bác rất xúc động. Bác vui. Bác đánh nhịp cho chúng tôi hát trong giờ giải lao. Bác chuyện trò với chúng tôi rất thân tình. Bác chủ tọa hội nghị sao mà vui và linh hoạt đến thế. Sau khi nghe hết báo cáo điển hình, Bác nói:

- Bây giờ ta mới có trên một trăm chiến sĩ thi đua. Sau này sẽ có hàng vạn, hàng triệu người hăng hái như thế. Các chiến sĩ lại nêu cao tinh thần trách nhiệm vượt mọi khó khăn. Nếu tất cả mọi người đều có tinh thần ấy thì kháng chiến nhất định thắng lợi. Càng gần thắng lợi càng có nhiều khó khăn. Càng khó khăn càng phải thi đua. Càng thi đua càng thắng lợi. Các cô các chú có cái vinh hạnh xung phong đi trước thì phải có nhiệm vụ trước. Cố gắng luôn, cố gắng mãi. Tránh tự kiêu, tự đại vì bệnh này nguy hiểm hơn kẻ thù đế quốc. Các cô các chú làm theo lời Bác thì kháng chiến nhất định thắng lợi. Các cô các chú có làm được không?

Toàn thể chúng tôi đứng dậy và hô to:

- Thừa Bác, làm được ạ!

Đại hội ấy có bảy đồng chí được tuyên dương anh



hùng là La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Ngô Gia Khảm, Hoàng Hanh, Trần Đại Nghĩa...¹.

*

* *

...

Năm 1952, tôi được cử đi dự lớp nghiên cứu về chính sách giảm tô ở Việt Bắc. Một hôm, chúng tôi được thông báo gọn: "*Các đồng chí chuẩn bị đón khách nhé*". Chúng tôi bàn tán xôn xao "*Ai thế nhỉ? Ban phụ trách lớp trình trọng thông báo, hẳn là khách quý lắm*". Có người đoán "*Chắc Bác Hồ đến*". Chúng tôi rất mong lời đoán đó là đúng. Từ nhiều nơi xa xôi về quê hương cách mạng, nghiên cứu một công tác quan trọng của thời kỳ này, ai cũng mong mỗi được gặp vị lãnh tụ kính yêu.

Thế là chúng tôi sửa soạn đường đi, lối lại, quét dọn nhà sàn, sắp xếp nơi ăn chốn ở cho thật gọn.

Lần đầu tiên trong đời, tôi được tận mắt nhìn thấy vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc. Tôi mừng quá! Cả đời tôi, tôi chưa bao giờ thấy sung sướng như vậy.

Bác Hồ vừa tới đã giơ hai tay vẫy vẫy, bảo:

- Các cô, các chú ngồi xuống, ngồi xuống.

Rồi Bác tươi cười hỏi thăm tình hình sức khỏe, tình hình công tác của chúng tôi. Bác nói chuyện với chúng tôi về tình hình chính sách mới của Đảng. Bác hỏi thế nào là

1. Xem: Cao Viết Bảo "Bác Hồ với lớp thợ trẻ", trong *Đường ta sáng mãi*, Nxb. Lao động, 1974.



chính sách giảm tô? Thế nào là bần nông, cố nông? Chúng tôi trả lời, người thế này, người thế khác, người nói đúng, người nói chưa thật đúng. Bác cười hờn hậu rồi giảng giải thêm cho chúng tôi. Thật là dễ hiểu. Bác còn dặn, đại ý:

- Phải biết dựa vào quần chúng và phải biết dựa vào phụ nữ, không thì đấu tranh không thắng lợi đâu. Đánh lô cốt địch còn dễ đấy vì nó đứng lù lù trước mặt mình. Các cô, các chú có nhiệm vụ học cho giỏi, nắm vững chính sách, làm công tác cho tốt, giành lại quyền lợi cho nông dân.

Có lần Bác quay qua hỏi tôi:

- Cô ở đâu? Làm gì?

Vừa mừng, vừa lo, tôi khẽ thưa:

- Thưa Bác, cháu ở Quảng Trị, làm công tác nông hội.

Bác nhìn tôi bằng đôi mắt dịu hiền và hỏi thêm:

- Ở Quảng Trị, phụ nữ vào nông hội được bao nhiêu?

- Dạ thưa Bác, một phần ba.

- Một phần ba là mấy? Không nên nói chung chung.

Chúng tôi được nói chuyện với Bác chừng ba mươi phút. Lúc ra về, Bác còn dặn:

- Các cô, các chú làm nhiệm vụ cho tốt, sau này Bác sẽ có dịp nói chuyện thêm...¹.

*

* *

...

Tháng 9 năm 1952, tôi được Bộ triệu tập về dự một lớp

1. Xem: *Nước non bừng sáng*, *Sđd*.



chỉnh huấn chính trị. Ngay trong cuộc chỉnh huấn này, tôi lại được nghe Bác dạy bảo.

Độ ấy mùa thu, không khí dễ chịu vô cùng. Trời nắng hanh, Bác đến lớp rất bất ngờ. Chúng tôi ngồi thành từng vòng vây lấy Bác, ngắm Bác và nghe Bác nói. Lần này, Bác mặc bộ quần áo bộ đội vải mỏng. Từng vệt nắng xuyên qua cành lá, soi lên khuôn mặt hồng hào của Bác, làm hình ảnh Bác thêm tươi đẹp.

Tôi ngồi ở hàng thứ ba, phía sau, cứ ngهن cổ lên để nhìn Bác cho rõ. Bác nói đùa:

- Các cô, các chú có bị đột kích không?

- Thưa Bác, có ạ!

- Đúng, như thế là Bác đã đánh du kích thành công.

Bác bắt đầu câu chuyện tự nhiên và vui vẻ như vậy.

Lần này, Bác nói nhiều điều. Bác dạy thế nào là lòng yêu nước chân chính, là tinh thần quốc tế vô sản, là mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng... Chao ôi! Sao Bác lại hiểu cặn kẽ từng điều thắc mắc, băn khoăn, thầm kín của chúng tôi - lớp cán bộ trí thức cũ - đến thế.

Khi nói đến vai trò quần chúng, đến mối quan hệ cách mạng giữa công - nông và trí thức, Bác nhìn thẳng tôi và nói:

- Tiện đây, xin lỗi trước, lấy bác sĩ Hợp làm thí dụ. Bác sĩ Hợp có làm được nhà ở không? Không! Thế là không có công nhân, bác sĩ Hợp không có nhà để ở. Bác sĩ Hợp có đi cấy để làm ra lúa không? Không! Vậy phải có nông dân...



Bác nói giản dị và sâu sắc biết bao. Tôi bỗng giật mình. Trước đây, có nhiều lúc tưởng đã hiểu biết tất cả mọi sự ở đời, mà thực ra có những việc giản dị như chân lý mà mình chưa hề nghĩ đến cho thấu đáo: người trí thức có chuyên môn phải phục vụ công - nông như thế nào.

Bác nói tiếp về thái độ yêu nước của người trí thức là phải nghiên cứu vì lợi ích của dân tộc, phải dốc lòng phục vụ nhân dân. Trước khi Bác nói sang vấn đề khác, Bác lại nhìn tôi và nói:

- Nói thêm vào đây, bác sĩ Hợp có gửi biểu Bác hai quyển sách mổ xẻ. Cám ơn. Mình đứng ngoài không hiểu mấy, không dám phán đoán về chuyên môn. Cái đó để anh em chuyên môn cùng nhau nghiên cứu. Nhưng có điều là chú Hợp ít hay nhiều đã có góp một phần bổ ích vào nghề thuốc. Một điểm nữa, chú Hợp đã cố gắng viết được hai quyển sách, trong điều kiện hiện tại làm kiểu mẫu, giúp cho anh em chuyên môn. Nên cố gắng hơn nữa. Chú Hợp không nên tự mãn. Tiện đây nói luôn, mình đã gửi thư cho chú, thư mình thường hay đến chậm đấy.

Tất cả chúng tôi ngồi yên, lắng nghe từng lời dạy của Bác. Tiếng Bác vẫn vang vọng ấm áp:

Anh em trí thức đều có thể trở nên trí thức hoàn toàn, sẽ trở thành những chiến sĩ, anh hùng của dân tộc nếu biết hòa mình với công, nông, binh. Ở riêng ra thì khó trở nên trí thức hoàn toàn được. Đảng, dân tộc, Chính Phủ



đều mong muốn anh em trở nên trí thức hoàn toàn, góp phần cho kháng chiến mau thắng lợi...¹.

...

Hồi ấy là cuối tháng hai năm 1951.

Đêm khuya. Văn phòng Tỉnh ủy nhận được bức điện MẬT của anh Trần Đăng Ninh. Các ủy viên chấp hành tỉnh ủy có mặt ở cơ quan gần đó lập tức được tập hợp lại và đến ngay địa điểm huyện ủy Bạch Thông. Chúng tôi được biết chắc là có công việc gấp rút. Đúng thế. Tờ mờ sáng, chúng tôi đến nơi hẹn. Đồng chí Bí thư nói nửa úp nửa mở:

- Có đại diện Trung ương về báo cáo nghị quyết mới của Đại hội Đảng. Hai giờ chiều, chúng tôi cố gắng tổ chức một cuộc mítting...

Nhận việc xong, chúng tôi chia nhau đi các ngả. Theo lời của đồng chí Bí thư, đúng 12 giờ trưa, chúng tôi phải tập trung số cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc, khoảng năm trăm người, tại nơi đã định. Từ lâu, ít khi tổ chức mítting, nay biết tin có "đại diện Trung ương" về thăm và nói chuyện, nên khi được mời, ai cũng không chịu bỏ mất dịp hiếm có này. Chúng tôi không gặp trở ngại gì, chỉ có một điều là lo không giữ được bí mật tuyệt đối. Vì khi đi vận động đồng bào, một số đồng chí đã dám đoán liệu là "*đi họp sẽ thấy ai... nghe ai...*". Nên một số cụ già người Dao, người Nùng, người Tày có công với cách

1. Xem: *Suốt đời nhớ ơn Bác*, Nxb. Y học, Hà Nội, 1973.



mạng, với kháng chiến, biết tin đã vội lên nương dỡ lấy những củ sắn to, vào vườn chặt lấy buồng chuối chín, để mang theo làm quà tặng cho "đại biểu Trung ương".

Một giờ ba mươi phút. Chúng tôi nhận được gần một trăm câu hỏi về Đảng Lao động Việt Nam. Hai giờ kém năm phút, anh chị em thanh niên tạm dừng lại các bài hát. Cả khu rừng lúc này náo nức, nhộn nhịp bao nhiêu thì giây phút này thật im ắng, trang nghiêm, hồi hộp chờ đợi bấy nhiêu.

Từ cửa rừng, một đoàn người tiến vào:

- Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!

- Hồ Chủ tịch, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, muôn năm!

Tiếng hô như rung cả đồi cây. Người đi thứ hai, đầu trần, tay cầm tờ báo nhân dân mới, nhìn về chỗ đông người, vẫy vẫy.

- Bác Hồ! Bác Hồ!

- Đúng rồi! Bác Hồ!

Người ta giành nhau chỗ ngồi để thấy Bác. Đội ngũ không còn chỉnh tề như lúc ban đầu nữa. Mấy hàng dây chằng ngang dọc trước lễ đài sắp đứt đến nơi. Mấy đồng chí công an chạy lên chạy xuống như van, như nài mọi người: "Hãy giữ trật tự! Giữ trật tự!".

Bác rất thông cảm, Bác bảo:

- Các chú dỡ hàng dây ngăn này đi!

Miệng nói tay làm. Bác nhổ hai cọc trước mặt, quần chúng liền tiến sát vào Bác. Bác không lên lễ đài. Như thường lệ, Bác đứng dưới, tươi cười, dang hai tay ra hiệu



trước quần chúng. Thế là mấy trăm người ngồi xuống một cách trật tự, vui sướng. Bác nói chuyện luôn:

- Các cụ, các đồng chí và đồng bào đã nghe tin về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng ta chưa?

- Đã ạ!

Bác nói tiếp:

- Từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 2 vừa qua, Đảng ta đã họp Đại hội đại biểu lần thứ II. Đại hội có 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự thính - thay mặt cho trên nửa triệu đảng viên của các đảng bộ Trung - Nam - Bắc và cả nước ngoài về họp...

Bác nói ngắn, giản dị, dễ hiểu. Nói xong một đoạn, Bác dừng lại hỏi người nghe:

- Có đồng chí nào hỏi gì không?

Một đồng chí người Dao có tuổi, nói tiếng Kinh chưa sõi, đứng lên:

- Kính thưa Bác, xin Bác nói tóm tắt tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ của Đảng Lao động Việt Nam ta là gì ạ?

Nghe câu hỏi có vẻ lý luận, Bác hỏi lại:

- Chú có phải là cán bộ tuyên huấn không?

Mọi người cười. Bác cũng cười. Không chờ câu trả lời của đồng chí vừa hỏi, Bác tiếp:

- Lúc nào, Đảng Lao động Việt Nam cũng có nhiệm vụ đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc, nghĩa là: Đảng đoàn kết toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong



kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội...

Thế là từ hình thức long trọng của cuộc mít-tinh được biến thành cuộc gặp gỡ thân mật và chan hòa sinh động giữa lãnh tụ và quần chúng...

Trước lúc kết thúc buổi nói chuyện, mấy cụ già ở địa phương mang sắn, mang chuối đến biếu Bác. Được gặp Bác, các cụ già người Dao, người Nùng, người Tày thật vui sướng, hồn nhiên nói mấy câu thành vần:

*Boong làn pi noọng toong phắc mước
Slông căn bầm mì lăng, tán mì măn mí phước
Slương căn xiên kì giã chước, Pú ơi...*

Tạm dịch:

*Chúng ta anh chị em bụng rau xanh
Không có gì biếu nhau, chỉ có sắn, có khoai
Yêu nhau xin đừng từ chối, Cụ ơi...¹.*

III

...
Hồi ấy vào đầu tháng 10 năm 1950, tôi đang là Trưởng ty công an Lạng Sơn, nhận được điện của Tổng nha công an báo cho biết, Bác có thể đi qua Bắc Sơn, lên biên giới chỉ huy chiến dịch, tôi lo tới công tác bảo vệ Bác.

1. Xem: *Avóoc Hồ, Sdd.*



Thị trấn Bắc Sơn hồi kháng chiến chống Pháp có khoảng một trăm hộ dân, phần lớn là dân tản cư từ thị xã Lạng Sơn về, từ Thất Khê vào, buôn bán vặt vặt kiếm sống nhưng cũng không kém phức tạp vì dân miền xuôi từ Bắc Hạ lên thường đem theo thuốc Tây, vải vóc, hàng xa xỉ tới bán, lại là con đường hành quân từ Việt Bắc ra biên giới, dân công, bộ đội đi lại suốt ngày đêm.

Tôi dẫn ba chục anh em chiến sĩ công an lên, mặc thường phục, phân công nhau cứ ba hộ "ếm" một chiến sĩ công an, theo dõi mọi hành vi của người qua lại, tạm trú và cả chủ hộ nữa. Riêng tôi, tôi suy nghĩ chẳng bao giờ Bác đến nghỉ ở cơ quan lãnh đạo huyện hoặc đồn công an. Bác sẽ hóa trang vào nghỉ ở nhà dân. Trong thị trấn Bắc Sơn, Bác có hai người quen là vợ chồng chị Hồng Nhân. Cả hai anh chị đều được Bác giới thiệu vào học ở trường tình báo Liễu Châu, Trung Quốc - lúc ấy mang tên là Trung - Mỹ hợp tác sở (vì Mỹ và Trung Quốc là đồng minh đánh Nhật). Bởi vậy tôi cho là Bác sẽ nghỉ ở đó, vì khi Bác ở Trung Quốc về Pác Bó, Bác đã đem theo anh chị ấy về nước.

Vì vậy, tôi quyết định tự mình sẽ đóng "tiểu bản doanh" ở nhà anh chị Hồng Nhân. Kế hoạch bảo vệ phải theo nguyên tắc bảo đảm bí mật, mang danh nghĩa bảo vệ "đại quân" hành quân đi qua và đã được anh Hoàng Văn Thái, Tổng tham mưu trưởng, thông qua.

8 giờ tối, các nguồn tin báo về là không thấy "đại quân" tới. Cứ chờ cho đến sáng. Có thấy người lạ qua không? Không có gì đặc biệt.



Anh Nhân tối đó rất bận vì anh là Trưởng đồn công an. Còn chị Hồng là thư ký đồn phải lo việc vào sổ đăng ký tạm trú. Chỉ có tôi ở nhà.

Khoảng 9 giờ, một ông già mặc bộ quần áo dân tộc Nùng tới. Tôi mời cụ ngồi (bằng thứ ngôn ngữ mới học, lai Nùng lai Kinh).

Cụ hỏi:

- Chú là bà con với chị Hồng? Chắc là ở Tam Sơn (quê chị Hồng) mới lên chơi?

- Dạ thưa cụ, cháu ở Bồ Hạ đem hàng lên bán.

- Có hàng gì thế?

- Dạ thuốc nhuộm (vì bà con chị Hồng có cửa hàng nhuộm quần áo).

Con ngựa của tôi giấu trong hang hí lên mấy tiếng. Cụ hỏi:

- Ngựa nào vậy?

- Dạ của cháu, thồ thuốc nhuộm lên đây.

- Có nhiều thế cơ à?

- Dạ, chỉ có hai tạ thôi ạ!

Cụ cười...

- Màu gì?

- Dạ, màu nâu gụ!

Cụ lại cười... Cụ hỏi tôi về đường sá, cầu cống và cách qua sông Văn Mịch, sông Bắc Khê (là hai con sông phải vượt qua mới lên được Đông Khê). Tôi mù tịt, tôi về đây gần hai năm rồi mà chưa bao giờ tới nơi đó.

- Thưa cụ, cháu chỉ đem hàng đến Bình Ga, Bắc Sơn, chưa tới nơi đó.



Tôi đã nghi ông cụ này là Bác và bắt đầu ngấm kỹ và vận to ngọn đèn dầu hỏa.

- Thưa, cụ ở trong làng ra hay muốn gặp anh chị Hồng Nhân có việc gì ạ?

- Tới thăm thôi mà, họ đi đâu cả?

- Dạ, họ ở ngoài đồn, có lẽ sắp về.

Tôi rót nước mời cụ uống...

- Anh Nhân còn điếc không? (vì hồi ở Liễu Châu, Nhật ném bom, anh bị sức ép gây điếc).

- Dạ, còn một tai nghe tạm được...

Vợ chồng anh chị Hồng Nhân về, thấy Bác, liền lao vào, Bác làm dấu hiệu im lặng. Hai người ngồi trên tấm phản trước mặt Bác. Bác hỏi:

- Chú Cần Keo (người Kinh) này là ai? Sao lại mang thuốc nhuộm màu nâu gụ lên đây bán? Vùng dân tộc mặc màu xanh đã có cây chàm làm thuốc, mà lại mang những hai tạ, chở bằng ngựa thồ...

Chị Hồng cười:

- Thưa Bác, anh ấy là Trưởng ty công an của chúng con đây ạ. Chắc anh ấy muốn giữ bí mật nên đã nói dối Bác.

Bác cười vui vẻ bảo tôi:

- Chú là Trưởng ty công an mà chẳng hiểu gì về nguyên tắc giữ bí mật cả. Nói thật thì lộ bí mật nên có lúc phải nói dối. Bác không phê bình chú ở lời nói dối nhưng đã nói dối thì phải hợp lý. Những điều chú vừa nói, người dân hiền lành ở Bắc Sơn này cũng nhận ra. Lần sau đừng tái phạm nữa. Công an nói điều gì, làm việc gì phải suy nghĩ cho kỹ.

- Dạ, chúng cháu xin nghe Bác dạy.



- Thôi, về giao cho Nhân làm việc nghiên cứu. Trường đồn công an mà lại điếc thì cách sử dụng cán bộ của chú giỏi thật đấy.

Tôi tái mặt...

- Dạ!

- Bác chỉ đến thăm anh chị thôi. Giờ Bác về.

- Dạ, Bác về đâu? Bác nghỉ ở đây bảo đảm hơn.

- Vì có ông Trưởng ty công an đã đến đây nên Bác không dám. Bác đã có chỗ ở trên rừng.

- Bác để chúng cháu đưa Bác về...

- Vừa nói nghe lời dạy của Bác mà đã quên rồi? Giữ bí mật mà lại có trường ty, trường đồn công an theo thì còn bí mật cái gì! Công an các chú còn "dốt" lắm!

Rồi Bác xách tay nải ra đi trong bóng tối. Mấy anh cảnh vệ bí mật núp ở đâu đó chia nhau ba người đi trước, ba người đi sau, cự ly cách Bác khoảng 20 bước.

Chúng tôi về rút kinh nghiệm. Chỉ qua câu chuyện này chúng tôi đã nhớ suốt đời. Bốn mươi năm làm công an, cứ mỗi lần gặp Bác lại có thêm được nhiều bài học quý¹.

*

* *

...

Khoảng tám giờ tối, Bác tới họp với chúng tôi. Tôi còn nhớ những điều Bác dạy: "Chuyển đi này rất quan trọng.

1. Xem Trần Sĩ Tâm: "Lần đầu gặp Bác", báo *Công an Thành phố Hồ Chí Minh*, ngày 14-5-1998.



Thời gian không thể định được nhưng ước khoảng một tháng. Đường đi khá vất vả, các chú đều phải cố gắng để làm tròn nhiệm vụ. Phải tuyệt đối giữ bí mật vì nếu lộ ra sẽ hại tới việc lớn. Muốn vậy, từ việc chọn đường đi, tới nơi ăn chốn ở, giao thiệp với dân đều phải biết cách giữ gìn". Bác còn dặn tỉ mỉ cả chuyện lấp "hố mèo" đến chuyện xóa dấu vết trước khi đi.

Hợp xong, Bác bảo đi ngủ sớm để mai lên đường.

Sáng hôm sau, ngót mưa nhưng trời vẫn còn mòng mọng nước. Bác cháu lên đường. Anh em được phân công ở lại theo tiền, quyền luyện mãi. Bác bảo:

- Các chú về trông nhà cho tốt. Lần sau Bác sẽ cho đi.

Đây là lần đầu Bác cho chúng tôi đi theo tới sáu người, thường thì chỉ một hai người.

Ra đến cửa rừng, gặp đồng chí Thắng dắt ngựa chò sẵn. Chúng tôi mời Bác lên ngựa, Bác không ưng, Bác bảo:

- Chúng ta có bảy người, ngựa chỉ có một con, Bác cưỡi sao tiện.

Đồng chí Định cố nài:

- Thừa Bác, chúng cháu còn trẻ, Bác đã nhiều tuổi, đường lại xa, công việc nhiều, xin Bác lên ngựa cho.

Bác nói:

- Ủ các chú đều khỏe, còn trẻ cả, để đi đường xem các chú có theo kịp Bác không?

Cuối cùng Bác giải quyết:

- Thôi được, các chú mang theo ngựa để nó đỡ balô, gạo. Trên đường đi, ai mệt thì cưỡi. Bác mệt, Bác cũng sẽ cưỡi.



Chúng tôi đành vâng lời, dắt ngựa theo. Ra khỏi thành Cóc thì gặp con suối lớn chảy về chợ Chu. Dòng suối này vẫn còn đang con nước lũ, những gốc cây, những khúc gỗ mục đang lao băng băng tưởng chừng không có cách nào qua được. Chúng tôi men theo bờ suối tìm mảng, hoặc kiếm một cái cây cao nào đó để có thể ngả tạm làm cầu, nhưng quanh đấy chẳng có một thứ gì cả. Các đồng chí đề nghị Bác tạm nghỉ lại bên bờ suối chờ nước rút hãy đi. Bác không đồng ý. Bác nói:

Trời còn có thể mưa lâu, chờ thì đến bao giờ? Phải tìm mọi cách mà qua mới được...

Nghe lời Bác, tôi đi một quãng xa nữa thì thấy bên kia bờ có một chiếc mảng dưới gốc cây. Tôi toan bơi sang lấy, Bác cản lại và bảo:

- Phải buộc dây vào thắt lưng để nếu nước cuốn, có thể giữ lại được. Khi sang, chú sẽ buộc dây vào bè nữa rồi ở lại bên ấy giữ một đầu dây, để hai đầu cùng kéo cho bè qua lại, mới bảo đảm việc qua suối lũ.

Chúng tôi làm theo lời Bác. Việc qua suối thành công một cách dễ dàng.

Mờ tối hôm ấy, Bác cùng chúng tôi tới chợ Chu, tính ra được chừng ba mươi cây số. Để bảo đảm bí mật, chúng tôi đề nghị Bác cho nghỉ lại một ngôi đình ở giữa đồng và thối com ăn.

Com xong, Bác xem bản đồ, định lại chặng đường ngày mai rồi cho đi ngủ sớm. Chúng tôi kê cánh cửa đình,



cạnh đồng lửa để Bác ngủ. Chúng tôi nằm quây quần xung quanh Bác.

3 giờ sáng, chúng tôi dậy nấu cơm nước. 4 giờ tiếp tục lên đường. Tới trước cửa Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ thì trời đã sáng, lại phải vượt qua con suối chợ Chu lần nữa. Khúc suối này còn rộng hơn khúc suối hôm qua. Đã có kinh nghiệm, chúng tôi đi mượn mảng tổ chức vượt suối như lần trước.

Qua được suối, Bác bảo:

- Nhờ có quyết tâm, chịu khó mà chúng mình đã qua được hai chặng suối lũ lớn. Nếu không, giờ chúng mình vẫn còn ngồi chờ tại bờ suối hôm qua. Từ nay, trên đường đi, bất kỳ việc to hay nhỏ, chúng mình đều phải có quyết tâm mới được.

Nói xong, Bác thưởng cho mỗi người chúng tôi một điều thuốc lá.

Chặng đường rừng ngày thứ hai tương đối dễ đi. Bác nhắc chúng tôi phải đi nhanh để bù vào ngày hôm qua.

Bữa trưa nay bắt đầu dùng tới món "thịt hộp Việt Minh". Đồng chí Định lại kiếm thêm được mấy món chuối rừng đem trộn với vừng nên ăn cơm cũng tươi lắm. Tiếc là nước lam hôm nay hơi oi khói vì chỉ có một cái nồi để nấu cơm, còn nước uống được nấu bằng ống nứa gọi là nước lam.

Có đồng chí phê bình, Bác bảo ngay:

- Việc làm phải có ưu điểm và khuyết điểm. Để chiều chú khác nấu xem sao...



Buổi hành quân chiều, để cho vui đường, Bác dạy chúng tôi *Chinh phụ ngâm*. Những lời thơ mà ngày nào tôi được nghe mẹ ru em, bây giờ được nghe Bác đọc lại mới thiết tha, ý nghĩa làm sao! Tôi nhớ và thích nhất những câu này:

*Trống Tràng thành lung lay bóng nguyệt
Khói cam tuyến mờ mịt thức mây
Chín lần gươm báu trao tay
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.*

Lời thơ cũ, tình hình mới, tự nhiên chúng tôi thầm đoán chuyến đi này của Bác - chúng tôi cho là: có thể có chiến dịch lớn, mở đầu cuộc tấn công mà bấy lâu nay quân dân ta đang chờ đợi.

Vui chân, Bác đi được nhiều đường đất. Tính ra đã đi được hơn năm mươi cây số. Tối đến, Bác cháu nghỉ lại một gian nhà cũ bỏ trống gần chợ Mới. Bữa cơm ngoài món lương khô chỉ có thêm ít rau tàu bay luộc. Bác nói vui:

- Rau tàu bay có khác, ăn vào nhẹ cả người, lại có mùi dầu xăng...

Sang ngày thứ ba, để tranh thủ đi được nhiều, Bác bảo đừng nấu cơm, dùng bánh mì ăn dọc đường. Chặng đường dài, phải đi gấp nên Bác rất chú trọng đến việc động viên chúng tôi. Bác bắt đầu kể chuyện kinh nghiệm hoạt động cũ của Bác cho chúng tôi nghe. Câu chuyện có sức lôi cuốn lạ thường. Bác cháu đi đường không biết



mỏi. Gần tối, đồng chí Thắng sợ Bác mệt nên mang ngựa tới gần, rồi cố mời Bác lên nhưng Bác kiên quyết từ chối. Bác nói:

- Bác có mệt thì các chú cũng mệt, ta cùng đi cho vui.

Đồng chí Thắng đành dắt ngựa đi bên Bác với hy vọng lúc nào đó Bác sẽ lên ngựa. 9 giờ đêm hôm ấy tới phà gần thị xã Bắc Kạn. Đò không có, Bác cho lệnh ngủ lại vì lội qua sông trong lúc mệt nhọc dễ bị cảm đột ngột. Trên bến sông chỉ có chiếc quán bán hàng, mái lợp so sài mấy tấm gianh thưa. Trong quán có mấy tấm liếp thay cho chiếc bàn bán hàng quá mỏng manh, không thể dùng vào việc gì được. Bác cho đốt lửa đuổi muỗi. Bác kiểm tra việc đặt gác rồi Bác lấy chiếc túi dệt làm gối, ngả mình trên cây gỗ vẫn dùng làm ghế ngồi bán hàng, hai chân Bác thông xuống đất để giữ thăng bằng cho khỏi ngã. Chúng tôi cũng nằm ngay xuống đất quanh Bác mà thiếp đi tưởng không còn biết trời đất là gì nữa.

Lúc tôi thay gác là 2 giờ sáng. Tôi đứng bên chiếc quán, nhìn về phía Bác. Bác vẫn nằm theo tư thế lúc bắt đầu ngủ. Anh em chúng tôi vẫn mỗi người nằm một kiểu, quây quanh Bác. Tiếng thở đều đều của mọi người hòa với tiếng suối chảy, tiếng rì rào của núi rừng...

4 giờ sáng, tôi vừa toan gọi người thay gác thì Bác dậy. Bác làm mấy động tác thư giãn gân cốt và nói:

- Thật là một giấc ngủ ngon ít thấy.



Sau đó, Bác gọi anh em chúng tôi dậy. Bác cháu làm một châu tắm thoải mái trong lúc bơi qua sông. Đi khỏi thị xã chừng ba cây số thì phải nghỉ lại trong một trường học. Đồng chí Chu Đốc, phụ trách bảo vệ căn cứ địa đã chờ sẵn ở đó và mời Bác lên ô tô. Bác đồng ý. Chúng tôi mừng rỡ vô cùng, vội gửi ngựa lại và chuẩn bị đi ô tô. Chiếc ô tô này đã già nua hết sức, lại chạy bằng than. Nhưng với tình hình lúc ấy có được nó cũng là tuyệt lắm rồi. Khi sắp lên xe, Bác nhắc:

Hôm nay đi ô tô, có thuận lợi mới là máy chạy thay chân nhưng cũng có khó khăn là máy bay giật nó lung. Vì vậy chú lái và các chú phải cẩn thận. Cần phân công nhau gác máy bay, khi có việc xảy ra, các chú phải theo sự chỉ huy của chú Định.

Chờ cho đồng chí Định tổ chức xong đội ngũ, Bác ra lệnh cho xe nổ máy.

Trong chúng tôi có một số đồng chí quê ở Cao Bằng. Được đi chuyến này, các đồng chí đó mừng lắm. Người nào cũng đặt hy vọng quê hương mình sẽ được giải phóng, sẽ được gặp người nhà, nếu không, cứ được thấy con sông Bằng cũng đủ sướng rồi. Khi đã nghĩ tới quê hương thì quê hương bao giờ cũng đẹp. Câu chuyện quê hương trở nên rôm rả.

Đồng chí này khoe:

- Phong cảnh Quảng Uyên, Trùng Khánh đẹp, gạo ngon, giá rẻ...



Đồng chí khác cất ngang:

- Cánh đồng Nước Hai rộng, lúa tốt. Sông Bằng nhiều cá, nhãn Lam Sơn ngon, có thứ nhãn ăn thơm như mùi cà cuống...

Chuyện giữa chúng tôi cứ nổ như ngô rang. Nhiều lúc Bác phải quay lại bật cười với bọn trẻ. Xe tới Tà Xa thì dừng lại nghỉ đêm ở đó. Gần sáng, Bác cháu lại đi đường tắt về Lam Sơn. Trên đoạn đường này, thích nhất là lúc lên tới đỉnh đèo Khau Lâu. Mắt tôi ngợp trước lớp lớp núi đồi chen nhau. Đứng ở đây tưởng có thể nhìn thấy ngọn Các Mác gần hang Pác Bó. Còn cánh đồng Cao Bình, thị xã Cao Bằng thì rất rõ. Bác đứng lại ngắm cảnh vật xưa và kể cho chúng tôi nghe những câu chuyện khi Bác ở Pác Bó, Lam Sơn. Nhân vui chuyện, Bác nói:

Cao Bằng có rất nhiều mỏ vừa lớn vừa giá trị. Đất ở Cao Bằng lại tốt, có nhiều bãi có thể chăn nuôi hoặc trồng các cây ăn quả xứ lạnh như đào, táo... sau này đuổi được giặc rồi, nếu nhân dân, cán bộ của ta chịu khó, cố gắng thì Cao Bằng sẽ trở thành một tỉnh giàu có về nhiều mặt.

Chúng tôi tuy chưa hiểu hết ý Bác nhưng cũng thích lắm, nhất là các đồng chí ở Cao Bằng.

Ăn cơm chiều xong, Bác quyết định đi luôn đêm nay về Lam Sơn để vừa được đường đất, vừa bảo đảm bí mật. Tới Lam Sơn, Bác dừng lại để làm việc với một số đồng chí có trách nhiệm của Mặt trận và Tỉnh ủy Cao Bằng.

Đồng chí Định cùng tôi tranh thủ đi chợ Nước Hai để mua sắm những thứ cần thiết. Cánh đồng Nước Hai đẹp



thật! Từ khi lên Việt Bắc tới nay, tôi mới được nhìn bầu trời một cách thoải mái. Lúa tốt, tôi đếm có bụi được tới ba mươi bông. Con sông Bằng uốn khúc giữa cánh đồng Nước Hai và Nà Lư, xa trông như chiếc thắt lưng lụa trắng của các cô thiếu nữ quê tôi trẩy hội. Các làng bản ở đây, tuy trong kháng chiến nhưng nhà ngói cũ vẫn san sát. Lê, nhãn trông màu lá xanh mướt. Chợ Nước Hai cũng vẫn đông, vui, náo nhiệt, mặc dù ở đây giặc đã dội bom hai, ba lần giết hại mấy chục đồng bào ta. Người đi chợ hầu hết là phụ nữ. Nếu có đàn ông, thì chỉ có mấy đồng chí bộ đội công tác tạt qua, hoặc tới mua thức ăn, và mấy cụ già, vài em nhỏ.

Khi trở về, chúng tôi đi đường Nà Lư. Dọc đường, đồng chí Định chỉ cho tôi hướng thị xã Cao Bằng. Đồng chí nói:

- Cao Bằng đấy! Trong thị xã, giặc có một trung đoàn do một tên trung tá chỉ huy, lại có nhiều pháo, nếu đánh sẽ đánh to đấy.

Tôi nhìn về phía thị xã Cao Bằng thấy máy bay tiếp tế của giặc lượn rất thấp. Lòng tôi tự nhiên thấy rạo rức, chúng ta đã có thể đánh vào một thành phố có một trung đoàn bộ binh địch chiếm đóng với sự yểm hộ của phi pháo rồi ư?

Về tới nhà, chúng tôi vội chuẩn bị mọi thứ vì được tin đêm nay sẽ lên đường. Công việc chuẩn bị vừa xong, một số chúng tôi được các đồng chí cấp trên dặn dò riêng:

- Tình hình hiện nay rất có lợi cho ta. Giặc phải rải quân ra nhiều nơi để chiếm đóng. Lực lượng cơ động có



hạn. Nhìn chung các mặt trận thì có Cao Bằng, Lạng Sơn là nơi địch thọc sâu và sau lưng ta như một mũi dùi. Mũi dùi này nhằm vào bao vây căn cứ địa Việt Bắc của ta, chia cắt ta với các nước xã hội chủ nghĩa. Lực lượng của chúng tại đây gồm nhiều tiểu đoàn Âu - Phi, lại có công sự kiên cố. Song, chúng cũng có nhiều điểm yếu: đồn bốt của chúng đóng theo một tuyến dài từ Na Sầm lên đến Cao Bằng, nếu bị đánh gãy một đoạn nào thì các vị trí khác sẽ bị cô lập. Vì lực lượng cơ động của chúng tuy tinh nhuệ nhưng có hạn, khó bề ứng cứu cho nhau. Sau khi đã phân tích các mặt, Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Cao - Bắc - Lạng. Ta chuẩn bị lực lượng tương đối kỹ, có sự phối hợp trên các chiến trường để giành lấy thắng lợi. Theo sự phân công của Trung ương Đảng, Bác sẽ đi sát mặt trận để giúp đỡ Ban Chỉ huy chiến dịch và động viên bộ đội chiến đấu. Các đồng chí đi với Bác cũng như các chiến sĩ ra mặt trận, ai nấy phải cố gắng làm tròn nhiệm vụ của mình.

Nghe vậy, chúng tôi vô cùng phấn khởi, càng thấy rõ ý nghĩa chuyển đi này của Bác. Trước lúc lên đường, Bác dặn thêm:

- Từ đây tới Ban chỉ huy mặt trận, đường đi tuy không dài lắm, nhưng phải bảo đảm bí mật cao hơn, vì giặc tung nhiều do thám để dò tìm lực lượng của ta. Nhiều chặng đường giặc thường phục kích bất ngờ để hòng bắt cán bộ, du kích của ta. Máy bay giặc lại tuần tiểu suốt ngày đêm. Các chú phải cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao hơn nữa.



Chúng tôi vâng lời dạy của Người. Bác cháu lên đường lúc trời tối sẫm, mưa lâm thâm làm cho những con đường rừng nhầy nhụa, trơn như mỡ. Đêm ấy, Bác cùng chúng tôi theo đường tắt sang Quảng Uyên. Đường tuy khó nhưng vẫn đi được nhanh.

Khi về đến Quảng Uyên thì trời đã sáng. Chúng tôi liên lạc được với Ban chỉ huy chiến dịch. Bác ở lại làm việc và sau đó Bác đi thăm các đơn vị. Ở Quảng Uyên được mấy ngày, Bác cùng chúng tôi về Nà Lan gần Đông Khê, vị trí tiền phương của ban chỉ huy chiến dịch. Đêm ấy, khi tới bờ sông Bằng, quãng gần Phục Hòa, chúng tôi được gặp một cảnh đẹp kỳ lạ. Sông Bằng dưới ánh trăng như một tà áo dài trắng muốt. Gió Nam làm cho mặt sông gợn lên những đợt sóng theo nhau tới biên giới Việt - Trung. Chúng tôi cùng Bác theo ven sông. Nhìn những bóng núi in dưới đáy sông, tôi có cảm giác như đàn voi khổng lồ rùng rùng theo Bác tiến ra mặt trận. Tới bên sông, một chiếc cầu phao nổi bật lên như một tấm vải lớn ai khéo căng thẳng tắp trên dòng nước bạc. Một đoàn lừa ngựa thồ pháo trên lưng, đang qua cầu. Bên kia cầu, một đoàn bộ binh đi hàng đôi vẫn đang dần bước. Nhìn những đoàn bộ binh, pháo binh qua cầu, Bác khen:

- Các chú công binh khá lắm!

Khi Bác cùng chúng tôi xuống cầu, Bác thò tay xuống nước để ước lượng tốc độ nước chảy. Ra tới giữa cầu, Bác dừng lại hưởng làn gió mát, rồi quay sang nói vui với chúng tôi:



- Giá được ở giữa cầu này mà thả câu thì hay biết mấy!

Nói xong Bác cười một cách vui vẻ, nói tiếp:

- Ta chỉ sống một cách giản dị, thoải mái thôi nhưng Tây nó cũng không cho. Bác cháu ta phải đuổi nó về nước đã.

Qua cầu, Bác và chúng tôi theo đường tắt về Nà Lan. Về tới địa điểm đã định thì trời vừa mờ sáng. Vùng núi này Bác rất thông thuộc. Theo ý Bác, đồng chí Định hướng dẫn chúng tôi tới một hang đá gần phố Nà Lan. Trước cửa hang có một cái lán đã được làm sẵn. Chiếc hang này tuy không lớn nhưng cũng đủ cho Bác làm việc và ở. Bác bảo:

- Chúng mình sẽ ở đây một thời gian nên công tác giữ bí mật, giúp dân là rất cần.

Bác dặn chúng tôi rất tỉ mỉ về cách dùng bí danh của đoàn công tác đặc biệt, cách tránh lửa khói ban ngày để đề phòng máy bay giặc, nhất là tránh làm chết cỏ, lưu lại dấu trên lối đi vào hang...

Chiều hôm sau, công việc đã bớt, Bác bảo tôi theo Bác. Bác đi trước, tôi theo sau. Bác trở lại thăm những núi non xưa. Có những ngọn núi tôi trèo cũng đã vất vả vì đá sắc, rêu trơn, phải tay bám dây leo, chân bám vào từng hòn đá một, thế mà Bác vẫn trèo lên trước. Khi lên đỉnh một ngọn núi, Bác chỉ cho tôi biết những ngọn núi nào thuộc về Trung Quốc, những ngọn núi nào thuộc về ta. Tôi đang mãi nhìn sang thì Bác gọi:

- Chú xem dân mình đi phục vụ tiền tuyến kìa!

Theo tay Bác chỉ, tôi thấy đoàn dân công đang như con rồng lượn quanh từ sườn núi bên kia, đi sang phía núi Bác và tôi đang đứng. Bác chăm chú nhìn mãi.



Đoàn dân công phần đông là nam nữ thanh niên miền núi, mặc áo dài, ngắn màu chàm, đầu đội nón tre đan. Trên vai người nào cũng khênh đạn nặng trĩu, ngang lưng còn đeo một ruột tượng gạo to. Người nào cũng ngụy trang kín cả lưng lẫn hòm đạn.

Hết đoàn dân công là một đơn vị pháo binh. Trên vai họ cũng vác nặng những bộ phận pháo tháo rời hoặc hòm đạn. Thấy các cán bộ cũng mang vác nặng như chiến sĩ, lại chạy lên chạy xuống đôn đốc anh em, Bác gật gật đầu tỏ ý bằng lòng.

Chợt một hồi còi báo động có máy bay địch nổi lên lanh lảnh. Cả đoàn dân công, bộ đội đều nằm xuống, lá ngụy trang che kín cả người, kín súng đạn. Bốn chiếc máy bay vụt qua. Đoàn dân công và bộ đội lại tiếp tục hành quân như không có chuyện gì xảy ra. Bác khen:

- Nhân dân ta, bộ đội ta dũng cảm lắm!

Chờ cho đoàn dân công, bộ đội đi xa, Bác xuống núi. Xuống tới đường, tôi để ý thấy có nhiều củi khô, lại sẵn dây rừng tôi liền bó một vác để mang về đun nấu và sưởi đêm. Thấy tôi vác củi, Bác bảo:

- Chú đưa khẩu tiểu liên cho Bác.

Tôi còn dùng dằng thì Bác đã cầm lấy súng. Thế là Bác vác tiểu liên đi trước, tôi vác củi theo sau.

Bóng hai Bác cháu theo nhau buông dài trên sườn núi, trên đồng lúa. Nhìn khẩu tiểu liên trên vai Bác, tôi bỗng nhớ tới một chuyện về Bác lúc còn ở nhà, chúng tôi



thường làm những công sự khá kiên cố. Mỗi khi làm như vậy, Bác thường tới giúp chúng tôi làm như hướng dẫn việc tìm địa điểm, vẽ mẫu công sự, dạy cách cầm xẻng, cuốc, cách phá đá, nhất là những khi phải dùng tới mình. Có lần, thấy chúng tôi vì muốn tiết kiệm mà cắt dây cháy chậm hơi ngắn, Bác bắt cắt lại và nhắc:

- Tiết kiệm máu là điều cần thiết trước nhất.

Lại có lần thấy chúng tôi lấy gỗ tốt để lát nóc hầm, Bác bảo:

- Gỗ này, kháng chiến thành công rồi sẽ dùng vào rất nhiều việc. Cây rừng là của ta, ta phải biết giữ gìn.

Ngoài những công sự lớn ra, ngay trong mỗi nhà cũng có đào công sự cá nhân, để phòng máy bay địch tập kích bất ngờ, hoặc mưa gió cây rừng đổ xuống. Công sự này, mỗi khi làm lại nhà, Bác đều tự đào lấy. Mỗi ngày sau giờ làm việc chiều, Bác lại đào một ít, ba ngày là xong. Ai muốn đào giúp, Bác bảo:

- Đây là quyền lao động của Bác.

Tối hôm đó, Bác đi họp vắng, chúng tôi sinh hoạt đọc báo. Báo mặt trận hôm nay có đăng huấn thị của Bác về chiến dịch Cao - Bắc - Lạng. Chúng tôi vô cùng phấn khởi, đọc ngay bài này. Trong đó có những đoạn đã khắc sâu mãi vào trong lòng chúng tôi:

"... Chiến dịch Cao - Bắc - Lạng rất quan trọng.

Chúng ta quyết đánh thắng trận này.

Để thắng trận này, các chiến sĩ ở mặt trận ấy phải kiên quyết, dũng cảm trăm phần trăm; các chiến sĩ các khu, các mặt trận khác phải ra sức thi đua giết giặc lập công để hết



sức tiêu diệt địch, khiến chế địch, không cho chúng tiếp viện mặt trận Cao - Bắc - Lạng..."*

Huấn thị của Bác càng làm cho chúng tôi thấm nhuần thêm những lời dạy của Bác từ lúc ra đi, và càng nhận thức rõ hơn quyết tâm của Đảng trong chiến dịch Cao - Bắc - Lạng.

Sau khi đọc huấn thị, đồng chí Định nói cho chúng tôi biết thêm về tình hình:

- Địch vừa tăng cường từ Nam Bộ ra cho chiến trường Bắc Bộ một số lực lượng. Song, chúng vẫn chưa nắm được ý định của ta. Vừa qua chúng có tấn công ra Phú Thọ, vẫn là để thăm dò chủ lực của ta và có thể chúng nghi ta tấn công về phía Lào Cai, Hoàng Su Phì. Mấy ngày qua, chúng lại tăng cường cho Lạng Sơn thêm một tiểu đoàn nữa, tuy vậy vẫn chưa có gì thay đổi lớn. Về Đông Khê hiện nay, tin chính thức cho biết: địch có trên dưới một ngàn tên, do một tên đại úy chỉ huy. Ngoài đồn chính, chúng có nhiều vị trí ngoại vi để yểm hộ lẫn nhau. Bộ đội ta đã tới vị trí tập kết và chờ lệnh. Mấy hôm nay nhân dân Cao Bằng, Lạng Sơn, bộ đội địa phương đã phá sập bốn cầu lớn và nhiều quãng đường trên chặng đường từ Thất Khê tới Đồng Đăng.

Buổi sinh hoạt kết thúc thì Bác về. Bác cho biết:

- Ngày mai có nhiều việc, các chú cần đi ngủ sớm.

Chúng tôi thầm đoán có lẽ ngày mai sẽ đánh trận đầu.

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.430.



Đúng 6 giờ ngày 16 tháng 9 năm 1950, tiếng súng mở đầu chiến dịch đã nổ, tôi và đồng chí Định được theo Bác đi lên quan sát trận đánh. Đứng trên ngọn núi đặt vị trí quan sát có thể thấy rõ toàn bộ các cứ điểm của địch, giống như ta đứng trước một cái sa bàn lớn.

Trong lúc bộ binh của ta đánh vào đồn Phìa Khóa, Yên Ngựa, Cam Phầy thì pháo binh của ta bắn vào đồn chính để phá pháo và một phần công sự của địch. Địch chống cự lại rất ác liệt. Đồn chính mờ mịt lửa khói do pháo của ta bắn vào và khói từ nòng súng của địch bắn trả lại. Máy bay giặc lồng lộn trút từng đợt bom xuống những nơi nghi có quân ta. Trọng liên của ta đan những luồng lửa như lưới vây lấy máy bay địch.

Đây là lần đầu tiên tôi được dự một trận đánh lớn mà địch phải huy động nhiều máy bay tham chiến như vậy. Nhìn những máy bay địch, từ trên cao cứ nhằm thẳng đầu mình lao xuống, những quả bom đen trui trũi, trước chỉ nhỏ như cái bắp chuối, sau lớn như cái chum rít trong không khí. Có những quả chúng ném vào một khu rừng bên cạnh hoặc ở những đồi núi khác cách xa hẳn trận địa. Nhưng tôi vẫn lo ngại cho Bác quá. Tôi hỏi đồng chí Định mới biết là địch ném bom vào trận địa giả của ta.

Thả bom xong, máy bay địch quay ra bắn phá. Có những lúc chúng sà xuống thấp, thấp hơn cả ngọn núi Bác đứng quan sát. Bác như không để ý đến máy bay địch. Bác vẫn chăm chú theo dõi tình hình chiến đấu và đối chiếu với bản đồ do một đồng chí cán bộ của Ban chỉ



huy chiến dịch trình bày cho Bác xem. Mười giờ sáng thì quân ta lấy được ba đồn Phìa Khóa, Yên Ngựa, Cam Phầy, mở đường phía đông nam để tấn công vào đồn chính Đông Khê.

Xế chiều, chúng tôi theo Bác ra về. Tối nhà, trời vừa tối, nghe pháo ta bắn vào Đông Khê dồn dập, tôi nghĩ bụng: "Đêm nay chắc ta tiêu diệt xong Đông Khê". Một đồng chí đã hỏi Bác một câu tương tự như ý nghĩ của tôi. Bác cười bảo:

- Để chờ xem...

Và liền đó, Bác nói thêm:

- Chú đánh giá địch hơi thấp...

Đêm hôm ấy, quân ta chưa tiêu diệt được địch thật. Sáng hôm sau, địch có máy bay yểm hộ ra sức phản kích hòng giành lại những vị trí đã mất trong đêm. Tiếng súng, tiếng bom chuyển động. Có khi chúng thả cả bom cháy. Rừng cây út như vậy mà khi bom ném xuống chỗ nào, chỗ ấy bốc cháy như một trận bão lửa. Khói bốc lên cuồn cuộn làm đen cả một bầu trời. Mặc dầu vậy, quân ta vẫn giữ được những chỗ đã chiếm được. Đến chiều, 2 chiếc khu trục của giặc ăn đạn của quân ta, lao xuống núi.

Qua một đêm nữa, quân ta căn bản chiếm được đồn chính, nhưng địch vẫn còn ngoan cố chống lại trong những vị trí cố thủ. Khoảng gần bảy giờ sáng, Bác nhận được báo cáo: đã bắt được tên đại úy Aliúc, chỉ huy trưởng Đông Khê, cùng một số sĩ quan tham mưu của hắn ở một nơi cách Đông Khê hai cây số, bọn lính của chúng



vẫn không rõ tình hình, tiếp tục chống cự, đến quá chín giờ thì chúng đầu hàng.

Sau hai đêm và một ngày chiến đấu, quân ta tiêu diệt toàn bộ vị trí Đông Khê gồm trên dưới một ngàn quân địch. Trận đầu tiên của chiến dịch đã kết thúc thắng lợi. Quân ta chuẩn bị chống quân nhảy dù và đánh viện.

Cùng những tin chiến thắng còn có những gương dũng cảm của quân ta được báo cáo lên Bác: đánh phía đông bắc có Tiểu đội phó La Văn Cầu bị giặc bắn gãy một cánh tay, đồng chí đã nhờ anh em chặt đi cho khỏi vướng rồi tiếp tục lên đánh bộc phá lô cốt, hoàn thành nhiệm vụ. Ở phía đông nam có Đại đội trưởng Trần Cừ, khi tấn công lô cốt, súng hết đạn lại bị thương nặng, đồng chí đã xông lên lấy thân mình lấp lỗ châu mai, chặn hỏa lực của giặc cho bộ đội xung phong. Trong đội ngũ dân công có chị Đinh Thị Đậu đã lặn vào lửa đạn cứu thương binh. Thông thường cứ hai người mới mang được một thương binh, nhưng ngay trong trận địa, chị Đậu đã dùng chiếc thắt lưng lụa của mình buộc thương binh vào lưng, cõng về hậu tuyến. Qua mấy ngày đêm chiến đấu, chị đã đưa được hàng chục thương binh vượt khỏi lửa đạn về nơi an toàn.

Ngoài ra còn có những báo cáo về hoạt động của địch tại Lạng Sơn, Thất Khê. Trong những ngày ta đánh Đông Khê, địch đã nhảy dù xuống Thất Khê hai lần, số quân trên dưới một tiểu đoàn.



Địch thành lập cấp tốc trung đoàn Bayăng tại Lạng Sơn do tên đại tá Lor Pagior chỉ huy gồm ba tiểu đoàn Maroc và chúng đang tiến lên với hy vọng giành lại Đông Khê. Trong khi đó, tiểu đoàn Tabo thứ ba, ngày 16-9-1950 vội vàng từ Lạng Sơn lên tiếp viện cho Đông Khê. Tối Pắc Luông, chúng bị ta tiêu diệt bốn xe và bắn chết 60 tên, buộc phải dừng lại ở đó, chờ trung đoàn của Lor Pagior. Ngày 17-9-1950, tiểu đoàn Tabo của trung đoàn Lor Pagior đánh vào một bộ phận của ta chốt ở Tà Lài, Pắc Luông suốt một ngày. Kết quả, chúng lại bị ta diệt thêm 2 xe và 120 tên nữa.

Nghe những tin trên, tôi hỏi nhỏ đồng chí Định có biết những đơn vị nào đánh các trận đó không. Đồng chí Định cho biết:

- Đánh Đông Khê là Trung đoàn Bông Lau và Trung đoàn Sông Lô với tiểu đoàn dự bị ở đơn vị khác phối thuộc. Đánh ở Tà Lài, Pắc Luông là Tiểu đoàn 428 chủ lực của Liên khu Việt Bắc.

Nghe đồng chí Định trả lời, tôi mới biết là sư đoàn quân tiên phong, vẫn là đội dự bị của ban chỉ huy chiến dịch. Như vậy lực lượng chờ địch còn khá dồi dào và binh đoàn Lor Pagior sẽ được ném những đòn thích đáng.

Một buổi tối, cơm nước xong, Bác bảo chúng tôi ngồi quanh bếp lửa. Bác nói cho chúng tôi rõ về tình hình địch và triển vọng của ta trong chiến dịch. Nghe xong, có đồng chí trong chúng tôi thắc mắc:

- Thưa Bác, tại sao chúng ta không đánh Cao Bằng trước mà lại đánh Đông Khê trước? Theo cháu nghĩ,



trận đánh Đông Khê hồi tháng năm ta vừa đánh xong, nay chúng tăng cường thêm quân, thêm pháo binh, củng cố lại công sự, nên vừa qua, tuy ta đánh được, nhưng sức ta cũng yếu đi một phần, rồi đây đánh Cao Bằng sợ không nổi?

Bác hỏi:

- Các chú xem tình hình địch, chúng đóng từ Thất Khê tới Cao Bằng, thì nơi nào mạnh, nơi nào yếu?

Trong chúng tôi có những đồng chí có trình độ quân sự ít nhiều, vì có đồng chí có nhiều kinh nghiệm chiến đấu rồi mới về làm công tác cảnh vệ, một đồng chí trình bày:

- Thưa Bác, theo ý cháu thì mạnh nhất là Cao Bằng, còn so sánh giữa Đông Khê và Thất Khê thì Thất Khê quân số đông hơn, tiếp tế thuận lợi hơn, tuy đồn chính ở thấp nhưng có nhiều vị trí ngoại vi kiên cố hơn. Đông Khê tuy cũng có những mặt mạnh thật, nhưng đem so sánh thì nó là vị trí tương đối yếu hơn so với Thất Khê.

Bác bảo thêm:

- Nay Đông Khê bị diệt rồi thì Cao Bằng và Thất Khê sẽ ra sao?

Mấy đồng chí quê ở Cao Bằng lúc này mới phát biểu:

- Đông Khê ta thắng rồi, nay giặc ở Cao Bằng như con hổ nằm trong cũi, mà Thất Khê, giặc như con rắn ta chẹn mất cửa hang rồi. Mất Đông Khê chắc là giặc phải giành lại. Hồi tháng 5 vừa qua, ta đánh xong, nó nhảy dù ngay xuống đồn ấy!



Lúc ấy Bác mới trả lời câu thắc mắc ban đầu:

- Ta đánh vào Đông Khê, là đánh vào nơi quân địch tương đối yếu nhưng lại là vị trí rất quan trọng của địch trên tuyến Cao Bằng - Lạng Sơn. Đánh thắng được Đông Khê, có kinh nghiệm hơn, nên ta mạnh lên. Như vậy địch có khác gì con thú dữ bị thương, ta như thợ săn chẳng lưới thép. Nay có thể địch sẽ giành lại Đông Khê để giữ vững Cao Bằng, hoặc phải đánh lên, để dồn quân Cao Bằng rút lui. Ta nhân lúc "thú dữ vào tròng" mà khép vòng lưới thép. Quân viện của địch đã tan thì ta đánh Cao Bằng không phải là việc khó nữa. Nếu chúng rút khỏi Cao Bằng thì đánh càng thuận lợi hơn.

Qua lời Bác, chúng tôi càng thông suốt về chủ trương tác chiến của Ban chỉ huy chiến dịch, và lòng đầy tin tưởng vào thắng lợi của chiến dịch.

Trong những ngày chờ viện binh của địch lên, Ban chỉ huy chiến dịch phân phối những chiến lợi phẩm thu được cho các đơn vị. Một phần lớn Bác bảo mang cho anh em thương binh ở bệnh viện. Số để lại Bác đem biếu nhân dân địa phương gần nơi Bác ở, và một phần Bác cho chúng tôi.

Hằng ngày, Ban chỉ huy chiến dịch vẫn báo cáo đều đặn với Bác. Địch đã tăng viện cho Cao Bằng thêm tiểu đoàn Maroc thứ ba và bắt dân Lạng Sơn lên máy bay chở về Hà Nội. Trung đoàn Bayăng lên tới Thất Khê cộng thêm với tiểu đoàn 2BPC và tiểu đoàn Tabo thứ ba thành binh đoàn Lor Pagior đang từ Thất Khê lò dò lên Đông Khê.



Tối 2 tháng 10 năm 1950, tin báo cáo về với Bác: Tên Côngtăng, tư lệnh biên giới của Pháp đã ra lệnh cho Lo Pagio đưa đại bộ phận lực lượng lên Quang Liệt, Nậm Nàng đón binh đoàn Sác tông sẽ rút khỏi Cao Bằng, sáng ngày 3 tháng 10, khi gặp nhau chúng sẽ rút chạy về Thất Khê.

Được tin này, chúng tôi mừng lắm! Mọi diễn biến của địch đều đúng như dự đoán của ta và có đồng chí trong chúng tôi lại bộc lộ chủ quan lần nữa.

Bác giải thích:

- Thấy thuận lợi lớn, ta cũng phải thấy khó khăn lớn. Lực lượng địch khá mạnh, có tới trên dưới bảy nghìn, lại là những đội quân ứng chiến tinh nhuệ, thạo về đánh rừng. Muốn diệt được chúng, quân ta phải có quyết tâm cao, phải khắc phục cái đói, cái mệt mỏi, giành thắng lợi lớn.

Từ hôm đó, các tin tức, báo cáo liên tiếp gửi về: đêm 3 tháng 10 quân ta tấn công các cao điểm của binh đoàn Lo Pagio chiếm đóng tại dãy Khâu Luông. Ngày 4 tháng 10, ta đánh chúng trên các điểm cao 760, 765. Cùng đêm ấy, quân ta đã tiêu diệt đồn Nà Ban ở ngoại vi Thất Khê. Phía Đồng Đăng, quân ta đánh sâu vào sát thị trấn, tiêu diệt một đại đội địch. Trưa ngày 4 tháng 10, binh đoàn Sác tông về tới Nậm Nàng đã bị quân ta chặn lại.

Các tin đưa về thật phấn khởi. Tuy nhiên, trên tấm bản đồ của Bác, hai binh đoàn địch vẫn cố nhích lại gần



nhau. Nếu chúng thực hiện được âm mưu này cùng với sự yểm hộ của không quân thì việc ta tiêu diệt chúng sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Máy hôm nay, không quân của giặc hình như có được bao nhiêu, đều tập trung cả về đây. Tính ra mỗi ngày có đến 50, 60 đợt máy bay giặc tới ném bom, bắn phá yểm hộ hoặc thả dù tiếp tế cho quân chúng.

Chiều ngày 5 tháng 10, tin báo cáo về với Bác: binh đoàn Lor Pagio bị ta chặn đánh không thể tới được vị trí đã định, chúng phải tập trung cả xung quanh khu vực Cốc Xá. Nghe tin, Bác liền viết thư bảo đồng chí Định mang đi cho Ban chỉ huy chiến dịch.

Suốt đêm hôm ấy cho đến sáng hôm sau, tin quân ta tấn công thắng lợi trên khu vực Cốc Xá liên tiếp báo cáo về. Tới sáu giờ ngày 7 tháng 10 thì Bác nhận được báo cáo: Quân ta đã căn bản tiêu diệt được binh đoàn Lor Pagio, nhưng Lor Pagio cùng với Ban tham mưu của hắn đã chạy mất.

Bên những tin tức phấn khởi đó lại có một số cán bộ ta thấy thắng lợi lớn, bộ đội bị mệt mỏi, nên khi được lệnh tiêu diệt binh đoàn Sắctông, đã đề nghị xin nghỉ một ngày để lấy lại sức rồi sẽ đánh sau. Thấy vậy, Bác nói:

- Ta mệt một, địch mệt gấp năm, gấp bảy lần. Lúc này là thời cơ tốt nhất để diệt địch. Sao các chú ấy lại nghĩ thế?

Bác liền viết thư cho cán bộ và chiến sĩ trong chiến dịch:

"Các chiến sĩ yêu mến!

Từ ngày kháng chiến đến nay, trận này là trận đầu tiên bộ đội ta đánh vận động liên tiếp luôn mấy ngày.



Đó là một cuộc thử thách lớn.

Các chú không quản nhọc mệt, đói rét, chỉ ra sức thi đua giết địch, các chú đã đánh tan đoàn quân tinh nhuệ của địch.

Các chú đã hoàn thành bảy phần mười cuộc thử thách một cách dũng cảm. Các chú cố gắng mà tiêu diệt nốt binh đoàn Sắctông nhé.

Bác và Tổng tư lệnh đã ra lệnh khao các chú một bữa thịt bò.

Bác hôn tất cả các chú.

Chào thân ái và quyết thắng".

Nhận được thư Bác, quân ta phấn khởi, nô nức tiến công địch.

Sáng ngày 6 tháng 10, Bác nhận được tin binh đoàn Sắctông đã bị tấn công. Ngày 7 tháng 10, có tin tên Côngtăng đã vét được 500 quân Âu - Phi còn lại giao cho Đòlabôm chỉ huy tiến lên tiếp viện cho Lơ Pagio, nhưng đến điểm cao 608 và 703 thì biết tin Lơ Pagio bị tiêu diệt. Đòlabôm phải đóng tại đây và dựa vào pháo binh ở Bông Lau yểm hộ, chờ vét tàn quân của Lơ Pagio và Sắctông.

Sáng ngày 7 tháng 10, binh đoàn Sắctông bị tấn công liên tiếp và tới năm giờ chiều hôm ấy thì toàn bộ bị tiêu diệt tại khu vực đồi 477 và Bản Cả.

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr.452.



Chiều ngày 8 tháng 10, lực lượng của Đòlabôm bị ta công kích. Thấy một số lớn bị chết, hấn vội vã cho bọn sống sót rút chạy. Quân ta truy kích bọn này về đến tận Thất Khê. Đến chiều tối, có tin báo về với Bác: ta đã bắt được hấn cùng toàn bộ sĩ quan tham mưu của binh đoàn tại Nà Keo.

Kế ra, Lơ Pagio cũng khéo giữ thể diện. Khi cùng đường, hấn cho một tên đại úy mang cờ trắng ra đề nghị với đồng chí đại đội trưởng của ta:

- Chúng tôi xin hàng không điều kiện nhưng xin ngài đừng đưa lính tới bắt mà cho một vị sĩ quan tới nhận vũ khí của chúng tôi. Như vậy, đại tá của chúng tôi dù sao cũng còn chút danh dự nhà binh.

Đồng chí đại đội trưởng của ta nhận lời và một mình lên thẳng ngọn đồi bọn Lơ Pagio đang ẩn. Khi Lơ Pagio thấy đồng chí đại đội trưởng của ta tới, hấn vội hô các sĩ quan đứng nghiêm chào, tự cởi súng đặt vào tay đồng chí đại đội trưởng của ta, rồi ứa nước mắt mà nói:

- Từ giờ phút này, tính mệnh của chúng tôi đặt cả vào trong tay ông.

Những ngày sau, tin thắng lợi càng đồn dập báo về với Bác: tàn quân Đòlabôm rút chạy như một con lốc. Tất cả các đồn từ Thất Khê đến Na Sầm đều cuốn gói phóng theo. Ta chỉ chặn kịp ở đèo Khánh, tiêu diệt được hai đại đội của tiểu đoàn 2BPC trong đó có tên đại úy Môro phụ trách tình báo biên giới, tên chỉ huy tiểu đoàn dù,



tên Bế Văn Nặng, tiểu đoàn trưởng ngụy binh Nùng. Còn nhiều nơi chúng hốt hoảng đến nỗi quân ta còn cách xa hàng ngày đường, chúng đã bỏ chạy.

Trước tình hình địch tan rã như vậy, sau khi đã bàn kỹ với Ban chỉ huy chiến dịch về chủ trương phát triển chiến thắng, Bác đi thăm thương binh. Tôi được theo Bác tới bệnh viện dã chiến. Bác vốn dễ xúc động nên trước anh chị thương binh, Bác phải cố nén để thăm hỏi, nhưng có nhiều lúc Bác không sao cầm được nước mắt.

Trên đường về, Bác bảo chúng tôi:

- Mai các chú để lại một người làm việc với Bác, còn tất cả ra bệnh viện cùng các cô, chú hộ lý, dân công cắt gianh làm đệm cho các cô, các chú thương binh nằm. Trời lạnh lắm.

Ngày hôm sau, Bác đi thăm thị trấn Thất Khê để tìm hiểu tình hình nhân dân mới được giải phóng. Sau đó Bác đi thăm trại tù binh. Những ngày này, các lán cũ của quân ta được dùng làm trại tù binh. Trong trại, lính da trắng, da đen, lính ngụy đầy ứ cả. Trông những bộ quần áo dù của chúng với những túi "bắt gà" kiểu Mỹ đến là nghịch mắt! Tôi cùng đồng chí Định được theo Bác tới thăm một trại tù binh. Nhưng khi cán bộ của trại hướng dẫn Bác đi các lán, tôi dừng lại ở ngoài. Chờ tới hơn hai tiếng đồng hồ mới thấy Bác về. Khi Bác về lại thấy không có áo ngoài, tôi hỏi đồng chí Định, đồng chí Định cho biết:



- Bác đã nói chuyện với nhiều tên sĩ quan và binh lính của địch, da trắng cũng có, da đen cũng có. Sau, Bác nói chuyện với một tên đại úy thầy thuốc, lâu đến ngót một giờ. Thấy nó bị lạnh, Bác đã cởi áo cho hần.

- Sao Bác lại cho nó? - Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Đó là một tù binh nhưng lại là một bác sĩ, nó biết lẽ phải và lại đang bị thương.

- Sao đồng chí biết?

- Đồng chí phụ trách trại giới thiệu Bác là một ông già Việt Nam tới thăm tù binh. Khi Bác hỏi chuyện, tôi thấy lúc đầu nó cũng bình thường, sau tỏ vẻ phục và hiểu, cuối cùng hần khóc. Và khi nhận áo Bác cho, hần lại càng khóc to hơn.

Mấy ngày sau, trên đường về Cao Bằng, tin tức càng làm cho chúng tôi thêm phấn khởi, địch đã rút khỏi Lạng Sơn, Lộc Bình, Đình Lập, An Châu và Thái Nguyên (vì khi Lor Pagio tiến lên Thất Khê, Bộ chỉ huy Đông Dương của địch đã cho binh đoàn CMA thọc lên Thái Nguyên để đỡ đòn, nhưng bọn này cũng bị ta tiêu diệt vài trăm tên, nên chúng cũng phải rút về Hà Nội).

Trên đường số 4, Bác hóa trang như một đồng chí bộ đội già cùng chúng tôi vui vẻ đi cạnh nhiều toán bộ đội, dân công. Trời hanh dịu. Lúa bên đường nhiều thửa đã chín vàng. Nhiều đoàn dân công cũng đang trở về gặt lúa. Đúng như dự kiến của Bác, chuyển đi đã hơn một tháng.



Câu chuyện dọc đường thật là vui vẻ, hào hứng, hết chuyện chiến đấu sang chuyện tù binh¹.

*

* *

...

Ngày 19 tháng 10 năm 1950, sau chiến thắng Biên giới, Bác về thăm xưởng chúng tôi. Hôm đó, trời mưa to, gây ra lũ, nước suối đầy, đường vào xưởng phải qua con suối Bản Tấn. Bác xắn cao quần, tay chống gậy, lội qua suối để vào xưởng.

Mã Văn Mộc phụ trách đội bảo vệ chạy lại hỏi. Vì không biết Bác nên đồng chí đã giữ lại. Nông Lai (xong nhiệm vụ đi với Bác đã trở về xưởng) chạy tới, nhận ra Bác. Mộc chạy về, nét mặt hớn hở báo cáo với tôi:

- Bác... Bác đến!

Nghe xong, tôi nhớ ngay hôm đi chiến dịch, Bác dặn "Xong chiến dịch, Bác về!". Lòng mừng vô chừng, tôi chạy ra đón Bác. Bác cùng đi với anh Giáp, anh Ninh và anh Hoàng Văn Thái. Cả xưởng, già trẻ, gái trai đều vây quanh lấy Bác và các anh. Bác ân cần hỏi chuyện với anh chị em bằng tiếng Kinh, thính thoảng Bác nói cả tiếng dân tộc, làm cho buổi đón Bác càng thêm thấm thiết.

1. Xem An Quân: *Theo Bác đi chiến dịch*, Nxb. Văn học giải phóng, 1976.



Sau buổi họp mặt lúc mới tới, Bác cho biết: "Xưởng của chúng tôi được mượn để làm địa điểm mở hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm chiến dịch biên giới".

Thấy nét mặt tôi vui mừng, Bác cười và phân công ngay:

- Phần nội dung hội nghị thì mình, chú Giáp, chú Ninh và chú Thái lo. Còn đồng chí lo tổ chức, bảo vệ.

Anh Võ Nguyên Giáp nói đùa:

- Bác phong cho anh chức "Tư lệnh cảnh bị" quan trọng lắm đấy.

Nói xong, anh nháy nháy mắt. Chúng tôi đều cười...

Hội nghị xong, xưởng chúng tôi tổ chức một buổi liên hoan, mời Bác nói chuyện chiến thắng. Trong khi nói chuyện, Bác khen ngợi và khích lệ toàn thể anh chị em trong xưởng đã sản xuất và sửa chữa gấp rút những vũ khí phục vụ chiến dịch. Bác vừa dứt lời, cả xưởng vỗ tay hoan hô như sóng dậy hồi lâu.

Sau đó, Bác nêu bật ý nghĩa lịch sử của chiến thắng. Bác khẳng định:

- Thắng lợi của chiến dịch đã đánh dấu sự phát triển nhảy vọt về sức chiến đấu của quân và dân ta, về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta trong lịch sử chiến tranh chống thực dân Pháp xâm lược. Chiến thắng biên giới đã giải phóng một phần đất đai, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, củng cố và mở rộng khu căn cứ, phá tan vòng vây của chủ nghĩa đế quốc đối với nước ta... Qua chiến dịch này, quân đội ta đã trưởng



thành vượt bậc. Khác xa với lúc đầu kháng chiến, lực lượng của ta và của địch so le nhiều. Khi đó ta phải dùng gậy tầm vông, giáo mác để chống chọi với máy bay, đại bác của địch. Cho nên có người bi quan cho rằng: "Cuộc kháng chiến của ta là châu chấu đá voi".

Ngừng giây lát, Bác nói vui:

- Trong chiến dịch vừa rồi, châu chấu đá giỏi đấy chứ!

Cả xưởng đều hiểu ý Bác, cười vang. Bác giơ tay ra hiệu trật tự trở lại. Bác nói tiếp:

- Ta còn phải đá, đá cho tan tành quân cướp nước và bán nước. Nhưng chó chủ quan tếu, cho rằng từ nay trở đi sẽ thắng lợi mãi, không gặp khó khăn gì. Trận này mới chỉ là thắng lợi bước đầu, ta còn phải cố gắng nhiều, giành nhiều thắng lợi như thế này hay lớn hơn nữa. Từ nay cho đến khi hoàn toàn thắng lợi, ta còn gặp nhiều khó khăn. Đánh nhau có thắng và cũng có thất bại, đó là lẽ thường. Điều cốt yếu là ta phải giành được thắng lợi cuối cùng, xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh.

Cả xưởng vỗ tay thể hiện sự quyết tâm làm theo lời dạy của Bác. Nói chuyện xong, Bác bảo:

- Cô chú nào có ý kiến gì cứ việc hỏi.

Anh chị em ngồi im phăng phắc, người này nhìn người kia hồi hộp chờ đợi. Bác lại hỏi:

- Bác lại hỏi các cô, các chú nhé! Ở đây, quan hệ với nhân dân như thế nào?

Anh Đinh Văn Đông, người dân tộc Tày đứng dậy:



- Thừa Bác, công nông liên minh ạ.

- Liên minh như thế nào, chú?

Anh Đông trả lời:

- Ngoài việc sản xuất vũ khí phục vụ quân đội, chúng cháu còn tổ chức làm ngoài giờ nữa, chữa cào, cuốc, cày bừa, dạy bình dân học vụ cho nhân dân, hướng dẫn nhân dân phòng bệnh, luyện tập quân sự. Còn nhân dân giúp đỡ xướng những lúc khó khăn như lương thực, thực phẩm, ruộng để làm rau, củ để sản xuất ạ.

Bác gật đầu và khen: "Thế là tốt". Xong Bác chỉ vào một cây to trước mặt và khua tròn tay một cái, Bác nói:

Gốc có vững, cây mới bền

Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân.

- Có đúng không các cô các chú?

- Thừa Bác, thằng Pháp trước sau thế nào cũng thua. Thằng Mỹ nhảy vào Đông Dương thì ta làm thế nào ạ?

Chúng tôi nhìn cả về phía ông Sang, người vừa nêu ý kiến hỏi Bác, lại nhìn cả về phía Bác, hồi hộp chờ đợi. Bác nói:

- Chú nào lấy cho Bác mượn cái gậy.

- Bác lấy gậy làm gì ạ? - Chúng tôi ngơ ngác hỏi.

- Cứ tìm lại đây rồi sẽ rõ - Bác đáp.

Tôi chạy lấy được cái batoong đưa lên cho Bác. Bác mời ông Sang để tay lên bàn. Bác cầm cái batoong gio thật cao, lừa đánh xuống bàn, lập tức ông Sang rút tay lại.

Mọi người hiểu ý, cười rất to. Bác bảo:

- Nếu thằng Mỹ nhảy vào thì ta đánh cả thằng Mỹ.



Tiếng vỗ tay lại ran lên không dứt.

Đêm đã khuya, Bác bảo chúng tôi về đi ngủ để mai sản xuất. Chúng tôi ra về với tấm lòng tôn kính vô hạn đối với Bác¹.

*

* *

...

Tôi công tác tại Sở chỉ huy tiền phương của Bộ Tổng tư lệnh đồng thời cũng là Sở chỉ huy chiến dịch. Trong giai đoạn tổ chức và chuẩn bị, Sở chỉ huy đóng tại làng Tả Phầy Tử thuộc huyện Quảng Uyên, phía bắc thị xã Cao Bằng. Từ đầu tháng 9 năm 1950, Bác đã rời khu trung tâm căn cứ địa Việt Bắc để lên đường đi biên giới và đến chiều ngày 10 tháng 9, Bác đến Sở chỉ huy chiến dịch. Như mọi chuyến đi của Bác trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Bác mặc một bộ quân phục binh nhì giản dị, chân đi dép caosu, tay chống gậy hành quân, đầu đội mũ cứng bỏ quai, khăn mặt vắt ngang quai mũ. Bác cố ý che kín chòm râu quen thuộc để giữ bí mật và cũng để tiện lau mồ hôi mặt lúc đi đường. Cùng đi với Bác có một đồng chí thư ký kiêm cận vệ, một bác sĩ, một nấu ăn và mấy chiến sĩ bảo vệ. Đoàn người trông bình dị như một tiểu đội vệ quốc quân đang hành quân mà Bác là một trong những người

1. Xem Đặng Văn Cáp: "Bác dẫn đường", trong *Đường ta sáng mãi, Sdd.*



lính già như người ta thường thấy trong hàng ngũ của bộ đội ta thời ấy.

Cơ quan xếp Bác ở cùng đồng chí Võ Nguyên Giáp trên hai chiếc nhà sàn của đồng bào Tày dựng sát nhau bên bờ suối. Đồng chí Giáp lúc bấy giờ trực tiếp chỉ huy chiến dịch Biên giới, lấy bí danh là Hưng. Bác đến chưa kịp nghỉ đã khẩn trương bắt tay ngay vào công việc: nghe các cơ quan báo cáo tình hình mọi mặt công tác chuẩn bị chiến dịch và nhất là dành nhiều thời gian họp với đồng chí Võ Nguyên Giáp, Trần Đăng Ninh, Hoàng Văn Thái... để thông qua quyết tâm và phương án tác chiến lần cuối cùng.

Chiều ngày 11 tháng 9, Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch triệu tập hội nghị cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên đón Bác và nghe Bác chỉ thị, đồng thời phổ biến quyết tâm và phương án tác chiến chính thức, bàn bạc mọi mặt công tác bảo đảm cho chiến dịch thắng lợi.

Bằng một giọng nói ấm cúng và thân mật, Bác hỏi cán bộ:

- Các chú đã chuẩn bị xong chưa?

Có tiếng đáp:

- Thưa Bác, đã chuẩn bị tích cực, nhưng chưa thật xong ạ!

Bác gật đầu, nói tiếp:

- Đúng! Chưa đánh thắng thì chưa được coi là đã chuẩn bị xong. Quân sự thì phải chuẩn bị mãi. Thắng xong chiến dịch này cũng chỉ mới là chuẩn bị xong một đợt. Toàn thắng mới là chuẩn bị xong. Bác dặn các chú mấy điều:



1- Trong quân sự: phải kiên quyết và bạo dạn. Bạo dạn, dũng cảm không phải là liều. Liều là dại, dũng cảm là khôn. Kiên quyết và bạo dạn không phải một người mà phải toàn bộ tất cả mọi người. Muốn toàn bộ kiên quyết và bạo dạn thì phải có kỷ luật. Muốn có kỷ luật, cán bộ phải làm gương. Kỷ luật là động lực giữ sức mạnh của bộ đội và của đoàn thể. Nếu không có kỷ luật thì bộ đội không thành bộ đội, đoàn thể không thành đoàn thể. Bộ đội ta là bộ đội cách mạng của nhân dân, nên kỷ luật phải tự giác. Phải giải thích cho mọi người hiểu và làm đúng kỷ luật, vì bộ đội đông người, có người hiểu có người chưa.

2- Bộ đội phải đoàn kết, cán bộ phải làm gương. Trước hết phải đoàn kết chặt chẽ trong cán bộ từng đơn vị, từng cơ quan. Giữa cán bộ và bộ binh, pháo binh, công binh và các ngành khác cũng phải đoàn kết; mỗi bộ phận như một bánh xe của một bộ máy; một nói lỏng, cả máy không chạy.

Cán bộ và chiến sĩ phải thương yêu nhau. Cán bộ có coi đội viên như chân tay thì đội viên mới coi cán bộ như ruột thịt. Bộ đội chưa ăn thì cán bộ không được than mình đói, bộ đội chưa ngủ thì cán bộ chưa nói mình mệt, bộ đội chưa đủ áo thì cán bộ chưa được lo mình rét.

Lại phải đoàn kết giữa quân và dân. Quân là cá, dân là nước. Các chú đi chiến đấu, song hàng chục vạn nhân dân đã tham gia chuẩn bị cho chiến dịch và sẽ ủng hộ chiến dịch đến toàn thắng.



Tóm lại, phải đoàn kết mọi người, mọi mặt. Đoàn kết là lực lượng vô cùng vĩ đại của ta. Đoàn kết chặt chẽ hay không trước hết là trách nhiệm của người chính trị viên. Vì người chính trị viên trong bộ đội là thầy dạy, là người chỉ nâng niu, người anh khuyến khích, phải hiểu đầy đủ mọi tình hình, xu hướng và tâm sự của anh em đội viên.

3- Chiến dịch này sẽ gian khổ. Không phải một trận mà hai trận, không phải hai trận mà nhiều trận. Ta được trận đầu, địch lại đến; được trận hai, địch lại đến. Phải đánh mãi cho đến toàn thắng. Sinh lực địch giống như dòng suối, nó chảy mãi, phải tiêu diệt cho sinh lực đó cạn mới thôi. Kẻ địch cũng như con rắn, phải đánh cho dập đầu mới chết. Do đó mà khi thắng thì không được kiêu, phải chuẩn bị chu đáo để thắng tiếp trận sau, thắng mãi.

4- Phải hết sức giữ bí mật trong kế hoạch cũng như trong hành quân, trú quân... Lời nói và hành động phải chú ý giữ bí mật. Yêu cầu các chú về rà soát lại các sổ tay, tài liệu, tranh ảnh... tuyệt đối không được đem ra mặt trận. Cán bộ quân sự và chính trị phải phối hợp với nhau để làm việc này bằng được. Báo chí cũng hay lộ bí mật lắm. Nếu có điều kiện thì giấu, không có điều kiện thì đốt đi, không tiếc. Nhiều thứ khác mình cũng đốt không tiếc, huống chi là bí mật. Muốn giữ bí mật còn phải tránh ba hoa.



5- Phải quyết tâm. Chẳng những cán bộ phải quyết tâm, mà bộ đội cũng phải quyết tâm, làm cho quyết tâm như luồng điện chạy suốt bộ đội. Nếu người lãnh đạo, chỉ huy quyết tâm mà bộ đội không quyết tâm thì cũng vô ích.

Quyết tâm là không sợ địch. Có thể rồi Pháp sẽ bắt chước Mỹ ném nhiều bom như ở Triều Tiên. Có thể có những người không trấn tĩnh, hoảng sợ, chạy làm lộ mục tiêu, chẳng những người đại chết mà người khôn cũng bị vạ lây.

Quyết tâm nhưng không chủ quan khinh địch. Đã là chiến tranh thì có khi tiến khi thoái; khi thắng không được chủ quan khinh địch. Khi một bộ phận buộc phải rút lui để bảo đảm cho toàn cục thắng lợi thì cũng không nên hoang mang bối rối.

Ta phải luôn tỉnh táo, luôn chuẩn bị, lúc chưa có địch cũng như có địch, bao giờ cũng sẵn sàng chiến đấu, như thế mới thắng lợi được. Rồi đây trong chiến dịch này, địch có thể không đợi ta đánh mà đánh ta trước, các chú và bộ đội phải chuẩn bị và bình tĩnh đối phó, chớ bối rối.

Hôm nay, một phần thì giờ ít, một phần vì Bộ Tổng tư lệnh và Tổng cục Chính trị đã dặn các chú nhiều, Bác nói thế thôi, các chú cần chú ý làm cho được.

Ngoài ra, đoàn thể, Quốc hội và Chính phủ chuẩn bị thương, nhân dân đang chuẩn bị hoan nghênh các chú. Các chú phải làm cho đúng kế hoạch. Trận này nhất định



phải thắng. Các chú phải cố gắng để nhận phần thưởng và nhận sự hoan nghênh của đồng bào và nêu gương cho các trận sau.

Chúng ta nhất định thắng!

Hôm nay có nhiều đồng chí không có điều kiện đến gặp Bác. Các chú chuyển lời khuyên của Bác, san sẻ những lời khuyến khích của Bác cho các đồng chí ở nhà, cố nhiên là không được nói rằng đã gặp Bác ở đây.

...

Sau khi Bác chỉ thị, đại biểu các trung đoàn bộ binh 102, 209, 36 của pháo binh và công binh lần lượt đứng lên hứa sẽ nghiêm chỉnh làm theo lời dặn của Bác, lãnh đạo và chỉ huy bộ đội vượt qua mọi hy sinh gian khổ để giành toàn thắng cho chiến dịch.

Cuối cùng, đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt cho toàn thể cán bộ dự hội nghị, xúc động nói:

"Từ trước đến nay, trong mấy năm kháng chiến, bây giờ là lần đầu tiên Bác ra tận mặt trận gặp cán bộ và bộ đội. Mặc dầu tuổi cao sức yếu, đường sá xa xôi, Bác không quản ngại. Điều đó làm cho cán bộ và chiến sĩ các cháu của Bác rất cảm động, cảm động không nói được nên lời. Thời gian qua, theo lệnh Trung ương và Bác, anh em đã ra sức chuẩn bị và quyết đánh thắng trong chiến dịch này. Nay Bác lên thì lòng tin tưởng và quyết tâm của tất cả cán bộ ở đây, kể cả của bản thân tôi, lại càng được nâng lên gấp bội.



Tôi xin thay mặt toàn thể bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích và dân công tham gia chiến dịch cảm ơn sự chăm sóc ân cần của Bác và xin hứa với Bác sẽ hết sức cố gắng kiên quyết và dũng cảm chiến đấu để giành toàn thắng cho chiến dịch lịch sử này, làm tròn nhiệm vụ mà Trung ương, Bác, Quốc hội và Chính phủ đã giao cho".

Toàn thể hội nghị vỗ tay nhiệt liệt, biểu thị sự nhất trí hoàn toàn với tình cảm và quyết tâm của đồng chí Võ Nguyên Giáp đã thay mặt toàn quân hứa với Bác.

Ngày hôm sau, 12 tháng 9, Bác còn ở lại Sở chỉ huy chiến dịch để giải quyết một số công việc, đến dự và chỉ thị cho hội nghị bàn về công tác hậu cần chiến dịch.

Ngày 13 tháng 9, Bác rời Sở chỉ huy ở Tà Phầy Tứ để đi sâu hơn nữa vào mặt trận từ hướng Đông Khê, cụm cứ điểm mà ba ngày sau quân ta sẽ đánh trận mở màn chiến dịch. Thấy Bác vừa đi một chặng đường xa đến đây dừng chân chưa được mấy ngày, làm việc khẩn trương, nay đã vội đi ngay, sợ Bác mệt, đồng chí Giáp và đồng chí Ninh đề nghị Bác nghỉ lại thêm một ngày. Nhưng Bác không chịu, nói phải đi sớm để còn tranh thủ thăm bộ đội và dân công dọc đường ra trận. Các đồng chí đề nghị Bác nên tranh thủ đi xe "gép" ở những đoạn đường dùng được xe, nhưng Bác cười và nói:

- Để Bác đi bộ thoải mái và chủ động hơn, đến đâu muốn dừng lại thăm bộ đội, thăm đồng bào hoặc ngắm



cảnh đẹp thiên nhiên thì dừng, đói bụng thì nấu com ăn, lại không bị máy bay địch quấy rầy như đi xe dọc theo đường lớn...

Các đồng chí đành chịu Bác và tiễn Bác lên đường. Các đồng chí Giáp và Ninh tiễn Bác ra đến đầu bản và dừng lại vẫy tay tạm biệt, các khóe mắt đều rung rung cảm động và thương Bác vô ngần.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương và sự chỉ đạo trực tiếp của Bác, chiến dịch biên giới đã giành được thắng lợi hết sức lớn lao và vang dội, mở ra một cục diện mới cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, đánh dấu một sự tiến bộ vượt bậc trong quá trình chiến đấu và xây dựng của quân đội ta¹.

*

* *

...

Sau khi biên giới Việt - Trung được giải phóng, con đường số 3 của Bắc Kạn trở thành mạch máu của cuộc kháng chiến. Các đơn vị thanh niên xung phong của miền xuôi và địa phương bám chắc trên mặt đường. Ban ngày, giặc Pháp bỏ bom phá cầu đường, ban đêm thanh niên và nhân dân lại ra sửa đường cho xe đi.

1. Xem Hoàng Minh Phương "Bác Hồ tại Sở chỉ huy chiến dịch biên giới", báo *Quân đội nhân dân*, số ra ngày 15-5-1977.



Đêm hôm ấy, trời tối lắm. Đơn vị "liên phân đội thanh niên xung phong một" được phép để chuẩn bị ra mặt đường vào lúc gần sáng. Mọi người sửa soạn đi ngủ. Dây lán của các chị thanh niên thỉnh thoảng còn tiếng hát. Mấy dãy nhà của nam giới cũng đã tắt đèn nhưng vẫn còn tiếng nói thì thầm, chốc chốc lại có tiếng ai cười giòn giã. Bỗng một đồng chí cán bộ ban chỉ huy liên phân đội chạy qua giữa hai dãy nhà nói to:

- Các cậu ơi, dậy liên hoan đi!

Bao nhiêu tiếng phản đối từ hai nhà đáp lại. Đồng chí cán bộ vào từng giường nằm của anh em nói nhỏ với mọi người:

- Có cán bộ Trung ương đến thăm chúng ta đấy. Các đồng chí ra liên hoan chung để nghe đồng chí Trung ương nói chuyện.

Mọi người hớn hở tung chăn, xuống giường. Sẵn củi nứa, mỗi đồng chí mang theo một bó ra sân đốt lửa trại. Cả liên phân đội vây quanh đống lửa ca hát vui vẻ.

Một tiếng hô lớn "Hồ Chủ tịch muôn năm!". Tất cả hô theo và đổ dồn mắt về phía tiếng hô. Bác Hồ bước tới cùng mấy đồng chí cán bộ. Tất cả reo lên: "Bác Hồ! Bác Hồ!". Ai cũng chạy vội đến để được đứng cạnh Bác.

Bác niềm nở vẫy tay chào mọi người. Bác bảo mọi người đứng vòng tròn lại. Mọi con mắt đều chăm chăm nhìn vào Bác. Bác giản dị và cùng với đôi dép cao su, bộ quần áo nâu đã bạc. Tất cả lắng nghe Bác hỏi:

- Các cháu có thích nghe thơ không?



Sao Bác nói đúng tâm lý thanh niên thế? Cả đoàn người không ai bảo ai đều đồng thanh đáp:

- Thừa Bác, có ạ!

- Thế thì các cháu đi lấy bút mực để Bác đọc cho chép một bài thơ.

Cả đơn vị lại tản ra nhanh như kiến vỡ tổ. Và chỉ nháy mắt, mỗi người trở lại đều có đầy đủ bút, giấy trong tay. Lửa sáng thêm. Mọi người im phăng phắc. Bác cầm một tờ giấy đọc rất chậm và rõ:

*Không có việc gì khó,
Chỉ sợ lòng không bền,
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên.*

Có đồng chí chép chưa xong đã thốt lên:

- Hay quá, hay quá!

Bốn câu thơ đó cho đến nay và mãi mãi sau nay trở thành hướng phấn đấu của tất cả thanh niên Việt Nam¹.

IV

...

Sau chiến dịch Trung du, Đại đoàn chúng tôi mở hội nghị tổng kết và chuẩn bị cho nhiệm vụ mới.

1. "Bốn câu thơ lịch sử ra đời như thế đấy", trong tập *Chúng ta có Bác Hồ*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1970.



Bấy giờ đang giữa mùa xuân, hoa xoan rừng đang nở rộ. Đàn bướm như những cánh hoa biết bay, trang điểm cho những khóm cây khác. Chim họa mi hót trong trẻo cao vút. Nắng xuyên qua những vòm cây rừng, rớt xuống hàng quân. Những đồng chí ít chịu nắng, mồ hôi đã thấm qua lần áo mỏng.

Các đồng chí dự Hội nghị vẫn chăm chú nghe và ghi chép về bản tổng kết chiến dịch của đồng chí chính ủy. Nhưng phía cuối, vài đồng chí cứ nghiêng ngó, thì thào. Tôi toan quay lại nhắc họ giữ trật tự, thì một anh bạn như biết ý, ghé sát tai tôi thì thào:

- Bác sắp đến đấy!

- Sao cậu biết?

- Bác đến từ tối qua, làm việc với Bộ tư lệnh cả buổi sáng nay!

Tôi trở nên khó tập trung tư tưởng để nghe đồng chí chính ủy tổng kết, lòng tôi cứ rạo rực, xao xuyến.

Bỗng một tràng vỗ tay dài nổi lên. Anh bạn tôi nhanh nhẹn kéo tay tôi chạy lên phía trên, sát chỗ đồng chí chính ủy. Vừa đi, anh vừa bảo:

- Lên trên này sẽ được gần hơn...

Tiếng hô "nghiêm" của đồng chí Tư lệnh trảng vang lên. Chúng tôi vừa kịp ngồi nghiêm, thì một giọng sang sảng nhưng rất hiền đáp lại:

- Nghi, chú cho các chú bộ đội nghỉ!



Hàng trăm cặp mắt cùng nhìn vào Bác. Vẫn giọng vui vẻ nhưng nhỏ hơn. Bác nói:

- Các chú ngồi khéo nhé, không vắt nó cán đấy! Rừng nhiều vắt lắm!

Giọng nói của Bác thật là vui và ấm cúng. Bác bước tới khoảng đất trống trước mặt chúng tôi. Khoảng đất hẹp bỗng nhiên như rộng ra, vì mọi người đã nhẹ nhàng ngồi sát vào nhau để chung phần được gần Bác hơn.

...

Sau khi nghe đồng chí Tư lệnh trưởng báo cáo về tình hình hội nghị. Bác nói chuyện, Người mở đầu bằng một câu hỏi:

- Các chú có khoẻ không?
- Dạ khoẻ ạ.
- Hội nghị có kết quả không?
- Dạ, kết quả ạ!
- Kết quả như thế nào?

Câu hỏi thật bất ngờ! Nghĩ cũng khó trả lời. Tôi hồi hộp, vừa lo Bác chỉ đúng mình phải trả lời, nhưng lại mong sao được phát biểu. Mấy lần tôi toan giơ tay, rồi như có sức gì kéo xuống lại không giơ lên được.

Một đồng chí chính trị viên tiểu đoàn bạn, có dáng vẻ của một học sinh, đứng lên phát biểu. Được Bác đồng ý, đồng chí ấy nói:

- Thưa Bác, chúng cháu đã thống nhất nhận định đánh giá về thắng lợi của chiến dịch; thấy được ưu điểm,



khuyết điểm cùng những bài học về lãnh đạo chỉ huy; qua hội nghị này, chúng cháu tin tưởng vào đại đoàn có quyết tâm hơn trong chiến dịch sắp tới.

Bác tỏ ý bằng lòng. Người ra hiệu cho đồng chí đó ngồi xuống và nói với toàn thể hội nghị.

- Hôm nay Bác đến thăm đại đoàn thổ công...

Cả hội nghị đều ngạc nhiên, nhìn nhau rồi nhìn Bác. Bác giải thích:

- Gọi các chú là thổ công, vì các chú lấy tên là đại đoàn Sông Lô. Các chú sinh ra, lớn lên ở đó. Chú nào cũng thuộc sông Lô như thổ công thuộc bếp. Vì vậy, Bác gọi đại đoàn các chú là đại đoàn thổ công.

Chúng tôi cười theo Bác trong tiếng vỗ tay ran ran.

Sau khi nói về kết quả của chiến dịch Trung du, Bác nhắc tới đại đoàn chúng tôi:

- Bác bằng lòng về sự cố gắng của đại đoàn các chú. Vừa thành lập được năm ngày, đại đoàn các chú đã tham dự ngay chiến dịch và lập được nhiều thành tích...

Nghe những lời khen ngợi của Bác, trong lòng tôi sung sướng dạt dào. Tôi nghĩ đến những Xuân Trạch, Ba Huyện, Thiên Kế, Thanh Tân, Đạo Tú... Nghĩ đến chiến công của đại đoàn trên những mảnh đất ấy... Tôi càng thấm thía những nhận xét của Bác về những khuyết điểm trong chiến dịch, cũng như trong huấn luyện. Trước mắt tôi như hiện lên hình ảnh đồn Vàng. Đồn này chỉ có một



trung đội nghị binh, lô cốt kiểu cũ với năm hàng dây thép gai thôi, thế mà chính đơn vị trước đây đã chiến thắng rất vẻ vang ở chiến dịch biên giới, nay đánh trong hai đêm liền mà không tiêu diệt được nó. Tại sao vậy? Tôi ghi vào sổ tay những lời của Bác: "Trong chiến tranh, bệnh chủ quan, tự mãn, tác phong quan liêu, cũng nguy hiểm cần phải từ bỏ nó".

Bất giác, tôi ứa nước mắt khi nghe Bác nhắc đến hình ảnh người mẹ nuôi con biết bao khó nhọc và hy vọng con từng giờ, từng phút. Để bảo vệ Tổ quốc, người mẹ cho con đi chiến đấu, thầm mong giết giặc, lập công và bảo vệ được mình. Trách nhiệm của các chỉ huy, chính trị viên là tiếp tục nuôi dưỡng và thực hiện được nguyện vọng ấy. Muốn vậy lúc thường phải chăm lo huấn luyện cho bộ đội giỏi, khi đánh giặc phải có mưu trí, dũng cảm, chỉ huy cho khéo, làm sao chiến thắng được giặc, mà lại tiết kiệm được xương máu của nhân dân. Muốn làm tròn nhiệm vụ nặng nề của Đảng giao cho, mỗi cán bộ đều phải tự giác rèn sức học tập chính trị, rút kinh nghiệm trong chiến đấu. Phải biết tự phê bình và phê bình, để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm.

Sau khi nêu lên những nhiệm vụ trong chiến dịch mới, Bác còn dặn thêm mấy điểm cụ thể:

- Phải biết giữ vệ sinh, phòng bệnh cho các chiến sĩ. Phải coi trọng phòng gian, giữ bí mật. Phải xây dựng tư



thế, tác phong quân nhân cho khoẻ mạnh, cứng rắn, trang nghiêm nhưng lại khiêm tốn, giản dị.

Nói xong, Bác hỏi:

- Các chú có làm được không?

- Làm được ạ! - Chúng tôi đồng thanh trả lời.

Một đồng chí đứng lên xin phép Bác được thay mặt anh em phát biểu cảm tưởng.

Bác trìu mến ra hiệu cho đồng chí đó ngồi xuống và bảo:

- Các chú thật là hình thức! Ở đây hàng trăm chú, có hàng trăm cảm tưởng khác nhau, chưa bàn bạc trao đổi gì cả, làm sao chú làm đại diện được?

Tất cả đều cười. Bác trìu mến nhìn khắp hội nghị và nói thêm:

- Tiếc là thời gian có ít, bây giờ chúng ta về ăn cơm, đến tối, các chú đến nơi tập trung toàn đại biểu để Bác gặp mặt tất cả anh em. Chú nào có thắc mắc gì cứ viết thư cho Bác.

...

Cơm chiều xong, các cán bộ từ tiểu đoàn trở lên tập hợp tại hội trường để chuẩn bị theo Bác tới điểm mít-tinh. Trong lúc chờ đợi, các cán bộ cùng nhau ôn lại chuyện về Bác.

Tôi đang đứng riêng một nơi, suy nghĩ, thì một đồng chí lại gần bảo tôi:

- Này, thì ra đêm qua Bác thăm đại đoàn ở Tuyên Quang rồi đi một đêm tới đây đấy. Nghe các cậu ấy kể thì



Bác nói chuyện xong, anh em đại đoàn bạn đi theo Bác hàng chục cây số. Bác đứng lại bảo về nhiều lần, anh em vẫn cứ theo mãi tới bờ sông Chảy họ mới quay lại. Tình cảm của quần chúng đối với Bác có mãnh liệt không? Đại đoàn mình hôm nay cần rút kinh nghiệm. Làm sao quần chúng vẫn bộc lộ được tình cảm trước Bác, nhưng vẫn bảo đảm trật tự, đó mới là điều khó.

- Sao chiều nay chúng ta không đón Bác ở hội trường, mà lại vào mãi trong rừng sâu ấy? - Tôi hỏi đồng chí cán bộ tham mưu.

- Ý kiến của Bác đấy! Người bảo hội trường của chúng ta gần đường số hai quá, lại họp liền bốn, năm ngày rồi, đường ra vào cỏ đã chết nên dễ bị lộ. Vì vậy Bác bảo chuyển vị trí cuộc họp.

Chúng tôi đang trao đổi thì Bác và đồng chí trong Bộ tư lệnh đại đoàn bước ra. Đoàn cán bộ nhanh chóng nối theo. Tôi lại được may mắn đi gần Bác. Lúc này tôi mới để ý tới tầm cao của Bác. Bác người thanh thanh, mới nhìn tưởng không cao lắm nhưng đi sát mới thấy Bác cao. Bác bước rất dài, đoàn cán bộ phải rảo bước mới theo kịp.

Bác vừa đi vừa hỏi đồng chí Tư lệnh trưởng:

- Đây tới chỗ anh em bao xa?

- Dạ, trên năm cây số ạ.

Bác lấy chiếc đồng hồ quả quýt ra xem và nhắc:



- Bây giờ là năm giờ rưỡi, sáu giờ rưỡi sẽ đến nơi. Bác sẽ nói chuyện và vui với các chú đến tám giờ tối. Để các chú về nghỉ, sớm mai còn học tập kéo mệt.

- Dạ! - Đồng chí Tư lệnh trưởng đáp lời Bác.

...

Đã tới sáu giờ hai mươi. Núi rừng chuyển sang màu đen mờ mờ.

Ánh lửa trại đã bắt đầu bốc lên. Tiếng nứa nổ xa nghe như những pháo lệnh. Tiếng đồng ca của bộ đội vang dội cả núi rừng.

Bác quay lại hỏi:

- Ta sắp đến nơi rồi à?

- Vâng! - Đồng chí Tư lệnh trưởng đáp lời.

Bác hỏi:

- Đứng lại! Sửa quần áo cho gọn ghẽ rồi hãy vào.

Mọi người làm theo lời Bác, sửa sang lại quân phục. Bác chỉ huy cuộc hành quân, vừa đứng một giờ, theo quy định lúc đầu.

*

* *

...

Chúng tôi theo Bác vào địa điểm. Toàn đại đoàn đang đứng nghiêm thành hình chữ U.

Một tiếng hô "nghiêm" ngân vang, hàng ngàn đôi chân rạp lại đứng nghiêm (hồi ấy bộ đội đứng nghỉ theo



tư thế cũ). Tiếng bồng súng chào đồng loạt nghe đều và mạnh. Đồng chí trung đoàn trưởng, trực ban đại đoàn, tới báo cáo với Bác và xin chỉ thị. Bác ra lệnh cho bộ đội nghỉ. Người bước tới chiếc bàn, đứng nhìn khắp hàng quân một lượt rồi hỏi:

- Các chú đã trông rõ Bác chưa?
- Rõ ạ! - Tiếng đáp lại đồng thanh vang lên.

Chỉ một cử chỉ giản dị, gần gũi, với lời nói ấm áp, thân mật của Bác đã làm cho không khí trang nghiêm ban đầu của lễ nghi đón tiếp vị Chủ tịch nước, chuyển sang một cuộc gặp gỡ thân tình, ấm cúng giữa Bác và các con cháu.

Tiếng hô "Hồ Chủ tịch muôn năm" vang dội. Bác giao tay khoát nhẹ một cái, tất cả im lặng, cả hàng quân lúc này như chỉ còn lại những nụ cười, những cặp mắt rực ánh lửa như hàng vạn vì sao hướng về phía Bác.

Bác nói:

- Thay mặt Đảng, Chính phủ tôi thăm các chú và giao nhiệm vụ cho các chú...

Tùng đột vỗ tay vang lên.

Nhìn Bác trước ánh lửa trại, tôi say sưa theo dõi từng lời nói, cử chỉ, màu sắc. Bác vẫn thân mật, gần gũi, bình dị, nhưng đứng trước khung cảnh núi rừng hùng vĩ, thiêng liêng, trông Người kỳ diệu lạ thường. Ánh lửa khi rực rỡ, khi dịu dàng làm cho bộ quân phục màu xanh của



Bác lúc thì màu vàng sẫm, lúc chuyển sang màu vàng da cam. Mái tóc bạc của Bác lúc này trở nên màu tơ, trắng sáng. Ánh lửa càng tô thêm nước da hồng và cặp mắt sáng của Người. Đứng lên bàn, mỗi khi nói, cánh tay Bác giơ lên, trông càng cao lồng lộng. Giọng của Bác đã sang sắc lại ấm, nghe vừa thiết tha vừa hùng tráng. Mỗi khi Bác nói xong một điều, toàn đại đoàn lại cất tiếng hô "rõ" đồng nhịp vang xa.

Sau khi giao nhiệm vụ và động viên bộ đội chiến đấu trong chiến dịch sắp tới, Bác nói:

- Chiến dịch Trung du, các chú đã tiêu diệt được bốn tiểu đoàn, vậy chiến dịch tới, các chú định mức là bao nhiêu?

Hàng ngàn cánh tay giơ cao. Từ trong hàng quân về phía tay phải, một chiến sĩ dáng người xương xương bước ra:

- Thưa Bác, chiến dịch tới chúng cháu cũng sẽ tiêu diệt bốn tiểu đoàn của giặc, nhưng chắc chắn là sẽ diệt gọn hơn ạ.

Nghe câu hỏi của Bác, và câu trả lời của chiến sĩ vừa rồi tôi phân vân suy nghĩ: không biết là nên hứa với Bác sẽ tiêu diệt mấy tiểu đoàn? Sau chiến thắng Biên giới và Trung du, khí thế của quân ta đã lên cao. Hứa trước Bác là phải quyết tâm làm bằng được! Tôi nhìn hàng ngũ cán bộ xung quanh như để dò hỏi ý kiến quyết tâm của mình nên như thế nào? Song, tất cả các cán bộ vẫn đang



bị thu hút bởi không khí sôi nổi của các chiến sĩ khi được gặp Bác.

Chợt từ hàng quân phía trái, một chiến sĩ có tầm vóc to lớn, cao hơn hẳn mọi người một cái đầu, cất tiếng đĩnh đạc, rõ ràng như hô khẩu hiệu:

- Thưa Bác, chúng cháu xin hứa: chiến dịch trước đã tiêu diệt được bốn tiểu đoàn. Chiến dịch này phải lớn hơn, phải diệt nhiều hơn, cụ thể là: hai tiểu đoàn bằng công kiên, ba tiểu đoàn bằng đánh vận động ạ!

Nói xong đồng chí đó quay lại hỏi hàng quân trước mặt:

- Các đồng chí có đồng ý không?

- Đồng ý! Đồng ý! - Tiếng hô đáp lại tưởng chừng vỡ cả khu rừng, và tiếp theo là những tràng vỗ tay tán thưởng ý kiến đó.

... Một đồng chí tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn bạn đã ra khỏi hàng, nói giọng quyết tâm:

- Thưa Bác, sau những trận thua đau trong hai chiến dịch vừa qua, giặc Pháp cũng rút ra được những bài học mới về cách đánh của ta. Trong chiến dịch mới, chúng lại dựa vào hệ thống công sự kiểu mới, phát huy được ưu thế của chúng về phi pháo, do đó ta cũng có nhiều khó khăn mới. Nhiệm vụ chúng cháu lại là đánh công kiên nhiều, nên xin hứa với Bác trong chiến dịch này, chúng cháu sẽ diệt hai tiểu đoàn giặc, còn hơn nữa, đề nghị Bác có thưởng.



Bác kết luận:

- Nếu tiêu diệt sáu hay bảy tiểu đoàn giặc trong một chiến dịch, sau này các chú đạt được. Chiến dịch tới, đề ra hai tiểu đoàn giặc thì hơi thấp, nhưng đây là mức tối thiểu, các chú phải phấn đấu hơn nữa.

Từ đồng chí Tư lệnh trưởng, chính ủy tới các chiến sĩ đều giơ cao cánh tay và hô: "Quyết tâm! Quyết tâm!".

Bác vui vẻ hỏi thêm các chiến sĩ:

- Các chú còn có điều gì thắc mắc không?

Hàng quân im lặng, ngắm Bác như để ghi sâu hình ảnh của Người vào trái tim mình.

Bác lại hỏi:

- Còn có điều gì thắc mắc, các chú cứ hỏi.

Một đồng chí có nước da đen xám bước ra ngập ngừng:

- Cháu xin trình bày... - Đồng chí chiến sĩ ngừng lại, vẻ hơi lúng túng.

Bác khuyến khích:

- Chú cứ nói đi!

- Thưa Bác, chúng ta đánh thực dân Pháp đã sáu, bảy năm rồi, đó cũng là giúp đỡ thiết thực cho giai cấp công nhân Pháp, cho các dân tộc thuộc địa anh em chống kẻ thù chung. Sao các anh em công nhân Pháp, các dân tộc thuộc địa của Pháp không nhân dịp này mà nổi dậy phối hợp lại cùng ta? Hay ít ra thì cũng không để một viên đạn, tên lính nào tiếp viện cho chiến trường Đông Dương mới



phải chứ? Không rõ anh em bên ấy có biết máu chúng ta đang chảy không?

Bác chăm chú lắng nghe, rồi chậm rãi trả lời:

- Chú có ý thức mong giai cấp công nhân Pháp, công nhân các dân tộc thuộc địa cùng phối hợp hành động như vậy là rất tốt. Nhưng cách mạng muốn nổ ra phải có điều kiện. Ví như nước ta, bảy tám chục năm bị đế quốc Pháp thống trị, mãi tới Cách mạng Tháng Tám mới đứng dậy được.

Tiếp đó, Bác giải thích về sự ủng hộ của giai cấp công nhân Pháp do Đảng Cộng sản Pháp lãnh đạo, cùng phong trào các dân tộc thuộc địa Pháp ủng hộ cuộc kháng chiến của ta như thế nào, tác dụng to lớn với kháng chiến ra sao.

Nghe Bác kể chuyện công nhân bến tàu Ôrăng thà nhịn đói, bị mất việc làm, chứ không chịu khuân vác vũ khí cho Pháp xuống tàu để giết hại anh em Việt Nam. Những chuyện phản chiến của Hăngri Máctanh, của Raymông Diêng... Tôi càng khắc sâu những lời dạy của Người.

Bác vừa dứt lời, một chiến sĩ có giọng nói - đặc giọng Thái Bình, bước lên hỏi:

- Thừa Bác, sao Bác không cho chúng cháu giải phóng đồng bằng, mà chỉ cho chúng cháu giải phóng rừng núi?

Bác hỏi lại:

- Sao chú không xin giải phóng Thủ đô?

- Dạ, chưa thể đánh được ạ!



Tiếng cười, tiếng hoan hô sôi nổi hẳn lên.

Chợt có một chiến sĩ khoác ngang người một khẩu tiểu liên, tay cầm dây đeo, tay giữ báng súng, chạy lại gần Bác. Tới nơi, chiến sĩ đó cố nén cảm động với lời tha thiết hỏi:

- Bác ơi! Sao Chính phủ ta không mua máy bay? Nếu ta có máy bay thì nhân dân đỡ tốn xương máu nhiều lắm - đồng chí đó dừng lại, như cố giữ cho trái tim khỏi đập mạnh, rồi nói tiếp - cháu đã dùng trung liên bắn nó nhiều lần, nhưng kết quả chưa được như ý. Cháu nghĩ, nếu ta có máy bay thì một tiểu đoàn của chúng cháu đủ sức tiêu diệt một trung đoàn quân đội Pháp.

Ánh lửa soi rõ nếp nhăn trên vầng trán mệnh mông của Người. Bác trả lời:

- Đảng và Chính phủ rất hiểu sự mong muốn của các chú. Nhưng kinh tế của ta còn nghèo, kỹ thuật của chúng ta còn thấp; tình hình chung để chúng ta sử dụng máy bay đánh giặc cũng chưa lợi. Các chú trước kia chỉ có gậy tầm vông, mã tấu, nay đã có đại bác, trung liên. Rồi đây nhân dân ta cố gắng, các chú cũng cố gắng chiến thắng ngày một nhiều, thì mọi trang bị của giặc sẽ là của ta.

Từng đợt vỗ tay hoan hô lại nổi lên như sóng cuộn.

Bác lại khoác tay để tất cả im lặng rồi hỏi:

- Các chú còn thắc mắc gì nữa không?

- Hết ạ!



Nhiều chiến sĩ reo lên, đồng thanh trả lời như muốn báo cáo với Bác rằng, tất cả đều đã thông suốt, giờ đây chỉ chờ lệnh Bác là lên đường¹.

*

* *

...

Đất nước trải qua mấy chục năm khói lửa (tính từ khi Nhật chiếm Việt Nam) giờ đây, ngọn cờ hoà bình phấp phới tung bay trên khắp cõi Việt Nam. Vui mừng trước thắng lợi mới nhưng thật tình trong lòng vẫn còn phân vân: "Sau quả đấm sắt Điện Biên Phủ, đế quốc Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, nhưng bọn can thiệp Mỹ có chịu ký đâu? Liệu chúng có cam tâm thất bại, thi hành mọi điều khoản đã ký, hay sẽ diễn lại cái trò bội ước như Hiệp định 6-3-1946...". Những thắc mắc ấy cứ lớn vồn trong đơn vị, làm cho không khí phấn khởi có phần bị hạn chế. Mặc dù vậy, bữa chiều hôm ấy chúng tôi cũng tập trung toàn đoàn để giải đáp về Hiệp định Giơnevơ và động viên cán bộ, chiến sĩ trong đoàn chuẩn bị công tác bảo vệ Trung ương về Thủ đô.

Lên lớp xong, tôi và đồng chí đoàn trưởng đang cùng bàn bạc thì đồng chí liên lạc vừa thở, vừa chạy đến báo cáo:

1. Xem "Giữa rừng Chân Mộng", trong *Theo Bác đi chiến dịch*, Sđd.



- Bác đến! Bác cưỡi ngựa đang qua suối.

Chúng tôi vội báo cho đồng chí cán bộ tham mưu tập hợp toàn đoàn vào hội trường. Đồng chí đoàn trưởng gọi đồng chí quân lực đến, để hỏi kỹ về quân số, vũ khí. Khi đã ghi xong, đồng chí khoan khoái bảo tôi:

- Kinh nghiệm là Bác hay hỏi đột kích lắm, phải chuẩn bị thật kỹ.

...

Đồng chí đoàn trưởng kéo tay tôi chạy ra đón Bác, vừa chạy, đồng chí ấy vừa dặn:

- Hễ tôi hô "nghiêm" xong là đồng chí giới thiệu ngay nhé. Và sau khi Bác nói chuyện thì đồng chí thay mặt toàn đoàn phát biểu cảm tưởng.

Chúng tôi nhìn ra đã thấy Bác cưỡi ngựa vượt qua tràn ruộng trồng và đang lên ngang sườn đồi. Chúng tôi vội vã chạy lại với Bác. Từ trên mình ngựa nhảy xuống, Bác vừa kéo khăn mặt lên vai lau mồ hôi, vừa hỏi:

- Các chú ở đây à?

Chúng tôi chưa kịp trả lời, Bác đã hỏi tiếp:

- Bác muốn gặp đơn vị, có tiện không?

- Dạ thưa Bác, cả đơn vị vừa tập trung lên lớp.

- Tốt, các chú đang học gì đấy?

- Dạ, giải đáp về Hiệp định Giơnevơ.

Bác nhìn sang đồng chí đoàn trưởng:

- Đơn vị tập trung đầy đủ không chú?

Đồng chí đoàn trưởng báo cáo quân số, Bác lại hỏi:

- Các chú nuôi quân có mặt không?



- Thưa Bác, có một số ạ!

- Đơn vị chú có bao nhiêu đảng viên?

Đồng chí đoàn trưởng bắt đầu lúng túng.

Bác vẫn hỏi đồng chí đoàn trưởng:

- Tinh thần anh em thế nào?

- Dạ, anh em phấn khởi lắm ạ!

- Phấn khởi thế nào?

Đồng chí trưởng đoàn lại im lặng. Bác quay lại hỏi tôi:

- Vũ khí ra sao, chú?

Tôi thấy nóng ran khắp người, nhưng may được Bác bỏ qua. Nghe báo cáo xong Người bảo chúng tôi dẫn Người vào hội trường.

Đồng chí Thuận chưa kịp hô nghiêm, thoáng thấy Bác bước vào, các chiến sĩ đã đứng dậy vỗ tay hò reo. Tiếng vỗ tay, tiếng hoan hô "Hồ Chủ tịch muôn năm" vang vọng tới những dãy núi gần xa và tiếng dội lại nghe như sấm rền.

Bác giờ tay khoát một cái, cả hội trường trở lại im lặng. Những đồng chí ngồi sau ngھn cổ để cổ nhìn Bác được rõ hơn.

... Chờ cho trật tự đã ổn định, Bác đưa tấm bản đồ Đông Dương bảo tôi treo lên phía trước sân khấu của hội trường. Chờ tôi treo xong, Bác đi xuống cuối hội trường để nhìn lên xem có rõ không. Khi Bác đi, anh em toàn hội trường nhìn theo Bác giống như những mũi kim chuyển theo viên nam châm. Tới cuối hội trường, Bác nhìn lên hỏi:



- Các chú trông thấy rõ chứ?

Cả hội trường đồng thanh hô "rõ".

Bác đi lên phía bản đồ. Người dùng que nửa nhỏ làm thước để chỉ bản đồ và hỏi:

- Bác nói các chú nghe có rõ không?

- Dạ, rõ ạ!

- Hôm nay, Bác nói chuyện về ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định Gionevo.

- Tiếng vỗ tay lại rền vang.

- Thời gian ít Bác nói chuyện chỉ có hơn hai giờ, không nên vỗ tay nhiều.

Nói xong Bác chỉ đồng chí Tiểu đội trưởng Phúc, hỏi:

- Chú có biết Gionevo ở đâu không?

Đồng chí Phúc đứng dậy, lo quá, mồ hôi đổ ra lâm râm trên trán. Nhiều đồng chí cũng lo ngại, sợ bị hỏi. Những đồng chí biết thì mỉm cười.

Bác giục đồng chí Phúc;

- Trả lời đi chú!

Phúc đành nói:

- Thưa Bác, Gionevo ở bên Pháp ạ!

Tất cả cười ầm lên.

Tùng, văn thư, đứng dậy nói đỡ:

- Thưa Bác, ở Thụy Sĩ ạ!

Bác gật đầu rồi hỏi tiếp:

- Đến đó chừng bao nhiêu cây số?

Cả hội trường ngơ ngác. Bác quay về phía chúng tôi, hỏi:

- Chú đoàn trưởng đâu?



Đồng chí đoàn trưởng chưa đứng lên kịp, Bác giải thích:

- Gionevơ là một thành phố của Thụy Sĩ. Nước đó ở gần nước Pháp. Ở đó là một nơi thắng cảnh của châu Âu và thường là nơi gặp gỡ của những nhà chính trị, kinh tế thế giới. Đường từ đây tới đó chừng 18.000 km.

Rồi Bác gọi tôi lại gần khẽ bảo:

- Anh em không hiểu những vấn đề đó, thì không thể hiểu được nội dung những điểm lớn.

Nói xong, Bác hỏi anh em ở những hàng ghế đầu!

- Các chú nghĩ thế nào?

Anh em nhìn nhau suy nghĩ về câu hỏi của Bác.

Bác cười rồi nói:

- Rồi đây các chú phải chú ý học văn hóa mới được.

Bác bắt đầu nói chuyện về Hiệp nghị Gionevơ. Sau khi giải thích tình hình, Người đi thẳng vào những vấn đề mà lâu nay chúng tôi đang phân vân, thắc mắc.

- Các chú sợ rồi đây Pháp phản bội, hoặc Mỹ xúi giục bọn tay sai gây lại chiến tranh phải không? Đế quốc thì bao giờ cũng muốn chiếm cả nước ta, nhưng vì ta mạnh nên chúng bắt buộc phải cùng ta ký hiệp định. Pháp đã thua rồi, trước sau nó sẽ rút thôi. Kẻ thù chính của nhân dân ta bây giờ là đế quốc Mỹ! Nếu quân và dân ta tiếp tục phát huy truyền thống đấu tranh anh dũng, nhất trí một lòng, Đảng và Chính phủ ta lãnh đạo khỏe thì đế quốc Mỹ dù có tham vọng mấy ta cũng không sợ!



Những lời Bác dạy giản dị, rõ ràng làm chúng tôi vô cùng thấm thía. Nhớ lại lời Bác, tôi càng thấy rõ nhận định của Người thật là sáng suốt.

Sau khi giải thích kỹ tình hình và nhiệm vụ mới, Bác hỏi:

- Các chú còn thắc mắc gì nữa không?

Anh em đồng thanh:

- Thừa Bác, hết ạ!

- Hết thì phải thực lòng tin tưởng mới được. Một số các chú chỉ thích đánh, như vậy không tính kỹ lợi hại. Một số các chú lại tưởng như ký Hiệp định rồi là Tây, Mỹ rút hết về nước. Suy nghĩ như vậy cũng không đúng với thực tế. Làm cách mạng phải thấy, phải hiểu thực tế, phải tính đến sự biến của tình hình mới được.

Thấy Người nói trúng tâm lý mình, anh em bấm nhau cười khúc khích. Bác nói tiếp:

- Bây giờ bộ đội các chú phải thực hiện đúng đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ, thi hành đúng Hiệp định Giơnevơ, ngừng bắn, tập kết, chuyển quân đúng hạn. Chiến trường ta rộng, liên lạc khó khăn, nếu các chú bộ đội làm đúng được chỉ thị của Đảng và Chính phủ là một thành tích rất tốt.

Nghiêm nghị nhìn chúng tôi một lượt, Bác lại hỏi:

- Hoà bình lập lại, nhiệm vụ các chú sẽ làm gì?

Đồng chí Tân, cán bộ đại đội, đáp:

- Thừa Bác, bộ đội chúng cháu phải tiếp tục cùng nhân dân trừ gian, tiêu phi, sản xuất và tích cực học tập quân



sự, chính trị, văn hóa. Riêng đoàn chúng cháu có nhiệm vụ bảo vệ Trung ương Đảng, Chính phủ tại Hà Nội ạ.

Bác gật đầu:

- Chú nói đúng, nhưng chưa đủ. Các chú còn phải cùng nhân dân đấu tranh thực hiện cải cách ruộng đất, tăng gia, chống đói, chống lụt. Phải ra sức xây dựng quân đội lớn mạnh bằng cách học tập chính trị, quân sự, văn hóa cho giỏi và sẵn sàng chiến đấu. Phải đề phòng mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ địch.

Sau khi giải thích cặn kẽ về Hiệp định Giơnevơ, Bác lại hỏi một lần nữa:

- Các chú còn thắc mắc nữa không?

Đồng chí Thuận đứng dậy, được Bác cho phép, liền hỏi:

- Thưa Bác, cháu thấy đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ vẫn còn nhiều điều kiện hoạt động ở Campuchia và ở Lào. Phong trào đấu tranh chống đế quốc của anh em ta ở bên đó rồi sẽ ra sao ạ?

Bác lắng nghe câu hỏi. Người thấy cán bộ, chiến sĩ của đoàn đều đồng tình với câu hỏi đó và đang chờ đợi Bác chỉ bảo. Cặp mắt của Người lộ rõ niềm vui. Im lặng một lúc, Bác dịu dàng trả lời:

- Các chú đừng lo, nước lên thì thuyền lên...

... Kim đồng hồ đã chỉ năm giờ. Ánh mặt trời còn vương lại những tia nắng nhẹ. Đợt máy bay B.26 của giặc đi sục sạo lượn qua ngay trên nóc hội trường làm cho lá rừng chuyển rào rào. Chờ cho bớt tiếng động, Bác nói:

- Cho nó bay hết ngày hôm nay!



- Thừa Bác chắc nó tiếc lắm! Một chiến sĩ ngồi hàng ghế trên, đánh bạo nói.

- Nhân dân ta và các chú không cho, thì dù nó có tiếc cũng chẳng làm gì được!

Rồi Bác hỏi:

- Các chú có biết hát không?

- Có, có ạ! - Toàn đoàn thi nhau trả lời Bác.

- Bác bắt nhịp cho các chú hát nhé! Một, hai, ba!

Cả hội trường vang lên tiếng hát. Bác lẹ làng ra khỏi hội trường.

Chúng tôi theo tiễn Bác. Người cầm tay chúng tôi dặn:

- Phải giáo dục cho anh em thông suốt đường lối đấu tranh mới, hiểu biết nhiệm vụ mới, như trước kia đã giáo dục về trường kỳ kháng chiến...¹.

*

* *

Sau cuộc hành quân từ Việt Bắc xuôi về tập kết ở vùng ngoại vi Thủ đô Hà Nội, toàn đại đoàn vừa tấp nập bắt tay vào công tác chuẩn bị tiếp quản thì một số cán bộ từ đại đội trở lên được triệu tập đi họp gấp. Tuy chưa biết là sẽ đi đâu, nhưng căn cứ vào tình hình chung, ai nấy đều cảm thấy có một cái gì quan trọng đặc biệt sắp đến với mình. Mọi người vội đáp xe ô tô ngược lên Sơn Tây, qua bến

1. Xem: "Chúng tôi đi đón Bác", trong *Theo Bác đi chiến dịch*, *Sđd*.



Trung Hà, rồi đi mãi về phía Việt Trì. Cuối cùng đoàn xe dừng lại ở dưới chân đền Hùng thuộc huyện Lâm Thao (Phú Thọ). Ngôi đền lịch sử, cổ kính ấy xây trên một ngọn núi nhỏ, phía sau là rừng cây xanh tốt, phía trước là núi đồi nhấp nhô trải rộng ra hùng vĩ, trầm mặc tuyệt đẹp. Phong cảnh ấy, ngôi đền lịch sử ấy làm cho mọi người khi bước chân tới đều xốn xang biết bao ý nghĩa sâu lắng, tự hào về nòi giống, đất nước. Vừa xuống xe, các cán bộ đã thấy đồng chí đại đoàn trưởng tươi cười đứng đón và nhanh nhẹn dẫn anh em lên núi.

Trèo được chừng hơn trăm bậc gạch chữ chi, mọi người ngược mắt nhìn lên hành lang đền giữa bỗng thoáng thấy một cụ già quắc thước đang vui vẻ vẫy gọi:

- Các chú đã đến đây à? Nhanh lên chứ!
- Bác! Bác... Đúng là Bác rồi!
- Hồ Chủ tịch muôn năm!

Mọi người sung sướng hò reo, chạy vội lên đền.

Thật bất ngờ, không ai có thể nghĩ rằng mình lại được đến gặp Bác ở đây. Bác vẫn giản dị trong bộ quần áo nâu, chiếc khăn mặt bông trắng quàng cổ và đôi dép cao su đen. Khi cách mạng gặp bước khó khăn cũng như khi cách mạng thắng lợi, bao giờ Bác cũng giản dị và mộc mạc như thế. Nhưng có khác là lần này trông Bác khỏe và vui hơn hẳn mọi khi. Bác vừa trèo hàng trăm bậc lên núi, nhưng sắc mặt vẫn hồng hào và phong thái vẫn ung dung. Bác vừa hỏi: "Các chú có mệt không?". Mọi người thưa: "Thưa Bác, không ạ!".



Theo hiệu lệnh của Bác, mọi cán bộ đều nhất loạt ngồi cả xuống bậc thềm, xúm quanh lấy Bác. Mở đầu câu chuyện, Bác chỉ tay lên đèn, thân mật hỏi:

- Các chú có biết đây là nơi nào không? Đây chính là đèn thờ vua Hùng, tổ tiên chúng ta. Bác cháu ta gặp nhau ở đây tuy tình cờ nhưng lại rất có ý nghĩa. Ngày xưa, các vua Hùng có công dựng nước, ngày nay, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước. Trải qua bao nhiêu thời đại đấu tranh, ông cha ta mới giữ được Thủ đô. Tám, chín năm nay, do quân dân ta kiên quyết kháng chiến nên mới có thắng lợi trở về Hà Nội. Vì thế, các chú được Trung ương và Chính phủ giao cho nhiệm vụ tiếp quản Thủ đô là nhận được một vinh dự rất lớn.

Mọi người cảm động ngồi im phăng phắc. Bác lại nói tiếp về sự quan tâm của Đảng và Chính phủ đối với nhiệm vụ của đại đoàn lần này. Bác ân cần dặn cán bộ và chiến sĩ khi vào tiếp quản phải hết sức đề phòng những âm mưu mà kẻ thù của hòa bình sẽ dùng để phá hoại hàng ngũ của chúng ta. Bác dặn mọi người luôn luôn giữ gìn phẩm chất cách mạng. Cán bộ phải sống gương mẫu và giản dị. Bộ đội phải giữ kỷ luật nghiêm chỉnh. Nếu ai cũng giữ vững lập trường cách mạng và làm đúng chính sách thì không sợ một kẻ thù nào cả.

Sau đó Bác nhắc nhở: "Quân đội ta không được vì hòa bình mà lo ngại tay súng, còn đế quốc trên thế giới thì còn phải xây dựng quân đội mạnh mẽ". Ai nấy đều nhớ



mãi lời khuyến khích, dặn dò ân cần của Bác lúc câu chuyện kết thúc:

- Đồng bào Hà Nội mong chờ các chú từ ngày các chú ra đi, nay đang mong chờ sao vàng, chờ đợi hoan hô các chú. Hãy xứng đáng với vinh dự đó, trách nhiệm đó.

Vô cùng phấn khởi, mọi người đứng vội cả dậy, xúm xít quanh Bác hô lớn: "Hồ Chủ tịch muôn năm", "Chúc Bác vui khỏe, sống lâu!". Bác cười hiền hậu: "Được, muốn Bác vui vẻ sống lâu, các chú hãy làm đúng lời Bác dặn".

Nói rồi, Bác thân mật vẫy tay chào mọi người và nhanh nhẹn bước từng bước vững chắc ra về. Ai nấy sung sướng vỗ tay ran và đứng trông theo Bác mãi cho tới khi xe Bác đi khuất hẳn...¹.

1. Xem: *Đại đoàn quân Tiên phong*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, t.2.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời giới thiệu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp</i>	7
Hành trang ra đi tìm đường cứu nước của Bác Hồ	
<i>Phạm Văn Đồng</i>	9
- Phần I: Đường Bác Hồ đi cứu nước	15
- Phần II: Theo Bác Hồ đi kháng chiến	377

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. NGUYỄN MINH

Biên tập nội dung: ThS. BÙI ÁNH HỒNG
PHẠM THỊ HUỆ
Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG
Chế bản vi tính: PHẠM THU HÀ
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: ÁNH HỒNG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT - 12/86 phố Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

TRẦN DÂN TIÊN

- Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch

T. LAN

- Vừa đi đường vừa kể chuyện

ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP

- Những chặng đường lịch sử



8935211175792



ISBN: 978-604-57-1444-7

9 786045 714447

Giá: 135.000đ